VĂN KIỆN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ
CHÍNH TRỊ BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG
SẢN VIỆT NAM, SỐ 25-QĐ/TW,
NGÀY 3 THÁNG 2 NĂM 1997

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

TRƯƠNG TẤN SANG	Chủ tịch Hội đồng
PHAN DIỄN	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Uỷ viên
NGUYỄN HỮU THỌ	"
NGUYỄN DUY QUÝ	"
HÀ ĐĂNG	"
ĐẶNG XUÂN KỲ	"
LÊ HAI	"
NGÔ VĂN DỤ	"
LÊ QUANG THƯỞNG	"
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM	"
VŨ HỮU NGOẠN	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH THÚC HUỲNH	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

HÀ ĐĂNG	Trưởng ban
VŨ HỮU NGOẠN	Thường trực
NGÔ VĂN DỤ	Thành viên
TRỊNH THÚC HUỲNH	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH NHU	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 54

PHẠM THỊ VỊNH (Chủ biên)
TRẦN THỊ BÍCH
NGUYỄN THỊ NẾT

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIỆN ĐẢNG

TOÀN TẬP

TẬP 54

1995

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2007

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 54

Năm 1995 là năm thứ năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và chuẩn bị Đại hội lần thứ VIII của Đảng.

Trong bốn năm 1991-1994, sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo tiếp tục đạt nhiều kết quả, kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, các lĩnh vực của đời sống xã hội có chuyển biến tích cực, năng lực lãnh đạo và uy tín của Đảng được tăng cường. Thành tựu đạt được là tương đối toàn diện, nước ta đứng trước thời cơ lớn, đồng thời cả những thách thức không nhỏ.

Yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đòi hỏi phải xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, bài trừ quan liêu, tham nhũng, giữ vững và phát huy bản chất cách mạng của Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Về lĩnh vực tư tưởng và lý luận, sự sụp đổ của Liên Xô và hàng loạt nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu những năm 90 đã tác động lớn đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên.

Nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách đặt ra, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương họp từ ngày 16 đến ngày 23-1-1995 đã bàn và ra nghị quyết về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với nội dung cơ bản là: đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, cải cách một bước nền hành chính, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và đặc biệt phải phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân. Hội nghị cũng đã

thảo luận và giao cho Bộ Chính trị ra nghị quyết *Về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng, lý luận hiện nay*.

Cùng với việc lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1995, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng đã tích cực chỉ đạo các công việc chuẩn bị cho Đại hội VIII. Hội nghị Trung ương bất thường (tháng 3-1995) và Hội nghị Trung ương 9 (tháng 11-1995) đã bàn và chuẩn bị các văn kiện, nhân sự đại hội, đồng thời thống nhất phương hướng chỉ đạo đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng.

Với 64 tài liệu, gồm các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông báo, quyết định, *Văn kiện Đảng Toàn tập,* tập 54 phản ánh khá đầy đủ sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề quan trọng của đất nước và của Đảng trong năm 1995.

Mặc dù chúng tôi đã có nhiều cố gắng trong công tác biên tập, song khó tránh khỏi thiếu sót. Mong nhận được sự đóng góp của bạn đọc để lần xuất bản sau được tốt hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 7 năm 2007

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VII*

Ngày 16 tháng 1 năm 1995

Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí,

Tại hội nghị lần này, Ban Chấp hành Trung ương sẽ bàn và quyết định mấy vấn đề sau đây:

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cải cách một bước nền hành chính nhà nước.

- Một số định hướng lớn về công tác tư tưởng - lý luận trong tình hình hiện nay.

Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng và hăng hái thực hiện, đã thu được những thành tựu rất quan trọng. Bộ mặt đất

---

* Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) họp từ ngày 16 đến ngày 23-1-1995 *(B.T)*.

nước có nhiều thay đổi, tạo tiền đề đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước như Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII đã đề ra.

Trong khi lấy phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm, được cụ thể hoá bằng các Nghị quyết Trung ương 2, Trung ương 5 và Trung ương 7, Ban Chấp hành Trung ương cũng đã bàn và quyết định nhiều vấn đề quan trọng khác. Hội nghị Trung ương 3 đã ra các nghị quyết về quốc phòng, an ninh, về đối ngoại, về đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Hội nghị Trung ương 4 về chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, với tư cách vừa là động lực, vừa là mục tiêu của cách mạng. Nghị quyết hội nghị lần này cùng với Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, các nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị là những bộ phận hợp thành hết sức quan trọng về đổi mới chính trị, thúc đẩy kinh tế và xã hội phát triển nhanh và vững chắc, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Với nội dung của Hội nghị Trung ương 8, có thể nói Ban Chấp hành Trung ương khoá VII đã hoàn thành nhiệm vụ cụ thể hoá một bước Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội mà Đại hội VII đã thông qua, chuẩn bị tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII vào năm 1996.

Phát huy kinh nghiệm tốt từ các kỳ Hội nghị Trung ương trước, Ban Bí thư đã tổ chức thu thập rộng rãi ý kiến của các cấp uỷ và cán bộ các ngành, địa phương trong cả nước, của các đồng chí lão thành, các nhà khoa học và các đoàn thể nhân dân đóng góp vào dự thảo đề án lần này. Nhiều ý kiến đã được bổ sung vào báo cáo của Bộ Chính trị trình ra Hội

nghị Trung ương. Tôi không nhắc lại nội dung các báo cáo đó mà chỉ xin nhấn mạnh thêm một số điểm sau đây.

Thưa các đồng chí,

V.I.Lênin đã nói: vấn đề chính quyền là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Lý luận và thực tiễn đều khẳng định: giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền còn khó hơn.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt và hết sức nhạy bén của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã chớp thời cơ, nhất tề đứng dậy khởi nghĩa trong toàn quốc, làm cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đánh đổ ách thống trị của phátxít, thực dân, phong kiến, giành chính quyền, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

Ngay sau đó, khi Nhà nước ta mới tròn một tuổi, nhân dân Việt Nam đã phải tiến hành cuộc kháng chiến cứu nước suốt mấy chục năm ròng, chịu đựng biết bao tổn thất, hy sinh, với ý chí sắt đá "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" để đi đến thắng lợi vẻ vang, giành độc lập hoàn toàn, thống nhất Tổ quốc, thiết lập chính quyền trong cả nước, tạo điều kiện tập trung khả năng, trí tuệ của toàn dân vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy, Đảng ta đã có nửa thế kỷ lãnh đạo chính quyền, Nhà nước ta đã có kinh nghiệm 50 năm quản lý đất nước. Bên cạnh những thành công do có đường lối, chủ trương đúng đắn và sáng tạo, cũng có lúc, có việc mắc khuyết điểm, sai lầm. Điều quan trọng nhất là Đảng và Nhà nước ta sớm nhận ra và quyết tâm khắc phục, kịp thời rút những bài học kinh nghiệm để đưa cách mạng tiếp tục tiến lên.

Mấy năm gần đây, trong khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và một loạt nước Đông Âu sụp đổ, đảng cộng sản tại các nước đó mất quyền lãnh đạo sau nhiều năm chiến đấu hy sinh gian khổ để giành và giữ chính quyền, thì nước ta mặc dù đang trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, bị cắt đột ngột nguồn viện trợ, mất thị trường truyền thống, bị bao vây cấm vận và bị phá hoại trên nhiều mặt, song chúng ta chẳng những vẫn đứng vững mà còn tiếp tục tiến lên, đạt những thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực.

Chúng ta cần làm rõ nguyên nhân, rút ra những bài học cần thiết để xây dựng Nhà nước ta thật vững mạnh, mãi mãi là chính quyền của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, để tổ chức, động viên nhân dân ra sức phấn đấu vì mục tiêu *độc lập dân tộc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh,* xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Để đạt mục đích cao cả trên đây, hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình trong giai đoạn mới, Đảng ta cần lãnh đạo làm tốt những việc sau đây:

Trước hết, phải vững vàng, kiên định, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa thì cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam". Đảng ta luôn luôn khẳng định tầm quan trọng của công tác tư tưởng - lý luận. Trong mọi giai đoạn cách mạng nó đều quan trọng. Ở thời điểm hiện nay, nó lại càng quan trọng. Tư tưởng và lý luận đúng

không những làm cho toàn đảng, toàn dân vững tin ở tương lai, kiên trì lý tưởng, mục tiêu đã chọn, mà còn giúp tìm ra những giải pháp đúng đắn để biến lý tưởng, mục tiêu thành hiện thực.

Lý tưởng, mục tiêu đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, sự lựa chọn duy nhất đúng đắn đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu trong *Chính cương vắn tắt* và được đề ra trong *Luận cương chính trị* năm 1930 của Đảng, được thử thách và kiểm nghiệm bằng thực tiễn đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng hơn sáu thập kỷ qua. Với hoàn cảnh lịch sử của nước ta, chỉ có độc lập dân tộc mới tạo điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội, và chỉ có xây dựng chủ nghĩa xã hội thì mới thực sự có độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Trong nhận thức và hành động, phải luôn luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, kiên định vai trò lãnh đạo của Đảng, coi đó là những vấn đề có tính nguyên tắc không thể lay chuyển. Đồng thời, cuộc cách mạng ở nước ta trong giai đoạn hiện nay đang đặt ra nhiều vấn đề rất bức xúc và mới mẻ, chưa hề có tiền lệ, đòi hỏi phải vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, vừa học hỏi, tìm tòi, sáng tạo. Vì vậy, trong khi kiên trì những nguyên tắc trên đây, chúng ta phải mở rộng việc tiếp tục nghiên cứu, thảo luận với tinh thần xây dựng để làm sáng tỏ căn cứ khoa học và thực tiễn của nhiều vấn đề lý luận đang được đặt ra nhằm tăng cường sự nhất trí về tư tưởng trong Đảng và sự thống nhất về chính trị, tinh thần trong xã hội, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đấu tranh chống lại những luận điệu

phản động và xuyên tạc; bổ sung và phát triển đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, xác định cách làm, bước đi phù hợp để đưa sự nghiệp đổi mới đến thắng lợi.

Hai là, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực và hiệu quả. Nhà nước có nhiệm vụ thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và tổ chức tốt việc thực hiện: phát triển kinh tế, chăm lo các vấn đề xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, tiến hành đường lối đối ngoại rộng mở, quản lý, điều hành thông suốt mọi công việc quốc gia.

Nhà nước ta mang bản chất giai cấp công nhân, quán triệt tư tưởng, quan điểm của giai cấp công nhân từ pháp luật, cơ chế, chính sách đến tổ chức hoạt động của mình. Đồng thời, nhà nước đó cũng mang tính dân tộc, tính nhân dân sâu sắc. Đó là *Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.*

Bác Hồ đã chỉ rõ nước ta là một nước dân là chủ và dân làm chủ, dân chủ với nhân dân và chuyên chính với các thế lực thù địch chống lại Tổ quốc, chống lại nhân dân. Trên thực tế, Người đã thiết lập một chính quyền mạnh mẽ, sáng suốt của nhân dân như *Hiến pháp 1946* đã ghi. Đó là một nhà nước mà mọi quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân; bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân; công việc đổi mới, kháng chiến, kiến quốc là việc của dân; chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra, đoàn thể từ Trung ương đến xã do nhân dân tổ chức nên; Đảng Cộng sản là người lãnh đạo, còn sự nghiệp cách mạng có thắng lợi hay không, thắng lợi lớn hay nhỏ là do quần chúng. Trung thành với tư tưởng lớn của Người, Đảng ta luôn luôn

coi Nhà nước ta, chính quyền ta là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Điều đó đã được ghi trong *Hiến pháp 1992:* "Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân".

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, mấy chục năm qua, chúng ta đã xây dựng được chính quyền cách mạng vững chắc, giữ vai trò to lớn đoàn kết toàn dân, động viên được mọi nguồn lực xã hội vào chiến đấu, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính quyền của chúng ta đã nhanh chóng lớn mạnh, trưởng thành. Tuy nhiên, trước yêu cầu bức thiết phải đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà, chính quyền của chúng ta còn nhiều mặt yếu kém, cả về kiến thức, năng lực tổ chức thực tiễn của bộ máy, cả về trình độ và phẩm chất của cán bộ, nhân viên nhà nước. Đặc biệt, trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, viên chức trong bộ máy Đảng, Nhà nước và đoàn thể nổi lên tệ quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, xa dân, hống hách với dân, trở thành những "ông quan cách mạng". Lênin và Bác Hồ của chúng ta đã đề cập rất sâu sắc vấn đề này. Bản thân bộ máy thì ngày một phình ra, trở nên rất cồng kềnh, chồng chéo với nhiều tầng nấc, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành thấp, tình trạng coi thường phép nước, bất chấp pháp luật, kỷ cương, nạn hối lộ, buôn lậu diễn ra khá nghiêm trọng, cả trong bộ máy, cả ngoài xã hội. Đó là nỗi nhức nhối nhất thiết không thể cho phép tồn tại trong chế độ mới của chúng ta. Phải có kế hoạch và cách làm, bước đi thích hợp để loại trừ các tệ nạn này.

Tình hình trên đây đòi hỏi phải tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mà trọng tâm là tiến hành cải cách một bước nền hành chính

nhà nước, nhằm khắc phục những thiếu sót, sửa chữa những khuyết tật, xây dựng một nhà nước vững mạnh, một bộ máy nhà nước có hiệu lực và hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu quản lý đất nước trong tình hình mới. Làm tốt việc cải cách một bước lần này sẽ tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành cuộc cải cách sâu rộng hơn trong những năm sau. Đó là con đường xây dựng và hoàn thiện nhà nước trong chế độ mới, làm cho chính quyền của chúng ta luôn luôn vươn tới ngang tầm phát triển không ngừng của đất nước, xứng đáng với lòng tin yêu của nhân dân.

Dân làm chủ đất nước vừa trực tiếp, vừa gián tiếp thông qua những đại diện mà mình bầu ra. Người đại diện phải luôn luôn phấn đấu xứng đáng với lòng tin và sự tín nhiệm của dân. Phải nghiên cứu xác định cơ chế rõ ràng và tổ chức để dân có thể thực thi đầy đủ quyền hạn của mình: dân có quyền bầu thì cũng có quyền bãi miễn những người phụ lại lòng tin đó; cán bộ, công chức làm tốt thì được dân khen thưởng, làm xấu thì bị dân xử phạt. Đó là sức mạnh của chế độ bắt nguồn từ sức mạnh của nhân dân, là chỗ khác nhau giữa chế độ ta với các chế độ phong kiến và tư bản, thể hiện bản chất giai cấp và tính nhân dân của chính quyền cách mạng.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để thể hiện bản chất ưu việt đó trên thực tế. Điều đáng quan tâm là khi được trao quyền, một bộ phận cán bộ, công chức đã lạm dụng quyền hành để mưu cầu lợi ích riêng. Pháp luật phải nghiêm trị những kẻ có hành vi xâm phạm quyền hạn, tài sản, tính mạng của dân; xử lý nghiêm minh những vụ việc tiêu cực; sa thải những phần tử thoái hoá, biến chất ra khỏi bộ máy Đảng và Nhà

nước; huy động sức mạnh tổng hợp của các tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể và đông đảo nhân dân tham gia việc đó. Trong một nhà nước pháp quyền, mọi tổ chức, cơ quan, cá nhân đều phải đặt mình trong khuôn khổ pháp luật, không được đứng trên và đứng ngoài pháp luật, không có bất cứ ngoại lệ nào.

Muốn vậy, phải có những cố gắng to lớn và đồng bộ trong việc hoàn thiện thể chế, trước hết là rà soát và loại bỏ những thủ tục hành chính rắc rối, phiền hà, là miếng đất tốt nuôi dưỡng tệ quan liêu, tham nhũng; xây dựng bộ máy tinh gọn với hiệu năng cao, bớt tầng nấc; đào tạo đội ngũ công chức tận tụy, liêm khiết, trong sạch và đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ; đãi ngộ xứng đáng với cống hiến để cán bộ, nhân viên nhà nước làm việc tốt thì có cuộc sống ngày càng được cải thiện hơn. Quyền làm chủ của dân phải được hoàn thiện và không ngừng nâng cao gắn liền với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, mở mang dân trí, hiểu biết pháp luật. Pháp luật nghiêm minh đi liền với giáo dục nâng cao đạo đức cách mạng, noi gương "cần kiệm liêm chính, chí công vô tư" của Bác Hồ và truyền thống đạo đức của dân tộc ta. Dân chủ đi liền với trật tự, kỷ cương; tự do luôn luôn gắn với luật pháp; khắc phục tình trạng vô chính phủ, làm trái phép nước trong bộ máy, từ trung ương đến cơ sở, từ trong nội bộ Đảng, Nhà nước và trong toàn xã hội.

Phấn đấu làm tốt lời chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: xây dựng một chính quyền không có đặc quyền, đặc lợi, hoạt động vì cuộc sống của nhân dân; trước hết làm cho đất nước được hoàn toàn độc lập, dân được sống tự do, ấm no, hạnh phúc, có việc làm, được học hành. Nâng cao hiệu lực và hiệu

quả của chính quyền, loại trừ những khuyết tật, quản lý tốt để đất nước không ngừng phát triển. Một chính quyền như vậy nhất định sẽ được nhân dân ủng hộ, tín nhiệm. Nhân dân sẽ mãi mãi gắn bó với Đảng, tạo ra sức mạnh quyết định để bảo vệ Nhà nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ chính quyền cách mạng như bảo vệ vận mệnh của chính mình.

Theo tinh thần đó, Hội nghị Trung ương lần này sẽ thảo luận và đề ra chủ trương, biện pháp nhằm cải cách một bước nền hành chính nhà nước phù hợp với đòi hỏi của tình hình trong giai đoạn mới. Nhân dân hoan nghênh, hưởng ứng cuộc cải cách này và đang trông đợi chủ trương, hành động của chúng ta, trước hết là cơ quan lãnh đạo đảng và chính quyền ở trung ương và các cấp, các ngành. Đảng ta quyết không phụ lòng tin của dân, nhất thiết phải xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, đúng là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Đương nhiên, đây không phải là công việc đơn giản, dễ dàng, thuận buồm xuôi gió mà có nhiều khó khăn, phức tạp vì nó trực tiếp đụng chạm đến lợi ích cục bộ, cá nhân, đến sức ỳ của những nhận thức, thói quen đang cản trở công cuộc đổi mới; nó đặt ra yêu cầu cao hơn về phẩm chất, kiến thức và năng lực của từng người, của cả bộ máy trong công tác lãnh đạo và quản lý xã hội. Tình hình đòi hỏi phải kiên quyết, khẩn trương, song cũng không thể giản đơn, nóng vội. Phải đặt vấn đề cải cách nền hành chính một cách cơ bản theo quan điểm chỉ đạo nhất quán; đồng thời, có chương trình hành động thiết thực trong từng thời gian, giành thắng lợi từng bước.

Để làm tốt cải cách hành chính lần này, cần nêu lên

bài học kinh nghiệm rất quan trọng là phải xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, với đặc điểm, truyền thống, tính cách và bản sắc Việt Nam; đồng thời tham khảo, học hỏi kiến thức và kinh nghiệm của thế giới, song quyết không được rập khuôn, sao chép. Trong bất luận trường hợp nào, giáo điều, rập khuôn, sao chép đều phương hại đến lợi ích của đất nước, của dân tộc.

Ba là, cần mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, bao gồm các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đồng bào trong nước và đồng bào sinh sống ở nước ngoài, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng.

Trong bối cảnh quốc tế ngày nay, vấn đề đoàn kết dân tộc trở thành một nhân tố cực kỳ quan trọng. Sức mạnh của nhà nước bắt nguồn từ sức mạnh vô địch của toàn dân, như Bác Hồ từng nói: mọi việc phải dựa vào dân, có dân là có tất cả. Nhận thức sâu sắc điều đó, thấm nhuần tư tưởng cao cả của Người: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công", Bộ Chính trị đã ra nghị quyết *Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất* trong tình hình mới, coi đại đoàn kết dân tộc là đường lối cơ bản của Đảng và Nhà nước nhằm đáp ứng nguyện vọng thiết tha và lợi ích chính đáng của các giai tầng xã hội.

Sự nghiệp đổi mới toàn diện và sâu sắc, công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước chỉ có thể thành công khi Đảng ta có đường lối đúng, khi toàn dân ta đoàn kết một lòng, lấy đại nghĩa dân tộc làm trọng, lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, hoà hợp thành một khối thống nhất, đồng tâm nhất trí mang hết nghị lực và tài năng cống hiến

cho đất nước, vì độc lập của Tổ quốc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Bốn là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là vấn đề có ý nghĩa quyết định, bảo đảm thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng nói chung cũng như việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, tiến hành một bước cải cách nền hành chính nhà nước.

Để thực hiện được điều đó, phải nghiêm chỉnh thi hành Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đường lối, chính sách của Đảng phải hợp quy luật, thuận lòng dân, chăm lo đến lợi ích thiết thực của đồng bào cả nước. Phải thống nhất ý chí, tư tưởng trong toàn Đảng, tăng cường đoàn kết nội bộ, siết chặt hàng ngũ, cảnh giác với mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch nhằm chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân hòng thực hiện ý đồ xoá bỏ Đảng, xoá bỏ chế độ, xoá bỏ chính quyền cách mạng.

Mọi cán bộ, đảng viên phải ra sức học tập, vươn lên ngang tầm đòi hỏi của đất nước và nhân dân, nâng cao trình độ mọi mặt, trau dồi trí tuệ, rèn luyện bản lĩnh, tu dưỡng đạo đức, chấp hành đúng *Điều lệ Đảng,* tuân thủ các quyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ; kiên định lý tưởng, mục tiêu xã hội chủ nghĩa, tiếp tục phấn đấu hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân; tự mình gương mẫu và giáo dục gia đình mình nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật nhà nước. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, nhiều đảng

viên được cử vào các cương vị khác nhau trong bộ máy đảng, chính quyền, đoàn thể từ trung ương đến cơ sở. Được trao quyền nhưng nhất thiết không được lạm quyền; phải hết lòng phục vụ, mang lại lợi ích cho dân; làm "người đày tớ thật trung thành của nhân dân"; tuyệt đối không được quan cách, hách dịch, cửa quyền, ức hiếp dân, hà lạm công quỹ, tham ô, lãng phí tài sản, tiền bạc của dân.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức đảng đoàn, ban cán sự đảng trong các ngành, các cấp. Tổ chức bộ máy tham mưu của Đảng phải tinh gọn, làm đúng chức năng. Sự lãnh đạo của Đảng có nội dung toàn diện, bao gồm lãnh đạo chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ; thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ trong cả hệ thống chính trị nói chung và trong bộ máy Nhà nước nói riêng; trọng dụng nhân tài cả trong và ngoài Đảng; lựa chọn, đề bạt những người có đức, có tài, một lòng một dạ vì dân. Đó là khâu quyết định đối với việc thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng, có quan hệ đến vận mệnh của chế độ, của đất nước. Đảng lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương; tập thể quyết định, cá nhân phụ trách; phát huy đầy đủ trách nhiệm quản lý, điều hành của thủ trưởng các ngành, các cấp, các đơn vị.

Hiện nay, đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng đã gây được lòng tin của nhân dân, song cũng còn không ít người phân vân về khả năng Đảng tự chỉnh đốn, làm trong sạch tổ chức của mình và của bộ máy nhà nước, của nền hành chính nhà nước. Đại bộ phận cán bộ, nhân viên trong bộ máy nhà nước là đảng viên; trong những phần tử hư hỏng, tỷ lệ đảng viên chiếm phần không nhỏ. Vì vậy, đây thật sự là

một thử thách lớn đối với Đảng, là trách nhiệm của toàn Đảng, từ Trung ương đến cơ sở và đến từng đảng viên. Phải gắn đổi mới, chỉnh đốn Đảng với việc xây dựng nhà nước pháp quyền, cải cách một bước nền hành chính nhà nước để thực sự tạo ra chuyển biến tích cực. Bản lĩnh của Đảng đã thể hiện rõ trong quá trình lãnh đạo cách mạng, tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện công cuộc đổi mới, đưa đất nước vượt qua thử thách hiểm nghèo để đứng vững và tiếp tục phát triển. Giờ đây, để tự đổi mới và chỉnh đốn, bản lĩnh và sức chiến đấu của Đảng càng phải được phát huy ở tầm cao hơn, đặc biệt là về năng lực tổ chức, chỉ đạo thực hiện, vươn lên ngang tầm đòi hỏi đối với trách nhiệm lãnh đạo đất nước trong giai đoạn mới.

Thưa các đồng chí,

Ngày nay, cách mạng nước ta đang vững bước tiến lên với thế và lực lớn mạnh hơn trước rất nhiều. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải nỗ lực vượt bậc, nắm lấy vận hội, tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, đưa nước ta vào thời kỳ phát triển mới, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, rút ngắn khoảng cách với các nước trong khu vực và trên thế giới. Trên con đường đó, mặc dù còn nhiều gian nan, thử thách, mặc dù bản thân chúng ta còn những yếu kém phải tích cực khắc phục, song được sự tin tưởng và ủng hộ của toàn dân, sự cổ vũ của bầu bạn trên thế giới, chúng ta hoàn toàn có khả năng giải quyết ngày càng tốt hơn những vấn đề nêu trên, đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên nhanh hơn, vững chắc hơn theo con đường đã chọn.

Các báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương đã

trình bày những vấn đề lớn và nhiều giải pháp cụ thể, tôi xin nêu lên mấy gợi ý trên đây để góp phần làm rõ thêm vấn đề quan trọng nhất: làm thế nào để giành thắng lợi, để đạt mục đích đã đề ra, để Đảng ta hoàn thành nhiệm vụ trọng đại mà nhân dân giao phó, để bảo vệ chế độ mãi mãi vững bền, bảo vệ chính quyền và phát huy thành quả cách mạng mà nhân dân ta đã giành được bằng biết bao hy sinh xương máu. Đề nghị Trung ương và các đồng chí dự hội nghị nêu cao trách nhiệm trước toàn Đảng, toàn dân, phát huy trí tuệ tập thể để nghiên cứu, thảo luận và quyết định.

Chúc Hội nghị Trung ương thành công tốt đẹp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VII

Ngày 3 tháng 1 năm 1995*

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Phần thứ nhất

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC TA THỜI GIAN QUA VÀ NHỮNG YÊU CẦU TRƯỚC TÌNH HÌNH MỚI

I

Ra đời từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ngay buổi đầu, Nhà nước ta đã thể hiện rõ rệt bản chất tốt đẹp của một nhà nước gắn bó chặt chẽ và phục vụ lợi ích của dân tộc, của nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong của giai cấp công nhân. Từ đó đến nay, Nhà nước ta không ngừng lớn mạnh, đã có những đóng góp to lớn, xứng đáng là công cụ đắc

* Các báo cáo gửi trước ngày khai mạc *(B.T)*.

lực của nhân dân trong công cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc, trong xây dựng cuộc sống mới, xã hội mới.

Những năm qua, trong quá trình thực tiễn, Đảng ta dần dần nhận thức rõ và đầy đủ hơn về bản chất, nội dung, bước đi của công cuộc đổi mới, giữ vững những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng phù hợp với những điều kiện cụ thể của đất nước, của thời đại. Công cuộc đổi mới được tiến hành toàn diện, lấy đổi mới kinh tế là trọng tâm, xác định đúng mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị cũng như các lĩnh vực khác. Đổi mới hệ thống chính trị được tiến hành từng bước tích cực, vững chắc, gắn chặt việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng với đổi mới, kiện toàn bộ máy nhà nước và các đoàn thể xã hội. Từ tư tưởng chỉ đạo chung sáng suốt đó của Đảng, việc kiện toàn và đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước thời gian qua đã đạt được những tiến bộ rõ rệt trên các lĩnh vực từ lập pháp đến hành pháp và tư pháp, từ cơ cấu tổ chức đến cơ chế hoạt động, chất lượng và hiệu quả của bộ máy nhà nước được nâng cao hơn.

1. Quản lý nhà nước bằng pháp luật được tăng cường, dựa trên cơ sở hệ thống pháp luật được từng bước sửa đổi, bổ sung và xác định phù hợp với yêu cầu của công cuộc đổi mới. *Hiến pháp 1992* được ban hành, vừa khẳng định những nội dung đúng đắn của các hiến pháp trước, vừa có những sửa đổi và bổ sung quan trọng, thể chế hoá đường lối đổi mới của Đảng về kinh tế và xã hội, về đối nội và đối ngoại, xác định các quyền công dân, quyền con người, hoàn thiện cơ cấu bộ máy nhà nước, nâng cao vai trò và trách nhiệm của Quốc hội, của Chính phủ, phát huy cả ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp. Tính từ năm 1988 đến nay, đã ban hành 55 luật,

64 pháp lệnh, và 251 nghị định. Nhiều văn bản pháp luật này sau khi ban hành một thời gian lại được sửa đổi và bổ sung thêm cho phù hợp với thực tiễn cuộc sống. Các văn bản pháp luật đã ban hành bao quát rất nhiều lĩnh vực, mà nổi bật là về kinh tế, đã tạo ra khuôn khổ pháp lý cho sự phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, và tạo điều kiện cho mở rộng hợp tác đầu tư với nước ngoài và các quan hệ kinh tế đối ngoại. Các luật về tổ chức Quốc hội, Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, về tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp và nhiều văn bản khác đã cụ thể hoá những quy định của *Hiến pháp 1992* về cơ cấu bộ máy nhà nước, tạo tiền đề cho việc kiện toàn và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước ta.

2. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa - nội dung cốt lõi của đổi mới hệ thống chính trị - có những tiến bộ

Dân chủ được phát huy trên nhiều lĩnh vực, được thể chế hoá trong nhiều văn bản pháp luật, trước hết là về kinh tế. *Luật Đất đai, Bộ luật Lao động, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước* và nhiều văn bản pháp luật được ban hành gần đây đã tiếp tục mở rộng quyền dân chủ, động viên tiềm năng của các tầng lớp nhân dân phát triển sản xuất, trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần.

Về chính trị, xã hội, quyền dân chủ trong bầu cử, ứng cử, trong thảo luận đóng góp ý kiến xây dựng các dự án luật, và sinh hoạt dân chủ trong các cơ quan dân cử, trong các đoàn thể xã hội, trên các phương tiện thông tin đại chúng... có tiến bộ. Những chính sách đúng đắn đối với tôn giáo, dân tộc, người Việt định cư ở nước ngoài... góp phần tạo nên bầu không khí dân chủ, cởi mở, đoàn kết dân tộc.

Trong khi mở rộng dân chủ, Đảng ta tỉnh táo đấu tranh kịp thời chống khuynh hướng dân chủ đa nguyên, dân chủ tư sản, và cũng chú trọng khắc phục tình trạng dân chủ cực đoan, vô chính phủ, uốn nắn những lệch lạc của một số ít báo chí, nhà xuất bản, kiên quyết xử lý một số phần tử xấu lợi dụng mở rộng dân chủ để kích động gây rối. Chính nhờ sự vững vàng về chính trị, nắm vững bản chất giai cấp của dân chủ xã hội chủ nghĩa, có những chủ trương đúng đắn cho nên dân chủ được mở rộng, đồng thời giữ vững được ổn định chính trị trong tình thế vô cùng phức tạp trên thế giới và trong nước.

3. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước đã được đổi mới một bước

Trên cơ sở *Hiến pháp 1992,* đã bầu cử quốc hội khoá IX, với cơ cấu và chất lượng đại biểu có tiến bộ hơn. Sinh hoạt của Quốc hội từ khoá VIII và tiếp đến khoá IX đã phát huy dân chủ, chất lượng các kỳ họp được nâng cao.

Trên cơ sở *Luật tổ chức Chính phủ* được Quốc hội thông qua, vị trí, chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của Chính phủ đã được xác định rõ thêm. Tổ chức hoạt động và điều hành của Chính phủ đã có đổi mới, tập trung vào công việc quản lý vĩ mô, xây dựng cơ chế, chính sách, quy hoạch..., đồng thời có sự chỉ đạo thực hiện tương đối sâu sát, nhanh nhậy. Đã từng bước phân biệt chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh, cùng với việc xoá bỏ cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp. Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ quản lý kinh tế được bồi dưỡng kiến thức, bước đầu có kinh nghiệm trong thực hiện cơ chế kinh tế mới.

Viện kiểm sát và toà án các cấp được xác định vị trí,

nhiệm vụ, tổ chức quản lý trên cơ sở *Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân* và *Luật tổ chức Toà án nhân dân*. Việc chuyển sang chế độ bổ nhiệm thẩm phán, việc thành lập Toà án kinh tế (và đang nghiên cứu lập thêm các toà chuyên trách khác) là những bước tiến mới của tổ chức tư pháp.

Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp qua cuộc bầu cử vừa rồi được kiện toàn thêm về tổ chức và nhân sự. Chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân ở nhiều nơi có tiến bộ, thiết thực hơn. Công tác điều hành của Uỷ ban nhân dân nhiều nơi vừa qua có phần chủ động, năng động hơn.

4. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có tiến bộ

Việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng đang được triển khai trong đó có việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Những quy chế làm việc của các đảng bộ cơ sở do Ban Bí thư ban hành, và những quy chế làm việc của cấp uỷ, của các ban... đã cụ thể hoá dần các mối quan hệ làm việc và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Việc thành lập Đảng đoàn Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các ban cán sự đảng ở các bộ, các sở là một bảo đảm về tổ chức tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong các cơ quan nhà nước.

Chất lượng lãnh đạo của Đảng được nâng cao hơn, phương thức lãnh đạo của Đảng được đổi mới một bước đã tạo tiền đề cho việc kiện toàn, phát huy vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Cùng với đường lối đúng của Đảng và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, hoạt động của Nhà nước ta qua những chuyển biến nói trên là một nguyên nhân rất quan trọng

đưa tới những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới những năm qua.

II- TUY NHIÊN, HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC TA CÒN BỘC LỘ NHIỀU KHUYẾT ĐIỂM VÀ YẾU KÉM

1. Hệ thống pháp luật chưa tạo đủ khuôn khổ pháp lý cần thiết, việc thi hành pháp luật chưa nghiêm

Bước vào thời kỳ đổi mới, yêu cầu sửa đổi, bổ sung và xây dựng hệ thống pháp luật đặt ra rất lớn. Mặc dù có nhiều cố gắng, nhưng đến nay hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, có trường hợp mâu thuẫn và chồng chéo, lại do kiến thức có hạn, tổng kết thực tiễn chưa đầy đủ, cho nên chất lượng nhiều văn bản pháp luật chưa cao, có những điều quy định chưa sát với cuộc sống. Vì vậy không tránh khỏi có những sơ hở bị lợi dụng hoặc cách hiểu và cách làm khác nhau.

Điều đáng nói hơn là việc thi hành pháp luật không nghiêm, kỷ cương, kỷ luật lỏng lẻo. Vấn đề nghiêm trọng là ở chỗ nhiều cán bộ và cơ quan nhà nước, là những người giữ gìn kỷ cương pháp luật lại chính là những người làm sai pháp luật. Có những ngành và địa phương ban hành những quyết định vượt quá thẩm quyền hoặc cố tình lợi dụng những kẽ hở trong các văn bản pháp luật để làm những điều sai trái. Tình trạng buôn lậu, xuất nhập khẩu trái phép, thu chi ngoài ngân sách, cấp và bán đất sai pháp luật... diễn ra nghiêm trọng thời gian qua là một trong nhiều ví dụ về coi thường kỷ cương phép nước. Những hành vi sai pháp luật của chính quyền ở một số nơi lại được cấp uỷ đảng đồng tình, thậm chí cấp uỷ ra nghị quyết để chính quyền thực hiện.

Chưa quan tâm nghiên cứu quán triệt pháp luật, chính sách, ý thức tổ chức kỷ luật kém và tệ cục bộ ngành, địa phương của không ít cán bộ đảng và nhà nước cùng với một số thiếu sót trong quản lý vĩ mô và thái độ xử lý thiếu nghiêm minh của cấp trên là nguyên nhân chủ yếu của tình trạng vi phạm pháp luật nói trên.

Trong nhân dân, trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội, có tình trạng vừa thiếu dân chủ, vừa thiếu kỷ cương. Quyền làm chủ của nhân dân bị vi phạm ở nhiều nơi, có những quyền của công dân đã được pháp luật khẳng định nhưng không được tôn trọng, nhiều nỗi oan ức của người dân chưa được giải toả, thậm chí vẫn còn tình trạng bắt oan, xử oan người vô tội. Mặt khác, trật tự xã hội rất kém, hiện tượng coi thường kỷ cương, bất chấp pháp luật, các tệ nạn xã hội chưa hề giảm bớt. Có những tiêu cực nảy sinh từ mặt trái của kinh tế thị trường, từ trình độ dân trí còn hạn chế, nhưng có trách nhiệm lớn của các cơ quan chấp hành và bảo vệ pháp luật, và sự lãnh đạo yếu kém của các tổ chức đảng.

2. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước có những mặt còn yếu kém hiệu lực và hiệu quả, bộ máy nặng nề, cồng kềnh, nạn quan liêu, lãng phí và tham nhũng nghiêm trọng, tập trung và dân chủ đều còn yếu

Phân định trách nhiệm và quyền hạn, quan hệ phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước có những trường hợp chưa thật rõ ràng, trùng lắp, dẫm chân nhau.

Trong mối quan hệ Trung ương - địa phương, việc phân định thẩm quyền của mỗi cấp, việc phân cấp quản lý trên các lĩnh vực kinh tế, ngân sách, xã hội, giáo dục, y tế, an ninh,

trật tự xã hội..., trách nhiệm quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ cũng đang có những vướng mắc.

Quản lý nhà nước nhìn chung còn yếu trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường. Việc phân biệt chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản lý các doanh nghiệp nhà nước, có nhiều điểm chưa rõ. Trên lĩnh vực an ninh, trật tự xã hội, quốc phòng, chức năng quản lý nhà nước cũng chưa được tăng cường đúng mức.

Cơ cấu tổ chức bộ máy cồng kềnh, nhiều tầng nấc, biên chế nặng nề, tuy đã đặt vấn đề tinh giản từ nhiều năm, nhưng chẳng những không giảm bớt mà còn phình to lên.

Tệ nạn quan liêu, lãng phí và tham nhũng chưa được khắc phục có hiệu quả, vẫn lan tràn phổ biến và nghiêm trọng, đang là một nguy cơ làm tha hoá bộ máy và cán bộ, huỷ hoại bản chất tốt đẹp của Đảng và Nhà nước ta. Nhiều cán bộ chưa thật sự vì dân, phục vụ dân, gây phiền hà sách nhiễu dân, làm cho dân bất bình, mất lòng tin. Những thủ tục hành chính quan liêu, những quy chế rất phiền phức, rườm rà không vì sự thuận tiện cho dân, thiếu công khai cho dân biết, dân kiểm tra. Những yếu kém trong công tác quản lý, trong công tác tổ chức và cán bộ như vậy là miếng đất cho nạn quan liêu phát triển và cùng với nó là nạn lãng phí, tham ô, hối lộ, nhũng nhiễu dân lành. Chúng ta chưa đi sâu vào việc nghiên cứu, tìm kiếm các biện pháp có hiệu lực để đấu tranh khắc phục các tệ nạn đó.

Trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, *nguyên tắc tập trung dân chủ* chưa được quán triệt đầy đủ. Hiệu lực

quản lý, điều hành của Nhà nước chưa xuyên suốt, tập trung thống nhất cao, và mặt khác, tính chủ động, năng động, ý thức trách nhiệm của từng địa phương cũng chưa được phát huy đầy đủ. Tình trạng phân tán, cục bộ, địa phương chủ nghĩa đã diễn ra tương đối phổ biến ở nhiều mức độ với những biểu hiện như: không nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và chỉ thị, nghị quyết của cấp trên; lợi dụng những kẽ hở, những chỗ chưa đồng bộ trong pháp luật, cơ chế, chính sách trong quá trình đang đổi mới để khai thác làm lợi cho ngành, địa phương mình, tổn hại cho lợi ích chung; tự ý ra những quy định, chính sách của địa phương trái với chính sách chung, có ngành ra thông tư hướng dẫn trái với quy định của Chính phủ; cùng một nhiệm vụ nhưng phân tán ra nhiều ngành đều có trách nhiệm và có quyền, một việc muốn giải quyết phải qua rất nhiều cửa, v.v.. Mặt khác, tình trạng thiếu dân chủ, tập trung quan liêu vẫn tồn tại với những biểu hiện như: nhấn mạnh vai trò, quyền hành của cá nhân, của thủ trưởng, không tôn trọng sự lãnh đạo tập thể; cấp trên có những lúc có những quyết định cụ thể, can thiệp quá sâu, bó tay cấp dưới, có những thủ tục phiền hà, quan liêu gây ra tệ sách nhiễu, tiêu cực đối với cấp dưới và công dân; có nơi có lúc quản lý thiên về biện pháp hành chính, không khéo sử dụng các đòn bẩy kinh tế, nhẹ về giáo dục, thuyết phục; có nơi cơ quan hành pháp không tự giác chịu sự giám sát của cơ quan đại biểu quyền lực của nhân dân; có ngành bảo vệ pháp luật có lúc chỉ nhấn mạnh tính "độc lập", chỉ đạo theo hệ thống dọc, không tôn trọng sự kiểm tra, giám sát của hội đồng nhân dân địa phương, v.v..

Hai loại lệch lạc này xảy ra ở các cấp địa phương và ngay ở cấp trung ương, tuỳ nơi tuỳ lúc với mức độ nặng nhẹ khác nhau, và thường có quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Có trường hợp do quan liêu, cơ chế chính sách không hợp lý, chậm sửa đổi cho phù hợp với thực tế, cấp trên thiếu quy hoạch chung, đã dẫn tới khuynh hướng phân tán, cục bộ, mạnh ai nấy làm.

Đội ngũ cán bộ, công chức tuy có nhiều tiến bộ trong cơ chế quản lý mới, nhưng nhìn chung chưa ngang tầm với nhiệm vụ. Chúng ta chưa hoàn thiện được chức danh và tiêu chuẩn công chức, chưa xây dựng được quy trình tuyển chọn, đánh giá công chức, chưa tiến hành một cách có hệ thống việc đào tạo và bồi dưỡng công chức. Đội ngũ công chức hiện nay vừa thiếu lại vừa thừa; thiếu những người có đủ đức, tài, thừa những người kém năng lực, kém phẩm chất. Chúng ta còn thiếu những chuyên gia giỏi đủ khả năng làm tham mưu cho lãnh đạo Đảng và Nhà nước, vừa có lý luận, vừa có thực tiễn, vừa tiếp thụ được những kiến thức của thế giới, vừa biết vận dụng sát hợp vào điều kiện Việt Nam với tinh thần độc lập tự chủ.

Do khó khăn khách quan, do chính sách và tổ chức quản lý của ta còn thiếu sót, một số cán bộ khoa học - kỹ thuật tự động bỏ cơ quan nhà nước ra làm cho các công ty tư nhân, các văn phòng đại diện của nước ngoài, hoặc ở lại nước ngoài sinh sống.

3. Sự lãnh đạo của Đảng chưa được tăng cường bảo đảm cho việc kiện toàn và phát huy hiệu lực của bộ máy nhà nước

Trong quá trình tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đi

đối với phát huy hiệu lực quản lý của Nhà nước, ở một số ngành và địa phương đã diễn ra những lệch lạc.

Một là, tổ chức đảng bao biện, làm thay, can thiệp sâu vào những công việc thuộc chức năng điều hành của Nhà nước. Có nhiều nguyên nhân như: không nhận thức đúng vai trò của Nhà nước trong điều kiện Đảng cầm quyền; vẫn quen nếp lãnh đạo của thời kỳ kháng chiến là thời kỳ mà Đảng phải trực tiếp lãnh đạo và điều hành chiến tranh; cán bộ lãnh đạo tổ chức đảng nặng phong cách làm việc sự vụ, có những trường hợp dùng nghị quyết của cấp uỷ thay cho quyết định của Nhà nước, thậm chí trái pháp luật; bộ máy và cán bộ chính quyền còn yếu, pháp luật thiếu, sinh ỷ lại, dựa dẫm vào tổ chức đảng, v.v.. Sai lầm này làm cho vai trò và hiệu lực của Nhà nước bị giảm nhẹ, Đảng sa vào bệnh sự vụ, sinh hoạt dân chủ của xã hội, quyền lực của nhân dân thông qua các cơ quan dân cử chưa được phát huy tốt. Tình trạng bao biện, làm thay của tổ chức đảng trước kia khá phổ biến, nhưng mấy năm nay được uốn nắn, đã giảm bớt, thường còn tồn tại ở cấp trực tiếp tổ chức thực hiện.

Hai là, buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng. Những biểu hiện là: trong khi bao biện những việc cụ thể thuộc chức năng điều hành của chính quyền thì lại buông lỏng sự lãnh đạo về chủ trương và kiểm tra của Đảng trên những lĩnh vực và công việc quan trọng; xem nhẹ sự lãnh đạo tập thể của cấp uỷ, coi tổ chức đảng chỉ là người bảo đảm thực hiện quyết định của thủ trưởng chuyên môn; quan niệm lãnh đạo của Đảng chỉ dừng ở lãnh đạo đường lối; không tự giác đặt mình dưới sự kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng;

có cán bộ ngành bảo vệ pháp luật hiểu "độc lập khi xét xử" là độc lập với sự lãnh đạo của Đảng; thậm chí có người phê phán sự lãnh đạo của Đảng là "đảng trị", là "không có tư cách pháp lý rõ ràng", v.v..

Mấy năm gần đây, trong quá trình đổi mới hệ thống chính trị, nhấn mạnh xây dựng nhà nước pháp quyền, phê phán và khắc phục bao biện, làm thay của tổ chức đảng, thì tình trạng buông lỏng, hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng đang là vấn đề cần được quan tâm uốn nắn, khắc phục.

Ý thức đảng của một số cán bộ nhà nước, cán bộ chuyên môn chưa đầy đủ; một ít người chịu ảnh hưởng của những quan niệm không đúng về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Nhiều cấp uỷ đảng trình độ kiến thức và năng lực lãnh đạo còn bị hạn chế trước những vấn đề mới mẻ đặt ra trong quản lý kinh tế, quản lý nhà nước.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước tuy đã được xác định, nhưng khi đi vào cụ thể từng lĩnh vực, từng cấp, từng loại hình cơ sở thì còn những điểm lúng túng hoặc quan niệm khác nhau.

Công tác kiểm tra và công tác cán bộ của Đảng trong các cơ quan nhà nước nhìn chung còn yếu.

Các đảng đoàn, ban cán sự đảng ở các cơ quan nhà nước đã được thành lập, có nơi hoạt động tốt nhưng nhiều nơi chưa hoạt động có nền nếp chặt chẽ.

Các đảng bộ cơ sở trong các cơ quan nhà nước chưa phát huy được vai trò, chưa làm tròn chức năng đã được *Điều lệ Đảng* quy định.

III- TÌNH HÌNH HIỆN NAY ĐANG ĐẶT RA NHỮNG YÊU CẦU MỚI VỀ XÂY DỰNG, KIỆN TOÀN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NÓI CHUNG, BỘ MÁY NHÀ NƯỚC NÓI RIÊNG

Đất nước đang chuyển dần sang thời kỳ phát triển mới đòi hỏi phải tiếp tục triển khai công cuộc đổi mới một cách sâu rộng và đồng bộ trên các lĩnh vực. Những bước tiến về đổi mới kinh tế, việc xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, việc chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, việc đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước cũng như yêu cầu phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đang đòi hỏi những đổi mới tương ứng về hệ thống pháp luật, về chức năng, phương thức hoạt động quản lý của Nhà nước.

Chúng ta đang tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều biến động, với nhiều thuận lợi và thời cơ mới và cũng không ít nguy cơ và thách thức mới.

Hiện nay trong khi sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đang phát triển đi lên thì các thế lực thù địch càng tăng cường chống phá, mà trước hết là âm mưu thực hiện chiến lược diễn biến hoà bình của các thế lực đế quốc. Trọng điểm chống phá của chúng là nhằm vào nội bộ Đảng và Nhà nước, mưu đồ tạo ra quá trình tự diễn biến từ bên trong. Chúng kết hợp tiến công về tư tưởng, lý luận với nhiều biện pháp về kinh tế, tài chính, tổ chức lực lượng..., hy vọng làm cho Đảng và Nhà nước ta thay đổi bản chất, thay đổi đường lối, chuyển dần sang nền kinh tế thị trường tự do, tư nhân hoá và nền dân chủ tư sản hoặc xã hội - dân chủ. Cùng với việc công

kích, vu cáo vai trò lãnh đạo của Đảng, chúng mưu mô tách rời Nhà nước khỏi sự lãnh đạo của Đảng, đối lập quyền lực Nhà nước với vai trò lãnh đạo của Đảng. Vì vậy vấn đề đặt ra là phải ra sức bảo vệ Đảng gắn liền với bảo vệ Nhà nước, bảo vệ độc lập dân tộc gắn liền với bảo vệ con đường xã hội chủ nghĩa.

Từ những ưu điểm và yếu kém của bộ máy nhà nước ta và từ bối cảnh tình hình hiện nay như đã phân tích ở trên, yêu cầu đặt ra lúc này là phải ra sức xây dựng, củng cố hệ thống chính trị một cách đồng bộ, trước hết là đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước vững mạnh, trong sạch, có hiệu lực và hiệu quả.

Đó phải là một nhà nước luôn luôn giữ vững và phát huy bản chất cách mạng, một Nhà nước của dân, do dân, vì dân đặt dưới sự lãnh đạo của đảng tiên phong của giai cấp công nhân.

Đó là một nhà nước được kiện toàn, đổi mới về cơ cấu tổ chức và cơ chế, phương thức quản lý, hoàn thiện các lĩnh vực hoạt động từ lập pháp đến hành pháp và tư pháp cho phù hợp và thúc đẩy trở lại quá trình đổi mới kinh tế - xã hội theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, và đủ sức giữ vững quốc phòng - an ninh của đất nước.

Đó là một nhà nước quản lý mọi mặt hoạt động của đất nước bằng một hệ thống pháp luật ngày càng hoàn chỉnh phù hợp với tình hình mới.

Đó là nhà nước có cơ cấu tổ chức hợp lý, bộ máy tinh gọn, có sự chỉ đạo thông suốt, nhạy bén từ trung ương đến cơ sở, có đội ngũ công chức trung thành, tận tụy, liêm khiết, thành thạo nghiệp vụ, chuyên môn.

Để thực hiện được nhiệm vụ này, trước hết Đảng ta cần xác định rõ một cách có hệ thống những quan điểm cơ bản về Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm tăng cường thống nhất tư tưởng trong Đảng, khắc phục những quan điểm lệch lạc, mơ hồ. Và trên cơ sở nhất trí về những quan điểm tư tưởng cơ bản, cần vạch ra những chủ trương, giải pháp thiết thực, cụ thể, đáp ứng trúng những yêu cầu bức xúc đang đặt ra trong cuộc sống của đất nước hiện nay.

Phần thứ hai

NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Việc xây dựng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải xuất phát từ *những căn cứ:*

- Nắm vững những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Cương lĩnh của Đảng;

- Phát huy truyền thống và kinh nghiệm quản lý đất nước của dân tộc ta qua suốt chiều dài lịch sử, nhất là từ sau Cách mạng Tháng Tám đến nay, đồng thời tiếp thụ có chọn lọc những tư tưởng tiến bộ và kinh nghiệm quản lý hiện đại của thế giới;

- Phù hợp với thực tiễn Việt Nam, với những đặc điểm tình hình và yêu cầu của công cuộc đổi mới, gắn chặt với đổi mới đồng bộ hệ thống chính trị, phục vụ có hiệu quả đổi mới kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà Đảng ta chủ trương xây dựng và hoàn thiện phải quán triệt *những quan điểm cơ bản* sau đây:

I- NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN, DỰA TRÊN NỀN TẢNG LIÊN MINH CÔNG NHÂN, NÔNG DÂN VÀ TRÍ THỨC, DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TIÊN PHONG CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN. TẤT CẢ QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC THUỘC VỀ NHÂN DÂN; KHÔNG NGỪNG PHÁT HUY NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Nhà nước ta, từ sau Cách mạng Tháng Tám đến nay, trải qua nhiều giai đoạn với những nhiệm vụ lịch sử khác nhau, luôn luôn thể hiện sự thống nhất hữu cơ giữa bản chất giai cấp công nhân và tính dân tộc, tính nhân dân. Nhà nước ta mãi mãi phải giữ vững và phát huy bản chất tốt đẹp này. Đó là vấn đề có ý nghĩa nguyên tắc quan trọng hàng đầu.

1. Mọi nhà nước đều mang bản chất giai cấp, thể hiện lợi ích và tư tưởng của một giai cấp nhất định

Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện ở chỗ: Nhà nước của nhân dân, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua Đảng tiên phong; từ pháp luật, cơ chế, chính sách cho đến những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước đều quán triệt tư tưởng, quan điểm của giai cấp công nhân nhằm phục vụ lợi ích của nhân dân, của dân tộc. Nhà nước ta thực hiện dân chủ đầy đủ với nhân dân, đồng thời chuyên chính với các thế lực thù địch chống lại Tổ quốc, chống lại nhân dân. Là nhà nước của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, Nhà nước ta có sứ mệnh lịch sử là cải tạo và xây dựng, quản lý đất nước phát triển đi lên theo con đường xã hội chủ nghĩa, đồng thời giữ gìn độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia,

bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong tình hình mới, hai mặt xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc luôn luôn gắn liền với nhau, thâm nhập và thống nhất với nhau trong toàn bộ hoạt động quản lý nhà nước (Một nhà nước với bản chất và sứ mệnh lịch sử như vậy, về thực chất là nhà nước chuyên chính vô sản. Trong nội bộ Đảng, trong giảng dạy về chính trị, trong đấu tranh chống luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, nhận thức đó cần được khẳng định rõ ràng).

Quán triệt bản chất giai cấp của Nhà nước ta chính là kiên định vai trò lãnh đạo của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình đổi mới, phải tỉnh táo và kiên trì đấu tranh với những quan điểm mơ hồ về giai cấp, đi chệch dần định hướng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng lý luận, trong quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, soạn thảo pháp luật, cơ chế, chính sách.

2. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là sự gắn bó chặt chẽ, sự thống nhất hữu cơ giữa bản chất giai cấp công nhân với *tính dân tộc, tính nhân dân.* Lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân, của dân tộc, của nhân dân là thống nhất.

Tính dân tộc sâu sắc của Nhà nước ta thể hiện ở chỗ: nguồn gốc ra đời của Nhà nước ta là từ cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ giải phóng dân tộc; sứ mệnh lịch sử của Nhà nước ta qua các giai đoạn cách mạng là tổ chức, động viên cuộc đấu tranh của nhân dân giành và bảo vệ độc lập dân tộc, giữ gìn chủ quyền quốc gia gắn liền với sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; nguồn sức mạnh của Nhà nước ta, cơ sở chính trị của Nhà

nước ta là khối đại đoàn kết dân tộc được thể hiện qua Mặt trận dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong của giai cấp công nhân. Nhà nước ta kế thừa và phát huy những truyền thống, bản sắc tốt đẹp của dân tộc và con người Việt Nam về văn hoá, đạo đức, tinh thần, chọn lọc và kế thừa những kinh nghiệm quản lý xã hội trong lịch sử của ông cha ta để lại. Nhà nước ta có chính sách dân tộc đúng đắn, chăm lo lợi ích kinh tế, xã hội, chính trị của các dân tộc thiểu số. Hoạt động của Nhà nước phải giữ vững quan điểm của Đảng về tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, đồng thời mở rộng quan hệ đối ngoại; kết hợp đúng chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Mọi quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân, quyền hành của bộ máy nhà nước là của nhân dân giao cho. Nhà nước do dân lập nên, do dân bầu ra, dân giám sát và bãi miễn. Đó là nhà nước hoạt động vì dân, lấy việc phục vụ nhân dân làm mục tiêu cao nhất của mình. Sức mạnh của Nhà nước ta bắt nguồn từ sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết toàn dân; Nhà nước phải thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của dân, bảo đảm trên thực tế mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, với nền kinh tế nhiều thành phần, cơ cấu xã hội nước ta bao gồm nhiều giai cấp, tầng lớp khác nhau: công nhân, nông dân, trí thức, tiểu chủ, tư sản... Mọi công dân đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ theo pháp luật. Nhà nước ta đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng, tạo điều kiện cho mọi người, mọi tầng lớp phát huy khả năng của mình đóng góp vào sự nghiệp chung đó.

Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân là liên minh công nhân, nông dân và trí thức. Đảng và Nhà nước ta chăm lo củng cố vững chắc nền tảng ấy, có chính sách xây dựng giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức lớn mạnh, phát huy lực lượng to lớn của họ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là vấn đề thuộc bản chất của Nhà nước ta, nó vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung, của công cuộc đổi mới hiện nay nói riêng.

Tư tưởng "dân là gốc" phải được quán triệt trong mọi hoạt động của Nhà nước từ hoạch định chính sách đến tổ chức thực hiện.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là dân chủ với nhân dân, là bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực từ kinh tế đến chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng. Quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm bằng pháp luật, cơ chế, chính sách, được hoàn thiện và nâng cao trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và mở mang dân trí.

Dân chủ đi đôi với kỷ cương, trật tự; dân chủ được thể chế hoá thành pháp luật và dân chủ trong khuôn khổ pháp luật.

Dân chủ đi liền với chuyên chính; dân chủ với nhân dân và chuyên chính với những hành vi xâm phạm lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân.

Hiện nay, tệ quan liêu, nạn tham nhũng còn khá nặng nề trong bộ máy nhà nước ta, quyền làm chủ của dân còn bị vi phạm nghiêm trọng ở nhiều nơi. Khắc phục những tệ nạn đó, làm trong sạch bộ máy, phát huy nền dân chủ xã hội chủ

nghĩa là vận mệnh sống còn của chế độ, của chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Nhà nước ta tôn trọng và bảo đảm các quyền con người. Giải phóng con người gắn liền với giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội. Có độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thì quyền con người mới được bảo đảm tốt nhất.

Ta coi trọng bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, của con người song lợi ích cá nhân phải được kết hợp hài hoà với lợi ích của tập thể, của cả cộng đồng xã hội. Mọi công dân trước hết là những đảng viên, những cán bộ nhà nước phải luôn luôn đặt lợi ích của Tổ quốc lên trên hết; khi Tổ quốc lâm nguy phải sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân, kể cả tính mạng, để bảo vệ độc lập tự do của Tổ quốc.

Hiện nay các thế lực thù địch đang lợi dụng chiêu bài dân chủ và nhân quyền để vu cáo, chống phá ta. Cần nêu cao chính nghĩa của ta, chủ động nắm vững ngọn cờ dân chủ và nhân quyền, đánh bại thủ đoạn lợi dụng chiêu bài này trong âm mưu chiến lược "diễn biến hoà bình" và bạo loạn lật đổ của các thế lực đế quốc.

II- QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC THỐNG NHẤT, CÓ SỰ PHÂN CÔNG VÀ PHỐI HỢP CHẶT CHẼ GIỮA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC THỰC HIỆN BA QUYỀN: LẬP PHÁP, HÀNH PHÁP, TƯ PHÁP

1. Quyền lực nhà nước ta là thống nhất, không thể có sự phân chia cắt khúc, đối chọi nhau. Điều đó bắt nguồn từ quan điểm "tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân", nhân dân là chủ thể và là cội nguồn của quyền lực nhà nước. Thêm nữa, sự lãnh đạo duy nhất của Đảng ta là đảng cầm

quyền đại diện cho lợi ích của dân tộc, của nhân dân, là điều kiện bảo đảm thực hiện quyền lực nhà nước thống nhất. Quyền lực nhà nước thống nhất tạo ra sức mạnh tổng hợp, và ta cần phát huy sức mạnh đó.

Nhân dân trao quyền lực nhà nước cho Quốc hội được bầu ra bằng đầu phiếu phổ thông, trực tiếp, bỏ phiếu kín. Như vậy Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Quyền lực nhà nước bao gồm ba quyền chính: lập pháp, hành pháp, và tư pháp. Quyền lực nhà nước cao nhất thống nhất vào Quốc hội, có nghĩa là Quốc hội nắm quyền lập pháp, đồng thời thực hiện một số nhiệm vụ thuộc quyền hành pháp và quyền tư pháp ở chỗ Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản, những nhiệm vụ trọng yếu về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, quyết định về tổ chức và bố trí nhân sự chủ chốt trong bộ máy nhà nước, thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Các chức vụ và cơ quan nhà nước như Chủ tịch nước, Thủ tướng và các thành viên Chính phủ, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Toà án nhân dân tối cao đều do Quốc hội cử ra và chịu trách nhiệm trước Quốc hội.

Vì vậy phải kiện toàn và phát huy vai trò, vị trí đó của Quốc hội trong hệ thống bộ máy Nhà nước ta.

2. Đồng thời phải có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, mà không thể chỉ một cơ quan nào trực tiếp thực thi nổi cả ba quyền đó. Ý nghĩa của nó trước hết - như cách nói của Ăngghen - là sự phân công lao động theo kiểu công nghiệp trong thực hiện quyền lực

nhà nước. Điều đó cũng còn có ý nghĩa ngăn ngừa tình trạng chuyên quyền, độc đoán.

Phân công giữa các cơ quan nhà nước thực hiện ba quyền khác với "tam quyền phân lập", vì có sự thống nhất quyền lực nhà nước cao nhất ở Quốc hội, và có sự phối hợp mật thiết giữa các cơ quan nhà nước.

Phân công các cơ quan nhà nước thực hiện ba quyền không có nghĩa là mỗi quyền chỉ tương ứng với một cơ quan nhà nước nắm giữ trọn vẹn quyền đó, và tách biệt, cắt rời khỏi nhau.

Quốc hội là cơ quan duy nhất nắm quyền lập pháp, đồng thời cũng có trách nhiệm và quyền hạn về một số việc thuộc quyền hành pháp và tư pháp, như trên đây đã nói.

Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, có vai trò ảnh hưởng nhất định đến cả quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp theo những nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong *Hiến pháp.* Đối với các lực lượng vũ trang nhân dân, Đảng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, và được thể chế hoá về mặt nhà nước ở những quy định của *Hiến pháp,* trong đó có vai trò của Chủ tịch nước là người thống lĩnh các lực lượng vũ trang nhân dân và giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh.

Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thống nhất quản lý và điều hành việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước. Chính phủ thực thi quyền hành pháp, đồng thời cũng có trách nhiệm lớn trong quá trình lập pháp, đề xuất và chuẩn bị các dự án luật đưa ra Quốc hội, và có trách nhiệm trong

việc tổ chức, tạo cơ sở vật chất bảo đảm cho hoạt động tư pháp có hiệu quả.

Toà án là cơ quan xét xử, đó là chức năng trung tâm của quyền tư pháp. Song để bảo đảm cho hoạt động xét xử được nghiêm minh, kịp thời thì còn phải có hoạt động của *Viện kiểm sát* tiến hành kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố và hoạt động của nhiều cơ quan khác của Chính phủ trên lĩnh vực tư pháp.

Vì vậy, cần không ngừng hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước, xác định rõ chức năng, quyền hạn, các mối quan hệ trong hệ thống đó, bảo đảm quyền lực nhà nước thống nhất và phát huy đầy đủ cả ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

III- QUÁN TRIỆT NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG DÂN CHỦ TRONG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Kết hợp đúng đắn tập trung và dân chủ là yếu tố quyết định sức mạnh tổ chức và hiệu lực của bộ máy nhà nước ta. Nó tạo ra sự thống nhất tổ chức và hành động, phát huy đồng thời và kết hợp chặt chẽ sức mạnh của cả tập thể và từng cá nhân, của cả nước và từng địa phương, từng cơ sở, của từng tổ chức và cả hệ thống bộ máy nhà nước.

Trên lĩnh vực tổ chức, kết hợp đúng tập trung và dân chủ được quán triệt trong các luật, nghị định, quy chế về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, được quy định cụ thể sát hợp với tính chất, chức năng của từng tổ chức, từng lĩnh vực hoạt động. Tinh thần này đã được thể hiện trong các luật về

tổ chức Quốc hội, Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp và các văn bản pháp luật có liên quan, cần được nhận thức và chấp hành nghiêm túc.

2. Tăng cường sự lãnh đạo và điều hành tập trung thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy trách nhiệm và tính chủ động, năng động của địa phương

Phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của mỗi cấp chính quyền. Tập trung vào Trung ương quyền quyết định những vấn đề ở tầm vĩ mô, đó là ban hành pháp luật, cơ chế, chính sách, là chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội, là nắm những công cụ, những nguồn lực quan trọng đủ sức tác động đến quy mô, tốc độ, định hướng phát triển kinh tế, xã hội, là quản lý các hoạt động đối ngoại, và bảo đảm sự nghiệp quốc phòng, an ninh.

Phân cấp quản lý, phát huy tính chủ động và trách nhiệm của chính quyền địa phương khai thác mọi tiềm năng, đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, chăm lo đời sống, đáp ứng những nhu cầu bức thiết của nhân dân địa phương. Xác định rõ nhiệm vụ đi đôi với giao đủ quyền, điều kiện và phương tiện bảo đảm thực hiện được nhiệm vụ.

Khắc phục những biểu hiện lệch lạc của cả hai khuynh hướng: phân tán cục bộ và tập trung quan liêu.

3. Hệ thống chính quyền nhà nước ta gồm bốn cấp - như đã được xác định trong Hiến pháp 1992

Mỗi cấp đều có vị trí quan trọng của nó, đều phải được kiện toàn vững mạnh thì mới phát huy sức mạnh của cả hệ thống, mà không thể xem nhẹ một cấp nào.

Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nguyên lý đó được thể hiện nhất quán trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương và cơ sở.

Vì những lẽ đó, ở mỗi cấp chính quyền địa phương, nhân dân bầu ra Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Hội đồng nhân dân bầu ra Uỷ ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Không thể thay Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân bằng một cá nhân đại diện cho chính quyền cấp trên.

Đương nhiên phải kiện toàn bộ máy Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân vững mạnh, gọn, tinh, phân định rõ chức năng, chú trọng chất lượng và hiệu quả công việc, khắc phục tình trạng làm việc hình thức chủ nghĩa, bộ máy cồng kềnh, chồng chéo, nặng nề.

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các cấp vừa chịu trách nhiệm trước Chính phủ và Uỷ ban nhân dân cấp trên, vừa chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân cùng cấp, chứ không đơn thuần chỉ là công chức hành chính nhà nước. Vì vậy cơ chế kết hợp giữa Hội đồng nhân dân bầu Chủ tịch Uỷ ban nhân dân với phê chuẩn của Thủ tướng (hoặc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp trên) là cần thiết.

Bên cạnh đội ngũ cán bộ lãnh đạo chính quyền do dân cử, cần xây dựng đội ngũ công chức có chuyên môn, nghiệp vụ sâu và được bố trí công tác ổn định, chuyên môn hoá.

IV- TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ XÃ HỘI BẰNG PHÁP LUẬT, ĐỒNG THỜI COI TRỌNG GIÁO DỤC NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, theo pháp luật. Đó là cơ sở chủ yếu điều chỉnh các quan hệ cơ bản trong xã hội: giữa công dân với công dân, giữa công dân với Nhà nước, giữa Nhà nước với các tổ chức xã hội, v.v.. Bản thân Nhà nước cũng được tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ những quy định của pháp luật. Với ý nghĩa ấy, chúng ta chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Không ngừng *tăng cường nền pháp chế xã hội chủ nghĩa* phù hợp với đòi hỏi của thời kỳ mới, trên cả ba lĩnh vực: xây dựng pháp luật, chấp hành pháp luật, bảo vệ pháp luật.

Tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh pháp luật đáp ứng đòi hỏi quản lý nhà nước đối với nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, đối với việc mở cửa với bên ngoài; bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ công dân về kinh tế, chính trị, xã hội, lao động, dân sự, đấu tranh chống các tệ nạn xã hội; hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước, cải cách nền hành chính nhà nước, tăng cường quốc phòng - an ninh, nhằm bảo vệ Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội.

Pháp luật phải được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Sống và làm việc theo *Hiến pháp* và pháp luật phải trở thành đạo đức hàng đầu, thành nếp sống tốt đẹp của mọi người. Kiên quyết đấu tranh chống tình trạng coi thường pháp luật, kỷ cương phép nước không nghiêm, trước hết từ

trong nội bộ, từ bên trên. Mọi cơ quan nhà nước, tổ chức đảng, mọi đảng viên, cán bộ lãnh đạo đều phải chấp hành nghiêm pháp luật. Nhân viên nhà nước chỉ được làm những việc theo pháp luật, không được làm bất cứ việc gì ngoài quyền hạn cho phép của pháp luật. Nghiêm cấm từng ngành, từng địa phương tự ý đặt ra luật lệ trái với pháp luật. Điều đó hoàn toàn không hạn chế việc phát huy tính năng động, sáng tạo của các ngành, địa phương trong quá trình chấp hành pháp luật nhà nước và đường lối của Đảng.

Tăng cường bảo vệ pháp luật; mọi hành vi vi phạm pháp luật bất kỳ của ai, ở đâu đều phải được phát hiện và xử lý.

2. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa, kết hợp biện pháp hành chính với giáo dục tư tưởng, nâng cao dân trí, kết hợp sức mạnh của pháp luật với sức mạnh của quần chúng. Đây chính là một nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quản lý xã hội, về nhà nước và pháp luật.

Pháp luật và đạo đức có quan hệ khăng khít với nhau. Nhiều quy định pháp luật được chắt lọc từ những truyền thống đạo đức, những tập quán tốt đẹp của nhân dân trong ứng xử các quan hệ xã hội. Mặt khác, những quy định pháp luật phải được tuyên truyền giáo dục để nhân dân tự giác tuân thủ, trở thành nếp sống, chuẩn mực đạo đức của nhân dân.

Nhà nước quản lý xã hội không chỉ bằng uy quyền pháp luật, mà còn bằng tấm gương đạo đức của viên chức nhà nước, làm cho dân phục, dân tin mà nghe theo, làm theo. Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò của pháp luật, đồng thời nêu tấm gương đạo đức cao cả về yêu nước, thương

dân, lòng nhân ái, bao dung, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, qua đó nhân dân vô cùng quý mến, tin cậy, tự giác làm theo những chủ trương của Người, của Đảng và Nhà nước đề ra. Đó chính là truyền thống tốt đẹp kết hợp pháp luật với đạo đức của dân tộc ta từ lịch sử lâu đời, được kết tinh ở Chủ tịch Hồ Chí Minh. Phát huy truyền thống đó, cán bộ, viên chức nhà nước ta phải luôn luôn ghi nhớ và trau dồi đạo đức cách mạng theo lời dạy của Hồ Chủ tịch, kiên quyết đấu tranh chống tệ quan liêu, mệnh lệnh, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi, xa rời nhân dân.

Đi đôi với giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng những truyền thống đạo đức tốt đẹp trong nhân dân, xây dựng con người mới, gia đình văn hoá, cần tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật trong nhân dân, trước hết trong Đảng và cơ quan nhà nước, làm cho mọi người hiểu và làm theo pháp luật.

Phải dựa vào quần chúng, lấy quần chúng giáo dục quần chúng, qua phong trào quần chúng mà ngăn chặn và đấu tranh chống vi phạm, tội phạm. Phát huy vai trò của các đoàn thể nhân dân cùng với chính quyền cơ sở hoà giải các tranh chấp trong nội bộ nhân dân, không để diễn biến quá phức tạp.

Đối với kẻ phạm tội, chính sách xử lý phải nghiêm minh, công bằng theo pháp luật. Xử lý kẻ phạm tội nhằm mục đích chính là cải tạo, cảm hoá. Bắt nhiều, xử lý nặng không hẳn là thành tích, mà cuối cùng là hiệu quả ngăn chặn, phòng ngừa tội phạm. Hồ Chủ tịch từng nói: "xét xử đúng là tốt nhưng không phải xét xử thì càng tốt hơn". Lời nói sâu sắc đó

là phương châm chỉ đạo công tác đấu tranh phòng ngừa và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

V- TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Việc kiện toàn Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đòi hỏi tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng

Do thành quả đấu tranh cách mạng lâu dài của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành đảng cầm quyền và chính điều đó quy định đặc trưng bản chất của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thiếu vai trò lãnh đạo của Đảng, Nhà nước không còn mang bản chất giai cấp công nhân, thì đó không còn là Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa, không còn là Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Mặt khác, Đảng cầm quyền thông qua Nhà nước để quản lý xã hội. Phát huy vai trò và hiệu lực quản lý xã hội của Nhà nước làm cho đường lối của Đảng đi được vào cuộc sống, trở thành hiện thực xã hội. Cho nên tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và xây dựng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có mối quan hệ thống nhất với nhau.

Trong tình hình hiện nay, hơn lúc nào hết cần khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, đấu tranh vạch trần các luận điệu thù địch hoặc những nhận thức, quan điểm mơ hồ, lệch lạc về vai trò lãnh đạo của Đảng.

2. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước phải gắn liền và dựa trên cơ sở đổi mới và chỉnh

đốn Đảng. Bởi vì, vai trò lãnh đạo của Đảng được tăng cường không phải nhờ vào uy quyền, mệnh lệnh mà ở năng lực lãnh đạo vạch ra định hướng chính trị đúng đắn, và ở năng lực tổ chức thực hiện của Đảng thông qua công tác tuyên truyền, thuyết phục làm cho mọi tổ chức và toàn xã hội tự giác chấp nhận, ở tính gương mẫu và vai trò tiên phong chiến đấu của tổ chức đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên, ở sự gắn bó, tín nhiệm của quần chúng đoàn kết phấn đấu theo Đảng.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng bao gồm đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị.

Sự lãnh đạo của Đảng có nội dung toàn diện, bao gồm lãnh đạo chính trị, lãnh đạo tư tưởng, lãnh đạo tổ chức và cán bộ, lãnh đạo cả quá trình từ xây dựng đường lối đến chỉ đạo thực hiện ở những khâu then chốt. Lãnh đạo chính trị đầu tiên là đường lối, nhưng còn bao gồm cả những định hướng, những chủ trương xử lý tuy cụ thể mà có quan hệ nhiều mặt, có ảnh hưởng chính trị rộng trong quần chúng, có tác động đến quan hệ đối ngoại. Ở đây không thể vạch ra một phạm vi cụ thể, một ranh giới cứng đờ mà tuỳ thuộc ở năng lực của cấp uỷ trong từng thời gian biết lựa chọn đâu là những vấn đề quan trọng then chốt cần đưa ra cấp uỷ bàn bạc lãnh đạo; và cả ở ý thức đảng của những đồng chí phụ trách cơ quan nhà nước biết đề xuất những vấn đề cần xin ý kiến của Đảng mà không dựa dẫm, ỷ lại vào Đảng. Nhà nước thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng và có chức năng quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương đó. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Đảng lãnh đạo qua việc theo dõi, kiểm tra, khuyến khích những việc làm tốt,

đúng hướng, uốn nắn kịp thời những lệch lạc về quan điểm nếu có, bàn bạc, cho chủ trương đối với những vấn đề quan trọng mới nảy sinh, coi trọng việc bố trí cán bộ, yêu cầu đảng viên gương mẫu đi đầu thực hiện pháp luật và quyết định của Nhà nước, và chỉ đạo sự phối hợp giữa các tổ chức phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

Đảng chọn những đảng viên có đức, có tài, có tính đảng cao đưa ra ứng cử vào Quốc hội, và có trách nhiệm vận động cho đảng viên đó trúng cử, tạo điều kiện cho đảng viên đó hoàn thành nhiệm vụ. Nếu có đảng viên nào làm trái đường lối,chủ trương của Đảng, thì Đảng phải kịp thời giáo dục, uốn nắn; nếu vẫn tiếp tục phạm sai lầm thì Đảng đề nghị Quốc hội bãi miễn.

Khác với phương thức quản lý nhà nước, phương thức lãnh đạo của Đảng tuyệt đối không dùng mệnh lệnh hành chính, không ra lệnh cho Nhà nước, cho quần chúng, mà bằng phương thức ra nghị quyết về những vấn đề cần thiết để cho đảng viên, tổ chức đảng trong bộ máy nhà nước thi hành, đồng thời Đảng kiểm tra việc thực hiện. Đảng lãnh đạo thông qua đảng uỷ, đảng đoàn, ban cán sự, qua đảng viên hoạt động ở cơ quan nhà nước. Tổ chức đảng và đảng viên hoạt động ở đó phải có ý thức tổ chức kỷ luật, nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Đảng viên là thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm bảo đảm và tạo điều kiện cho sự lãnh đạo của đảng uỷ, đảng đoàn, ban cán sự có chất lượng và hiệu quả, theo nguyên tắc tập thể cấp uỷ lãnh đạo, cá nhân phụ trách theo chức trách được giao.

Đảng lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xây dựng nền pháp chế xã hội chủ nghĩa, nhưng Đảng và mọi đảng viên phải

hoạt động trong khuôn khổ *Hiến pháp* và pháp luật và gương mẫu chấp hành.

Phần thứ ba

CHỦ TRƯƠNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

Kiện toàn Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một quá trình tương đối lâu dài với những bước đi vững chắc gắn liền với quá trình đổi mới kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và đổi mới hệ thống chính trị.

Trong thời gian tới, tập trung sức thực hiện tốt một số chủ trương, nhiệm vụ quan trọng sau đây:

I- TIẾP TỤC ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI

1. Quốc hội cần tăng cường hoạt động lập pháp. Phấn đấu trong vài năm tới có đủ các đạo luật để điều chỉnh các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội, nhất là các lĩnh vực về hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế, về quản lý hành chính nhà nước, về tư pháp, về quốc phòng và an ninh, về bảo đảm quyền dân chủ của công dân.

Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội cân nhắc chu đáo nhu cầu và khả năng, để xác định kế hoạch xây dựng pháp luật dài hạn và hằng năm cho hợp lý.

Tăng cường công tác xây dựng luật của Quốc hội, giảm bớt dần hình thức pháp lệnh của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

có thể linh hoạt nâng các dự án pháp lệnh được chuẩn bị tốt thành dự án luật; đối với những pháp lệnh sau một thời gian thực hiện thấy có hiệu quả có thể chuyển thành luật do Quốc hội ban hành. Tập trung công tác lập quy ở Chính phủ nhằm cụ thể hoá thi hành luật; trong những năm trước mắt, do còn thiếu luật, nhiều vấn đề mới nảy sinh đòi hỏi có sự chỉ đạo kịp thời cho nên Chính phủ có thể ban hành một số văn bản pháp quy độc lập, qua một thời gian thực hiện, rút kinh nghiệm, hoàn chỉnh thành dự án luật trình ra Quốc hội.

Yêu cầu quan trọng đầu tiên của các văn bản pháp luật là phải thể chế hoá đúng đường lối, quan điểm của Đảng, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Các chế định pháp lý phải phù hợp với yêu cầu thực tế cuộc sống, phải dựa trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn Việt Nam, có nghiên cứu tham khảo chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài nhưng không sao chép, rập khuôn.

Hệ thống các văn bản pháp luật phải tuân theo một trật tự nhất quán: văn bản của cấp dưới không được trái với văn bản của cấp trên.

Cần nghiên cứu xây dựng quy trình làm luật, xác định phạm vi nội dung, thủ tục, thẩm quyền ban hành đối với từng loại văn bản như: bộ luật, luật, pháp lệnh và nhất là các văn bản dưới luật để khắc phục tình trạng chồng chéo, lộn xộn.

Tránh tình trạng cục bộ, chủ quan trong công tác xây dựng luật, trong tiểu ban soạn thảo dự án luật, ngoài cơ quan chủ trì, cần có đại diện những ngành liên quan tham gia. Cũng tránh tình trạng dễ làm, khó bỏ, dự án luật nào dễ thì làm trước, dự án nào khó dù cấp thiết thì để lại sau, hoặc

tránh né những vấn đề phức tạp dành cho văn bản dưới luật quy định.

Nội dung luật cần được thể hiện rõ ràng, dễ hiểu, những điểm gì đã đủ căn cứ thì quy định cụ thể ngay trong luật, để sau khi ban hành có thể thi hành ngay, không phải chờ đợi quá nhiều văn bản hướng dẫn.

- Quốc hội cần thực hiện tốt hơn nữa chức năng *xem xét và quyết định những vấn đề quan trọng* của đất nước. Để thật sự là người làm chủ ngân sách nhà nước, Quốc hội cần quyết định và giám sát những khoản thu, chi lớn của ngân sách nhà nước.

- Cần làm tốt hơn nữa *công tác giám sát* của Quốc hội, là lĩnh vực hoạt động còn kém hiệu quả của Quốc hội trong thời gian qua. Một mặt cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tại kỳ họp Quốc hội, xem xét và phê chuẩn các báo cáo trình ra kỳ họp, đặc biệt là phát huy hình thức chất vấn tại các phiên họp toàn thể của Quốc hội, qua đó bày tỏ thái độ tín nhiệm hay không đối với người phụ trách điều hành một lĩnh vực hoạt động nào đó của Chính phủ, Viện Kiểm sát và Toà án. Mặt khác, giữa hai kỳ họp Quốc hội, cần tăng cường hoạt động giám sát của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các uỷ ban của Quốc hội, các đoàn đại biểu quốc hội, và xác định trách nhiệm xử lý các nhận xét, kiến nghị qua những hoạt động giám sát đó. Mọi đại biểu Quốc hội phải gương mẫu chấp hành pháp luật và tham gia giám sát việc chấp hành pháp luật ở địa phương, đơn vị công tác của mình. Chú trọng giám sát hoạt động thực hiện các luật được Quốc hội ban hành, qua tổng kết thực tiễn mà đôn đốc thực hiện hoặc rút kinh nghiệm bổ sung, hoàn chỉnh luật.

2. Tiếp tục đổi mới về tổ chức, kiện toàn các cơ quan của Quốc hội

Mở rộng thêm số đại biểu Quốc hội làm việc chuyên trách có năng lực; nghiên cứu tỉ lệ hợp lý giữa đại biểu Quốc hội chuyên trách và đại biểu Quốc hội kiêm nhiệm là những người vừa tham gia hoạt động của Quốc hội, vừa đồng thời làm cán bộ quản lý nhà nước, sản xuất - kinh doanh hoặc đại diện cho đoàn thể nhân dân, bảo đảm cho các luật và quyết định của Quốc hội sát với thực tiễn đời sống đất nước và tâm tư nguyện vọng của nhân dân.

Đối với Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, nên nghiên cứu tăng thêm một số uỷ viên có năng lực, để đủ sức bao quát nhiều lĩnh vực hoạt động rộng lớn của Quốc hội, nhất là hoạt động lập pháp và hoạt động giám sát. Uỷ ban Thường vụ Quốc hội nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị cho các kỳ họp của Quốc hội, trình Quốc hội quyết định những vấn đề hoặc dự án luật đã được chuẩn bị chu đáo. Uỷ ban Thường vụ Quốc hội làm tốt nhiệm vụ giải thích luật, để có nhận thức và vận dụng thống nhất trong cả nước. Phân định rõ trách nhiệm của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ trong việc giám sát, kiểm tra và hướng dẫn Hội đồng nhân dân các cấp.

Hội đồng Dân tộc các uỷ ban của Quốc hội cần được tiếp tục kiện toàn, có bộ phận thường trực đủ mạnh, tăng thêm số đại biểu Quốc hội chuyên trách; thành phần của Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban cũng cần có sự kết hợp hài hoà giữa đại biểu chuyên trách và đại biểu kiêm nhiệm, phù hợp với từng lĩnh vực của các uỷ ban phụ trách. Các báo cáo thẩm định của các uỷ ban cần thật sự có tính độc lập, khách quan, giúp cho Quốc hội quyết định đúng đắn và nhanh hơn về các

vấn đề hoặc dự án luật được trình ra Quốc hội. Tăng cường chế độ sử dụng các chuyên gia giỏi làm tư vấn cho các uỷ ban của Quốc hội. Bộ máy giúp việc của Quốc hội cần được kiện toàn tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

II- CẢI CÁCH MỘT BƯỚC NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

1. Mục tiêu tổng quát vừa lâu dài vừa cấp bách của cải cách hành chính là tổ chức nền hành chính nhà nước phù hợp với những quan điểm cơ bản xây dựng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đó phải là một nền hành chính dân chủ, trong sạch, sát dân, sát cơ sở, thể hiện ý chí, nguyện vọng của dân, đáp ứng mọi yêu cầu, quyền lợi hợp pháp của dân, đồng thời giữ vững kỷ cương trật tự xã hội.

Đó phải là nền hành chính phục vụ đắc lực cải cách và phát triển kinh tế, tăng cường năng lực quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Đó là một nền hành chính mạnh, tập trung thống nhất, thông suốt, đồng thời có sự phân cấp, phân quyền hợp lý, phát huy sức mạnh của cả hệ thống.

2. Cải cách thể chế hành chính bảo đảm thực hiện dân chủ với dân và giữ gìn trật tự kỷ cương xã hội

Cải cách hành chính nhằm bảo đảm tốt hơn quyền làm chủ của dân. Trong mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước với dân, phải thấu triệt tư tưởng cơ quan và công chức nhà nước

là công bộc của dân, phục vụ nhân dân chứ không phải là người ban ơn cho dân. Cải cách các quy tắc, thủ tục hành chính với những thể thức đơn giản, rõ ràng để công chức nắm vững, chấp hành nghiêm túc vì sự thuận tiện cho dân, chống quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, tham nhũng. Cải tiến, bổ sung thể chế và đề cao trách nhiệm của các cơ quan hành chính trong việc xử lý các khiếu nại của dân. Chuẩn bị điều kiện thành lập Toà án hành chính để giải quyết các khiếu kiện của công dân đối với cơ quan hành chính nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Đồng thời, cải cách hành chính phải bảo đảm giữ gìn trật tự, kỷ cương xã hội tốt hơn, khắc phục tình trạng coi thường pháp luật. Trước hết bắt đầu từ các cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, phải gương mẫu và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật. Phải rà soát, bổ sung, và khắc phục các sơ hở trong các văn bản pháp luật dễ bị lợi dụng hoặc hiểu sai. Tăng cường việc tuyên truyền giáo dục pháp luật trong Đảng, cơ quan nhà nước, nhân dân, trong các nhà trường, xây dựng ý thức mọi công dân sống và làm việc theo pháp luật; động viên phong trào quần chúng đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật

3. Xác định rõ chức năng, thẩm quyền, sắp xếp cơ cấu tổ chức hợp lý của hệ thống hành chính

Trước đây trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp, sự điều hành các hoạt động kinh tế chủ yếu bằng văn bản lập quy và các chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh của Chính phủ, các tranh chấp kinh tế được giải quyết chủ yếu bằng cơ quan trọng tài của Chính phủ với các phương pháp xử lý hành chính. Ngày nay trong nền kinh tế nhiều thành

phần và với cơ chế kinh tế mới, việc điều chỉnh các hoạt động kinh tế chủ yếu là bằng các đạo luật của Quốc hội và giải quyết các tranh chấp kinh tế là bằng con đường tài phán của Toà án kinh tế.

Nhưng điều đó không có nghĩa là giảm nhẹ vai trò, chức năng của Chính phủ trên lĩnh vực kinh tế. Vai trò quản lý nhà nước đối với nền kinh tế thị trường trở nên quan trọng và phức tạp hơn nhiều; Chính phủ phải hoạch định đúng các quy hoạch, kế hoạch định hướng phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ chế, chính sách đúng, khéo sử dụng các công cụ điều tiết thuế, tín dụng, tiền tệ, xây dựng và phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, v.v., bảo đảm cho nền kinh tế thị trường phát triển theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực xã hội cũng trở nên quan trọng và phức tạp hơn, tạo các cơ sở phúc lợi công cộng, thực hiện các chính sách xã hội, thu hẹp phân hoá giàu nghèo, khắc phục bất công và các tệ nạn xã hội là những mặt tiêu cực của nền kinh tế thị trường.

Trong tình hình mới, Chính phủ chăm lo củng cố sức mạnh quốc phòng, an ninh, tăng cường hoạt động đối ngoại, bảo vệ quyền lợi quốc gia và chủ quyền lãnh thổ.

Các bộ hợp thành cơ cấu tổ chức của Chính phủ. Bộ trưởng là thành viên Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước đối với ngành, lĩnh vực được phân công trong phạm vi cả nước, toàn xã hội, có sự kết hợp đúng quản lý ngành với quản lý theo lãnh thổ. Bảo đảm đầy đủ quyền tự chủ của các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc quyền quản lý nhà nước của các bộ.

Nghiên cứu sắp xếp hợp lý tổ chức các bộ phù hợp với chức năng mới, giảm bớt các đầu mối thuộc cơ cấu Chính phủ.

Xác định chức năng của Bộ Quốc phòng vừa là cơ quan chỉ huy quân sự (Bộ Tổng tham mưu) vừa là cơ quan của Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quốc phòng trong cả nước, chỉ đạo và kiểm tra các cấp, các ngành thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.

Bộ Nội vụ bên cạnh chức năng trực tiếp chỉ đạo lực lượng trinh sát, chiến đấu, hoạt động tư pháp, cần làm tốt chức năng là cơ quan của Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về an ninh, trật tự xã hội ở các ngành, các cấp, các tổ chức xã hội và công dân.

Cùng với việc tăng cường quản lý tập trung thống nhất của Chính phủ trên các vấn đề quản lý vĩ mô như nói trên, cần đồng thời mở rộng dân chủ, phân cấp quản lý cho địa phương phù hợp với vị trí từng cấp và đặc điểm từng lĩnh vực hoạt động, nhằm tăng cường trách nhiệm của địa phương đối với trung ương đi đôi với giao quyền quyết định những vấn đề có tính địa phương gắn liền với cuộc sống của người dân. Phân cấp về thu, chi ngân sách phù hợp với vị trí mỗi cấp, phân bổ ngân sách trên cơ sở xác định rõ nhiệm vụ quản lý của mỗi cấp, và tạo cho mỗi cấp có được sự chủ động cần thiết.

Quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân mỗi cấp, trên cơ sở *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân.* Hội đồng nhân dân đề ra các biện pháp có hiệu lực để thực hiện các chủ trương, chính sách của cấp trên, đồng thời trong phạm vi được phân cấp hội đồng nhân dân cần hoạch định chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, kiểm soát ngân sách nhà nước được trung ương phân cấp cho địa phương, tăng

cường hoạt động giám sát đối với các cơ quan chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế - xã hội trên lãnh thổ trong việc chấp hành pháp luật, chỉ thị của cơ quan hành chính cấp trên và nghị quyết của hội đồng nhân dân địa phương.

Việc thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc uỷ ban nhân dân các cấp theo hướng tinh, gọn đầu mối, không nhất thiết trên trung ương có bộ nào thì ở tỉnh cũng phải có sở tương ứng, và có tính đến đặc thù từng vùng khác nhau, theo quy định của Chính phủ.

Bộ máy chính quyền cấp tỉnh được kiện toàn tương xứng với vị trí quan trọng của nó, bảo đảm công việc quản lý nhà nước thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trên phạm vi lãnh thổ, đủ năng lực quán triệt và vận dụng sáng tạo, triển khai thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước ở địa phương.

Cấp huyện là cấp trên trực tiếp của cơ sở, chính quyền huyện được củng cố để có thể sâu sát cơ sở, chăm lo xây dựng cơ sở vững mạnh, tạo điều kiện cho cơ sở hoạt động, đủ sức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc hoạt động của chính quyền cơ sở.

Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước rút cuộc được thực hiện ở cấp cơ sở. Rất coi trọng xây dựng chính quyền cấp cơ sở trong sạch, vững mạnh, nhất là chính quyền xã trên địa bàn nông thôn rộng lớn, để trực tiếp chăm lo quyền lợi hằng ngày của dân, có khả năng đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và từng bước hiện đại hoá nông thôn. Phát huy truyền thống tốt đẹp của làng xã mang tính cộng đồng, tự quản, nêu cao tình làng nghĩa xóm, đi đôi với chấp hành nghiêm pháp luật, chính sách của Nhà nước. Thôn, bản, ấp không phải là một cấp hành chính nhà

nước, nhưng cần có trưởng thôn, trưởng bản, trưởng ấp được dân tín nhiệm cử ra và là đại diện chính quyền xã, cùng với một số lực lượng như dân quân, công an... ở từng thôn, bản, ấp, đi đôi với tổ chức đảng (chi bộ hoặc tổ đảng) và các chi hội của các đoàn thể nhân dân trên địa bàn thôn, bản, ấp.

4. Làm tốt công tác cán bộ, tuyển chọn, đào tạo đội ngũ công chức

Trước hết cần làm tốt việc lựa chọn, bố trí, đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý nhà nước, nhất là số xuất thân từ công nhân. Đó phải là những cán bộ chính trị vững vàng, nắm vững đường lối quan điểm của Đảng, có kiến thức quản lý kinh tế - xã hội, am hiểu pháp luật, xứng đáng là những người đại biểu của nhân dân để quản lý đất nước. Cần sắp xếp hợp lý hệ thống trường đảng và trường hành chính; cán bộ quản lý nhà nước phải được đào tạo về chính trị, mặt khác, cán bộ đảng phải được đào tạo cả về kiến thức quản lý nhà nước.

Phải phát hiện, chăm sóc bồi dưỡng, bố trí và phát huy khả năng của cán bộ, công chức là nữ, dân tộc ít người, người ngoài Đảng có đức, có tài.

Cải cách chế độ công vụ và sắp xếp lại đội ngũ công chức; vừa chăm lo sử dụng, bồi dưỡng những công chức hiện có đã qua rèn luyện thực tiễn, vừa tuyển dụng, đào tạo công chức theo chương trình quy định cho các ngạch bậc khác nhau.

Xây dựng đội ngũ công chức phải kết hợp giữa việc đào tạo theo ngạch công chức có thực hành với việc đào tạo theo văn bằng, học vị tương ứng; vừa chú trọng lý luận, vừa rất

quan tâm đến thực hành; vừa trang bị kiến thức rộng, vừa bảo đảm nâng cao kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn về hành chính để đào tạo công chức thực hành có lý luận. Cần rà soát lại và xây dựng giáo trình giảng dạy ở các trường đào tạo bồi dưỡng công chức, đúng với đường lối quan điểm của Đảng, sát thực tiễn đất nước, nhất là các bộ môn quản lý nhà nước, quản lý kinh tế và pháp luật.

Thực hiện tốt chế độ bổ nhiệm, điều động, bãi miễn công chức để xây dựng được đội ngũ công chức có phẩm chất, trong sạch, tận tụy với công việc, với nhân dân, giỏi nghiệp vụ chuyên môn và làm việc chuyên nghiệp, lâu dài, ổn định. Hướng phấn đấu tiến tới thực hiện chế độ thi tuyển đối với công chức; kiên quyết sa thải số công chức thoái hóa, biến chất, giảm dần số công chức năng lực và hiệu quả làm việc kém.

Sớm hoàn thiện, củng cố hệ thống tổ chức và phân cấp quản lý đội ngũ công chức trong hoàn cảnh mới; định rõ các quy tắc và trách nhiệm, quyền hạn của Chính phủ thống nhất quản lý đội ngũ công chức (kể cả công chức trong bộ máy lập pháp và tư pháp) và trách nhiệm, quyền hạn của các cấp chính quyền địa phương đối với đội ngũ công chức thuộc quyền quản lý.

Đối với đội ngũ cán bộ cấp xã, cùng với việc có chế độ, chính sách đãi ngộ thoả đáng, cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý phù hợp với yêu cầu đổi mới. Trong một số việc chuyên môn ở xã (địa chính, thuế, kế toán tài chính...) cần phải có cán bộ chuyên trách, được đào tạo nghiệp vụ, và được quản lý, bổ nhiệm, công tác ổn định.

III- ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN TƯ PHÁP

1. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung pháp luật, làm cơ sở cho việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong tình hình mới

Để có cơ sở pháp lý cho việc giải quyết đúng đắn, chính xác các tranh chấp về dân sự, bảo vệ các lợi ích hợp pháp của công dân cũng như lợi ích của Nhà nước, cần nhanh chóng hoàn chỉnh dự thảo và sớm ban hành các bộ luật: *Dân sự, Tố tụng dân sự* và những văn bản pháp luật khác liên quan đến việc giải quyết các tranh chấp trong nội bộ nhân dân.

Tiếp theo việc tổ chức toà án kinh tế để xét xử các vụ án kinh tế cần nghiên cứu hình thành các tổ chức trọng tài để thực hiện chức năng hoà giải các tranh chấp theo sự thoả thuận của các bên, nhất là trong lĩnh vực kinh tế.

Nghiên cứu sửa đổi *Bộ luật hình sự,* bổ sung một số hành vi phạm tội mới nảy sinh, đồng thời loại bỏ khỏi bộ luật một số hành vi phạm tội xét thấy không còn phù hợp với chính sách đổi mới hiện nay, nghiên cứu để sửa đổi hệ thống hình phạt, khung hình phạt và những nội dung khác... Đồng thời tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, nghiên cứu sửa đổi *Bộ luật tố tụng hình sự.*

Bên cạnh hình thức giáo dục cải tạo tại chỗ ở cơ sở đối với những đối tượng lưu manh trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút, đĩ điếm..., cần nghiên cứu rút kinh nghiệm, có chính sách giáo dục cải tạo tập trung đối với số phần tử vi phạm nghiêm trọng thuộc các loại đối tượng nói trên.

Nội dung các văn bản pháp luật cần thể hiện rõ quan

điểm trong công tác đấu tranh phòng chống vi phạm, tội phạm là tích cực phòng ngừa, coi đó là phương hướng cơ bản, đi đôi với chủ động tiến công bọn tội phạm, chống các tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật.

Tiếp tục mở rộng quan hệ quốc tế về tương trợ tư pháp, về phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

2. Về tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân

Cải cách toà án trong điều kiện hiện nay cần nhằm xét xử được tội phạm và mọi tranh chấp xuất hiện trong đời sống xã hội sau khi hoà giải không thành.

Nghiên cứu để tiếp tục hình thành các toà chuyên môn hoá.

Trên cơ sở kiện toàn tổ chức và cán bộ, cần nghiên cứu tăng thẩm quyền về xét xử cho toà án nhân dân cấp quận, huyện theo hướng việc xét xử sơ thẩm được giải quyết chủ yếu ở toà án cấp này. Toà án cấp tỉnh chủ yếu làm nhiệm vụ xét xử phúc thẩm, chỉ xét xử sơ thẩm những vụ án không thuộc thẩm quyền của toà án cấp huyện. Toà án nhân dân tối cao chủ yếu làm nhiệm vụ xét xử giám đốc thẩm, tổng kết kinh nghiệm xét xử, nghiên cứu và hướng dẫn các toà án địa phương áp dụng thống nhất pháp luật. Hạn chế việc xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm, chỉ áp dụng đối với một số vụ xét thật cần thiết.

Đổi mới công tác giới thiệu người để bầu và cử làm hội thẩm theo hướng vừa bảo đảm sự tham gia của nhân dân vào công tác xét xử của toà án vừa bảo đảm hội thẩm là những người có năng lực, có trình độ hiểu biết pháp luật nhằm giúp cho việc xét xử được chính xác, sát với thực tiễn đời sống.

Đẩy mạnh công tác xét và giải quyết kháng cáo và các khiếu nại tố cáo về công tác xét xử, bảo đảm sự công bằng và nghiêm minh.

Xây dựng chương trình kế hoạch và có những biện pháp thích hợp để thường xuyên bồi dưỡng, từng bước nâng cao trình độ nghiệp vụ và phẩm chất chính trị của đội ngũ thẩm phán, hội thẩm, cán bộ nghiệp vụ của toà án các cấp có đủ bản lĩnh thực hiện nguyên tắc độc lập trong xét xử, đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới.

Tiếp tục theo dõi, tổng kết thực tiễn công tác quản lý toà án địa phương, xác định rõ trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong công tác quản lý các toà án địa phương về mặt tổ chức, khắc phục tình trạng chồng chéo, hiệu quả phối hợp chưa cao.

3. Về tổ chức và hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân

Cần rút kinh nghiệm để tăng cường hơn nữa công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật về kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, mà không trùng lặp với hoạt động thanh tra nhà nước.

Nghiên cứu sắp xếp tổ chức hợp lý, xây dựng quy chế hoạt động cho các công tác kiểm sát trong lĩnh vực hình sự, dân sự, kinh tế, hành chính nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả kiểm sát việc tuân theo pháp luật.

Tập trung làm tốt chức năng công tố, bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời, đặc biệt là tội xâm phạm an ninh quốc gia và tội tham nhũng, đồng thời khắc phục tình trạng điều tra, xét xử oan sai.

Xây dựng đội ngũ kiểm sát viên theo các tiêu chuẩn của *Pháp lệnh kiểm sát viên,* trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho Viện Kiểm sát.

4. Về tổ chức và hoạt động của các cơ quan điều tra

Nghiên cứu tổ chức hệ thống các cơ quan điều tra cho hợp lý, bớt chồng chéo, bảo đảm sự liên hệ, hỗ trợ nhau trong hoạt động.

Cần xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan điều tra và điều tra viên theo hướng phân biệt thẩm quyền hành chính và thẩm quyền tố tụng. Tăng cường trách nhiệm và tính độc lập của điều tra viên trong hoạt động điều tra.

Tăng cường trang bị cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho cơ quan điều tra.

5. Công tác thi hành án

Cần sớm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về thi hành án theo hướng tiến tới tập trung nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thi hành án từ nhiều đầu mối hiện nay cho Bộ Tư pháp.

Đối với người phạm tội bị phạt tù, cần đối xử nhân đạo, thực hiện những quyền mà họ còn được hưởng. Xây dựng chương trình quốc gia dạy nghề cho phạm nhân và giới thiệu việc làm cho họ sau khi ra tù, giúp họ nhanh chóng tái hoà nhập vào cộng đồng xã hội.

Trước mắt cần trang bị cơ sở vật chất cho các cơ quan thi hành án các cấp. Bổ sung kịp thời đội ngũ cán bộ làm công tác thi hành án, nhất là ở cơ sở, để hoàn thành được công tác thi hành án với số lượng án ngày càng tăng như hiện nay.

6. Về tổ chức, hoạt động của các cơ quan bổ trợ tư pháp

Nghiên cứu để có những quy định cụ thể về nguyên tắc, nội dung hoạt động của các tổ chức bổ trợ tư pháp. Nhà nước cần tăng cường hướng dẫn, theo dõi kiểm tra hoạt động và bồi dưỡng kiến thức pháp lý cho đội ngũ cán bộ, khắc phục các biểu hiện tiêu cực, nhằm mục đích hoàn thiện các tổ chức này hỗ trợ đắc lực và có hiệu quả cho hoạt động xét xử của toà án, góp phần vào việc xét xử được khách quan, chính xác và đúng pháp luật, bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Cần chấn chỉnh công tác dịch vụ và tư vấn pháp lý, nhất là của các tổ chức và người nước ngoài.

IV- PHÁT HUY VAI TRÒ NHÂN DÂN LÀM CHỦ NHÀ NƯỚC

Sự lãnh đạo của Đảng và hoạt động quản lý của Nhà nước phải nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực, nâng cao không ngừng tính chủ động và tiềm năng sáng tạo của nhân dân. Đó là yếu tố quyết định để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta. Tuyệt đối không được biến quần chúng thành những người bị cai trị thụ động chấp hành ý chí của cá nhân người lãnh đạo, như vậy sẽ không tránh khỏi đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa và không thể giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia.

1. Làm tốt việc bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp để nhân dân thật sự xây dựng, thiết lập bộ máy nhà nước của mình.

Hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, hiệp thương giới thiệu những người ra ứng cử để nhân dân thật sự

xem xét, lựa chọn bầu ra những đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân có đức có tài, tiêu biểu cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, loại bỏ những biểu hiện dân chủ hình thức trong bầu cử. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và phát huy dân chủ trong bầu cử. Trong việc giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Quốc hội cần kết hợp hài hoà vai trò của các ngành trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội lựa chọn giới thiệu những đại diện ưu tú của tổ chức mình trong phạm vi cả nước (chứ không chỉ ở cơ quan trung ương như lâu nay), với ý kiến lựa chọn giới thiệu của các địa phương. Cần tăng thêm đại biểu nữ, có tỉ lệ thoả đáng người ngoài Đảng trong các cơ quan dân cử, đương nhiên bảo đảm có đủ tiêu chuẩn quy định.

Nên tham khảo, lắng nghe ý kiến nhân dân, dựa vào nhân dân từ cơ sở để phát hiện, lựa chọn nhân tài giới thiệu người ra ứng cử. Thông tin đầy đủ, tổ chức tiếp xúc thiết thực để cử tri biết rõ về phẩm chất và năng lực của những người ứng cử và được đề cử. Giới thiệu nhiều ứng cử viên có phẩm chất, năng lực để cử tri có điều kiện so sánh, lựa chọn.

Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do ứng cử của công dân, nếu những người đó có đủ tiêu chuẩn theo luật định và có tín nhiệm của nhân dân.

2. Bảo đảm quyền của nhân dân giám sát hoạt động của Nhà nước

Những hoạt động của các cơ quan nhà nước có liên quan đến nhân dân cần để nhân dân biết mà giám sát, kiểm tra. Các phương tiện thông tin đại chúng được quyền và có trách nhiệm thông tin kịp thời, nhanh chóng về hoạt động của các cơ quan nhà nước, nhất là hoạt động của Quốc hội, Uỷ ban

Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, của Toà án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân. Khi điều kiện cho phép, mở rộng việc mời đại diện các tầng lớp nhân dân được dự thính các kỳ họp, và truyền hình trực tiếp đầy đủ các phiên họp của Quốc hội và hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố.

Cải tiến chế độ tiếp xúc, báo cáo của đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân với cử tri, để nhân dân không chỉ phản ánh ý chí, nguyện vọng của mình, mà còn biểu thị thái độ, đánh giá hoạt động của đại biểu dân cử, của cơ quan nhà nước, góp phần vào cuộc đấu tranh chống quan liêu, lộng quyền của một số cán bộ có chức có quyền.

Quốc hội, hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần thu thập, phản ánh và xử lý kịp thời các ý kiến của cử tri về sự tín nhiệm hay không tín nhiệm đối với đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp.

3. Phát huy vai trò nhân dân tham gia quản lý nhà nước

Vừa nâng cao chất lượng chế độ dân chủ đại diện, vừa mở rộng và phát huy chế độ dân chủ trực tiếp nhất là ở cơ sở.

Củng cố và phát triển các tổ chức tự nguyện của nhân dân như tổ an ninh, tổ hoà giải, tổ dân phố, ban thanh tra nhân dân... Cần có các quy định cụ thể và hỗ trợ về vật chất để các tổ chức đó thực hiện được nhiệm vụ được giao.

Tổ chức hội nghị đại biểu nhân dân ở thôn, ấp, xã, phường để lấy ý kiến nhân dân về các nhiệm vụ quản lý nhà nước, và trực tiếp quyết định những vấn đề liên quan thiết thực đến đời sống của nhân dân ở cơ sở đó như thoả thuận các quy ước về nếp sống văn hoá, về trật tự an ninh làng xóm, về phòng gian bảo mật, về vệ sinh môi trường, v.v..

Cải tiến việc lấy ý kiến nhân dân về các dự án luật cho thích hợp, thiết thực, tránh hình thức, lãng phí.

Tổ chức việc điều tra dư luận xã hội đối với những chủ trương, chính sách lớn của Nhà nước.

Cần nghiên cứu soạn thảo ban hành đạo luật về trưng cầu ý dân. Trong luật quy định những vấn đề gì thì đưa ra trưng cầu ý dân, ai có quyền đề nghị tiến hành trưng cầu ý dân, thủ tục trưng cầu...

Ngoài việc tham gia quản lý nhà nước, có những cơ chế để người lao động được tham gia quản lý sản xuất, kinh doanh. Trong các doanh nghiệp nhà nước, phát huy vai trò của tập thể người lao động tham gia quản lý doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi của người lao động và bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa.

Trong các hợp tác xã, phát huy vai trò làm chủ của đại hội xã viên. Cần ban hành sớm luật về hợp tác xã để khẳng định vai trò và quyền quyết định của đại hội xã viên trong quản lý hợp tác xã trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ.

Trong các doanh nghiệp tư nhân, và liên doanh với nước ngoài, có cơ chế để tập thể người lao động có vai trò trong bảo vệ quyền lợi của Nhà nước và của người lao động, và phát hiện, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội trong việc thực hiện quyền làm chủ Nhà nước của nhân dân

Đổi mới tổ chức và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội để qua đó nhân dân thực hiện quyền làm chủ, loại bỏ các biểu hiện quan liêu, hành chính hoá trong hoạt động của các tổ chức đó. Cần ban hành luật về thành lập hội làm cơ sở

pháp lý cho việc tổ chức, hoạt động và quản lý các tổ chức tự nguyện của nhân dân.

Nhà nước tham khảo ý kiến của các tổ chức xã hội có liên quan trong việc xây dựng chính sách và pháp luật. Các tổ chức xã hội tư vấn cho Nhà nước khi quyết định những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức xã hội đó, đến quyền lợi của các tầng lớp xã hội mà tổ chức đó đại diện.

5. Nâng cao dân trí, động viên và giáo dục nhân dân tích cực làm chủ Nhà nước

Sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền giáo dục nâng cao dân trí, để nhân dân có đủ trình độ, năng lực làm chủ, làm tròn nghĩa vụ công dân, tôn trọng kỷ cương, trật tự xã hội, giáo dục, động viên nhau chấp hành pháp luật, tích cực đấu tranh phòng, chống vi phạm, tội phạm.

Có chính sách khen thưởng, động viên và bảo vệ những người tích cực tham gia công việc của chính quyền, đoàn thể.

V- TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

1. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước

Nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng được vận dụng cụ thể sát hợp với đặc điểm từng loại cơ quan nhà nước và từng lĩnh vực hoạt động nhà nước.

a. *Đối với Quốc hội*

Đối với hoạt động của Quốc hội, Bộ Chính trị nghe báo

cáo và cho ý kiến lãnh đạo về: nội dung chủ yếu của mỗi kỳ họp Quốc hội; báo cáo của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và của Chính phủ trước Quốc hội nếu có những vấn đề mới quan trọng mà trước đó Bộ Chính trị chưa có nghị quyết; chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm và dài hạn; những quan điểm tư tưởng chỉ đạo trong mỗi dự án luật; và những vấn đề quan trọng khác mà Đảng đoàn Quốc hội xét thấy cần xin ý kiến Bộ Chính trị.

Đảng đoàn Quốc hội chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị lãnh đạo mọi hoạt động của Quốc hội theo đúng đường lối của Đảng, truyền đạt cho các đảng viên là đại biểu Quốc hội hoặc qua đảng viên là trưởng đoàn đại biểu về những quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị, và thuyết phục, vận động các đại biểu Quốc hội ngoài Đảng làm theo đường lối, quan điểm của Đảng.

Trong sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội, điều quan trọng là biết phân biệt: những vấn đề quan điểm cơ bản có tính nguyên tắc mà Bộ Chính trị cần khẳng định, mọi đảng viên trong Quốc hội phải nói và làm theo đúng; những vấn đề quan điểm mà ý kiến còn khác nhau, căn cứ kết luận chưa thật rõ, thì để Quốc hội thảo luận dân chủ, vấn đề được sáng tỏ, rồi Bộ Chính trị mới đưa ra ý kiến kết luận của lãnh đạo; có những vấn đề Bộ Chính trị chỉ nêu phương hướng còn để Quốc hội thảo luận quyết định theo đa số. Các đảng viên phải nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, nói và làm theo đúng nghị quyết của Đảng, đồng thời phát huy dân chủ, tham gia thảo luận, tranh luận thẳng thắn, xây dựng để Quốc hội đi tới những quyết định chuẩn xác, phù hợp lòng dân, thể hiện đúng đường lối của Đảng.

b. *Đối với Chính phủ*

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng và các nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị xem xét quyết định những chủ trương phương hướng lớn về các lĩnh vực bảo đảm đúng định hướng chính trị của Đảng.

- *Về kinh tế - xã hội,* Bộ Chính trị xem xét quyết định mục tiêu, phương hướng kế hoạch dài hạn và ngắn hạn, phương hướng cân đối ngân sách nhà nước hằng năm, các chính sách về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý, quy hoạch phát triển một số ngành trọng yếu, một số công trình lớn, các dự án quan trọng về hợp tác đầu tư với nước ngoài, những khoản vay nợ của nước ngoài, các chính sách về xã hội, văn hoá, giáo dục, y tế... và những vấn đề quan trọng khác do Ban Cán sự Đảng Chính phủ thấy cần thiết.

Bộ Chính trị lãnh đạo bằng các nghị quyết hoặc thông báo ý kiến kết luận, để căn cứ vào đó Ban Cán sự Đảng Chính phủ và ban cán sự đảng các bộ, ngành chỉ đạo thực hiện.

- *Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại* càng phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, chặt chẽ của Đảng. Bộ Chính trị trực tiếp quyết định những chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ hằng năm về quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Bộ Chính trị (hoặc Thường trực Bộ Chính trị) cũng trực tiếp nghe báo cáo và cho ý kiến lãnh đạo về đối sách cụ thể đối với những vụ việc phức tạp, quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh, quan hệ đối ngoại.

Bộ Chính trị trực tiếp quyết định kế hoạch phòng thủ chiến lược, tổ chức, giải thể, điều động các đơn vị vũ trang từ

cấp binh đoàn trở lên theo đề nghị của Quân uỷ Trung ương; Chủ tịch nước thể chế hoá về mặt nhà nước, Chính phủ, Bộ Quốc phòng triển khai thực hiện.

c. *Đối với các cơ quan tư pháp*

Bộ Chính trị lãnh đạo hoạt động của các cơ quan tư pháp trên lĩnh vực bảo vệ pháp luật, nghe báo cáo và cho ý kiến về chính sách xử lý các loại vi phạm, tội phạm, nhất là các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội gây thiệt hại nghiêm trọng tài sản Nhà nước, tính mạng và tài sản của nhân dân. Bộ Chính trị (hoặc Thường trực Bộ Chính trị) nghe báo cáo, cho ý kiến lãnh đạo đối với một số vụ án quan trọng có ý nghĩa về chính trị hoặc liên quan đến cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý.

Trách nhiệm của các cơ quan lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực hoạt động nhà nước có thể phân biệt như sau:

- *Ban Chấp hành Trung ương Đảng:* căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng, lập chương trình làm việc toàn khoá, trong đó có các Hội nghị Trung ương bàn các vấn đề quan trọng nhất về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định việc đề nghị Quốc hội sửa đổi *Hiến pháp* nếu xét cần, xem xét giới thiệu nhân sự cho các chức vụ Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng để trình ra Quốc hội.

- *Bộ Chính trị:* căn cứ vào Nghị quyết Đại hội và các Nghị quyết Hội nghị Trung ương, ra những nghị quyết, chỉ thị để lãnh đạo các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước như đã nói ở trên. Bộ Chính trị quyết định bố trí cán bộ chủ chốt

trong bộ máy nhà nước theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

- *Ban Bí thư:* Thực hiện nhiệm vụ như *Điều lệ* đã quy định, cần coi trọng hơn kiểm tra hoạt động của Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao, các bộ... bảo đảm thực hiện đúng các nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị; và chăm lo công tác cán bộ ở các cơ quan nhà nước trong diện được phân cấp quản lý.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ căn cứ tinh thần trên để xây dựng quy chế cụ thể về nội dung và phương thức lãnh đạo của cấp uỷ đối với đảng đoàn, ban cán sự đảng ở các cơ quan chính quyền địa phương.

2. Công tác tổ chức và cán bộ của Đảng trong các cơ quan nhà nước

a. Trong các cơ quan nhà nước, Đảng lập ra *đảng đoàn* (Quốc hội, hội đồng nhân dân) và *ban cán sự đảng* (Chính phủ, uỷ ban nhân dân, các bộ, các sở...). Đảng đoàn, ban cán sự chịu trách nhiệm trước cấp uỷ về quán triệt đường lối quan điểm của Đảng trong hoạt động của ngành, bàn bạc và quyết nghị những công việc quan trọng để thủ trưởng căn cứ vào đó điều hành, phối hợp với đảng uỷ cơ quan và cấp uỷ địa phương trong công tác xây dựng Đảng ở cơ quan và các cơ sở thuộc ngành mình quản lý và chịu trách nhiệm quản lý cán bộ theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Đảng. Những cán bộ thuộc diện cấp uỷ quản lý, sau khi cấp uỷ đã cân nhắc có quyết định bố trí hoặc thay đổi chức vụ; nếu là

chức vụ bổ nhiệm thì ban cán sự đảng ở cơ quan nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm thực hiện; nếu là chức vụ bầu cử thì cấp uỷ dưới và Đảng đoàn Quốc hội, hội đồng nhân dân có trách nhiệm lãnh đạo bầu cử đúng với quyết định của cấp uỷ. Đảng đoàn, ban cán sự làm việc theo chế độ lãnh đạo tập thể.

Cần kiện toàn tổ chức đảng đoàn, ban cán sự, có chế độ sinh hoạt định kỳ với nội dung được xác định, mà không lẫn lộn hoặc kết hợp làm một với sinh hoạt của lãnh đạo chính quyền. Cần duy trì mối quan hệ thường xuyên, chặt chẽ giữa cấp uỷ với các đảng đoàn, ban cán sự cùng cấp.

Từ hoạt động thực tiễn thời gian qua, cần rút kinh nghiệm xây dựng quy chế làm việc của các đảng đoàn, ban cán sự, làm rõ phạm vi chức năng, nhiệm vụ, xác định các mối quan hệ với các tổ chức khác.

b. *Kiện toàn các đảng bộ cơ quan* trong bộ máy nhà nước, khắc phục tình trạng hoạt động hình thức, không có tác dụng thiết thực.

Các đảng bộ cơ quan có vai trò và trách nhiệm to lớn trong công tác quản lý đảng viên, nắm chắc tư tưởng, quan điểm, phẩm chất, hoàn cảnh cuộc sống của từng người, giáo dục tư tưởng cho đảng viên, động viên tính tiên phong gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ cơ quan, kiểm tra tư tưởng, phong cách, lối sống của đảng viên, kể cả là thủ trưởng, tổ chức tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống quan liêu và tham nhũng trong cơ quan...

Rút kinh nghiệm thực tiễn, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của các đảng uỷ khối. Xây

dựng mối quan hệ phối hợp giữa đảng uỷ khối, đảng uỷ cơ quan với các ban đảng và các ban cán sự đảng trong cơ quan nhà nước.

c. *Về quan hệ giữa bộ máy tổ chức đảng với bộ máy tổ chức nhà nước*

Ở các cơ quan nhà nước, phần đông cán bộ lãnh đạo là đảng viên cùng với các ban cán sự, đảng đoàn ở đây có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất ý kiến, chủ trương với Đảng cả về nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức, cán bộ. Đảng phải biết tận dụng và phát huy các lực lượng ấy. Nhưng đồng thời cần xây dựng, kiện toàn các ban tham mưu trong bộ máy của Đảng giúp Đảng nghiên cứu, đề xuất những vấn đề đường lối, chủ trương có liên quan đến nhiều ngành, để có vai trò khách quan trong việc thẩm định các đề án của ngành trình ra cấp uỷ, kiểm tra việc quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng trong hoạt động của các ngành, và giúp cấp uỷ quản lý số cán bộ chủ chốt trong các ngành.

Bí thư cấp uỷ có thể kiêm chủ tịch hội đồng nhân dân cùng cấp, nhưng trước hết vẫn phải chăm lo làm tròn chức năng nhiệm vụ của bí thư. Bí thư không thể kiêm nhiệm chủ tịch uỷ ban nhân dân, vì khối lượng công việc điều hành hằng ngày của chủ tịch uỷ ban nhân dân rất nhiều, nếu tập trung vào đây bí thư sẽ bỏ mất vai trò lãnh đạo toàn diện và kiểm tra của Đảng một cách khách quan và dễ buông lơi xây dựng Đảng.

Một số cán bộ lãnh đạo các ban của Đảng có thể kiêm nhiệm làm chủ nhiệm, phó chủ nhiệm các uỷ ban tương ứng của Quốc hội, và các ban của hội đồng nhân dân tỉnh, huyện.

Bộ máy tham mưu của Đảng phải tinh gọn, làm đúng chức năng tham mưu của Đảng, không lẫn lộn với công việc của chính quyền. Có sự phối hợp giữa cơ quan tham mưu của Đảng với các cơ quan nhà nước, nhưng không nên "nhất thể hoá" lồng ghép hai hệ thống tổ chức làm một. Vấn đề là cần phân rõ chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý, điều hành của Nhà nước, gắn bó với nhau nhưng không lẫn lộn làm một, vì như vậy công tác đảng sẽ bị buông lơi, vai trò lãnh đạo toàn diện và kiểm tra của Đảng sẽ bị suy giảm, thậm chí mất dần Đảng.

d. *Kiểm tra* là một chức năng quan trọng của Đảng lãnh đạo chính quyền.

Kiểm tra của Đảng có mối quan hệ nhưng có sự phân biệt với kiểm tra, thanh tra của Nhà nước. Đảng kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong cơ quan nhà nước về quán triệt và chấp hành đường lối, quan điểm, nghị quyết, chỉ thị của Đảng như thế nào, phát hiện những tư tưởng, quan điểm lệch lạc cần uốn nắn, tìm ra những kinh nghiệm hay, những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn để bổ sung, hoàn chỉnh chủ trương, chính sách của Đảng.

Từ Ban Bí thư Trung ương Đảng đến các cấp uỷ đảng ở địa phương và các ngành đều phải xây dựng chương trình kiểm tra hằng năm và từng thời gian của mình một cách có trọng điểm. Các ban của Đảng phải được kiện toàn để giúp cấp uỷ làm công tác kiểm tra đạt chất lượng và hiệu quả thiết thực.

đ. *Đảng lãnh đạo thống nhất công tác cán bộ* trong cả hệ thống chính trị nói chung, trong bộ máy nhà nước nói

riêng. Đó là: Đảng quyết định đường lối, quan điểm, chính sách cán bộ, tiêu chuẩn cán bộ, kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách cán bộ trong các ngành, các cấp, trực tiếp quản lý một số cán bộ chủ chốt trong bộ máy đảng, nhà nước, đoàn thể xã hội (theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ) kể cả có quy hoạch lựa chọn, chuẩn bị cán bộ dự bị cho các chức danh đó. Cần lựa chọn những người ngoài Đảng có đức, có tài, có ý thức tôn trọng sự lãnh đạo của Đảng, tham gia các cơ quan dân cử và cả một số cơ quan hành pháp, tư pháp.

Phát huy trách nhiệm của Nhà nước trong việc quản lý cán bộ hoạt động trong bộ máy nhà nước. Chính phủ xây dựng dự án pháp lệnh về công chức, có chương trình kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức, có quy chế tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, quy định các chức danh và tiêu chuẩn từng chức danh trong bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng chính sách, chế độ tiền lương, v.v.. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cần trực tiếp nắm công tác cán bộ, giao nhiệm vụ, kiểm tra công tác, bồi dưỡng cán bộ, nhận xét, đánh giá cán bộ, sắp xếp cán bộ phù hợp với năng lực và sở trường của mỗi người, v.v.. Đối với cán bộ thuộc diện quản lý của cấp trên công tác ở cơ quan mình thì thủ trưởng cơ quan nhà nước đó vẫn có trách nhiệm trực tiếp quản lý thường ngày, và chủ động đề xuất với cấp uỷ có thẩm quyền về đề bạt, điều động, kỷ luật cán bộ đó. Việc đề bạt, điều động, kỷ luật cán bộ do thủ trưởng cơ quan chuẩn bị đưa ra ban cán sự đảng quyết định tập thể.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Những việc cần làm để triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 về *Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam* là:

1. Tổ chức quán triệt sâu rộng nội dung nghị quyết trong nội bộ Đảng, trước hết là trong các tỉnh uỷ, huyện uỷ, đảng uỷ xã, các đảng đoàn, ban cán sự đảng và các đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương.

Chú trọng làm rõ những quan điểm cơ bản của Đảng về Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tăng cường sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, nhằm nắm vững những định hướng chính trị trong quá trình đổi mới và kiện toàn Nhà nước ta. Liên hệ phân tích những nhận thức, quan điểm mơ hồ lệch lạc về bản chất của Nhà nước, tỉnh táo đấu tranh với hoạt động của các thế lực thù địch truyền bá những quan điểm tư sản về nhà nước pháp quyền, về dân chủ và nhân quyền, công kích vai trò lãnh đạo của Đảng ta đối với Nhà nước, nằm trong âm mưu chiến lược "diễn biến hoà bình" của chúng.

Nhận rõ những chủ trương, nhiệm vụ cấp thiết về xây dựng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và về cải cách nền hành chính nhà nước trong thời gian tới, và từ thực tiễn hoạt động thời gian qua của cơ quan, địa phương mình, tiến hành kiểm điểm, rút kinh nghiệm, chỉ ra những mặt được, chưa được và việc cần làm tới đây để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương này.

2. Trên cơ sở Nghị quyết Hội nghị Trung ương này, Bộ Chính trị sẽ xem xét và cho ý kiến chỉ đạo về đề án *Kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quốc hội* và đề án *Cải cách tư pháp* do Đảng đoàn Quốc hội và các ngành liên quan chuẩn bị. Bộ Chính trị sẽ lần lượt nghe báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo về chương trình lập pháp và những quan điểm chính trong những dự án luật quan trọng do Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ chuẩn bị, phù hợp với chương trình làm việc của các kỳ họp tới của Quốc hội.

3. Đảng đoàn Quốc hội căn cứ vào Nghị quyết Trung ương có chương trình kế hoạch triển khai công việc thuộc phạm vi chịu trách nhiệm, trước hết là: nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp và giám sát; kiện toàn các uỷ ban của Quốc hội và tinh giản bộ máy giúp việc.

4. Ban Cán sự Đảng Chính phủ có kế hoạch triển khai thực hiện đề án cải cách một bước nền hành chính nhà nước, trước hết là: đẩy mạnh việc cải cách các thủ tục hành chính đang được tiến hành; xác định rõ chức năng quản lý nhà nước, nghiên cứu phân định thẩm quyền của các cấp chính quyền và phân cấp quản lý trên các lĩnh vực kinh tế, ngân sách, xã hội và an ninh, quốc phòng; nghiên cứu sắp xếp, tinh giản bộ máy nhà nước; tiến hành đào tạo và bồi dưỡng công chức...

5. Đảng uỷ Quân sự Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương, các ban cán sự đảng các bộ, ngành căn cứ Nghị quyết Trung ương này có kế hoạch thực hiện những công việc thuộc lĩnh vực của mình.

Ban Cán sự Đảng Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát

nhân dân tối cao căn cứ vào Nghị quyết Trung ương này và đề án *Cải cách tư pháp,* có chương trình kế hoạch cải tiến tổ chức và hoạt động của mình; cùng với Ban Cán sự Đảng Chính phủ (trực tiếp là với Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp, Thanh tra Nhà nước) tổng kết kinh nghiệm thực tiễn thi hành *Luật tổ chức Toà án nhân dân* và *Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân,* làm rõ thêm chức năng, nhiệm vụ, các mối quan hệ công tác, nhất là về công tác kiểm sát chung, về công tác quản lý toà án địa phương.

6. Đảng đoàn Uỷ ban Mặt trận và các đoàn thể có kế hoạch giáo dục vận động và tổ chức quần chúng tham gia quản lý nhà nước.

7. Ban Tổ chức Trung ương Đảng nghiên cứu làm rõ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở từng lĩnh vực, từng cấp khác nhau; nghiên cứu rút kinh nghiệm xây dựng quy chế làm việc của đảng đoàn, ban cán sự đảng.

8. Các tỉnh uỷ, thành uỷ kiểm điểm rút kinh nghiệm về nội dung, phương thức lãnh đạo của cấp uỷ đảng đối với chính quyền; và chỉ đạo đảng đoàn hội đồng nhân dân và ban cán sự đảng uỷ ban nhân dân căn cứ vào Nghị quyết Trung ương 8 và các quyết định của Quốc hội, của Chính phủ, liên hệ kiểm điểm hoạt động của chính quyền địa phương thời gian qua, trên cơ sở đó vạch ra chương trình kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân.

9. Các cơ quan nghiên cứu khoa học về nhà nước và pháp luật triển khai công tác nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối quan điểm của Đảng, tổng kết kinh

nghiệm xây dựng nhà nước và pháp luật của nước ta, làm sáng tỏ lý luận và thực tiễn Việt Nam về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh khắc phục những tư tưởng quan điểm sai lầm trên lĩnh vực này.

10. Ban Bí thư chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 8; có kế hoạch chỉ đạo hoạt động của các ban đảng có quan hệ đến lĩnh vực công tác xây dựng nhà nước và pháp luật.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VII

Ngày 3 tháng 1 năm 1995

Cải cách một bước nền hành chính nhà nước

Phần thứ nhất

YÊU CẦU BỨC BÁCH PHẢI CẢI CÁCH NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Tiếp theo các nghị quyết Đại hội lần thứ VI và lần thứ VII của Đảng nêu nhiệm vụ cải cách bộ máy nhà nước, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng đã đặt vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam thành một nhiệm vụ chủ yếu và đề ra xúc tiến cải cách hành chính, một khâu được Chiến lược kinh tế - xã hội đến năm 2000 xác định là *trọng tâm của công cuộc cải cách bộ máy nhà nước*.

Nền hành chính nhà nước bao gồm: hệ thống thể chế để quản lý xã hội theo *Hiến pháp* và luật pháp; cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của bộ máy hành chính; đội ngũ cán bộ, công chức hành chính.

Yêu cầu cải cách nền hành chính nhà nước bắt nguồn từ những đòi hỏi bức bách của cuộc sống và từ thực trạng của nền hành chính.

I- NHỮNG ĐÒI HỎI BỨC BÁCH

Đất nước ta đang chuyển sang thời kỳ mới của sự phát triển với những cơ hội lớn và thách thức lớn đan quyện vào nhau. Tình hình và nhiệm vụ mới đòi hỏi rất cao ở sự lãnh đạo có hiệu quả của Đảng, thể hiện chủ yếu qua hiệu lực quản lý của Nhà nước. Nền hành chính là bộ phận lớn nhất trong cơ cấu Nhà nước, đảm nhiệm chức năng thực thi quyền hành pháp để quản lý, điều hành mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và thực hiện quyền lực của nhân dân. Đòi hỏi của cuộc sống đối với nền hành chính càng bức xúc:

Một là, nhân dân đòi hỏi nền hành chính phải bảo đảm quyền làm chủ thật sự của nhân dân, trước hết là bảo đảm cho mọi người yên ổn làm ăn, sinh sống, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong môi trường an ninh, trật tự, không bị phiền hà, sách nhiễu.

Hai là, yêu cầu đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới đòi hỏi Nhà nước, trực tiếp là nền hành chính, phải tăng cường quản lý theo cơ chế mới, bảo đảm sự phát triển nhanh, bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, việc mở rộng các quan hệ đòi hỏi thể chế hành chính liên quan đến quan hệ đối ngoại và đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại phải thích ứng với luật pháp, tập quán và

trình độ quốc tế, đồng thời giữ vững độc lập, tự chủ, bảo vệ lợi ích quốc gia.

Bốn là, nhiệm vụ đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đòi hỏi nền hành chính phải mạnh để đưa đường lối, chính sách của Đảng vào cuộc sống; mặt khác, việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh là nhân tố quyết định chất lượng và hiệu lực của nền hành chính.

II- THỰC TRẠNG NỀN HÀNH CHÍNH NƯỚC TA

1. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt nền móng, được nhân dân bảo vệ và nuôi dưỡng, nền hành chính nước ta đã hình thành và phát triển trong nửa thế kỷ, hoàn thành nhiệm vụ nặng nề trong các giai đoạn cách mạng, thể hiện bản chất của chính quyền nhân dân.

Trong công cuộc đổi mới, nền hành chính đã được sửa đổi từng bước về thể chế và cơ cấu tổ chức, chuyển dần sang cơ chế quản lý kinh tế trên cơ sở phân biệt chức năng quản lý của Nhà nước với quyền tự chủ kinh doanh của các đơn vị kinh tế.

Tiếp theo *Hiến pháp năm 1992,* nhiều luật, pháp lệnh và văn bản pháp quy khác đã được ban hành, tạo khuôn khổ pháp lý ban đầu cho cơ chế kinh tế mới. Việc cụ thể hoá, hướng dẫn và thực thi luật pháp của các ngành, các cấp hành chính có tiến bộ. Các cấp chính quyền địa phương và cơ sở có nhiều cố gắng đảm đương khối lượng công việc ngày càng lớn và phức tạp.

Tổ chức bộ máy hành chính các cấp giảm bớt đầu mối quản lý. Một số địa giới hành chính được điều chỉnh hợp lý

hơn. Phong cách chỉ đạo và điều hành năng động hơn. Quan hệ phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, giữa chính quyền và các đoàn thể cũng như quan hệ lãnh đạo của Đảng với cơ quan nhà nước các cấp đã có bước cải tiến. Đang tiến hành cải cách thủ tục hành chính và xây dựng quy chế phối hợp các cơ quan quyền lực nhà nước để xử lý công việc kịp thời và có hiệu lực hơn.

Số đông cán bộ, công chức bộ máy hành chính có bước trưởng thành về năng lực, nhiều người tận tụy, giữ gìn phẩm chất; trong đó, có một số cán bộ năng động, sáng tạo, tích cực thúc đẩy tiến trình đổi mới.

Trong hoàn cảnh đầy thử thách gay gắt, dưới sự lãnh đạo của Đảng, những cố gắng và tiến bộ của Nhà nước, Chính phủ và của cả hệ thống hành chính đã góp phần quan trọng vào những thành tựu đổi mới, chứng minh năng lực lãnh đạo của Đảng ta, sức mạnh của Nhà nước ta, ý chí và khả năng của nhân dân ta, nâng cao lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, tăng uy tín và vị trí của nước ta trong quan hệ quốc tế.

Đó là những nhân tố tích cực cần khẳng định, phát huy để tạo ra sức mạnh bên trong cho công cuộc cải cách hành chính.

2. Tuy nhiên, quá trình đổi mới đưa tới sự xuất hiện thêm nhiều vấn đề mới và cho thấy rõ hệ thống hành chính là nơi đang thể hiện tập trung những mặt yếu kém về phẩm chất và năng lực của bộ máy nhà nước, quy tụ vào năm điểm lớn dưới đây:

a. *Bệnh quan liêu* phổ biến và nghiêm trọng trong cả hệ thống hành chính. Tuy gần đây có một số tiến bộ nhưng

nhìn chung các cơ quan hành chính ở trung ương cũng như các cấp địa phương còn nhiều biểu hiện thiếu trách nhiệm, xa thực tế, cửa quyền, thiếu dân chủ và kém ý thức phục vụ, kể cả đối với dân và các doanh nghiệp cũng như đối với cấp dưới và cơ sở. Hội họp, giấy tờ quá nhiều; có những quyết định chậm trễ, không sát thực tế, thiếu nhất quán, kể cả trong việc lập pháp và lập quy; việc tổ chức thực hiện và kiểm tra lại lỏng lẻo.

Trong quan hệ với dân, có nhiều hiện tượng thiếu trách nhiệm, cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu, thậm chí ức hiếp dân. Thủ tục hành chính quy định tuỳ tiện, rườm rà, làm chậm trễ công việc, gây phiền nhiễu cho dân và các doanh nghiệp. Nhiều thông tin cần thiết không được công bố, phổ biến, hướng dẫn đầy đủ để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Chưa có cơ chế pháp lý bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của dân đối với cơ quan và công chức nhà nước; có những sai phạm của cơ quan, công chức không được xử lý kịp thời, công minh.

b. *Tình trạng phân tán, thiếu kỷ luật, kỷ cương* trong bộ máy hành chính, không chỉ ở địa phương mà cả ở trung ương, khiến cho sự chỉ đạo, điều hành không thống nhất và thông suốt, kém hiệu lực; phép nước không nghiêm, trật tự, kỷ cương xã hội bị vi phạm nặng nề.

Nhiều hệ thống dọc - ngang chồng chéo nhau và chia cắt cơ cấu quyền lực nhà nước cả về tổ chức và cơ chế vận hành; thẩm quyền hành chính, nhất là thẩm quyền về lập quy, về ngân sách, về nhân sự có phần chưa được quy định rõ ràng, hợp lý; chế độ trách nhiệm cá nhân và tập thể thiếu rành mạch; quyền hạn và trách nhiệm chưa tương xứng; quan hệ làm việc chưa có quy chế đầy đủ.

Không ít chủ trương, chính sách bị vận dụng tuỳ tiện, thậm chí bị vô hiệu hoá mà không xử lý được trách nhiệm. Trong quản lý kinh tế, tài chính và công tác cán bộ, có những biểu hiện khá đậm nét của tư tưởng cục bộ, bản vị, địa phương. Mặt khác, vẫn còn tình trạng thiếu tôn trọng và chưa phát huy đầy đủ tính chủ động của cấp dưới, của các địa phương. Nội bộ nhiều cơ quan, kể cả một số cơ quan lãnh đạo ngành và địa phương mất đoàn kết kéo dài.

c. *Nạn tham nhũng* phổ biến trong bộ máy hành chính, vừa tinh vi, vừa trắng trợn. Nhiều cán bộ, công chức thoái hoá, biến chất, lợi dụng quyền thế đục khoét tài sản công, đòi và nhận hối lộ, móc nối với kẻ xấu để làm giàu phi pháp. Tệ lãng phí, xa hoa bằng tiền của công rất nghiêm trọng.

Rất ít vụ tham nhũng được cán bộ phụ trách, tổ chức đảng, tổ chức thanh tra ở đơn vị xảy ra sự việc phát hiện và đấu tranh, ngăn chặn. Tuy việc xét xử các vụ và người tham nhũng được tiến hành tích cực hơn, song chưa kịp thời, nghiêm minh; các biện pháp chống tham nhũng chưa đủ mạnh, thiếu đồng bộ, việc thi hành không nghiêm, còn tình trạng bao che, nể nang, né tránh nên kém hiệu quả. Tình trạng này kéo dài gây bất bình lớn trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng và Nhà nước.

d. *Tổ chức bộ máy hành chính* cồng kềnh, nặng nề, kém chất lượng, chậm được đổi mới trong khi cơ chế quản lý đã thay đổi.

Số bộ, sở và cơ quan tương đương tuy có giảm hơn trước nhưng còn quá nhiều, chậm tách khỏi chức năng chủ quản đối với doanh nghiệp trực thuộc để thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước đối với toàn ngành. Bộ máy không ổn định,

vận hành không thông suốt, kém năng động, thiếu phối hợp, thường có tình trạng công việc chồng chéo, cản trở lẫn nhau. Các công sở đã bước đầu chỉnh đốn phong cách nghiêm chỉnh hơn, nhưng lại xuất hiện xu hướng ưa phô trương hình thức tốn kém, mà thiếu chú ý xây dựng và thực hiện tốt chế độ công vụ đi đôi với áp dụng công nghệ hiện đại để tăng hiệu suất công tác. Bộ máy chính quyền cơ sở, nhất là cấp xã, chưa được củng cố tương xứng với vị trí quan trọng của nó trong hệ thống hành chính.

đ. *Đội ngũ cán bộ, công chức hành chính* tuy có tiến bộ nhưng nhìn chung không ngang tầm nhiệm vụ; chưa có cơ chế tuyển lựa chặt chẽ và chưa thực sự được chuyên nghiệp hoá. Số đông, kể cả cán bộ phụ trách, không được đào tạo về kiến thức quản lý nhà nước và kỹ năng hành chính, kém hiểu biết về pháp luật, trình độ và năng lực yếu, tác phong thủ công, gia trưởng còn nặng. Lối làm việc tắc trách, thiếu công tâm, vô kỷ luật khá phổ biến. Chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa cơ hội có xu hướng phát triển.

Quy chế công chức còn chắp vá, chứa đựng nhiều điểm lỗi thời. Chế độ tiền lương mới được cải tiến một bước, chưa bảo đảm mức sống và chưa khuyến khích tài năng. Hệ thống đào tạo tuy được xem trọng hơn trước nhưng vẫn bất cập cả về quy mô và chất lượng. Đội ngũ cán bộ cơ sở, cán bộ dân tộc ít được chăm lo đào tạo.

Công việc của nhiều cơ quan thường dồn vào một số người, còn nhiều người làm việc chểnh mảng, hiệu suất rất thấp. Bộ máy vừa thừa người kém năng lực, phẩm chất, sức khoẻ, vừa thiếu người có trình độ, trong sạch, trẻ khoẻ. Các đợt tinh giản biên chế chưa tạo được thay đổi về chất.

Năm căn bệnh trên mang tính phổ biến và kéo dài, có những mặt ngày càng nghiêm trọng làm cho hệ thống hành chính kém hiệu lực và hiệu quả, không phát huy được đầy đủ mặt tích cực và hạn chế, ngăn chặn được mặt tiêu cực khi chuyển sang cơ chế thị trường. Tình hình đó đang là trở lực lớn kìm hãm tiến trình đổi mới và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tác động tiêu cực tới sự ổn định chính trị, xã hội và vai trò lãnh đạo của Đảng.

3. Vì sao có tình hình đó?

Bộ máy nhà nước nói chung và hệ thống hành chính nói riêng ở nước ta vốn được xây dựng theo cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, trong một nền kinh tế khép kín, mang nặng tính chất sản xuất nhỏ, thủ công, phân tán, trong một xã hội chịu hậu quả của chiến tranh kéo dài. Khi đề ra đường lối đổi mới về kinh tế, Đại hội VI đã đồng thời nêu nhiệm vụ "thực hiện một cuộc cải cách lớn về tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước". Song đến đầu năm 1994, Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII vẫn nhận định "việc cải cách bộ máy nhà nước còn chậm và kém hiệu quả".

Nền hành chính của Nhà nước ta có nhiều nhược điểm, yếu kém; khắc phục những yếu kém đó đã trở thành đòi hỏi cấp bách của nhân dân và của công cuộc đổi mới từ nhiều năm nay, nhưng chúng ta chưa nhận thức kịp thời sâu sắc yêu cầu này, đã chậm đặt vấn đề cải cách nền hành chính nhà nước trong quá trình cải cách bộ máy nhà nước nói chung, kết hợp chặt chẽ với việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xem đó như một nhiệm vụ lớn của Đảng để tổ chức nghiên cứu và chỉ đạo thực hiện. Đến nay mới đưa ra Ban Chấp hành Trung ương bàn chuyên đề về cải cách hành chính là chậm.

Cải cách nền hành chính, làm trong sạch, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước gắn bó mật thiết với nhiệm vụ chống tham nhũng, tiêu cực. Đảng ta đã nói nhiều về nhiệm vụ này, nhưng chúng ta phải nghiêm khắc nhận rằng, cho đến nay Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nhiều cấp uỷ đảng vẫn chưa lãnh đạo cuộc đấu tranh này một cách kiên quyết, liên tục, với đầy đủ trách nhiệm của đảng cầm quyền, thậm chí còn khoán trắng cho các cơ quan nhà nước. Đây là nguyên nhân chính khiến cuộc đấu tranh chống tham nhũng đến nay chưa đạt kết quả mong muốn. Đồng thời, công tác giáo dục cán bộ, đảng viên về lý tưởng và phẩm chất đã bị xem nhẹ, nhiều đảng bộ cơ sở và chi bộ ở các cơ quan chính quyền hầu như buông lỏng việc quản lý đảng viên. Ý thức tu dưỡng, tự phê bình và phê bình giảm sút. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trước hết là những người có chức quyền, nắm tài sản công không giữ gìn phẩm chất, nêu gương xấu và làm tha hoá bộ máy. Không ít tổ chức và cá nhân cán bộ, đảng viên thờ ơ, thậm chí cản trở việc tiến hành cải cách khi bị đụng chạm tới lợi ích cá nhân, cục bộ.

Thêm vào đó, chúng ta còn *thiếu kiến thức và kinh nghiệm* về quản lý nhà nước khi chuyển sang cơ chế thị trường; nhiều vấn đề đang trong quá trình tìm tòi, thử nghiệm; việc nghiên cứu, tổng kết thực tiễn của nước ta cũng như nghiên cứu lý luận trong lĩnh vực này còn yếu nên chưa làm sáng tỏ nhiều vấn đề về xây dựng nhà nước và nền hành chính trong điều kiện Đảng cầm quyền để xác định rõ các chủ trương, biện pháp tiến hành cải cách.

Đảng ta là đảng cầm quyền; hầu hết cán bộ lãnh đạo và số đông công chức trong bộ máy hành chính các cấp đều là

đảng viên. Vì vậy, trách nhiệm để nền hành chính yếu kém như trên thuộc về Đảng, trước hết là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Cán sự Đảng Chính phủ. Các cấp uỷ đảng và đảng viên cũng có phần trách nhiệm của mình.

Từ đòi hỏi của cuộc sống và thực trạng nêu trên, cải cách nền hành chính là một yêu cầu rất bức xúc mà toàn dân đang trông đợi. Song đó là một nhiệm vụ rất phức tạp, khó khăn, phải tiến hành nhiều năm. Xuất phát từ yêu cầu và khả năng thực tế, nội dung cải cách nền hành chính nhà nước trình Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương bao gồm việc xác định mục tiêu và các quan điểm chỉ đạo cải cách nền hành chính một cách cơ bản; trên cơ sở đó, đề ra một số chủ trương cấp bách, thiết thực, cần phải và có thể thực hiện trong mấy năm trước mắt trong khuôn khổ các nghị quyết Đại hội VII, Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ và *Hiến pháp* hiện hành, nhằm đạt được chuyển biến rõ rệt, tạo tiền đề cho các bước cải cách toàn diện hơn sau Đại hội VIII.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT VỀ CẢI CÁCH NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

I- MỤC TIÊU VÀ QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Mục tiêu

Cải cách hành chính, trọng tâm của công cuộc cải cách bộ máy nhà nước, nhằm mục tiêu *xây dựng một nền hành chính trong sạch, có đủ năng lực, sử dụng đúng quyền lực, và từng*

bước hiện đại hoá để thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, quản lý có hiệu lực và hiệu quả cao công việc của Nhà nước, phục vụ đắc lực đời sống của nhân dân, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong xã hội, thúc đẩy tiến trình đổi mới và phát triển, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Mục tiêu nêu trên được cụ thể hoá trong *ba nội dung cải cách* gắn chặt với nhau là:

- *Cải cách thể chế* theo kịp yêu cầu đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội, phù hợp với hệ thống kinh tế mở và cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ và kỷ cương trong xã hội.

- Xây dựng *bộ máy hành chính tinh gọn*, có quy chế điều hành thống nhất và thông suốt theo nguyên tắc tập trung dân chủ được vận dụng sát hợp với đặc điểm của hệ thống hành chính và hoàn cảnh của đất nước.

- Xây dựng *đội ngũ cán bộ, công chức* chuyên nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực đáp ứng được nhiệm vụ của nền hành chính trong thời kỳ mới.

2. Các quan điểm chỉ đạo

1- *Cải cách nền hành chính là một bộ phận trọng yếu của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, gắn với đổi mới và chỉnh đốn Đảng, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị.*

Đảng cầm quyền lãnh đạo xã hội chủ yếu thông qua Nhà nước, trong đó đặc biệt quan trọng là nắm chắc nền hành chính. *Đảng mạnh, Nhà nước với nền hành chính mạnh là thống nhất*. Cải cách nền hành chính nhà nước chính là nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo và uy tín của Đảng, nâng cao năng lực quản lý của toàn thể bộ máy nhà nước. Mặt

khác, phải gắn với việc chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đồng thời phải đặt trong tổng thể cải cách bộ máy nhà nước, thì mới cải cách được nền hành chính một cách cơ bản.

Vận dụng, phát triển học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cuộc cải cách nền hành chính phải thể hiện rõ hơn, đậm nét hơn *sự thống nhất hữu cơ giữa bản chất giai cấp với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước* của dân, do dân, vì dân do Đảng lãnh đạo.

Nội dung cải cách phải dựa trên nguyên tắc quyền lực nhà nước thống nhất, với sự phân công rành mạch và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong điều kiện Đảng cầm quyền. Nguyên tắc tập trung dân chủ được vận dụng phù hợp với đặc điểm của nền hành chính, vừa chống phân tán, cắt khúc, vừa chống tập trung quan liêu. Nền hành chính nhà nước, mà Chính phủ là cơ quan cao nhất, phải tạo lập hệ thống điều hành thông suốt trong các cơ quan, các ngành, các cấp hành chính.

2- *Xây dựng một nền hành chính dân chủ, phục vụ đắc lực nhân dân và giữ vững trật tự, kỷ cương xã hội theo pháp luật*

Nền hành chính phải bảo đảm trên thực tế quyền làm chủ của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, bằng cơ chế và hình thức thích hợp với điều kiện cụ thể. Hơn lúc nào hết, phải thấu suốt và thực hiện đúng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay từ khi mới thiết lập chính quyền cách mạng (17-10-1945): "Các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh

việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân"[1]. Bộ máy hành chính phải phục vụ yêu cầu thường ngày và quyền lợi hợp pháp của người dân, tự đặt mình trong khuôn khổ pháp luật, thi hành công vụ theo quy định của pháp luật, đồng thời đòi hỏi mọi người làm đầy đủ nghĩa vụ công dân, tăng cường các công cụ, biện pháp bảo đảm trật tự, kỷ cương xã hội, phát hiện và xử lý nghiêm minh các hành vi phạm pháp, không có ngoại lệ. Phải có nền hành chính dân chủ, có kỷ luật mới giữ nghiêm được phép nước và phát huy được mạnh mẽ sức dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cơ quan hành chính cần có quy chế phối hợp với các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp để tập hợp nguyện vọng và trí tuệ của các tầng lớp nhân dân đóng góp cho việc quản lý, điều hành đất nước và các hoạt động công ích, tham gia các hình thức hoà giải, giải quyết những quan hệ hành chính và dân sự tại cơ sở.

3- *Cải cách nền hành chính nhà nước phải phục vụ đắc lực và thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc đổi mới và phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá*

Nền hành chính phục vụ mọi mặt của đời sống xã hội, trọng tâm là lĩnh vực kinh tế. Thể chế và bộ máy hành chính phải tăng cường năng lực quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, tạo điều kiện cho sự hình thành đồng bộ các yếu tố của thị trường, thiết lập môi trường thuận lợi đi đôi với sử

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.4, tr.50.

dụng tốt các công cụ quản lý và lực lượng kinh tế nhà nước để hướng dẫn, hỗ trợ các nỗ lực phát triển, điều tiết hợp lý và giữ vững trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội, thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá với nhịp độ nhanh và vững chắc, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội.

Trên cơ sở xác định đúng chức năng quản lý nhà nước trong cơ chế mới, bộ máy hành chính phải cải tổ theo hướng tinh, gọn, từng bước hiện đại hoá, phù hợp với trình độ phát triển của đất nước và khả năng đóng góp của dân.

4- *Mọi chủ trương cải cách nền hành chính nhà nước đều phải xuất phát từ yêu cầu của cuộc sống, sát với điều kiện thực tế, nhằm thu được kết quả thiết thực, tác động tích cực tới các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng an ninh và đời sống nhân dân*

Yêu cầu cải cách hành chính là do cuộc sống đặt ra, các chủ trương và cải cách xuất phát từ điều kiện và khả năng thực tế, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, kế thừa kinh nghiệm truyền thống của dân tộc kết hợp với vận dụng sáng tạo, có chọn lọc khoa học hành chính và kinh nghiệm nước ngoài.

Tính chất phức tạp, nhạy cảm của công cuộc cải cách hành chính đòi hỏi phải có phương hướng lâu dài giải quyết những vấn đề cơ bản theo những quan điểm nhất quán, đồng thời phải lựa chọn những việc cấp bách, thiết thực, khả thi để tập trung thực hiện trong thời gian trước mắt.

Từng bước đi, từng việc đã đề ra phải được tổ chức thực hiện chặt chẽ, chỉ đạo kiên quyết, sâu sát, giành cho được kết quả thiết thực và rút kinh nghiệm cho bước tiếp theo, tránh nói mà không làm hoặc nói nhiều làm ít.

II- NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN TRƯỚC MẮT

A- Một số yêu cầu trước mắt về cải cách thể chế

Thể chế của nền hành chính bao gồm luật và các văn bản pháp quy dưới luật tạo khuôn khổ pháp lý cho các cơ quan hành chính quản lý, điều hành mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, cho mọi tổ chức và cá nhân sống và làm việc theo pháp luật. Thể chế phải minh bạch, công khai, dễ hiểu, dễ thực hiện.

Hướng cải cách thể chế nhằm đáp ứng từng bước thiết thực và vững chắc hai yêu cầu cơ bản:

Một là, xây dựng thể chế của nền hành chính dân chủ đáp ứng nguyện vọng của dân, phục vụ lợi ích của dân, thực hiện quyền lực của dân, phát huy trí tuệ của dân, đòi hỏi nghĩa vụ ở dân.

Hai là, đổi mới và hoàn chỉnh thể chế phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đủ sức ngăn chặn các tác động tiêu cực, tạo sự thích ứng về thể chế hoạt động đối ngoại với luật pháp và tập quán quốc tế.

Theo phương hướng cơ bản đó, trước mắt cần tập trung giải quyết mấy yêu cầu cấp bách dưới đây của nhân dân và các doanh nghiệp:

1- *Cải cách thủ tục hành chính*

Cải cách thủ tục hành chính là khâu đột phá của tiến trình cải cách hành chính và phải đạt được chuyển biến rõ nét trong năm 1995. Yêu cầu đặt ra là:

- *Tinh giản các thủ tục hành chính*, loại bỏ những khâu xin phép, xét duyệt không cần thiết, vừa giảm phiền hà, tạo thuận tiện, ít tốn kém cho nhân dân và các nhà kinh doanh,

vừa bảo đảm sự quản lý theo pháp luật của các cơ quan hành chính, góp phần tích cực ngăn chặn và bài trừ tệ cửa quyền, sách nhiễu và các hành vi gian lận, vi phạm pháp luật.

- *Lập lại trật tự trong việc ban hành thủ tục hành chính và lệ phí.* Thẩm quyền ban hành thủ tục hành chính tập trung chủ yếu vào Chính phủ (bao gồm cả các bộ); Chính phủ quy định phạm vi giao quyền cho chính quyền cấp tỉnh, thành phố được ban hành một số loại thủ tục hành chính mang tính đặc thù của địa phương.

Trước mắt, cần tập trung cải cách thủ tục trong các lĩnh vực tác động trực tiếp tới đời sống và sản xuất, kinh doanh của nhân dân và đang có nhiều hiện tượng tiêu cực: cấp đất xây dựng và giấy phép xây dựng, sửa chữa nhà; xuất nhập khẩu; xuất, nhập cảnh; thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh; xét duyệt dự án đầu tư nước ngoài; phân bổ và cấp phát vốn đầu tư của Nhà nước; đăng ký hộ khẩu; tuyển chọn nhân sự (tuyển nhân viên, tuyển sinh, tuyển lao động đi nước ngoài...); các lệ phí đi liền với thủ tục.

Chính phủ tập trung chỉ đạo việc soát xét, sửa đổi thủ tục trong các lĩnh vực này, đồng thời xây dựng quy chế công vụ và quy chế phối hợp giữa các cơ quan, các công chức có trách nhiệm giải quyết công việc của dân để thực hiện nguyên tắc "một cửa" (trên cơ sở thủ tục đã sửa đổi, khi người dân có đủ giấy tờ, hồ sơ, thì việc tiếp nhận và giải quyết chỉ qua một cơ quan, một công chức có trách nhiệm chính). Quy chế công vụ cần xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, công chức khi giải quyết công việc của dân; quy trình giải quyết phải công khai, minh bạch, định rõ thời hạn, chống cửa quyền. Tổ chức thu thập ý kiến đóng góp của nhân dân, đặc biệt là các đối tượng chính phải chấp hành

từng loại thủ tục. Sau khi sửa đổi hoàn chỉnh, các thủ tục hành chính về từng lĩnh vực phải được chính thức ban hành lại và công bố rộng rãi.

Cải cách thủ tục hành chính vừa mang tính khoa học, có liên quan nhiều mặt phải giải quyết đồng bộ, vừa là cuộc đấu tranh phức tạp, đụng chạm tới các lợi ích cục bộ, cá nhân. Đây không chỉ là công việc của hệ thống hành chính mà phải có sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng; phải có vai trò tích cực, gương mẫu của các đảng bộ, cán bộ, đảng viên ở các cơ quan hành chính; phải có sự tham gia tích cực của nhân dân, của các đoàn thể và của cơ quan thông tin đại chúng góp ý kiến sửa đổi thủ tục cũng như kiểm soát các cơ quan, công chức chấp hành thủ tục và quy chế công vụ đã ban hành.

2- *Tăng cường thể chế giải quyết các khiếu kiện của dân, bảo đảm quyền được thông tin, quyền giám sát và góp ý của nhân dân với cơ quan nhà nước*

a. *Để khắc phục tình trạng đơn từ khiếu kiện của dân* ngày càng chồng chất, Đảng và Nhà nước phải có chính sách rõ ràng, cụ thể đối với những lĩnh vực mà dân khiếu kiện nhiều, tập trung trước hết vào việc giải quyết những vướng mắc, tranh chấp về nhà, đất; xúc tiến việc thiết lập hệ thống cơ quan tài phán hành chính để xét xử các khiếu kiện của công dân đối với các quyết định hành chính. Các cơ quan tài phán này có quy chế tố tụng và đội ngũ thẩm phán hành chính, bảo đảm nguyên tắc độc lập khi xét xử. Cần bổ sung và hoàn chỉnh luật pháp hành chính, gấp rút đào tạo thẩm phán hành chính, sớm thành lập cơ quan tài phán hành chính ở một vài tỉnh, thành phố, rồi mở rộng dần thành hệ thống.

Rút kinh nghiệm thi hành pháp lệnh khiếu tố trong thời

gian qua để cải tiến, bổ sung thể chế và đề cao trách nhiệm của các cơ quan hành chính trong việc xử lý các khiếu nại của dân, giải quyết một phần các khiếu nại không cần đưa xét xử ở cơ quan tài phán. Chuyên môn hoá và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công việc này ở các cơ quan phụ trách các lĩnh vực mà dân thường khiếu nại.

Coi trọng vai trò hoà giải của chính quyền kết hợp với Mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở khi xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân.

b. *Các đơn, thư của công dân tố cáo* cán bộ, công chức chủ yếu là về tội tham nhũng, ức hiếp dân và người dưới quyền, trong đó gần một nửa là đơn, thư không ghi tên hoặc mạo tên. Phải quy định rõ thủ tục giải quyết đối với từng loại sự việc phù hợp với thẩm quyền của cơ quan quản lý cán bộ theo quy chế nhân sự, phối hợp với các cơ quan có liên quan tuỳ theo tính chất sự việc là dân sự, hành chính hoặc hình sự. Người bị tố cáo phải tự kiểm điểm nghiêm túc, được quyền nhận thông tin đầy đủ và bào chữa nếu bị tố cáo sai. Người đứng tên tố cáo không đúng sự thật với dụng ý xấu phải bị xử lý theo luật pháp.

c. *Đối với thư dân nguyện* của công dân gửi tới cơ quan hoặc cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước để góp ý kiến về công việc chung của đất nước, cần có quy chế giao trách nhiệm nghiên cứu, tập hợp và trả lời. Quy định chế độ cán bộ lãnh đạo Đảng và chính quyền các cấp tiếp dân, nghe từng người hoặc gặp chung một số người để tiếp thu và trao đổi ý kiến về những kiến nghị đối với công việc chung.

Tạo điều kiện đi đôi với áp dụng nhiều hình thức thích hợp để nhân dân hiểu biết và góp ý kiến vào công việc nhà nước, chú trọng thu thập ý kiến của các đối tượng chính phải

thi hành các văn bản pháp quy quan trọng chuẩn bị ban hành; đổi mới cách thu thập ý kiến để nhân dân dễ bày tỏ thái độ; mở rộng các hình thức điều tra xã hội học một cách có tổ chức; bảo đảm tính trung thực, công khai khi tập hợp và phản ánh ý kiến của nhân dân.

d. *Mở rộng các hình thức thông tin công khai công việc của Nhà nước* đến dân, trước hết là các văn bản pháp quy, các kỳ họp Quốc hội, hội đồng nhân dân; tạo điều kiện cho dân tiếp xúc và đánh giá hoạt động của các đại biểu dân cử, bày tỏ thái độ khen chê, tín nhiệm hay không tín nhiệm; bảo đảm việc xét xử hành chính công khai, công dân và công chức là đương sự được biết những thông tin, tài liệu cần thiết. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền của nhân dân giám sát cơ quan nhà nước thông qua các tổ chức đại diện, các đoàn thể hoặc trực tiếp bày tỏ thái độ của mình.

3- *Kịp thời thể chế hoá các chủ trương, chính sách theo nghị quyết của Đảng, trước hết là về cải cách kinh tế*

a. *Khẩn trương xây dựng bổ sung hệ thống luật và các văn bản pháp quy tạo khuôn khổ pháp lý cho mọi hoạt động của các thành phần kinh tế* trong cơ chế thị trường, trọng tâm là luật dân sự, luật kinh doanh (luật thương mại), các văn bản pháp quy làm cơ sở cho việc hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường (thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường lao động, thị trường công nghệ, thị trường ngoại tệ...), cho việc tạo lập môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp.

b. *Hoàn chỉnh thể chế quản lý tài chính công* (ngân sách, kho bạc, vốn nhà nước đầu tư xây dựng cơ bản và đưa vào các doanh nghiệp...) *và các tài sản công* khác (đất đai, tài nguyên, công sở, công thự, dự trữ quốc gia...), bảo đảm phân

phối và sử dụng hợp lý, có hiệu quả, ngăn chặn lãng phí và đục khoét của công, phát huy được vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế. Quy định chặt chẽ nguyên tắc chi tiêu tiền của công, các chế độ về trang bị điều kiện, phương tiện làm việc theo loại công sở và theo cấp bậc hành chính; đổi mới chế độ kế toán doanh nghiệp và kế toán ngân sách, mở rộng tổ chức và chế độ kiểm toán độc lập. Kiên quyết xử lý mọi trường hợp vi phạm nguyên tắc chi tiêu tiền của công, truy cứu trách nhiệm hình sự những trường hợp nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn.

c. *Quy định tiêu chuẩn phân định các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh theo cơ chế thị trường và các doanh nghiệp làm chức năng dịch vụ công ích và phúc lợi xã hội* (đơn vị sự nghiệp). Xây dựng thể chế quản lý nhà nước phù hợp với tính chất từng loại doanh nghiệp đó. Đối với các doanh nghiệp làm chức năng kinh doanh, thể chế quản lý nhà nước phải cụ thể hoá cho loại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và loại doanh nghiệp mà vốn nhà nước chỉ chiếm một tỉ lệ khống chế. Xây dựng quy chế quản lý tập đoàn doanh nghiệp nhà nước và hội đồng quản lý tập đoàn. Thông qua thí điểm cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, xây dựng thể chế tiến hành chủ trương đó.

4- *Đổi mới quy trình lập pháp, lập quy*

Nhiệm vụ xây dựng thể chế đáp ứng các yêu cầu nêu trên đòi hỏi một khối lượng công việc rất lớn. Cần khẩn trương xúc tiến việc soạn thảo và ban hành các đạo luật mà đời sống kinh tế, xã hội đang đòi hỏi. Quy trình xây dựng luật bao gồm nhiều khâu, cần có quy chế phân công và phối hợp chặt

chẽ hơn giữa Chính phủ và các cơ quan của Quốc hội để nâng cao tính kịp thời và chất lượng xây dựng luật.

Đi đôi với những cố gắng lập pháp, cần tăng cường công tác lập quy của Chính phủ nhằm đáp ứng yêu cầu: *Một là,* ban hành các văn bản thi hành luật đã ban hành và công bố; *Hai là,* ban hành các văn bản pháp quy đối với những vấn đề cần có quy định pháp lý nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật. Loại văn bản thứ hai, sau một thời gian thực hiện, cần được tổng kết, chỉnh lý để soạn thảo thành luật. Theo hướng xác định rõ quyền lập pháp của Quốc hội và quyền lập quy của Chính phủ, hạn chế dần việc ban hành pháp lệnh và xem xét để nâng lên thành luật những pháp lệnh đã được tổng kết, chỉnh lý qua quá trình thực hiện.

Đổi mới quy trình xây dựng văn bản pháp quy theo đúng thẩm quyền, khắc phục tình trạng không ăn khớp về nội dung, không đồng bộ về thời gian giữa văn bản lập pháp và văn bản lập quy, giữa văn bản chính của Chính phủ với các văn bản chi tiết hoá và hướng dẫn thi hành của các bộ. Áp dụng nguyên tắc soạn thảo cùng một lúc văn bản chính và văn bản hướng dẫn thi hành; văn bản chính chỉ được ban hành khi đã cơ bản chuẩn bị xong văn bản hướng dẫn. Nghị định Chính phủ phải đủ cụ thể để chấp hành; thông tư của bộ, liên bộ chỉ giải thích, không mang tính chất văn bản pháp quy.

Các quyết định hành chính, dù là chủ trương chung hay giải quyết từng sự việc, đều phải thành văn bản. Thẩm quyền ký văn bản phải được quy định rõ. Các cơ quan hành chính phải có quy chế bảo đảm cho các văn bản ban hành không trái pháp luật.

5- *Nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật, thiết lập trật tự, kỷ cương xã hội, kỷ luật trong bộ máy nhà nước*

a. *Hoàn thiện quy chế ban hành, công bố, phổ biến luật và các văn bản pháp quy khác;* mở rộng việc phát hành công báo; quy định trách nhiệm của các công sở trong việc niêm yết và cung cấp thông tin cho nhân dân về các văn bản pháp quy. Phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, các đoàn thể, các trường và báo chí trong việc phổ biến pháp luật, giáo dục ý thức pháp luật, ý thức thực hiện nghĩa vụ công dân trong toàn xã hội.

b. *Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật với các đoàn thể nhân dân và báo chí* trong việc phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh chống tội phạm, đề cao trật tự, kỷ cương xã hội, bảo vệ công lý. Huy động sức mạnh tổng hợp đấu tranh có hiệu quả chống tham nhũng, chống buôn lậu và kinh doanh phi pháp, chống lấn chiếm và mua gian bán lận đất đai, truy quét bọn côn đồ, thiết lập trật tự giao thông ở thành phố.

Kiện toàn tổ chức, làm trong sạch đội ngũ và bổ sung phương tiện hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật, trọng tâm là thanh tra, công an, toà án, viện kiểm sát. Tăng cường xây dựng Đảng ở những cơ quan này. Điều chỉnh hợp lý sự phân công và phối hợp giữa cơ quan hành chính với viện kiểm sát, toà án trong các khâu khởi tố, điều tra, truy tố, thi hành án. Tăng cường sự giám sát của Quốc hội, hội đồng nhân dân đối với việc hoạt động của cơ quan kiểm sát và toà án; quy định cụ thể việc thực hiện quyền của Quốc hội đối với các quyết định tố tụng cần phải xem xét.

Nâng cao tính kịp thời, nghiêm minh trong công tác xét

xử và thi hành án. Tăng năng lực và chất lượng của các cơ quan xét xử để đẩy nhanh việc giải quyết các vụ án. Chấn chỉnh việc xử phạt hành chính, nhất là xử phạt vi cảnh. Xử phạt rất nghiêm các cán bộ, công chức cơ quan bảo vệ pháp luật lợi dụng chức quyền vi phạm pháp luật khi thi hành công vụ.

B- Chấn chỉnh tổ chức bộ máy và quy chế hoạt động của hệ thống hành chính

1- *Cơ sở xuất phát của việc chấn chỉnh tổ chức bộ máy và quy chế hoạt động trong hệ thống hành chính*

a. *Chuyển sang kinh tế thị trường,* Nhà nước thực hiện vai trò rất quan trọng về *quản lý kinh tế, xã hội theo phương thức mới,* không trực tiếp can thiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và của nhân dân. Cùng với việc đổi mới tổ chức và quản lý các loại doanh nghiệp nhà nước, thành lập các tập đoàn doanh nghiệp, hoàn thiện thể chế quản lý vốn và tài sản công, các cơ quan hành chính không còn vai trò và trách nhiệm chủ quản đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế kinh doanh trên thị trường. Chính phủ và các cơ quan hành chính các cấp phải tập trung vào nhiệm vụ đổi mới và hoàn thiện thể chế quản lý kinh tế, nâng cao chất lượng quy hoạch và kế hoạch định hướng cho sự phát triển, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, đổi mới chính sách tài chính - tiền tệ, phát huy vai trò chủ đạo của lực lượng kinh tế nhà nước, chăm lo các vấn đề văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn trật tự, an ninh và kỷ cương pháp luật, củng cố quốc phòng bảo vệ quyền lợi quốc gia.

b. *Việc vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ* sát hợp với chức năng chỉ đạo, điều hành của hệ thống hành chính và với đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực khác nhau, cùng với việc *vận dụng nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ* đặt ra mấy vấn đề cần giải quyết:

- *Một là,* để bảo đảm tính tập trung, thống nhất, thông suốt của hệ thống hành chính đồng thời phát huy tính năng động, sáng tạo của địa phương, cần xác định rõ *thẩm quyền và trách nhiệm của các cấp hành chính,* nổi lên hiện nay là trong vấn đề lập quy và ngân sách.

Thẩm quyền lập quy tập trung ở Chính phủ để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống luật pháp trong cả nước. Trong các cấp chính quyền địa phương thì chỉ cấp tỉnh, thành phố được uỷ quyền lập quy đối với những vấn đề mang tính địa phương, nhưng không trái với luật và văn bản pháp quy của Chính phủ.

Về thẩm quyền ngân sách, trên nguyên tắc bảo đảm tính thống nhất của ngân sách quốc gia về chính sách, chế độ thu, chi, chế độ kế toán và kiểm toán, cần đặt ngân sách địa phương là một bộ phận hợp thành của ngân sách quốc gia được luật pháp quy định rõ nguồn thu và nhiệm vụ chi, được xây dựng theo nguyên tắc cân đối thu - chi. Hướng cải cách là tăng dần tỉ lệ thuế trực thu, giao hẳn nguồn thu một số sắc thuế và lệ phí cho địa phương tương ứng với nhiệm vụ chi; trước mắt, có sắc thuế còn phải phân chia nguồn thu giữa ngân sách trung ương và địa phương thì phải quy định tỉ lệ phân bổ ổn định trong một số năm. Công khai hoá tỉ lệ phân bổ này và phần trợ cấp bổ sung của trung ương cho ngân sách từng địa phương. Theo tinh thần đó, xúc tiến việc hoàn chỉnh và ban hành *Luật về ngân sách.*

- *Hai là,* xác định rõ *trách nhiệm tập thể và cá nhân.* Nguyên tắc chung là bảo đảm sự lãnh đạo tập thể về những vấn đề quan trọng được xác định rõ trong điều lệ tổ chức và hoạt động của từng cơ quan, trước hết là của Chính phủ, hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân của thủ trưởng cơ quan hành chính trong công tác điều hành. Quyền hạn và trách nhiệm phải tương xứng với nhau và được quy định rõ cho cả tập thể và cá nhân.

2. *Phương hướng điều chỉnh cơ cấu tổ chức, tinh giản bộ máy hành chính các ngành, các cấp*

a. *Chính phủ*

Việc điều chỉnh theo hướng tinh giản *cơ cấu tổ chức của Chính phủ* (kể cả các bộ, cơ quan ngang bộ thuộc cơ cấu Chính phủ và các cơ quan trực thuộc Chính phủ) được xúc tiến từng bước trên cơ sở chấn chỉnh tổ chức và quản lý các doanh nghiệp nhà nước và tăng cường chức năng quản lý nhà nước của các bộ đối với các ngành hoặc lĩnh vực công tác. Việc sắp xếp tổ chức phải xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu công việc, không vì người mà đặt ra tổ chức.

Bộ có trách nhiệm và quyền hạn quản lý nhà nước đối với toàn ngành hoặc lĩnh vực trong cả nước; có quyền chỉ thị cho uỷ ban nhân dân cấp dưới và kiểm tra, nắm tình hình hoạt động trong phạm vi ngành hoặc lĩnh vực mà mình quản lý. Song tuỳ theo tính chất từng ngành, từng lĩnh vực và dựa trên nguyên tắc phân định thẩm quyền nêu trên, cần xác định rành mạch, cụ thể phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của bộ và của chính quyền địa phương trong việc quản lý từng ngành, từng lĩnh vực. Từ đó, quy định tổ chức bộ máy ở trung ương và các cấp cùng với quy

chế hoạt động thích hợp với từng ngành hoặc lĩnh vực, không nhất loạt như nhau.

Cơ cấu tổ chức của từng bộ cần được điều chỉnh cho tinh gọn phù hợp với chức năng mới, phân biệt rõ các bộ phận làm chức năng nghiên cứu, tham mưu cho bộ trưởng (các vụ), các tổ chức trực thuộc bộ làm chức năng chỉ đạo, quản lý từng lĩnh vực công tác (tổng cục hoặc cục), các đơn vị sự nghiệp làm chức năng đào tạo, nghiên cứu khoa học (trường, viện) hoặc làm chức năng dịch vụ công cộng.

Tăng cường trách nhiệm của bộ trưởng trong việc quyết định các vấn đề thuộc chức năng và thẩm quyền của bộ. Thủ tướng và các Phó Thủ tướng tập trung nhiều hơn vào việc chỉ đạo, điều hoà và phối hợp công việc trong hệ thống hành chính, giải quyết các vấn đề vượt ra khỏi thẩm quyền của bộ trưởng và trực tiếp nắm các vấn đề lớn như lập quy, ngân sách, nhân sự hành chính cấp cao... Kiện toàn Văn phòng Chính phủ và các bộ phận trực tiếp giúp Thủ tướng, tăng cường đội ngũ chuyên viên có trình độ cao và sử dụng linh hoạt các hình thức tư vấn chuyên trách và không chuyên trách.

b. *Chính quyền địa phương*

- Đề cao *trách nhiệm và kỷ luật của hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân* các cấp trong việc chấp hành luật pháp và các quyết định của Chính phủ, của Thủ tướng và các bộ trưởng, của cơ quan hành chính cấp trên. Cấp uỷ địa phương có trách nhiệm lãnh đạo các tổ chức đảng và đảng viên trong cơ quan chính quyền chấp hành tốt quyết định của Chính phủ và cơ quan hành chính cấp trên. Đồng thời, tăng quyền chủ động của *hội đồng nhân dân* trong việc quyết định

những vấn đề mang tính địa phương thuộc quyền lợi của cộng đồng dân cư trên địa bàn, quyết định ngân sách trong phạm vi được phân cấp. Sớm ban hành pháp lệnh quy định cụ thể vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân từng cấp khác nhau, không rập khuôn đồng loạt.

Hoạt động thường xuyên của *uỷ ban nhân dân* tuân theo sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng, bộ trưởng, cơ quan hành chính cấp trên. Việc chấp hành nghị quyết của hội đồng nhân dân cùng cấp cũng chủ yếu là nhằm thực hiện các quyết định của Chính phủ và cơ quan hành chính cấp trên. Do tính chất đó, trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong công tác cán bộ, cần xây dựng quy chế kết hợp một cách thực chất quyền bầu cử của hội đồng nhân dân cùng cấp với quyền của Thủ tướng và chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp trên phê chuẩn việc bầu cử các thành viên uỷ ban nhân dân cấp dưới, miễn nhiệm, điều động, cách chức chủ tịch, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp dưới.

- Các *cơ quan chuyên môn* chịu sự chỉ đạo của cơ quan ngành dọc cấp trên và của uỷ ban nhân dân địa phương theo sự phân định phạm vi trách nhiệm, quyền hạn giữa bộ và chính quyền địa phương đã nêu ở trên. Một số ngành được quản lý tập trung thống nhất cao có thể tổ chức cơ quan cấp dưới theo khu vực, không nhất thiết gắn với địa giới của cấp hành chính, hoặc ở tỉnh nhưng không thuộc bộ máy của chính quyền địa phương (như ngân hàng nhà nước, kho bạc, cơ quan kiểm toán công, v.v.). Trách nhiệm và quan hệ lãnh đạo, phối hợp, kiểm tra của cấp uỷ đảng và chính quyền địa

phương đối với các cơ quan này phải được quy định cụ thể, phù hợp với tính chất từng ngành.

- Bộ máy hành chính *thành phố, thị xã* cần được tổ chức phù hợp với đặc điểm quản lý đô thị mang tính tập trung, thống nhất cao, không chia nhiều cấp trung gian như tỉnh. Đô thị là đơn vị hành chính thống nhất, có bộ máy chuyên môn quản lý và giải quyết các vấn đề chung của cộng đồng dân cư đô thị. Trên cơ sở quy hoạch phát triển đô thị trong khoảng 10 năm, cần xác định hợp lý phạm vi ngoại thành, ngoại thị để bảo đảm đúng tính chất và yêu cầu quản lý đô thị.

- Xác định vị trí và chức năng của chính quyền *cấp huyện* phù hợp với yêu cầu thực tế để tổ chức bộ máy hợp lý, tinh giản, với thẩm quyền và trách nhiệm rõ ràng.

- Kiện toàn chính quyền *cấp xã,* giải quyết vấn đề ngân sách xã và từng bước chuyên nghiệp hoá một số vị trí công tác ở xã. Thực hiện chế độ trưởng thôn, trưởng bản, trưởng ấp được dân tín nhiệm cử ra, là nhân viên của chính quyền xã, được giao một số nhiệm vụ trong công việc hành chính ở thôn, bản, ấp, nhưng không thành một cấp hành chính nhà nước. Chức năng trưởng bản cần quy định thích hợp với đặc điểm của miền núi.

3- *Quy chế hoá chế độ làm việc và quan hệ phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính*

Trong quy chế làm việc, quan trọng hàng đầu là *chế độ trách nhiệm* phải rõ ràng, cụ thể, khắc phục cho được tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, không truy cứu được trách nhiệm khi có sai lầm, khuyết điểm. Trong từng cơ quan, phải xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của thủ trưởng, của

tập thể lãnh đạo. Nếu tập thể có quyết định sai trái trong phạm vi thẩm quyền của tập thể thì những thành viên tán thành quyết định đó phải chịu phần trách nhiệm của mình. Thủ trưởng là người điều hành công việc; những quyết định sai trái thuộc thẩm quyền của thủ trưởng, dù có đưa ra tập thể bàn bạc và kết luận thì trách nhiệm chính vẫn thuộc về thủ trưởng. Thủ trưởng cũng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của cấp phó, vì cấp phó là người giúp thủ trưởng, giải quyết công việc theo uỷ quyền của thủ trưởng. Cơ quan hành chính không có nhiều người cấp phó, không dùng chức danh cấp phó để giải quyết chính sách đãi ngộ.

Trong *quan hệ phối hợp giữa các cơ quan,* phải định rõ cơ quan chịu trách nhiệm chính, chủ trì việc phối hợp và phần trách nhiệm của từng cơ quan tham gia theo quy chế làm việc. Khắc phục cho được tình trạng thiếu trách nhiệm, dây dưa hoặc cản trở lẫn nhau khi giải quyết công việc cần có sự phối hợp giữa các cơ quan.

Quy chế hoá quan hệ làm việc giữa các cơ quan hành chính với cơ quan đảng, Mặt trận và các đoàn thể ở các cấp. Theo tinh thần trên, Chính phủ tiếp tục hoàn thiện và thực hiện quy chế làm việc của mình; chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng quy chế của các bộ và chính quyền địa phương, coi đây là một nội dung cải cách hành chính cần được xúc tiến trong năm 1995.

C- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hành chính

Trong bộ máy hành chính, ngoài một số ít cán bộ dân cử làm việc theo nhiệm kỳ, lực lượng đông đảo là đội ngũ công chức cần được xây dựng theo hướng chuyên nghiệp hoá, ổn

định, tận tụy và công tâm, đủ trình độ, năng lực theo tiêu chuẩn quy định cho từng chức danh.

1- *Xây dựng và từng bước hoàn thiện chế độ công vụ và quy chế công chức, tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống ngạch bậc công chức và cải tiến chế độ tiền lương.*

Các quy định này phải chú trọng cả yêu cầu về đạo đức, phẩm chất và tiêu chuẩn về trình độ, năng lực; đề cao trách nhiệm đi đôi với quyền hạn; giao nhiệm vụ gắn với chính sách đãi ngộ. Nghĩa vụ của công chức là thực hiện đúng chức trách, hết lòng phục vụ nhân dân, bảo vệ lợi ích quốc gia và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, kỷ luật. Nhà nước tiếp tục giải quyết thoả đáng chế độ tiền lương đồng thời đòi hỏi *công chức phải đặt lợi ích quốc gia lên trên lợi ích cá nhân, lợi ích bộ phận, sống và làm việc theo tinh thần "cần kiệm liêm chính, chí công vô tư".* Chú trọng phát hiện và bồi dưỡng các tài năng, kể cả đối với người ngoài Đảng. Đưa những người ngoài Đảng có đức, có tài, chịu sự lãnh đạo của Đảng vào các cương vị lãnh đạo trong cơ quan chính quyền các cấp, kể cả trong Chính phủ.

Ban hành quy chế áp dụng chế độ tuyển dụng qua thi tuyển hoặc kiểm tra, sát hạch đối với những người mới vào làm việc trong cơ quan hành chính. Mọi công dân có đủ điều kiện đều có cơ hội ngang nhau được tuyển làm công chức.

Kiên quyết sa thải những công chức thoái hoá, biến chất. Đối với những công chức không đủ trình độ và năng lực làm việc theo tiêu chuẩn quy định, cần đưa đi bồi dưỡng hoặc đào tạo lại; nếu không có khả năng vươn lên, thì sắp xếp lại vị trí công tác; trường hợp không sắp xếp được thì đưa ra khỏi biên chế; Nhà nước có chính sách thoả đáng và tạo điều kiện cho

những người này tìm việc làm, ổn định đời sống. Thực hiện chế độ nghỉ hưu đúng tuổi đối với công chức.

Từng bước *hiện đại hoá công sở*, chủ yếu là trang bị và sử dụng tốt phương tiện hiện đại thích hợp, sớm hình thành mạng lưới tin học trong hệ thống hành chính, bố trí nơi làm việc nghiêm túc nhưng tránh phô trương lãng phí.

2- *Đẩy mạnh việc đào tạo đội ngũ công chức*

Khảo sát và xác định nhu cầu về đội ngũ cán bộ, công chức theo các ngạch bậc, để lập kế hoạch bồi dưỡng những công chức đang làm việc và đào tạo những người mới, đáp ứng nhu cầu bổ sung biên chế hằng năm, từng bước nâng cao, đổi mới đội ngũ công chức. Đặc biệt chú trọng bồi dưỡng và đào tạo mới các công chức cao cấp và trung cấp. Phấn đấu sau một số năm, các công chức trong bộ máy hành chính ở từng ngạch đều đáp ứng được tiêu chuẩn quy định về trình độ, năng lực.

Chương trình đào tạo công chức phải thiết thực, bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính từng bước theo kịp trình độ hiện đại, bao gồm cả tiêu chuẩn về ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ tin học.

Gấp rút kiện toàn và nâng cao trình độ của cán bộ giảng dạy; bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy về hành chính và quản lý nhà nước có trình độ lý luận chính trị và đạt trình độ cao học trở lên về chuyên môn; mở rộng quan hệ hợp tác với nước ngoài trong công tác đào tạo.

Sắp xếp hợp lý hệ thống các cơ sở đào tạo công chức; kiện toàn Học viện Hành chính quốc gia làm nòng cốt cho công tác đào tạo công chức và nghiên cứu khoa học về hành chính, tổ chức và quản lý nhà nước. Đưa môn học hành chính với mức

độ thích hợp vào chương trình đào tạo của một số trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. Phân công và phối hợp chặt chẽ giữa Học viện Chính trị quốc gia và Học viện Hành chính quốc gia trong việc đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ chính trị và cán bộ hành chính cao cấp, trung cấp.

3- *Đấu tranh kiên quyết và bền bỉ chống tệ tham nhũng, tệ lãng phí của công*

Nội dung cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, thực hiện chế độ công vụ và quy chế công chức, chế độ quản lý vốn và tài sản công, thiết lập toà án hành chính... đồng thời là những biện pháp ngăn chặn từ gốc tệ lãng phí của công và nạn tham nhũng, tập trung vào mấy biểu hiện chính: đục khoét của công, sách nhiễu nhân dân, móc ngoặc với các doanh nghiệp tư nhân và nước ngoài để kiếm lời phi pháp. Trong quy chế công chức, phải xác định rõ những việc liên quan đến kinh doanh mà công chức không được làm; quy định chặt chẽ việc nhận quà biếu, tiếp khách và chế độ cán bộ, nhân viên, đảng viên, trước hết là những người giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt các cấp phải báo cáo và chịu sự kiểm tra về nguồn tiền mua đất, làm nhà...

Điều quan trọng là phải tăng cường kỷ luật và thi hành nghiêm chế độ trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định đó, cũng như trong việc thực hiện các biện pháp đồng bộ nhằm ngăn chặn, phát hiện, xử lý các vụ lãng phí nghiêm trọng và các vụ tham nhũng. Cơ quan nào, bộ phận nào xảy ra các vụ đó, thì không chỉ người trực tiếp vi phạm phải bị xử lý nghiêm, mà còn phải xác định trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong việc quản lý nhân viên, của tổ chức đảng trong việc quản lý, giáo dục đảng viên, của tổ chức quần chúng

trong việc giáo dục thành viên của mình. Không phát hiện được cũng có trách nhiệm, phát hiện rồi mà không kiên quyết xử lý, thậm chí bao che, thì trách nhiệm càng nặng hơn. Phải quy định hình thức kỷ luật cụ thể đối với từng mức độ trách nhiệm của tập thể và của cá nhân những người có cương vị chủ chốt ở nơi có lãng phí nghiêm trọng và xảy ra tham nhũng. Có chế độ khen thưởng và bảo vệ người có công phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng.

Các cấp uỷ đảng tăng cường chỉ đạo sự phối hợp các cơ quan hành chính và viện kiểm sát, toà án để xử lý kịp thời, nghiêm minh theo tinh thần nêu trên các vụ tham nhũng, lãng phí đã phát hiện. Huy động sức mạnh tổng hợp của tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân, báo chí và dư luận xã hội vào cuộc đấu tranh kiên quyết, liên tục và có hiệu quả chống tham nhũng, tệ lãng phí của công.

Phần thứ ba

TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO VÀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH

1. Đảng ta lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước đạt những thành tựu rất quan trọng, củng cố vị trí và uy tín trong xã hội. Chế độ một đảng là kết quả tất yếu của lịch sử, được đông đảo nhân dân đồng tình. Chính vì thế, trách nhiệm của Đảng ta càng nặng; Đảng tự đòi hỏi cao hơn và nhân dân cũng đòi hỏi cao hơn ở sự lãnh đạo của Đảng, ở vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Chuyển sang thời kỳ mới của sự phát triển, trước cơ hội lớn và thách thức lớn đối với đất nước, Đảng ta phải vươn lên cả về trí tuệ, năng lực và phẩm chất, phải kịp thời tự đổi mới và chỉnh đốn, trở thành một đảng trong sạch, vững mạnh, làm đúng và tốt chức năng của đảng cầm quyền, thành thạo lãnh đạo kinh tế, xã hội trong sự nghiệp đổi mới, đưa đất nước vượt qua thử thách hiểm nghèo.

Trên cương vị và trách nhiệm của đảng cầm quyền, điều quan trọng và bức xúc nhất, có hiệu quả nhất đối với Đảng ta là tăng cường vai trò lãnh đạo, bảo đảm sự gắn bó chặt chẽ mà không lẫn lộn giữa Đảng và Nhà nước, nắm chắc các khâu quyết định mà không bao biện, ôm đồm làm thay công việc của Nhà nước, đặc biệt là của hệ thống hành chính. Không có một đảng cầm quyền mạnh mà nhà nước yếu, nền hành chính yếu, cũng như ngược lại. Những tiến bộ trong mấy năm qua, tuy còn ở bước đầu, nhưng cũng chỉ ra phương hướng tăng cường sự lãnh đạo và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để tạo điều kiện, đồng thời thúc đẩy việc xây dựng nhà nước pháp quyền và cải cách nền hành chính.

2. Để thực hiện tốt nội dung lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh và Nghị quyết hội nghị lần thứ ba của Trung ương, phương thức lãnh đạo của Đảng cần được đổi mới theo tinh thần cốt yếu là: đường lối, chính sách của đảng cầm quyền đi vào cuộc sống chủ yếu là thông qua việc thể chế hoá thành luật pháp, do bộ máy nhà nước tổ chức thực hiện trên cơ sở quyền lực thống nhất và điều hành thông suốt với sự phân công, phân cấp hợp lý. Bộ máy nhà nước có quyền hạn và trách nhiệm đầy đủ theo quy định của

Hiến pháp và luật pháp để thực thi quyền lực, có sự kiểm tra của Đảng và sự giám sát của nhân dân.

Hiện nay trong quan hệ lãnh đạo của các cấp bộ đảng đối với chính quyền, nhất là ở cấp địa phương và cơ sở, vừa có tình trạng bao biện, làm thay, vừa có tình trạng lãnh đạo và kiểm tra không chặt chẽ. Nội dung và phương thức hoạt động của các cơ sở đảng, nhất là ở các đơn vị kinh tế, sự nghiệp, các cơ quan nhà nước, các ban cán sự đảng ở các tổ chức chính quyền cần được tổng kết để nâng cao chất lượng trong công tác lãnh đạo và trong việc giáo dục, kiểm tra cán bộ, đảng viên.

Xây dựng và thực hiện phương thức lãnh đạo đúng đắn của các tổ chức và các cấp bộ đảng là một quá trình, có nhiều vấn đề phải nghiên cứu, tìm tòi, tổng kết thực tiễn. Trước mắt, cần thực hiện một bước đổi mới phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước về một số khâu cấp bách đã thấy rõ nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách nền hành chính.

a. *Về phương thức ra quyết định của Đảng đối với chủ trương, chính sách* mà cơ quan chính quyền có chức trách thể chế hoá và tổ chức thực hiện (ở đây nói về cấp trung ương để vận dụng theo quy trình tương tự cho các cấp khác):

Khi Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ra nghị quyết, các đảng đoàn, ban cán sự, đảng uỷ có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện; trên cơ sở đó các đồng chí phụ trách các cơ quan nhà nước, theo trách nhiệm và quyền hạn của mình, phải cụ thể hoá và thể chế hoá các nghị quyết của Đảng để triển khai thực hiện. Việc này nói chung đã đi vào nền nếp.

Đối với các quyết định khác về chủ trương, chính sách, khó quy định rạch ròi vấn đề nào phải đưa ra Bộ Chính trị

quyết định, vấn đề nào cơ quan nhà nước tự quyết định. Cái chính là cải tiến quy trình ra quyết định: Đối với các vấn đề theo luật định cần đưa ra thảo luận và quyết định tập thể ở Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, thì Đảng đoàn hoặc Ban Cán sự Đảng các cơ quan này trình Bộ Chính trị cho ý kiến ban đầu về phương hướng, chủ trương, nhưng chưa phải là quyết định cuối cùng, để phát huy trách nhiệm của các thành viên cơ quan nhà nước. Khi các cơ quan này thảo luận, nếu có ý kiến khác thì trình Bộ Chính trị bàn lại và có kết luận cuối cùng để Đảng đoàn hoặc Ban Cán sự lãnh đạo việc thảo luận và biểu quyết.

b. *Về công tác cán bộ,* nguyên tắc chung là Đảng nắm quyền quyết định về cán bộ, với sự phân cấp cụ thể đối với từng loại chức danh. Đảng phải đổi mới công tác cán bộ, trước hết là đánh giá và lựa chọn đúng cán bộ lãnh đạo các cơ quan đảng, chính quyền, coi đó là khâu có ý nghĩa quyết định thành công của việc chỉnh đốn Đảng và cải cách hành chính.

Vấn đề nhân sự trong các cơ quan chính quyền phải được đảng đoàn, ban cán sự đảng bàn và quyết định tập thể; đồng thời, phải đề cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan trong việc lựa chọn, đề xuất về nhân sự theo tinh thần "nắm việc đi liền với nắm người, phụ trách việc phải đồng thời phụ trách người"; cấp uỷ hoặc tổ chức đảng xét duyệt theo quyền hạn được phân cấp. Khắc phục tình trạng thủ trưởng cơ quan ỷ lại và không chịu trách nhiệm về lựa chọn nhân sự dưới quyền mình.

Quy trình về nhân sự đối với một số chức danh hiện nay phải qua nhiều khâu, nhiều cửa từ khi đề xuất đến khi quyết định, cần cải tiến để công việc khỏi chậm trễ và khắc phục sự

trùng chéo giữa các cơ quan đảng và chính quyền trong công tác nhân sự. Đối với các chức danh phải qua bầu cử, cần hợp lý hoá quy trình lựa chọn, xét duyệt nhân sự.

c. *Về công tác kiểm tra của Đảng* đối với hoạt động của cơ quan chính quyền.

Đảng thông qua tổ chức đảng và các đảng viên (cấp uỷ viên) phụ trách cơ quan chính quyền, thông qua các đoàn thể và ý kiến của nhân dân để kiểm tra việc chấp hành nghị quyết, đường lối chủ trương của Đảng nhằm:

- Kịp thời phát hiện những vấn đề mới, những kinh nghiệm góp phần bổ sung, điều chỉnh và phát triển đường lối, chủ trương của Đảng;

- Kịp thời phát hiện những thiếu sót, sai lệch trong việc chấp hành để sửa chữa, uốn nắn, những khả năng không thuận để phòng ngừa;

- Phát hiện cán bộ tốt và giỏi để phát huy, cán bộ có khuyết điểm để giúp sửa chữa, cán bộ thoái hoá hoặc không đảm đương nổi công việc để thay thế.

Đảng viên trong cơ quan chính quyền vi phạm kỷ luật đảng chịu sự kiểm tra và xử lý theo *Điều lệ Đảng*.

d. *Về công tác nghiên cứu, tham mưu cho cấp uỷ đảng* trong các lĩnh vực đã có cơ quan nhà nước phụ trách, cấp uỷ đảng cần tận dụng các cơ quan sẵn có của Nhà nước, của các đoàn thể và huy động, tập hợp lực lượng chuyên gia từ nhiều nguồn để nghiên cứu những vấn đề cần thiết. Đồng thời, cần tinh giản biên chế và chú trọng nâng cao chất lượng các ban đảng, sử dụng các ban đảng làm đúng và làm tốt các nhiệm vụ được giao.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I

Cải cách nền hành chính gắn chặt với đổi mới và chỉnh đốn Đảng là *một trọng tâm công tác của Đảng và Nhà nước trong năm 1995,* phải được các cấp uỷ đảng và cơ quan chính quyền các ngành, các cấp, trước hết là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, tập trung sức chỉ đạo thực hiện, tạo cho được kết quả thiết thực, rõ nét về một số công việc chính.

II

Các chủ trương, giải pháp cải cách hành chính được đặt trong khuôn khổ các nghị quyết của Đại hội VII, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ và *Hiến pháp* hiện hành. Trong trường hợp có vấn đề cần giải quyết khác với luật đã ban hành, Chính phủ nghiên cứu, đề xuất với Bộ Chính trị và trình Quốc hội để bổ sung, sửa đổi luật trước khi thực hiện. Đối với những vấn đề cải cách cơ bản hơn, có liên quan đến cơ cấu quyền lực nhà nước và hệ thống chính trị, cần tổ chức nghiên cứu thấu đáo thông qua các tiểu ban chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội lần thứ VIII của Đảng.

III

Căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương, cần xác định trọng tâm, trọng điểm tiến hành cải cách hành chính trong từng thời gian, đặt trong phương hướng chiến lược tổng thể của cuộc cải cách, với quan điểm chỉ đạo nhất quán. Chương trình cải cách hành chính năm 1995 phải tập trung tiến hành một bước việc đẩy lùi năm căn bệnh đã

nêu và làm trong sạch bộ máy hành chính thông qua những việc chính dưới đây:

1. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo chuyển biến rõ trên một số lĩnh vực mà nhân dân và các doanh nghiệp đang đòi hỏi bức xúc nhất.

2. Chỉ đạo có hiệu lực chống tệ tham nhũng, xa hoa, lãng phí của công và bệnh cửa quyền, vô kỷ luật, vô trách nhiệm, trước hết ở các cơ quan trọng điểm.

3. Sửa đổi, bổ sung thể chế xử lý đơn thư khiếu tố của dân. Lập cơ quan tài phán hành chính ở vài nơi, xét xử một số vụ điển hình để tạo lòng tin và rút kinh nghiệm.

4. Ban hành chế độ công vụ và quy chế công chức. Tăng cường chế độ trách nhiệm và kỷ luật, quy chế phối hợp trong bộ máy hành chính. Sắp xếp cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, sa thải những công chức thoái hoá, biến chất, làm trong sạch một bước bộ máy hành chính, trước hết là các cơ quan trực tiếp thực thi quyền lực, bảo vệ pháp luật.

5. Phân loại các doanh nghiệp nhà nước và xây dựng thể chế quản lý nhà nước đối với từng loại, đối với các tập đoàn; trên cơ sở đó, xúc tiến việc xoá bỏ chế độ chủ quản của cơ quan hành chính đối với loại doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế kinh doanh trên thị trường.

6. Xây dựng thể chế quản lý vốn và tài sản công. Ban hành luật ngân sách. Đổi mới chế độ kế toán. Kiện toàn tổ chức kiểm toán công.

7. Sắp xếp lại một số bộ và cơ quan trực thuộc Chính phủ. Phân định trách nhiệm, thẩm quyền và sự phối hợp giữa bộ và chính quyền cấp tỉnh trong việc quản lý một số ngành, lĩnh vực đang có nhiều vướng mắc. Sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng các ban đảng ở Trung ương và tỉnh, thành uỷ. Thông qua các việc đó, tinh

giản một bước biên chế của cơ quan chính quyền, đảng và các đoàn thể dựa vào kinh phí ngân sách.

8. Cải cách và đẩy mạnh công tác bồi dưỡng và đào tạo các ngạch công chức; kiện toàn Học viện Hành chính quốc gia.

Hầu hết những việc trên đã và đang được xúc tiến. Năm 1995 phải đẩy mạnh với sự chỉ đạo tập trung hơn, đạt kết quả rõ nét hơn.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư tập trung thời gian thích đáng để chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương này. Ban Cán sự Đảng Chính phủ là cơ quan thường trực, có sự tham gia của Ban Tổ chức Trung ương, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, Ban Nội chính Trung ương và Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương về cải cách hành chính, định kỳ báo cáo tình hình thực hiện cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư; đưa những vấn đề xét thấy cần thiết ra Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn, quyết định.

IV

Các cấp uỷ đảng phải coi trọng và chỉ đạo sát sao công tác giáo dục, làm thông suốt Nghị quyết của Trung ương trong cán bộ, đảng viên, trước hết là đội ngũ lãnh đạo, tạo nên sự nhất trí và quyết tâm cao trong Đảng, trong bộ máy nhà nước và trong xã hội. Các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước phối hợp với các đoàn thể và báo chí tạo dư luận xã hội hưởng ứng mạnh mẽ và tích cực tham gia chương trình cải cách hành chính, góp phần làm trong sạch tổ chức đảng và bộ máy chính quyền.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VII

Ngày 3 tháng 1 năm 1995

Một số định hướng lớn về công tác tư tưởng - lý luận trong tình hình hiện nay

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TƯ TƯỞNG VÀ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG - LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG

1. Tình hình tư tưởng

Từ Đại hội VI đến nay, sự nghiệp đổi mới do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo đã vượt qua những khó khăn, thử thách to lớn, đạt được thành tựu về nhiều mặt. Đã khắc phục một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề đưa đất nước chuyển dần sang thời kỳ phát triển mới, đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nhân dân ta phấn khởi, tự hào trước những thành tựu đã đạt được, tăng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, vào sức mạnh của dân tộc. Hưởng ứng Nghị quyết Hội nghị

đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương, nhân dân cả nước đang nỗ lực phấn đấu nhằm hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ và mục tiêu Đại hội VII đã đề ra, tiến vào thời kỳ phát triển mới của đất nước.

Thành tựu của sự nghiệp đổi mới là kết quả những cố gắng phi thường của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong hoàn cảnh rất khó khăn của tình hình trong nước và trên thế giới, Đảng ta đã giữ vững vai trò lãnh đạo, nêu cao tinh thần *độc lập tự chủ, sáng tạo, có đường lối đổi mới đúng đắn, phù hợp với quy luật phát triển khách quan và thực tiễn Việt Nam,* phát huy được sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, tranh thủ được điều kiện thuận lợi mở rộng hợp tác quốc tế.

Đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng là bảo đảm cơ bản cho cách mạng nước ta phát triển đúng hướng, là cơ sở tư tưởng nâng cao niềm tin và ý chí phấn đấu cách mạng của nhân dân ta. Trải qua bao khó khăn, thử thách, có lúc hiểm nghèo tưởng như khó vượt qua, nhân dân ta vẫn kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, hưởng ứng và tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng, đưa đất nước đi lên.

Đó là mặt cơ bản của tình hình.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực của đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động, trong Đảng và trong xã hội đang có một số biểu hiện tiêu cực cần quan tâm. Ở đây chủ yếu phân tích những biểu hiện mơ hồ, lệch lạc về tư tưởng, quan điểm chính trị đang nổi lên hiện nay.

Sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu làm cho nhiều người lo lắng trong điều kiện không còn nước

xã hội chủ nghĩa đi trước giúp đỡ, liệu nước ta có đi lên được chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản hay không? Một số có tâm trạng hoài nghi, giảm sút lòng tin vào con đường xã hội chủ nghĩa. Có người đã nêu ra "con đường thứ ba", con đường xã hội dân chủ hoặc một thứ "chủ nghĩa xã hội phi mácxít"... Một số người, từ chỗ phủ định thành quả của chủ nghĩa xã hội hiện thực đi đến phủ định con đường xã hội chủ nghĩa. Có người còn phụ họa với các luận điệu thù địch, công khai bài bác chủ nghĩa Mác - Lênin là lạc hậu, lỗi thời, phủ định giá trị của học thuyết Mác - Lênin đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân ta; ca ngợi con đường tư bản chủ nghĩa, phê phán chủ nghĩa xã hội là không tưởng, sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa là sai lầm.

Trong quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới, một số cán bộ, đảng viên cũng có những biểu hiện không đúng, như:

- Xem nhẹ kinh tế quốc doanh, để cho một số cơ sở quốc doanh chỉ còn là "cái vỏ". Muốn tư nhân hoá toàn bộ, hoặc muốn giữ lại toàn bộ các cơ sở quốc doanh, kể cả những cơ sở làm ăn thua lỗ triền miên và là những cơ sở Nhà nước không cần thiết phải nắm. Buông lỏng kinh tế hợp tác xã.

- Đối với cơ chế thị trường, chỉ thấy mặt tích cực, không thấy hoặc thấy không đúng mức mặt trái để chủ động hạn chế nó. Ngược lại, vẫn còn có ý kiến đồng nhất thị trường với chủ nghĩa tư bản, cho chấp nhận cơ chế thị trường là đi theo chủ nghĩa tư bản. Quan niệm giản đơn kinh tế phát triển là có tất cả, chỉ nhấn mạnh một chiều tăng trưởng kinh tế, xem nhẹ các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế, chăm lo cho con người. Tư tưởng thực dụng làm cho một bộ phận

không nhỏ phai nhạt lý tưởng, ít quan tâm đến chính trị, một số chạy theo lối làm giàu bất chính, nạn tham nhũng, buôn lậu và nhiều tệ nạn xã hội khác phát triển nghiêm trọng. Đây là miếng đất tốt cho sự nảy sinh những tư tưởng chính trị lệch lạc.

- Trong quan hệ hợp tác với nước ngoài, chưa nắm vững nguyên tắc độc lập tự chủ, chỉ chạy theo lợi ích kinh tế, lợi ích cục bộ của ngành, của địa phương hoặc lợi ích cá nhân, có khi còn dẫn đến chỉ làm lợi cho bên ngoài, gây thiệt hại cho lợi ích chung của đất nước. Tiếp thu kinh nghiệm của các nước tư bản một cách sao chép, máy móc, thiếu chọn lọc, thiếu sáng tạo.

- Nhận thức mơ hồ về đấu tranh giai cấp và đấu tranh giữa hai con đường, về "dân chủ, đa nguyên"; hiểu nhà nước pháp quyền thoát ly quan điểm giai cấp; ca ngợi chế độ đa đảng, tự do dân chủ kiểu phương Tây, cho chế độ một đảng là không dân chủ, coi tập trung dân chủ là phủ định dân chủ, v.v..

Sự nảy sinh những lệch lạc đó có nguyên nhân khách quan do tác động tiêu cực của những biến động quốc tế; các thế lực thù địch cùng với bọn cơ hội, phản bội ráo riết phá hoại ta về chính trị tư tưởng nhằm làm cho ta đi chệch hướng. Mặt khác, đổi mới là sự nghiệp khó khăn, chưa có tiền lệ, nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra chưa có câu trả lời thoả đáng; trong hoàn cảnh vừa làm vừa tìm tòi, khám phá, không tránh khỏi có thiếu sót, khuyết điểm.

Những lệch lạc nói trên của một số đảng viên và quần chúng, chủ yếu là do nhận thức mơ hồ và sự thiếu vững vàng về chính trị, những phần tử cơ hội, cực đoan, có ý thức chống

đối chỉ là rất ít. Tuy nhiên, những quan điểm lệch lạc đó có cả trong một số cán bộ lãnh đạo và quản lý, cán bộ nghiên cứu, và trong bối cảnh hiện nay có điều kiện lan toả nhanh trong xã hội. Sự tác động của các thế lực thù địch càng làm cho tình hình tư tưởng trong xã hội thêm phức tạp, nhất là đối với số có tư tưởng động dao về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng ta. Những tư tưởng đó phải được giải quyết cả bằng thực tiễn và bằng lý luận.

2. Công tác tư tưởng - lý luận của Đảng

Tình hình tư tưởng nói trên, cả mặt tích cực và mặt tiêu cực đều gắn liền với công tác tư tưởng - lý luận của Đảng. Trong quá trình đổi mới, công tác tư tưởng - lý luận đã có những cố gắng và tiến bộ:

- Bước đầu đổi mới tư duy lý luận, nhất là tư duy kinh tế, khắc phục một bước quan trọng khuynh hướng bảo thủ và chủ nghĩa giáo điều, ngăn chặn những ảnh hưởng nguy hại của chủ nghĩa cơ hội, xét lại. Thành tựu đổi mới tư duy lý luận đã góp phần hình thành những quan điểm cơ bản chỉ đạo công cuộc đổi mới, cụ thể hoá và phát triển đường lối của Đảng trên từng lĩnh vực, tạo cơ sở khoa học cho xây dựng Cương lĩnh chính trị, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, hình thành những đường nét chủ yếu quan niệm của Đảng về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tại Đại hội VII, tư tưởng Hồ Chí Minh được chính thức nêu lên cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, hợp thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hoạt

động của Đảng và sự nghiệp cách mạng nước ta. Những cố gắng nói trên đánh dấu một bước tiến lớn về đổi mới tư duy lý luận của Đảng.

Từ năm 1992 đến nay, thực hiện Nghị quyết 01 của Bộ Chính trị, 10 chương trình nghiên cứu khoa học xã hội cấp nhà nước đã được triển khai, với sự tham gia đông đảo của các nhà khoa học. Nhiều cấp uỷ đảng và lãnh đạo của một số ngành đã phối hợp với các cơ quan nghiên cứu lý luận, khoa học xã hội, tổ chức tổng kết thực tiễn, phổ biến kinh nghiệm của những mô hình tốt và góp phần xây dựng các chính sách đổi mới. Dân chủ được phát huy trong nghiên cứu và trong giáo dục lý luận. Hệ thống trường Đảng có bước đổi mới về nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo. Nhiều lớp chuyên đề được mở nhằm bồi dưỡng những quan điểm đổi mới của Đảng cho giảng viên lý luận, cán bộ nghiên cứu và cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đội ngũ cán bộ có bước trưởng thành về trình độ chính trị, lý luận qua thực tiễn đổi mới.

- Công tác tư tưởng, thông qua các chương trình giáo dục trong Đảng và sự phát triển của báo, đài, các phương tiện thông tin đại chúng, đã mở rộng việc tuyên truyền đường lối chính sách đổi mới, các quan điểm của Đảng về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định con đường xã hội chủ nghĩa và sự lãnh đạo của Đảng. Cuộc đấu tranh tư tưởng - lý luận, dù còn những mặt yếu kém, đã góp phần giữ vững sự thống nhất tư tưởng và hành động trong Đảng, tạo cục diện chính trị ổn định, làm giảm và đẩy lùi một bước những luận điệu

công khai chống Đảng, chống chế độ, ca ngợi một chiều chủ nghĩa tư bản.

Tuy vậy, nhìn chung công tác tư tưởng - lý luận còn những mặt bất cập, chưa đáp ứng kịp đòi hỏi của thực tiễn đổi mới và yêu cầu của cuộc đấu tranh tư tưởng - lý luận hiện nay:

- Nhiều vấn đề về lý luận Mác - Lênin, về mô hình và giải pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, những vướng mắc trong thực tiễn và nhận thức về định hướng xã hội chủ nghĩa, về kinh tế thị trường, về xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, về nhà nước pháp quyền, về xây dựng Đảng, xây dựng Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong điều kiện mới... chưa được làm sáng tỏ đầy đủ đã hạn chế sức thuyết phục của công tác tư tưởng.

Chỉ đạo triển khai các chương trình nghiên cứu khoa học xã hội còn phân tán, chưa tập trung cao và các chương trình trọng điểm, chưa gắn chặt với tổng kết thực tiễn.

- Công tác giáo dục lý luận Mác - Lênin chậm đổi mới về nội dung và phương thức. Tư tưởng Hồ Chí Minh chưa được nghiên cứu đầy đủ và giáo dục có hệ thống. Chưa coi trọng việc kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo nội dung và phương pháp giảng dạy, học tập bộ môn Mác - Lênin trong các trường đại học. Công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên chưa được chú ý đúng mức, đang có sự hẫng hụt nghiêm trọng cả về lực lượng và trình độ. Sách chính trị, lý luận phát hành với số lượng ít, lại chưa được sử dụng tốt. Nhiều cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ chủ chốt còn lười đọc, lười học.

- Việc quán triệt các nghị quyết của Đảng chưa được tiến hành kỹ lưỡng, chưa gắn với kiểm tra việc thực hiện để kịp

thời phổ biến những kinh nghiệm tốt, uốn nắn những lệch lạc. Lãnh đạo và quản lý hoạt động văn hoá, báo chí, xuất bản, in ấn... còn thiếu chặt chẽ. Còn để lan tràn trong xã hội các loại sách, báo, băng hình... có nội dung độc hại, gây tác động xấu về chính trị, tư tưởng và lối sống. Lơi lỏng trong việc quản lý và kiểm tra nội dung chính trị của các cuộc hội thảo hợp tác với nước ngoài, các lớp tập huấn mời giảng viên người nước ngoài. Phê phán các quan điểm sai trái, uốn nắn những khuynh hướng lệch lạc làm chưa kịp thời, thiếu sức thuyết phục. Đấu tranh chống các luận điệu thù địch còn thụ động và thiếu sắc bén. Công tác tư tưởng chưa tạo ra được một phong trào quần chúng hành động cách mạng thật sự sôi nổi, mạnh mẽ và liên tục.

Công tác tư tưởng - lý luận là của toàn Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có trách nhiệm về những khuyết điểm, yếu kém nói trên. Các cấp uỷ đảng, các ban, ngành và các cơ quan công tác tư tưởng, lý luận cần kiểm điểm trách nhiệm của mình, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, tăng cường lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng - lý luận.

Phần thứ hai

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG LỚN

Lúc này hơn lúc nào hết, công tác tư tưởng - lý luận có vai trò đặc biệt quan trọng, phải đáp ứng tốt các yêu cầu:

- Tăng cường sự nhất trí tư tưởng trong Đảng, sự thống nhất về chính trị và tinh thần trong nhân dân, nâng cao ý

chí phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, đấu tranh chống diễn biến hoà bình trong lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, giữ vững trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng của toàn Đảng, toàn dân.

- Cung cấp luận cứ khoa học cho việc cụ thể hoá và phát triển đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ mới, góp phần xây dựng lý luận và mô hình phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với đặc điểm của dân tộc và của thế giới ngày nay.

Trong bối cảnh đất nước đang đứng trước thời cơ lớn và những thử thách gay gắt, việc giải quyết những vấn đề tư tưởng - lý luận đang đặt ra càng có ý nghĩa cấp thiết. Cần nắm vững các định hướng lớn sau đây:

1. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta và của cách mạng Việt Nam

Lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân giành được những thắng lợi vĩ đại trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và ngày nay đang thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết mang tính cách mạng triệt để, tính khoa học sâu sắc và tính nhân đạo cao cả. Nó đặt mục tiêu giải phóng triệt để giai cấp vô sản, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới thoát khỏi tình trạng bị áp bức, bóc lột và nô dịch, giải phóng con người khỏi nghèo khổ, tối tăm, ngu dốt, bị tha hoá về mọi mặt, để

có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc và làm chủ. Nó là học thuyết về những quy luật khách quan của sự phát triển xã hội, đặc biệt là quy luật vận động từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, một chế độ xã hội trong đó những mơ ước ngàn đời của loài người về tự do, công bằng và nhân đạo có điều kiện để trở thành hiện thực.

Bằng thiên tài trí tuệ của mình, với lòng yêu nước cao độ và với những kinh nghiệm phong phú được tích luỹ từ những hoạt động trong phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh đã sớm nắm bắt được thực chất cách mạng, tinh thần biện chứng, khoa học và nhân đạo của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết ấy để giải quyết những vấn đề mà cách mạng Việt Nam đặt ra.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh. Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những tinh hoa văn hoá của nhân loại được tổng hợp, chắt lọc qua tư duy độc lập của Hồ Chí Minh, qua một trí tuệ và nhân cách lớn, với bản lĩnh chính trị kiên định và cốt cách văn hoá độc đáo của Người, đã hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, là tư tưởng "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; là tư tưởng về chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng nhằm giải phóng một dân tộc thuộc địa và đưa một đất nước từ nghèo nàn, lạc hậu bỏ qua chế độ tư bản, tiến dần lên chủ nghĩa xã hội giàu mạnh, công bằng và văn minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh là những luận điểm sáng

tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, về chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản, về nhà nước kiểu mới của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, về con người mới, đạo đức mới, v.v..

Trong khi giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên hàng loạt vấn đề quan trọng như lý luận về cách mạng thuộc địa, về mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa với cách mạng ở chính quốc, mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, vấn đề hoà bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc... Thế giới thừa nhận Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hoá kiệt xuất, bởi lẽ tư tưởng Hồ Chí Minh đã đi vào cuộc sống, đi vào văn hoá, trở thành những giá trị bền vững không phải chỉ của dân tộc Việt Nam.

Trước sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô, các thế lực thù địch tuyên truyền ầm ĩ về "sự kết thúc" của chủ nghĩa xã hội, "sự cáo chung" của chủ nghĩa Mác - Lênin. Những luận điệu xuyên tạc Hồ Chí Minh cũng được tung ra ở nơi này, nơi khác. Chúng muốn lợi dụng cơ hội nhằm làm lung lay nền tảng tư tưởng và đẩy chúng ta đi chệch hướng trong sự nghiệp đổi mới. Đấu tranh để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đang là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công tác tư tưởng, chính trị và lý luận của toàn Đảng, toàn dân ta.

Bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin là bảo vệ những nguyên tắc lý luận và phương pháp luận cách mạng và khoa học, những nguyên tắc đã trở thành chân lý phổ biến không những đúng với trước kia và bây giờ mà còn có giá trị bền vững, trước hết là chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật

lịch sử, học thuyết về giá trị thặng dư, học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Trong việc bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, cần thấy có những luận điểm, những dự đoán được nêu ra nhưng về sau qua thực tiễn kiểm nghiệm, chính Mác, Ăngghen, Lênin đã điều chỉnh; có những luận điểm riêng rẽ đúng thời đó, nhưng nay điều kiện lịch sử thay đổi đã không còn phù hợp; có những luận điểm bị những người mácxít về sau hiểu sai, vận dụng sai, nay cần được nhận thức lại cho đúng. Cần quán triệt sâu sắc lời dạy của Lênin: "Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu với cuộc sống".

Như vậy, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin phải đi đôi với phát triển học thuyết ấy, bảo vệ để phát triển và chỉ có phát triển đúng đắn mới bảo vệ được tích cực và có hiệu quả.

Muốn bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, phải chống cả chủ nghĩa cơ hội, xét lại và chủ nghĩa giáo điều. Nếu chủ nghĩa cơ hội, xét lại tìm cách xoá bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, thì chủ nghĩa giáo điều lại làm mất hết sức sống của học thuyết ấy. Cả hai khuynh hướng sai lầm này đều đưa lại những hậu quả tai hại cho các lực lượng cách mạng, cho chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội.

Đối với việc bảo vệ và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh cũng hoàn toàn như vậy.

Lênin đã để lại cho chúng ta một mẫu mực trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác. Hồ Chí Minh đã nêu một

tấm gương sáng trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin. Cuộc đấu tranh để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay cần hướng theo tinh thần và phương pháp của những người thầy vĩ đại của chúng ta.

Sự nghiệp đổi mới càng mở rộng và phát triển theo chiều sâu, những biến đổi trên thế giới càng lớn, những vấn đề mới đặt ra ngày càng nhiều, thì việc vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh càng phải được hết sức coi trọng. Sự chống phá của các thế lực thù địch và phản bội càng điên cuồng thì cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh càng phải đẩy mạnh.

2. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn

Việc lựa chọn con đường từ cách mạng giải phóng dân tộc tiến tới mục tiêu chủ nghĩa xã hội đã được Hồ Chí Minh nêu trong *Chánh cương vắn tắt* của Đảng và được trình bày trong *Luận cương năm 1930.* Sự lựa chọn ấy xuất phát từ chỗ chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải phóng được nhân dân lao động khỏi mọi áp bức, bất công, mới đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân: "Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"[1].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 4, tr. 56.

Toàn bộ lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh rõ quy luật của cách mạng nước ta là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Không gắn giải phóng dân tộc với mục tiêu chủ nghĩa xã hội thì không huy động được lực lượng to lớn nhất trong dân tộc là các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động ngay trong quá trình đấu tranh vì độc lập dân tộc. Có độc lập dân tộc rồi mà không định hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội lại đi con đường tư bản chủ nghĩa thì có nghĩa là trao thành quả cách mạng vào tay lực lượng khác có lợi ích đối lập với lợi ích của nhân dân, của cả dân tộc, và độc lập dân tộc cũng không được bảo đảm.

Sau khi miền Nam được giải phóng, Tổ quốc thống nhất, Đảng ta lãnh đạo nhân dân cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đó là đường lối hết sức đúng đắn, phù hợp với xu thế của lịch sử và ý nguyện của nhân dân ta. Cuộc khủng hoảng về kinh tế - xã hội mà chúng ta đang khắc phục có hiệu quả tuyệt nhiên không phải do sự lựa chọn sai con đường, mà do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó có nguyên nhân do nhận thức của chúng ta có mặt không đúng và không đầy đủ về thực tế Việt Nam, về chủ nghĩa xã hội, về mô hình và các hình thức, bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đổi mới là phát huy thành tựu, khắc phục sai lầm, nắm vững bản chất, những đặc điểm và những quy luật đặc thù tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, tìm kiếm các hình thức, bước đi đúng đắn và hiệu quả nhằm từng bước đạt các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Đó là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, mọi người ấm no, tự do, hạnh phúc, những mục tiêu mà vì nó nhân dân ta đã chiến đấu hy sinh hơn nửa thế kỷ dưới ngọn cờ của Đảng.

Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của nước ta, phù hợp với quy luật phát triển khách quan của xã hội loài người, quy luật chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản. Lợi ích của dân tộc, của tuyệt đại đa số nhân dân không cho phép đi con đường nào khác. Từ bỏ con đường xã hội chủ nghĩa có nghĩa là đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, hoàn toàn không có con đường thứ ba. "Chủ nghĩa xã hội dân chủ" chỉ là cái áo khoác khác màu của chủ nghĩa tư bản. Con đường tư bản chủ nghĩa không phải là giải pháp có tương lai cho dân tộc.

Phân tích toàn bộ các điều kiện trong nước và quốc tế, những bài học lịch sử thế giới, lịch sử dân tộc và lịch sử cách mạng Việt Nam, chúng ta khẳng định: dù không còn có nước xã hội chủ nghĩa đi trước giúp đỡ, Việt Nam vẫn hoàn toàn có khả năng bỏ qua chế độ tư bản, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội với hình thức, bước đi thích hợp.

Nước ta có 72 triệu dân, nhân lực dồi dào, tài nguyên đa dạng và phong phú, mấy chục năm qua đã bước đầu xây dựng được những cơ sở chính trị, kinh tế, xã hội của chủ nghĩa xã hội. Nhân dân ta có tinh thần yêu nước rất cao, có ý chí tự lực tự cường, thông minh, sáng tạo. Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đường lối đổi mới đúng đắn, đã đưa đất nước vượt qua thử thách hiểm nghèo, sự nghiệp đổi mới đạt được những thành tựu quan trọng. Trong điều kiện mới của thế giới ngày nay - khi mà cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau, khi nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hoá sâu sắc - với đường lối đúng đắn của Đảng, chúng ta có cơ sở thuận lợi để

huy động và sử dụng những nguồn lực to lớn cả trong và ngoài nước, từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện đặc thù của đất nước và trong tình hình quốc tế phức tạp hiện nay, chúng ta phải hết sức sáng tạo trong việc tìm tòi, khám phá con đường đi lên và trong từng bước quá độ. Đối với nước ta, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa không có nghĩa là bỏ qua những bước đi cần thiết để xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất đạt đến trình độ cao và quan hệ sản xuất tương ứng với nó, xây dựng cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng phù hợp với yêu cầu của chế độ mới. Vì vậy, yêu cầu khách quan của sự phát triển xã hội ta là phải biết kế thừa, sử dụng có chọn lọc và sáng tạo mọi thành tựu và kinh nghiệm của nhân loại, kể cả của chủ nghĩa tư bản, để phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là những thành tựu văn hoá, khoa học, công nghệ, kinh nghiệm quản lý kinh tế và cả những yếu tố hợp lý, tiến bộ của nhà nước pháp quyền tư sản.

Vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết của Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nước tiểu nông, tiền tư bản, Đảng ta đã ngày càng thấy rõ hơn những nấc thang trung gian, những bước quá độ cần thiết để phát triển lực lượng sản xuất, kể cả vận dụng các hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước. Chủ nghĩa tư bản nhà nước mà ta sử dụng khác với chủ nghĩa tư bản nhà nước trong các nước tư bản ở chỗ nó phục vụ cho mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, chịu sự điều khiển của Nhà nước ta và hoạt động trong khuôn khổ luật pháp.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải nắm chắc hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội

và bảo vệ Tổ quốc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Kết hợp sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại là một trong những bài học thành công lớn của cách mạng nước ta. Trong tình hình mới, nhiệm vụ cơ bản của chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta là giữ vững hoà bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Lợi ích cao nhất của dân tộc ta và cũng là của giai cấp công nhân ta là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, ra sức phát triển kinh tế, làm cho dân giàu nước mạnh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Đạt được mục tiêu cao cả đó của dân tộc cũng là thiết thực làm nghĩa vụ quốc tế, đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của thế giới.

Ngày nay, không một nước nào "đóng cửa" lại có thể phát triển được. Thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở của Đảng và Nhà nước, chúng ta đẩy mạnh đa dạng hoá, đa phương hoá các quan hệ đối ngoại trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ, tự lực tự cường, nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong các quan hệ quốc tế, bảo vệ lợi ích dân tộc và góp phần phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển. Chúng ta mở rộng các quan hệ đối ngoại về mặt nhà nước, đồng thời phát triển các quan hệ với phong trào cách mạng và tiến bộ của nhân dân lao động trên thế giới, tranh thủ sự đồng tình ủng

hộ quốc tế ngày càng cao đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

3. Chế độ ta là chế độ do nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản

Dân chủ là bản chất của chế độ mới, là yêu cầu và khát vọng của nhân dân, là xu thế phát triển của thời đại, là động lực to lớn phát triển xã hội. Dân chủ xã hội chủ nghĩa khác cơ bản với dân chủ tư sản ở chỗ: đó là dân chủ thật sự của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, gắn liền với công bằng xã hội, không có áp bức, bất công. Dân chủ được thực hiện bằng nhiều hình thức trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và được pháp luật bảo đảm. Dân chủ bao giờ cũng gắn với pháp chế, kỷ luật, kỷ cương; gắn liền với trình độ phát triển kinh tế, văn hoá, chính trị,... và truyền thống lịch sử dân tộc. Không thể có thứ dân chủ trừu tượng, dân chủ chung chung.

Trong khi thực hiện và phát huy dân chủ, phải chống khuynh hướng dân chủ cực đoan, vô chính phủ; đồng thời khắc phục các biểu hiện dân chủ hình thức, mị dân. Kiên quyết chống tệ quan liêu và các hành vi xâm phạm dân chủ đang tồn tại khá phổ biến hiện nay. Mặt khác, kiên quyết đấu tranh chống những mưu toan lợi dụng dân chủ, đòi "dân chủ đa nguyên" để gây rối trật tự xã hội, phá hoại chế độ dân chủ chân chính của nhân dân.

Nhà nước pháp quyền là một tiến bộ lịch sử về mặt tổ chức và phương thức quản lý nhà nước. Về mặt bản chất chính trị, mọi kiểu nhà nước đều mang tính giai cấp sâu sắc.

Nhà nước Việt Nam ra đời từ Cách mạng Tháng Tám, ngay từ buổi đầu đã mang những yếu tố của một nhà nước pháp quyền. Giờ đây, chúng ta chủ trương xây dựng và từng bước hoàn thiện nhà nước pháp quyền nhưng đó phải là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, dựa trên khối đại đoàn kết toàn dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Tổ chức và hoạt động của Nhà nước dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa có sự phân công vừa thống nhất quyền lực; có kế thừa và phát huy những kinh nghiệm và truyền thống của dân tộc, nhất là tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, tổng kết kinh nghiệm của Nhà nước ta và các nước xã hội chủ nghĩa những năm qua về mặt tăng cường và hoàn thiện pháp chế, có tham khảo, chọn lọc những tư tưởng tiến bộ của loài người đã tích luỹ được.

Bản chất giai cấp của Nhà nước pháp quyền Việt Nam thể hiện ở chỗ: toàn bộ hoạt động của Nhà nước từ pháp luật, cơ chế, chính sách cho đến những nguyên tắc tổ chức và hoạt động đều thể hiện tư tưởng, quan điểm của giai cấp công nhân, thông qua Đảng Cộng sản, nhằm xây dựng từng bước nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc.

Trong Nhà nước ta có sự thống nhất hữu cơ giữa bản chất giai cấp với tính nhân dân và tính dân tộc do có sự thống nhất lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động với lợi ích dân tộc. Tổ chức, lãnh đạo nhân dân đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ quan trọng hàng

đầu của Nhà nước ta từ khi ra đời đến nay. Là công cụ quyền lực của nhân dân, Nhà nước ta do nhân dân lập ra, nhân dân ngày càng tham gia có hiệu quả vào việc xây dựng luật pháp và các quyết sách quan trọng của đất nước, vào việc quản lý các quá trình kinh tế, xã hội.

Đại đoàn kết là truyền thống quý báu, là sức mạnh vô địch của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang kế thừa, phát huy có kết quả truyền thống đó. "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công" là bài học lớn của cách mạng Việt Nam, của dân tộc Việt Nam.

Ngày nay, với những điều kiện thuận lợi mới, chúng ta càng phải ra sức xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc trong nước, đoàn kết mọi người trong nước và ở nước ngoài trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập tự chủ, lòng tự hào dân tộc, ý thức tự lực tự cường, tạo ra sức mạnh thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vươn lên tiến kịp các nước phát triển trong cộng đồng thế giới.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là người đại diện tiêu biểu cho khối đại đoàn kết toàn dân và có vai trò hết sức quan trọng trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc. Mặt trận tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam yêu nước, tán thành đổi mới, lấy đại nghĩa dân tộc làm trọng, lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, xoá bỏ mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, hoà hợp thành một khối thống nhất vì mục tiêu độc lập dân tộc, giữ vững chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu làm cho nước nhà sớm thoát

khỏi nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Mặt trận và các đoàn thể thành viên của Mặt trận cần tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, cải tiến hình thức, nội dung sinh hoạt, tập hợp nhân dân, nhất là ở cơ sở, làm cho tổ chức của mình thật sự có sức hấp dẫn, có tác dụng thiết thực, bổ ích đối với các tầng lớp nhân dân.

Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Muốn tiến hành cách mạng thành công, nhất thiết phải có sự lãnh đạo của Đảng; Đảng phải nắm chắc vai trò lãnh đạo của mình, đồng thời thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng về mọi mặt, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với cách mạng. Đây không chỉ là vấn đề có tính nguyên tắc được khẳng định từ trong những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mà còn là kết luận nóng hổi được rút ra từ thực tiễn sinh động của cuộc sống. Đây cũng là một trong những bài học lớn nhất của quá trình tiến hành đổi mới ở nước ta, cũng như trong công cuộc cải tổ, cải cách ở nhiều nước trên thế giới. Càng đi vào kinh tế thị trường, thực hiện dân chủ hoá xã hội, mở rộng giao lưu quốc tế càng phải giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Thực tế ở một số nước cho thấy chỉ một chút mơ hồ, buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng là lập tức tạo điều kiện cho các thế lực thù địch và đối lập lấn tới, phá vỡ sự lãnh đạo của Đảng, cướp chính quyền, đưa đất nước đi con đường khác.

Hoàn cảnh lịch sử cụ thể ở Việt Nam đã đặt lên vai Đảng Cộng sản Việt Nam trọng trách lãnh đạo và tổ chức nhân

dân chiến đấu hy sinh giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc và ngày nay đang chèo lái đưa đất nước vượt qua bao sóng gió, thử thách, giữ vững độc lập, chủ quyền của dân tộc, phấn đấu vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đảng đã không nề gian khổ hy sinh, thực hiện xứng đáng vai trò và trọng trách đó. Thiết lập được sự lãnh đạo của Đảng là thành quả lịch sử của giai cấp công nhân và toàn thể dân tộc Việt Nam. Thực tế cho thấy ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam không có lực lượng chính trị nào khác có đủ khả năng lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Dân chủ hay không dân chủ không phải ở chỗ nhiều đảng, ít đảng hay một đảng. Tính chất và trình độ dân chủ của một nước, một xã hội được quyết định bằng việc thực hiện đến mức nào lợi ích và ý chí của đại đa số nhân dân trong xã hội đó. Dân chủ trong xã hội ta là ở sự thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, chính quyền thực sự nằm trong tay nhân dân, bảo vệ và phục vụ lợi ích của nhân dân, phát huy mạnh mẽ trí tuệ, nghị lực, sức sáng tạo của nhân dân. Chỉ có dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta mới thực hiện được đầy đủ quyền làm chủ của mình.

Nhân dân Việt Nam gắn bó với Đảng Cộng sản Việt Nam, tin tưởng sự lãnh đạo của Đảng, vì Đảng có đường lối đúng đắn, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có quan hệ mật thiết với nhân dân, đại bộ phận cán bộ, đảng viên có phẩm chất tốt đẹp, hết lòng hết dạ phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc.

Tuy nhiên, chúng ta cũng cần nghiêm túc nhìn nhận những mặt yếu kém của Đảng. Điều nhức nhối nhất hiện nay

là một bộ phận cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí và phẩm chất cách mạng. Tệ tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, ăn chơi vung phí tài sản của nhân dân rất nghiêm trọng và kéo dài; bệnh quan liêu, xa thực tế, xa quần chúng rất nặng. Tình đồng chí phai nhạt, tư tưởng cục bộ, địa phương, kèn cựa địa vị,... dẫn đến tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng ở một số nơi. Những hiện tượng đó gây tổn hại thanh danh, uy tín của Đảng, làm giảm sút sức chiến đấu của Đảng và lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

Tình trạng sa sút nói trên trước hết là do không ít cán bộ, đảng viên chưa nghiêm khắc tự rèn luyện mình. Từ phai nhạt lý tưởng đi đến dao động, mất lòng tin, bị chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa thực dụng cuốn hút, chạy theo những cám dỗ vật chất, trở nên thoái hoá, hư hỏng. Tổ chức và kỷ luật của Đảng lỏng lẻo, chưa coi trọng công tác quản lý và rèn luyện đảng viên, chưa xử lý thật nghiêm minh và kịp thời những cán bộ, đảng viên có nhiều sai phạm.

Nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đòi hỏi Đảng ta phải khẩn trương tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Đây là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng và cấp bách, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, đối với vận mệnh chế độ ta và Đảng ta. Mục tiêu đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, bảo đảm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra. Để góp phần thực hiện mục tiêu đó, mỗi đảng viên và cán bộ phải tự rèn luyện tính đảng, thường xuyên nâng cao kiến thức và đạo đức cách mạng, ý thức tổ chức và kỷ luật, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, khắc phục có hiệu quả tệ

tham nhũng, bệnh quan liêu và những biểu hiện xa rời bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

Phẩm chất cao quý của người cộng sản là biết đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân, suốt đời phấn đấu vì lý tưởng cách mạng, vì độc lập của Tổ quốc và cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân, trong đó có bản thân và gia đình mình. Nhận rõ trách nhiệm và vinh dự của người đảng viên cộng sản, để xứng đáng với niềm tin cậy của nhân dân, mỗi cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần và ra sức thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: thật sự cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư, giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân.

4. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ

Chủ nghĩa xã hội chỉ có thể phát triển trên cơ sở của chính mình khi nó đã có và dựa chắc trên một nền kinh tế phát triển cao. Con đường đi đến nền kinh tế phát triển cao đó tất yếu phải thông qua việc không ngừng phát triển lực lượng sản xuất, trong đó công nghiệp hoá, hiện đại hoá có vai trò quyết định.

Từ nhiều năm nay, Đảng ta luôn coi công nghiệp hoá là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta đã làm không ít việc và đã thu được những thành tựu nhất định.

Những năm trước đây, chúng ta đã mắc phải một số khuyết điểm, sai lầm, thể hiện sự chủ quan, nóng vội, nhưng điều đó lại làm cho chúng ta có thêm kinh nghiệm. Ngày nay,

khi tình trạng khủng hoảng kinh tế, xã hội đã được khắc phục một bước rất quan trọng, thì quyết định đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là một quyết định đúng. Không thể nói chúng ta đã có đủ mọi tiền đề, nhưng cũng không thể chờ hội đủ các tiền đề mới tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Quá trình vừa tiến hành vừa tạo thêm điều kiện để tiếp tục triển khai công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá một cách toàn diện, sâu rộng và mạnh mẽ hơn, là biện chứng của sự phát triển. Phải quán triệt các quan điểm cơ bản, các chủ trương, chính sách lớn để xác định những bước đi, cách làm thích hợp, không chủ quan, nóng vội, cũng không bảo thủ, rụt rè.

Công nghiệp hoá không chỉ giản đơn là việc xây dựng nhà máy hay phát triển một số ngành công nghiệp. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là chiếc chìa khoá để sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng nước nghèo và chậm phát triển, khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là quá trình phấn đấu lâu dài, gian khổ trong nhiều chục năm, đòi hỏi mọi người phải có lòng yêu nước thiết tha, có hoài bão lớn, quyết tâm cao, không ngừng nâng cao năng lực trí tuệ và

hành động, dũng cảm vượt qua khó khăn, thử thách mới giành được thắng lợi.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là con đường mà nhiều quốc gia trên thế giới đã đi qua để trở nên giàu mạnh. Điều quan trọng đối với chúng ta là biết học tập kinh nghiệm các nước, lại phải biết tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá không phải theo con đường tư bản chủ nghĩa, mà là để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi mỗi bước đi lại làm lớn dần lên những nhân tố xã hội chủ nghĩa. Là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ, công nghiệp hoá, hiện đại hoá góp phần giải quyết hàng loạt vấn đề quan trọng vừa cơ bản, vừa cấp bách đối với sự phát triển kinh tế, xã hội nước ta: tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, tạo được sự phát triển nhanh và vững bền của nền kinh tế, cho phép đáp ứng ngày càng tốt hơn những nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của nhân dân, tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh, củng cố độc lập dân tộc và chủ quyền của đất nước.

Thành công của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước phụ thuộc trước hết vào sức mạnh bên trong của ta cả về chính trị, kinh tế, văn hoá,... Đồng thời chúng ta cần biết sử dụng tối đa sức mạnh của thời đại, thông qua chính sách đối ngoại và mở rộng các quan hệ kinh tế đối ngoại, tranh thủ vốn cùng với sự chuyển giao về khoa học và công nghệ một cách rộng rãi. Nguồn vốn từ bên ngoài là rất quan trọng, nhất là trong thời kỳ đầu khi ta còn ít vốn. Nhưng nhìn toàn bộ quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì dù ở thời kỳ nào, nguồn vốn trong nước vẫn là quyết định. Phải có

cách huy động vốn từ nhiều nguồn, đồng thời phải có cơ chế, chính sách bảo đảm sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, làm cho vốn đẻ ra vốn chứ không phải đẻ ra nợ nần. Cần xây dựng trong toàn Đảng, toàn dân ý thức sâu sắc về tiết kiệm; mọi người, mọi ngành ra sức cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển. Kiên quyết khắc phục những biểu hiện phô trương, hình thức, chạy theo lối sống của xã hội tiêu thụ; đấu tranh có hiệu quả chống tham ô, lãng phí. Trong mối quan hệ ngày càng rộng mở với bên ngoài, phải giữ vững độc lập tự chủ, tự lực tự cường, biết hội nhập vào cộng đồng thế giới nhưng không để bị "hoà tan", hoặc lệ thuộc vào người khác, nước khác.

5. Kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội

Thị trường không phải là cái riêng có dưới chủ nghĩa tư bản mà là thành quả chung của quá trình phát triển nền văn minh nhân loại, đã từng tồn tại, phát triển qua nhiều phương thức sản xuất, dưới nhiều chế độ xã hội khác nhau, đồng thời dưới mỗi chế độ xã hội, thị trường lại có đặc điểm riêng do bản chất của chế độ xã hội quy định.

Đảng ta chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Việc vận dụng quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, quy luật cung cầu, v.v. có tác dụng khơi dậy tính chủ động và năng động, kích thích sự sáng tạo, phát huy các tài năng...

tạo động lực cho sự phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất trên cơ sở những thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại, nhằm mục tiêu xây dựng thành công cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Việc thực hiện cơ chế thị trường không có nghĩa là chấp nhận con đường tư bản chủ nghĩa, mà là sử dụng một thành quả của nền văn minh nhân loại để thúc đẩy sự phát triển có hiệu quả cao của nền sản xuất nhằm đạt tới những giá trị của chủ nghĩa xã hội.

Một yếu tố quyết định bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế nhiều thành phần là trong nền kinh tế đó, khu vực kinh tế nhà nước phải thực sự đóng được vai trò chủ đạo, thể hiện ở chỗ các doanh nghiệp nhà nước phải hoạt động có hiệu quả, mở đường và hỗ trợ cho các thành phần kinh tế khác phát triển, thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh và lâu bền của nền kinh tế. Khu vực kinh tế nhà nước là sức mạnh vật chất để Nhà nước điều tiết và hướng dẫn nền kinh tế. Kinh tế hợp tác được phát triển dưới nhiều hình thức đa dạng, hoạt động có hiệu quả. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế hợp tác ngày càng lớn mạnh, hợp thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân, là cơ sở của chế độ mới. Kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư nhân được khuyến khích phát triển trong những ngành, những lĩnh vực được luật pháp cho phép, vì mục tiêu ích nước, lợi nhà. Kinh tế tư bản nhà nước được thực hiện dưới nhiều hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác ở trong nước và cả với các công ty, xí nghiệp, tập đoàn tư bản nước ngoài.

Các thành phần kinh tế trên đây không chỉ phát triển riêng rẽ mà còn đan xen, lồng ghép, bổ sung, hỗ trợ cho nhau

cùng phát triển, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Cần tránh cả hai quan điểm không đúng: hoặc là đòi tư nhân hoá toàn bộ, hoặc là chủ trương duy trì bằng bất cứ giá nào tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc khu vực nhà nước, kể cả những cơ sở thua lỗ triền miên, nhất là những cơ sở mà Nhà nước không cần thiết phải nắm. Thực hiện quan điểm thứ nhất, sẽ dẫn đến chỗ làm cho Nhà nước mất đi cơ sở xã hội và sức mạnh kinh tế cần thiết để bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế. Còn thực hiện quan điểm thứ hai thì nền kinh tế khó tránh khỏi rơi vào trì trệ, khủng hoảng và cuối cùng cũng không thực hiện được mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Vấn đề then chốt là phải đổi mới khu vực kinh tế nhà nước theo tiêu chuẩn năng suất, chất lượng và hiệu quả, làm cho nó đủ sức đóng vai trò chủ đạo trên thực tế; đồng thời sử dụng các hình thức kinh tế trung gian, quá độ, kể cả những hình thức tư bản nhà nước để tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện sự phân phối và quản lý theo nguyên tắc: có làm - có hưởng, làm nhiều hưởng nhiều, làm ít - hưởng ít, gây thiệt hại - phải đền bù, làm ăn hợp pháp - được khuyến khích, làm ăn phi pháp - bị trừng phạt, mọi người bình đẳng trước pháp luật. Lấy phân phối theo lao động làm hình thức phân phối chủ yếu, đồng thời sử dụng các hình thức phân phối khác, coi trọng các dạng phúc lợi xã hội; đấu tranh chống tham nhũng, hối lộ và lối làm ăn phi pháp. Nếu thực hiện phân phối theo chủ nghĩa bình quân và buông lỏng kỷ cương, pháp luật

trong quản lý thì sẽ hạn chế, thậm chí triệt tiêu mọi động lực của sự phát triển.

Nhân tố có tính quyết định nhất bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường là vai trò quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, trong đó kế hoạch vẫn giữ vị trí đặc biệt quan trọng. Một nhà nước mạnh và sáng suốt của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, do Đảng Cộng sản lãnh đạo, là công cụ có hiệu lực nhất để quản lý và điều tiết nền kinh tế, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Bằng luật pháp, kế hoạch, chính sách, thông tin, tuyên truyền, giáo dục và các biện pháp khác, Nhà nước bảo đảm cho mọi người đều có được khả năng và cơ hội phát huy sức lao động, vốn liếng, tài năng, trí tuệ để tạo lập cuộc sống ấm no, hạnh phúc, vừa làm giàu cho bản thân, gia đình mình, vừa góp phần làm giàu cho đất nước.

Nhà nước phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, như: tính tự phát của thị trường, sự phân hoá giàu nghèo quá mức, sự sa sút về đạo đức, lối sống, tệ tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội khác, việc tàn phá môi trường...

Ngày nay, mọi nhà nước đều thực hiện sự quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Vấn đề mấu chốt là ở chỗ nhà nước quản lý và điều tiết nền kinh tế vì quyền lợi của ai, cho ai và nhằm đạt tới mục tiêu gì. Nhà nước tư bản chủ nghĩa quản lý và điều tiết nền kinh tế thị trường trước hết nhằm bảo đảm lợi ích của giai cấp tư bản độc quyền, đồng thời điều hoà các

mâu thuẫn xã hội làm cho nó không phát triển tới mức đe dọa sự tồn tại của bản thân chế độ tư bản. Còn Nhà nước ta thì quản lý và điều tiết nền kinh tế thị trường vì lợi ích của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Quá trình chuyển sang cơ chế thị trường một mặt kích thích sự phát triển năng động và có hiệu quả nền sản xuất, kinh doanh; mặt khác làm cho sự phân tầng xã hội, phân hoá giàu nghèo diễn ra phức tạp ở cả thành thị, nông thôn, miền núi và ngay trong mỗi giai tầng xã hội.

Khác với quá trình tích tụ, tập trung tư bản dẫn đến tình trạng phân hoá hai đầu mà chủ nghĩa tư bản đã trải qua, sự phân tầng xã hội, phân hoá giàu nghèo ở nước ta hiện nay về cơ bản không phải là sự tước đoạt và bần cùng hoá đông đảo quần chúng lao động để tập trung tư liệu sản xuất và giá trị thặng dư vào tay một số ít người, làm cho họ giàu lên thêm mãi. Điều đó được quy định bởi các nhân tố khách quan và chủ quan đang tồn tại trong xã hội ta: ruộng đất và các tư liệu sản xuất chủ yếu thuộc sở hữu toàn dân; nhà nước là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; địa vị kinh tế, chính trị, xã hội của quần chúng lao động khác về chất so với trong chủ nghĩa tư bản; quá trình phân tầng xã hội được chú ý quản lý, điều chỉnh để hạn chế những mặt tiêu cực của nó, để điều hoà lợi ích giữa các thành viên trong xã hội, tạo điều kiện và cơ hội thuận lợi cho mọi người có thể làm giàu chính đáng.

Do sự phân công lao động ở nước ta chưa phát triển, trình độ lực lượng sản xuất còn thấp và không đều, hậu quả nặng nề của chiến tranh... nên người nghèo còn nhiều, trình

độ phát triển còn có khoảng cách khá xa giữa thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi. Vì vậy, không thể ngay một lúc xoá được nghèo khổ, làm cho mọi người, mọi vùng có được trình độ phát triển như nhau. Yêu cầu khách quan của sự phát triển chung của đất nước dẫn đến tình hình một bộ phận dân cư giàu trước, một số vùng phát triển nhanh hơn. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói giảm nghèo, tiến lên xoá nghèo là phù hợp với lẽ công bằng trong điều kiện thực tế hiện nay. Đồng thời, cũng là công bằng khi bộ phận giàu sau cũng được hưởng mỗi thành quả của công cuộc đổi mới, dưới nhiều hình thức.

Công bằng xã hội trong nền kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường không chỉ thực hiện thông qua phân phối kết quả sản xuất, trong đó lấy phân phối theo lao động và hiệu quả kinh tế là nguyên tắc chủ yếu, mà còn thực hiện ở khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất và ở việc tạo điều kiện phát triển năng lực của mọi thành viên trong cộng đồng bằng cách dần dần giúp họ được hưởng một nền giáo dục cơ bản, được chăm sóc về y tế, được hướng dẫn và đào tạo về nghề nghiệp... để họ có thể tự lo liệu cuộc sống của bản thân và gia đình mình, tìm cách vượt qua khó khăn, thoát khỏi đói nghèo.

Sự kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội phải thể hiện ngay từ đầu và trong mỗi bước tiến của kinh tế, không đợi đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao mới thực hiện; càng không thể hy sinh hay tạm gác việc thực hiện công bằng xã hội để phát triển kinh tế trước. Thực hiện từng bước công bằng xã hội là góp phần quan trọng làm tăng ổn định xã hội và tạo động lực mạnh mẽ cho

phát triển kinh tế. Mỗi bước tăng trưởng kinh tế là một bước tạo thêm điều kiện vật chất cho việc thu hẹp dần khoảng cách phân tầng xã hội, đáp ứng nhu cầu, lợi ích ngày càng cao của nhân dân lao động.

Chúng ta đang đứng trước nhiều vấn đề xã hội bức xúc phải giải quyết. Lĩnh vực cần quan tâm trước hết là những nhu cầu vật chất thiết thân, tối thiểu trong đời sống của những người, những vùng nghèo khổ, khó khăn nhất. Cần khai thác hợp lý, có hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và của nhân dân phục vụ cho nhiệm vụ tạo việc làm, cải thiện điều kiện sinh hoạt , xoá đói, giảm nghèo, đặc biệt là ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến, ưu tiên giúp đỡ các gia đình nghèo khó, hy sinh nhiều cho cách mạng. Đây không chỉ là vấn đề nhân đạo, trách nhiệm đạo đức mà còn là nghĩa vụ xã hội của mọi thành viên trong cộng đồng dân tộc.

Nếu không chú ý tạo điều kiện cho những người và những vùng nghèo khổ nhất vươn lên, thì xu hướng tự phát của sự phân tầng xã hội, phân hoá giàu nghèo và các hiện tượng tiêu cực xã hội khác có nguy cơ vượt khỏi giới hạn an toàn, đẩy mâu thuẫn xã hội đến mức gay gắt, có thể làm mất ổn định chính trị, cản trở đà tăng trưởng kinh tế.

Mặt khác, nếu dồn sức giải quyết công bằng xã hội vượt quá khả năng mà nền kinh tế cho phép, thì cũng làm mất đi động lực phát triển kinh tế, khiến cho kinh tế giảm sút và cuối cùng có thể dẫn tới mất ổn định xã hội và chính trị. Do đó, trong mỗi bước đi, mỗi thời kỳ phải xác định đúng mức độ hợp lý của sự kết hợp giữa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và

thực hiện công bằng xã hội, sao cho hai mặt đó không cản trở hoặc triệt tiêu nhau mà hỗ trợ nhau cùng phát triển.

Muốn thiết lập công bằng xã hội, phải kiên quyết chống nạn tham nhũng và buôn lậu mà từ đó nảy sinh một tầng lớp giàu có bất chính, sa đọa, dùng đồng tiền vào những mục đích đen tối, trái với kỷ cương xã hội, đạo lý dân tộc, đối lập gay gắt với đông đảo quần chúng sống bằng lao động chân chính; đồng thời cũng từ đó, làm chậm đà phát triển kinh tế, làm biến dạng các hoạt động kinh tế. Đây là cuộc đấu tranh gay go, phức tạp, lâu dài; phải sử dụng đồng bộ các biện pháp giáo dục, hành chính, pháp luật, kết hợp ngăn ngừa với trừng trị, đồng thời hết sức coi trọng việc sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý vĩ mô về kinh tế, hành chính, tìm tòi và sử dụng đúng đắn các công cụ kiểm tra, giám sát, kế toán, thống kê, v.v.. Chỉ với nỗ lực phấn đấu bền bỉ của cả hệ thống chính trị, trong đó vai trò quyết định thuộc về sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, cùng với sự động viên, lôi cuốn, tổ chức toàn thể các tầng lớp nhân dân tự giác và tích cực tham gia thì mới có thể đưa cuộc đấu tranh này đến thành công.

6. Phát triển văn hoá giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại

Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, đồng thời là một mục tiêu cao cả của chủ nghĩa xã hội. Văn hoá có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, trong việc phát triển xã hội và xây dựng con người mới. Cần

hết sức coi trọng các nhiệm vụ phát triển văn hoá, giáo dục hướng vào xây dựng con người có ý thức trách nhiệm công dân, có tri thức, có sức khoẻ và lao động giỏi, sống có văn hoá và tình nghĩa, giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính, cống hiến hết sức mình vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Nền văn hoá mà Đảng ta lãnh đạo toàn dân xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Bản sắc văn hoá dân tộc được thể hiện trong văn học, nghệ thuật, kiến trúc, âm nhạc, nhà cửa, y phục, cách ăn uống, lối ứng xử, phong tục, tín ngưỡng, v.v. của mỗi dân tộc. Bản sắc văn hoá dân tộc thể hiện trong hệ giá trị của cộng đồng. Những giá trị văn hoá truyền thống vững bền của dân tộc Việt Nam là lòng yêu nước nồng nàn, ý thức cộng đồng sâu sắc, đạo lý "thương người như thể thương thân", đức tính cần cù, vượt khó, sáng tạo trong lao động... Đó là nền tảng và sức mạnh tinh thần to lớn để nhân dân ta xây dựng một xã hội phát triển, tiến bộ, công bằng, nhân ái ngày nay.

Giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc không có nghĩa là đóng kín, kỳ thị đối với các nền văn hoá khác. Các nền văn hoá luôn trao đổi với nhau. Lịch sử văn minh nhân loại cho thấy, qua giao lưu, các nền văn hoá dân tộc làm phong phú lẫn nhau và thúc đẩy nhau phát triển.

Nhìn lại mấy nghìn năm lịch sử nước ta, nền văn hoá dân tộc Việt Nam đã phát triển trong sự tiếp thu có chọn lọc và biến thành của mình nhiều tinh hoa của những nền văn hoá lớn trên thế giới. Sự tiếp thu đó không làm chúng ta mất gốc, bị tha hoá, mà làm giàu cho nền văn hoá Việt Nam. Ông cha ta đã tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại trên tinh thần

độc lập dân tộc, với lòng tự hào sâu sắc về những giá trị của con người Việt Nam, của truyền thống lịch sử và văn hoá Việt Nam. Chính nhờ có tinh thần ấy mà khi tiếp xúc với các nền văn hoá lớn, ông cha ta không bị rơi vào mặc cảm tự ti, không vong bản, sùng ngoại, lai căng, là những bệnh hoạn có thể đưa nền văn hoá dân tộc đi đến biến dạng và suy đồi.

Ngày nay, khi đất nước bước vào thời kỳ mới của sự phát triển, bản sắc văn hoá dân tộc cũng đang trong quá trình phát triển để đáp ứng những đòi hỏi mới. Hệ giá trị cốt lõi của nền văn hoá dân tộc đang phát huy, chuẩn mực xã hội mới cũng đang hình thành, đáp ứng các nhu cầu đổi mới toàn diện đất nước. Công cuộc đổi mới hiện nay là sự kế thừa và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, thông qua chính sách rộng mở, tăng cường giao lưu, hợp tác về nhiều mặt với các nước trong cộng đồng thế giới trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. Chỉ có biết giữ gìn, khai thác, phát triển và nâng cao bản sắc riêng của nền văn hoá dân tộc thì mới có được giá trị bản thân trong tiếp xúc và đối thoại với các nền văn hoá khác, và cũng chỉ trên cơ sở đó mới tiếp thụ được những tinh hoa của văn hoá thế giới.

Nhân tố quan trọng bảo đảm cho việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc là giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa kế thừa văn hoá dân tộc với tiếp thu tinh hoa văn hoá thế giới. Không tự hãm mình trong tính riêng biệt văn hoá, khước từ đối thoại, giao lưu, đổi mới và phát triển; mặt khác, chống lại sự tiếp nhận xô bồ mọi thứ gọi là "tân kỳ" của văn hoá ngoại lai để dẫn đến mất gốc, lệ thuộc, tha hoá và bị nô dịch về văn hoá, từ đó cũng mất luôn độc lập dân tộc. Chúng

ta lựa chọn, tiếp thu các yếu tố nhân bản, hợp lý, khoa học, tiến bộ của văn hoá thế giới, cả phương Đông và phương Tây, để làm giàu thêm bản sắc văn hoá dân tộc. Nhưng cần phản đối quan niệm cực đoan về tự do cá nhân, thái độ sùng bái vật chất, chủ nghĩa tiêu dùng, lối sống hưởng thụ, ích kỷ... kéo theo hàng loạt bệnh hoạn và tệ nạn xã hội, những cái đó đang huỷ hoại nền tảng xã hội của nhiều nước tư bản phương Tây, mà ngay nhiều chính khách và trí thức tiến bộ các nước đó cũng lên án.

Phần thứ ba

TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG - LÝ LUẬN

Các cấp uỷ đảng và các ngành, các đoàn thể, các cơ quan nhà nước cần nắm vững những định hướng nói trên, tăng cường lãnh đạo và quản lý công tác tư tưởng - lý luận gắn với các hoạt động thực tiễn đẩy mạnh phong trào cách mạng của toàn dân.

Trước mắt, cần thực hiện tốt những việc sau đây:

1. Các cấp uỷ tổ chức đợt sinh hoạt tư tưởng - lý luận quán triệt nghị quyết

Để chỉ đạo tốt đợt sinh hoạt này, cần chú trọng:

- Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của các quan điểm cơ bản của Đảng, làm cho cán bộ, đảng viên càng thêm tin tưởng ở đường lối đúng đắn của Đảng, ở sức mạnh của nhân dân, ở chế độ mới, ở sự nghiệp chung và tiền đồ của Tổ quốc. Thảo

luận dân chủ, trao đổi cởi mở, giúp cho cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức, tự giác giải quyết những vấn đề còn vướng mắc, đối với những ý kiến khác nhau phải kết luận theo nghị quyết của Đảng.

- Việc phân tích những quan điểm sai trái phải nghiêm túc, có lý lẽ thuyết phục, không quy chụp thô bạo, làm hạn chế dân chủ trong Đảng, hạn chế việc phát huy trí tuệ của cán bộ, đảng viên. Cần phân biệt những người có quan điểm sai trái do trình độ hiểu biết hạn chế, do mơ hồ về nhận thức, những người thành tâm mong muốn tìm tòi đổi mới nhưng phạm sai lầm, với số có động cơ không lành mạnh. Phân biệt những người có quan điểm sai nhưng có ý thức kỷ luật, phát biểu trong tổ chức, với những người không tôn trọng kỷ luật, cố ý tìm cách truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng.

- Mọi cán bộ, đảng viên phải làm công tác chính trị, tư tưởng, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng trong quần chúng, đấu tranh chống những tư tưởng, quan điểm lệch lạc, kiên quyết bảo vệ mục tiêu, lý tưởng cách mạng và đường lối, quan điểm của Đảng, chống thái độ bàng quan, hữu khuynh, né tránh. Tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như phê phán những tư tưởng lệch lạc không chỉ bằng tư tưởng, lý luận thuần tuý mà còn phải bằng hành động thực tiễn, thông qua thực tiễn mà làm rõ đúng, sai và nâng cao tính thuyết phục của tư tưởng, lý luận.

Đảng viên, khi có ý kiến khác với quyết định của Đảng, có quyền bảo lưu ý kiến, gửi kiến nghị lên các cơ quan có thẩm quyền, nhưng không được truyền bá những quan điểm

trái với quan điểm, đường lối của Đảng, làm lộ bí mật của Đảng và của quốc gia. Tổ chức đảng cần quản lý, có thái độ và biện pháp xử lý kịp thời đối với những đảng viên vi phạm quy định của Đảng.

2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, báo chí, xuất bản và các hoạt động văn hoá khác

Tăng cường công tác thông tin nội bộ, bảo đảm thông tin hai chiều, vừa thông suốt đến đảng viên, vừa phản ánh kịp thời từ cơ sở lên để giải quyết những vấn đề tư tưởng mới nảy sinh.

Thường xuyên bồi dưỡng, giúp cho cán bộ lãnh đạo báo, đài và các phương tiện thông tin đại chúng khác nắm vững và chủ động thực hiện một cách đúng đắn, sáng tạo các định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng.

Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với báo chí, xuất bản và các hoạt động văn hoá khác. Kiểm điểm việc thực hiện Chỉ thị 08 của Ban Bí thư, tiếp tục sắp xếp hợp lý báo chí, xuất bản phát triển đúng hướng, sắp xếp hợp lý và tăng cường quản lý ngành in. Ngăn chặn có hiệu quả các hành động vi phạm pháp luật về văn hoá, có hại đến tư tưởng chính trị, đạo đức xã hội và bản sắc văn hoá dân tộc.

3. Đổi mới và nâng cao hiệu quả giáo dục lý luận chính trị

- Nâng cao ý thức học tập của cán bộ, đảng viên. Khôi phục nền nếp học tập tại chức. Biến khẩu hiệu "Học, học nữa, học mãi", học trong nhà trường, học trong thực tiễn, học đi

đối với hành thành hành động tự giác của đông đảo cán bộ, đảng viên.

Ban hành quy chế học tập, định rõ các chương trình học tập bắt buộc đối với cán bộ, đảng viên ở mỗi cấp. Các cấp uỷ viên, cán bộ lãnh đạo các ngành phải gương mẫu học tập.

- Cải tiến toàn diện công tác biên soạn, xuất bản, phát hành các tài liệu học tập lý luận chính trị, chấn chỉnh hoạt động của hệ thống thư viện phục vụ việc học tập lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên. Ngân sách nhà nước cấp tài trợ cần thiết cho xuất bản và phát hành các sách lý luận, chính trị. Nhà nước xem xét, điều chỉnh chế độ đối với giảng viên lý luận chính trị, bảo đảm sự đãi ngộ thích đáng.

- Đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao ý thức tự học. Trong khi chưa có đầy đủ giáo trình quốc gia, sử dụng kết quả đã được kết luận trong mỗi bước xây dựng giáo trình, bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục của Đảng và Nhà nước, và cán bộ tuyên giáo các cấp.

- Mở các khoá đặc biệt đào tạo giảng viên lý luận chính trị, khắc phục tình trạng hẫng hụt và bất cập hiện nay và chuẩn bị đội ngũ cho lâu dài.

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương phối hợp với Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo tăng cường kiểm tra, chỉ đạo công tác giảng dạy và học tập bộ môn Mác - Lênin trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Đối với các cuộc hội thảo, tập huấn có sự tham gia của người nước ngoài, cơ quan được phép tổ chức phải kiểm tra nội dung chính trị của hội thảo, tập huấn và việc mời người nước ngoài; khi kết thúc, lãnh đạo đơn vị phải làm tốt việc

đánh giá kết quả, phân tích những cái đúng, cái sai, những điều phù hợp và không phù hợp với nước ta, hướng dẫn việc chọn lọc, tiếp thu, vận dụng đúng đắn những thông tin thu nhận được.

4. Đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết của Đảng về công tác lý luận

Tiếp tục chỉ đạo hoàn thành có chất lượng các chương trình nghiên cứu khoa học xã hội cấp nhà nước, nhất là các chương trình trọng điểm. Có quy chế bảo đảm phát huy dân chủ trong nghiên cứu lý luận, khoa học xã hội. Các cơ quan nghiên cứu lý luận, khoa học xã hội tổ chức lực lượng cán bộ tham gia cùng với các ngành, các địa phương tổng kết thực tiễn đổi mới, góp phần chuẩn bị báo cáo và đề án Đại hội VIII.

5. Đấu tranh chống các luận điệu thù địch

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chủ trì cùng với các cơ quan trực tiếp có liên quan tổ chức việc theo dõi, nghiên cứu, phân tích những luận điệu, thủ đoạn tuyên truyền của địch, để chống trả kịp thời.

Công cụ đấu tranh chủ yếu thông qua báo, đài. Trong hoạt động thường xuyên, cần kết hợp tuyên truyền chính diện với phê phán các luận điệu thù địch và khi cần thiết, tổ chức các đợt tập trung, có phối hợp chặt chẽ giữa các báo, đài theo sự phân công và chỉ đạo thống nhất. Sau mỗi đợt có kiểm điểm rút kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả đấu tranh chống địch.

- Trong công tác giáo dục nội bộ tại trường, tại chức,

trong sinh hoạt học tập của tổ chức đảng cần kết hợp giáo dục chính diện với phê phán các quan điểm phản diện, chủ động ngăn ngừa những tác động xấu.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VII

Số 08-NQ/TW, ngày 23 tháng 1 năm 1995

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính

Phần thứ nhất

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC TA THỜI GIAN QUA VÀ NHỮNG YÊU CẦU TRƯỚC TÌNH HÌNH MỚI

Ra đời từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ngay buổi đầu, Nhà nước ta đã thể hiện bản chất tốt đẹp của một nhà nước gắn bó chặt chẽ và phục vụ lợi ích của dân tộc, của nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong của giai cấp công nhân. Từ đó đến nay, Nhà nước ta không ngừng lớn mạnh, làm tròn nhiệm vụ của mình, xứng đáng là công cụ đắc lực của nhân dân trong quá trình đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng cuộc sống mới, xã hội mới.

Công cuộc đổi mới những năm qua được tiến hành toàn diện, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới hệ thống chính trị. Tổ chức và hoạt động của Nhà nước có nhiều tiến bộ trên các lĩnh vực từ lập pháp đến hành pháp và tư pháp. Quản lý nhà nước bằng pháp luật được tăng cường. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy trên nhiều lĩnh vực, trước hết là về kinh tế. Ổn định chính trị, xã hội được giữ vững.

Trên cơ sở *Hiến pháp 1992,* đã bầu cử Quốc hội khoá IX, với cơ cấu đại biểu có tính chất tiêu biểu hơn. Chất lượng các kỳ họp Quốc hội được nâng cao hơn. Nền hành chính đã được sửa đổi từng bước về thể chế và cơ cấu tổ chức. Chính phủ chuyển dần việc quản lý xã hội phù hợp với cơ chế mới. Viện kiểm sát và toà án các cấp được xác định vị trí, nhiệm vụ, tổ chức quản lý trên cơ sở *Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân* và *Luật tổ chức Toà án nhân dân.*

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có tiến bộ, tạo tiền đề cho việc kiện toàn, phát huy vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước. Việc thành lập đảng đoàn, ban cán sự đảng góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong các cơ quan nhà nước.

Tuy nhiên, tổ chức và hoạt động của Nhà nước ta còn bộc lộ nhiều khuyết điểm và yếu kém:

Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, chưa tạo đủ khuôn khổ pháp lý cần thiết; việc thi hành pháp luật chưa nghiêm. Kỷ cương, kỷ luật lỏng lẻo. Một bộ phận những người có trách nhiệm giữ gìn pháp luật lại chính là những người làm sai pháp luật. Ở một số nơi, cấp uỷ đồng tình, thậm chí còn ra nghị quyết trái pháp luật để chính quyền thực hiện. Trong

nhiều lĩnh vực thuộc đời sống xã hội, có tình trạng vừa thiếu dân chủ, vừa lỏng lẻo kỷ cương. Ở nhiều nơi, quyền làm chủ của nhân dân bị vi phạm.

Tổ chức bộ máy nhà nước cồng kềnh, nhiều tầng nấc, công việc chồng chéo và nhiều khi cản trở lẫn nhau, hiệu lực và hiệu quả thấp. Nạn quan liêu, lãng phí, tham nhũng nghiêm trọng, việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ còn yếu. Đội ngũ cán bộ, công chức nhìn chung chưa ngang tầm nhiệm vụ, một bộ phận không nhỏ thoái hoá, biến chất.

Sự lãnh đạo của Đảng chưa được tăng cường đúng mức, chưa có quy chế rõ ràng bảo đảm cho việc kiện toàn và phát huy hiệu lực của bộ máy nhà nước. Chậm đặt vấn đề nghiên cứu có hệ thống về cải cách bộ máy nhà nước. Tình trạng tổ chức đảng bao biện, làm thay, can thiệp sâu vào những công việc thuộc chức năng điều hành của nhà nước vẫn còn tồn tại. Mặt khác, có những nơi lại xem nhẹ sự lãnh đạo của Đảng, của tập thể cấp uỷ. Ý thức đảng của một số cán bộ nhà nước, cán bộ chuyên môn là đảng viên còn yếu và có những quan niệm lệch lạc. Chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội có chiều hướng phát triển.

*

* *

Tình hình trên đặt ra yêu cầu cấp thiết phải *xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước vững mạnh, trong sạch, có hiệu lực và hiệu quả, bài trừ quan liêu, tham nhũng,* luôn luôn giữ vững và phát huy bản chất cách mạng của một nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Để làm tốt việc đó, cần nắm vững những *quan điểm cơ bản* sau đây:

1. Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân

Quán triệt bản chất giai cấp công nhân chính là kiên định vai trò lãnh đạo của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa. Trong mọi lĩnh vực từ chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng và thực hiện pháp luật đến tổ chức cán bộ đều phải thể hiện sâu sắc bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta.

Bản chất giai cấp công nhân gắn bó chặt chẽ với tính dân tộc, tính nhân dân của Nhà nước ta. Đó là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Mọi quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân. Nhà nước do dân lập nên, dân bầu ra, dân giám sát và bãi miễn. Nhà nước phải thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của dân, bảo đảm trên thực tế mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là vấn đề thuộc bản chất của Nhà nước ta. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực. Quyền làm chủ đó được thể chế hoá bằng pháp luật, được hoàn thiện và nâng cao trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và mở mang dân trí. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ

cương; thực hiện quyền làm chủ của nhân dân và chuyên chính với những hành vi xâm phạm lợi ích của nhân dân, vi phạm an ninh Tổ quốc.

2. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp

Quyền lực nhà nước bao gồm ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Không ngừng hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước, xác định rõ chức năng, quyền hạn, có sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực thi ba quyền đó.

3. Quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Kết hợp đúng đắn tập trung và dân chủ là yếu tố quyết định sức mạnh và hiệu lực của bộ máy Nhà nước ta. Nguyên tắc tập trung dân chủ cần được quán triệt trong việc xây dựng pháp luật, trong quy chế về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, được quy định cụ thể sát hợp với tính chất, chức năng của từng tổ chức, từng lĩnh vực hoạt động và phải chấp hành nghiêm túc.

Tăng cường sự lãnh đạo và điều hành tập trung thống nhất của trung ương, đồng thời phát huy trách nhiệm và tính chủ động, năng động của địa phương. Khắc phục cả hai khuynh hướng lệch lạc: phân tán cục bộ và tập trung quan liêu.

Phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của mỗi cấp chính quyền. Tập trung vào trung ương quyền quyết định những vấn đề ở tầm vĩ mô. Đồng thời phân cấp quản lý để phát huy tính chủ động và tinh thần trách nhiệm của chính quyền địa phương.

4. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa

Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, theo pháp luật. Đó là cơ sở chủ yếu điều chỉnh các quan hệ cơ bản trong xã hội. Đồng thời, coi trọng giáo dục nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa, kết hợp biện pháp hành chính với giáo dục tư tưởng, nâng cao dân trí. Cán bộ, viên chức nhà nước phải nêu gương đạo đức. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhân dân, trước hết trong đảng và cơ quan nhà nước, làm cho mọi người hiểu và làm theo pháp luật.

5. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước

Việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đòi hỏi tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Trong tình hình hiện nay, cần khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, đấu tranh chống lại các luận điệu thù địch, khắc phục những nhận thức, quan điểm mơ hồ, lệch lạc. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước phải gắn liền và dựa trên cơ sở đổi mới và chỉnh đốn Đảng, bao gồm đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng.

Đảng lãnh đạo định ra đường lối, chính sách, những chủ trương cụ thể quan trọng, có quan hệ nhiều mặt, có ảnh hưởng chính trị rộng. Nhà nước thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng và tổ chức, quản lý, điều hành việc thực hiện. Đảng kiểm tra việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách, khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn kịp thời những lệch lạc; coi trọng việc bố trí cán bộ, chỉ đạo sự phối hợp giữa các tổ chức, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo Nhà nước, nhưng đảng và mọi đảng viên đều phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng lãnh đạo thông qua đảng bộ, đảng uỷ, đảng đoàn, ban cán sự, qua đảng viên hoạt động ở cơ quan nhà nước. Tổ chức đảng và đảng viên hoạt động ở các cơ quan đó phải nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật Nhà nước.

Phần thứ hai

CHỦ TRƯƠNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

I- TIẾP TỤC ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI

Đẩy mạnh *hoạt động lập pháp* của Quốc hội, phấn đấu trong những năm tới dần dần có đủ các đạo luật điều chỉnh các lĩnh vực của đời sống xã hội theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; dựa

trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn Việt Nam, có nghiên cứu tham khảo chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài nhưng không sao chép, rập khuôn. Trong khi chưa có đủ luật, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội tiếp tục ban hành pháp lệnh và Chính phủ ban hành văn bản pháp quy để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển của đất nước.

Có quy chế phối hợp chặt chẽ giữa Quốc hội với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng để tập hợp trí tuệ của nhân dân tham gia vào các dự án luật và những vấn đề quan trọng của đất nước.

Làm tốt hơn nữa *công tác giám sát* của Quốc hội. Tăng cường công tác giám sát tại kỳ họp Quốc hội và hoạt động giám sát của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các uỷ ban của Quốc hội, các đoàn đại biểu Quốc hội, xác định trách nhiệm xử lý các kiến nghị của những hoạt động giám sát đó. Mọi đại biểu Quốc hội phải gương mẫu tuyên truyền, giải thích, chấp hành pháp luật, tích cực chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy nhà nước và ngay trong cơ quan lập pháp, tham gia giám sát việc chấp hành pháp luật ở địa phương, đơn vị công tác của mình và từ thực tiễn mà rút kinh nghiệm để có những kiến nghị bổ sung, hoàn chỉnh luật.

Tiếp tục đổi mới về tổ chức, tăng thêm số đại biểu Quốc hội làm việc chuyên trách; kiện toàn Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban của Quốc hội. Phân định rõ trách nhiệm của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ trong việc giám sát, kiểm tra và hướng dẫn hội đồng nhân dân các cấp. Bộ máy giúp việc của Quốc hội phải tinh gọn, làm việc có hiệu quả và tiết kiệm.

II- CẢI CÁCH MỘT BƯỚC NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Đây là yêu cầu rất bức xúc và là trọng tâm của việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời gian tới. Mục tiêu của cải cách hành chính nhằm *xây dựng một nền hành chính* trong sạch, có đủ năng lực, sử dụng đúng quyền lực và từng bước hiện đại hoá để quản lý có hiệu lực và hiệu quả công việc của Nhà nước, thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh, đúng hướng, phục vụ đắc lực đời sống nhân dân, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong xã hội. Trong những năm trước mắt, tập trung làm tốt một số việc sau đây.

1. Cải cách thể chế của nền hành chính

Trong năm 1995, phải *cải cách một bước cơ bản các thủ tục hành chính,* cả về thể chế và tổ chức thực hiện.

Loại bỏ những khâu xin phép, xét duyệt không cần thiết, giảm phiền hà, ngăn chặn tệ cửa quyền, sách nhiễu, tham nhũng, hối lộ, vi phạm pháp luật. Lập lại trật tự trong việc ban hành thủ tục hành chính và quy định lệ phí. Chính phủ nắm quyền ban hành thủ tục hành chính; đồng thời quy định phạm vi giao quyền cho cấp tỉnh, thành phố được ban hành một số loại thủ tục mang tính đặc thù của địa phương.

Tập trung cải cách thủ tục trong các lĩnh vực tác động trực tiếp tới đời sống và sản xuất, kinh doanh của nhân dân. Quy định chế độ công vụ và quy chế phối hợp của các cơ quan có trách nhiệm giải quyết công việc của dân một cách công khai, minh bạch, chống cửa quyền.

Đẩy mạnh *việc giải quyết các khiếu kiện của dân*. Soát xét, bổ sung và thể chế hoá các chính sách, trước hết đối với những lĩnh vực mà dân khiếu kiện nhiều như những tranh chấp về nhà, đất... Xúc tiến việc thiết lập hệ thống toà án hành chính để xét xử các khiếu kiện của dân đối với các quyết định hành chính. Sửa đổi, bổ sung thể chế và đề cao trách nhiệm của các cơ quan hành chính trong việc xử lý các khiếu nại của dân không cần đưa xét xử ở toà án. Coi trọng vai trò hoà giải của chính quyền kết hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở.

Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan quản lý cán bộ trong việc giải quyết các đơn, thư tố cáo về những sai phạm của cán bộ, công chức. Các vụ tố cáo phải được cơ quan có thẩm quyền kết luận rõ. Người bị tố cáo được quyền nhận thông tin đầy đủ và bào chữa, giải trình. Người tố cáo không đúng sự thật với dụng ý xấu phải bị xử lý theo pháp luật.

Có quy chế giao trách nhiệm nghiên cứu, tập hợp và trả lời thư của nhân dân góp ý về công việc chung của đất nước. Tổ chức thu thập ý kiến của các đối tượng chính phải thi hành các văn bản pháp quy trước khi ban hành.

Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh *thể chế kinh tế mới,* tập trung vào ba lĩnh vực: xây dựng, bổ sung hệ thống luật và văn bản pháp quy tạo khuôn khổ pháp lý cho việc hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Hoàn chỉnh thể chế quản lý tài chính công (ngân sách, kho bạc, vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước...) và các tài sản công khác. Phân loại các doanh nghiệp nhà nước và xây dựng thể chế quản lý phù hợp với tính chất từng loại doanh nghiệp.

Đổi mới *quy trình lập pháp và lập quy.* Cải tiến sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan của Quốc hội và Chính phủ để đảm bảo tính kịp thời và nâng cao chất lượng xây dựng luật. Tăng cường công tác lập quy của Chính phủ nhằm cụ thể hoá và triển khai thực hiện luật được nhanh chóng, có hiệu quả. Kịp thời có quy định pháp lý cho những vấn đề chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật. Bảo đảm việc ban hành văn bản pháp quy theo đúng thẩm quyền. Văn bản chính chỉ ban hành khi đã cơ bản chuẩn bị được văn bản hướng dẫn. Nghị định của Chính phủ phải đủ cụ thể để chấp hành; thông tư của bộ, liên bộ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện văn bản pháp quy của Chính phủ.

Nâng cao hiệu lực *thi hành pháp luật,* thiết lập trật tự, kỷ cương xã hội, kỷ luật trong bộ máy nhà nước. Hoàn thiện quy chế ban hành, công bố, phổ biến luật và các văn bản pháp quy khác; quy định trách nhiệm của các công sở trong việc niêm yết và cung cấp thông tin cho nhân dân về các văn bản pháp quy. Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật với các đoàn thể nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng trong việc phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và những hành vi vi phạm pháp luật. Kiện toàn tổ chức, làm trong sạch đội ngũ và bổ sung phương tiện hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Xử phạt nghiêm cán bộ, công chức cơ quan bảo vệ pháp luật lợi dụng chức quyền vi phạm pháp luật. Điều chỉnh hợp lý sự phân công và phối hợp giữa cơ quan hành chính với viện kiểm sát và toà án trong các khâu điều tra, khởi tố, truy tố, thi hành án. Nâng cao năng lực và chất lượng của các cơ quan xét xử, bảo đảm giải quyết các vụ án kịp thời, nghiêm minh.

2. Chấn chỉnh tổ chức bộ máy và quy chế hoạt động của hệ thống hành chính theo phương hướng:

Một là, Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp tập trung chủ yếu vào quản lý kinh tế vĩ mô, chăm lo các vấn đề văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường, duy trì hiệu lực của pháp luật, củng cố quốc phòng, an ninh, thi hành chính sách đối ngoại; không can thiệp trực tiếp việc điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh; tiến tới xoá bỏ chế độ chủ quản đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế kinh doanh.

Hai là, vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ, kết hợp quản lý theo ngành và theo lãnh thổ sát hợp với chức năng chỉ đạo, điều hành của hệ thống hành chính và với đặc điểm của từng ngành, từng lĩnh vực. Xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của các cấp hành chính, trước hết là về lập quỹ và ngân sách.

Xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm tập thể và cá nhân; bảo đảm sự lãnh đạo tập thể về những vấn đề quan trọng được quy định rõ trong điều lệ tổ chức và hoạt động của từng cơ quan, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân của thủ trưởng cơ quan trong công tác điều hành.

Theo các phương hướng và nguyên tắc chung đó, xúc tiến điều chỉnh từng bước cơ cấu tổ chức, tinh giản bộ máy hành chính các ngành, các cấp.

Điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy Chính phủ theo hướng giảm dần số lượng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ. Tăng cường trách nhiệm của bộ trưởng trong việc quyết định các vấn đề thuộc chức năng và thẩm quyền của

bộ. Thủ tướng tập trung vào việc chỉ đạo, phối hợp công việc giữa các bộ, giải quyết các vấn đề vượt khỏi thẩm quyền của bộ trưởng và trực tiếp nắm các vấn đề lớn như lập quy, kế hoạch, ngân sách, tổ chức và nhân sự hành chính cấp cao.

Bộ có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với toàn ngành hoặc lĩnh vực được phân công trong phạm vi cả nước. Xác định rành mạch, cụ thể trách nhiệm và thẩm quyền quản lý của bộ và của chính quyền địa phương phù hợp với tính chất, đặc điểm từng ngành, từng lĩnh vực. Trên cơ sở đó, quy định tổ chức bộ máy ở trung ương và các cấp với quy chế hoạt động thích hợp với từng ngành, từng lĩnh vực.

Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân các cấp. Đề cao trách nhiệm và kỷ luật của hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân trong việc chấp hành pháp luật và các quyết định của Quốc hội, Chính phủ và của cơ quan hành chính cấp trên. Tăng quyền chủ động của hội đồng nhân dân trong việc quyết định những vấn đề mang tính địa phương, quyết định ngân sách trong phạm vi được phân cấp. Quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân từng cấp. Xây dựng quy chế kết hợp quyền bầu cử của hội đồng nhân dân cùng cấp với quyền của Thủ tướng và chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp trên phê chuẩn việc bầu cử các thành viên của uỷ ban nhân dân cấp dưới, việc miễn nhiệm, điều động, cách chức chủ tịch, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp dưới.

Tổ chức bộ máy hành chính thành phố, thị xã phù hợp với đặc điểm quản lý đô thị mang tính tập trung, thống nhất cao. Xác định hợp lý phạm vi ngoại thành, ngoại thị trên cơ sở quy hoạch đô thị. Xác định vị trí và chức năng của chính

quyền cấp huyện với thẩm quyền và trách nhiệm rõ ràng. Kiện toàn chính quyền cấp xã, giải quyết vấn đề ngân sách xã và từng bước chuyên nghiệp hoá một số vị trí công tác ở xã. Thực hiện chế độ trưởng thôn, trưởng ấp, trưởng bản do dân cử.

Các cơ quan chuyên môn chịu sự chỉ đạo của cơ quan ngành dọc cấp trên và của uỷ ban nhân dân địa phương theo sự phân định phạm vi trách nhiệm, quyền hạn giữa bộ và chính quyền địa phương. Một số ngành do yêu cầu quản lý tập trung thống nhất cao có thể tổ chức cơ quan cấp dưới theo khu vực, không nhất thiết gắn với địa giới của cấp hành chính.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hành chính

Xây dựng và từng bước hoàn thiện *chế độ công vụ và quy chế công chức,* chú trọng cả yêu cầu về phẩm chất, đạo đức và trình độ, năng lực. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống ngạch, bậc công chức và cải tiến chế độ tiền lương, gắn trách nhiệm với quyền hạn, nhiệm vụ với chính sách đãi ngộ. Chú trọng phát hiện và bồi dưỡng các tài năng trong đảng, ngoài đảng. Ban hành quy chế tuyển dụng và đề bạt qua thi tuyển hoặc kiểm tra sát hạch. Mọi công dân có đủ điều kiện đều có cơ hội ngang nhau để được tuyển làm công chức.

Huấn luyện lại và tuyển chọn công chức theo tiêu chuẩn chức danh. Đối với những người không đủ tiêu chuẩn, cần có chính sách thoả đáng, tạo điều kiện cho họ tìm việc làm, ổn định đời sống. Kiên quyết sa thải những công chức thoái hoá, biến chất. Thực hiện chế độ nghỉ hưu đúng tuổi đối với công chức.

Đẩy mạnh việc *đào tạo đội ngũ công chức.* Có kế hoạch bồi dưỡng những công chức đang làm việc và đào tạo những người mới theo kịp trình độ hiện đại, bao gồm cả tiêu chuẩn về ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ tin học. Phấn đấu sau một số năm, các công chức đều đạt được tiêu chuẩn quy định cho từng ngạch, từng chức danh. Coi trọng hình thức đào tạo ngắn ngày. Nâng cao trình độ của cán bộ giảng dạy. Mở rộng và quản lý tốt việc hợp tác với nước ngoài trong công tác đào tạo. Sắp xếp hợp lý và kiện toàn hệ thống các cơ sở đào tạo cán bộ quản lý và công chức.

Từng bước *hiện đại hoá công sở,* sớm hình thành mạng lưới tin học trong hệ thống hành chính.

Đấu tranh kiên quyết và bền bỉ *chống tệ tham nhũng, lãng phí của công,* gắn với cải cách nền hành chính và chỉnh đốn Đảng trong hệ thống hành chính. Xác định rõ những việc liên quan đến kinh doanh, đến việc làm cho người nước ngoài mà công chức không được phép làm; quy định chặt chẽ việc nhận quà biếu, tiếp khách và chế độ cán bộ, công chức, đảng viên, trước hết là những người giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, phải báo cáo và chịu sự kiểm tra về nguồn tiền mua đất, làm nhà...

Huy động sức mạnh tổng hợp của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí của công. Quy định hình thức kỷ luật tương ứng với mức độ trách nhiệm của tập thể và cá nhân có cương vị chủ chốt ở nơi xảy ra tham nhũng và lãng phí. Có chế độ khen thưởng và bảo vệ người có công phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng.

III- ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN TƯ PHÁP

Tiếp tục sửa đổi, bổ sung pháp luật, làm cơ sở cho việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp. Sớm ban hành các *Bộ luật Dân sự, Tố tụng Dân sự* và những văn bản pháp luật khác liên quan đến việc giải quyết các tranh chấp trong nội bộ nhân dân. Nghiên cứu việc xây dựng các tổ chức trọng tài để thực hiện chức năng hoà giải các tranh chấp. Nghiên cứu sửa đổi *Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự* phù hợp với tình hình mới. Mở rộng quan hệ quốc tế về tương trợ tư pháp, về phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

Cán bộ, nhân viên ngành tư pháp phải nêu gương chấp hành nghiêm pháp luật, tích cực chống quan liêu, tham nhũng trong xã hội và ngay trong các cơ quan tư pháp.

Về tổ chức và hoạt động của *Toà án nhân dân,* trên cơ sở kiện toàn tổ chức và cán bộ, nghiên cứu tăng thẩm quyền xét xử cho toà án nhân dân cấp quận, huyện theo hướng việc xét xử sơ thẩm được thực hiện chủ yếu ở toà án cấp này. Toà án cấp tỉnh chủ yếu xét xử phúc thẩm. Toà án nhân dân tối cao chủ yếu xét xử giám đốc thẩm, tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn các toà án địa phương thực hiện xét xử thống nhất theo pháp luật. Hạn chế việc xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm. Nghiên cứu tiếp tục thành lập các toà chuyên môn.

Tổng kết thực tiễn công tác quản lý toà án địa phương, xác định rõ trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong việc quản

lý các toà án địa phương về tổ chức và cán bộ. Đẩy mạnh việc xét và giải quyết kháng cáo và các khiếu nại, tố cáo về công tác xét xử, bảo đảm công bằng và nghiêm minh.

Về tổ chức và hoạt động của *Viện Kiểm sát nhân dân,* làm tốt hơn nữa công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật về kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Nghiên cứu sắp xếp tổ chức hợp lý, xây dựng quy chế hoạt động kiểm sát trong lĩnh vực hình sự, dân sự, kinh tế, hành chính. Tập trung làm tốt chức năng công tố, bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều bị phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời, đặc biệt là tội xâm phạm an ninh quốc gia và tội tham nhũng. Đối với việc bắt giữ, xét xử oan, sai, cần truy cứu trách nhiệm của những người ra lệnh và người thừa hành, đồng thời minh oan công khai, thoả đáng đối với người bị bắt giữ, xét xử sai, bảo đảm quyền công dân đúng pháp luật.

Xây dựng đội ngũ kiểm sát viên theo các tiêu chuẩn được pháp lệnh kiểm sát viên quy định.

Nghiên cứu tổ chức *hệ thống các cơ quan điều tra* hợp lý, bớt chồng chéo. Xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan điều tra và điều tra viên theo hướng phân biệt thẩm quyền hành chính và thẩm quyền tố tụng.

Sớm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về *thi hành án* theo hướng tiến tới tập trung nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thi hành án vào Bộ Tư pháp. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thi hành án để bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ xét xử. Đối xử nhân đạo với người bị phạt tù. Có chương trình dạy nghề cho phạm nhân và giới thiệu việc làm

cho họ sau khi ra tù, giúp họ nhanh chóng tái hoà nhập cộng đồng xã hội.

Quy định rõ nguyên tắc, nội dung hoạt động của *các tổ chức hỗ trợ tư pháp* để hỗ trợ đắc lực hoạt động xét xử của toà án một cách khách quan, chính xác và đúng luật. Nhà nước tăng cường hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, khắc phục các biểu hiện tiêu cực trong công tác dịch vụ và tư vấn pháp lý, kể cả của các tổ chức và người nước ngoài.

IV- PHÁT HUY VAI TRÒ LÀM CHỦ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN

Hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, hiệp thương giới thiệu người ứng cử. Tăng thêm đại biểu là người ngoài đảng vào các cơ quan dân cử. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do bầu cử và ứng cử của công dân.

Bảo đảm quyền của nhân dân giám sát hoạt động của Nhà nước. Các phương tiện thông tin đại chúng có quyền và có trách nhiệm thông tin kịp thời, nhanh chóng về hoạt động của các cơ quan nhà nước, nhất là hoạt động của Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Toà án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Nghiên cứu mở rộng việc mời đại diện các tầng lớp nhân dân dự thính các kỳ họp Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp.

Cải tiến chế độ tiếp xúc, báo cáo của đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân với cử tri, tạo điều kiện để nhân dân không chỉ phản ánh ý chí, nguyện vọng của mình, mà còn biểu thị thái độ, đánh giá hoạt động của đại biểu dân

cử, của cơ quan nhà nước. Quốc hội, hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cần thu thập, phản ánh và kịp thời xem xét các ý kiến của cử tri về sự tín nhiệm đối với đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp.

Phát huy vai trò nhân dân tham gia quản lý nhà nước, vừa nâng cao chất lượng chế độ dân chủ đại diện, vừa mở rộng và phát huy chế độ dân chủ trực tiếp, nhất là ở cơ sở. Củng cố và phát triển các tổ chức tự nguyện của nhân dân.

Tổ chức hội nghị nhân dân hoặc đại biểu nhân dân ở thôn, ấp, bản, xã, phường để lấy ý kiến về các nhiệm vụ quản lý nhà nước, tham gia quyết định những vấn đề liên quan đến đời sống của dân cư trên địa bàn. Cải tiến việc lấy ý kiến nhân dân về các văn bản pháp luật theo hướng thiết thực, tránh hình thức, lãng phí.

Tổ chức điều tra dư luận xã hội về những vấn đề cần thiết cho công tác lãnh đạo và quản lý nhà nước. Xây dựng luật về trưng cầu ý dân.

Đổi mới tổ chức và hoạt động để phát huy vai trò của *các tổ chức chính trị - xã hội* trong việc thực hiện quyền làm chủ nhà nước của nhân dân. Nhà nước tham khảo ý kiến của các tổ chức xã hội có liên quan trong việc xây dựng chính sách và pháp luật.

Nâng cao dân trí, giáo dục và động viên nhân dân thực hiện đúng quyền làm chủ, gắn quyền hạn với trách nhiệm, lợi ích với nghĩa vụ công dân, tôn trọng kỷ cương, trật tự xã hội; giáo dục, động viên nhau chấp hành pháp luật, tích cực đấu tranh phòng, chống vi phạm, tội phạm.

V- TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

1. Đối với Quốc hội

Bộ Chính trị nghe báo cáo và cho ý kiến lãnh đạo về: nội dung chủ yếu của mỗi kỳ họp Quốc hội; chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm và dài hạn; những quan điểm chỉ đạo trong mỗi dự án luật, pháp lệnh và những vấn đề quan trọng khác mà Đảng đoàn Quốc hội thấy cần xin ý kiến Bộ Chính trị.

Đảng đoàn Quốc hội có trách nhiệm lãnh đạo mọi hoạt động của Quốc hội theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, truyền đạt cho các đảng viên là đại biểu Quốc hội những quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị, thuyết phục, vận động các đại biểu Quốc hội ngoài Đảng theo đường lối, quan điểm của Đảng.

Mọi đảng viên trong Quốc hội phải nói và thực hiện đúng những chủ trương, chính sách mà Bộ Chính trị đã khẳng định. Đối với những vấn đề mà Bộ Chính trị chỉ nêu phương hướng, đảng viên phải đề cao tính đảng, tham gia thảo luận, tranh luận thẳng thắn, xây dựng để Quốc hội đi tới những quyết định chuẩn xác. Đối với các vấn đề có ý kiến khác nhau, căn cứ để kết luận chưa thật rõ, thì sau khi thảo luận, Đảng đoàn Quốc hội báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị.

2. Đối với Chính phủ

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng và các nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị xem xét, quyết định những *chủ trương, phương hướng lớn* về các lĩnh

vực thuộc phạm vi trách nhiệm của mình, bảo đảm đúng định hướng chính trị của Đảng.

Về kinh tế - xã hội, Bộ Chính trị xem xét quyết định mục tiêu, phương hướng kế hoạch dài hạn và ngắn hạn, phương hướng cân đối ngân sách nhà nước hằng năm, các chính sách về các thành phần kinh tế, về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý, quy hoạch phát triển một số ngành trọng yếu, một số công trình lớn, những khoản vay nợ lớn của nước ngoài, các chủ trương, chính sách về xã hội, văn hoá, giáo dục, y tế... và những vấn đề quan trọng khác do Ban Cán sự Đảng Chính phủ đề nghị.

Các lĩnh vực *quốc phòng, an ninh, đối ngoại* đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của Đảng. Bộ Chính trị quyết định chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ hằng năm về quốc phòng, an ninh, đối ngoại; trực tiếp cho ý kiến lãnh đạo về đối sách cụ thể đối với những vụ việc phức tạp, quan trọng.

3. Đối với các cơ quan tư pháp

Bộ Chính trị lãnh đạo hoạt động của các cơ quan tư pháp về lĩnh vực bảo vệ pháp luật, về chính sách xử lý các loại tội phạm an ninh quốc gia, tội gây thiệt hại nghiêm trọng tài sản nhà nước, tính mạng và tài sản của nhân dân. Đối với một số vụ án có ý nghĩa quan trọng về chính trị, ban cán sự đảng các cơ quan tư pháp báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị.

Trách nhiệm của các cơ quan lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực hoạt động nhà nước phân định như sau:

Ban Chấp hành Trung ương: Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng, lập chương trình làm việc toàn khoá để bàn các vấn đề quan trọng nhất về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an

ninh, đối ngoại... Quyết định việc đề nghị Quốc hội sửa đổi *Hiến pháp;* giới thiệu nhân sự ứng cử vào các chức vụ Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Chính trị: Căn cứ Nghị quyết Đại hội và các nghị quyết Hội nghị Trung ương, ra nghị quyết, chỉ thị để lãnh đạo các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước như đã nêu trên. Quyết định bố trí cán bộ ứng cử vào các chức vụ chủ chốt trong bộ máy nhà nước theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Ban Bí thư: Thực hiện nhiệm vụ theo quy định của *Điều lệ Đảng;* kiểm tra hoạt động của Đảng đoàn Quốc hội, các Ban Cán sự đảng Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao, các bộ..., bảo đảm thực hiện đúng các nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị; chăm lo công tác cán bộ ở các cơ quan nhà nước trong diện được phân cấp quản lý.

Ban Bí thư chỉ đạo Ban Tổ chức Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ căn cứ tinh thần trên để xây dựng quy chế cụ thể về nội dung và phương thức lãnh đạo của cấp uỷ đối với đảng đoàn, ban cán sự đảng ở các cơ quan chính quyền địa phương.

Đảng đoàn, ban cán sự đảng trong các cơ quan nhà nước, chịu trách nhiệm trước cấp uỷ về quán triệt đường lối, chính sách của Đảng trong hoạt động của ngành, bàn bạc và quyết định những công việc quan trọng để thủ trưởng căn cứ vào đó mà điều hành; phối hợp với đảng uỷ khối và cấp uỷ địa phương trong công tác xây dựng đảng thuộc ngành mình và chịu trách nhiệm quản lý cán bộ theo quy định về phân cấp

quản lý cán bộ của Đảng. Đối với những cán bộ thuộc diện cấp uỷ quản lý, nếu là chức vụ bổ nhiệm thì ban cán sự đảng lãnh đạo việc thực hiện; nếu là chức vụ bầu cử thì cấp uỷ dưới và Đảng đoàn Quốc hội, hội đồng nhân dân có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện quyết định của cấp uỷ.

Đảng uỷ, đảng đoàn, ban cán sự làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, có chế độ sinh hoạt định kỳ với nội dung rõ ràng, không lẫn lộn với sinh hoạt của chính quyền. Xây dựng quy chế làm việc của đảng uỷ, đảng đoàn, ban cán sự, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, xác định các mối quan hệ với tổ chức khác.

Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của các đảng uỷ khối. Kiện toàn các đảng bộ cơ quan trong bộ máy nhà nước, khắc phục tình trạng hoạt động hình thức.

Các đảng uỷ, ban cán sự, đảng đoàn và đảng viên ở các cơ quan nhà nước có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất ý kiến, chủ trương với Đảng, cả về nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức, cán bộ. Kiện toàn các ban đảng tinh gọn, làm đúng chức năng tham mưu cho cấp uỷ.

Bí thư cấp uỷ có thể được giới thiệu ứng cử kiêm nhiệm chủ tịch hội đồng nhân dân cùng cấp; nói chung không kiêm nhiệm chủ tịch ủy ban nhân dân.

Một số cán bộ lãnh đạo các ban của Đảng có thể kiêm nhiệm chức chủ nhiệm, phó chủ nhiệm các uỷ ban tương ứng của Quốc hội và các ban của hội đồng nhân dân tỉnh, huyện.

Đảng kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong cơ quan nhà nước về quán triệt và chấp hành đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, phát hiện và uốn nắn những lệch lạc, tìm ra những kinh nghiệm hay,

những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn để bổ sung, hoàn chỉnh chủ trương, chính sách.

Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ trong cả hệ thống chính trị nói chung, trong bộ máy nhà nước nói riêng; quyết định đường lối, chính sách cán bộ, tiêu chuẩn cán bộ và kiểm tra việc chấp hành trong các ngành, các cấp; trực tiếp quản lý cán bộ trong bộ máy đảng, nhà nước, đoàn thể xã hội theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ. Cần lựa chọn những người ngoài đảng có đức, có tài, có ý thức tôn trọng sự lãnh đạo của Đảng, tham gia các cơ quan dân cử và một số chức vụ trong cơ quan hành pháp, tư pháp.

Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cần trực tiếp nắm công tác cán bộ, giao nhiệm vụ, kiểm tra công tác, bồi dưỡng, đánh giá cán bộ. Việc đề bạt, điều động, kỷ luật cán bộ do thủ trưởng cơ quan kiến nghị, ban cán sự đảng quyết định tập thể.

Phần thứ ba
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Bí thư chỉ đạo việc tổ chức quán triệt sâu rộng nội dung nghị quyết trong nội bộ Đảng, làm cho các cấp bộ đảng và mọi cán bộ, đảng viên nhận rõ chủ trương, nhiệm vụ cấp bách về xây dựng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà trọng tâm là cải cách nền hành chính nhà nước trong thời gian tới; tổ chức triển khai Nghị quyết Trung ương 8, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện; có kế hoạch chỉ đạo hoạt động của các ban đảng có liên quan đến lĩnh vực công tác xây dựng nhà nước và pháp luật.

2. Bộ Chính trị xét duyệt đề án *Kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quốc hội* và đề án *Cải cách tư pháp* do Đảng đoàn Quốc hội và các ngành liên quan chuẩn bị.

3. Đảng đoàn Quốc hội có chương trình, kế hoạch triển khai công việc thuộc phạm vi trách nhiệm của mình; trước hết là nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp và giám sát; kiện toàn các uỷ ban của Quốc hội và tinh giản bộ máy giúp việc. Cùng với Ban Cán sự Đảng Chính phủ tạo điều kiện và có quy chế để Mặt trận và các đoàn thể thực hiện tốt nhiệm vụ tham gia quản lý nhà nước.

4. Ban Cán sự Đảng Chính phủ có kế hoạch triển khai thực hiện đề án cải cách một bước nền hành chính nhà nước, trước hết là đẩy mạnh việc cải cách các thủ tục hành chính; xác định rõ chức năng quản lý nhà nước, nghiên cứu phân định thẩm quyền của các cấp chính quyền và phân cấp quản lý trên các lĩnh vực; sắp xếp, tinh giản bộ máy nhà nước; đào tạo và bồi dưỡng công chức...

5. Ban Cán sự Đảng Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, có chương trình kế hoạch cải tiến tổ chức và hoạt động của mình; cùng với Ban Cán sự Đảng Chính phủ tổng kết kinh nghiệm thi hành *Luật Tổ chức Toà án nhân dân* và *Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân,* làm rõ thêm chức năng, nhiệm vụ, các mối quan hệ công tác, nhất là về công tác kiểm sát chung, về công tác quản lý toà án địa phương.

6. Đảng đoàn Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có kế hoạch giáo dục, vận động và tổ chức nhân dân tham gia quản lý nhà nước. Sắp xếp tổ chức, xây dựng quy chế làm việc để phát huy vai trò làm chủ của nhân dân.

7. Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu làm rõ phương

thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở từng lĩnh vực, từng cấp; nghiên cứu rút kinh nghiệm xây dựng quy chế làm việc của đảng uỷ, đảng đoàn, ban cán sự đảng.

8. Đảng uỷ Quân sự Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương, các ban cán sự đảng bộ, ngành có kế hoạch thực hiện những công việc thuộc lĩnh vực của mình.

9. Các tỉnh uỷ, thành uỷ chỉ đạo đảng đoàn hội đồng nhân dân và ban cán sự đảng uỷ ban nhân dân căn cứ vào Nghị quyết Trung ương 8 và các quyết định của Quốc hội, của Chính phủ để liên hệ, kiểm điểm hoạt động của chính quyền địa phương, vạch chương trình, kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động trong thời gian tới.

10. Các cơ quan nghiên cứu khoa học về nhà nước và pháp luật triển khai công tác nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng; tổng kết kinh nghiệm xây dựng nhà nước và pháp luật của nước ta, góp phần làm sáng tỏ lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam để vận dụng một cách phù hợp.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VII

Ngày 23 tháng 1 năm 1995

Thưa các đồng chí Cố vấn,

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa các đồng chí,

Sau tám ngày làm việc khẩn trương, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII đã thành công tốt đẹp.

Các đồng chí dự hội nghị đã thảo luận sôi nổi, bổ sung nhiều điểm xác đáng để hoàn chỉnh Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này về *Tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Cải cách một bước nền hành chính nhà nước*. Ban Chấp hành Trung ương cũng đã uỷ nhiệm Bộ Chính trị ra nghị quyết về *Những định hướng lớn về công tác tư tưởng - lý luận trong tình hình hiện nay*.

Những quyết định của Hội nghị Trung ương kỳ này góp phần củng cố và tăng cường hơn nữa sự nhất trí trong toàn Đảng và toàn xã hội về đường lối, quan điểm của Đảng ta

trong việc tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân và vì dân mà trọng tâm trước mắt là cải cách một bước nền hành chính nhà nước. Đây là vấn đề hết sức quan trọng và cấp bách để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh, đẩy tới một bước công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà trong những năm tới. Trong khi khẳng định sự cần thiết phải tháo gỡ, xử lý những vướng mắc cụ thể trong khuôn khổ chấp hành đúng đắn các nghị quyết của Đảng, *Hiến pháp* và các luật tổ chức bộ máy nhà nước đã ban hành, hội nghị cũng đặt ra một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu tổng kết trong quá trình chuẩn bị Đại hội Đảng lần thứ VIII.

Hội nghị cũng dành thời gian thích đáng thảo luận về những định hướng công tác tư tưởng - lý luận trong tình hình mới trên cơ sở kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng đất nước phát triển lành mạnh, đúng hướng, nhằm đạt mục tiêu: độc lập dân tộc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến đóng góp của Trung ương, sẽ bổ sung, chỉnh lý để sớm ban hành Nghị quyết của Bộ Chính trị về vấn đề này.

Cũng tại kỳ họp này, Bộ Chính trị đã trình bày với Trung ương bản kiểm điểm về công tác của Bộ Chính trị trong năm qua. Bộ Chính trị xin cảm ơn Trung ương và nghiêm chỉnh tiếp thu ý kiến của Trung ương để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, nhằm thực hiện tốt hơn nhiệm vụ Trung ương giao phó.

Thưa các đồng chí,

Nghị quyết đúng là hết sức quan trọng, nhưng tổ chức

thực hiện tốt nghị quyết mới là điều quyết định. Tôi đề nghị Trung ương, các cấp bộ đảng, chính quyền, đoàn thể, toàn thể cán bộ, đảng viên tích cực, khẩn trương tổ chức nghiên cứu, quán triệt nghị quyết, xây dựng các chương trình hành động, cụ thể hoá thành các kế hoạch, giải pháp thiết thực để nhanh chóng đưa nghị quyết vào cuộc sống một cách có kết quả. Đặc biệt cần sớm có chương trình, biện pháp xúc tiến ngay công cuộc cải cách hành chính, làm cho bộ máy đảng và nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực và hiệu quả, lập lại trật tự kỷ cương, bài trừ tham nhũng, gây phiền hà, sách nhiễu dân, củng cố và tăng thêm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Gắn công tác xây dựng Nhà nước, cải cách hành chính với việc triển khai thực hiện vượt mức các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 1995, ra sức tiết kiệm, chống xa hoa lãng phí, nhất là trong dịp Tết sắp tới, dồn vốn cho đầu tư phát triển. Thực hiện đúng đắn chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo nghị quyết của Đảng và Nhà nước; chú trọng vai trò của kế hoạch hoá trong cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Có biện pháp kiểm soát và đẩy lùi lạm phát, giữ vững ổn định vĩ mô. Tích cực tiến hành các công việc chuẩn bị cho Đại hội Đảng lần thứ VIII.

Những nhiệm vụ mà chúng ta đặt ra là hết sức nặng nề, phức tạp, đòi hỏi Đảng ta phải nâng cao hơn nữa trí tuệ, tính tiền phong gương mẫu, tính chiến đấu để lãnh đạo thực hiện thành công các nhiệm vụ đã đề ra. Phải củng cố và tăng cường hơn nữa khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, phải giữ gìn sự đoàn kết như giữ gìn con ngươi của mắt mình như

Bác Hồ đã dạy. Mỗi cấp uỷ phải kịp thời phát hiện và xử lý ngay các vấn đề phát sinh, bảo đảm đoàn kết nội bộ Đảng thật tốt, trên cơ sở *Cương lĩnh, Điều lệ,* các nghị quyết của Đảng, các nguyên tắc, tổ chức sinh hoạt đảng.

Phát huy những thành quả đã đạt được, phát huy thế và lực mới của cách mạng nước ta, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm phấn đấu, nỗ lực tranh thủ thời cơ, phát huy thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, khắc phục yếu kém, tạo nên những chuyển biến mạnh mẽ, thiết thực trong việc củng cố và xây dựng chính quyền nhà nước, tăng cường lòng tin, sức mạnh và sự ủng hộ của nhân dân để tiếp tục đưa công cuộc đổi mới toàn diện đất nước ta lên một tầm cao mới.

Nhân dịp Tết Ất Hợi sắp đến, tôi chúc các đồng chí Cố vấn, các đồng chí Uỷ viên Trung ương và toàn thể các đồng chí một năm mới sức khoẻ tốt hơn, trí tuệ cao hơn, tiếp tục có nhiều đóng góp to lớn vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VII

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) đã họp từ ngày 16 đến ngày 23 tháng 1 năm 1995, tại Hà Nội.

Hội nghị đã thảo luận và ra Nghị quyết về việc: *Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Cải cách một bước nền hành chính nhà nước*.

Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã đọc bài phát biểu quan trọng khai mạc hội nghị và tổng kết hội nghị.

1. Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương nhận định rằng công cuộc đổi mới những năm qua được tiến hành toàn diện, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời đổi mới hệ thống chính trị từng bước tích cực, vững chắc. Tổ chức và hoạt động của Nhà nước ta thời gian qua có những chuyển biến tích cực: quản lý nhà nước bằng pháp luật được tăng cường, dựa trên cơ sở hệ thống pháp luật từng bước được xây dựng, sửa đổi, bổ sung phù hợp với yêu cầu của công cuộc đổi mới; dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy trên nhiều

lĩnh vực, được thể chế hoá trong nhiều văn bản pháp luật, trước hết là về kinh tế; tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước được đổi mới một bước; phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có tiến bộ.

Tuy nhiên, hoạt động của Nhà nước ta còn những khuyết điểm và yếu kém: hệ thống pháp luật chưa tạo đủ khuôn khổ pháp lý cần thiết, việc thi hành pháp luật chưa nghiêm; tổ chức bộ máy nhà nước cồng kềnh, hoạt động có mặt kém hiệu quả; nạn quan liêu, lãng phí và tham nhũng nghiêm trọng; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ còn yếu; sự lãnh đạo của Đảng chưa được tăng cường bảo đảm cho việc kiện toàn và phát huy hiệu lực của bộ máy nhà nước.

Tình hình trên đây cùng với yêu cầu đặt ra cho đất nước trong thời kỳ phát triển mới, đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi phải ra sức xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước vững mạnh, trong sạch, có hiệu lực và hiệu quả. Bảo đảm cho Nhà nước ta luôn luôn giữ vững và phát huy bản chất cách mạng, thống nhất hữu cơ giữa bản chất giai cấp công nhân với tính dân tộc và tính nhân dân, thật sự là một nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiền phong của giai cấp công nhân. Không ngừng kiện toàn, đổi mới về cơ cấu tổ chức và cơ chế, phương thức quản lý của Nhà nước, hoàn thiện các lĩnh vực hoạt động từ lập pháp đến hành pháp và tư pháp cho phù hợp và thúc đẩy trở lại quá trình đổi mới kinh tế - xã hội theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, đủ sức giữ vững quốc phòng, an ninh của đất nước. Nhà nước quản lý mọi mặt hoạt động của xã hội bằng một hệ thống pháp luật ngày càng hoàn chỉnh phù hợp với tình hình mới; có cơ cấu tổ chức hợp lý, bộ

máy tinh gọn, rõ nhiệm vụ, có sự chỉ đạo thông suốt, nhạy bén từ trung ương đến cơ sở, có đội ngũ công chức trung thành, tận tụy, liêm khiết, thành thạo nghiệp vụ, chuyên môn.

Hội nghị Trung ương nhấn mạnh rằng, trong quá trình xây dựng và kiện toàn Nhà nước, phải quán triệt những quan điểm cơ bản sau đây:

Một là, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội; chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Hai là, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Ba là, quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tăng cường sự lãnh đạo và điều hành tập trung thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy trách nhiệm và tính chủ động, năng động, sáng tạo của từng địa phương, từng cơ sở, từng tổ chức, từng cá nhân và toàn hệ thống.

Bốn là, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật; đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội, kết hợp biện pháp hành chính với giáo dục tư tưởng, nâng cao dân trí, kết hợp sức mạnh của pháp luật với sức mạnh của quần chúng.

Năm là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hội nghị Trung ương cho rằng, kiện toàn Nhà nước

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo phương hướng nói trên là một quá trình tương đối lâu dài, phải được tiến hành với những bước đi tích cực, vững chắc, đặt trong tổng thể đổi mới hệ thống chính trị, gắn chặt với đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

Trong thời gian tới, tập trung sức thực hiện *một số chủ trương, nhiệm vụ quan trọng sau đây:*

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội.
- Cải cách một bước nền hành chính nhà nước.
- Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp.
- Phát huy vai trò nhân dân làm chủ Nhà nước.
- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Trong nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước phải đặt trọng tâm vào *cải cách nền hành chính nhà nước,* nhằm xây dựng một nền hành chính trong sạch, có đủ năng lực, sử dụng đúng quyền lực và từng bước được hiện đại hoá để thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, quản lý có hiệu lực và hiệu quả cao công việc của Nhà nước, phục vụ đắc lực đời sống nhân dân, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong xã hội, thúc đẩy tiến trình đổi mới phát triển, thực hiện dần giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Trong những năm trước mắt, tập trung sức làm tốt một số công việc sau đây:

Cải cách thể chế của nền hành chính nhằm đáp ứng từng bước yêu cầu tăng cường quan hệ gắn bó giữa nhân dân với chính quyền và bảo đảm sự quản lý nhà nước phù hợp với tình hình mới, phát huy được mặt tích cực, ngăn chặn được mặt tiêu cực của kinh tế thị trường.

Những việc cấp bách cần phải giải quyết là cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh giải quyết các khiếu kiện của dân, áp dụng nhiều hình thức để dân biết và góp ý kiến vào công

việc của Nhà nước, đổi mới quy trình lập pháp, lập quy, thiết lập kỷ cương xã hội, kỷ luật trong bộ máy nhà nước.

Chấn chỉnh tổ chức, bộ máy và quy chế hoạt động của hệ thống hành chính theo phương hướng và nguyên tắc: Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp cần được sắp xếp tinh gọn, tập trung làm tốt công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế, chăm lo giải quyết các vấn đề văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh và kỷ cương pháp luật, củng cố quốc phòng và bảo vệ quyền lợi quốc gia, mở rộng hoạt động đối ngoại, không can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, bỏ dần chế độ chủ quản đối với các doanh nghiệp nhà nước; vận dụng đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ sát hợp với chức năng chỉ đạo, điều hành của hệ thống hành chính và với đặc điểm của từng ngành, từng lĩnh vực khác nhau; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để mọi thành phần kinh tế kinh doanh đúng pháp luật.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hành chính. Trong bộ máy hành chính, ngoài số cán bộ dân cử làm việc theo nhiệm kỳ, lực lượng đông đảo là đội ngũ công chức cần được tuyển chọn và sử dụng theo hướng chuyên nghiệp hoá, ổn định, làm việc tận tụy và công tâm, có đủ trình độ, năng lực đáp ứng tiêu chuẩn quy định cho từng chức danh.

Xây dựng và từng bước hoàn thiện chế độ công vụ và quy chế công chức, chú trọng yêu cầu về phẩm chất, đạo đức và tiêu chuẩn về trình độ năng lực; trách nhiệm đi đôi với quyền hạn; nhiệm vụ gắn với chính sách đãi ngộ.

Đấu tranh kiên quyết và bền bỉ chống tệ tham nhũng, lãng phí của công; tệ cửa quyền, sách nhiễu và các hành vi gian lận, vi phạm pháp luật.

2. Đảng ta khẳng định công tác tư tưởng - lý luận là của toàn Đảng và luôn luôn quan trọng, trong thời điểm hiện nay càng quan trọng. Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương cho rằng hơn lúc nào hết, công tác tư tưởng - lý luận lúc này phải đáp ứng những đòi hỏi mà thực tiễn đất nước đang đặt ra là tăng cường sự nhất trí tư tưởng trong Đảng, sự thống nhất về chính trị và tinh thần trong nhân dân, nâng cao ý chí phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, đấu tranh chống diễn biến hoà bình trong lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, giữ vững trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng của nhân dân; cung cấp những luận cứ khoa học cho việc cụ thể hoá và phát triển đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ mới, góp phần xây dựng lý luận về mô hình phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với đặc điểm của dân tộc và của thế giới ngày nay.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng hoàn toàn nhất trí và thông qua Nghị quyết về *Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Cải cách một bước nền hành chính nhà nước*; giao Bộ Chính trị ra nghị quyết của Bộ Chính trị về: *Một số định hướng lớn về công tác tư tưởng - lý luận trong tình hình hiện nay*.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 47-CT/TW, ngày 10 tháng 1 năm 1995

Về chỉ đạo một số việc trong dịp Tết Nguyên đán Ất Hợi

Năm nay Tết Nguyên đán Ất Hợi đến đúng vào dịp kỷ niệm 65 năm Ngày thành lập Đảng. Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng chỉ đạo một số việc sau đây:

1. Tổ chức ở từng địa phương, từng đơn vị Tết "mừng Đảng, mừng Xuân" vui vẻ, lành mạnh, tiết kiệm, cổ vũ mọi người hăng hái công tác, lao động sản xuất hoàn thành kế hoạch năm 1995, tích cực góp phần vào sự nghiệp đổi mới đất nước.

2. Thăm hỏi, bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với các chiến sĩ cộng sản tiền bối, các đồng chí cách mạng lão thành, các gia đình cơ sở cách mạng, có công với nước đã chiến đấu, hy sinh cho độc lập, tự do của Tổ quốc, cho hạnh phúc của đồng bào.

Chăm lo giúp đỡ vật chất cho các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với nước đang gặp khó khăn.

Vận động nhân dân giúp đỡ các gia đình nghèo, người cô đơn, người tàn tật để người người đều có Tết, nhà nhà cùng vui Tết.

Thăm hỏi, tặng quà Tết cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang đang làm nhiệm vụ ở những nơi khó khăn gian khổ.

3. Các cấp, các ngành, các cơ quan, các doanh nghiệp nhà nước không lấy công quỹ (kể cả quỹ của tập thể) làm quà Tết dưới bất cứ hình thức nào để biếu các cơ quan, cán bộ lãnh đạo đương chức ở tất cả các cấp, các ngành.

Các cơ quan, cán bộ, đảng viên đương chức, nhất là cán bộ, đảng viên đang giữ cương vị lãnh đạo các cấp, các ngành (kể cả ở các doanh nghiệp nhà nước) không trực tiếp nhận quà Tết hoặc để cơ quan hay thân nhân mình nhận quà Tết lấy từ công quỹ.

4. Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, vui chơi lành mạnh cho nhân dân. Các đoàn thể, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các ngành văn hoá - thông tin, thể thao xây dựng các chương trình mừng Đảng, mừng Xuân có tính văn hoá và có nội dung giáo dục truyền thống cách mạng.

Chỉ đạo kiên quyết thực hiện chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc cấm sản xuất, buôn bán và đốt pháo nổ, ngăn chặn và xử lý kịp thời những tụ điểm cờ bạc, mại dâm, nghiện hút và các tệ nạn xã hội khác.

Các cơ quan chức năng bảo đảm an ninh, trật tự để nhân dân vui Xuân và tham gia các hoạt động mừng 65 năm thành lập Đảng; tổ chức tốt việc điều hoà, lưu thông hàng hoá, tiền tệ, không để giá cả biến động lớn.

5. Các cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện và vận động gia đình, nhân dân thực hiện tốt các chủ trương trên đây.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 48-CT/TW, ngày 16 tháng 1 năm 1995

Về lãnh đạo việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo Bộ luật Dân sự

Năm 1995, Quốc hội sẽ xem xét thông qua *Bộ luật Dân sự*. Việc ban hành *Bộ luật Dân sự* là bước đổi mới chính trị quan trọng, tạo cơ sở pháp lý giải phóng mọi sức sản xuất, khuyến khích mọi thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư sống và làm việc vì sự nghiệp phát triển đất nước, với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh; bảo đảm cuộc sống cộng đồng ổn định, lành mạnh, giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái và thuần phong mỹ tục của nhân dân ta. Vì vậy, sau *Hiến pháp, Bộ luật Dân sự* là đạo luật có vị trí quan trọng trong hệ thống pháp luật của nước ta.

Uỷ ban Thường vụ Quốc hội đã quyết định cho công bố dự thảo bộ luật để lấy ý kiến nhân dân. Việc thảo luận, lấy ý kiến về dự thảo *Bộ luật Dân sự* có ý nghĩa quan trọng, nhằm vừa tập hợp được trí tuệ của đông đảo các tầng lớp nhân dân xây dựng bộ luật, vừa nâng cao ý thức pháp luật trong nhân

dân; đồng thời, là một bước chuẩn bị quan trọng triển khai thi hành bộ luật sau khi được chính thức ban hành.

Để đạt những yêu cầu trên đây, các cấp uỷ, đảng đoàn, ban cán sự đảng dành thời gian chỉ đạo việc lấy ý kiến này, coi đây là nhiệm vụ quan trọng của các tổ chức đảng trong năm 1995; cụ thể là:

1. Lãnh đạo việc tuyên truyền, phổ biến dự thảo *Bộ luật Dân sự;* vận động nhân dân thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo bộ luật. Mỗi cán bộ, đảng viên phải đề cao trách nhiệm, gương mẫu tham gia đợt sinh hoạt này.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan có liên quan chuẩn bị tài liệu, tập huấn báo cáo viên làm lực lượng nòng cốt cho việc tuyên truyền, hướng dẫn đợt lấy ý kiến; xây dựng kế hoạch cụ thể, đề ra các biện pháp và hình thức thích hợp, thiết thực, tạo mọi điều kiện để các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân được tham gia thảo luận và đóng góp nhiều ý kiến xây dựng dự thảo bộ luật.

3. Các cơ quan thông tin đại chúng ở trung ương và địa phương có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có trách nhiệm tập trung lực lượng tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia ý kiến và phản ánh kịp thời, đầy đủ ý kiến của nhân dân.

4. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Ban dự thảo và các cơ quan xây dựng pháp luật tiếp thu ý kiến của nhân dân, hoàn chỉnh dự án *Bộ luật Dân sự* để trình Quốc hội thảo luận, thông qua bộ luật này.

5. Dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ và tổ chức đảng các cấp, các cơ quan chức năng hiện có với kinh phí hoạt động

thường xuyên của mình tổ chức lấy ý kiến nhân dân, không cần lập ban chỉ đạo riêng và không cần có kinh phí riêng cho hoạt động này. Ở Trung ương, đề nghị Uỷ ban Thường vụ Quốc hội chủ trì cùng với Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Nội chính Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chỉ đạo và hướng dẫn việc lấy ý kiến nhân dân vào dự án bộ luật này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 100-TB/TW, ngày 25 tháng 1 năm 1995

Ý kiến của Ban Bí thư về việc kiểm điểm sự lãnh đạo về nhân sự trong cuộc bầu cử hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân vừa qua

Ngày 18-1-1995, sau khi nghe các đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ tỉnh Quảng Ngãi, Phú Yên, Quảng Bình và Thành uỷ Hà Nội báo cáo về việc lãnh đạo bầu cử hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân thời gian qua, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Cuộc bầu cử hội đồng nhân dân các cấp vừa qua là đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn của nhân dân ta, đồng thời cũng là một bước quan trọng để kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt ở địa phương tiến tới chuẩn bị Đại hội VIII.

Ban Bí thư đã có kế hoạch hướng dẫn các cấp uỷ tuyển chọn, giới thiệu đảng viên ra ứng cử các chức danh chủ chốt hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân. Căn cứ vào ý kiến đề xuất của cấp uỷ và các cơ quan tham mưu, Bộ Chính trị đã cân nhắc xem xét và quyết định danh sách giới thiệu cán bộ, đảng viên ra ứng cử các chức danh chủ chốt hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố. Nhiều cấp uỷ tỉnh,

thành phố đã cố gắng chỉ đạo có kết quả, thực hiện đúng nguyên tắc của Đảng và luật pháp Nhà nước.

Tuy vậy, một số nơi không giữ nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng; một số cán bộ, đảng viên vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc này. Cụ thể là:

Một số đồng chí không được cấp uỷ giới thiệu ra ứng cử, nhưng khi được đại biểu hội đồng nhân dân giới thiệu thì bản thân không tự nguyện xin rút; có đồng chí tổ chức đã gặp yêu cầu rút khỏi danh sách đề cử, nhưng đồng chí đó vẫn không rút. Có đồng chí khi thảo luận thông báo quyết định về nhân sự của cấp uỷ thì nhất trí, nhưng sau đó lại tự động đề cử đảng viên khác không phải là người do tổ chức đảng giới thiệu...

Những việc làm trên đây là không chấp hành nghiêm nghị quyết của tổ chức đảng, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên.

2. Ban Bí thư yêu cầu các tỉnh uỷ, thành uỷ có hiện tượng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ phải tiến hành kiểm điểm và chỉ đạo đảng đoàn hội đồng nhân dân kiểm điểm việc lãnh đạo bầu cử hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân vừa qua; rút kinh nghiệm về việc lãnh đạo của cấp uỷ trong công tác cán bộ; xây dựng quy chế công tác cán bộ của cấp uỷ theo tinh thần Quyết định 44 của Bộ Chính trị.

Đối với những đồng chí vi phạm nguyên tắc tổ chức của Đảng phải tiến hành tự phê bình, phê bình và kiểm điểm nghiêm túc, căn cứ vào mức độ vi phạm có hình thức kỷ luật thích đáng đối với từng trường hợp cụ thể và thông báo cho đảng bộ biết.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ chỉ đạo các cấp uỷ cấp dưới kiểm điểm và xử lý nếu có vi phạm tương tự.

Các tỉnh uỷ, thành ủy cần gửi sớm báo cáo kết quả kiểm điểm về Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 49-CT/TW, ngày 4 tháng 2 năm 1995

Về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa VII

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII đã ra Nghị quyết về *Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính*.

Việc quán triệt và thực hiện nghị quyết Trung ương lần này có ý nghĩa rất quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và vững chắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Để đạt được yêu cầu nghị quyết Trung ương đã đề ra, các cấp uỷ đảng, các ngành, các đoàn thể cần chỉ đạo thực hiện tốt những việc sau đây:

1. Tổ chức phổ biến nghị quyết

Việc phổ biến và nghiên cứu nghị quyết cần đạt được yêu cầu làm cho các cấp uỷ đảng, các đảng đoàn, ban cán sự đảng và cán bộ, đảng viên:

- Hiểu rõ và nhất trí những quan điểm cơ bản của Đảng

về bản chất của Nhà nước ta, về yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và phát huy hiệu lực của Nhà nước trong tình hình mới; nắm vững các chủ trương, nhiệm vụ xây dựng nhà nước và cải cách một bước nền hành chính nhà nước.

- Trên cơ sở đó, liên hệ kiểm điểm tình hình thực tế của ngành và địa phương, nâng cao ý thức trách nhiệm, phát huy thành tựu, khắc phục khuyết điểm, có kế hoạch và biện pháp thực hiện tốt nghị quyết Trung ương gắn với thúc đẩy phong trào cách mạng của toàn dân phấn đấu hoàn thành toàn diện và vượt mức các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 1995 và các năm sau.

Ban Bí thư triệu tập hội nghị cán bộ gồm các đồng chí lãnh đạo các tỉnh, thành và các cơ quan, đoàn thể, đảng uỷ trực thuộc Trung ương để phổ biến nghị quyết. Các tỉnh, thành uỷ, các ban, đảng đoàn, ban cán sự đảng tổ chức phổ biến và nghiên cứu nghị quyết trong đảng bộ và trong ngành, đoàn thể mình theo yêu cầu nói trên. Các trường của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể đưa nội dung nghị quyết Trung ương vào chương trình giảng dạy và học tập.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương biên soạn tài liệu phục vụ việc quán triệt nghị quyết và có kế hoạch hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Tiến tới kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập nước (2-9-1945 – 2-9-1995) cần triển khai các hoạt động tuyên truyền giáo dục, bằng nhiều hình thức phong phú và sinh động, làm rõ bản chất của Nhà nước ta, nêu cao thành tựu to lớn của nhân dân ta trong 50 năm xây dựng chính quyền nhân dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và trong sự nghiệp đổi mới ngày nay; giáo dục nâng cao ý thức của nhân dân tham gia xây dựng chính quyền, thực hiện tốt nghĩa vụ

và trách nhiệm công dân, sống, làm việc theo *Hiến pháp* và pháp luật; nâng cao ý thức phục vụ nhân dân của cán bộ, nhân viên nhà nước, biểu dương những gương tốt, đấu tranh chống tệ tham nhũng, quan liêu và các hành vi phạm pháp.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết

Các cấp uỷ đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện tốt những việc đã xác định trong phần thứ tư của nghị quyết Trung ương.

3. Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 phải gắn chặt với đổi mới và chỉnh đốn Đảng (phát huy vai trò, trách nhiệm của đảng đoàn, ban cán sự đảng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh, v.v.), với đổi mới hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Các cấp uỷ đảng, các ban, đảng đoàn, ban cán sự đảng cần coi trọng công tác kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, phổ biến những kinh nghiệm tốt, kịp thời phát hiện và uốn nắn những sai sót, giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Ban Nội chính Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi chung việc thực hiện nghị quyết.

T/M BAN BÍ THƯ
ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 94-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 1995

Chức năng, nhiệm vụ của đảng uỷ công an tỉnh, thành phố

- Căn cứ điều 28 và điều 31 của *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam,*

- Căn cứ Quyết định số 110-QĐ/TW, ngày 30 tháng 8 năm 1990 của Bộ Chính trị về việc thành lập Đảng uỷ Công an Trung ương,

Ban Bí thư Trung ương quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng uỷ công an tỉnh, thành phố như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1: Đảng uỷ công an tỉnh, thành phố là cấp uỷ cấp trên cơ sở, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của tỉnh, thành uỷ, có chức năng: lãnh đạo công an tỉnh, thành phố quán triệt và thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, biện pháp bảo đảm

an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an trong phạm vi tỉnh, thành phố; lãnh đạo xây dựng đảng bộ và lực lượng công an tỉnh trong sạch, vững mạnh, nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II- NHIỆM VỤ

1. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

Điều 2: Lãnh đạo công an tỉnh, thành phố quán triệt và thực hiện đúng các nghị quyết của tỉnh, thành uỷ và các chỉ thị, mệnh lệnh của công an cấp trên về lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng lực lượng công an nhân dân.

Điều 3: Nghiên cứu, đề xuất với tỉnh, thành uỷ các chủ trương, biện pháp nhằm bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng lực lượng công an tỉnh, thành phố.

Điều 4: Lãnh đạo công tác kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ, bảo đảm yêu cầu chiến đấu, công tác và đời sống cho cán bộ, chiến sĩ công an tỉnh, thành phố.

2. Lãnh đạo công tác tư tưởng

Điều 5: Giáo dục cán bộ, chiến sĩ công an tỉnh kiên định mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa; hiểu và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tình hình và yêu cầu nhiệm vụ của công an tỉnh, thành phố; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, đề cao tinh thần trách nhiệm, giữ nghiêm kỷ luật, đoàn kết, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh để bảo vệ Đảng, bảo vệ Tổ quốc.

Điều 6: Giáo dục, xây dựng phẩm chất đạo đức cách mạng, đấu tranh ngăn chặn các biểu hiện tư tưởng sai trái và các việc làm không đúng đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên, chống các biểu hiện quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu nhân dân, thu vén cá nhân, gây mất đoàn kết nội bộ và các biểu hiện tiêu cực khác.

3. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

Điều 7: Lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ; kiện toàn tổ chức, kiện toàn đội ngũ cán bộ cốt cán nhằm nâng cao hiệu lực của bộ máy công an tỉnh, thành phố.

Điều 8: Đảng uỷ nhận xét, đánh giá cán bộ và ra nghị quyết về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chuyển, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết chính sách... đối với những cán bộ thuộc thẩm quyền của công an tỉnh theo phân cấp.

Điều 9: Đảng uỷ đề xuất ý kiến với cấp trên về việc xem xét, quyết định các vấn đề về tổ chức và cán bộ của công an tỉnh, thành phố thuộc thẩm quyền của cấp trên. Khi cấp trên có quyết định thì lãnh đạo việc tổ chức thực hiện quyết định đó.

4. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng

Điều 10: Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của mỗi đoàn thể, phát huy tính chủ động, sáng tạo của mỗi đoàn thể để góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của công an tỉnh, thành phố. Chỉ đạo các đảng uỷ, chi uỷ cơ sở

định kỳ tổ chức để các đoàn thể quần chúng tham gia xây dựng Đảng.

Điều 11: Phối hợp với cấp uỷ quận, huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện) để lãnh đạo công tác đoàn thể ở công an các huyện cho phù hợp với tính chất, đặc điểm và yêu cầu, nhiệm vụ của công an địa phương.

5. Xây dựng tổ chức đảng

Điều 12: Đề ra các chủ trương, biện pháp xây dựng đảng bộ công an tỉnh, thành phố trong sạch, vững mạnh.

Điều 13: Lãnh đạo việc thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; chế độ tự phê bình và phê bình, nền nếp sinh hoạt đảng; kiểm tra và quản lý đảng viên; tạo điều kiện để đảng viên học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được phân công.

Điều 14: Chăm lo công tác tạo nguồn và xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển đảng viên mới trong đảng bộ công an tỉnh, thành phố, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, coi trọng chất lượng, gắn công tác phát triển đảng với việc củng cố đảng bộ, nâng cao chất lượng đảng viên và thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Điều 15: Xây dựng đảng uỷ công an tỉnh, thành phố và các cấp uỷ đảng trực thuộc có đủ phẩm chất, năng lực và hoạt động có hiệu quả trong thực tiễn, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm. Bí thư, phó bí thư nên là các đồng chí đảng viên giữ cương vị giám đốc, phó giám đốc công an tỉnh, thành phố.

III- CÁC MỐI QUAN HỆ

Điều 16: Với giám đốc công an tỉnh, thành phố:

- Đảng uỷ hoặc ban thường vụ quyết định những chủ trương lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân trong phạm vi tỉnh, thành phố. Giám đốc có trách nhiệm cụ thể hoá các nghị quyết đó thành chương trình, kế hoạch hoặc mệnh lệnh công tác và điều hành việc thực hiện các quyết định đó. Đảng uỷ chỉ đạo các cấp uỷ đảng trực thuộc lãnh đạo cán bộ, đảng viên, chiến sĩ thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định của giám đốc.

Định kỳ hoặc trong trường hợp đột xuất, giám đốc báo cáo với đảng uỷ hoặc thường vụ tình hình các mặt công tác của công an tỉnh, thành phố và đề xuất chủ trương triển khai trong thời gian tới.

Điều 17: Với cấp uỷ các huyện:

- Đảng uỷ công an tỉnh, thành phố phối hợp với cấp uỷ các huyện để hướng dẫn công tác xây dựng Đảng ở công an các huyện cho phù hợp với tính chất, đặc điểm và yêu cầu, nhiệm vụ của công an địa phương; thống nhất với ban thường vụ cấp uỷ huyện trước khi quyết định những chủ trương có liên quan đến cán bộ lãnh đạo công an huyện.

- Cấp uỷ huyện trước khi lựa chọn cán bộ lãnh đạo tham gia cấp uỷ huyện hoặc thi hành kỷ luật đảng đối với đảng viên là lãnh đạo công an cấp mình phải trao đổi thống nhất với đảng uỷ công an tỉnh, thành phố. Trường hợp có ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ lên tỉnh, thành uỷ xem xét, quyết định.

Điều 18: Với các ban của tỉnh, thành uỷ:

- Đảng uỷ công an tỉnh, thành phố căn cứ vào chức năng của từng ban để phối hợp nghiên cứu, đề xuất với tỉnh, thành uỷ xem xét, quyết định những chủ trương, biện pháp lãnh đạo công tác an ninh, trật tự, công tác xây dựng Đảng và các tổ chức quần chúng ở công an địa phương.

- Đảng uỷ công an tỉnh, thành phố chịu sự hướng dẫn, kiểm tra của các ban tỉnh, thành uỷ theo chức năng từng ban về việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của tỉnh, thành uỷ có liên quan đến ban.

Điều 19: Với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng tỉnh, thành phố:

Để vận động và tổ chức quần chúng trong các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Điều 20: Với cấp uỷ công an huyện:

Cấp uỷ công an huyện báo cáo với huyện uỷ về các nghị quyết của đảng uỷ công an tỉnh, thành phố và đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân trên địa bàn huyện.

Điều 21: Với Đảng uỷ Công an Trung ương:

Đảng uỷ công an tỉnh, thành phố báo cáo với tỉnh, thành uỷ về các nghị quyết của Đảng uỷ Công an Trung ương và đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân trên địa bàn tỉnh, thành.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22: Căn cứ vào quy định này và căn cứ vào đặc điểm của lực lượng công an nhân dân, Đảng uỷ Công an Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn đảng uỷ công an tỉnh, thành phố xây dựng quy chế làm việc cụ thể cho phù hợp.

Điều 23: Các quy định trước đây về chức năng, nhiệm vụ của đảng uỷ công an tỉnh, thành phố trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều 24: Chức năng, nhiệm vụ của cấp uỷ công an huyện cũng thực hiện theo quy định này.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ ĐỨC ANH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 09-NQ/TW, ngày 18 tháng 2 năm 1995

Về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay

I- TÌNH HÌNH VÀ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG NHỮNG NĂM QUA

Trong những năm qua, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã hăng hái tiến hành công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, đạt được những thành tựu rất quan trọng và đang ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu và nhiệm vụ mà Đại hội VII đã đề ra, đưa đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới.

Thành tựu đạt được là do những nỗ lực vượt bậc của nhân dân ta. Đường lối đúng đắn của Đảng là bảo đảm cơ bản cho cách mạng nước ta phát triển đúng hướng, là cơ sở tư tưởng nâng cao niềm tin và ý chí cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên đã phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu tổ chức và động viên nhân dân thực hiện có kết quả đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trong quá trình đổi mới, công tác giáo dục tư tưởng đã góp phần quan trọng bồi dưỡng những quan điểm đổi mới, tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng cho đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân; khẳng định sự lãnh đạo của Đảng và con đường xã hội chủ nghĩa; giữ vững sự thống nhất tư tưởng và hành động trong Đảng và trong xã hội; đấu tranh chống lại mọi âm mưu và thủ đoạn chống phá, xuyên tạc của các thế lực thù địch đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Công tác nghiên cứu lý luận, khoa học xã hội đã được đổi mới một bước quan trọng, góp phần đổi mới tư duy, tổng kết thực tiễn, cụ thể hoá và phát triển đường lối, xây dựng luận cứ khoa học cho những quyết sách của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, trước những biến động phức tạp trên thế giới và tình hình trong nước còn nhiều khó khăn, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân có những biểu hiện dao động, giảm sút niềm tin; một số nhận thức mơ hồ, lệch lạc đối với chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội, đối với đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước. Tư tưởng thực dụng, chạy theo đồng tiền làm cho một bộ phận xa rời lý tưởng, sa sút phẩm chất, đạo đức; nạn tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính và nhiều tệ nạn xã hội khác phát triển nghiêm trọng. Trong quan hệ với bên ngoài, một số hoặc chưa nắm vững nguyên tắc độc lập, tự chủ, học tập kinh nghiệm một cách máy móc, rập khuôn, hoặc do trình độ non yếu hay vì mưu lợi ích riêng mà làm tổn hại đến lợi ích chung của đất nước. Một số mất cảnh giác; thậm chí có người còn phụ họa với những luận điệu phản động.

Công tác tư tưởng còn không ít yếu kém và khuyết điểm:

Việc quán triệt các nghị quyết của Đảng chưa được tiến hành nghiêm túc, gắn với kiểm tra việc thực hiện; chưa kịp thời phổ biến những kinh nghiệm tốt, phê phán các quan điểm sai trái, uốn nắn những khuynh hướng lệch lạc. Đấu tranh chống các luận điệu thù địch còn thụ động và thiếu sắc bén. Công tác tư tưởng chưa góp phần tạo ra được một phong trào quần chúng hành động cách mạng thật sự sôi nổi, mạnh mẽ và liên tục. Việc lý giải nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn kém thuyết phục. Công tác giáo dục lý luận Mác - Lênin chậm đổi mới về nội dung và phương thức. Việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh còn thiếu hệ thống. Giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng bị xem nhẹ. Chưa chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tư tưởng, lý luận.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư có trách nhiệm về những khuyết điểm, yếu kém nói trên. Các cấp uỷ đảng, các ban, ngành và các cơ quan công tác tư tưởng cần nhận rõ trách nhiệm của mình, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng.

II- MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG LỚN

Trong tình hình hiện nay, công tác tư tưởng có vai trò đặc biệt quan trọng:

- Tăng cường sự nhất trí tư tưởng trong Đảng, sự thống nhất về chính trị và tinh thần trong nhân dân, nâng cao ý chí phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, đấu tranh chống diễn biến hoà bình, giữ vững trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa

Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng của nhân dân.

- Cung cấp luận cứ khoa học cho việc cụ thể hoá và phát triển đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ mới phù hợp với đặc điểm của nước ta và của thế giới ngày nay, góp phần làm rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Để làm tốt nhiệm vụ đó, cần nắm vững các định hướng lớn sau đây:

1. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta và của cách mạng Việt Nam

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là học thuyết cách mạng và khoa học, là vũ khí tinh thần của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nắm bắt sâu sắc bản chất cách mạng và khoa học, tinh thần biện chứng và nhân đạo của học thuyết Mác - Lênin, vận dụng một cách sáng tạo học thuyết ấy phù hợp với hoàn cảnh thực tế nước ta; đồng thời, Người đã kế thừa, phát huy chủ nghĩa yêu nước truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa của nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành từ những nguồn gốc đó. Việc Đại hội VII khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động là một bước phát triển hết sức quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

Trong khi giải quyết những vấn đề của cách mạng

Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Tư tưởng của Người đã và đang soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, trở thành những giá trị bền vững của dân tộc Việt Nam và lan toả ra thế giới.

Ngày nay, khi sự nghiệp đổi mới càng mở rộng và phát triển theo chiều sâu, những biến đổi trên thế giới càng lớn, những vấn đề mới đặt ra ngày càng nhiều, đòi hỏi phải làm sáng tỏ để tìm ra lời giải đáp thì việc nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn càng trở nên quan trọng và cấp bách. Khi các thế lực thù địch ra sức tấn công nền tảng tư tưởng của Đảng nhằm đẩy chúng ta đi chệch hướng thì đấu tranh để bảo vệ, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh càng là vấn đề quan trọng, trở thành nhiệm vụ hàng đầu trong công tác chính trị, tư tưởng và lý luận của toàn Đảng, toàn dân ta.

2. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn

Từ khi thành lập đến nay, Đảng ta luôn luôn xác định lý tưởng và mục tiêu phấn đấu của cách mạng nước ta là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đó là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu trong *Chính cương vắn tắt* và được trình bày trong *Luận cương chính trị năm 1930* của Đảng, được thử thách và kiểm nghiệm bằng thực tiễn đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng hơn sáu thập kỷ qua. Với điều

kiện lịch sử của nước ta, chỉ có độc lập thực sự mới tạo điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội, và chỉ có xây dựng chủ nghĩa xã hội thì mới thực sự có độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Từ những bài học của cách mạng Việt Nam suốt mấy chục năm qua, nhất là những năm gần đây, chúng ta khẳng định: Với lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự giúp đỡ, hợp tác của bầu bạn trên thế giới, nhân dân ta hoàn toàn có đủ khả năng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta với những hình thức, bước đi, cách làm thích hợp.

Đương nhiên, điều kiện đất nước và tình hình quốc tế hiện nay đòi hỏi chúng ta phải hết sức chủ động, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, ra sức học hỏi, tìm tòi, sáng tạo. Trong nhận thức và hành động, phải luôn luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời kế thừa, phát huy truyền thống và bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa của nhân loại, sử dụng có chọn lọc mọi thành tựu và kinh nghiệm của thế giới.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải nắm chắc hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Lợi ích cao nhất của dân tộc ta và cũng là của giai cấp công nhân ta là: ra sức phát triển kinh tế, văn hoá, làm cho dân giàu nước mạnh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung

của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

3. Chế độ ta là chế độ do nhân dân lao động làm chủ; Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản

Dân chủ là bản chất của chế độ mới, trong đó nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, là người làm chủ đất nước; tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Đó là chế độ dân chủ thật sự của nhân dân, gắn liền với công bằng xã hội, xoá bỏ áp bức, bất công. Dân chủ được thực hiện bằng nhiều hình thức trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và được pháp luật bảo đảm. Dân chủ bao giờ cũng gắn với pháp chế, kỷ luật, kỷ cương, phù hợp với trình độ phát triển của đất nước và truyền thống lịch sử dân tộc.

Trong khi thực hiện và phát huy dân chủ, phải chống khuynh hướng cực đoan, vô chính phủ; đồng thời khắc phục các biểu hiện dân chủ hình thức. Chống tệ quan liêu và các hành vi xâm phạm dân chủ khá phổ biến hiện nay, đồng thời chống những mưu toan lợi dụng dân chủ để gây mất ổn định chính trị, phá hoại chế độ dân chủ chân chính của nhân dân.

Bản chất giai cấp của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện ở chỗ toàn bộ hoạt động của Nhà nước từ pháp luật, cơ chế, chính sách đến những nguyên tắc tổ chức và hoạt động đều thể hiện tư tưởng, quan điểm của giai cấp công nhân, nhằm từng bước xây dựng quyền làm chủ của nhân dân, phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc. Sự thống nhất giữa bản chất giai

cấp với tính nhân dân và tính dân tộc bắt nguồn từ sự thống nhất lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động với lợi ích dân tộc. Là công cụ quyền lực của nhân dân, Nhà nước ta do nhân dân lập ra, nhân dân ngày càng tham gia có hiệu quả vào việc xây dựng pháp luật và các quyết sách quan trọng của đất nước, vào việc quản lý các quá trình kinh tế - xã hội.

Đại đoàn kết là truyền thống quý báu, tạo ra sức mạnh vô địch của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước. "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công đại thành công" là bài học lớn của cách mạng Việt Nam, của dân tộc Việt Nam.

Ngày nay, với những điều kiện thuận lợi mới và trước những thử thách mới, chúng ta càng phải ra sức xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết các giai cấp, tầng lớp, tôn giáo, dân tộc, mọi người trong nước và ở nước ngoài trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập tự chủ, lòng tự hào dân tộc, ý thức tự lực tự cường, tạo ra sức mạnh to lớn thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là người đại diện cho khối đại đoàn kết toàn dân, có vai trò hết sức quan trọng trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc. Mặt trận tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam yêu nước, tán thành đổi mới, lấy đại nghĩa dân tộc làm trọng, lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, xoá bỏ mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, hoà hợp thành một khối thống nhất vì mục tiêu độc lập

dân tộc, giữ vững chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu làm cho nước nhà sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Đảng Cộng sản Việt Nam được nhân dân tín nhiệm, giao nhiệm vụ lãnh đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Đảng đã làm tròn trọng trách trong những năm qua, đáp ứng lòng tin yêu của đồng bào cả nước. Ngày nay, để làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo trong thời kỳ mới, phải chăm lo xây dựng Đảng về mọi mặt, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với đất nước, dân tộc và chế độ. Thiết lập sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng nước ta là thành quả lịch sử của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân Việt Nam; ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam không có lực lượng chính trị nào khác có thể thay thế được. Đây không chỉ là vấn đề có tính nguyên tắc được khẳng định từ những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mà còn là kết luận nóng hổi được rút ra từ thực tiễn sinh động của cuộc sống. Tiến hành công cuộc đổi mới sâu rộng và toàn diện, càng đi vào kinh tế thị trường, thực hiện dân chủ hoá xã hội, mở rộng giao lưu quốc tế, càng phải giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Chỉ có như vậy, nhân dân ta mới thực hiện được đầy đủ quyền làm chủ của mình.

Nhân dân Việt Nam gắn bó với Đảng Cộng sản Việt Nam, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng, vì Đảng có đường lối đúng đắn, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có quan hệ mật thiết với nhân dân, đại bộ phận cán bộ, đảng viên có phẩm chất tốt đẹp, tận tụy hy sinh phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc.

Tuy nhiên, cũng cần nghiêm túc nhìn nhận những mặt yếu kém của Đảng. Điều nhức nhối nhất hiện nay là một bộ phận cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí và phẩm chất cách mạng. Tệ tham nhũng, buôn lậu, lãng phí tài sản của Nhà nước và nhân dân rất nghiêm trọng; bệnh quan liêu, xa thực tế, xa dân, ý thức tổ chức kỷ luật kém, tình trạng coi thường kỷ cương, phép nước còn rất nặng. Tư tưởng cục bộ, địa phương, kèn cựa địa vị... dẫn đến mất đoàn kết kéo dài ở một số nơi. Những biểu hiện xấu xa đó đang gây bất bình trong dư luận, làm tổn hại thanh danh, uy tín của Đảng, làm giảm sút sức chiến đấu của Đảng và lòng tin của nhân dân.

Tình trạng sa sút nói trên một mặt là do không ít cán bộ, đảng viên chưa nghiêm khắc tự rèn luyện mình, từ phai nhạt lý tưởng đi đến dao động, mất lòng tin, sa vào chủ nghĩa cá nhân, chạy theo những cám dỗ vật chất, trở nên thoái hoá, biến chất. Mặt khác, tổ chức và kỷ luật của Đảng còn lỏng lẻo, chưa coi trọng công tác quản lý và rèn luyện đảng viên, chưa thực hiện tốt tự phê bình và phê bình, chưa xử lý nghiêm minh và kịp thời những cán bộ, đảng viên có nhiều sai phạm.

Nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đòi hỏi Đảng ta phải khẩn trương tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, bảo đảm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tự rèn luyện nâng cao tính đảng, trau dồi kiến thức, tu dưỡng đạo đức cách mạng, đề cao ý thức tổ chức và kỷ luật, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, tích cực bài trừ tham nhũng, quan liêu và những biểu hiện xa rời bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

Cán bộ, đảng viên phải biết đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân, đặt lợi ích riêng trong lợi ích chung của cộng đồng; suốt đời phấn đấu vì lý tưởng cách mạng, vì độc lập của Tổ quốc và cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân, trong đó có bản thân và gia đình mình. Phải thấm nhuần và ra sức thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân.

4. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ

Đảng ta luôn luôn xác định công nghiệp hoá là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta đã làm không ít việc để thực hiện nhiệm vụ đó và thu được những thành tựu quan trọng, nhưng cũng mắc phải một số khuyết điểm, sai lầm do nóng vội, chủ quan; qua đó giúp chúng ta tích luỹ được thêm nhiều kinh nghiệm. Những thành tựu đạt được trong thời gian qua đã tạo ra thế và lực mới, cho phép chuyển sang một thời kỳ phát triển mới, đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà. Đó là một quyết định hoàn toàn đúng đắn của Đảng ta, được nhân dân cả nước nhiệt liệt đồng tình và đang ra sức thực hiện.

Trong thời đại ngày nay, công nghiệp hoá gắn liền với hiện đại hoá là giải pháp quyết định đưa đất nước sớm ra khỏi tình trạng lạc hậu, nghèo nàn, khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, tiến kịp các nước trong khu vực và trên thế giới, cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, củng cố vững chắc độc lập, chủ

quyền dân tộc. Thành công của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trước hết là do sức mạnh bên trong của chúng ta quyết định; đồng thời phải biết tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình phấn đấu lâu dài, gian khổ trong nhiều thập kỷ mà nhân dân ta phải đoàn kết một lòng, đề cao ý chí tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, quyết tâm làm bằng được.

5. Kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội

Đảng ta chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm động viên mọi nguồn lực xã hội, phát huy cao độ tính chủ động của toàn dân, kích thích sự sáng tạo, trọng dụng mọi tài năng, tạo động lực phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất trên cơ sở những thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại, khai thác mọi tiềm năng trong nước đi đôi với sử dụng thành quả của nền văn minh nhân loại để phục vụ mục tiêu xây dựng thành công cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trong nền kinh tế nhiều thành phần, khu vực kinh tế nhà nước phải phấn đấu vươn lên để thực sự đóng vai trò chủ đạo, làm tốt nhiệm vụ hướng dẫn và hỗ trợ các thành phần kinh tế khác phát triển, thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh và lâu bền của toàn bộ nền kinh tế. Kinh tế hợp tác được phát

triển dưới nhiều hình thức, quy mô, mức độ phù hợp, lấy hiệu quả làm thước đo. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế hợp tác ngày càng lớn mạnh, hợp thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân, là cơ sở của chế độ mới. Kinh tế tư bản tư nhân được khuyến khích phát triển trong những ngành, những lĩnh vực mà pháp luật không cấm, vì mục tiêu ích nước, lợi nhà. Kinh tế tư bản nhà nước được thực hiện dưới nhiều hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác ở trong nước và với nước ngoài. Cùng với sự phát triển của từng thành phần kinh tế, đã, đang và sẽ xuất hiện các loại hình hỗn hợp, đan xen về sở hữu giữa các thành phần. Tất cả các loại hình trên đây hợp thành sức mạnh tổng hợp to lớn thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế quốc dân phát triển mạnh mẽ.

Nhân tố quyết định nhất bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường là vai trò quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong đó kế hoạch và thị trường kết hợp chặt chẽ với nhau trong một thể thống nhất, bổ sung, hỗ trợ cho nhau. Bằng luật pháp, kế hoạch, chính sách, Nhà nước khuyến khích phát huy mặt tích cực của cơ chế thị trường, đồng thời có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế xu hướng tự phát, sự phân hoá giàu nghèo quá mức, sự sa sút về đạo đức, lối sống, tệ tham nhũng, việc tàn phá môi trường, nạn buôn lậu và các tệ nạn xã hội khác.

Do sự phân công lao động ở nước ta chưa phát triển, trình độ lực lượng sản xuất còn thấp và không đều, hậu quả nặng nề của chiến tranh còn dai dẳng nên người nghèo còn nhiều, khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi còn khá xa, nhất là đối với vùng xa xôi, hẻo lánh,

biên giới, hải đảo. Vì vậy, phải đặc biệt quan tâm đến việc thiết lập công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển, khiến cho ai nấy đều được hưởng những thành quả của công cuộc đổi mới. Sự phát triển chung của đất nước dẫn đến tình hình một bộ phận dân cư sớm trở nên khá giả hơn, một số vùng phát triển nhanh hơn. Đảng ta chấp nhận tình trạng đó, dành ưu tiên cho phát triển lực lượng sản xuất, song khuyến khích làm giàu hợp pháp nhất thiết phải đi đôi với chăm lo xoá đói giảm nghèo, tiến tới xoá nghèo. Đó là lẽ công bằng phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay.

Công bằng xã hội trong nền kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường không chỉ thực hiện thông qua phân phối kết quả sản xuất, trong đó lấy phân phối theo lao động và hiệu quả kinh tế làm nguyên tắc chủ yếu, mà còn thực hiện ở khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất và ở việc tạo điều kiện phát triển năng lực của mọi thành viên trong cộng đồng bằng cách giúp họ được hưởng một nền giáo dục cơ bản, được chăm sóc về y tế, được hướng dẫn và đào tạo về nghề nghiệp... để họ có thể tự lo liệu cuộc sống ngày càng tốt hơn.

Sự kết hợp ngay từ đầu giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội là điều kiện tăng cường ổn định chính trị, xã hội, tạo động lực phát triển mạnh mẽ hơn. Mỗi bước tăng trưởng kinh tế là một bước tạo thêm điều kiện vật chất cho việc xoá nghèo, thu hẹp dần khoảng cách giàu nghèo, đáp ứng nhu cầu, lợi ích ngày càng cao của nhân dân lao động.

Chống làm ăn phi pháp, bài trừ nạn tham nhũng, buôn lậu là cuộc đấu tranh gay go, phức tạp, lâu dài. Phải sử dụng đồng bộ các biện pháp giáo dục, hành chính, pháp luật, kết hợp ngăn ngừa với trừng trị; đồng thời hết sức coi trọng việc

sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý kinh tế, cải cách hành chính, sử dụng đúng đắn các công cụ kiểm tra, giám sát, kế toán, thống kê. Chỉ với nỗ lực phấn đấu bền bỉ của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, động viên, lôi cuốn, tổ chức toàn thể các tầng lớp nhân dân tự giác và tích cực tham gia thì mới có thể đưa cuộc đấu tranh này đến thắng lợi.

6. Phát triển văn hoá, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại

Với tư cách là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực thúc đẩy sự phát triển, đồng thời là một mục tiêu cao cả của chủ nghĩa xã hội, văn hoá có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, xây dựng xã hội mới và con người mới. Cần hết sức coi trọng các nhiệm vụ phát triển văn hoá, giáo dục, hướng vào xây dựng con người có ý thức trách nhiệm công dân, có phẩm chất, đạo đức tốt, có tri thức, có sức khoẻ và lao động giỏi, sống có văn hoá và tình nghĩa, giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính.

Nền văn hoá mà Đảng ta lãnh đạo toàn dân xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Những giá trị văn hoá truyền thống vững bền của dân tộc Việt Nam là lòng yêu nước nồng nàn, ý thức cộng đồng sâu sắc, đạo lý "thương người như thể thương thân", đức tính cần cù, vượt khó, sáng tạo trong lao động... Đó là nền tảng và sức mạnh tinh thần to lớn để nhân dân ta xây dựng một xã hội phát triển, tiến bộ, công bằng, nhân ái.

Giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc không có nghĩa là kỳ thị đối với các nền văn hoá khác. Nhìn lại mấy nghìn năm lịch sử nước ta, nền văn hoá dân tộc Việt Nam đã phát triển trong sự tiếp thu có chọn lọc và biến thành của mình nhiều tinh hoa của những nền văn hoá lớn trên thế giới. Ông cha ta đã tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại trên tinh thần độc lập dân tộc, với lòng tự hào sâu sắc về những giá trị của con người Việt Nam, của truyền thống lịch sử và văn hoá Việt Nam. Chính nhờ có tinh thần ấy mà khi tiếp xúc với các nền văn hoá lớn, nhân dân ta đã tránh được mặc cảm tự ti, vong bản, sùng ngoại, lai căng, là những bệnh hoạn có thể đưa nền văn hoá dân tộc đi đến biến dạng và suy đồi.

Công cuộc đổi mới hiện nay là sự kế thừa và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, thông qua chính sách rộng mở, tăng cường giao lưu, hợp tác về nhiều mặt với các nước trong cộng đồng thế giới trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. Chỉ có biết giữ gìn, khai thác, phát triển và nâng cao bản sắc riêng của nền văn hoá dân tộc thì mới có được giá trị bản thân trong tiếp xúc và đối thoại với các nền văn hoá khác, và cũng chỉ trên cơ sở đó mới tiếp thu được những tinh hoa của văn hoá thế giới. Chúng ta lựa chọn, tiếp thu các yếu tố nhân bản, hợp lý, khoa học, tiến bộ của văn hoá thế giới, cả phương Đông và phương Tây, để làm giàu thêm văn hoá dân tộc, định hướng giá trị cho toàn xã hội; mặt khác, chống lại sự xâm nhập của mọi thứ văn hoá độc hại, những quan niệm cực đoan về tự do cá nhân, thái độ sùng bái vật chất, chủ nghĩa tiêu dùng, lối sống hưởng thụ, ích kỷ... kéo theo hàng loạt bệnh hoạn và tệ nạn xã hội, mà ngay nhiều chính khách và trí thức tiến bộ các nước phương Tây cũng lên án.

III- TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

Công tác tư tưởng là việc của toàn Đảng. Các cấp uỷ, các đoàn thể, các cơ quan nhà nước cần nắm vững những định hướng trên đây, tăng cường lãnh đạo và quản lý công tác tư tưởng, gắn lý luận với các hoạt động thực tiễn; giải quyết đúng đắn những vấn đề bức xúc của cuộc sống, tạo nền tảng tư tưởng vững chắc trong Đảng và trong toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển không ngừng của đất nước.

Trước mắt, cần chỉ đạo thực hiện tốt những việc chủ yếu sau đây:

1. Ban Bí thư chỉ đạo các cấp uỷ đảng, các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, các cơ quan tư tưởng, văn hoá, các cơ quan nghiên cứu lý luận, khoa học xã hội, văn hoá tổ chức nghiên cứu nghị quyết, kiểm điểm tình hình, có kế hoạch và biện pháp tăng cường lãnh đạo và quản lý công tác tư tưởng.

Tổ chức đợt sinh hoạt quán triệt đến đảng viên, làm rõ và khẳng định các quan điểm cơ bản của Đảng, nâng cao tin tưởng vào đường lối của Đảng, vào sức mạnh của nhân dân, vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, tăng cường đoàn kết nhất trí đẩy mạnh công cuộc đổi mới.

Nhân kỷ niệm 105 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và các ngày lễ lớn năm 1995, có chủ trương, kế hoạch đẩy mạnh việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là học tập đạo đức, lối sống của Bác; nâng cao ý thức phục vụ nhân dân, ý thức tổ chức và kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng và gắn bó mật thiết với nhân dân...

2. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chủ trì cùng Ban Khoa giáo Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia

Hồ Chí Minh, Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các cơ quan khác có liên quan có kế hoạch mở các lớp ngắn ngày bồi dưỡng các quan điểm của Đảng cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, cán bộ lãnh đạo các cơ quan tư tưởng, văn hoá, giảng viên lý luận chính trị các trường của Đảng, của Nhà nước và hệ thống giáo dục quốc dân.

Biên soạn chương trình, tài liệu, tổ chức đợt học tập tại chức cho cán bộ, đảng viên về những chuyên đề theo những định hướng nói trên. Đưa nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng và các quan điểm của Đảng, giáo dục phát huy truyền thống vào chương trình giáo dục của Đoàn Thanh niên, chương trình giảng dạy và học tập của học sinh, sinh viên.

Ban hành quy chế học tập, định rõ các chương trình học tập bắt buộc đối với cán bộ, đảng viên ở mỗi cấp. Các cấp uỷ viên, cán bộ lãnh đạo các ngành, đoàn thể phải gương mẫu học tập, gắn học với hành.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp tăng cường kiểm tra, hướng dẫn nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập lý luận chính trị cho học sinh, sinh viên các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Lãnh đạo và quản lý tốt các cuộc hội thảo, các lớp tập huấn có sự tham gia của người nước ngoài.

3. Tăng cường chỉ đạo hoàn thành các chương trình nghiên cứu khoa học xã hội cấp nhà nước, nhất là giáo trình quốc gia về bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Tăng cường công tác thông tin nội bộ, thông tin hai chiều, làm cho các hoạt động tư tưởng bám sát cuộc sống, nắm bắt và giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả của báo chí, xuất bản và

các hoạt động văn hoá khác. Coi trọng công tác bồi dưỡng cán bộ báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ, nhất là các cán bộ phụ trách, nắm vững và chủ động thực hiện đúng đắn, sáng tạo các định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng. Chú trọng biểu dương, cổ vũ những gương tốt, những nhân tố mới, đấu tranh có hiệu quả chống tham nhũng, tiêu cực. Rút kinh nghiệm công tác đấu tranh chống những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch, nhất là trên báo, đài, có kế hoạch chủ động, kịp thời chống âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hoà bình" về tư tưởng, văn hoá của chúng.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với báo chí, xuất bản và các hoạt động văn hoá khác. Tiếp tục sắp xếp hợp lý báo chí, xuất bản phát triển đúng hướng, sắp xếp và tăng cường quản lý ngành in. Ngăn chặn có hiệu quả các hành động phạm pháp về văn hoá, tệ mê tín dị đoan, có hại đến tư tưởng chính trị, đạo đức xã hội và bản sắc văn hoá dân tộc.

5. Có kế hoạch động viên mọi tổ chức, cá nhân, trước hết là các cơ quan nghiên cứu lý luận khoa học xã hội, hăng hái tham gia tổng kết thực tiễn gắn với nghiên cứu lý luận, đề xuất những kiến nghị, góp phần tích cực chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, làm cho Đại hội thật sự thể hiện trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 101-TB/TW, ngày 20 tháng 2 năm 1995

Về việc tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 1995

Ban Bí thư đã xem xét đề nghị của Ban Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 1995, đồng ý tổ chức các hoạt động như sau:

1. Ngày giỗ Tổ Hùng Vương

Ngày giỗ Tổ Hùng Vương năm nay (9-4-1995) một đồng chí đứng đầu Nhà nước hoặc Chính phủ đến thăm đền Hùng, phát biểu về cội nguồn, truyền thống dân tộc, thực hiện lời dạy của Bác: "Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".

2. Kỷ niệm 20 năm Ngày thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (30-4-1975 – 30-4-1995)

a. Về tổ chức mít tinh:

Ở trung ương: Tổ chức mít tinh trọng thể tại Hà Nội vào ngày 30-4.

Ở địa phương:

- Tại thành phố Hồ Chí Minh tổ chức mít tinh lớn, có một số đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước dự.

- Các tỉnh phía Nam: từng tỉnh tổ chức mít tinh kỷ niệm vào ngày giải phóng của tỉnh mình. Nội dung kỷ niệm gắn với ngày 30-4.

- Các tỉnh phía Bắc: tổ chức mít tinh kỷ niệm vào dịp 30-4.

b. Đồng ý chủ đề tuyên truyền của đợt kỷ niệm 30-4 do Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương đã đề ra là, làm nổi bật "Ý nghĩa to lớn của thắng lợi chống Mỹ, cứu nước trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta và phong trào cách mạng trên thế giới. Những bài học lớn về những thành tựu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 20 năm qua, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong kháng chiến trước đây, giành thắng lợi trong công cuộc đổi mới hiện nay". Đồng thời cần nhấn mạnh thêm: thắng lợi 30-4 là thắng lợi vĩ đại, giành trọn vẹn độc lập tự do, thống nhất đất nước, là thắng lợi chung của toàn dân tộc, của mỗi người dân Việt Nam. Cần làm cho mọi người Việt Nam trong nước và ngoài nước đều tự hào, đều thấy có sự đóng góp của mình. Mặt khác, nêu rõ ý nghĩa quốc tế của thắng lợi nói trên, bày tỏ sự biết ơn của nhân dân ta với tất cả bạn bè trên thế giới, khẳng định tình đoàn kết giữa nhân dân ta với nhân dân thế giới, trong đó có nhân dân Mỹ.

c. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Tổng cục Thống kê hướng dẫn cho các xã, phường, đơn vị, nhà máy, cơ quan tiến hành đợt thống kê, tổng hợp dưới hình thức toàn dân báo công, lập sổ vàng về thành tích tham gia cống hiến cho

cách mạng. Cần chỉ đạo làm thật tốt báo công ở từng xã trong toàn quốc, thống kê sự đóng góp về người, về của (cụ thể từng xã có bao nhiêu người đi bộ đội, dân công, thanh niên xung phong, có bao nhiêu thương binh, liệt sĩ, anh hùng) trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đồng thời nêu bật sự đổi mới, thể hiện ở đời sống vật chất, tinh thần của từng xã qua 20 năm giải phóng. Chỉ đạo các xã đề ra chương trình hành động thiết thực, tiến tới kỷ niệm Ngày sinh lần thứ 105 của Bác Hồ. Các số liệu sẽ công bố thống nhất vào dịp Quốc khánh 2-9.

d. Thông qua hoạt động báo công, lập sổ vàng chống Mỹ, cứu nước của từng xã; các huyện, tỉnh khẩn trương xem xét, đề nghị Chính phủ khen thưởng các xã, thôn, làng, bản, ấp có thành tích xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Việc khen thưởng thực hiện vào dịp 2-9.

đ. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức gặp gỡ, thăm hỏi các đại biểu thanh niên xung phong trong chống Mỹ, cứu nước, nhất là nữ. Kiến nghị với Đảng và Chính phủ khen thưởng những thanh niên lập công xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đại diện Đảng và Nhà nước đến dự cuộc gặp.

e. Trong dịp lễ 30-4, Đảng và Nhà nước tổ chức cuộc gặp gỡ các đại biểu trong số các anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, những đại diện tiêu biểu và xuất sắc nhất trong sản xuất và chiến đấu trong giai đoạn chống Mỹ, cứu nước (bao gồm nhiều đối tượng: lực lượng vũ trang, công nhân, nông dân, trí thức...).

3. Kỷ niệm lần thứ 105 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 – 19-5-1995)

a. Đồng ý chủ đề như hướng dẫn của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương. Giới thiệu đầy đủ công lao to lớn của Bác Hồ đối với dân tộc Việt Nam, sự đóng góp to lớn của Bác với cách mạng và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Làm nổi bật tư tưởng, đạo đức, chính sách đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nêu bật tấm lòng của nhân dân với Bác, thế giới với Bác.

Cần in những tập sách, tập hợp các bài của Bác Hồ đối với từng vấn đề, từng giới, đặc biệt về tu dưỡng đạo đức cách mạng.

Tập hợp các phát biểu của nhân dân ta và nhân dân thế giới ca ngợi Bác Hồ để in thành sách và phổ biến rộng rãi trong nhân dân.

b. Phát động đợt hành động trong cả nước, có những việc làm thiết thực thực hiện xoá đói, giảm nghèo.

c. Tất cả các chi bộ sinh hoạt, trao đổi, học tập đạo đức của Bác; nghiên cứu, quán triệt lời dạy của Bác đối với ngành, địa phương mình.

d. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh chủ trì cuộc hội thảo nhằm giới thiệu về tư tưởng Hồ Chí Minh (tổ chức vào đầu tháng 5-1995).

đ. Tổ chức mít tinh trọng thể tại Hà Nội. Ở các tỉnh, thành phố đều tổ chức mít tinh; cuộc mít tinh tại Nghệ An và ở thành phố Hồ Chí Minh, sẽ có đại biểu Đảng, Nhà nước dự.

4. Kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và 50 năm thành lập Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a. *Ở trung ương:*

- Tổ chức mít tinh trọng thể tại Quảng trường Ba Đình -

Hà Nội. Tiến hành diễu hành quần chúng (bao gồm các lực lượng công, nông, binh, trí thức và các tầng lớp nhân dân khác. Có lực lượng không quân tham gia).

- Cuộc mít tinh và diễu hành này do Trung ương chỉ đạo, thành phố Hà Nội tổ chức thực hiện.

Tối 2-9, có bắn pháo hoa ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số thành phố khác.

b. *Trong toàn quốc, tổ chức một số hoạt động lớn:*

- Chính phủ ra chỉ thị phát động phong trào thi đua, tập trung chỉ đạo hoàn thành một số công trình trọng điểm lấy tên là "Công trình 50 năm thành lập nước".

- Lãnh đạo Đảng, Nhà nước gặp mặt đại biểu những người tham gia Mặt trận Việt Minh thời tiền khởi nghĩa và khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

- Tổ chức gặp gỡ đại biểu các đơn vị anh hùng trong cả nước.

- Triển lãm lớn về thành tựu 50 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc mời một số người nước ngoài có công với cách mạng Việt Nam sang dự lễ kỷ niệm.

- Tặng thưởng huy hiệu cho những người có công xuất sắc qua 50 năm chiến đấu và xây dựng đất nước. Chú trọng khen các đối tượng là quần chúng, nhân dân cơ sở.

- Tặng thưởng Huy chương Hữu nghị, hoặc huy hiệu về 50 năm Cách mạng Tháng Tám cho bạn bè quốc tế có công với cách mạng Việt Nam.

c. Ở cơ sở, tổ chức rộng rãi sinh hoạt của dân, so sánh về sự đổi đời ngày nay so với trước Cách mạng Tháng Tám.

d. Đón một số đại biểu Việt kiều về nước tham gia các hoạt động kỷ niệm ở trong nước, đón rải ra trong thời gian từ tháng 6-1995 đến cuối năm.

đ. Đón một số phóng viên thông tấn, báo chí, hãng phim nước ngoài vào đưa tin, phản ảnh các hoạt động kỷ niệm.

*
* *

Trong dịp kỷ niệm các ngày 30-4, 19-5, 2-9, tất cả các địa phương trên cả nước tổ chức cho nhân dân nghe và xem chương trình phát thanh và truyền hình tường thuật tại chỗ cuộc mít tinh tại Hà Nội.

Ban Bí thư nhắc các cấp, các ngành tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 1995 trọng thể, chu đáo, nhưng tiết kiệm. Trong những dịp này, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở trung ương và địa phương cần phân công một số đồng chí về dự với các địa phương và cơ sở.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI KHAI MẠC HỘI NGHỊ BẤT THƯỜNG BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VII

Ngày 2 tháng 3 năm 1995

Thưa các đồng chí Cố vấn Nguyễn Văn Linh, Võ Chí Công,
Thưa các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương,

Chúng ta đã quyết định mở Đại hội VIII vào khoảng quý II/1996. Các tiểu ban đang tích cực chuẩn bị các văn kiện đại hội và sẽ cố gắng thực hiện được theo tiến độ đã định. Bộ Chính trị mời các đồng chí Uỷ viên Trung ương họp bất thường bàn về vấn đề chuẩn bị nhân sự cho Đại hội VIII. Các đồng chí có trách nhiệm lựa chọn giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII có chất lượng cao hơn để đủ sức thực hiện được hai nhiệm vụ chiến lược hết sức nặng nề là tập trung sức xây dựng đất nước, đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá và bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay khoa học - kỹ thuật và công nghệ đang phát triển cao và nhanh, kinh tế thế giới cũng có sự phát triển không chỉ trong một quốc gia mà đang có sự liên kết, hợp tác ở từng khu vực và

hợp tác quốc tế. Tình hình quốc tế như vậy cùng với sự phát triển rất nhanh của khoa học - kỹ thuật, công nghệ, chúng ta phải quyết tâm đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nước ta tiến hành công cuộc đổi mới trong điều kiện rất nhiều khó khăn, song nhờ đường lối đúng đắn của Đảng, chúng ta đã thu được nhiều thắng lợi, tạo thế và lực cho sự phát triển đi lên, tạo điều kiện cần thiết để kết thúc năm 1995, chúng ta hoàn thành xuất sắc kế hoạch 5 năm 1991 - 1995, từ đó tạo tiền đề để thực hiện tốt kế hoạch 5 năm tiếp theo.

Bây giờ chúng ta đang có thời cơ rất lớn, có điều kiện, có tiền đề để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nếu chúng ta không tận dụng được những thời cơ này thì chúng ta sẽ rất khó khăn. Càng mở rộng hợp tác quốc tế thì cuộc cạnh tranh giữa các nước trên tất cả các lĩnh vực càng quyết liệt, đặc biệt về vốn, công nghệ, thị trường, tiền tệ, hàng hoá... Nếu chúng ta không đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước thì chúng ta không có năng suất, chất lượng, hiệu quả, từ đó cuộc cạnh tranh ai thắng ai trên thị trường sẽ rất khó khăn. Nhiệm kỳ tới cũng là thời điểm cuộc cạnh tranh trên lĩnh vực kinh tế rất quyết liệt. Đảng ta, nhân dân ta phải nắm thời cơ để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, làm cho năng suất, chất lượng, hiệu quả cao hơn để chúng ta chiến thắng trong cuộc cạnh tranh trên thị trường, trước hết là thị trường trong nước. Cái gì ta tự sản xuất thay thế nhập khẩu, cái gì đẩy mạnh sản xuất để xuất khẩu... phải tính kỹ. Tốc độ tăng trưởng kinh tế hiện tại là 8-9%/năm nhưng trong thời gian tới để không bị tụt hậu thì nhịp độ và tốc độ tăng trưởng kinh tế của chúng ta phải

trên 10% để chúng ta thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu của chiến lược kinh tế - xã hội 10 năm. Chúng ta đang có nhiều thời cơ song cũng là nguy cơ nếu ta không đẩy mạnh phát triển được kinh tế đất nước, không nâng cao được đời sống nhân dân (đặc biệt là đồng bào vùng căn cứ cách mạng, vùng sâu, vùng xa), không tạo được một bước nữa cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Muốn tạo ra được cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội thì phải có vốn, mà muốn có vốn thì phải có phát triển. Vốn tạo ra vốn.

Nếu chúng ta không đẩy mạnh phát triển kinh tế thì nhiệm vụ quốc phòng cũng bị hạn chế. Quốc phòng hiện nay chủ yếu lo bảo quản vũ khí, khí tài hiện có và lo bảo đảm đời sống cho bộ đội, còn nhiệm vụ quan trọng là làm mới, mua sắm trang bị mới thì chúng ta không có vốn; không đẩy mạnh phát triển kinh tế, không đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì không bảo đảm được nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Các nước xung quanh ta không nước nào không lo cho nhiệm vụ quốc phòng (Trung Quốc sản xuất, nhập vũ khí, khí tài của Liên Xô cũ và một số nước khác). Nếu chúng ta không lo cho quốc phòng (nhất là công nghiệp quốc phòng) thì các vũ khí, trang bị, khí tài hiện có sẽ bị hư hỏng, và cũng không có trang bị mới để đáp ứng trong điều kiện mới, phải có kế hoạch bảo quản vũ khí, tăng cường số lượng, chủng loại (kể cả loại đắt tiền).

Ban Chấp hành Trung ương đã bàn nhiều về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Bây giờ các xung đột khu vực (châu Âu, châu Phi...) liên tiếp xảy ra. Ở châu Á mặc dù có cơ hội phát triển làm ăn song có vấn đề Nam - Bắc Triều Tiên, có vấn đề biển Đông trong đó vấn đề biển Đông khá phức tạp. Các xung đột ở châu Á rất dễ xảy ra giữa bộ phận này với bộ phận khác,

giữa nước này với nước khác, do đó nước nào cũng đề cao cảnh giác, chuẩn bị tiềm lực để ứng phó.

Hiện nay âm mưu diễn biến hoà bình lật đổ từ bên trong kết hợp với bên ngoài của kẻ thù đối với ta chưa hề thay đổi, mà vẫn được triển khai ráo riết (đã báo cáo Trung ương mấy lần) công khai, bán công khai và bí mật, nhằm lật đổ chế độ ta, Đảng ta, Nhà nước ta. Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta là cuộc đấu tranh khá phức tạp. Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII phải tiếp tục thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, lấy kinh tế làm trọng tâm và coi trọng hơn nữa nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, đây là nhiệm vụ rất nặng nề đối với chúng ta.

Từ yêu cầu trên đòi hỏi Đảng ta phải có đường lối đúng đắn, Ban Chấp hành phải có chất lượng, trình độ trí tuệ cao hơn trước, có quan điểm, lập trường chính trị tốt hơn, kiên định hơn, vững vàng hơn. Vấn đề nhân sự Bộ Chính trị đã bàn làm sao lựa chọn được các Uỷ viên Trung ương tốt nhất, kiên định mục tiêu chủ nghĩa xã hội, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định đường lối đổi mới của Đảng. Mục tiêu xuyên suốt của đường lối cách mạng Việt Nam được đề ra từ Cương lĩnh cách mạng của Đảng năm 1930 đến Cương lĩnh năm 1992 là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nhờ mục tiêu đó chúng ta đã đánh thắng mọi đế quốc lớn nhất của thời đại và chúng ta cũng tiến hành công cuộc đổi mới thành công. Trong quá trình thực hiện Cương lĩnh cách mạng chúng ta đã duy trì khối đại đoàn kết toàn dân, vận dụng chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh phù hợp với từng giai đoạn lịch sử nhất định. Ngày nay chúng ta phải

tiếp tục quán triệt và nắm chắc Cương lĩnh cách mạng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, không thể có dao động. Đảng ta thắng lợi là nhờ tinh thần đoàn kết của Đảng, tổ chức và hoạt động của Đảng được xây dựng trên nguyên tắc tập trung dân chủ của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Nếu chúng ta không có *Điều lệ Đảng,* không thực hiện tốt *Điều lệ,* xây dựng Đảng về quan điểm tư tưởng, về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng thì sẽ gặp khó khăn. Bài học các đảng cộng sản của Liên Xô, Đông Âu tan rã mất quyền lãnh đạo là bài học rất lớn cả về tư tưởng và nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng. Thời gian qua, phong trào cộng sản thế giới có thoái trào, song Đảng ta có quan điểm, có tổ chức, có sinh hoạt tốt, đổi mới tư duy, biết điều chỉnh đường lối chính sách nên cách mạng nước ta vẫn đi lên, tổng kết công cuộc đổi mới và tổng kết công tác xây dựng Đảng tới đây phải rút ra bài học này để làm tốt công tác xây dựng Đảng trong thời gian tới. Trong công tác xây dựng Đảng có vấn đề cán bộ. Khoá VIII nhiệm vụ sẽ nặng nề hơn, do đó Ban Chấp hành Trung ương phải có chất lượng, trí tuệ, trình độ cao hơn, tư tưởng, lập trường quan điểm kiên định hơn, có tầm nhìn, khả năng vận dụng và tổ chức thực hiện sáng tạo hơn khoá VII. Lần này lựa chọn Ban Chấp hành Trung ương lấy tiêu chuẩn là chính. Theo *Điều lệ Đảng,* kết thúc khoá VII các Uỷ viên Trung ương sẽ hết nhiệm vụ nhưng Ban Chấp hành Trung ương khoá này có nhiệm vụ chuẩn bị giới thiệu cho đại hội những người ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII. Họp Trung ương bất thường lần này đề nghị các đồng chí lựa chọn những đồng chí đủ tiêu chuẩn để giới thiệu vào Ban Chấp hành Trung ương mới. Cơ cấu không nhất thiết tỉnh nào, bộ

nào cũng có Uỷ viên Trung ương. Tỉnh là tỉnh, bộ là bộ, Ban Chấp hành Trung ương là Ban Chấp hành Trung ương. Nếu chúng ta kết hợp được tiêu chuẩn với cơ cấu thì tốt, nếu không kết hợp được thì cũng không sao vì tỉnh đã có bí thư, bộ đã có ban cán sự đảng. Không nhất thiết bộ nào, tỉnh nào cũng có Uỷ viên Trung ương, có đảng viên tham gia cơ cấu chủ chốt. Người ngoài đảng có đủ đức tài, chịu sự lãnh đạo của Đảng, tán thành mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh, đi lên chủ nghĩa xã hội thì có thể tham gia vào cơ cấu chủ chốt của bộ máy nhà nước. Số lượng Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương cũng phụ thuộc vào tiêu chuẩn. Nếu không đảm bảo tiêu chuẩn thì số lượng có thể ít đi, nếu đảm bảo tiêu chuẩn số lượng có thể giữ như khoá VII hoặc ít nhiều hơn một ít. Hội nghị lần này bàn để những người đủ tiêu chuẩn được giới thiệu và ra ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII. Hội nghị cũng bàn về việc tiến hành đại hội các cấp tiến tới Đại hội VIII và có dự thảo chỉ thị về vấn đề này.

Xin nói thêm một điểm, trong quá trình bàn về tiêu chuẩn Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương, vấn đề quan trọng là làm sao lựa chọn được con người không cơ hội chủ nghĩa, cả cơ hội về chính trị và cơ hội về kinh tế. Ban Chấp hành Trung ương khoá VII cơ bản là tốt song cũng còn người cơ hội về kinh tế, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí ở nhiều ngành, nhiều địa phương, đây là một nguy cơ cho Đảng, nhân dân không đồng tình và để kẻ thù lợi dụng khoét sâu thêm mâu thuẫn nội bộ. Khuyết điểm này là trách nhiệm của chúng ta, chủ nghĩa cơ hội về kinh tế hay cơ hội về chính trị đều làm thiệt hại cho Đảng. Đề nghị các đồng chí quan tâm

vấn đề này trong quá trình lựa chọn, giới thiệu Ban Chấp hành Trung ương khoá mới.

Chúc sức khoẻ các đồng chí, chúc hội nghị thành công.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA VII

Ngày 3 tháng 3 năm 1995

Về kế hoạch chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương họp trong hai ngày 2 và 3-3-1995 đã quyết định về nội dung và phương pháp tiến hành chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII như sau:

1. Yêu cầu xây dựng Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII

a. Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII phải bảo đảm phẩm chất chính trị vững vàng, đủ năng lực và uy tín, đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động để lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

b. Bảo đảm tính kế thừa và sự phát triển, đồng thời chuẩn bị một bước cho Đại hội IX của Đảng.

2. Tiêu chuẩn Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII

Việc lựa chọn nhân sự Ban Chấp hành Trung ương phải

căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ do Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) đã quy định:

- Có lập trường chính trị vững vàng, kiên định lý tưởng, mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa, quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới.

- Có kiến thức và năng lực tham gia các quyết định của Ban Chấp hành Trung ương và khả năng tổ chức thực tiễn, làm việc có hiệu quả.

- Có đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, kiên quyết đấu tranh bảo vệ các quan điểm, đường lối của Đảng.

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng.

- Gắn bó với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm.

Trong tình hình hiện nay, tiêu chuẩn Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương cần chú ý:

- Về phẩm chất chính trị: vững vàng, kiên định mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa, trung thành với Đảng, với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chấp hành nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ.

- Có đạo đức và lối sống trong sáng, không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng; trung thực, không tham vọng cá nhân, không cục bộ bản vị; không cơ hội và chống mọi biểu hiện cơ hội.

3. Về số lượng Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII

Số lượng Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII dự kiến khoảng trên dưới 160 đồng chí. Căn cứ vào kết quả lựa chọn và giới thiệu, Ban Chấp hành Trung ương

(khoá VII) sẽ xác định số lượng Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII trình đại hội quyết định.

4. Phương hướng xây dựng Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII

- Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII được lựa chọn trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn là chính, có kết hợp với cơ cấu hợp lý để bảo đảm khả năng lãnh đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương, nhất là trên các lĩnh vực và các địa bàn trọng yếu.

- Trong quá trình lựa chọn nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, cần chú ý cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ công nhân, cán bộ lý luận, văn học nghệ thuật, khoa học công nghệ, luật pháp...

- Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII cần có ba độ tuổi để bảo đảm tính kế thừa và yêu cầu phát triển; hướng chung là trẻ hoá, hạ thấp tuổi bình quân của Ban Chấp hành Trung ương. Một số đồng chí cao tuổi nhưng có yêu cầu, còn sức khoẻ, được tín nhiệm, có thể vẫn tái cử Ban Chấp hành Trung ương khoá mới.

- Phải nắm vững tiêu chuẩn, không vì cơ cấu mà bầu những người không đủ tiêu chuẩn vào Ban Chấp hành Trung ương. Không nhất thiết địa phương nào, đơn vị nào cũng có Uỷ viên Trung ương. Nơi thật sự cần thiết phải có Uỷ viên Trung ương, nhưng không có người đủ tiêu chuẩn thì sau khi bầu sẽ xem xét, điều chỉnh sự phân công.

5. Về nhiệm kỳ Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương khoá VII

Điều 13, chương II, *Điều lệ Đảng* quy định: "Nhiệm kỳ

của ban chấp hành đảng bộ các cấp là thời gian giữa hai kỳ đại hội từng cấp".

Điều 16, chương III quy định: "Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương triệu tập thường lệ 5 năm một lần".

Như vậy các đồng chí Uỷ viên Trung ương khoá VII sẽ kết thúc nhiệm kỳ khi Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII theo đúng *Điều lệ Đảng*.

6. Quy trình giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương

a. Quy trình giới thiệu nhân sự phải bảo đảm việc giới thiệu nhân sự được dân chủ, khách quan, trung thực.

b. Đối tượng lấy ý kiến bao gồm:

- Các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Uỷ viên Trung ương khoá VII.

- Ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan trung ương, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, ban cán sự đảng hoặc đảng uỷ một số doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp trọng yếu.

- Ban chấp hành đảng bộ các tỉnh, thành phố.

- Cán bộ chủ chốt ở các ban, bộ, ngành, tỉnh, thành và đảng bộ trực thuộc Trung ương.

Các ý kiến giới thiệu chỉ là tham khảo nhưng rất cần thiết, còn việc lựa chọn giới thiệu nhân sự với đại hội, trách nhiệm thuộc về Ban Chấp hành Trung ương khoá VII.

c. Trong quá trình chuẩn bị nhân sự Đại hội VIII, các đồng chí Uỷ viên Trung ương khoá VII có thể tự nguyện không tái cử Ban Chấp hành Trung ương. Bộ Chính trị sẽ ghi

nhận và cân nhắc từng trường hợp cụ thể để trình Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

d. Bộ Chính trị chịu trách nhiệm nhận xét những đồng chí được giới thiệu vào Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII và báo cáo ra Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) xem xét.

đ. Tiểu ban nhân sự chịu trách nhiệm hướng dẫn nội dung và phương pháp đánh giá cán bộ, kế hoạch và phương pháp tiến hành lấy ý kiến giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII.

7. Thời gian Đại hội

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng sẽ tiến hành trong quý II năm 1996.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để thực hiện tốt kế hoạch chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII:

1. Thực hiện việc sắp xếp lại một bước tổ chức bộ máy các cơ quan của Đảng, đoàn thể, Nhà nước trước Đại hội.

2. Các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương cùng với các đồng chí Uỷ viên Trung ương ở từng khối có trách nhiệm lãnh đạo, lựa chọn việc giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương.

Tất cả các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương cần quan tâm và dành thời gian thích đáng cho công tác nhân sự đại hội. Từng đồng chí có trách nhiệm xem xét những đồng chí sẽ được giới thiệu vào Ban Chấp hành Trung

ương khoá mới; giới thiệu người trong đơn vị mình là chính, đồng thời cũng có thể giới thiệu những đồng chí ở ngoài đơn vị mà mình biết rõ và bảo đảm tiêu chuẩn.

Các đồng chí Uỷ viên Trung ương có thể đề xuất với Tiểu ban nhân sự về nhân sự Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá VIII.

3. Tiểu ban nhân sự Trung ương hướng dẫn các cấp uỷ và tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiến hành các bước công tác chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 50-CT/TW, ngày 6 tháng 3 năm 1995

Về việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình

Sau hai năm triển khai Nghị quyết Trung ương 4, nhận thức về công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình trong cán bộ lãnh đạo các cấp cũng như trong đại bộ phận nhân dân được nâng lên, phong trào thực hiện kế hoạch hoá gia đình của nhân dân được mở rộng, tỉ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ chấp nhận các biện pháp tránh thai tăng nhanh, tỷ lệ sinh giảm rõ rệt, tỉ lệ sinh con thứ ba giảm so với trước. Kết quả này cho phép khẳng định những quan điểm, mục tiêu, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 4 là đúng đắn; việc triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết là tích cực, khẩn trương, có hiệu quả.

Tuy nhiên phong trào kế hoạch hoá gia đình chưa thực sự vững chắc. Sự chỉ đạo của các tổ chức đảng và chính quyền các cấp ở nhiều nơi chưa thường xuyên, thiếu kiên

quyết. Năng lực quản lý và tổ chức thực hiện chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình còn nhiều hạn chế.

Để đạt được các mục tiêu của công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình, tiến tới ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý, tạo điều kiện nâng cao chất lượng dân số của nước ta, Ban Bí thư yêu cầu:

1. Các cấp uỷ đảng, các ban cán sự đảng các cấp, các ngành đánh giá nghiêm túc tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về dân số - kế hoạch hoá gia đình, đề ra các biện pháp khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm, phấn đấu đạt được mục tiêu của Nghị quyết Trung ương đã đề ra. Đảng bộ các cấp phải đưa nhiệm vụ dân số - kế hoạch hoá gia đình vào chương trình công tác của mình; kịp thời giải quyết những vấn đề cụ thể nảy sinh ở từng địa phương, từng ngành đến từng cơ sở. Thực sự chăm lo cho hệ thống làm công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình, bố trí người có đủ phẩm chất và năng lực đảm nhiệm công tác này.

Lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp phải xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình. Việc thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình là một tiêu chuẩn để xem xét đề bạt, giới thiệu tham gia cơ quan đảng, cơ quan dân cử, chính quyền và đoàn thể ở các cấp.

Các đoàn thể nhân dân và tổ chức xã hội cần có quy chế và kế hoạch cụ thể thực hiện chính sách này trong đoàn thể, tổ chức mình.

2. Bảo đảm đủ kinh phí cho công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình năm 1995 theo kế hoạch Chính phủ đã xác định và tiếp tục tăng mức đầu tư cho công tác này những năm

sau. Trong điều kiện ngân sách còn khó khăn, cần tích cực huy động sự đóng góp của cộng đồng, tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế. Uỷ ban dân số - kế hoạch hoá gia đình các cấp phải quản lý tốt và sử dụng có hiệu quả kinh phí được đầu tư cho chương trình. Toàn bộ kinh phí của Nhà nước dành cho công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình phải được phân bổ công khai, bảo đảm nguồn kinh phí được đầu tư về địa phương chiếm tỉ lệ lớn và quản lý theo chương trình mục tiêu thông qua hợp đồng trách nhiệm. Chính quyền địa phương chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát trên địa bàn, bảo đảm kinh phí đưa về được sử dụng đúng mục tiêu; kiên quyết xử lý các hiện tượng tiêu cực, lãng phí.

3. Đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin, giáo dục, tuyên truyền tới các đối tượng, các vùng với những hình thức thích hợp, làm cho mọi người tự nguyện chấp nhận quy mô gia đình ít con. Tổ chức tốt việc bảo vệ sức khoẻ bà mẹ và trẻ em, hệ thống cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình đa dạng, có chất lượng.

4. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo thống nhất để các ngành đưa được mục tiêu dân số - kế hoạch hoá gia đình vào nội dung các chính sách và các chương trình như xoá đói, giảm nghèo, khuyến nông, vay vốn phát triển sản xuất, bảo vệ sức khoẻ, nâng cao phúc lợi xã hội, v.v..

5. Uỷ ban Quốc gia dân số - kế hoạch hoá gia đình nghiên cứu, xây dựng các chương trình điều phối các lực lượng xã hội tham gia công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình, sớm khắc phục những điểm còn bất cập về tổ chức mạng lưới, đào tạo cán bộ, truyền thông và dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, về

huy động kinh phí, về xã hội hoá công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình, v.v..

Ban Khoa giáo Trung ương và Uỷ ban Quốc gia dân số - kế hoạch hoá gia đình có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 51-CT/TW, ngày 9 tháng 3 năm 1995

Về đại hội đảng bộ các cấp

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng vào quý II năm 1996. Đại hội đảng bộ các cấp hoàn thành trong quý I năm 1996.

Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII đến nay, các cấp uỷ đảng đã lãnh đạo nhân dân nỗ lực phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đạt được những thành tựu rất quan trọng trên các lĩnh vực: Tình hình kinh tế, xã hội tiếp tục ổn định và có bước phát triển mới, quan hệ quốc tế được mở rộng, hệ thống chính trị được tăng cường. Những thành tựu đó đã và đang tạo tiền đề cho đất nước ta chuyển sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Tuy nhiên, tình hình trong nước, tình hình thế giới và khu vực vẫn còn những diễn biến rất phức tạp, cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội, khắc phục nguy cơ tụt hậu, nguy cơ chệch hướng, nạn

tham nhũng và tệ quan liêu, nguy cơ "diễn biến hoà bình" đã và đang diễn ra quyết liệt.

Trước tình hình mới và những yêu cầu mới, đại hội đảng bộ các cấp lần này cần được sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ, bảo đảm phát huy dân chủ, tập trung trí tuệ, thực hiện đúng *Điều lệ Đảng*.

I- YÊU CẦU

1. Đánh giá đúng tình hình, thành tựu và khuyết điểm, rút ra những kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ và đảng bộ trong nhiệm kỳ qua, xác định rõ mục tiêu và nhiệm vụ của đảng bộ trong nhiệm kỳ tới; đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và đại hội đảng bộ cấp trên.

2. Bầu ban chấp hành đảng bộ, bầu đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên.

3. Quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội phải góp phần thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, đạt và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 1995, giải quyết những vấn đề bức thiết mà đảng bộ và nhân dân quan tâm.

II- NỘI DUNG

1. Đại hội đảng bộ các cấp có nhiệm vụ

- Thông qua bản tổng hợp ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên vào văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên.

- Ra nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ của đảng bộ nhiệm kỳ tới.

- Bầu ban chấp hành đảng bộ khoá mới.

- Bầu đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Đối với các tổ chức cơ sở đảng chưa đến nhiệm kỳ bầu cử ban chấp hành thì mở đại hội thảo luận văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên và bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

2. Về thảo luận các văn kiện của Trung ương

Căn cứ hướng dẫn của Ban Bí thư, ban thường vụ tỉnh, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức hội nghị cán bộ và hướng dẫn cho cấp dưới nghiên cứu, thảo luận dự thảo văn kiện của Đại hội VIII. Tổng hợp ý kiến, trình đại hội đảng bộ thảo luận, thông qua và gửi về Ban Bí thư.

3. Về báo cáo của ban chấp hành tại đại hội

Các cấp uỷ căn cứ vào nghị quyết của đại hội đảng bộ nhiệm kỳ qua và sự chỉ đạo của cấp trên để kiểm điểm và xác định mục tiêu, nhiệm vụ, tập trung vào những vấn đề chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm an ninh - quốc phòng, vận động quần chúng, đổi mới và chỉnh đốn Đảng...

Đại hội đại biểu đảng bộ cấp tỉnh, thành phố có thể có báo cáo chuyên đề chương trình phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm 1996-2000.

4. Về bầu cử ban chấp hành đảng bộ

a. *Tiêu chuẩn*

Việc lựa chọn nhân sự ban chấp hành phải căn cứ vào

tiêu chuẩn cán bộ do Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba (khoá VII) quy định:

- Có lập trường chính trị vững vàng, kiên định lý tưởng, mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa, quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới.

- Có kiến thức và năng lực tham gia các quyết định của tập thể và khả năng tổ chức thực tiễn, làm việc có hiệu quả.

- Có đạo đức cách mạng cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, kiên quyết đấu tranh bảo vệ các quan điểm, đường lối của Đảng.

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng.

- Gắn bó với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm.

Trong tình hình hiện nay, tiêu chuẩn cấp uỷ viên cần chú ý:

- Về phẩm chất chính trị: Vững vàng, kiên định mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa, trung thành với Đảng, với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chấp hành nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ.

- Có đạo đức và lối sống trong sáng, trung thực; không tham vọng cá nhân, không cục bộ bản vị; không cơ hội và chống mọi biểu hiện cơ hội, không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

b. *Về độ tuổi*

Ban chấp hành cần có ba độ tuổi, bảo đảm tính kế thừa và phát triển. Hướng chung là trẻ hoá và hạ thấp độ tuổi bình quân của cấp uỷ.

c. *Số lượng cấp uỷ*

- Số lượng uỷ viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không quá 47 đồng chí; thành phố

Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh không quá 51 đồng chí. Ban thường vụ tỉnh, thành uỷ không quá 13 đồng chí; thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh không quá 15 đồng chí.

Số lượng uỷ viên ban chấp hành đảng bộ huyện, quận không quá 35 đồng chí. Ban thường vụ huyện, quận uỷ không quá 11 đồng chí.

- Việc lựa chọn cấp uỷ phải lấy tiêu chuẩn là chính, kết hợp cơ cấu hợp lý bảo đảm sự lãnh đạo của ban chấp hành đảng bộ, nhất là trên các lĩnh vực, địa bàn trọng yếu. Không nhất thiết địa phương nào, sở ngành nào cũng có cấp uỷ viên.

Cần tăng tỉ lệ cán bộ nữ, cán bộ xuất thân từ công nhân, cán bộ dân tộc thiểu số.

5. Về bầu cử đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên

a. Việc bầu cử đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên phải theo đúng quy định của *Điều lệ Đảng* và hướng dẫn của cấp trên. Đại biểu được lựa chọn phải bảo đảm tiêu chuẩn là những đồng chí trung thành với lý tưởng của Đảng, có phẩm chất chính trị vững vàng, có lối sống trong sạch, lành mạnh, trung thực, có khả năng đóng góp ý kiến về các nghị quyết của đại hội.

b. *Số lượng đại biểu đại hội đảng bộ các cấp như sau:*

- Đảng bộ khối cơ quan Trung ương không quá 200 đại biểu.

- Đảng bộ tỉnh, thành phố không quá 350 đại biểu; thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh không quá 400 đại biểu.

- Đảng bộ huyện, quận không quá 250 đại biểu.

- Đảng bộ cơ sở: Nói chung tổ chức đại hội đảng viên; nơi có đông đảng viên (trên 150 đồng chí) và có khó khăn về điều

kiện tổ chức đại hội thì tiến hành đại hội đại biểu, số lượng đại biểu do cấp uỷ cấp trên trực tiếp quy định.

Ngoài số đại biểu chính thức, mỗi đảng bộ được bầu 1 đến 3 đại biểu dự khuyết để thay thế đại biểu chính thức khi vắng mặt suốt thời gian Đại hội.

c. Cấp ủy căn cứ vào số lượng tổ chức đảng, số lượng đảng viên và vị trí trọng yếu của từng đảng bộ cấp dưới phân bổ số đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp mình.

6. Thời gian tiến hành đại hội

- *Đại hội đảng bộ khối cơ quan Trung ương:* Thời gian không quá 3 ngày; tỉnh, thành phố: thời gian không quá 4 ngày, hoàn thành trong quý I năm 1996.

- *Đại hội huyện, quận:* Thời gian không quá 3 ngày, hoàn thành trong quý IV-1995.

- *Đại hội cơ sở:* Không quá 2 ngày, hoàn thành trước đại hội cấp huyện, quận...

7. Đại hội đảng bộ các cấp tiến hành một vòng, từ dưới lên.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ đảng cần tổ chức các đợt thi đua chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và đại hội đảng bộ các cấp gắn với các ngày lễ kỷ niệm lớn trong năm 1995 để giáo dục truyền thống của Đảng và phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước, kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội

chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính.

2. Cấp uỷ phải trực tiếp chuẩn bị nhân sự ban chấp hành. Lập tiểu ban nhân sự để giúp cấp uỷ trong quá trình chuẩn bị đại hội. Các cấp uỷ cần chỉ đạo việc sắp xếp lại một bước tổ chức bộ máy, chủ động điều chỉnh cán bộ theo yêu cầu của nhiệm vụ và công tác chuẩn bị nhân sự đại hội.

Những nơi có vấn đề mất đoàn kết nội bộ, hoặc có thư tố cáo đối với các cấp uỷ viên, cấp uỷ phải chỉ đạo kiểm điểm và kết luận rõ đúng sai, tuỳ theo mức độ sai phạm mà xử lý nghiêm minh trước khi bước vào đại hội.

3. Việc tổ chức đại hội đảng bộ các cấp phải thực sự dân chủ, thiết thực, tiết kiệm, tránh phô trương hình thức.

4. Sau đại hội, cấp uỷ cần khẩn trương phân công công tác cho các thành viên trong ban chấp hành, xây dựng quy chế làm việc, có kế hoạch chỉ đạo thực hiện nghị quyết đại hội.

5. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt và hướng dẫn cấp dưới thực hiện chỉ thị này, báo cáo kết quả về Ban Bí thư.

6. Chỉ thị này được phổ biến đến các tổ chức cơ sở đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 102-TB/TW, ngày 9 tháng 3 năm 1995

Kết luận của Bộ Chính trị về một số dự án luật và pháp lệnh

Tại phiên họp ngày 4-3-1995, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình bày một số điểm trong các dự án: *Luật Khoáng sản, Luật Hàng không dân dụng và Pháp lệnh Hàm, cấp ngoại giao,* Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Về dự án Luật Khoáng sản

- Tài nguyên khoáng sản là tài sản quan trọng của quốc gia. Chính sách và pháp luật đối với lĩnh vực này phải tạo ra động lực nhằm bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản một cách tốt nhất, tiết kiệm và đạt hiệu quả cao; ngăn chặn những hành động làm tổn hại tài nguyên khoáng sản và môi trường sinh thái.

Dự án luật này chưa thể hiện được yêu cầu trên đây. Sắp tới, Bộ Chính trị sẽ bàn và ra nghị quyết về chiến lược tài nguyên khoáng sản phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; trên cơ sở đó hoàn chỉnh dự luật để trình Quốc hội thông qua.

- Đảng đoàn Quốc hội tiếp thu ý kiến của các đồng chí Bộ Chính trị trong phiên họp này, chỉ đạo việc tu chỉnh lại dự thảo và trình xin ý kiến của các đại biểu Quốc hội tại kỳ họp lần thứ bảy (chưa thông qua).

2. Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Hàng không dân dụng Việt Nam

Bộ Chính trị đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội trình dự án luật này để Quốc hội xem xét thông qua tại kỳ họp Quốc hội lần thứ bảy.

Về một số vấn đề cụ thể, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

- Việc cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp vận chuyển hàng không cần quy định chặt chẽ. Trong luật không quy định mức góp vốn của các bên khi hợp tác liên doanh trong vận chuyển hàng không, vấn đề này được thoả thuận khi ký hợp đồng. Hợp đồng liên doanh cụ thể (tỉ lệ vốn trong nước, vốn ngoài nước, lĩnh vực liên doanh...) do Thủ tướng phê duyệt, bảo đảm ngành hàng không không bị nước ngoài, tư nhân chi phối.

- Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng không trực thuộc Chính phủ.

- Chức năng của cơ quan quản lý nhà nước về hàng không tại cảng hàng không, sân bay là thay mặt Nhà nước kiểm tra việc thi hành pháp luật ở cảng và thu lệ phí sử dụng cơ sở hạ tầng ở khu vực cảng.

3. Dự án Pháp lệnh Hàm, cấp ngoại giao

Đồng ý cần ban hành *Pháp lệnh về Hàm, cấp ngoại giao.*

Về nội dung dự án, cần cân nhắc kỹ những vấn đề sau đây:

- Hàm, cấp ngoại giao phải bảo đảm tương quan và cân đối chung với bậc, ngạch lương công chức hiện hành, phù hợp với thông lệ và tập quán quốc tế.

- Việc phong hàm ngoại giao không căn cứ vào niên hạn, mà xuất phát từ yêu cầu hoạt động đối ngoại của Nhà nước, người được phong phải đủ tiêu chuẩn đức, tài.

- Việc phân cấp phong hàm, cấp ngoại giao phải phù hợp với quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước về công tác quản lý cán bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 52-CT/TW, ngày 11 tháng 3 năm 1995

Về lãnh đạo công tác phòng chống AIDS

AIDS là đại dịch nguy hiểm đang phát triển mạnh trên khắp thế giới. Dự đoán đến năm 2000 bệnh phát triển ở tất cả các nước, nặng nhất ở châu Á; số nhiễm HIV có thể tới 30-40 triệu người.

HIV/AIDS đã xâm nhập vào Việt Nam và đang phát triển, nhất là ở thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hoà, Quảng Nam - Đà Nẵng. Số người nhiễm HIV ở nước ta tính đến ngày 11-2-1995 là 2.280 người, đã có 131 bệnh nhân AIDS, số tử vong là 53.

Đảng và Nhà nước ta sớm nhận thấy nguy cơ của nhiễm HIV/AIDS, coi phòng chống AIDS là một nhiệm vụ ưu tiên. Chính phủ đã thành lập Uỷ ban Quốc gia phòng chống AIDS để tập trung sự chỉ đạo, liên kết các bộ, ngành, đoàn thể nhân dân nhằm động viên toàn xã hội tham gia phòng chống.

Thời gian vừa qua hoạt động phòng chống AIDS đã đạt được một số kết quả, nhưng còn chưa đủ mạnh để có thể ngăn chặn được nguy cơ này ở nước ta. Nhiều cấp uỷ đảng và

cơ quan chính quyền chưa thực sự dành công sức chỉ đạo công tác phòng chống HIV/AIDS đúng với tầm quan trọng đặc biệt của nó, tình trạng lan nhiễm HIV ngày một tăng, nhưng các biện pháp chỉ đạo chưa tương xứng cả về giáo dục, hành chính, tổ chức và chuyên môn kỹ thuật.

Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cấp uỷ đảng tăng cường lãnh đạo công tác phòng chống HIV/AIDS với các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Để ngăn chặn sự lan truyền HIV, biện pháp cơ bản nhất, có hiệu quả nhất là mọi người giữ gìn lối sống trong sạch, lành mạnh, thuỷ chung, tự giác phòng tránh các tệ nạn ma tuý, mại dâm. Vì vậy phải đặt lên hàng đầu nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, đặc biệt là thanh niên và thiếu niên về đạo đức, lối sống, về nguy cơ lan nhiễm HIV/AIDS đối với từng người, từng gia đình, từng phố phường, thôn xã làm cho mọi người, mọi cơ quan, đoàn thể thấy rõ trách nhiệm của mình tự giác và chủ động tham gia phòng chống HIV/AIDS.

Các cấp uỷ đảng có trách nhiệm lãnh đạo các đoàn thể nhân dân, các cơ quan chính quyền, các phương tiện thông tin đại chúng làm thật tốt công tác tuyên truyền giáo dục, kết hợp các hoạt động truyền thông rộng rãi với việc tuyên truyền, giáo dục sâu của chi bộ đảng, của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở. Rất chú trọng đề cao, phát huy vai trò và khả năng to lớn của gia đình, gắn việc phòng chống HIV/AIDS với việc xây dựng gia đình văn hoá Việt Nam.

2. Cùng với tuyên truyền, giáo dục, phải lãnh đạo các cơ quan chính quyền, cơ quan y tế khẩn trương giải quyết các

yêu cầu về bảo đảm an toàn, vô trùng trong các dịch vụ y tế, đặc biệt là các dịch vụ có quan hệ đến máu. Từng bước tăng cường trang bị kỹ thuật cho ngành y tế, cho các cơ sở khám bệnh và chữa bệnh, đồng thời bồi dưỡng, nâng cao ý thức trách nhiệm và trình độ chuyên môn kỹ thuật của cán bộ y tế trong việc khám bệnh, điều trị và chăm sóc bệnh nhân, chăm sóc sức khoẻ của nhân dân.

Cần kết hợp chặt chẽ các nhiệm vụ phòng chống HIV/AIDS và phòng chống tệ nạn xã hội, trước hết là chống nạn nghiện hút, tiêm chích ma tuý và nạn mại dâm. Thực hiện đầy đủ và có hiệu quả các biện pháp đã được đề ra trong các Nghị quyết 05, 06 của Chính phủ và các kế hoạch của Ban Chỉ đạo phòng chống tệ nạn xã hội của Chính phủ. Các ngành toà án, kiểm sát, công an phối hợp với các đoàn thể và dựa vào nhân dân để phát hiện kịp thời và trừng trị nghiêm minh theo pháp luật bọn buôn bán thuốc phiện và chất ma tuý, bọn chủ lò thuốc phiện và tiêm chích ma tuý, bọn chủ chứa và dẫn dắt mại dâm. Xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm, như đã nói rõ trong Chỉ thị 33 của Ban Bí thư.

3. Tổ chức sự chỉ đạo tập trung thống nhất, ăn khớp của uỷ ban nhân dân, huy động rộng rãi và phối hợp chặt chẽ hoạt động của các cơ quan, đoàn thể theo một chương trình chung do đồng chí chủ tịch hoặc phó chủ tịch uỷ ban nhân dân trực tiếp phụ trách.

Công tác phòng chống HIV/AIDS và phòng chống tệ nạn xã hội đang đặt ra nhiều vấn đề lớn đòi hỏi phải được chỉ đạo giải quyết ở từng địa phương, từng cơ sở. Các đồng chí bí thư cấp uỷ đảng, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của chính quyền,

các ban, ngành, đoàn thể phải thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, nghe báo cáo và có ý kiến chỉ đạo công tác phòng chống HIV/AIDS, kiên quyết không để cho đại dịch HIV/AIDS phát triển lan tràn.

Ban Khoa giáo Trung ương kiểm tra việc thực hiện chỉ thị này.

Chỉ thị này được phổ biến đến các chi bộ đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 10-NQ/TW, ngày 17 tháng 3 năm 1995

Về tiếp tục đổi mới để phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Những năm vừa qua, theo đường lối đổi mới của Đảng, chúng ta đã tích cực triển khai một số chính sách và biện pháp quan trọng nhằm củng cố và tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

Khu vực doanh nghiệp nhà nước nói chung đã có những chuyển biến tích cực, góp phần quyết định trong việc bảo đảm nhiều cân đối chủ yếu của nền kinh tế quốc dân; cung cấp nguồn thu chính và ngày càng tăng cho ngân sách; thúc đẩy phát triển khoa học - công nghệ và văn hoá - xã hội; đạt tốc độ tăng trưởng hằng năm cao hơn các khu vực khác; tỉ trọng trong tổng sản phẩm trong nước tăng từ 36,0% năm 1991 lên 43,6% năm 1994. Hiệu quả sản xuất, kinh doanh được nâng lên. Số lượng doanh nghiệp bị thua lỗ đã giảm bớt.

Việc làm và thu nhập của phần lớn công nhân viên ổn định hơn, đời sống được cải thiện.

Những thành công bước đầu rất quan trọng này là do có đường lối, chính sách đổi mới đúng đắn của Đảng, Nhà nước, do nỗ lực phấn đấu của tập thể công nhân, viên chức các doanh nghiệp và tinh thần chủ động, sáng tạo, học hỏi vươn lên của nhiều giám đốc, gắn liền với những chuyển biến tích cực trong hoạt động của tổ chức đảng, công đoàn, đoàn thanh niên và các đoàn thể xã hội khác tại cơ sở.

Tuy nhiên, những tiến bộ đã đạt được chưa tương xứng với yêu cầu và năng lực sẵn có. Doanh nghiệp nhà nước chiếm 85% tài sản cố định trong công nghiệp, 100% các mỏ khoáng sản lớn, 83% diện tích cây công nghiệp dài ngày, có những địa điểm kinh doanh thương nghiệp và dịch vụ thuận lợi và hơn 90% lao động được đào tạo, nhưng hiệu quả kinh doanh còn thấp, một bộ phận đáng kể còn bị lỗ hoặc không có lãi, nhiều doanh nghiệp, kể cả một số doanh nghiệp quan trọng, chưa bảo toàn được vốn. Trình độ công nghệ nói chung là lạc hậu, chất lượng nhiều sản phẩm còn kém, chưa đủ sức cạnh tranh với hàng ngoại; quy mô còn quá nhỏ, bố trí phân tán; cơ cấu ngành và vùng lãnh thổ còn nhiều bất hợp lý. Đại bộ phận các doanh nghiệp thiếu vốn để duy trì hoạt động và đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất. Trong một số lĩnh vực thương mại và dịch vụ, doanh nghiệp nhà nước không còn giữ được vai trò chủ đạo.

Nguyên nhân chủ yếu của tình hình trên là:

- Các cấp bộ đảng và chính quyền, đoàn thể chưa quán triệt cả trong nhận thức lẫn trong hành động quan điểm về

vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Luật lệ, chính sách ban hành chưa đồng bộ, thiếu ổn định và nhất quán, thực hiện chưa công bằng và nghiêm minh. Bộ máy nhà nước các cấp vừa buông lỏng vai trò quản lý nhà nước, vừa can thiệp quá sâu vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Bao cấp còn khá nặng nề. Cơ chế quản lý vừa sơ hở, gây thất thoát vốn liếng tài sản công, vừa gò bó và phiền hà, cản trở việc phát huy quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm của cơ sở. Chưa xử lý đúng mối quan hệ giữa độc quyền nhà nước và cạnh tranh trên thị trường của nhà kinh doanh trong một số ngành, lĩnh vực. Một số biện pháp tình thế nhằm ổn định kinh tế vĩ mô cũng có ảnh hưởng tiêu cực nhất định đến hoạt động của doanh nghiệp. Khả năng hỗ trợ của ngân sách cho doanh nghiệp còn hạn chế.

- Thiếu cơ chế tổ chức và quản lý đúng đắn, bảo đảm quyền làm chủ trực tiếp, trách nhiệm và lợi ích rõ ràng đối với việc sử dụng có hiệu quả các tài sản của nhà nước; người lao động chưa có động lực thường xuyên và gắn bó thiết thân với sự phát triển của doanh nghiệp, chưa có quyền hạn vật chất và tổ chức đủ mạnh để tham gia định đoạt các quyết sách làm ăn, ngăn chặn từ gốc tệ tham nhũng, làm thất thoát tài sản của Nhà nước. Không ít doanh nghiệp vì lợi ích cục bộ, cá nhân mà chạy theo lợi nhuận thuần túy, không tính đến lợi ích của người tiêu dùng, cạnh tranh không lành mạnh, buôn lậu, trốn thuế, để tư nhân chi phối và làm ăn phi pháp. Số giám đốc có đủ phẩm chất và năng lực, đáp ứng được yêu cầu đổi mới còn ít. Nhiều tổ chức cơ sở đảng chưa

phát huy được vai trò lãnh đạo đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

II- TIẾP TỤC ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Trong công cuộc đổi mới để phát triển kinh tế - xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, Đảng ta chủ trương thực hiện nhất quán chính sách xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước mà hình thức chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước (gồm những doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn, nắm phần lớn cổ phần hay chiếm tỉ lệ cổ phần chi phối) đóng vai trò chủ đạo.

Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước thể hiện ở chỗ:

- Làm nòng cốt trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Mở đường, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác phát triển có hiệu quả, thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh và lâu bền của toàn bộ nền kinh tế.

- Cung ứng những hàng hoá - dịch vụ công cộng cần thiết, nhất là trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng vật chất (giao thông, thuỷ lợi, điện, nước, thông tin liên lạc...) và xã hội (giáo dục, y tế...), quốc phòng, an ninh, một số ngành sản xuất, kinh doanh trọng yếu khác.

- Là một công cụ có sức mạnh vật chất để nhà nước điều tiết và hướng dẫn nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng khắc phục những khuyết tật của cơ chế thị trường, thực hiện một số chính sách xã hội.

Coi nhẹ kinh tế nhà nước, cho rằng để chuyển sang cơ chế thị trường phải tư hữu hoá tất cả tư liệu sản xuất là sai

lầm; mặt khác nếu duy trì và phát triển kinh tế nhà nước thiếu cân nhắc kỹ hiệu quả kinh tế - xã hội cũng không đúng.

Phương hướng và các cơ chế, chính sách tiếp tục đổi mới doanh nghiệp nhà nước từ nay đến cuối thập kỷ này là:

1. Xác định đúng phương hướng phát triển, sắp xếp hợp lý khu vực doanh nghiệp nhà nước

Tập trung phát triển doanh nghiệp nhà nước ở những ngành, những lĩnh vực, những khâu trọng yếu như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, một số cơ sở sản xuất và dịch vụ then chốt, bảo đảm cho toàn bộ nền kinh tế phát triển với hiệu quả cao. Ưu tiên đầu tư chiều sâu để đổi mới công nghệ và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hiện có trong các lĩnh vực nói trên; xây dựng mới những doanh nghiệp cần thiết.

Căn cứ để xác định những doanh nghiệp nhà nước cần củng cố và phát triển là: có ảnh hưởng lớn đến những cân đối vĩ mô của nền kinh tế quốc dân; đảm nhận những nhiệm vụ quan trọng khác; thực hiện những hoạt động đặc biệt có quan hệ đến quốc phòng - an ninh; kinh doanh có hiệu quả và đóng góp nhiều cho ngân sách; góp phần bảo đảm vai trò điều tiết vĩ mô của Nhà nước; có quy mô nói chung thuộc loại vừa hoặc lớn.

Kinh tế nhà nước trong công nghiệp phải là lực lượng nòng cốt cung ứng những sản phẩm trọng yếu cho nền kinh tế quốc dân, đi tiên phong trong việc ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, làm đầu tầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Kinh tế nhà nước trong nông - lâm - ngư nghiệp phải hỗ trợ kinh tế hợp tác xã và kinh tế hộ sản xuất kinh doanh có hiệu quả; làm đòn bẩy trong xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, đưa công nghệ mới vào sản xuất, phát triển công nghiệp chế biến, phát huy vai trò là các trung tâm công nghiệp - dịch vụ, trung tâm khoa học - kỹ thuật, trung tâm văn hoá trên từng địa bàn. Đặc biệt quan tâm phát triển quan hệ gắn bó chặt chẽ, trực tiếp giữa công nghiệp, thương mại, dịch vụ của nhà nước với nông nghiệp và nông dân, giúp nông nghiệp, nông dân phát triển sản xuất, củng cố và đổi mới kinh tế hợp tác, tích luỹ vốn để phát triển, cải thiện đời sống.

Thương nghiệp nhà nước phải tăng cường vị trí trên các lĩnh vực kinh doanh xuất, nhập khẩu, trong bán buôn, giữ tỉ trọng cần thiết trong bán lẻ, nhất là những mặt hàng thiết yếu; cùng các thành phần khác ổn định và phát triển lành mạnh thị trường, làm cho giao lưu hàng hoá thông suốt, phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển, bảo vệ lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng.

Hệ thống các doanh nghiệp tài chính - ngân hàng của Nhà nước phải hợp thành công cụ, đòn bẩy vĩ mô hết sức quan trọng nhằm thúc đẩy mạnh mẽ và điều tiết, hướng dẫn sự phát triển có hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Các doanh nghiệp công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ nhà nước, phải củng cố và tăng cường các quan hệ kinh doanh với nhau, hỗ trợ lẫn nhau, tránh tình trạng chia cắt như hiện nay, khắc phục xu hướng thông đồng, móc nối với tư nhân để trục lợi. Doanh nghiệp được sử dụng rộng rãi mạng lưới đại lý do kinh tế nhà nước hoặc các thành phần

khác đảm nhiệm, nhưng phải có quy chế chặt chẽ và kiểm tra thực hiện nghiêm minh.

Những doanh nghiệp phục vụ an ninh - quốc phòng và phúc lợi công cộng được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi cần thiết và hỗ trợ khi gặp khó khăn, nhưng phải hạch toán đầy đủ, phấn đấu nâng cao chất lượng phục vụ, tiết kiệm chi phí, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước giao.

Những doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực Nhà nước cần giữ độc quyền vừa được Nhà nước bảo hộ ở mức độ nhất định, vừa phải chịu sự kiểm soát chặt chẽ để hạn chế đặc quyền đặc lợi, không ngừng vươn lên làm ăn có hiệu quả.

Những doanh nghiệp không thuộc các diện nói trên thì tự chủ hạch toán kinh doanh như những doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, làm tốt nhiệm vụ được phân công, cạnh tranh để phát triển, bảo toàn và tăng thêm vốn Nhà nước giao, làm ăn có lãi, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

Rà soát và đánh giá toàn diện tình hình của từng doanh nghiệp để có chủ trương phù hợp. Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ hơn nữa những doanh nghiệp đang hoạt động tốt. Thu gọn một cách hợp lý số lượng những doanh nghiệp quy mô nhỏ, có cùng nhiệm vụ kinh doanh trên cùng một địa bàn. Chấn chỉnh những doanh nghiệp còn yếu kém, những doanh nghiệp không còn khả năng phục hồi có hiệu quả thì áp dụng biện pháp xử lý theo đúng *Luật Phá sản doanh nghiệp* và các quy định hiện hành.

Cho thuê, nhượng bán, chuyển đổi sở hữu... những doanh nghiệp xét thấy không cần duy trì hình thức doanh nghiệp nhà nước.

Sắp xếp các liên hiệp xí nghiệp, tổng công ty theo hướng tổ chức một số tổng công ty chuyên ngành hoặc đa ngành, có tầm vóc quốc tế, quốc gia hoặc khu vực, địa bàn, tuỳ thuộc vào điều kiện và yêu cầu khách quan phải liên kết sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp, tạo thế và lực để phát triển và cạnh tranh thắng lợi trên thị trường. Xây dựng một số tập đoàn kinh doanh mạnh cần thiết. Loại bỏ những tổng công ty hoạt động mang tính hành chính trung gian.

Trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta, doanh nghiệp hạch toán độc lập với nhiều quy mô khác nhau là hình thức phổ biến, còn nhiều tiềm năng to lớn cần được tiếp tục duy trì và phát triển, không nên giải thể hoặc sáp nhập một cách tuỳ tiện, áp đặt.

2. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo môi trường pháp lý và kinh tế thuận lợi cho doanh nghiệp nhà nước liên tục phát triển

Ban hành *Luật Doanh nghiệp nhà nước.*

Thực hiện nghiêm minh các luật lệ, chính sách, chế độ của Nhà nước đối với nhà kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế; đơn giản hoá thủ tục hành chính; xây dựng môi trường kinh doanh đồng nhất, thuận lợi và ổn định; tạo điều kiện để các doanh nghiệp hợp tác phát triển và cạnh tranh hợp pháp, bình đẳng, có lợi cho đất nước và doanh nghiệp.

Các bộ tập trung làm tốt chức năng quản lý nhà nước về ngành và lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, trên mọi địa bàn. Các cấp chính quyền địa phương phát huy vai trò quản lý nhà nước đối với mọi doanh nghiệp trên lãnh thổ do mình phụ trách

theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Phân định rõ vai trò chủ sở hữu với vai trò quản trị kinh doanh. Phân công cụ thể cho từng tổ chức hoặc cá nhân làm chức năng đại diện cho sở hữu nhà nước đối với phần tài sản công tại doanh nghiệp. Các cơ quan quản lý nhà nước không được can thiệp vào những hoạt động thuộc chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp. Thu gọn đầu mối, thực hiện nguyên tắc một đầu mối cho từng chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

Chính phủ và các ngành, các cấp cần hỗ trợ các doanh nghiệp giải quyết những khó khăn về vốn, về cán bộ, công nghệ, trình độ quản lý, để khu vực kinh tế nhà nước thực sự hoạt động có hiệu quả, phát huy được vai trò chủ đạo.

Tiếp tục xoá bao cấp, trừ một số trường hợp đặc biệt. Giá cả đại bộ phận hàng hoá - dịch vụ do doanh nghiệp làm ra được định đoạt theo cơ chế thị trường. Nhà nước chỉ định giá hoặc kiểm soát giá một số ít hàng hoá - dịch vụ rất thiết yếu, có tính độc quyền. Cơ quan vật giá phải giúp Chính phủ theo dõi và dùng các công cụ kinh tế là chính để điều hoà vĩ mô, bình ổn giá cả, không tuỳ tiện can thiệp bằng các mệnh lệnh hành chính.

Cải cách hệ thống thuế theo hướng đơn giản, ổn định các sắc thuế, mức thuế, phương thức thu thuế, chống thất thu và lạm thu. Hình thành và phát triển thị trường vốn. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát hành cổ phiếu, trái phiếu để huy động vốn mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh.

Ngân hàng Nhà nước phải xây dựng và thực hiện chính sách tiền tệ - tín dụng đúng đắn, vì mục tiêu phát triển; đẩy lùi và kiểm soát lạm phát; huy động vốn để đáp ứng nhu cầu

vay vốn phát triển của doanh nghiệp; phấn đấu hạ dần lãi suất cho vay xuống ngang với mức bình thường trong khu vực và trên thế giới, tăng mức và thời hạn vay vốn. Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm các nguồn vay khác và dùng vốn có hiệu quả. Đổi mới công nghệ và nâng cao trình độ thực hiện các dịch vụ ngân hàng, bảo đảm chính xác, nhanh gọn và với chi phí ngày càng hạ.

Sắp xếp, tinh gọn hệ thống kinh doanh xuất, nhập khẩu phù hợp với quy mô phát triển của từng ngành. Doanh nghiệp kinh doanh xuất, nhập khẩu phải có đủ các điều kiện cần thiết về kinh tế - kỹ thuật, pháp lý, năng lực và kinh nghiệm kinh doanh. Cải tiến thủ tục xuất, nhập khẩu và đổi mới công tác quản lý xuất, nhập khẩu theo hướng khuyến khích xuất khẩu, bảo đảm nhập khẩu những vật tư - hàng hoá cần thiết cho phát triển sản xuất và cho đời sống; hạn chế nhập những mặt hàng chưa cần thiết, bảo hộ có hiệu quả sản xuất trong nước; chống buôn lậu, làm hàng giả... gây thiệt hại cho các doanh nghiệp.

Cung cấp thường xuyên và kịp thời các thông tin kinh tế cần thiết, tạo điều kiện để doanh nghiệp thiết lập và phát triển các quan hệ làm ăn trực tiếp, ổn định với bạn hàng trong và ngoài nước, mở rộng thị trường và địa bàn kinh doanh.

3. Đẩy mạnh đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước

Áp dụng đồng bộ các cơ chế, chính sách và biện pháp nhằm tạo động lực trực tiếp thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của khu vực doanh nghiệp nhà nước.

Đánh giá đúng tài sản và vốn, hoàn thành việc giao vốn để doanh nghiệp bảo toàn và phát triển vốn.

Nghiên cứu sửa đổi chính sách phân phối lợi nhuận, bảo đảm quan hệ hợp lý về lợi ích giữa nhà nước, các chủ sở hữu khác và người lao động trong từng doanh nghiệp. Có chính sách thu lãi, thu thuế hợp lý, đúng luật, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tự tích luỹ để phát triển, không vì nhu cầu chi tiêu ngân sách mà tuỳ tiện điều tiết quá mức dưới nhiều hình thức, ảnh hưởng đến lợi ích lâu dài của cả Nhà nước và doanh nghiệp.

Cơ quan nhà nước, đặc biệt là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với công đoàn xây dựng quy chế, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đúng đắn chế độ lương, thưởng, tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động đồng thời vận dụng tốt các hình thức phân phối khác, không để thu nhập vượt quá mức làm ra; lấy hiệu quả kinh doanh làm tiêu chuẩn, khắc phục sự chênh lệch thu nhập quá bất hợp lý giữa các doanh nghiệp, thoát ly giá cả tiền công trong từng ngành nghề, lĩnh vực và địa bàn. Hoàn thiện và áp dụng rộng rãi các hình thức khoán trong doanh nghiệp.

Thực hiện từng bước vững chắc việc cổ phần hoá một bộ phận doanh nghiệp không cần Nhà nước đầu tư 100% vốn. Tuỳ tính chất, loại hình doanh nghiệp mà tiến hành bán một tỉ lệ cổ phần cho công nhân, viên chức làm việc tại doanh nghiệp để tạo động lực bên trong trực tiếp thúc đẩy phát triển và bán cổ phần cho tổ chức hay cá nhân ngoài doanh nghiệp để thu hút thêm vốn, mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh. Trên cơ sở cổ phần hoá, tổ chức hội đồng quản trị đại diện cho các chủ sở hữu. Xây dựng quy chế và tiêu chuẩn để

hội đồng quản trị chọn hoặc thuê giám đốc điều hành, v.v.. Quy định rõ ràng, chặt chẽ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm tương ứng trước chủ sở hữu và trước pháp luật của hội đồng quản trị và giám đốc điều hành. Các tỉnh, thành và các bộ phải có đề án cụ thể về cổ phần hoá các doanh nghiệp trực thuộc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, không làm tuỳ tiện, ồ ạt, gây hậu quả tiêu cực cả về kinh tế lẫn chính trị - xã hội.

Tiếp tục nghiên cứu thí điểm việc lập hội đồng quản trị và áp dụng từng bước vững chắc việc chia lợi nhuận cho công nhân, viên chức làm việc tại những doanh nghiệp chưa hoặc không cổ phần hoá (sau khi đã làm đủ nghĩa vụ với ngân sách, tích luỹ để phát triển và trích lập các quỹ khác của doanh nghiệp).

Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, xác định rõ và bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp.

Cải cách hệ thống kế toán, tăng cường công tác kiểm toán, thực hiện yêu cầu minh bạch, công khai, chính xác, đúng chế độ, chính sách tài chính doanh nghiệp. Có quy chế bảo đảm sự kiểm soát của Nhà nước theo đúng chức năng, đồng thời khắc phục tình trạng thanh tra, kiểm tra trùng lặp, tuỳ tiện gây hậu quả xấu cho doanh nghiệp.

4. Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp

Chú trọng nâng cao năng lực và phẩm chất các nhà quản lý doanh nghiệp. Đào tạo lại và đào tạo mới đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp, nhất là các giám đốc điều hành, bảo đảm vững vàng về chính trị, tư tưởng, trong sáng về đạo đức

kinh doanh, có trình độ nghiệp vụ chuyên môn và năng lực tổ chức quản lý, quán triệt và thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng, luật lệ của Nhà nước, đáp ứng được yêu cầu đổi mới. Có chính sách ràng buộc chặt chẽ lợi ích với trách nhiệm, đãi ngộ xứng đáng và tôn vinh về tinh thần những nhà quản lý doanh nghiệp giỏi; xử lý kịp thời, nghiêm minh những người không hoàn thành nhiệm vụ được giao, tham ô, lãng phí tài sản công.

5. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước

Tổ chức đảng tại doanh nghiệp có vai trò lãnh đạo toàn diện mọi hoạt động của doanh nghiệp: tham gia xây dựng phương án kinh doanh; bố trí cán bộ chủ chốt; tổ chức, động viên đảng viên và quần chúng phấn đấu hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, góp phần tích cực xây dựng và phát triển doanh nghiệp; làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước; kiểm tra, giám sát việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, luật lệ, thể chế của Nhà nước; chăm lo cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của người lao động.

Xây dựng quy chế lãnh đạo của Đảng trong doanh nghiệp nhà nước. Ban cán sự đảng, đảng uỷ của tổ chức cơ sở đảng có thể đồng thời là thành viên, hoặc chiếm đa số hay một tỉ lệ chi phối trong hội đồng quản trị doanh nghiệp.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng và hoạt động của các tổ chức quần chúng, nhất là của công đoàn, phối hợp với cơ quan quản lý nhằm phát huy vai trò quyết định của nhân tố con người trong phát triển doanh nghiệp. Chăm lo bồi dưỡng

chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề, nâng cao trình độ mọi mặt của người lao động. Giáo dục ý thức làm chủ, xây dựng truyền thống gắn bó mật thiết của người lao động với sự thành bại của doanh nghiệp. Quan tâm giải quyết những nguyện vọng, lợi ích chính đáng của người lao động về việc làm, thu nhập và đời sống. Động viên nhiệt tình lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, chung sức tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, cải tiến tổ chức quản lý, áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ nhằm đạt năng suất cao, chất lượng tốt, giá thành hạ, cạnh tranh thắng lợi trên thị trường. Rèn luyện tác phong lao động công nghiệp, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình công nghệ và nội quy kỷ luật của doanh nghiệp, xây dựng tập thể lao động đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, vì lợi ích của bản thân mỗi người, của doanh nghiệp và của xã hội.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 53-CT/TW, ngày 21 tháng 3 năm 1995

Về đào tạo và bồi dưỡng cán bộ ở ngoài nước trong tình hình mới

1. Mấy chục năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã cử hàng chục vạn cán bộ và thanh niên ưu tú đi đào tạo ở ngoài nước, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành đội ngũ cán bộ khoa học và lao động kỹ thuật. Đội ngũ đó đã có những đóng góp xứng đáng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, việc gửi học sinh ta ra ngoài nước gặp khó khăn và bị giảm đột ngột. Gần đây, nhờ mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều nước trên thế giới, số lượng lưu học sinh đi đào tạo ở ngoài nước có tăng nhưng còn quá ít. Công tác đào tạo cán bộ ở ngoài nước còn bị động, phụ thuộc vào học bổng do các nước đài thọ, nên cả về số lượng và cơ cấu ngành nghề đều chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước.

2. Để nhanh chóng có được đội ngũ trí thức đủ sức đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phải đặc biệt coi trọng việc mở rộng quy mô và

nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ ở trong nước, phải rất quan tâm đến việc gửi lưu học sinh đi đào tạo, bồi dưỡng ở ngoài nước.

Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ ở ngoài nước phải gắn với quy hoạch đào tạo ở trong nước, xuất phát từ yêu cầu phát triển đất nước, lấy chất lượng và hiệu quả làm chính, gắn đào tạo với sử dụng. Đào tạo, bồi dưỡng ở ngoài nước trước hết phải nhằm vào các ngành khoa học và công nghệ mũi nhọn mà ta đang có nhu cầu cấp bách, tập trung vào các ngành nghề trong nước chưa có khả năng đào tạo hoặc chất lượng đào tạo còn hạn chế, dành ưu tiên đào tạo các cán bộ thực hành, các chuyên gia về công nghệ, các nhà quản lý, kinh doanh, công nhân kỹ thuật lành nghề.

Cần dành ngân sách nhà nước đầu tư thích đáng cho công tác này; đồng thời khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài trợ quốc tế theo các hiệp định chính phủ, các thoả thuận của các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ; các thoả thuận trong các liên doanh, các dự án hợp tác song phương và đa phương. Khuyến khích việc hợp tác trực tiếp giữa các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo và nghiên cứu của nước ta và các nước trong công tác đào tạo. Khuyến khích các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp dành kinh phí đưa cán bộ của đơn vị mình đi đào tạo, bồi dưỡng ở ngoài nước, cấp học bổng cho các học sinh giỏi ra nước ngoài học tập; khuyến khích các gia đình có điều kiện cho con em đi học ở ngoài nước theo chế độ tự túc.

Sử dụng nhiều loại hình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở ngoài nước, bao gồm đào tạo, đào tạo lại, đào tạo chuyển tiếp, bồi dưỡng. Mở rộng hình thức "du học tại chỗ", mời thầy giỏi

của nước ngoài vào nước ta giảng dạy, mở một số cơ sở đào tạo của nước ngoài ở nước ta; khai thác kết quả các cuộc hội thảo quốc tế ở trong nước và nước ngoài để nâng cao kiến thức của cán bộ; nghiên cứu áp dụng hình thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nghệ và công nhân ngay trong các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài trên đất nước ta.

Cần gửi học sinh đi học khoa học và công nghệ ở những nước phát triển, những trường đào tạo có truyền thống; đồng thời tranh thủ phát triển quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực để đào tạo cán bộ về một số ngành nghề thích hợp.

3. Từ nay đến năm 2000 cần làm tốt những việc sau đây:

- Tổ chức điều tra, đánh giá nguồn nhân lực hiện có, xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ khoa học, công nghệ, cán bộ quản lý kinh doanh, công nhân lành nghề ở ngoài nước.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước để tổ chức và quản lý tốt các loại hình đào tạo, bồi dưỡng; quản lý, sử dụng hợp lý và có hiệu quả các nguồn học bổng.

- Xây dựng các chính sách cụ thể để thực hiện hình thức "du học tại chỗ", phát triển thêm các cơ sở đào tạo của nước ngoài tại nước ta với chất lượng đào tạo đạt tiêu chuẩn quốc tế; mở rộng sự hợp tác giữa các trường đại học Việt Nam với các trường đại học nước ngoài để đào tạo theo hình thức học chuyển tiếp (hai, ba năm đầu học tại Việt Nam, hai, ba năm cuối học tiếp ở nước ngoài); hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và những công dân có đủ tiêu chuẩn và điều kiện đi học ở ngoài nước bằng kinh phí của đơn vị hoặc theo chế độ tự túc.

- Đổi mới việc quản lý công tác đào tạo ở ngoài nước: Hoàn thiện quy trình, quy chế tuyển chọn; đổi mới nội dung và phương pháp đánh giá (thi kiểm tra) để tuyển chọn đúng tiêu chuẩn, đúng đối tượng, đảm bảo công bằng. Chấn chỉnh công tác quản lý lưu học sinh cả trong và sau thời gian học tập ở ngoài nước. Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng đối với lưu học sinh, giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý chí quyết tâm học giỏi; củng cố niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; cảnh giác trước những âm mưu "diễn biến hoà bình"; giữ gìn đạo đức và lối sống lành mạnh; tôn trọng luật pháp của nước sở tại.

Xây dựng các chính sách đối với lưu học sinh tốt nghiệp về nước làm việc ở những lĩnh vực mà họ được đào tạo.

Chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc trong việc du học tự túc. Ban hành những văn bản hướng dẫn công khai về điều kiện đi học và quy trình làm thủ tục đi học ở ngoài nước, tránh phiền hà cho người đi học, đồng thời khắc phục tình trạng lợi dụng danh nghĩa đi học tự túc để xuất cảnh làm ăn buôn bán.

- Bắt đầu từ năm 1995 và sau đó, hằng năm Nhà nước dành một phần ngân sách thích đáng để chủ động thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở ngoài nước.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo tổ chức thực hiện chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 103-TB/TW, ngày 21 tháng 3 năm 1995

Về tổ chức các ngày lễ lớn năm 1995

Tiếp theo Thông báo số 101-TB/TW ngày 20-2-1995 về các hoạt động kỷ niệm ngày giỗ Tổ Hùng Vương, 20 năm ngày thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, 105 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và 50 năm ngày thành lập nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; theo đề nghị của Ban Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 1995, Ban Bí thư đồng ý tổ chức các hoạt động như sau:

1. Kỷ niệm lần thứ 125 ngày sinh V.I. Lênin (22-4-1870 – 22-4-1995)

Đồng ý có các hoạt động đã nêu trong kế hoạch của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương (số 118-TTVH/TW, ngày 16-3-1994).

a. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh tổ chức mít tinh.

b. Thành uỷ Hà Nội tổ chức đặt vòng hoa tưởng niệm tại tượng đài Lênin.

c. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương hướng dẫn công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Kỷ niệm lần thứ 50 ngày chiến thắng phát xít (9-5-1945 – 9-5-1995)

a. Chủ đề tuyên truyền cần nhấn mạnh: ý nghĩa cuộc chiến thắng vĩ đại cứu loài người khỏi họa phát xít (cả phát xít Đức và phát xít Nhật); sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

b. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chỉ đạo việc tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Công an nhân dân Việt Nam (19-8-1945 – 19-8-1995)

a. Về tổ chức mít tinh:

+ Ở Trung ương: Tổ chức mít tinh trọng thể tại Hà Nội vào nửa đầu tháng Tám.

+ Ở địa phương: Các tỉnh, thành phố tổ chức mít tinh kỷ niệm vào nửa đầu tháng Tám.

b. Về chủ đề tuyên truyền: Đồng ý với nội dung do Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương hướng dẫn (số 106-TTVH/TW, ngày 6-3-1995). Chú ý nhấn mạnh những thành tựu xuất sắc của lực lượng Công an nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ trong 50 năm qua; thắt chặt mối quan hệ gắn bó giữa lực lượng Công an nhân dân với Quân đội nhân dân và với nhân dân, tạo nên sức mạnh vô địch

trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng, làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của các thế lực thù địch đối với nước ta.

c. Về tổ chức hoạt động:

- Ngành Công an nhân dân tổ chức hội thảo về truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, gắn với việc ra sức quán triệt 6 điều Bác Hồ dạy lực lượng Công an nhân dân.

- Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, văn hoá - văn nghệ, thể dục, thể thao do Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Bộ Văn hoá - Thông tin trực tiếp hướng dẫn và phối hợp thực hiện.

- Đồng ý có thêm khẩu hiệu: *Nhiệt liệt chào mừng kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Công an nhân dân Việt Nam!*

4. Kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất (18-11-1930 – 18-11-1995)

a. Về tổ chức mít tinh:

+ Ở trung ương: Tổ chức mít tinh trọng thể tại Thủ đô Hà Nội.

+ Ở các tỉnh, thành phố: Mặt trận Tổ quốc tổ chức hoạt động kỷ niệm. Tại các địa phương thành lập Mặt trận qua các thời kỳ (Cao Bằng, Tuyên Quang, Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh) tổ chức mít tinh trọng thể, có đại biểu Trung ương về dự.

b. Chủ đề tuyên truyền giáo dục:

Đồng ý với chủ đề tuyên truyền, giáo dục nêu trong kế hoạch (số 118-TTVH/TW) của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương: Hướng vào giáo dục bài học lớn về đại đoàn kết toàn

dân, các dân tộc, các tôn giáo trên cơ sở củng cố liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng; về tư tưởng "đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công" của Chủ tịch Hồ Chí Minh; nâng cao lòng tự hào, tin tưởng vào sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện đại đoàn kết dân tộc ở tầm cao mới, chiều sâu mới. Củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất, tạo bước chuyển biến thực sự trong đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, phát huy vai trò, tác dụng của Mặt trận trong hệ thống chính trị và đời sống xã hội.

c. Sẽ tổ chức một số hoạt động như sau:

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức cuộc hội thảo khoa học chủ đề: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất trong thời kỳ phát triển mới của đất nước*.

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn các hoạt động tuyên truyền giáo dục, văn hoá, văn nghệ.

- Đồng ý có thêm khẩu hiệu: *Nhiệt liệt chào mừng kỷ niệm lần thứ 65 ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất (18-11-1930 – 18-11-1995)!*.

*
* *

Ngoài các ngày kỷ niệm nói trên, kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20-10-1930 – 20-10-1995), 65 năm ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam và

các ngày kỷ niệm khác của các ngành, các bộ sẽ phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương để hướng dẫn công tác tuyên truyền kỷ niệm.

Ban Bí thư nhắc các cấp, các ngành quán triệt đầy đủ nội dung, yêu cầu chỉ đạo đối với việc tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn đã được nêu rõ trong Nghị quyết của Bộ Chính trị và các thông báo hướng dẫn của Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 104-TB/TW, ngày 23 tháng 3 năm 1995

Ý kiến của Bộ Chính trị về việc chuẩn bị kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa IX

Tại phiên họp ngày 18 và ngày 20-3-1995, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình bày một số vấn đề chuẩn bị kỳ họp lần thứ 7 Quốc hội khoá IX, Bộ Chính trị đã có ý kiến như sau:

1. Vấn đề lạm phát

Việc kiềm chế lạm phát có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với nền kinh tế nước ta hiện nay. Tại kỳ họp Quốc hội lần này, không đặt vấn đề điều chỉnh chỉ tiêu lạm phát năm 1995. Quốc hội cần tập trung bàn để đi đến nhất trí cao về những biện pháp nhằm thực hiện cho được mục tiêu kiềm chế lạm phát theo tinh thần Quốc hội đã quyết định tại kỳ họp tháng 10-1994. Bộ Chính trị nhấn mạnh một số điểm sau đây:

- Phải kiên quyết thực hiện cho được nhiệm vụ đã đề ra về thu ngân sách; chống thất thu. Thu đến đâu, chi đến mức đó; nơi nào không thu đủ, phải cắt chi theo tỉ lệ tương ứng.

- Trong năm 1995, giữ mức tiền lương hiện hành; bằng

mọi biện pháp giữ giá lương thực, bảo đảm cánh kéo hợp lý giữa giá lương thực và giá vật tư nông nghiệp.

- Đẩy mạnh xuất khẩu, giảm nhập siêu, tiến tới cân bằng xuất, nhập khẩu. Không nhập siêu để tiêu dùng. Nhập siêu để phục vụ cho sản xuất phát triển cũng cần được xem xét kỹ.

- Phát động toàn dân chống lãng phí, thực hành tiết kiệm; trước hết là trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, đoàn thể. Gương mẫu thực hiện từ các cơ quan trung ương.

Ban Bí thư sẽ ra chỉ thị về tiết kiệm. Trên cơ sở đó, Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan nhà nước thể chế hoá để thực hiện thống nhất trong cả nước.

2. Về dự án *Luật Tổ chức toà án hành chính*

- Bộ Chính trị tán thành đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ khẩn trương chuẩn bị để sớm thành lập Toà án hành chính, xem đây là một việc cấp bách phục vụ cải cách nền hành chính nhà nước hiện nay.

- Về mô hình Toà án hành chính, trình Quốc hội cân nhắc lựa chọn một trong hai mô hình sau:

+ Tổ chức Toà án hành chính thành một hệ thống thuộc Thủ tướng Chính phủ, nhưng độc lập với các bộ và uỷ ban nhân dân các cấp.

+ Tổ chức cơ quan tài phán hành chính thành phân toà nằm trong Toà án nhân dân.

Trong quá trình thảo luận và thông qua *Luật Tổ chức toà án hành chính,* nếu có vấn đề cần thiết phải có sự chỉ đạo của Bộ Chính trị thì Đảng đoàn Quốc hội báo cáo để Bộ Chính trị thảo luận.

3. Về vấn đề Việt Nam gia nhập ASEAN

Việt Nam đang trong thời kỳ chuẩn bị gia nhập ASEAN. Chính phủ đã báo cáo vấn đề này với Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Tại kỳ họp Quốc hội tới, trong báo cáo của Chính phủ gửi các đại biểu Quốc hội về hoạt động đối ngoại của Nhà nước ta cần có đoạn đề cập đến việc này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 55-CT/TW, ngày 23 tháng 3 năm 1995

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về chính sách và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài

Để triển khai thực hiện có kết quả Nghị quyết của Bộ Chính trị *Về chính sách và công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài,* Ban Bí thư yêu cầu:

1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn tổ chức quán triệt Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày 29-11-1993 của Bộ Chính trị đến các cấp uỷ cơ sở.

Trong việc nghiên cứu và quán triệt các quan điểm của nghị quyết cũng như việc triển khai thực hiện nghị quyết, Ban Bí thư lưu ý các cấp uỷ đảng một số vấn đề sau đây:

- Cần nhận thức rõ ý nghĩa chính trị quan trọng của công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài, một mặt bảo vệ quyền lợi chính đáng của đồng bào, động viên khuyến khích đồng bào hướng về Tổ quốc, góp phần xây dựng đất nước, mặt khác ngăn chặn bọn phản động thao

túng, khống chế quần chúng chống phá ta. Cần khắc phục những nhận thức không đúng đắn như hẹp hòi, định kiến hoặc mất cảnh giác, tạo sơ hở để bọn xấu lợi dụng gây thiệt hại cho đất nước và đồng bào.

- Làm tốt công tác vận động đối với người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là ở những địa bàn quan trọng để tăng thêm sự hiểu biết về đất nước và con người Việt Nam của nhân dân các nước đó, góp phần củng cố và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nước ta và nước sở tại, tăng thêm sự hiểu biết giữa cộng đồng người Việt Nam sống ở nước ngoài và nhân dân nước sở tại.

- Các cấp uỷ, các ngành, các cơ quan, các sứ quán trực tiếp làm công tác vận động cần có kế hoạch tuyển chọn, bồi dưỡng đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác vận động có bản lĩnh chính trị, có chuyên môn, có ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công tác ngày càng cao.

2. Căn cứ vào nhiệm vụ và chức năng của cơ quan, ban, ngành của mình, các cấp uỷ cần đưa vào chương trình công tác những nội dung cần thiết sau đây về các chính sách và biện pháp lớn đối với người Việt Nam ở nước ngoài:

- Khẩn trương bổ sung và hoàn chỉnh các chính sách của Nhà nước ta bảo hộ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài, giải quyết thoả đáng các vấn đề quốc tịch và hồi hương, quyền lợi và nghĩa vụ của những người còn giữ hộ chiếu Việt Nam, cụ thể hoá các quy định về xuất, nhập, cư trú, đi lại khi về Việt Nam, v.v..

- Cần quan tâm tổ chức thu thập ý kiến của người Việt Nam ở nước ngoài trong phạm vi cần thiết và hình thức thích hợp trước khi ban hành các luật pháp, chính sách có

quan hệ nhiều đến đồng bào; tiếp thu một cách có chọn lọc những kiến nghị của đồng bào để bổ sung, sửa đổi chính sách cho phù hợp.

- Có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện dễ dàng cho người Việt Nam ở nước ngoài chuyển giao tri thức, công nghệ và kinh nghiệm quản lý cũng như đầu tư, phát triển kinh doanh và dịch vụ ở trong nước. Từng ngành cần tìm hiểu và biết những người Việt Nam đang ở nước ngoài có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực của mình, có khả năng về đầu tư, kinh doanh để có những hình thức thích hợp phát huy và sử dụng một cách có hiệu quả thế mạnh của đồng bào đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước theo phương châm "vừa ích nước vừa lợi nhà".

- Làm tốt công tác thông tin và văn hoá đối với người Việt Nam ở nước ngoài nhằm làm cho đồng bào ngày càng hiểu rõ và đúng đắn tình hình đất nước, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; đưa sách giáo khoa và các tài liệu cần thiết cho phong trào học và sử dụng tiếng Việt, các văn hoá phẩm phát hành trong nước, và các hình thức văn hoá, văn nghệ đến với cộng đồng nhằm một mặt giữ gìn và củng cố bản sắc dân tộc và tình cảm hướng về cội nguồn, tinh thần đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong đồng bào, mặt khác tạo điều kiện để đồng bào có thể tuyên truyền về đất nước, con người Việt Nam ở nước sở tại, góp phần đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nước ta và nước sở tại.

Kiện toàn Uỷ ban về người Việt Nam ở nước ngoài bảo đảm hoàn thành chức năng cơ quan trực tiếp làm công tác vận động, giúp Đảng và Chính phủ nghiên cứu tổng hợp tình

hình, đề xuất chủ trương, chủ trì phối hợp các đoàn thể, các cơ quan liên quan trong việc tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện luật pháp và chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Một số bộ, ngành, tỉnh và thành phố có quan hệ nhiều với người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là Bộ Ngoại giao, các đại sứ quán cần có bộ phận giúp đỡ cơ quan lãnh đạo trong công tác vận động; ban hành quy chế phối hợp và quan hệ công tác giữa Uỷ ban về người Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan và đoàn thể.

Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài cần thấm nhuần chủ trương mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân của Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khoá VII) của Đảng và Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị. Đồng thời gắn với công tác bảo vệ an ninh tổ quốc, phát hiện và ngăn chặn hoạt động chống Việt Nam của các lực lượng phản động trong cộng đồng người Việt Nam ở ngoài và sự xâm nhập của chúng vào trong nước, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch đối với nước ta.

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ căn cứ vào Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày 29-11-1993 của Bộ Chính trị, đề nghị Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan nhà nước có liên quan sớm ban hành các văn bản pháp quy để cụ thể hoá các chính sách và biện pháp lớn về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài đã nêu trong nghị quyết, sớm kiện toàn Uỷ ban về người Việt Nam ở nước ngoài.

Hằng năm các cấp uỷ đảng có báo cáo công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài gửi Ban Bí thư.

4. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các ban Trung ương Đảng chịu trách nhiệm thi hành chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 54-CT/TW, ngày 26 tháng 3 năm 1995

Chống lãng phí, thực hành tiết kiệm trong các cơ quan đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang, đoàn thể và doanh nghiệp nhà nước

Đảng và Nhà nước đã có nhiều chỉ thị, nghị quyết về nhiệm vụ chống lãng phí, thực hành tiết kiệm, dồn vốn cho đầu tư phát triển. Song tình trạng lãng phí của công vẫn diễn ra phổ biến và rất nghiêm trọng trên nhiều lĩnh vực, ở nhiều nơi, gây thất thoát nhiều tiền của của Nhà nước và nhân dân, ảnh hưởng đến nguồn vốn đầu tư phát triển, gây bất bình trong xã hội.

Nguyên nhân của tình hình trên chủ yếu là do cán bộ lãnh đạo của nhiều tổ chức đảng, chính quyền các cấp và đoàn thể thiếu gương mẫu, có nhiều hành vi lãng phí, do đó không phát động được phong trào quần chúng lên án lối sống xa hoa, ngăn chặn tệ chi tiêu, sử dụng lãng phí của công; các cơ quan chức năng của Đảng, Nhà nước, đoàn thể thiếu chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, kiểm tra chặt chẽ, thường xuyên;

chưa xử lý nghiêm những trường hợp gây lãng phí tài sản nhà nước.

Để khắc phục tình trạng trên đây, Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cấp uỷ đảng, lãnh đạo các cấp, các ngành tiến hành kiểm điểm, tổng kết, đánh giá những việc làm được, những việc làm trái hoặc chưa đúng chính sách tiết kiệm, nguyên nhân và trách nhiệm trong việc thực hiện, từ đó đề ra biện pháp chấn chỉnh, các cơ quan liên quan của Đảng và Nhà nước cần gấp rút nghiên cứu bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành những quy định mới để thực hiện có kết quả chủ trương chống lãng phí, thực hành tiết kiệm trên các lĩnh vực. Trước mắt, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ chỉ đạo làm ngay một số việc sau đây.

1. Trong việc xây dựng trụ sở cơ quan

Thực hiện nghiêm chủ trương tạm hoãn xây dựng mới trụ sở cơ quan. Trường hợp thật cần thiết phải được cấp trên cho phép và phải tuân thủ nghiêm trình tự, quy trình, quy phạm xây dựng cơ bản của Nhà nước. Việc xây dựng mới trụ sở của các đơn vị trực thuộc Trung ương của Đảng, đoàn thể cũng như của Nhà nước, phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép và thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

Ngành xây dựng cần phối hợp với các cơ quan chức năng sớm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành những quy định về tiêu chuẩn hoá trụ sở làm việc, phòng làm việc của các loại cơ quan, cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp, áp dụng cho 5 năm tới; chú ý việc sử dụng chung một số công trình như hội trường, phòng họp, nhà khách... Trên cơ sở đó các ngành, địa phương quy hoạch các khu làm việc, có kế

hoạch tu sửa các công trình hiện có và chuẩn bị cải tạo, xây dựng mới khi có điều kiện, theo tinh thần hợp lý, thiết thực, hiệu quả.

Khi sáp nhập tổ chức thì đồng thời phải sắp xếp lại chỗ làm việc, thu hồi diện tích dôi ra để sử dụng vào việc khác.

2. Trong việc trang bị phương tiện, điều kiện làm việc của cơ quan và cán bộ, nhân viên

Các cơ quan chức năng cần khẩn trương chuẩn bị trình Thủ tướng Chính phủ ban hành ngay một số quy định thống nhất về trang bị phương tiện làm việc theo đặc điểm, tính chất công việc của từng loại cơ quan thuộc các cấp khác nhau với tinh thần từng bước hiện đại hoá, bảo đảm điều kiện để cán bộ làm việc ngày càng có năng suất, chất lượng, hiệu quả hơn, nhưng không phô trương, hình thức; hạn chế dùng hàng ngoại đắt tiền, tiết kiệm tối đa trang thiết bị chưa thật sự cần thiết trong tình hình trước mắt.

Theo tinh thần đó, cần có quy định cụ thể về đối tượng sử dụng, số lượng và giá trị tối đa các loại trang bị nhiều tiền như ôtô, điều hoà nhiệt độ...

Điện thoại công vụ chỉ đặt tại nhà riêng cho những đối tượng thật sự có nhu cầu giải quyết công việc ngoài giờ hành chính. Gia đình sử dụng điện thoại công vụ vào việc riêng gọi đi liên tỉnh và ra nước ngoài phải trả tiền.

Thực hiện đúng các quy định đã có của Chính phủ, đồng thời nghiên cứu, bổ sung những điểm cần thiết về chế độ sử dụng ôtô con. Xác định giá trị tối đa các loại xe phục vụ cán bộ các cấp, các ngành. Việc mua và sử dụng các loại xe phải tính toán chặt chẽ và phải được cơ quan có thẩm quyền xét

duyệt. Có biện pháp để thực hiện tiết kiệm trong việc sử dụng điện, nước, xăng dầu, phương tiện... trong từng cơ quan, đơn vị.

Ban Tổ chức Trung ương Đảng cùng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chuẩn bị trình Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình mới và chính sách tiền lương mới các quy định về một số chế độ, chính sách đối với mỗi chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp đương chức và nghỉ hưu, như người giúp việc, chế độ bảo vệ sức khoẻ, tang lễ... trên tinh thần hợp lý, tiết kiệm.

3. Trong việc giải quyết nhà ở

Thực hiện nhất quán chủ trương xoá bao cấp về nhà ở; phát triển nhanh quỹ nhà ở của Nhà nước với nhiều loại căn hộ, tiện nghi để cho các đối tượng khác nhau có thể thuê hoặc mua được nhà. Chính phủ cần có quy định mới về tiêu chuẩn nhà ở, đất ở đối với cán bộ, viên chức nhà nước, phù hợp với tình hình mới. Chấm dứt việc lấy tiền công quỹ cấp cho cán bộ làm nhà ở. Nhà ở của cán bộ đã được hình thành theo phương thức này nay được coi là nhà có nguồn gốc từ vốn ngân sách và đưa vào kinh doanh theo quy định chung, trừ các trường hợp thực hiện theo chính sách xã hội.

Chuẩn bị thực hiện dần chế độ nhà công vụ và xác định chức danh có tiêu chuẩn nhà công vụ, phân biệt rành mạch giữa nhà công và nhà tư. Trong khi chưa có nhà công vụ, nhà đang sử dụng của các chức danh có tiêu chuẩn nhà công vụ tạm xem là nhà "kiêm công vụ"; người sử dụng không phải trả tiền theo diện tích và cấp nhà, nhưng phải

trả phần trong tiêu chuẩn tiền nhà đã được thể hiện trong cơ cấu tiền lương.

Chấm dứt tình trạng một chủ sử dụng nhiều nhà của Nhà nước.

4. Trong chi tiêu hành chính thường xuyên

- Việc tổ chức những cuộc đi thăm di tích lịch sử, gặp mặt nhân dịp các ngày lễ, ngày kỷ niệm, các cuộc họp tổng kết công tác, dịp tổng kết thi đua, nhất là những cuộc họp toàn quốc phải thiết thực, tiết kiệm, không phô trương hình thức, không ăn uống linh đình, tặng quà, tiền (không kể những trường hợp khen thưởng cán bộ, công nhân viên chức hoặc tặng quà cho các đối tượng chính sách, v.v.).

Các cuộc họp tổng kết, sơ kết, hội nghị, hội thảo quy mô toàn quốc của các ban, ngành trực thuộc trung ương phải được phép của Thủ tướng Chính phủ hoặc Ban Bí thư; ở cấp tỉnh phải được phép của lãnh đạo đảng hoặc chính quyền tỉnh.

Các cơ quan chủ trì hội nghị cần cân nhắc kỹ sự cần thiết tổ chức hội nghị, tính toán hợp lý số đại biểu, khách mời, thời gian hội nghị. Kiên quyết bỏ những cuộc họp tổng kết mang tính chất hình thức; bớt các hội nghị phổ biến, lấy ý kiến, thay bằng gửi tài liệu, lấy ý kiến bằng văn bản.

- Thực hiện thống nhất trong cả nước, đối với cơ quan đảng cũng như cơ quan nhà nước, những quy định về chế độ chi tiêu cho hội nghị ở các cấp.

- Huỷ bỏ chế độ chi ăn trưa, hay thù lao bằng tiền cho những người tham gia các cuộc họp làm việc, các cuộc hội thảo, trao đổi ý kiến trong giờ làm việc (trừ việc thù lao cho những người chuẩn bị báo cáo chính).

Thực hiện chế độ trợ cấp tiền ăn thống nhất đối với các hội nghị ở từng cấp. Hủy bỏ các thứ tiền thù lao hội nghị khác.

Tất cả các cuộc họp chỉ giải khát bằng nước chè và nước khoáng.

- Tiết kiệm chi tiêu tiếp khách.

Không dùng rượu, bia, thuốc lá trong khi làm việc với khách trong nước và khách nước ngoài (trừ một số thông lệ tiếp khách quốc tế và một số trường hợp cần quy định riêng với các doanh nghiệp).

Đơn giản hoá các thủ tục đón tiếp các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, cán bộ cấp trên về làm việc ở các địa phương và cơ sở, bỏ những hình thức huy động đông người đón tiếp tốn kém tiền của và thời giờ của các tầng lớp nhân dân. Cơ cấu đoàn đi và tổ chức đón, làm việc nơi đoàn đến cần gọn nhẹ, gồm những người có liên quan thiết thực đến yêu cầu, nội dung công việc. Giảm tới mức có thể được lực lượng phục vụ, phóng viên báo chí của trung ương và địa phương đoàn đến.

Thực hiện việc chi tiêu tiếp đón và thanh toán đối với mọi tập thể và cá nhân đến làm việc, bất kể từ dưới lên hay từ trên xuống, theo đúng chế độ quy định; chấm dứt việc tặng tiền, quà cho bất kỳ ai và dưới hình thức gì trong các dịp này.

Chi tiêu tiếp khách nước ngoài cũng phải được thực hiện đúng quy định của Bộ Tài chính.

5. Trong việc tổ chức các đoàn đi công tác nước ngoài

Phải có sự quản lý thống nhất đối với các đoàn đi nước ngoài, tính toán chặt chẽ số lượng, đối tượng cụ thể, nội dung

nghiên cứu để tránh trùng lắp, tốn kém. Thực hiện đúng quy định của Đảng và Nhà nước về chi tiêu cũng như quà tặng mang theo của các đoàn đi nước ngoài đối với bất kỳ cấp nào. Nhà nước cần có quy định cụ thể về việc nhận quà của nước ngoài.

6. Tổ chức thực hiện

Đề nghị Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo thể chế hoá chỉ thị này để thực hiện thống nhất trong cả nước.

Các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể theo chức trách của mình, rà soát lại các văn bản, quy định về những chế độ, chính sách liên quan, bổ sung, sửa đổi phù hợp với quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Các đồng chí Uỷ viên Trung ương, bí thư các cấp uỷ chịu trách nhiệm trước Trung ương chỉ đạo thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư và quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chống lãng phí, thực hành tiết kiệm trong phạm vi mình phụ trách.

Các cấp uỷ đảng phải đặt nhiệm vụ chống lãng phí, thực hành tiết kiệm thành một nội dung lãnh đạo thường xuyên của cấp uỷ. Các cấp uỷ đảng trực thuộc Trung ương nửa năm một lần báo cáo kết quả thực hiện chỉ thị này và quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho Ban Bí thư.

Đảng đoàn các tổ chức quần chúng lãnh đạo, hướng dẫn quần chúng hưởng ứng phong trào chống lãng phí, thực hành tiết kiệm thành một phong trào rộng rãi trong cả nước, trong mọi tầng lớp nhân dân.

Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm tuyên truyền phổ biến các chủ trương và quy định của Đảng,

Nhà nước về chống lãng phí, thực hành tiết kiệm; hướng dẫn dư luận biểu dương người tốt, việc tốt, phê phán và tố cáo các hành vi ăn cắp, lãng phí của công...

Các ban của Đảng thường xuyên theo dõi, kiểm tra, kịp thời phát hiện, đề xuất biện pháp uốn nắn, xử lý kịp thời và nghiêm những trường hợp không chấp hành, hoặc chấp hành không đầy đủ chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 109-TB/TW, ngày 1 tháng 4 năm 1995

Quyết định của Bộ Chính trị về việc chuyển Bộ đội Biên phòng từ Bộ Nội vụ sang Bộ Quốc phòng

Ngày 18-3-1995, Bộ Chính trị sau khi nghe báo cáo của các ban, ngành liên quan về tổ chức Bộ đội Biên phòng đã có ý kiến như sau:

Nhiệm vụ biên phòng trong tình hình mới rất toàn diện và phức tạp, bao gồm: bảo vệ biên giới trên bộ, trên biển; bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội, chống xâm nhập trái phép và chống buôn lậu qua biên giới, bảo vệ tài nguyên đất nước ở vùng biên giới; xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị với các nước láng giềng. Đó là nhiệm vụ rất to lớn, nặng nề, nhằm góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của nhân dân ta là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bộ đội làm nhiệm vụ biên phòng (tức Bộ đội Biên phòng) là lực lượng nòng cốt trong các lực lượng bảo vệ, quản lý biên giới của Tổ quốc, là lực lượng thành viên của các khu vực

phòng thủ đất nước. Cần tăng cường xây dựng Bộ đội Biên phòng vững mạnh, cách mạng, chính quy, hiện đại, có chất lượng cao, số lượng phù hợp, tổ chức hợp lý. Cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng phải được tuyển chọn chặt chẽ, huấn luyện, đào tạo chu đáo, vừa tinh thông về quân sự, vừa có nghiệp vụ về an ninh, đối ngoại, vận động quần chúng... để có thể đảm đương tốt vai trò nòng cốt huy động và phối hợp các lực lượng vũ trang, các ngành, các đoàn thể và nhân dân địa phương trong nhiệm vụ bảo vệ và quản lý vùng biên giới, hải đảo.

Để tạo thuận lợi cho việc xây dựng Bộ đội Biên phòng đáp ứng được yêu cầu nói trên, hoàn thành được các nhiệm vụ đề ra, Bộ Chính trị quyết định nay chuyển Bộ đội Biên phòng từ Bộ Nội vụ về Bộ Quốc phòng.

Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng uỷ Quân sự Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương chuẩn bị mọi mặt và thủ tục cần thiết để chuyển giao lực lượng biên phòng sang Bộ Quốc phòng đạt kết quả tốt.

Bộ Chính trị giao cho Đảng uỷ Quân sự Trung ương chuẩn bị nghị quyết của Bộ Chính trị về xây dựng Bộ đội Biên phòng trong tình hình mới; Đảng uỷ Quân sự Trung ương phối hợp với Ban Chỉ đạo nhà nước về biển Đông và các hải đảo chuẩn bị đề án về tổ chức bảo vệ và quản lý vùng biển trình Bộ Chính trị xem xét.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ ĐỨC ANH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 108-TB/TW, ngày 6 tháng 4 năm 1995

Kết luận của Ban Bí thư về kết quả kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị 15 của Bộ Chính trị trong ngành kiểm sát

Tại phiên họp ngày 15-3-1995, Ban Bí thư đã nghe Ban Nội chính Trung ương và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị 15 của Bộ Chính trị về chống tham nhũng, buôn lậu và thực hành tiết kiệm trong ngành kiểm sát.

Ban Bí thư đồng ý nội dung nêu trong báo cáo (số 05-BC-NC/UBKT, ngày 15-3-1995) và nhấn mạnh một số vấn đề sau đây:

Ngành kiểm sát đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện chức năng của mình và phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng và buôn lậu, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân viên trong ngành có bước trưởng thành; số đông vững vàng, có tinh thần trách nhiệm đấu tranh bảo vệ pháp luật.

Tuy nhiên, viện kiểm sát nhân dân các cấp còn có khuyết điểm như: còn tình trạng bỏ lọt tội phạm, làm oan sai, xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân; năng lực nghiệp vụ và trình độ hiểu biết, khả năng vận dụng pháp luật vào thực tế của đội ngũ kiểm sát viên các cấp còn yếu kém; nghiêm trọng là một bộ phận kiểm sát viên sa sút phẩm chất đạo đức đã vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật nghiệp vụ của ngành, có trường hợp phạm tội đã phải truy cứu trách nhiệm hình sự. Các thiếu sót, khuyết điểm nêu trên đã làm giảm lòng tin của công dân đối với ngành kiểm sát.

Sở dĩ có yếu kém trên là do:

- Trong nội bộ ngành kiểm sát chưa thực hiện đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ, vai trò tập thể của uỷ ban kiểm sát chưa được phát huy.

- Công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ còn yếu; công tác kiểm tra chưa chặt chẽ, thường xuyên; việc xem xét, xử lý cán bộ trong ngành có sai phạm chưa nghiêm, không kịp thời, còn hữu khuynh.

- Công tác xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh trong ngành chưa được chú trọng, tính đảng của một bộ phận đảng viên yếu; có hiện tượng coi nhẹ ý kiến lãnh đạo của cấp uỷ đảng. Một số cấp uỷ đảng thiếu quan tâm lãnh đạo đối với ngành kiểm sát, chưa đi sâu kiểm tra việc chấp hành đường lối, quan điểm của Đảng trong công tác kiểm sát.

Để xây dựng và kiện toàn ngành kiểm sát từng bước vững mạnh, trong sạch, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng, tổ chức đảng trong ngành kiểm sát tập trung thực hiện tốt một số việc sau đây:

1. Nhận thức sâu sắc vị trí quan trọng, trách nhiệm của công tác kiểm sát trong việc tăng cường pháp chế, bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất, bảo vệ quyền làm chủ của công dân. Kiện toàn ngành kiểm sát theo tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ tám. Trước hết, tập trung nâng cao hiệu lực việc thực hiện quyền công tố, nhằm xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, đặc biệt là tội xâm phạm an ninh quốc gia và tội tham nhũng; bảo đảm việc bắt, giam giữ, truy tố, xét xử và thi hành án chính xác, công minh, không để lọt tội phạm và oan sai.

2. Hoạt động của ngành kiểm sát phải bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của toàn ngành, đồng thời đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của các cấp uỷ đảng cùng cấp theo tinh thần Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 8-11-1993 của Ban Bí thư.

Khẩn trương thành lập và củng cố ban cán sự đảng ở các viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, thành. Tổ chức đảng ở viện kiểm sát nhân dân các cấp phải thực hiện chức năng lãnh đạo, kiểm tra thường xuyên đối với đảng viên trong việc chấp hành đường lối, quan điểm, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, xử lý kịp thời, nghiêm minh những đảng viên có vi phạm.

3. Làm rõ những vụ vi phạm xảy ra trong ngành, trước hết là những vụ đã nêu trong báo cáo kiểm tra. Xử lý nghiêm túc những tập thể và cá nhân có vi phạm; đưa ra khỏi ngành cán bộ thoái hoá, biến chất, tham nhũng, lạm quyền. Các trường hợp đã xử lý chưa đúng mức phải xem xét lại để có hình thức xử lý nghiêm.

4. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, không ngừng bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, lương tâm của người

cán bộ kiểm sát theo tiêu chuẩn: *công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn.*

Nghiêm cấm cán bộ kiểm sát nhận trích thưởng, nhận tiền "bồi dưỡng", quà cáp, không được nhờ các đối tượng đang tiến hành kiểm sát mua vật tư hàng hoá.

5. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc căn cứ vào thông báo này có kế hoạch lãnh đạo việc sửa chữa những khuyết điểm, chấn chỉnh viện kiểm sát nhân dân cấp mình; tăng cường sự lãnh đạo và kiểm tra chặt chẽ đối với ban cán sự đảng và đảng viên trong viện kiểm sát nhân dân.

Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao căn cứ vào kết quả kiểm tra, tổ chức kiểm điểm nghiêm túc, có chương trình, kế hoạch kiện toàn ngành và báo cáo kết quả lên Ban Bí thư.

6. Ban Nội chính Trung ương, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương theo dõi việc triển khai thực hiện kết luận này, trước hết là ở Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 08-TT/TW, ngày 8 tháng 4 năm 1995

Về việc tổng kết thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) về Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và dân

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) đã ra Nghị quyết về *Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và dân* (gọi tắt là Nghị quyết 8B). Nghị quyết đã đi vào cuộc sống, tạo nên những tiến bộ nhất định trong công tác dân vận và phong trào nhân dân, góp phần tích cực vào thắng lợi chung của đất nước.

Đến nay, cách mạng nước ta đang chuyển sang một thời kỳ phát triển mới, đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Cùng với việc tổng kết công tác xây dựng Đảng, Ban Bí thư chủ trương tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 8B, đề ra những nhiệm vụ công tác dân vận thời kỳ 1996-2000.

1. Việc tổng kết cần đạt các *yêu cầu:*

- Đánh giá việc thi hành Nghị quyết 8B trong các cấp, các

ngành, các tổ chức đảng, cơ quan chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể, chú ý xem xét các chính sách đối với các giai cấp, tầng lớp xã hội, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân cả nước thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

- Kiến nghị các vấn đề về quan điểm, chủ trương, giải pháp tăng cường công tác dân vận từ nay đến năm 2000.

2. *Nội dung* tổng kết cần tập trung vào các vấn đề sau đây:

a. Đánh giá tình hình nhân dân và kiểm điểm việc thực hiện các chính sách đối với các giai cấp, tầng lớp xã hội, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tạo ra phong trào quần chúng thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh và bảo vệ độc lập, chủ quyền đất nước.

b. Kiểm điểm trách nhiệm của các tổ chức đảng, cơ quan chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong việc phối hợp thực hiện đổi mới và tăng cường công tác dân vận. Chú ý các vấn đề:

- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận.

- Nâng cao trách nhiệm của chính quyền đối với công tác dân vận; tăng cường mối quan hệ giữa chính quyền với Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

- Vị trí, vai trò của Mặt trận, các đoàn thể và tổ chức xã hội trong công tác vận động nhân dân. Các mô hình tổ chức và phương thức vận động nhân dân. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận.

c. Kiến nghị các vấn đề về quan điểm, chủ trương, giải pháp tăng cường công tác dân vận từ nay đến năm 2000.

3. Để việc tổng kết đạt kết quả thiết thực, Ban Bí thư yêu

cầu các cấp uỷ đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng khẩn trương làm tốt những việc sau đây:

- Nội dung đại hội đảng các cấp có phần kiểm điểm sâu về công tác dân vận và đề ra những nhiệm vụ thiết thực về công tác này nhiệm kỳ tới.

- Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ tham gia vào việc tổng kết chung, kiểm điểm việc thi hành Nghị quyết Trung ương 8 (khoá VI) của cơ quan nhà nước ở trung ương, đồng thời hướng dẫn các cấp chính quyền kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết Trung ương ở các ngành, các địa phương và xác định nhiệm vụ công tác dân vận trong thời gian tới gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khoá VII về xây dựng nhà nước mà trọng tâm là cải cách nền hành chính nhà nước.

- Đảng đoàn Mặt trận và các đoàn thể trung ương kiểm điểm việc thực hiện những nghị quyết của Trung ương thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Riêng đối với Nghị quyết Trung ương 4 về công tác thanh niên, Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị về phụ vận, Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị về nhiệm vụ đại đoàn kết dân tộc, các đảng đoàn phối hợp với Ban Dân vận Trung ương có kế hoạch sơ kết cụ thể.

- Ban Dân vận Trung ương xây dựng đề cương tổng kết và tổ chức lấy ý kiến của các cấp uỷ, trước hết là những nơi được chọn làm trọng điểm. Các đảng đoàn của Mặt trận và các đoàn thể ở trung ương cùng với các Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và một số cơ quan nghiên cứu tổng hợp

có liên quan phối hợp chặt chẽ với Ban Dân vận Trung ương làm tốt việc tổng kết này.

- Ban Bí thư thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết do đồng chí Vũ Oanh, Uỷ viên Bộ Chính trị phụ trách dân vận làm trưởng ban. Thành phần của ban gồm các đồng chí đại diện của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Mặt trận và các đoàn thể, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 110-TB/TW, ngày 8 tháng 4 năm 1995

Về dự án Luật Doanh nghiệp nhà nước

Tại phiên họp ngày 8-4-1995, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo một số vấn đề về dự án *Luật Doanh nghiệp nhà nước,* Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Về khái niệm doanh nghiệp nhà nước

Doanh nghiệp nhà nước là tổ chức kinh tế do Nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý, hoạt động kinh doanh, hoặc hoạt động công ích, nhằm thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội do Nhà nước giao.

2. Về phân phối lợi nhuận sau thuế

Sau khi làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác theo quy định, doanh nghiệp được chia phần lợi nhuận còn lại theo cổ phần (nếu doanh nghiệp đã cổ phần hoá và đã bán cổ phần cho công nhân, viên chức tại doanh nghiệp); hoặc cho người lao động theo cống hiến của mỗi người vào kết quả kinh doanh trong

năm (nếu doanh nghiệp không cổ phần hoá hoặc chưa cổ phần hoá). Chính phủ quy định chi tiết về chế độ phân phối lợi nhuận sau thuế.

3. Về tổ chức quản lý doanh nghiệp

- Thành lập hội đồng quản trị tại các tổng công ty và các doanh nghiệp nhà nước lớn; đối với các doanh nghiệp nhà nước khác, Chính phủ quy định hình thức tổ chức quản lý thích hợp.

- Thành phần hội đồng quản trị gồm có: Chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc (hoặc giám đốc) và một số thành viên cần thiết khác.

4. Về ban kiểm soát

Hội đồng quản trị thành lập ban kiểm soát để giúp hội đồng kiểm tra, giám sát hoạt động của tổng giám đốc (hoặc giám đốc), bộ máy doanh nghiệp và các đơn vị thành viên (nếu có) trong hoạt động tài chính, trong việc chấp hành điều lệ doanh nghiệp, các nghị quyết, quyết định của hội đồng quản trị và chấp hành pháp luật.

5. Tổng giám đốc (hoặc giám đốc) là đại diện pháp nhân của doanh nghiệp

6. Về nhận vốn và tài sản

- Nhà nước giao vốn và tài sản cho hội đồng quản trị (đối với doanh nghiệp có hội đồng quản trị); chủ tịch hội đồng quản trị và tổng giám đốc (hoặc giám đốc) cùng ký nhận vốn và tài sản Nhà nước giao cho doanh nghiệp.

- Đối với doanh nghiệp không có hội đồng quản trị, giám đốc ký nhận vốn và tài sản do Nhà nước giao.

Bộ Chính trị giao Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo thông qua *Luật Doanh nghiệp nhà nước* với những nội dung trên đây.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ ĐỨC ANH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 112-TB/TW, ngày 12 tháng 4 năm 1995

Về chiến lược phát triển sản xuất thép tới năm 2010

Ngày 24 tháng 3 năm 1995, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Công nghiệp nặng báo cáo về chiến lược phát triển sản xuất thép của Việt Nam từ nay đến năm 2010, Bộ Chính trị đã có ý kiến như sau:

Bộ Chính trị tán thành về cơ bản những quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển, bước đi và các giải pháp lớn về phát triển sản xuất thép được trình bày trong bản chiến lược.

Bộ Chính trị lưu ý và nhấn mạnh một số vấn đề sau đây:

1. Thép là vật liệu chủ yếu của nhiều ngành công nghiệp, có vai trò quyết định tới sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trong những năm qua, ngành thép đã có nhiều cố gắng khai thác, cải tạo và mở rộng những cơ sở sản xuất cũ và liên doanh với nước ngoài tăng năng lực sản xuất và sản lượng thép hằng năm với tốc độ khá nhanh. Tuy nhiên so với yêu cầu của đất nước thì mức sản xuất thép hiện nay còn

rất thấp. Phát triển nhanh ngành thép là một yêu cầu khách quan, cấp bách và có ý nghĩa chiến lược.

Ngay từ bây giờ phải tính toán làm rõ thêm bước đi, nhất là trong những năm đầu, khi vốn trong nước còn hạn hẹp. Phải kết hợp việc đầu tư chiều sâu nâng công suất các cơ sở sản xuất thép hiện có với việc tiến hành xây dựng mới một số cơ sở cán thép công suất vài chục vạn tấn/năm trên cơ sở nhập phôi của nước ngoài, để trong một số năm trước mắt đáp ứng đủ nhu cầu thép xây dựng thông thường cho xã hội. Gấp rút chuẩn bị những cơ sở sản xuất thép liên hợp hoàn chỉnh, công suất tương đối lớn đi từ quặng, luyện kim, đến khâu cán ra các sản phẩm... phục vụ nhu cầu ngày một tăng của sự nghiệp công nghiệp hoá.

Về công nghệ, kết hợp tận dụng công nghệ đã có còn độ tin cậy cao với lựa chọn công nghệ tiên tiến, dùng nhiên liệu khí thiên nhiên và than antraxít trong nước.

2. Về mục tiêu sản xuất thép, ở giai đoạn I (đến năm 2000) phấn đấu đạt khoảng 3 triệu tấn thép cán, với những chủng loại thép đang chiếm tỷ lệ lớn trong tổng nhu cầu thép của xã hội như thép tròn, một số loại thép hình, thép tấm, v.v.; ở giai đoạn II (đến năm 2010) phấn đấu đạt sản lượng khoảng 7,5 đến 8 triệu tấn, tuy nhiên cần tính toán kỹ hơn cho phù hợp với khả năng phát triển mới.

3. Để thực hiện được mục tiêu trong giai đoạn I, ngoài những cơ sở sản xuất hiện có và những cơ sở liên doanh sẽ đưa vào sản xuất vào cuối năm 1995 và đầu năm 1996, cần tính toán xây dựng thêm một vài nhà máy cán thép tấm trên cơ sở nhập phôi của nước ngoài, với công nghệ tiên tiến, sử dụng được nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước; xây dựng

một vài cơ sở sản xuất phôi thép để thay thế dần nguồn phôi nhập ngoại theo hướng giai đoạn đầu dùng công nghệ lò điện, luyện thép từ thép phế liệu, sau sẽ sử dụng quặng hoàn nguyên trực tiếp (từ quặng và khí trong nước) để thay thế dần thép phế liệu.

Để thực hiện mục tiêu phát triển của giai đoạn II (7,5 - 8 triệu tấn thép), phải chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình liên hợp luyện kim và sản xuất thép bằng công nghệ đi từ quặng sắt (có thể nhập quặng trong một số năm đầu) công suất cỡ 2-3 triệu tấn thép/năm (sau đó mở rộng lên 5-6 triệu tấn/năm). Khẩn trương hoàn thành báo cáo khả thi về việc đưa mỏ sắt Thạch Khê vào khai thác cung cấp quặng cho nhà máy.

4. Ngoài việc đáp ứng đủ thép xây dựng thông dụng, ngành thép phải quan tâm xây dựng nhà máy chuyên sản xuất các loại thép chất lượng cao, thép hợp kim và một số loại thép đặc biệt khác phục vụ ngành chế tạo máy và công nghiệp quốc phòng.

5. Việc phát triển ngành thép đòi hỏi phải có trình độ kỹ thuật cao và nguồn vốn lớn, bởi vậy trong vòng 10-15 năm tới, phải liên doanh với các công ty nước ngoài. Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho ngành thép có vốn góp vào các xí nghiệp liên doanh sẽ được xây dựng trong giai đoạn I.

6. Về việc sử dụng 170 triệu USD vay của Trung Quốc, nếu đầu tư mở rộng sản xuất thép tại Công ty gang thép Thái Nguyên không có hiệu quả thì có thể nghiên cứu sử dụng nguồn vốn này xây dựng các cơ sở cán thép mới và xây dựng xí nghiệp đúc - rèn - ép các chi tiết máy lớn để tạo phôi

cung cấp cho ngành chế tạo cơ khí trong cả nước, trên nguyên tắc việc vay vốn phải thực sự đem lại hiệu quả kinh tế.

7. Việc đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và khoa học - kỹ thuật, công nhân lành nghề có đủ trình độ tiếp nhận những trang thiết bị hiện đại và công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực luyện kim nhằm thực hiện chiến lược phát triển sản xuất thép tới năm 2010 là một đòi hỏi rất bức thiết. Ban cán sự đảng các bộ, ngành có liên quan cần có kế hoạch đào tạo hằng năm tại các trường trong nước và gửi đào tạo tại nước ngoài.

8. Vật liệu phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá đất nước rất đa dạng. Chính phủ cần chỉ đạo ngành thép và các ngành liên quan thực hiện tốt chiến lược phát triển sản xuất thép từ nay tới năm 2010, đồng thời nghiên cứu tạo ra những loại vật liệu mới đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 114-TB/TW, ngày 8 tháng 5 năm 1995

Về địa điểm tổ chức tang lễ cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước, đoàn thể khi từ trần

Để cải tiến các thủ tục và hình thức tổ chức các nghi lễ nhà nước theo tinh thần ngày càng hợp lý và tiết kiệm, theo sự nhất trí đề nghị của các đồng chí Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư, Bộ Chính trị quyết định từ nay địa điểm tổ chức tang lễ (quàn thi hài, viếng và truy điệu...) đối với cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước và đoàn thể nhân dân khi từ trần như sau:

Nói chung cán bộ mất ở đâu (địa phương nào, bệnh viện nào) thì tổ chức tang lễ tại đó. Đối với cán bộ cao cấp ở Trung ương và Hà Nội khi từ trần (kể cả cán bộ lãnh đạo cao cấp nhất của Đảng, Nhà nước), nơi tổ chức tang lễ là Nhà tang lễ của Bệnh viện Hữu nghị và Nhà tang lễ Viện Quân y 108, Hà Nội.

Nhằm đáp ứng yêu cầu nói trên, Chính phủ cần sớm cho xây dựng lại, mở rộng và nâng cấp Nhà tang lễ ở Bệnh viện Hữu nghị. Trong khi chưa xây dựng xong Nhà tang lễ mới ở

Bệnh viện Hữu nghị, tang lễ các cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước và đoàn thể mất tại Bệnh viện Hữu nghị sẽ tổ chức tại Hội trường số 10 Nguyễn Cảnh Chân, Hà Nội hoặc tại trụ sở của cơ quan chủ quản. Từ nay không tổ chức tang lễ, kể cả quốc tang tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội.

Chính phủ chuẩn bị một địa điểm tại một bệnh viện ở thành phố Hồ Chí Minh làm Nhà tang lễ của Trung ương ở thành phố Hồ Chí Minh.

Đề nghị đồng chí Thủ tướng Chính phủ căn cứ vào tinh thần trên đây ban hành những quy định thích hợp về mặt nhà nước.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 100-QĐ/TW, ngày 3 tháng 6 năm 1995

Về việc tổ chức trung tâm bồi dưỡng chính trị ở cấp huyện

Nhằm tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, thường xuyên bồi dưỡng đường lối, chính sách của Đảng cho cán bộ, đảng viên, bảo đảm tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục lý luận chính trị, nâng cao trình độ kiến thức và nghiệp vụ cho cán bộ đảng, chính quyền và đoàn thể công tác trên địa bàn huyện,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

1. Mỗi huyện, quận, thị xã và thành phố trực thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương thành lập *trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện (quận, thị xã, thành phố).* Những nơi có trường đảng huyện hoặc trung tâm giáo dục chính trị hoặc hình thức tổ chức khác nay tổ chức lại thành trung tâm bồi dưỡng chính trị theo quyết định này.

Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện (quận, thị xã, thành phố) có nhiệm vụ:

a. Tổ chức bồi dưỡng về lý luận chính trị, nội dung các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ trên địa bàn huyện (quận, thị xã, thành phố) không thuộc đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của trường tỉnh, trước hết là bí thư chi bộ, trưởng thôn, trưởng bản, các đối tượng phát triển đảng viên, đảng viên mới...

b. Tổ chức thông tin khoa học, thời sự, chính sách cho đội ngũ báo cáo viên ở cơ sở để qua đó thông tin cho cán bộ, đảng viên trên địa bàn huyện.

c. Thực hiện một số nhiệm vụ bồi dưỡng khác xuất phát từ nhu cầu thực tế của địa phương, do cấp ủy quy định.

2. Bộ máy trung tâm bồi dưỡng chính trị có giám đốc (có thể bố trí trưởng ban tuyên giáo kiêm giám đốc trung tâm), giáo vụ, hành chính với biên chế gọn nhẹ không quá 5 người, điều chỉnh trong số cán bộ hiện có trong biên chế của cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể chính trị (không tăng thêm tổng số biên chế). Trung tâm có đội ngũ giáo viên kiêm chức và có chế độ mời cộng tác viên.

Trung tâm là đơn vị sự nghiệp, có tài khoản, có con dấu riêng. Kinh phí hoạt động của trung tâm thuộc ngân sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hằng năm và dài hạn của Nhà nước.

3. Trung tâm do cấp uỷ huyện (quận, thị xã, thành phố) quyết định thành lập và trực tiếp lãnh đạo. Uỷ ban nhân dân huyện quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị và cấp kinh phí hoạt động. Ban tuyên giáo huyện (quận, thị xã, thành phố) giúp cấp uỷ quản lý về nội dung các hoạt động của trung tâm theo

sự chỉ đạo của ban tuyên giáo tỉnh (thành phố) và Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương.

4. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Cán sự Đảng Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương phối hợp với các cơ quan hữu quan của Nhà nước hướng dẫn về quy chế tổ chức các trung tâm, hướng dẫn các chế độ về tài chính, biên chế, chế độ áp dụng đối với giám đốc, giảng viên kiêm chức, cộng tác viên và học viên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất của trung tâm theo chế độ hiện hành của Đảng và Nhà nước.

5. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Cán sự Đảng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Văn phòng Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 116-TB/TW, ngày 7 tháng 6 năm 1995

Về tổ chức, vận động giới công thương gia trong giai đoạn mới

Sau khi nghe Ban Dân vận Trung ương báo cáo đề án về tổ chức vận động giới công thương gia trong giai đoạn mới, *Bộ Chính trị có ý kiến kết luận như sau:*

1. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* của Đảng ta đã xác định trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta cần phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Quan điểm trên đây đã được thể hiện trong *Hiến pháp* của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách và quy định cụ thể khuyến khích các thành phần kinh tế cùng phát triển, bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp của các nhà kinh doanh tư nhân.

2. Kinh tế tư bản tư nhân ở nước ta đang phát triển nhanh và có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát

triển đất nước; bên cạnh đó, trong hoạt động của kinh tế tư nhân cũng có những biểu hiện tiêu cực.

Cần có chính sách hướng dẫn kinh tế tư nhân phát triển theo con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới hình thức các doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp đa sở hữu, trong đó có cổ phần của Nhà nước. Cần tập hợp, thu hút các nhà doanh nghiệp vào tổ chức và bằng các chính sách thích hợp mà tăng cường giáo dục, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của họ, hướng họ phục vụ mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Với mục đích trên đây, cần thành lập các hiệp hội theo ngành nghề (có thể đa ngành, liên ngành) với sự tham gia của các nhà doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Các hiệp hội nói trên hoạt động trong khuôn khổ *Hiến pháp* và pháp luật, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước, có thể tham gia Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam.

Giao cho Đảng đoàn Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam nghiên cứu việc thành lập các phòng thương mại ở một số tỉnh, thành phố để trình Ban Bí thư xem xét.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ ĐỨC ANH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 117-TB/TW, ngày 7 tháng 6 năm 1995

Về thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ODA cho các công trình giao thông đường bộ

Sau khi nghe các cơ quan chức năng báo cáo tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn ODA cho việc cải tạo và xây dựng cầu, đường, bến cảng trong ngành giao thông vận tải và một số vấn đề liên quan, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Các công trình kết cấu hạ tầng về giao thông đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. Các dự án cần được tính toán kỹ lưỡng, phù hợp với quy hoạch phát triển lâu dài. Việc xây dựng cần tiến hành đồng bộ trên từng tuyến để sớm phát huy hiệu quả.

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2000 cần ưu tiên tập trung cho các công trình chủ yếu sau đây về đường bộ:

- Quốc lộ 1 từ Mục Nam Quan đến Năm Căn, đây là công trình trọng điểm số 1.
- Quốc lộ 5 từ Hà Nội đi Hải Phòng.
- Đường vành đai 3 Thủ đô Hà Nội.
- Xa lộ từ Nội Bài, Bắc Ninh đi thành phố Hạ Long.

- Quốc lộ 14B và 14 từ Đà Nẵng lên Tây Nguyên vào Chơn Thành.

- Xa lộ nối thành phố Hồ Chí Minh với thành phố Vũng Tàu.

2. Quá trình đàm phán để ký kết các hiệp định vay vốn ODA cần tuân thủ luật pháp và những chính sách của Nhà nước ta, đồng thời tôn trọng thông lệ quốc tế và các yêu cầu hợp lý của bên cho vay.

3. Việc xét duyệt các dự án cần được tiến hành nghiêm túc, cân nhắc kỹ hiệu quả, nhưng cần tiến hành nhanh chóng, chống những thủ tục phiền hà.

4. Cần có biện pháp và tạo mọi điều kiện để các đơn vị thi công Việt Nam có thể thắng thầu đúng theo thông lệ quốc tế. Cần quan tâm đầu tư tăng cường thiết bị thi công hiện đại cho các đơn vị Việt Nam tham gia đấu thầu.

5. Quá trình thực hiện các dự án cần bảo đảm mục tiêu: chất lượng, tiến độ, hiệu quả; phải kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí, thực hiện mọi biện pháp để giảm chi phí không cần thiết. Tận dụng tối đa lao động và phương tiện kỹ thuật có trong nước, hạn chế nhập khẩu vật tư và sử dụng nhân công bên ngoài nếu trong nước đáp ứng được.

6. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng theo tinh thần hợp lý, tiết kiệm, Nhà nước và nhân dân cùng chia sẻ trách nhiệm để dồn vốn vay của nước ngoài cho việc trực tiếp cải tạo nâng cấp và xây dựng các công trình. Có thể dùng quỹ đất công hoặc đất 5% để di chuyển dân đến chỗ ở mới, Nhà nước chỉ hỗ trợ kinh phí di chuyển và đền bù hoa màu. Phương án giải phóng mặt bằng và chính sách đền bù cần thực hiện tổng thể, công bố rõ

ràng cho nhân dân biết và vận động toàn dân cùng tham gia thực hiện.

Căn cứ vào quy hoạch lâu dài xác định chỉ giới hành lang an toàn giao thông, sớm có quy định và các biện pháp kiên quyết ngăn chặn việc xây dựng các công trình kiến trúc trong hành lang an toàn nhằm hạn chế lãng phí tiền của của Nhà nước và nhân dân sau này khi Nhà nước nâng cấp các tuyến đường giao thông này.

7. Vốn ODA tuy được vay với lãi suất thấp song ta vẫn phải trả nợ, vì vậy cần có phương án tiến hành thu phí giao thông sau khi hoàn thành, đưa vào sử dụng các công trình, kể cả công trình làm mới và công trình khôi phục, cải tạo nâng cấp, để có vốn trả nợ từng phần, bảo đảm công tác duy tu bảo dưỡng và góp phần phát triển thêm các công trình mới; hình thức tổ chức thu phí phải văn minh, hiện đại.

8. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Giao thông vận tải hoàn thiện quy hoạch phát triển tổng thể, đồng bộ ngành giao thông vận tải để báo cáo Bộ Chính trị trong thời gian tới.

Các dự án lớn sử dụng vốn ODA cần báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ ĐỨC ANH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 121-TB/TW, ngày 14 tháng 7 năm 1995

Về việc thi hành pháp luật đất đai trong nông nghiệp

Sau khi nghe các cơ quan chức năng báo cáo tình hình thi hành pháp luật đất đai trong nông nghiệp, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Thời gian qua, việc thi hành pháp luật đất đai trong nông nghiệp đã đem lại sự phấn khởi cho nông dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, bảo đảm sự ổn định của đất nước. Tuy vậy, quá trình tổ chức thi hành pháp luật đất đai cũng có không ít thiếu sót, khuyết điểm và những vấn đề tồn tại cần khắc phục như: chỉ đạo thực hiện pháp luật đất đai chưa chặt chẽ, kiên quyết, nhiều nơi vận dụng luật pháp còn tuỳ tiện; mua bán đất ngoài sự kiểm soát của Nhà nước; bán đất công lấy tiền chi tiêu sai chế độ chính sách hoặc vì lợi ích riêng... ngày càng trở nên phổ biến và nghiêm trọng. Một số nơi nhiều hộ nông dân không có hoặc có quá ít đất để sản xuất, trong khi đó có một số hộ không phải do khai hoang, phục hoá mà lại có ruộng đất vượt hạn mức diện tích luật pháp quy định (mức hạn điền). Nhiều xã

để đất công ích vượt xa tỷ lệ quy định, có nơi tới 25% diện tích đất nông nghiệp; không ít nơi đang có hiện tượng sử dụng đất sai mục đích; đất nông nghiệp, nhất là đất trồng lúa ở nhiều nơi có xu hướng giảm sút nhanh...

Để khắc phục những tình trạng trên đây, thời gian tới cần tập trung làm tốt một số việc sau:

1. Chính phủ cần chỉ đạo tốt việc xây dựng quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đai trong toàn quốc và ở từng địa phương, theo đúng pháp luật đất đai, phù hợp với chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tích cực mở rộng diện tích đất nông nghiệp thông qua việc khai hoang, phục hoá đất trống, đồi núi trọc, bãi bồi ven sông, biển; đẩy mạnh việc cải tạo diện tích ruộng một vụ thành ruộng hai vụ trở lên. Có chính sách chủ động hướng dẫn quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất một cách hợp lý, theo phương châm ai giỏi nghề gì làm nghề ấy, trên cơ sở phân công lại lao động phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

2. Hiện nay, việc giải phóng mặt bằng để làm đường giao thông, xây dựng công nghiệp, phát triển đô thị... chưa có chính sách nhất quán, rõ ràng nên thời gian tiến hành bị kéo dài, tiền đền bù quá lớn. Chính phủ cần sớm nghiên cứu ban hành chính sách về vấn đề này trên tinh thần: đất đai thuộc sở hữu toàn dân, nhà nước giao cho nông dân quyền sử dụng đất, khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, Nhà nước đền bù thiệt hại cho người bị thu hồi đất chứ không phải là mua lại đất của nông dân. Nhà nước tạo điều kiện

giúp người bị thu hồi đất có đất khác để sản xuất, hoặc chuyển sang ngành nghề mới.

3. Việc chuyển đất trồng lúa sang dùng vào mục đích sử dụng khác như trồng cây công nghiệp, xây dựng công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, phát triển đô thị, làm nhà ở, v.v., cần được tính toán, quy hoạch, chỉ đạo chặt chẽ, hết sức tiết kiệm diện tích đất trồng lúa, đảm bảo an toàn lương thực cho đất nước trước mắt và lâu dài; khuyến khích sử dụng đất phi nông nghiệp, đất không trồng lúa hoặc trồng lúa năng suất thấp vào các mục đích nói trên.

4. Việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài (nhất là cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất) phải thi hành đúng luật đất đai và các quy định hiện hành của Nhà nước. Ngăn chặn việc lạm dụng các quyền của người sử dụng đất để mua bán đất trái phép. Đồng thời, trong quá trình tổ chức thi hành luật phải chú trọng điều chỉnh, bổ sung để luật pháp ngày càng phù hợp với thực tế cuộc sống.

5. Phải chấm dứt tình trạng các cấp chính quyền, các tổ chức và cá nhân chiếm dụng đất trái phép, tuỳ tiện mua bán đất, cấp đất sai quy định, tham nhũng, sử dụng đất đai để xây dựng không theo quy hoạch. Kiểm kê lại quỹ đất dành cho nhu cầu công ích của địa phương, làm rõ tình hình sử dụng quỹ đất công ích ở các địa phương hiện nay; phát hiện và xử lý nghiêm minh các trường hợp tham ô, lợi dụng, sử dụng sai mục đích quỹ đất này; bảo đảm tỷ lệ tối đa không vượt quá mức luật đã quy định.

6. Tìm các giải pháp tích cực để người làm nghề nông cần đất đều có đất sản xuất như khai hoang, phục hoá, làm thuỷ

lợi để mở rộng diện tích canh tác tại chỗ, tạo cơ chế, chính sách thuận lợi để họ đi xây dựng vùng kinh tế mới, phát triển ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ... phân bố lại lực lượng lao động nông thôn một cách hợp lý. Những hộ có diện tích vượt mức hạn điền mà phần vượt là không hợp pháp, hoặc hợp pháp nhưng họ không trực tiếp sử dụng để sản xuất mà đem phát canh thu tô thì kiên quyết thu hồi và sử dụng theo quy định của Chính phủ.

7. Nghiên cứu việc thành lập một tổ chức có sự tham gia của các bộ, ban, ngành và hội nông dân để giúp Chính phủ trong việc chỉ đạo thực hiện pháp luật đất đai, làm nhiệm vụ: thường trực, tham mưu cho Chính phủ và phối hợp hoạt động của các cơ quan nhà nước và đoàn thể nhân dân trong quá trình thực hiện.

8. Giao cho đồng chí Nguyễn Hà Phan chủ trì phối hợp với các đồng chí Trần Đức Lương, Nguyễn Công Tạn tổ chức một cuộc họp với các đồng chí lãnh đạo tỉnh, thành uỷ để góp ý kiến hoàn chỉnh dự thảo báo cáo tình hình sử dụng đất và thi hành pháp luật đất đai trong nông nghiệp và đề xuất với Đảng và Nhà nước những chủ trương cần thiết.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 122-TB/TW, ngày 25 tháng 7 năm 1995

Về một số vấn đề của Điều lệ Đảng trình Đại hội VIII

Tại phiên họp trong các ngày 7, 8 và 10, 11-7-1995, Bộ Chính trị đã thảo luận và biểu quyết một số điểm cụ thể trong dự thảo *Điều lệ Đảng* sửa đổi bổ sung chuẩn bị trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII. Sau đó văn bản dự thảo kết luận đã được gửi xin ý kiến Bộ Chính trị.

Đến ngày 18-7-1995, cả 17 đồng chí trong Bộ Chính trị đã có ý kiến đối với bản dự thảo kết luận.

Trong đó:

- 11 đồng chí hoàn toàn nhất trí như dự thảo.
- 4 đồng chí sửa một số câu chữ.
- 1 đồng chí đề nghị bổ sung quy định về nhiệm kỳ của chi bộ thuộc đảng bộ cơ sở, bỏ ý giải thích về đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân... ý kiến này đã được tiếp thu trong khi sửa lại bản dự thảo kết luận.
- 1 đồng chí đề nghị cần thảo luận thêm về vấn đề chủ

nghĩa cộng sản trong mục đích của Đảng; đưa vào *Điều lệ* vấn đề xử lý đảng viên đang làm kinh tế tư bản tư nhân, vấn đề chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các tổ chức đảng đoàn, ban cán sự, đảng uỷ khối.

Những điểm này sẽ được tổ chức trao đổi tiếp khi Bộ Chính trị thảo luận về những vấn đề quan trọng hoặc còn có ý kiến khác nhau trong Báo cáo chính trị.

Căn cứ các ý kiến đã thảo luận và biểu quyết, Bộ Chính trị kết luận:

I- VỀ TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH (PHẦN MỞ ĐẦU)

1. Về cấu trúc trình bày theo thứ tự như sau:

- Thành tựu và truyền thống;
- Bản chất của Đảng;
- Mục đích của Đảng;
- Nền tảng tư tưởng;
- Nguyên tắc tổ chức;
- Liên hệ với quần chúng;
- Chủ nghĩa yêu nước và quốc tế.

2. Về mục đích của Đảng diễn đạt như sau:

Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

II- VỀ ĐẢNG VIÊN

1. Về cụm từ "không bóc lột": giữ lại cụm từ này trong *Điều lệ,* nhưng không ghi ở tiêu chuẩn kết nạp đảng viên mà ghi ở nhiệm vụ đảng viên.

2. Về đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân:

Về nguyên tắc đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân.

Trường hợp đảng viên đang làm kinh tế tư bản tư nhân thì Bộ Chính trị quy định giải quyết cụ thể theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VII và Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng.

Không ghi vấn đề này vào *Điều lệ Đảng*.

3. Về việc phát thẻ đảng viên:

Vẫn thực hiện phát thẻ đảng viên như quy định hiện hành, nhưng cần cải tiến hình thức thẻ cho đơn giản, sử dụng tiện lợi hơn.

4. Về thời gian dự bị:

Giữ quy định về thời kỳ dự bị của đảng viên mới kết nạp như *Điều lệ* hiện hành.

III- VỀ CẤP UỶ

1. Về hiệu lực của cấp uỷ mới được bầu:

Cấp uỷ mới điều hành công việc ngay sau khi được bầu, nhưng chỉ có hiệu lực đầy đủ khi được cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y.

2. Về uỷ viên dự khuyết các cấp uỷ:

Giữ quy định của *Điều lệ* hiện hành: không bầu uỷ viên dự khuyết các cấp uỷ.

3. Về Ban Bí thư và Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư:

Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì cùng Văn phòng

Trung ương chuẩn bị đề án về vấn đề này trình Bộ Chính trị bàn tiếp.

4. Về đại hội Đảng:

Đồng ý quy định khi cần thiết thì Ban Chấp hành triệu tập đại biểu đã dự Đại hội Đảng trong nhiệm kỳ còn đủ tư cách đại biểu để thảo luận, quyết định một số vấn đề lớn, quan trọng (kể cả bầu bổ sung cấp uỷ).

Bỏ quy định về hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ.

IV- VỀ TỔ CHỨC

1. Về nhiệm kỳ đại hội cấp uỷ cơ sở:

Nhiệm kỳ Đại hội cấp cơ sở thực hiện thống nhất 5 năm một lần; chi bộ trực thuộc đảng uỷ một năm một lần.

2. Về đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ khối:

Đồng ý quy định như *Điều lệ* dự thảo: Trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội có đảng đoàn, ban cán sự đảng. Chức năng nhiệm vụ và mối quan hệ do Bộ Chính trị quy định.

Về đảng uỷ khối yêu cầu tiểu ban chuẩn bị các phương án để Bộ Chính trị bàn tiếp.

V- VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, KỶ LUẬT

1. Về tên gọi của Uỷ ban kiểm tra:

Giữ tên gọi như *Điều lệ* hiện hành là *uỷ ban kiểm tra.*

2. Uỷ ban kiểm tra do ai bầu, cơ cấu của Uỷ ban kiểm tra?

Giữ như quy định của *Điều lệ* hiện hành: Uỷ ban kiểm

tra do ban chấp hành bầu, gồm một số đồng chí trong và ngoài cấp uỷ.

Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Trung ương là Uỷ viên Bộ Chính trị; ở các cấp là uỷ viên thường vụ, song không ghi điểm này vào *Điều lệ*.

3. Về thẩm quyền của Uỷ ban kiểm tra:

Giữ tổ chức Uỷ ban kiểm tra như hiện nay nhưng giao thêm thẩm quyền xử lý kỷ luật cho Uỷ ban kiểm tra.

4. Về Uỷ ban Giám sát:

Tiểu ban chuẩn bị phương án về Uỷ ban giám sát và quan hệ giữa tổ chức kiểm tra của Đảng và thanh tra của Nhà nước để khi cần thiết trình Đại hội VIII xem xét.

Không ghi vấn đề này vào *Điều lệ Đảng*.

5. Về hình thức kỷ luật đảng viên:

- Giữ quy định các hình thức kỷ luật như *Điều lệ* hiện hành.

- Việc cách chức đảng viên giữ nhiều chức vụ phải tuỳ mức độ, tính chất vi phạm mà cách một hay nhiều chức.

- Khi tổ chức đảng bị kỷ luật, từng thành viên không bị kỷ luật tương ứng, mà chỉ có thành viên nào vi phạm thì mới xử lý kỷ luật.

6. Về quy trình thi hành kỷ luật đối với đảng viên vi phạm pháp luật:

Tuỳ tình hình mà xử lý kỷ luật trước hay sau khi tuyên án, tuỳ trường hợp mà tạm đình chỉ sinh hoạt đảng, chức vụ trước khi truy tố.

Không ghi quy định này vào *Điều lệ*.

7. Đảng viên bị khai trừ do bị án tù, khi hết thời gian thi hành án, nếu đủ điều kiện có được phục hồi đảng tịch hay chỉ được kết nạp lại và sau thời gian bao lâu thì được kết nạp lại?

Tuỳ tính chất, mức độ sai phạm cụ thể mà quy định phục hồi đảng tịch, cắt bớt tuổi đảng, hay kết nạp lại.

Không ghi quy định này vào *Điều lệ*.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 11-NQ/TW, ngày 8 tháng 8 năm 1995

Về xây dựng Bộ đội Biên phòng trong tình hình mới

I.

Từ ngày được thành lập đến nay, Bộ đội Biên phòng đã trải qua một quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, đã phấn đấu khắc phục nhiều khó khăn, chịu đựng nhiều hy sinh, gian khổ, chấp hành tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền và lãnh thổ biên giới quốc gia, làm nòng cốt giữ gìn an ninh trật tự ở các vùng biên giới trên đất liền và biển đảo, tích cực tham gia xây dựng cơ sở chính trị và thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội, góp phần đoàn kết đồng bào các dân tộc, củng cố vùng biên giới của Tổ quốc ngày càng vững mạnh.

Tuy nhiên, tổ chức của Bộ đội Biên phòng qua mấy lần thay đổi chưa thật ổn định, tư tưởng một số cán bộ, chiến sĩ chưa thật yên tâm, đời sống chậm được cải thiện, còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất và trang bị kỹ thuật. Các văn bản pháp luật làm cơ sở cho tổ chức và hoạt động của Bộ đội Biên

phòng chưa đầy đủ, chưa tạo được sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ đội Biên phòng và các lực lượng, các ngành, các địa phương nên chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp trong nhiệm vụ quản lý và bảo vệ vùng biên giới quốc gia.

Nhiệm vụ biên phòng trong tình hình mới rất toàn diện và phức tạp, bao gồm: bảo vệ biên giới trên bộ, trên biển, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội, chống xâm nhập trái phép và chống buôn lậu qua biên giới, bảo vệ tài nguyên của đất nước; xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển với các nước láng giềng. Đó là nhiệm vụ rất to lớn, nặng nề và lâu dài nhằm góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của nhân dân ta là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân, của tất cả các ngành, các cấp của Nhà nước và các đoàn thể. Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng chủ trì trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền và an ninh biên giới quốc gia theo nhiệm vụ và quyền hạn được Nhà nước giao. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chỉ huy, quản lý toàn diện Bộ đội Biên phòng và chỉ đạo Bộ đội Biên phòng quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt trong các lực lượng bảo vệ, quản lý, giữ gìn an ninh trật tự biên giới của Tổ quốc, là lực lượng thành viên của các khu vực phòng thủ tỉnh, huyện biên giới. Bộ đội Biên phòng cần được xây dựng vững mạnh theo phương hướng: cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có chất lượng cao, số lượng phù hợp, tổ chức hợp lý, chức năng nhiệm vụ rõ ràng.

Để Bộ đội Biên phòng đảm đương được tốt vai trò nòng cốt huy động và phối hợp với các lực lượng vũ trang khác, các ngành, các đoàn thể và nhân dân địa phương trong nhiệm vụ bảo vệ và quản lý vùng biên giới quốc gia, *Bộ Chính trị quyết định chuyển Bộ đội Biên phòng từ Bộ Nội vụ về Bộ Quốc phòng và xác định một số vấn đề cơ bản về tổ chức, xây dựng và cơ chế hoạt động của Bộ đội Biên phòng trong tình hình mới.*

II- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG

Bộ đội Biên phòng là một lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng và Nhà nước, là một thành phần của Quân đội nhân dân Việt Nam, làm nòng cốt chuyên trách quản lý, bảo vệ chủ quyền và an ninh biên giới quốc gia, theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao; đồng thời là một lực lượng thành viên của các khu vực phòng thủ tỉnh, huyện biên giới.

Căn cứ vào chức năng của Bộ Quốc phòng trong công tác biên phòng, Bộ đội Biên phòng có các nhiệm vụ chủ yếu:

1. Tổ chức quản lý, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc ở khu vực biên giới trên bộ và trên biển, bảo vệ an ninh biên giới quốc gia, bảo vệ lợi ích và tài nguyên quốc gia trên khu vực này, ngăn chặn mọi hành động xâm phạm và làm thay đổi đường biên giới quốc gia.

2. Tổ chức kiểm tra thực hiện pháp luật về biên giới quốc gia trên bộ và trên biển thuộc chủ quyền của Nhà nước Việt Nam, kiểm soát việc xuất nhập cảnh qua các cửa khẩu biên giới và qua các đường qua lại biên giới, ngăn chặn

và xử lý các hành động vi phạm pháp luật về biên giới. Trên vùng biển Bộ đội Biên phòng làm nhiệm vụ biên phòng trong phạm vi ranh giới được Nhà nước phân công.

3. Tổ chức thực hiện quan hệ phối hợp với lực lượng biên phòng nước láng giềng để thi hành các điều ước quốc tế, các hiệp ước, hiệp định với từng nước láng giềng trong quan hệ biên giới; xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác, góp phần xây dựng quan hệ các nước láng giềng thân thiện, và giữa nhân dân hai bên biên giới; đấu tranh ngăn chặn mọi hành động làm phương hại đến quan hệ biên giới giữa hai nước và xâm phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

4. Đấu tranh chống âm mưu và hành động của các thế lực thù địch, các bọn phản cách mạng phá hoại biên giới quốc gia, giữ gìn vững chắc an ninh ở khu vực biên giới của Tổ quốc. Chiến đấu chống các bọn tội phạm có vũ trang, bọn thổ phỉ, hải phỉ, biệt kích phá rối an ninh, gây bạo loạn ở vùng biên giới.

5. Trực tiếp và phối hợp với các lực lượng, các ngành có chức năng của Nhà nước đấu tranh chống bọn buôn lậu qua biên giới và các bọn tội phạm khác, bảo vệ lợi ích quốc gia và lợi ích của nhân dân, bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên khu vực biên giới.

6. Liên hệ chặt chẽ với quần chúng, dựa vào quần chúng để thực hiện nhiệm vụ, đồng thời tuyên truyền vận động nhân dân vùng biên giới, tăng cường đoàn kết dân tộc, thực hiện các chủ trương và chương trình kinh tế, xã hội của Đảng và Nhà nước, tích cực xây dựng cơ sở chính trị,

xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh, gắn với thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trên vùng biên giới.

7. Phối hợp với các đơn vị vũ trang khác và nhân dân chiến đấu chống quân xâm lược gây xung đột vũ trang và tiến hành chiến tranh.

Để thực hiện chức năng và các nhiệm vụ trên, bộ đội biên phòng được Nhà nước giao cho quyền thừa hành pháp luật, thực hiện quản lý nhà nước đối với biên giới quốc gia trên bộ và trên biển theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao, trên địa bàn quy định, có quyền xử phạt hành chính, quyền điều tra tố tụng hình sự và được quyền bố trí và sử dụng lực lượng thích hợp để chấp hành nhiệm vụ.

III- VỀ NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG

Bộ đội Biên phòng được tổ chức, chỉ huy thống nhất từ trung ương đến đơn vị cơ sở, trực thuộc sự chỉ huy và quản lý toàn diện của Bộ Quốc phòng.

Hệ thống tổ chức của Bộ đội Biên phòng cùng với các cơ chế lãnh đạo, chỉ huy và phối hợp giữa các lực lượng và các ngành, các cấp phải bảo đảm *tạo nên sự chỉ huy thống nhất, thông suốt, nhanh chóng và có hiệu lực trong công tác biên phòng, đồng thời phối hợp được chặt chẽ các lực lượng, các ngành có liên quan và nhân dân tạo nên sức mạnh tổng hợp của nền biên phòng toàn dân vững mạnh.*

Trong tổ chức, xây dựng bộ đội biên phòng cần chú trọng:

- *Ở Bộ Quốc phòng,* Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng làm tham mưu cho Bộ Quốc phòng và chỉ huy, quản lý bộ đội biên phòng trên cả nước, chịu trách nhiệm trước Bộ Quốc phòng

về toàn bộ công tác biên phòng và xây dựng Bộ đội Biên phòng. Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Bộ trưởng Quốc phòng và sự chỉ đạo nghiệp vụ của các cơ quan chức năng thuộc Bộ Quốc phòng.

- *Ở các tỉnh, thành có biên giới* có bộ chỉ huy biên phòng tỉnh, thành. Chỉ huy trưởng biên phòng đồng thời là phó chỉ huy trưởng về quân sự tỉnh, thành, chịu trách nhiệm trước Bộ Tư lệnh biên phòng về công tác biên phòng và xây dựng Bộ đội Biên phòng trong phạm vi tỉnh, thành; đồng thời chịu sự chỉ huy về mặt phòng thủ tác chiến, bảo vệ biên giới của bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành.

- *Ở cơ sở* có các đồn, trạm biên phòng, hải đoàn, hải đội biên phòng... Các đơn vị này trực thuộc sự chỉ huy, quản lý của chỉ huy trưởng biên phòng tỉnh, thành.

- Bộ đội biên phòng hoạt động trên địa bàn biên giới đất liền và biển đảo chịu sự chỉ huy, chỉ đạo của tư lệnh quân khu, chỉ huy trưởng quân sự tỉnh, thành, chỉ huy trưởng vùng hải quân về kế hoạch bố trí phòng thủ tác chiến, hiệp đồng tác chiến và chấp hành nhiệm vụ tác chiến khi xảy ra xung đột vũ trang hoặc chiến tranh xâm lược. Nhiệm vụ và quyền hạn của tư lệnh quân khu về mặt quản lý, giữ gìn trật tự an ninh trên vùng biên giới sẽ do Bộ Quốc phòng xác định cụ thể trong mối quan hệ làm việc với Bộ Quốc phòng và với Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

IV- VỀ TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CƠ CHẾ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG

Đảng uỷ Quân sự Trung ương thống nhất lãnh đạo toàn bộ công tác biên phòng và xây dựng bộ đội biên phòng. Các

tỉnh uỷ, thành uỷ nơi có bộ đội biên phòng lãnh đạo bộ đội biên phòng tỉnh, thành thực hiện nhiệm vụ công tác biên phòng và xây dựng Bộ đội Biên phòng thông qua đảng uỷ biên phòng tỉnh, thành.

Hệ thống tổ chức đảng của Bộ đội Biên phòng như sau:

- *Ở cấp trung ương:* Tổ chức đảng ở các cơ quan, nhà trường và các đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng được tổ chức thành một đảng bộ thống nhất gọi là Đảng bộ Bộ đội Biên phòng đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng uỷ Quân sự Trung ương. *Đảng uỷ Bộ đội Biên phòng* lãnh đạo công tác biên phòng và xây dựng Bộ đội Biên phòng trên cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ Quân sự Trung ương. Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng điều hành công tác biên phòng toàn quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ Quân sự Trung ương và sự lãnh đạo, trực tiếp thường xuyên của Đảng uỷ Bộ đội Biên phòng.

- *Ở cấp tỉnh, thành có bộ đội biên phòng:* Tổ chức đảng ở các cơ quan, đơn vị trực thuộc và các đồn, trạm, cửa khẩu biên phòng được tổ chức thành *đảng bộ biên phòng tỉnh, thành* đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của tỉnh uỷ, thành uỷ và sự hướng dẫn về công tác xây dựng Đảng và công tác chính trị của cơ quan chính trị cấp trên. Chỉ huy trưởng biên phòng tỉnh, thành được chỉ định tham gia đảng uỷ quân sự tỉnh, thành.

- *Ở cấp cơ sở:* Tổ chức cơ sở đảng ở các đồn, trạm, cửa khẩu biên phòng, đơn vị trực thuộc... đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng uỷ biên phòng tỉnh, thành, nhưng hoạt động trên địa bàn nào phải giữ mối quan hệ và chịu sự chỉ đạo của huyện uỷ hoặc thị uỷ về mặt thực hiện các chủ trương và nhiệm vụ thuộc phạm vi thẩm quyền của đảng uỷ địa phương.

V- CƠ CHẾ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG

1. *Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân, của tất cả các ngành, các cấp của Nhà nước và các đoàn thể, Bộ Quốc phòng* có trách nhiệm chỉ huy, quản lý toàn diện Bộ đội Biên phòng để Bộ đội Biên phòng quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao. *Bộ Nội vụ* có trách nhiệm phối hợp với Bộ Quốc phòng trong chỉ đạo, hướng dẫn Bộ đội Biên phòng về mặt công tác an ninh, đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ an ninh, trang bị các khí tài nghiệp vụ an ninh cho Bộ đội Biên phòng và chỉ đạo các lực lượng, các ngành nghiệp vụ thuộc quyền phối hợp chặt chẽ với Bộ đội Biên phòng trong hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự xã hội ở các khu vực biên giới theo quy chế thống nhất giữa hai bộ. *Bộ Ngoại giao, Ban Biên giới của Chính phủ* có trách nhiệm phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn, bồi dưỡng cho Bộ đội Biên phòng về nghiệp vụ đối ngoại và pháp luật về biên giới.

Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Ban Biên giới Chính phủ và các bộ, các ngành có liên quan ban hành các quy chế phù hợp và tổ chức phối hợp hoạt động để chỉ đạo, hướng dẫn Bộ đội Biên phòng thực hiện tốt việc quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia.

2. Để đảm bảo Bộ đội Biên phòng đủ sức hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ trong tình hình mới, *cần ổn định tổ chức, xây dựng Bộ đội Biên phòng thực sự là một lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, có chất lượng cao, có quân số và tổ chức hợp lý.* Cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng phải được lựa chọn kỹ, bảo đảm

tin cậy về chính trị, được huấn luyện đào tạo chu đáo, có trình độ quân sự và trình độ nghiệp vụ về công tác biên phòng tốt, nắm vững pháp luật và quy chế biên giới, biết làm công tác vận động quần chúng để đảm đương vai trò nòng cốt trong nền biên phòng toàn dân. Trong Bộ đội Biên phòng nói chung, trước hết là trong đội ngũ sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp cần nâng cao tỷ lệ các đồng chí thuộc dân tộc ít người hoặc là người cư trú tại địa phương.

3. *Cần đầu tư bảo đảm các trang bị cần thiết cho Bộ đội Biên phòng* để đủ sức chấp hành nhiệm vụ, nhất là tàu thuyền, phương tiện thông tin, trang bị nghiệp vụ, xe máy... Có chế độ, chính sách chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của Bộ đội Biên phòng, nhất là các đơn vị ở các vùng sâu, vùng xa.

VI- VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. *Chính phủ sớm ra quyết định bàn giao* Bộ đội Biên phòng từ Bộ Nội vụ về Bộ Quốc phòng, chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng hướng dẫn bồi dưỡng cho Bộ đội Biên phòng các mặt công tác nghiệp vụ chuyên ngành và tăng cường bảo đảm các mặt để củng cố, kiện toàn Bộ đội Biên phòng.

2. *Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ* tổ chức việc bàn giao bảo đảm nhanh gọn, không để sơ hở, giải quyết tốt các vấn đề về chế độ, chính sách. Nhanh chóng ban hành quy chế về việc Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn công tác an ninh đối với Bộ đội Biên phòng và phối hợp giữa các lực lượng trong ngành công an với Bộ đội Biên phòng trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở khu vực biên giới.

3. *Đảng uỷ Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng* có kế hoạch toàn diện xây dựng Bộ đội Biên phòng trong tình hình mới, bảo đảm Bộ đội Biên phòng ngày càng vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

4. *Ban Bí thư* ra quyết định về tổ chức đảng trong Bộ đội Biên phòng.

5. *Các tỉnh uỷ, thành uỷ* (nơi có Bộ đội biên phòng) tăng cường sự lãnh đạo đối với Bộ đội Biên phòng, chỉ đạo sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ đội Biên phòng với các lực lượng, các ngành trong việc xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

6. *Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ* lãnh đạo việc xây dựng *Luật Biên giới quốc gia, Pháp lệnh về Bộ đội biên phòng* và các văn bản pháp luật cần thiết khác làm cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Bộ đội Biên phòng.

7. *Ban Bí thư* chỉ đạo Đảng uỷ Quân sự Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương và các ngành, các cấp triển khai thực hiện nghị quyết này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 57-CT/TW, ngày 8 tháng 8 năm 1995

Về hợp tác với nước ngoài về pháp luật, cải cách hành chính

Những năm gần đây, quan hệ hợp tác với nước ngoài về pháp luật, cải cách hành chính được phát triển và mở rộng. Qua hợp tác quốc tế, ta thu nhận được nhiều thông tin pháp lý và những kinh nghiệm cần thiết phục vụ công tác xây dựng, thi hành pháp luật; đào tạo, bồi dưỡng được một số cán bộ pháp lý chuyên ngành; góp phần giới thiệu với cộng đồng quốc tế về công cuộc đổi mới và pháp luật Việt Nam.

Tuy nhiên, do không có sự quản lý thống nhất, thiếu sự phối hợp giữa các bộ, ngành, cho nên việc hợp tác với nước ngoài về pháp luật và cải cách hành chính không có chương trình, kế hoạch đúng hướng hợp tác chung. Một số bộ, ngành chưa chuẩn bị kỹ nội dung cho các cuộc hội thảo, trao đổi kinh nghiệm, việc mời người nước ngoài vào và cử người tham gia hội thảo, hoặc định hướng hội thảo còn lúng túng, bị động; có trường hợp cán bộ ta tham gia hội thảo chưa bảo đảm giữ bí mật cần thiết đã "bộc bạch" hết những khiếm

khuyết của ta, phê phán một số quy định của ta; việc cử cán bộ đi nghiên cứu, học tập ở nước ngoài còn chắp vá, thiếu quy hoạch, có nơi nặng về giải quyết chính sách; việc quản lý, giám sát các văn phòng đại diện công ty luật nước ngoài chưa được chú ý.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách hành chính, Ban Bí thư yêu cầu các ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan chức năng và đoàn thể có quan hệ hợp tác với nước ngoài trên lĩnh vực này cần thực hiện tốt các chủ trương, biện pháp sau đây:

1. Công tác xây dựng pháp luật và cải cách hành chính vừa hệ trọng, vừa phức tạp, vừa đòi hỏi kiến thức nghiệp vụ pháp lý, vừa phải thấm nhuần sâu sắc bản chất của chế độ ta. Việc hợp tác quốc tế về xây dựng pháp luật, cải cách hành chính là cần thiết, nhưng phải giữ vững nguyên tắc độc lập tự chủ, tự lực, tự cường. Thực hiện đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ, nhưng phải trên cơ sở tuân thủ đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta. Hết sức cảnh giác với âm mưu diễn biến hoà bình của địch trong lĩnh vực này.

2. Coi trọng tổng kết thực tiễn Việt Nam, kế thừa và phát huy những tinh hoa giá trị của ông cha ta về pháp luật, chọn lọc những kinh nghiệm tốt của các nước để vận dụng vào thực tiễn Việt Nam, tránh sao chép rập khuôn. Chú trọng mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực, nhất là đối với các nước láng giềng.

3. Các cơ quan có quan hệ hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm lựa chọn nội dung, đối tác và hình thức hợp tác (cố vấn, thuê công ty luật, tổ chức hội thảo, hội nghị, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở trong nước cũng như ở nước ngoài...), thực

hiện chế độ xin phép và báo cáo kết quả cụ thể, bảo đảm đạt hiệu quả thiết thực và bảo đảm an ninh quốc gia.

4. Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp lãnh đạo việc thống nhất quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật; hằng năm, chủ trì phối hợp với các cơ quan và tổ chức hữu quan lựa chọn, tổng hợp, xây dựng chương trình, kế hoạch hợp tác của năm sau; quản lý việc thực hiện các chương trình, kế hoạch hợp tác đã được duyệt; kiểm tra, quản lý hoạt động của văn phòng đại diện các tổ chức, công ty tư vấn pháp luật nước ngoài ở Việt Nam và các tổ chức tư vấn pháp lý của Việt Nam. Ban Cán sự Đảng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm lãnh đạo việc thống nhất quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế về cải cách hành chính.

Ban Nội chính Trung ương và các ban đảng có liên quan chịu trách nhiệm theo dõi và báo cáo Ban Bí thư việc tổ chức thực hiện chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 125-TB/TW, ngày 24 tháng 8 năm 1995

Về tổ chức các hội ngành nghề và hiệp hội công thương

- Hiện nay ta đã có Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam, là một tổ chức phi chính phủ, có thành viên là các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế. Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam cần làm tốt cả nhiệm vụ vận động chính trị, truyền đạt, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đến giới công thương, đồng thời phản ánh ý kiến, nguyện vọng của giới công thương với Đảng và Nhà nước; hỗ trợ, giúp đỡ và vận động giới công thương hoạt động kinh doanh đúng pháp luật và chính sách của Nhà nước, vừa ích nước vừa lợi nhà, khắc phục những hành vi tiêu cực, trái với tôn chỉ của các hội ngành nghề.

Sắp tới cần xúc tiến lập phòng thương mại và công nghiệp ở các thành phố lớn. Đề án về vấn đề này cần chú ý làm rõ mối quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý, hướng dẫn của cấp uỷ, chính quyền địa phương và của Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam đối với các phòng thương mại và công nghiệp tỉnh, thành phố.

- Xúc tiến lập các hội ngành nghề của các doanh nghiệp

công thương cùng ngành, nghề thuộc các thành phần kinh tế: quốc doanh, tư nhân, hỗn hợp tư nhân và nhà nước. Lập chi bộ cơ sở ở các hội ngành nghề.

Xây dựng và mở rộng tổ chức hiệp hội công thương ở các thành phố, trước hết là các thành phố lớn, thu hút các hội ngành nghề và các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia. Thành lập đảng đoàn ở các hiệp hội công thương.

Liên minh các hợp tác xã chịu trách nhiệm tổ chức vận động các hộ tiểu thương, tiểu chủ.

Như vậy các tổ chức công thương đều sẽ là tổ chức của các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế, phù hợp với nền kinh tế nhiều thành phần.

Hiệp hội công thương thành phố Hồ Chí Minh cần mở rộng tổ chức và hoạt động phù hợp với tinh thần kết luận trên.

- Các tỉnh, thành uỷ, trước hết là cấp uỷ đảng các thành phố lớn, cần có chỉ đạo cụ thể việc lập các hội ngành nghề và hiệp hội công thương của địa phương mình, nếu xét thấy cần thiết; kịp thời báo cáo Ban Bí thư những vấn đề cần xin ý kiến về chủ trương.

Ban Dân vận Trung ương và các ban dân vận tỉnh, thành phố, trước hết là ban dân vận các thành phố lớn, cần tổ chức một bộ phận gọn nhẹ theo dõi, nghiên cứu, hướng dẫn hoạt động của các hội, ngành nghề và các hiệp hội công thương. Đảng đoàn Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ban, ngành liên quan phối hợp chặt chẽ với Ban Dân vận Trung ương trong nhiệm vụ nói trên.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 124-TB/TW, ngày 25 tháng 8 năm 1995

Về dự án Pháp lệnh công chức

Tại phiên họp ngày 24-8-1995, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo một số vấn đề về *Dự án Pháp lệnh công chức* và ý kiến phát biểu của các ban, ngành có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Ở nước ta, sự hình thành đội ngũ cán bộ, viên chức có đặc điểm khác với các nước. Cán bộ làm việc ở các cơ quan nhà nước, đảng và đoàn thể là một khối thống nhất trong hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo.

Bởi vậy, cần có một pháp lệnh có phạm vi điều chỉnh chung đối với cán bộ trong toàn bộ hệ thống chính trị, bao gồm: các công chức nhà nước (trong đó có công chức làm việc ở cơ quan quân đội, cảnh sát, an ninh...), cán bộ làm việc chuyên trách ở các cơ quan đảng, đoàn thể.

Việc ban hành pháp lệnh này là đòi hỏi cấp thiết nhằm xác lập cơ sở pháp lý để làm chuyển biến và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công cuộc đổi mới, ngăn chặn và đẩy lùi nạn tham nhũng, lãng phí, tệ quan liêu, xa dân, vi phạm quyền dân chủ của

nhân dân trong các cơ quan nhà nước, đảng và đoàn thể. Đây là một nội dung quan trọng của cải cách hành chính.

2. Trong nội dung của pháp lệnh cần thể hiện rõ một số yêu cầu sau đây:

- Công chức nhà nước, cán bộ của đảng, đoàn thể phải thực sự là công bộc của dân, gánh vác công việc chung cho dân, lo cho dân và chịu sự giám sát của dân.

- Từ yêu cầu cốt lõi đó, cần xác định rõ tiêu chuẩn, quyền và trách nhiệm cá nhân của cán bộ, công chức nói chung và từng loại cán bộ, công chức nói riêng. Lưu ý thể hiện tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị đối với cán bộ, công chức; có quy định cụ thể, hợp lý những điều cấm đối với từng loại cán bộ, công chức.

- Chế độ quản lý cán bộ, công chức phải chặt chẽ, thể chế hoá và thực hiện đúng nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo, quản lý cán bộ và các quy định của Đảng về phân cấp quản lý cán bộ.

3. Căn cứ ý kiến trên đây của Bộ Chính trị và ý kiến đóng góp cụ thể của các đồng chí Cố vấn, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại phiên họp này, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan có trách nhiệm phối hợp với các ban của Đảng, xây dựng lại dự án pháp lệnh và các văn bản quy định việc áp dụng cụ thể đối với từng loại cán bộ, công chức, tổ chức lấy ý kiến cán bộ, viên chức để bổ sung, hoàn chỉnh dự án trình Bộ Chính trị cho ý kiến một lần nữa trước khi Uỷ ban Thường vụ Quốc hội thông qua pháp lệnh này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 126-TB/TW, ngày 4 tháng 9 năm 1995

Về việc khen thưởng các ngành, cơ quan trung ương nhân dịp kỷ niệm 50 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tại phiên họp ngày 25-8-1995, sau khi xét đề nghị của các cơ quan chức năng, ý kiến của đồng chí Chủ tịch nước và đồng chí Thủ tướng Chính phủ, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trải qua các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta ở các cấp, các ngành, các địa phương đã đóng góp công lao to lớn. Sau khi đã khen thưởng các tỉnh, thành phố, các lực lượng vũ trang và đoàn thể nhân dân, nay nhân dịp kỷ niệm 50 năm Quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cần tiếp tục khen thưởng, ghi nhận và biểu dương thành tích đóng góp của các ngành, các cơ quan trung ương, kể cả cơ quan nhà nước và cơ quan đảng.

Đối tượng khen thưởng đợt này là các ngành, các cơ quan thuộc Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ.

Tiêu chuẩn khen thưởng chủ yếu căn cứ vào thành tích xây dựng ngành, cơ quan, phục vụ các cuộc kháng chiến, phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước và sự nghiệp đổi mới; có xem xét đến thời gian hoạt động, đóng góp.

Tặng thưởng Huân chương Sao Vàng cho những ngành và cơ quan có thành tích đặc biệt xuất sắc trong quá trình cách mạng, tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cho những ngành, cơ quan có nhiều thành tích xuất sắc trong quá trình cách mạng, tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất cho những ngành, cơ quan có nhiều thành tích trong quá trình cách mạng.

Không xét tặng thưởng thêm huân chương đối với các ngành, cơ quan đã được tặng thưởng huân chương mà ở thời điểm hiện nay, cấp bậc huân chương đó vẫn phù hợp với tiêu chuẩn nói trên.

Về tổ chức xét duyệt: Để việc xét duyệt tặng thưởng huân chương trong dịp này được kịp thời, Bộ Chính trị, Ban Bí thư uỷ nhiệm Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư xét duyệt, đề nghị Nhà nước quyết định loại huân chương cho từng đơn vị. Văn phòng Trung ương chủ trì cùng Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Viện Thi đua khen thưởng Nhà nước giúp Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư trong việc xem xét khen thưởng. Đại diện lãnh đạo các ban của Trung ương Đảng dự các buổi xét duyệt khen thưởng các cơ quan thuộc khối tương ứng.

Trên cơ sở thông báo này, các ngành, cơ quan thuộc diện

xét khen thưởng nói trên nghiên cứu, đối chiếu tiêu chuẩn, tự đánh giá và làm tờ trình đề nghị khen thưởng gửi Ban Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ đồng gửi Viện Thi đua khen thưởng Nhà nước trong năm 1995, để Đảng và Nhà nước xem xét, quyết định khen thưởng trong dịp kỷ niệm 50 năm Quốc khánh. Chú ý để các ngành, đơn vị được khen thưởng trong dịp kỷ niệm thành lập ngành, cơ quan. Những đơn vị đã kỷ niệm ngày thành lập ngành, cơ quan mà chưa kịp khen thưởng thì tiếp tục xét để khen thưởng trong thời hạn nói trên.

Trên đây là quy định áp dụng cho việc xét thưởng huân chương bậc cao (Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng Nhất) đối với các ngành, cơ quan trung ương trong dịp kỷ niệm 50 năm ngày Quốc khánh. Việc xét khen thưởng các trường hợp khác vẫn tiến hành thường xuyên, theo quy chế hiện hành.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 58-CT/TW, ngày 8 tháng 9 năm 1995

Về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về xây dựng Bộ đội Biên phòng trong tình hình mới

Ngày 8-8-1995, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 11-NQ/TW *Về xây dựng Bộ đội Biên phòng trong tình hình mới.* Để thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Bí thư yêu cầu:

1. Đảng uỷ Quân sự Trung ương chủ trì phối hợp với Văn phòng Trung ương tổ chức cuộc họp để Ban Bí thư phổ biến nghị quyết nói trên cho các cấp uỷ, ban, ngành có liên quan.

2. Đảng uỷ Công an Trung ương và Đảng uỷ Quân sự Trung ương tổ chức quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị cho cơ quan bộ và lực lượng của mình; lãnh đạo Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng tổ chức bàn giao xong trước 1-11-1995 theo quyết định của Chính phủ và ban hành quy chế phối hợp.

Làm tốt công tác tư tưởng trong toàn thể cán bộ, chiến sĩ khi tiến hành bàn giao giữa Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng; giải quyết tốt các chế độ, chính sách, nhanh chóng ổn định tổ chức mới; mở đợt giáo dục chính trị trong Bộ đội Biên phòng ở tất cả các cấp về nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng, tình hình đối nội, đối ngoại, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến công tác biên phòng.

3. Các ban, ngành có liên quan ở trung ương xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị theo chức năng của mình.

4. Các tỉnh, thành uỷ có liên quan làm những việc sau đây:

- Tổ chức phổ biến và quán triệt Nghị quyết Bộ Chính trị trong tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban, ngành, cấp uỷ, chính quyền các huyện biên giới, các lực lượng có trách nhiệm phối hợp với Bộ đội Biên phòng trong việc xây dựng, quản lý bảo vệ biên giới, vùng biển, giáo dục và vận động nhân dân ý thức bảo vệ biên giới, ủng hộ, giúp đỡ Bộ đội Biên phòng.

- Chủ trì họp ba lực lượng công an, quân sự, biên phòng để kiểm điểm rút kinh nghiệm về phối hợp hiệp đồng trong thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ biên giới vừa qua, phát huy những ưu điểm và kinh nghiệm tốt, giải quyết tốt những vấn đề tồn tại.

5. Ban Tổ chức Trung ương và Đảng uỷ Quân sự Trung ương sớm trình Ban Bí thư dự thảo quyết định về tổ chức đảng trong Bộ đội Biên phòng và mối quan hệ với cấp uỷ đảng địa phương cũng như với Ban Bí thư.

6. Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ

chỉ đạo xây dựng dự thảo *Luật biên giới quốc gia, Pháp lệnh về Bộ đội Biên phòng* để trình Bộ Chính trị.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 09-TT/TW, ngày 12 tháng 9 năm 1995

Về việc thảo luận các báo cáo và thời gian tiến hành đại hội đảng bộ các cấp

Sau khi xem xét tình hình chuẩn bị Đại hội VIII của Đảng, Bộ Chính trị thấy cần có thêm thời gian để hoàn chỉnh các dự thảo *Báo cáo chính trị, Báo cáo kinh tế - xã hội, Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng và Điều lệ Đảng sửa đổi* trước khi trình Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương cho ý kiến. Theo tinh thần đó Hội nghị Trung ương 9 nay dự định sẽ họp vào thượng tuần tháng 11-1995, các dự thảo văn kiện đại hội sẽ được gửi đến các cấp uỷ trong cuối tháng 11-1995 để đại hội đảng bộ các cấp thảo luận, góp ý kiến. Tháng 6-1996 sẽ tiến hành Đại hội VIII.

Căn cứ vào quyết định trên đây của Bộ Chính trị, Ban Bí thư hướng dẫn thêm về việc thảo luận các báo cáo và thời gian tiến hành đại hội đảng bộ các cấp như sau:

Đại hội đảng bộ cơ sở:

- Thảo luận, thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến của các chi bộ về *Báo cáo chính trị* và *Điều lệ Đảng sửa đổi.*

- Thảo luận báo cáo của đại hội đảng bộ huyện, quận và tương đương.

- Thảo luận báo cáo, nhiệm vụ của đảng bộ cơ sở đã được các chi bộ bổ sung.

Đối với đảng bộ cơ sở đã đại hội, chưa thảo luận các báo cáo nói ở thông tri này thì tổ chức thảo luận tiếp và tổng hợp ý kiến gửi lên cấp trên.

Thời gian tiến hành đại hội đảng bộ cơ sở trong hai tháng, từ tháng 12-1995 đến hết tháng 1-1996.

Đại hội đảng bộ quận, huyện và tương đương:

- Thảo luận, thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến của các đại hội đảng bộ cơ sở và hội nghị cấp uỷ quận, huyện mở rộng về *Báo cáo chính trị* và *Điều lệ Đảng sửa đổi,* gửi lên đại hội cấp tỉnh...

- Thảo luận báo cáo chính trị của đại hội đảng bộ tỉnh, thành phố, đảng uỷ trực thuộc Trung ương.

- Thảo luận báo cáo, nhiệm vụ của đảng bộ huyện, quận...

Thời gian tiến hành đại hội đảng bộ cấp huyện, quận và tương đương trong hai tháng từ tháng 2 đến hết tháng 3 năm 1996.

Đại hội đảng bộ tỉnh, thành phố, đảng uỷ trực thuộc Trung ương:

- Thảo luận thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến của đại hội quận, huyện... và hội nghị cấp uỷ tỉnh, thành phố mở rộng về *Báo cáo chính trị, Báo cáo kinh tế - xã hội và Điều lệ Đảng sửa đổi* gửi về Trung ương.

- Thảo luận báo cáo chính trị của đại hội tỉnh, thành, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, sau khi đã có ý kiến đóng góp của các đại hội đảng bộ quận, huyện và tương đương.

Thời gian tiến hành đại hội đảng bộ cấp tỉnh, thành phố, đảng uỷ trực thuộc Trung ương từ 1-4-1996 đến 10-5-1996.

*

* *

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương cần chỉ đạo chặt chẽ, khẩn trương công tác chuẩn bị đại hội, thực hiện tốt một số việc sau:

- Trên cơ sở dự thảo *Báo cáo chính trị* đã được thông báo, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương chuẩn bị báo cáo của cấp mình và chỉ đạo các cấp dưới chuẩn bị báo cáo, nhiệm vụ sát hợp với tình hình của địa phương, đơn vị.

- Các văn kiện: *Báo cáo chính trị* và *Điều lệ Đảng sửa đổi, Báo cáo kinh tế - xã hội,* các cấp uỷ tổ chức hội nghị mở rộng thảo luận đóng góp ý kiến, khi đến đại hội thông qua để thảo luận bổ sung.

- Chuẩn bị tốt nhân sự, bầu những đảng viên đủ tiêu chuẩn, xứng đáng vào cấp uỷ các cấp và đoàn đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

- Chú ý chỉ đạo các vùng trọng điểm, nơi có khó khăn.

- Đồng thời phải chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh trật tự và các mặt công tác. Không vì chuẩn bị và tiến hành đại hội mà để ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 127-TB/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1995

Về dự án Bộ luật Dân sự

Trong phiên họp ngày 15 và 16-9-1995, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình một số vấn đề của dự thảo *Bộ luật Dân sự* và ý kiến phát biểu của một số cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh của Bộ luật Dân sự

- Trước mắt, chỉ đưa vào *Bộ luật Dân sự* một số quy định về hôn nhân và gia đình mang tính chất dân sự thật rõ nét và đã ổn định. *Luật Hôn nhân và gia đình* phải là một đạo luật riêng quy định toàn bộ các vấn đề về hôn nhân và gia đình. Sau một thời gian thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, sẽ đặt vấn đề đưa toàn bộ nội dung *Luật Hôn nhân và gia đình* vào *Bộ luật Dân sự.*

- Bộ luật cần bổ sung quy định một số quyền nhân thân về dân sự, song cần cân nhắc cho phù hợp với thực tế nước ta hiện nay, bảo đảm tính khả thi của các quy định đó.

- Trên cơ sở các hình thức về chuyển quyền sử dụng đất

đã được quy định trong *Luật Đất đai* mà cụ thể hoá trong bộ luật này những vấn đề pháp luật dân sự cần điều chỉnh theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị trong kết luận số 225 ngày 22-12-1994.

2. Về chủ thể

- Hộ gia đình là chủ thể hạn chế trong quan hệ dân sự, liên quan đến quyền sử dụng đất, trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác do pháp luật quy định.

- Kinh tế hợp tác có nhiều hình thức khác nhau, do vậy cần phân biệt rõ các loại hình kinh tế hợp tác để xác định tư cách chủ thể của nó trong quan hệ dân sự (pháp nhân, cá thể, hoặc chủ thể hạn chế) để vừa khuyến khích kinh tế hợp tác phát triển lành mạnh, đúng hướng, vừa quản lý được chặt chẽ, tránh bị lợi dụng. Vấn đề này tiếp tục trình ra Quốc hội thảo luận làm rõ thêm. Bộ Chính trị sẽ có ý kiến trước khi Quốc hội quyết định.

- Không nên quy định tổ chức tôn giáo là một loại pháp nhân riêng; trước mắt việc thực hiện chính sách tôn giáo làm đúng như *Hiến pháp* và pháp luật đã quy định. Đảng đoàn Quốc hội cần chỉ đạo chuẩn bị kỹ vấn đề này để giải thích khi cần thiết.

3. Về vấn đề giám hộ

Trẻ em dưới 15 tuổi phải có người giám hộ. Bộ luật cần xác định trách nhiệm giám hộ trước hết là của gia đình, họ hàng thân thuộc, đồng thời khuyến khích tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong nhân dân và vai trò của các tổ chức xã hội, chính quyền tại cơ sở. Bộ Lao động - Thương binh và

Xã hội chủ trì cùng với Uỷ ban Bảo vệ, chăm sóc trẻ em lo việc hướng dẫn và hỗ trợ chính quyền, tổ chức xã hội tại cơ sở thực hiện nhiệm vụ này.

4. Về các hình thức sở hữu

Bộ luật cần quy định: Nhà nước công nhận và bảo vệ các hình thức sở hữu gồm sở hữu toàn dân, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, sở hữu tập thể; sở hữu tư nhân, sở hữu chung, *sở hữu hỗn hợp*.

5. Về vấn đề mua, bán nhà đang thuê

Xuất phát từ đặc thù của tình hình nhà ở của nước ta và để tạo điều kiện, bảo vệ cho mỗi người dân có chỗ ở chính đáng, theo chính sách của Đảng và Nhà nước, cần quy định người thuê nhà có quyền được ưu tiên mua nhà đang thuê nếu chủ bán (không nên quy định điều kiện thời gian ở của người thuê) và ưu tiên thuê tiếp nếu chủ còn cho thuê.

Nhưng, cần phải quy định chặt chẽ, bảo đảm quyền lợi của người cho thuê và người thuê, tránh lợi dụng quyền ưu tiên này để gây khó khăn cho chủ sở hữu.

6. Về bồi thường thiệt hại

Để bảo đảm quyền lợi chính đáng của công dân, ngoài những quy định bồi thường thiệt hại về vật chất, *Bộ luật Dân sự* cần có quy định về biện pháp bồi thường bằng tiền đối với những thiệt hại của công dân *về tính mạng, sức khoẻ và danh dự*.

7. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại

- Cơ quan nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng phải trực tiếp bồi thường thiệt hại do viên chức nhà nước, người có thẩm

quyền của cơ quan tố tụng gây ra *trong khi thi hành công vụ;* sau đó cơ quan của viên chức, người có thẩm quyền tố tụng sẽ xem xét việc người đó phải bồi hoàn lại cho Nhà nước.

- Đối với người chưa đủ 15 tuổi gây thiệt hại trong thời gian do nhà trường quản lý, nhà trường và gia đình phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

8. Về vấn đề tín chấp

Bộ luật chỉ nêu quy định chung về vấn đề bảo lãnh bằng tín chấp của tổ chức chính trị - xã hội. Chính phủ quy định cụ thể và hướng dẫn cách thức thực hiện.

9. Về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài

Bộ luật cần có một phần riêng về vấn đề quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, trước mắt nên quy định những vấn đề đã rõ nhằm đáp ứng yêu cầu bức xúc trong thực tế phát triển kinh tế và giao lưu quốc tế hiện nay.

*

* *

Căn cứ vào ý kiến nêu trên, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc chỉnh lý dự án bộ luật để trình Quốc hội thảo luận. Trên cơ sở ý kiến thảo luận của đại biểu Quốc hội, Đảng đoàn Quốc hội trình Bộ Chính trị những vấn đề cần thiết để Bộ Chính trị có kết luận, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc chính thức thông qua bộ luật này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 59-CT/TW, ngày 27 tháng 9 năm 1995

Về chăm sóc người cao tuổi

Từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945 đến nay, tuổi thọ bình quân của người Việt Nam ngày càng được nâng lên. Số người cao tuổi nước ta đang có xu hướng tăng với tỷ lệ ngày càng cao.

Người cao tuổi có công sinh thành, nuôi dạy con cháu giữ gìn và phát triển giống nòi, giáo dục các thế hệ thanh niên Việt Nam về nhân cách, phẩm chất và lòng yêu nước. Một bộ phận đông đảo người cao tuổi Việt Nam đã có những đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Song, hiện nay cuộc sống của người cao tuổi chủ yếu vẫn do bản thân và gia đình con cháu bảo đảm, nhiều người, nhất là những người cô đơn, bất hạnh còn gặp rất nhiều khó khăn, vất vả.

Nhằm bảo vệ, chăm sóc và phát huy lớp người cao tuổi đáng kính, phù hợp với đạo lý truyền thống của dân tộc và quan điểm của Đảng tất cả vì con người, Ban Bí thư yêu cầu các cấp, các ngành làm tốt những việc sau đây:

1. Việc chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của người cao tuổi là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội.

2. Hội Người cao tuổi Việt Nam mới được thành lập, cần được nhanh chóng ổn định về tổ chức và mở rộng hoạt động ở cơ sở. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các ban đảng, các đoàn thể nhân dân cần giúp đỡ hội hoạt động có hiệu quả thiết thực, phối hợp với hội trong việc vận động gia đình và xã hội chăm sóc, bồi dưỡng, phát huy người cao tuổi phục vụ công cuộc đổi mới.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban của Đảng, các ban cán sự đảng Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tư pháp phối hợp với hội nghiên cứu, soát xét các chính sách, luật pháp hiện hành, đề xuất những văn bản pháp quy của Nhà nước nhằm bảo vệ, chăm sóc và phát huy người cao tuổi.

Nhà nước cần dành ngân sách để giải quyết các vấn đề xã hội, trong đó có vấn đề chăm sóc người cao tuổi.

Trước hết cần quan tâm chăm sóc những người cao tuổi có công, cô đơn không nơi nương tựa, tàn tật và bất hạnh, nhanh chóng xoá bỏ tình trạng người già lang thang trên đường phố, ngõ xóm.

4. Đề nghị Chính phủ hỗ trợ Hội Người cao tuổi Việt Nam về kinh phí và điều kiện hoạt động.

*

* *

Chăm sóc và phát huy tốt người cao tuổi là thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta và đạo đức người Việt Nam, góp

phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 60-CT/TW, ngày 5 tháng 10 năm 1995

Về quản lý người Việt Nam làm việc cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

Do chính sách đối ngoại rộng mở của ta, số lượng người Việt Nam làm việc cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài (gọi tắt là phía nước ngoài) tại Việt Nam ngày càng tăng. Tình hình đó tạo điều kiện cho nhiều người Việt Nam có công ăn việc làm và là môi trường để lao động của ta được tiếp tục đào tạo, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ. Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này đã có những cố gắng bước đầu.

Tuy nhiên, công tác quản lý người Việt Nam làm việc cho phía nước ngoài còn phân tán và có nhiều sơ hở và thiếu sót, ảnh hưởng không tốt đến việc bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia và lợi ích của người lao động.

Công tác đảng, đoàn thể nhân dân trong số người Việt Nam làm việc cho phía nước ngoài rất yếu, nhiều nơi không

có. Nhiều người Việt Nam làm việc cho phía nước ngoài không làm nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định...

Sở dĩ có tình trạng trên là do một số cấp uỷ đảng và thủ trưởng ban, ngành chưa quan tâm chỉ đạo, buông lỏng công tác quản lý, thiếu các văn bản pháp quy đồng bộ và thống nhất về quy chế quản lý ngay từ khâu tuyển dụng; việc tổ chức thực hiện các quy định về quản lý chưa nghiêm túc; thiếu sự phối hợp, phân công giữa cấp uỷ và chính quyền các cấp và giữa các cơ quan chức năng trong vấn đề này.

Để chấn chỉnh và tăng cường công tác quản lý người Việt Nam làm việc cho phía nước ngoài, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ làm tốt các việc sau đây:

1. Thống nhất chức năng quản lý nhà nước đối với người Việt Nam làm việc cho phía nước ngoài tại Việt Nam vào những đầu mối theo ngành và lĩnh vực như: làm việc cho các cơ quan thuộc Đoàn ngoại giao và các tổ chức quốc tế của Liên Hợp quốc; cho các doanh nghiệp liên doanh, liên kết với nước ngoài, các văn phòng đại diện kinh tế, thương mại, khoa học - kỹ thuật, tư vấn pháp luật, v.v.; cho các hãng tin, báo chí, phóng viên nước ngoài; cho các văn phòng đại diện các tổ chức phi chính phủ và dự án phi chính phủ, các quỹ, viện, trung tâm... có tính chất phi chính phủ của nước ngoài...

2. Bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các văn bản pháp quy về tuyển dụng, quản lý cũng như bảo vệ quyền lợi, nhân phẩm của người Việt Nam làm việc cho phía nước ngoài. Chú ý tăng cường công tác thanh tra những tổ chức, cơ quan, cá nhân nước ngoài sử dụng người Việt Nam.

3. Các bộ, tổng cục..., các tỉnh, thành phố, quận, huyện, thị xã, thị trấn có người Việt Nam làm việc cho phía nước

ngoài phải phân công người chuyên theo dõi quản lý, thường xuyên báo cáo với cấp trên.

4. Chủ động có chương trình mở các lớp bồi dưỡng, huấn luyện, tạo nguồn lao động Việt Nam đáp ứng nhu cầu của phía nước ngoài.

5. Tăng cường công tác đảng, đoàn thể nhân dân trong những tổ chức nước ngoài có người Việt Nam làm việc tại Việt Nam; thường xuyên làm công tác giáo dục chính trị, pháp luật, lòng yêu nước và trách nhiệm công dân cho người lao động.

Ban Tổ chức Trung ương Đảng chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan quy định những hình thức tổ chức và sinh hoạt đảng, đoàn thể thích hợp đối với đảng viên, đoàn viên, hội viên làm việc cho phía nước ngoài tại Việt Nam.

6. Đề nghị Chính phủ thể chế hoá văn bản này về mặt nhà nước để thực hiện thống nhất trong cả nước.

Các cấp uỷ đảng ở những ngành, cơ quan và địa phương có người Việt Nam làm việc cho phía nước ngoài tại Việt Nam phải định kỳ ba tháng một lần báo cáo về Ban Bí thư (qua Ban Nội chính Trung ương Đảng) tình hình quản lý người Việt Nam làm việc cho phía nước ngoài.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 10-TT/TW, ngày 5 tháng 10 năm 1995

Về việc tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống và đón nhận huân chương của các ngành, địa phương và cơ sở

Nhân kỷ niệm 50 năm thành lập nước, Nhà nước ta đã và sẽ tặng thưởng huân chương cho các ngành, địa phương và cơ sở có nhiều thành tích xuất sắc qua các thời kỳ cách mạng. Nhiều nơi đã tổ chức tốt kỷ niệm ngày truyền thống và lễ đón nhận huân chương có tác dụng giáo dục chính trị, tư tưởng, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ.

Tuy nhiên, vừa qua nhiều hoạt động kỷ niệm, đón nhận huân chương còn nặng về phô trương hình thức, huy động quá nhiều người tham gia, mời quá nhiều khách trong và ngoài ngành, cả ở trung ương và địa phương từ mọi miền đất nước về dự; thậm chí còn tổ chức ở cả hai miền Nam, Bắc; có nơi tổ chức ngang như mít tinh kỷ niệm các ngày lễ lớn cấp quốc gia. Các hoạt động như vậy gây lãng phí, tốn kém về nhiều mặt, không được nhân dân đồng tình.

Các phương tiện thông tin, báo, đài trung ương đưa quá

nhiều tin lễ tân, mít tinh kỷ niệm, hội họp, đón nhận huân chương, đăng diễn văn, phát biểu dài, buộc phải bớt nhiều thông tin quan trọng khác.

Từ nay, việc kỷ niệm ngày truyền thống và đón nhận huân chương của các ngành, các cơ quan, địa phương cần được tổ chức một cách thiết thực, vừa đạt được yêu cầu giáo dục, động viên, vừa thể hiện tinh thần tiết kiệm, không phô trương, hình thức, lãng phí.

Cụ thể là:

- Việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày truyền thống và đón nhận huân chương chủ yếu tổ chức trong nội bộ từng cơ quan. Cần hạn chế số đại biểu mời ở trung ương và địa phương; không tặng quà, lẵng hoa, bức trướng, v.v., không tổ chức ăn uống phung phí; không lấy tiền ngân sách thưởng cho cán bộ, nhân viên và chi tiêu cho những việc không cần thiết khác.

- Có sự phân công hợp lý đại biểu lãnh đạo cấp trên tham dự, tránh tình trạng nhiều người cùng đến dự một buổi lễ.

Giao cho Văn phòng Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước và Văn phòng Chính phủ thảo cơ chế phối hợp giữa các cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước trong việc phân công đó.

- Việc đưa tin phản ánh các hoạt động này trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương phải theo đúng tinh thần chỉ thị của Ban Bí thư trước đây về đưa tin lễ tân: đưa tin có nội dung, không nhất thiết đăng ảnh hoặc đăng riêng thư chúc mừng, không đăng toàn văn các bài phát biểu của các đồng chí lãnh đạo, trừ một số bài phát biểu quan trọng của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ,

Chủ tịch Quốc hội mang tính chất chỉ đạo hoặc có ý nghĩa lớn. Các đài truyền hình, phát thanh của trung ương cũng thực hiện việc thông tin về các buổi lễ đó theo tinh thần trên.

- Ban Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn tiến hành tổng kết các hoạt động tổ chức kỷ niệm vừa qua để rút kinh nghiệm chỉ đạo các hoạt động kỷ niệm của các ban, ngành, cơ quan đạt hiệu quả thiết thực.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 101-QĐ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 1995

Thành lập Hội đồng xuất bản toàn tập Văn kiện Đảng*

Để tiến hành xuất bản toàn tập Văn kiện Đảng từ những tổ chức tiền thân tới nay,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

1. Thành lập Hội đồng xuất bản toàn tập Văn kiện Đảng. Thành phần Hội đồng gồm các đồng chí

- Đào Duy Tùng	Chủ tịch Hội đồng
- Nguyễn Đức Bình	Phó Chủ tịch Hội đồng
- Hà Đăng	Uỷ viên Hội đồng
- Phan Diễn	"
- Đặng Xuân Kỳ	"

---

* Bộ Chính trị khoá VIII có Quyết định số 25-QĐ/TW ngày 3-2-1997 bổ sung về việc xuất bản toàn tập Văn kiện Đảng, kiện toàn Hội đồng và Ban Chỉ đạo *(B.T)*.

- Trần Trọng Tân	Uỷ viên Hội đồng
- Nguyễn Duy Quý	"
- Nguyễn Văn An	"
- Hoàng Minh Thảo	"
- Lê Hai	"
- Trần Nhâm	"
- Vũ Hữu Ngoạn	"
- Trần Đình Nghiêm	"
- Nguyễn Văn Lanh	"

2. Ban Chỉ đạo xây dựng bản thảo gồm các đồng chí

- Phan Diễn	Trưởng ban
- Vũ Hữu Ngoạn	Thường trực
- Trần Đình Nghiêm	thành viên
- Nguyễn Văn Lanh	"
- Trịnh Nhu	"

3. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương bảo đảm vật chất và tài chính để thực hiện việc này.

Các đồng chí có tên trên thi hành quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VII*

Ngày 6 tháng 11 năm 1995

Thưa các đồng chí Cố vấn,

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa các đồng chí,

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi xin nhiệt liệt chào mừng các đồng chí về dự Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương, một hội nghị mang tầm vóc lớn lao và có ý nghĩa quan trọng đặc biệt.

Như các đồng chí đã biết, trong nhiệm kỳ này, Ban Chấp hành Trung ương đã họp tám kỳ để thảo luận và quyết định nhiều vấn đề lớn về lãnh đạo các mặt kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, xây dựng Đảng, phát triển văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, xây dựng nhà

---

* Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) họp từ ngày 6 đến ngày 14-11-1995 *(B.T)*.

nước, công tác thanh niên và trong một số nghị quyết của Trung ương có đề cập nhiệm vụ xây dựng giai cấp công nhân, chính sách đối với nông dân. Về mặt trận, Bộ Chính trị có nghị quyết riêng. Những quyết định trên đã tiếp tục cụ thể hoá Cương lĩnh của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng.

Hội nghị Trung ương lần này sẽ thảo luận và quyết định nội dung các dự thảo văn kiện trình Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, bao gồm: *Báo cáo chính trị, Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 1996-2000, Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng và Điều lệ Đảng sửa đổi.*

Đại hội VIII có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII cũng như việc thực hiện *Cương lĩnh, Chiến lược, Điều lệ Đảng;* tổng kết 10 năm đổi mới, tiếp tục bổ sung, phát triển, hoàn thiện *Cương lĩnh, Chiến lược;* đề ra phương hướng, giải pháp thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2020 và trước mắt đến năm 2000; bổ sung và sửa đổi *Điều lệ Đảng*. Vì vậy, Đại hội VIII có ý nghĩa rất trọng đại. Đây là đại hội đánh dấu bước chuyển quan trọng của đất nước ta sang thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Những nội dung, yêu cầu của Đại hội VIII và tình hình, nhiệm vụ cách mạng hiện nay đặt ra trách nhiệm nặng nề cho Hội nghị Trung ương kỳ này.

Nhìn lại 5 năm, 10 năm đã qua, hướng về 5 năm và vài chục năm sắp tới, từ phương hướng, nhiệm vụ chính trị chung của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đến lĩnh vực kinh tế - xã hội cho đến xây dựng Đảng, có rất nhiều vấn

đề lớn và quan trọng đặt ra mà các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị thay mặt các tiểu ban sẽ báo cáo với Trung ương khi trình bày các dự thảo *Báo cáo chính trị, Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 1996-2000, Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng*. Ở đây tôi chỉ phát biểu một vấn đề cốt lõi, quán xuyến các dự thảo văn kiện để Trung ương xem xét, thảo luận, cho ý kiến quyết định. Đó là vấn đề *tiếp tục bổ sung, phát triển quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*. Cũng có thể nói, đây là vấn đề tiếp tục cụ thể hoá *mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam* dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trước kia, chúng ta có quan niệm giản đơn, chủ quan, duy ý chí, muốn sớm có chủ nghĩa xã hội đầy đủ trong khi nền kinh tế còn ở trình độ thấp kém. Cơ chế quản lý kinh tế, xã hội là kế hoạch hoá tập trung cao độ và bao cấp. Điều đó có mặt thích hợp với tình hình thời chiến, cho phép động viên được sức người, sức của để tiến hành kháng chiến thắng lợi. Song, tiếc rằng chúng ta chậm phát hiện và chậm có biện pháp khắc phục mặt nhược điểm của cơ chế ấy, nhất là khi cách mạng nước ta đã chuyển sang giai đoạn mới: xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước, trong đó xây dựng kinh tế trở thành nhiệm vụ trung tâm.

Trong khoảng thời gian 10 năm đầu sau khi thống nhất đất nước, Đảng ta và nhân dân ta đã trăn trở tìm tòi cơ chế mới, tiến hành đổi mới từng phần. Đại hội lần thứ VI là một bước ngoặt, đánh dấu quá trình đổi mới tư duy mạnh mẽ của Đảng ta, đề ra đường lối đổi mới toàn diện, trước hết là về kinh tế. Đại hội VII, các kỳ hội nghị Trung ương sau đó và Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng tiếp tục

bổ sung, phát triển đường lối đó, hình thành một hệ thống quan điểm chỉ đạo công cuộc đổi mới ở nước ta. Hệ thống quan điểm đó bao gồm phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất; tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề về xã hội; xây dựng kinh tế và phát triển văn hoá; tăng cường hệ thống chính trị và củng cố an ninh, quốc phòng; tăng cường nguồn lực trong nước và mở rộng quan hệ đối ngoại... Tư tưởng đổi mới của Đảng ta bắt nguồn trực tiếp từ thực tiễn nước ta lại rất phù hợp với tư tưởng của Lênin về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ.

Thực hiện đường lối đổi mới về kinh tế là vận dụng chính sách kinh tế mới của Lênin, tiến hành việc điều chỉnh lớn về quan hệ sản xuất nhằm phát triển tốt lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Nội dung chủ yếu của chính sách đó ở Việt Nam là *xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, mở cửa để hội nhập nền kinh tế thế giới, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.* Chúng ta không đi con đường tư bản chủ nghĩa vì chủ nghĩa tư bản không còn là giải pháp của thời đại. Chúng ta cũng không đi con đường "chủ nghĩa xã hội dân chủ" theo cương lĩnh của các đảng xã hội - dân chủ, vì thực chất đó chỉ là chủ nghĩa tư bản tự điều chỉnh. Chúng ta cũng chưa có mô hình chủ nghĩa xã hội đầy đủ, trọn vẹn. Thực tiễn 10 năm đổi mới cho thấy, trong điều kiện của nước ta, một nước nghèo đang quá độ lên chủ nghĩa xã hội, có Nhà nước cách mạng của dân, do dân, vì dân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo, lại có kinh tế nhà nước nắm vai trò chi phối, chúng ta có thể và cần phải sử dụng rộng rãi *hình thức kinh tế tư bản nhà nước,* là hình thức kinh tế phù hợp với con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Chúng ta đang thực hiện lời nói của Lênin: *"Trong một nước tiểu nông, trước hết các đồng chí phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội"* và *"phải lợi dụng chủ nghĩa tư bản (nhất là bằng cách hướng nó vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước) làm mắt xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội, làm phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức để tăng cường lực lượng sản xuất lên".* Nếu như, thời Lênin, nước Nga chưa thực hiện bao nhiêu thì bây giờ hình thức kinh tế tư bản nhà nước đang được thực hiện rộng rãi ở nước ta. Đó là sự phát triển sâu rộng, đa dạng, ở mức độ khác nhau những quan hệ kinh tế, những hình thức tổ chức kinh doanh dựa trên cơ sở liên doanh, liên kết giữa Nhà nước với những nhà tư bản tư nhân trong và ngoài nước.

Trước năm 1986, về mặt quan hệ sản xuất, ở nước ta trên thực tế hầu như chỉ có hai thành phần quốc doanh và tập thể. Ngày nay, sau 10 năm đổi mới, nước ta đã thật sự có nền kinh tế nhiều thành phần, bao gồm kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, kinh tế cá thể và tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân và tư bản nhà nước. Do sự đan xen các thành phần mà đã xuất hiện các hình thức doanh nghiệp đa sở hữu. Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần cũng là thực hiện dân chủ về kinh tế, khắc phục tính ỷ lại, trông chờ vào bao cấp của Nhà nước, giải phóng lực lượng sản xuất, chủ yếu là giải phóng sức lao động to lớn của nhân dân ta, tạo động lực khai thác tiềm năng mọi mặt của xã hội, thúc đẩy mọi người, mọi nhà, mọi tổ chức, các cấp, các ngành phát huy tính *năng động, sáng tạo, cần cù, tiết kiệm,* phấn đấu thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Trong khi xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, Đảng ta chủ trương thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, thành phần kinh tế nhà nước và thành phần kinh tế hợp tác dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân, khuyến khích thành phần cá thể và tư bản tư nhân phát triển theo pháp luật, sử dụng tư bản nhà nước để đi từng bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Trên thực tế, khu vực kinh tế nhà nước vẫn giữ những vị trí then chốt và đang cố gắng bảo đảm các cân đối lớn, giữ vai trò chủ đạo đối với nền kinh tế quốc dân.

Trước đổi mới, chúng ta chủ yếu sử dụng cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung cao, coi nhẹ quan hệ thị trường. Ngày nay, gắn liền với phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, chúng ta đã sử dụng mạnh mẽ cơ chế thị trường, chuyển nền kinh tế hiện vật sang nền kinh tế hàng hoá. Đảng ta cũng luôn luôn chủ trương thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên thực tế, cơ chế thị trường đã có tác dụng làm sống động nền kinh tế, thúc đẩy phát triển sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân.

Cùng với phát triển kinh tế nhiều thành phần, đa sở hữu, thực hiện cơ chế thị trường, cũng đã có bước chuyển từ nền kinh tế còn khép kín do điều kiện lịch sử trước đây sang nền kinh tế mở với bên ngoài. Chúng ta tuyên bố Việt Nam sẵn sàng là bạn của tất cả các nước, thực hiện đa dạng hoá, đa phương hoá trong quan hệ đối ngoại nói chung và quan hệ kinh tế đối ngoại nói riêng, trên nguyên tắc giữ vững độc lập, tự chủ. Làm như vậy, chúng ta đã tranh thủ được nguồn vốn,

công nghệ tiên tiến, học hỏi được kinh nghiệm quản lý kinh tế và quản lý xã hội của nhiều nước.

Những thành tựu của đổi mới kinh tế đã tạo cơ sở phát triển mọi mặt của đời sống xã hội. Trên cơ sở ổn định chính trị mà tiến hành đổi mới kinh tế có kết quả, đồng thời những thành tựu của đổi mới kinh tế lại có tác động tích cực tăng cường ổn định chính trị. Điều đặc biệt trong lịch sử phát triển của nước ta là chúng ta đã đứng vững và đi lên trong hoàn cảnh Liên Xô tan vỡ, Mỹ tiến hành bao vây cấm vận. Những thành tựu của công cuộc đổi mới đã làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta rất vui mừng, bè bạn quốc tế hoan nghênh, cổ vũ.

Tuy nhiên, trong khi thực hiện cơ chế mới để tổ chức quản lý xã hội, quản lý kinh tế... bên cạnh mặt tốt, mặt tích cực là cơ bản, cũng đã bộc lộ cả mặt trái, mặt tiêu cực không nhỏ, đang làm nhức nhối xã hội và nhân dân lo lắng.

Đó là, do hiệu quả kinh doanh còn thấp, thành phần kinh tế nhà nước chưa thực hiện tốt vai trò chủ đạo; nhiều hợp tác xã tổ chức theo mô hình cũ chậm đổi mới, đã tan rã, hoặc chỉ còn là hình thức.

Đó là, tình trạng phân hoá giàu - nghèo đang diễn ra trong các tầng lớp dân cư, giữa thành thị với nông thôn, giữa thành thị với thành thị, giữa nông thôn với nông thôn, phân hoá giàu - nghèo cả trong Đảng. Chúng ta đã thấy vấn đề này, đã có những chính sách, biện pháp xoá đói giảm nghèo, hạn chế phân hoá, song kết quả đạt được còn thấp so với yêu cầu. Chúng ta nhất định phải tránh chủ nghĩa bình quân làm suy giảm động lực phát triển kinh tế như trước đây từng mắc phải. Song cũng không thể chấp nhận tình trạng mất

công bằng xã hội một cách quá đáng. Đó là tình trạng người nghèo còn gặp nhiều khó khăn trong học tập, trong khám, chữa bệnh, trong hưởng thụ văn hoá; nhiều người có công với nước còn đang sống nghèo khổ, thiếu thốn; trong khi đó kẻ làm giàu phi pháp sống phè phỡn, xa hoa; chế độ phân phối còn nhiều điều bất hợp lý, không công bằng.

Đó là, tình trạng suy thoái đạo đức trong xã hội và cả trong Đảng. Nếu như trước kia có lúc coi nhẹ lợi ích kinh tế, coi nhẹ sử dụng công cụ tiền tệ để xây dựng chủ nghĩa xã hội thì hiện nay lại xuất hiện lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền, coi đồng tiền là tất cả, bất chấp đạo đức và pháp luật, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí cách mạng. Lối sống thực dụng chạy theo đồng tiền đã dẫn đến bệnh hoạn xấu xa: ăn cắp, tham ô, hối lộ, đầu cơ, buôn lậu, thậm chí vì đồng tiền có kẻ đã cam tâm làm tay sai cho nước ngoài, phản dân hại nước. Vì đồng tiền mà một bộ phận dân cư và một số cán bộ, đảng viên chạy theo lối sống của "xã hội tiêu dùng", theo xu hướng phương Tây, có nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc.

Tình trạng suy thoái đạo đức gắn liền với tệ nạn xã hội phát triển như cờ bạc, rượu chè, mại dâm, mê tín dị đoan, du nhập văn hoá ngoại lai độc hại... là một nguy cơ đối với dân tộc và đất nước.

Mặt trái, mặt tiêu cực khi chuyển sang cơ chế mới là nghiêm trọng. Song, nếu hoang mang, dao động, quay về cơ chế cũ thì sẽ lâm vào bế tắc. Còn đi vào cơ chế mới mà không khắc phục được tiêu cực thì không tránh khỏi đổi màu sang chủ nghĩa tư bản. Chỉ có một giải pháp duy nhất là tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, kiên quyết khắc phục mặt trái,

mặt tiêu cực phát sinh để đưa đất nước quá độ vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Trong công cuộc đổi mới, đổi mới trên lĩnh vực kinh tế có vị trí rất quan trọng, bởi vì kinh tế là cơ sở của đời sống xã hội; phát triển kinh tế là nguyện vọng sâu xa, là mối quan tâm tha thiết của nhân dân; khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế có ý nghĩa bức thiết hàng đầu. Trong đó, tất cả các thành phần kinh tế đều phải được đổi mới, tạo nên động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

Lý luận và thực tiễn đều cho thấy, có thể tạo động lực mạnh mẽ đối với kinh tế quốc doanh bằng cách phân phối theo lao động; bằng cách bán một tỷ lệ cổ phần của doanh nghiệp cho người lao động để họ trở thành người chủ sở hữu cụ thể, từ đó quan tâm thiết thân đến hoạt động của doanh nghiệp; hoặc bằng cách nghiên cứu việc chia một phần lợi nhuận cho công nhân, viên chức theo tiền lương cơ bản, làm cho người lao động quan tâm đến hiệu quả kinh doanh. Việc chia lãi cho công nhân đã được nêu lên trong Sắc lệnh 29 của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1947, nay chính là lúc chúng ta cần thực hiện. Kinh tế nhà nước giữ những vị trí then chốt, lại kinh doanh có hiệu quả cao thì nhất định phát huy được tác dụng chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, thực hiện được vai trò là một công cụ quan trọng của Nhà nước ta để điều tiết nền kinh tế theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, làm nòng cốt trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà.

Phải đổi mới hợp tác xã theo hướng kết hợp sức mạnh tập thể với sức mạnh của từng thành viên, trên cơ sở đóng góp cổ

phần và sự tham gia lao động trực tiếp của xã viên, phân phối theo kết quả lao động và theo cổ phần, mỗi xã viên có quyền định đoạt ngang nhau đối với công việc chung. Nói cách khác, chúng ta phát triển kinh tế hợp tác với nhiều dạng, trong đó đặc biệt chú trọng *hợp tác xã cổ phần*. Như thế, hợp tác xã được hình thành theo tất yếu kinh tế, dựa trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện; xã viên là người chủ cụ thể thực sự của hợp tác xã, được hưởng phân phối theo cả công và của mà xã viên đóng góp cho tập thể. Với hình thức hợp tác xã cổ phần, sẽ xuất hiện nhiều loại hình hợp tác xã rất phong phú với nhiều mức độ khác nhau, trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Chỉ có hợp tác xã cổ phần mới hướng sản xuất nhỏ đi vào con đường hợp tác một cách thuận lợi, hạn chế được tính tự phát, phát huy được mặt tích cực, đóng góp vào việc phát triển nền kinh tế quốc dân, tạo thuận lợi tiến hành công nghiệp hoá, khắc phục tình trạng thủ công, lạc hậu. Hợp tác xã cổ phần là hình thức tổ chức kinh tế mà người sản xuất nhỏ, chủ yếu và trước hết là nông dân, dễ tiếp thu, phù hợp với điều kiện kinh tế hàng hoá đang phát triển. Với hình thức hợp tác xã cổ phần, chúng ta bắc một nhịp cầu để đưa người sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội như Lênin đã nói.

Kinh tế tư bản tư nhân trong nước cũng cần được đổi mới cho phù hợp với thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tư bản tư nhân được khuyến khích phát triển theo pháp luật, nhằm phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời bảo đảm lợi ích của các nhà tư sản dân tộc. Muốn vậy, phải có chính sách khuyến khích họ đi vào con đường liên doanh, liên kết, giữa tư nhân

với Nhà nước, giữa chủ doanh nghiệp với người lao động, thực hiện đa sở hữu trong doanh nghiệp. Làm như vậy là hướng tư bản tư nhân trong nước phát triển qua "cái cầu tư bản nhà nước" vừa ích nước vừa lợi nhà, góp phần cùng nhân dân và cả dân tộc thực hiện quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Mở rộng quan hệ hợp tác, đầu tư giữa Nhà nước ta với tư bản nước ngoài dưới các hình thức liên doanh, liên kết có thời hạn. Về thực chất, đó cũng là một hình thức tư bản nhà nước mà cả ta và họ đều có lợi. Lợi ích của ta là tranh thủ vốn nước ngoài, tạo việc làm cho người lao động, tạo ra sản phẩm cho xã hội, thu thuế cho Nhà nước, tranh thủ công nghệ tiên tiến, học hỏi kinh nghiệm quản lý, phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Lợi ích của nhà tư bản nước ngoài là thu được lợi nhuận ở nơi nhân công rẻ và tài nguyên phong phú mới bắt đầu khai thác. Đương nhiên, trong quá trình mở rộng hợp tác, chúng ta phải giữ vững độc lập, chủ quyền, không cho phép bất kỳ ai làm phương hại đến lợi ích của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Tất cả các thành phần kinh tế đều hoạt động trên thị trường, coi thị trường là mắt xích chung. Vì vậy, lãnh đạo các thành phần kinh tế phải gắn với lãnh đạo thị trường. Chúng ta đã từng biết có thị trường tư bản chủ nghĩa. Còn nước ta hiện nay đang ở trình độ một *thị trường quá độ lên chủ nghĩa xã hội,* chưa có thị trường xã hội chủ nghĩa với ý nghĩa đầy đủ. Đó là *thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.* Trên thị trường có nhiều thành phần tham gia, trong đó thành phần kinh tế nhà nước phải phấn đấu giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế hợp tác cần được xây

dựng và lớn dần trên thị trường và lưu thông. Điều cần nhấn mạnh là phải có hình thức tư bản nhà nước trên thị trường, coi đó là một biểu hiện đặc trưng của thị trường quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đảng lãnh đạo, Nhà nước kiểm kê, kiểm soát, chống đầu cơ buôn lậu, có chính sách điều tiết hợp lý để khắc phục và hạn chế sự phân hoá giàu nghèo quá đáng và phi pháp, vì lợi ích trước mắt và lâu dài của nhân dân.

Trên thị trường tất yếu có cạnh tranh, trong đó có một số lĩnh vực Nhà nước giữ toàn quyền chi phối. Trong xã hội tư bản, cạnh tranh và độc quyền là vì lợi ích của nhà tư bản, của các tập đoàn tư bản lũng đoạn; còn ở nước ta hiện nay, cạnh tranh hay Nhà nước toàn quyền chi phối một số lĩnh vực nào đó đều là vì lợi ích của đất nước, của dân tộc, của nhân dân, vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thị trường và kế hoạch có tác động qua lại, không thể tách rời. Sử dụng thị trường phải đi đôi với bảo đảm vai trò của kế hoạch hoá. Qua đó thực hiện chức năng quản lý của Nhà nước và chức năng lãnh đạo của Đảng. Một mặt, thị trường phải theo định hướng kế hoạch; mặt khác, kế hoạch cũng phải lấy thị trường làm một căn cứ xuất phát quan trọng, phải thúc đẩy hoạt động lành mạnh của thị trường, thông qua thị trường mà hướng dẫn sự vận hành nền kinh tế.

Nói tóm lại, Đảng ta phải lãnh đạo thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, từ sản xuất đến lưu thông, mở cửa ra bên ngoài, tất cả theo định hướng xã hội chủ nghĩa; trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo, hình thức *tư bản nhà nước* trở thành phổ biến. Hình thức tư bản nhà nước nói ở đây là tư bản có kiểm kê, kiểm soát, có sự lãnh đạo của Đảng và hướng dẫn

của Nhà nước, là một trong những hình thức kinh tế phù hợp với điều kiện nước ta, một nước nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ, kinh tế kém phát triển, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa để đi lên chủ nghĩa xã hội. Suy đến cùng, sự tác động lẫn nhau giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất là động lực thúc đẩy sự tiến hoá xã hội. Với chính sách đúng đắn đối với các thành phần kinh tế nói trên, chúng ta tin rằng sẽ tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy tiến bộ xã hội ở nước ta.

Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí,

Đảng ta khẳng định: Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là khâu then chốt, lúc này, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nâng cao sức chiến đấu, năng lực và vai trò lãnh đạo của Đảng là vấn đề cốt tử, quyết định bước tiến của cách mạng Việt Nam.

Đổi mới kinh tế, chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, hội nhập với cộng đồng quốc tế đang đặt ra hàng loạt vấn đề trong công tác xây dựng Đảng: *giữ vững bản chất giai cấp công nhân, nâng cao phẩm chất cách mạng, năng lực trí tuệ của Đảng có ý nghĩa quyết định trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.* Hiện nay, có những thế lực vẫn đang tìm mọi cách để phá hoại vai trò lãnh đạo của Đảng ta, hòng làm biến chất Đảng ta, làm cho Đảng ta trở thành đảng xã hội - dân chủ. Bởi vậy, hội nghị lần này phải thống nhất nhận thức về

tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Đảng ta đã được dân tộc giao cho sứ mệnh lịch sử là người *duy nhất* lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng ta phải phấn đấu để thật sự xứng đáng với niềm tin yêu của nhân dân, xứng đáng là đội tiên phong chính trị của cả dân tộc. Muốn vậy, mỗi cán bộ, đảng viên phải ra sức học tập, nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Bác Hồ: "Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công, vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân"[1]. Học thuyết Mác - Lênin vạch ra con đường giải quyết các mâu thuẫn xã hội, đưa loài người tiến lên một xã hội ngày càng văn minh. Đảng ta đi theo học thuyết ấy vì đó là lý luận cách mạng, lý luận về giải phóng và phát triển xã hội, đem lại lợi ích cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cho các dân tộc bị áp bức. Mặt khác, lý luận đó cũng chỉ ra rằng, giai cấp công nhân muốn giải phóng mình thì phải giải phóng toàn thể nhân dân lao động, giải phóng toàn xã hội, giải phóng mọi con người. Chính vì vậy, chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết nhân bản nhất.

Đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp chưa có tiền lệ. Trước những thực tiễn mới mẻ và phức tạp, suy nghĩ, kiến giải của cán bộ, đảng viên có sự khác nhau là

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr.510.

điều bình thường. Bởi vậy, trong sinh hoạt nội bộ, Đảng phải phát huy dân chủ đầy đủ để tìm ra các hình thức, biện pháp tốt nhất nhằm thực hiện đường lối của Đảng; đồng thời phải giữ vững tập trung cao trong tổ chức và hành động. Nguyên tắc tập trung dân chủ là cái bảo đảm tạo ra sức mạnh của Đảng ta, một đảng chiến đấu, một đảng thật sự cách mạng. Phương hướng sửa đổi *Điều lệ Đảng* không đi ra ngoài những nguyên tắc căn bản của Đảng kiểu mới - một đảng luôn luôn lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc cơ bản về tổ chức và sinh hoạt đảng. Đây là vấn đề sống còn của Đảng, đồng thời cũng là vấn đề sống còn của chế độ xã hội và của cả dân tộc.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và Mặt trận trước hết phải dựa trên nguyên tắc giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta. Chỉ có lập trường, tư tưởng, thế giới quan của giai cấp công nhân mới bảo đảm cho lợi ích của dân tộc. Và chính theo ý nghĩa đó mà chúng ta nói rằng chỉ có giai cấp công nhân mới đại diện cho lợi ích của nhân dân và toàn thể dân tộc. Nhà nước mang bản chất của giai cấp công nhân thì đồng thời và do đó cũng mang tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc. Khi trở thành đảng cầm quyền, Đảng phải lãnh đạo Nhà nước, chịu trách nhiệm trước lịch sử, bảo đảm sự phát triển của dân tộc, bảo đảm lợi ích chính đáng, hợp pháp của tất cả các giai cấp, tầng lớp và của mọi công dân. Nâng cao vai trò của pháp luật trong quản lý xã hội là một trọng tâm lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước hiện nay. Xây dựng nhà nước pháp quyền nhất thiết phải bảo đảm cho Nhà nước của chúng ta là nhà nước

của dân, do dân và vì dân. Muốn vậy, nhà nước đó phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đại đoàn kết toàn dân là truyền thống quý báu của dân tộc và là nguồn sức mạnh của cách mạng Việt Nam. Mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất trên cơ sở khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ chiến lược của chúng ta hiện nay. Phải kiên quyết đấu tranh vạch trần những âm mưu và thủ đoạn lợi dụng "dân chủ, nhân quyền" để chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân. Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, nhân dân ta không cho phép bất cứ ai can thiệp vào công việc nội bộ, vào việc quản lý của đất nước ta. Đảng và Nhà nước ta có chính sách phát triển kinh tế, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đó là thực chất và cũng là nghĩa lớn của dân chủ, nhân quyền mà chúng ta theo đuổi.

Cách mạng bao giờ cũng là sự nghiệp của nhân dân. Công cuộc đổi mới ngày nay cũng là như vậy. Đảng phải thu hút mọi người Việt Nam yêu nước thuộc mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng viên và người ngoài đảng, đoàn kết, nhất trí thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đảng có trách nhiệm bố trí những người có đủ đức, tài vào những cương vị trọng trách, tạo điều kiện tốt nhất để họ cống hiến tài năng cho sự nghiệp xây dựng đất nước; làm cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội thật sự là trách nhiệm của toàn dân.

Nước ta chỉ có một đảng - đó là Đảng Cộng sản Việt Nam - không có nhu cầu đa đảng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một tổ chức xã hội rộng rãi, bao gồm các giai cấp, các tầng lớp, các đoàn thể nhân dân, các cá nhân tiêu biểu, các tôn

giáo và dân tộc, trong đó Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là lực lượng lãnh đạo. Vì thế, Đảng ta hoàn toàn có khả năng mở rộng sinh hoạt dân chủ trong xã hội, phát huy và tập hợp được trí tuệ và năng lực sáng tạo của toàn thể nhân dân, của cả dân tộc để đưa đất nước tiến lên.

Nền kinh tế nhiều thành phần, cơ chế thị trường, mở cửa ra bên ngoài đang tác động mạnh vào Đảng ta, đồng thời cũng đòi hỏi Đảng ta tăng cường vai trò lãnh đạo. Chúng ta phải biết tự bảo vệ, ngăn ngừa và chống lại những ảnh hưởng tiêu cực thâm nhập vào trong Đảng. Giữ vững đạo đức cách mạng, tư cách của người cán bộ, đảng viên, làm trong sạch Đảng và Nhà nước, đó là nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.

Kinh nghiệm cho thấy, đối với cán bộ, đảng viên, sự thoái hoá về lối sống, đi vào con đường bóc lột dưới nhiều hình thức thường dẫn tới thoái hoá về chính trị. Chính ở đây các thế lực chống đối đang lợi dụng để chống Đảng, chống sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Vì vậy, có thể nói, tham nhũng, buôn lậu, đầu cơ là một nguy cơ lớn phá hoại sự nghiệp xây dựng đất nước. Lênin đã từng nói: Không ai có thể làm mất uy tín của người cộng sản nếu như chính họ không làm điều đó. Giữ vững lý tưởng cách mạng, phẩm chất, lối sống trong sạch, lành mạnh, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên trở thành tấm gương sáng trước nhân dân, đó là sự bảo đảm trong thực tế vai trò lãnh đạo của Đảng ta, là điều kiện để Đảng ta hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của mình trong giai đoạn mới.

*

* *

Trên đây là vấn đề cốt lõi, quán xuyến các dự thảo văn

kiện mà tôi đề cập, với mong muốn được các đồng chí Trung ương trao đổi và cho ý kiến.

Xin chúc sức khoẻ các đồng chí Cố vấn, các đồng chí Trung ương, các đồng chí tham dự hội nghị. Chúc Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) thành công tốt đẹp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VII TRÌNH ĐẠI HỘI LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG

(Do đồng chí Đào Duy Tùng, Uỷ viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng trình bày tại Hội nghị Trung ương 9, ngày 6 tháng 11 năm 1995)

Thưa đồng chí Tổng Bí thư,
Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí,

Theo sự phân công của Bộ Chính trị, tôi xin phép báo cáo một số vấn đề của dự thảo *Báo cáo chính trị.* Trước khi đi vào nội dung, xin báo cáo với Trung ương về quá trình soạn thảo bản dự thảo này.

Tiểu ban Văn kiện Đại hội VIII được Ban Chấp hành Trung ương thành lập có nhiệm vụ chuẩn bị dự thảo *Báo cáo*

chính trị trình Đại hội Đảng VIII gồm 14 đồng chí, do đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười làm Trưởng tiểu ban. Tổ biên tập *Báo cáo chính trị* gồm 23 đồng chí.

Phiên họp lần thứ nhất của Tiểu ban trong hai ngày 27 và 28-2-1995 đã thảo luận lần đầu về đề cương dự thảo *Báo cáo chính trị* và nghe đồng chí Tổng Bí thư phát biểu về những định hướng chính trị cơ bản trong quá trình chuẩn bị văn kiện, thảo luận và thống nhất danh mục các đề tài nghiên cứu phục vụ việc chuẩn bị *Báo cáo chính trị* gồm 19 vấn đề.

Tiếp đó, Tiểu ban đã họp với các bộ, ban, ngành, các trường đại học lớn, các viện nghiên cứu và cá nhân một số nhà khoa học... để phổ biến mục đích, yêu cầu, nội dung chuẩn bị *Báo cáo chính trị,* thông báo đề tài nghiên cứu và nêu rõ mục tiêu, yêu cầu của từng đề tài. Các đơn vị, cá nhân căn cứ vào thế mạnh của mình đã chọn các đề tài nghiên cứu có tính chất chuyên đề hay tổng hợp, đăng ký dự thảo toàn văn hoặc từng phần *Báo cáo chính trị.* Có sáu cơ quan nhận biên tập toàn văn hoặc một phần *Báo cáo chính trị.*

Từ quý III-1994 đến giữa năm 1995, đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười, Trưởng tiểu ban, cùng một số đồng chí trong Tiểu ban đã tiến hành các đợt nghiên cứu, khảo sát thực tế, làm việc với các cấp uỷ, các ban, ngành, đơn vị cơ sở ở 12 tỉnh phía Bắc, bốn tỉnh Tây Nguyên, một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, duyên hải miền Trung và các thành phố lớn: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng để nghiên cứu những vấn đề liên quan đến nội dung chuẩn bị Đại hội VIII.

Theo thống kê sơ bộ, trong các đợt đi thực tế, đồng chí Tổng Bí thư cùng một số đồng chí trong Tiểu ban và Tổ biên

tập đã nghe trên 40 lượt báo cáo của các tỉnh, thành uỷ, trên 30 lượt báo cáo của các huyện, gần 80 lượt các báo cáo và ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp nhà nước, trên 50 lượt báo cáo và kiến nghị của các công ty tư nhân, gần 20 báo cáo của hợp tác xã, tổ hợp tác và rất nhiều ý kiến của các đảng viên hiện đang làm kinh tế tư nhân. Các ý kiến, kiến nghị này đã cung cấp nhiều tình hình thực tế sinh động, giúp cho việc nghiên cứu các giải pháp trong thời gian tới.

Từ đầu tháng 4-1995, Tiểu ban Văn kiện cùng Tổ biên tập đã liên tục tổ chức 16 cuộc họp để nghe một số bộ, ngành báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài hoặc trình bày dự thảo *Báo cáo chính trị* đã chuẩn bị. Các báo cáo trên đã góp nhiều ý kiến và kiến nghị về các vấn đề thuộc nội dung *Báo cáo chính trị.*

Tiểu ban đã giao Tổ biên tập soạn thảo *Báo cáo chính trị.* Từ 24-4 đến đầu tháng 6, Thường trực Tiểu ban và Tổ biên tập đã họp sáu lần để sửa đổi, bổ sung và hoàn chỉnh bước đầu dự thảo báo cáo.

Ngày 2-6-1995, Tiểu ban Văn kiện họp toàn thể để góp ý về dự thảo lần đầu *Báo cáo chính trị.* Trên cơ sở ý kiến của Tiểu ban, Tổ biên tập đã sửa đổi, bổ sung hình thành bước đầu dự thảo *Báo cáo chính trị* để trình Bộ Chính trị.

Trong bốn ngày từ 23 đến 27-6-1995, Bộ Chính trị đã họp, cho ý kiến về toàn bộ dự thảo *Báo cáo chính trị,* khẳng định những vấn đề có sự nhất trí cao, cho ý kiến bổ sung, hoàn chỉnh nhiều điểm quan trọng, đồng thời cũng chỉ ra nhiều vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu, làm rõ thêm nhằm tạo sự nhất trí cao hơn. Bộ Chính trị và các đồng chí Cố vấn đã dành khoảng một tuần để thảo luận những vấn đề

quan trọng cần làm rõ hơn hoặc còn có ý kiến khác nhau và đã có kết luận của Bộ Chính trị về các vấn đề trên.

Bộ Chính trị có phiên họp cho ý kiến về việc tiếp thu ý kiến của các ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban cán sự, đảng đoàn, các ban của Đảng, các học viện, các đồng chí nguyên Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương, Uỷ viên Trung ương các khoá trước, các nhà khoa học, văn nghệ sĩ, v.v., đóng góp, chỉ đạo việc soạn thảo dự thảo *Báo cáo chính trị* trình Hội nghị Trung ương lần thứ chín.

Dưới đây xin báo cáo một số vấn đề về nội dung. *Báo cáo chính trị* có bốn phần, bao gồm nhiều nội dung. Ngoài *Báo cáo chính trị,* Bộ Chính trị còn trình Trung ương *Báo cáo về nhiệm vụ và phương hướng kế hoạch 5 năm* và *Báo cáo về sửa đổi Điều lệ Đảng*. Để dành thời gian của Trung ương vào việc thảo luận những vấn đề quan trọng, trong bản báo cáo này, xin chỉ nêu một số vấn đề, mỗi vấn đề có những ý kiến khác nhau, sau đó trình bày ý kiến của Bộ Chính trị để Ban Chấp hành Trung ương xem xét.

Phần thứ nhất

ĐẤT NƯỚC SAU 10 NĂM ĐỔI MỚI

Khi lấy ý kiến của các ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, các đảng đoàn, ban cán sự ở trung ương... về phần này, có nhiều ý kiến đóng góp. Số đông nhất trí cơ bản với nội dung của dự thảo. Có nhiều ý kiến bổ sung. Có một số ý kiến chưa đồng tình, chủ yếu ở những điểm sau đây:

- Kết cấu của phần thứ nhất có chỗ chưa lôgíc, chưa thể

hiện diễn biến của quá trình phát triển liên tục của 10 năm đổi mới.

- Đánh giá thành tựu có phần lạc quan. Phần khuyết điểm chưa đúng mức. Chưa làm rõ được nguyên nhân. Có ý kiến cho rằng có chệch hướng nặng, ngược lại có ý kiến nói chỉ có lệch lạc, khuyết điểm, không có chệch hướng.

- Về đánh giá khái quát những thành tựu, có ý kiến chưa đồng ý nước ta đã ra khỏi khủng hoảng, đã thực hiện được về cơ bản những nhiệm vụ của chặng đường đầu. Có ý kiến cho rằng đánh giá đổi mới như trong dự thảo là chưa chú ý những thành tựu trước đó. Cũng có đồng chí đề nghị cần đánh giá quá trình cách mạng 50 năm qua, nói rõ cả thành tích, cả khuyết điểm.

- Những kết luận, những bài học cần khái quát gọn hơn, phân tích sâu hơn.

Bộ Chính trị đã tiếp thu nhiều ý kiến đóng góp trên. Phần thứ nhất so với bản dự thảo trước, cách trình bày lần này có phần khác.

Sau khi nêu lên diễn biến của quá trình đổi mới, kể từ những năm đổi mới từng phần, những năm đổi mới toàn diện từ Đại hội VI đến nay, báo cáo đã tập trung làm rõ bốn nội dung: thành tựu; khuyết điểm và yếu kém; đánh giá tổng quát; những bài học chủ yếu.

Về phần thứ nhất, đề nghị Hội nghị tập trung thảo luận, cho ý kiến mấy vấn đề sau đây:

1. Nhìn khái quát quá trình diễn biến của đổi mới. Công cuộc đổi mới bắt nguồn từ đâu? Đường lối đổi mới hình thành thế nào?

Làm sáng tỏ vấn đề trên để hiểu sâu sắc hơn bản lĩnh và

trí tuệ của Đảng ta và nhân dân ta trong việc hình thành đường lối đổi mới. Trước đây chúng ta có đề cập nhưng chưa có điều kiện phân tích nguồn gốc sâu xa của đổi mới. Ở bên ngoài, nhiều người cho Việt Nam đổi mới sáng tạo, nhưng cũng có người cho rằng ta đổi mới là do ảnh hưởng quyết định của cải tổ ở Liên Xô, Đông Âu, Trung Quốc, các "con rồng". Trong cuốn *Những thách thức trên con đường cải cách ở Đông Dương,* Dwight II. Perkins, tác giả chương I, nêu vấn đề động lực của cải cách, đã đặt câu hỏi: "Phải chăng một cuộc khủng hoảng kinh tế nào đó ở Việt Nam đã kích thích những thay đổi về chính sách được đưa ra Đại hội Đảng lần thứ VI, tháng 12-1986"? Tác giả cho rằng: "Hoạt động công nghiệp và nông nghiệp trong những năm 1981 - 1985 không cho thấy khủng hoảng hay một lý do nào khác để tiến hành cải cách"; những cải cách ở Liên Xô, Đông Âu, cải cách ở Trung Quốc, những thành công của các nước phi xã hội chủ nghĩa ở Đông Á "rất có thể đã ảnh hưởng đến quyết định của cải cách Việt Nam".

Báo cáo đã cố gắng làm rõ nguồn gốc của đổi mới.

Đường lối đổi mới toàn diện được quyết định ở Đại hội VI tháng 12-1986. Những nhân tố, tiền đề tạo nên đường lối ấy đã diễn ra trước đó nhiều năm. Có thể nêu mấy mốc quan trọng:

- Hội nghị Trung ương lần thứ sáu khoá IV, họp tháng 8-1979 mở ra việc ban hành những chính sách khuyến khích sản xuất bung ra.

- Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp; các Quyết định 25, 26-CP của Thủ tướng Chính phủ về nhiều nguồn cân đối và ba phần kế hoạch khoảng đầu năm 1980 - 1981.

- Đại hội V đầu năm 1982 tự kiểm điểm về những khuyết điểm trong lãnh đạo như chủ quan nóng vội, đề ra chỉ tiêu quá lớn về quy mô và quá cao về tốc độ, từ đó, nêu ra chặng đường trước mắt đến năm 1990, điều chỉnh nội dung công nghiệp hoá, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.

- Hội nghị Trung ương lần thứ tám bàn về giá - lương - tiền tháng 8-1985 là bước đổi mới quan trọng về tư duy, về chính sách trên lĩnh vực quản lý kinh tế.

- Những kết luận về quan điểm kinh tế của Bộ Chính trị khoá V tháng 8-1986. Đây là bước đổi mới rất cơ bản về tư duy kinh tế của Đảng ta trên cả ba mặt: cơ cấu kinh tế, quan hệ sản xuất, cơ chế quản lý.

Đại hội VI đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Những đổi mới từng phần nói trên là điều kiện rất cơ bản để hình thành đường lối đổi mới của Đại hội VI.

Sau Đại hội VI đến nay (1987 - 1995), đường lối đổi mới được cụ thể hoá và phát triển. Quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã hình thành trên những nét chủ yếu ở Đại hội VII và thể hiện tập trung ở các Nghị quyết Trung ương khoá VI và nghị quyết của Bộ Chính trị. Ví dụ: Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị năm 1988, Nghị quyết Trung ương 6 tháng 3-1989. Các Nghị quyết Trung ương 6, 7, 8 đề ra các nguyên tắc đổi mới, phân tích những khuynh hướng sai lầm của cải tổ, cải cách ở Liên Xô, Đông Âu; Nghị quyết Đại hội VII đề ra *Cương lĩnh, Chiến lược* kinh tế, những nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 1991 - 1995, sửa đổi *Điều lệ Đảng,* và sau đó là nhiều nghị quyết của Trung ương khoá VII.

Rõ ràng đổi mới bắt nguồn từ yêu cầu sống còn của dân tộc, từ thực tiễn Việt Nam, từ sự khái quát những kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân ta, do đó đường lối đổi mới mang đặc điểm Việt Nam.

Đảng ta có tham khảo kinh nghiệm các nước, kể cả kinh nghiệm cải tổ của Liên Xô, Đông Âu, tránh những chủ trương, chính sách, khuynh hướng sai lầm dẫn đến thất bại. Sau đó nghiên cứu kinh nghiệm của các nước công nghiệp mới, các nước tư bản phát triển. Mấy năm gần đây cử một số đoàn nghiên cứu kinh nghiệm Trung Quốc. Nhưng chủ yếu là Đảng ta luôn luôn bám sát thực tiễn Việt Nam, từng bước tổng kết để xây dựng và phát triển đường lối, chính sách đổi mới. Tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, nhưng có chọn lọc, không giáo điều.

2. Về đánh giá tổng quát, đề nghị thảo luận một số vấn đề:

Một là, nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt chưa được củng cố vững chắc.

Có ý kiến cho rằng ta chưa ra khỏi khủng hoảng; có ý kiến cho mới ra khỏi khủng hoảng về kinh tế; có ý kiến cơ bản ra khỏi khủng hoảng. Có đồng chí nói rõ: Chưa nên đánh giá tổng quát "nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội", mà chỉ nên đánh giá "đã cơ bản ra khỏi" hoặc "đang ra khỏi khủng hoảng kinh tế", vì hai vấn đề lớn đang làm nhức nhối mọi người là nhiều mặt xã hội, nhiều mặt về chất lượng Đảng vẫn đang tiếp tục sút kém, chưa gỡ ra được.

Bộ Chính trị nhận định: **"đất nước đã ra khỏi khủng**

hoảng kinh tế - xã hội... nhưng có một số mặt chưa vững chắc" là dựa vào các căn cứ sau đây:

- Về kinh tế, có hai yếu tố: Nhịp độ phát triển 5 năm tăng nhanh và đều, bình quân 8,2%/năm. Trước đây khủng hoảng thể hiện rõ nhất ở sự trì trệ sản xuất, bình quân một năm chỉ tăng 0,4% GDP (1976 - 1980). Thời kỳ 1981 - 1985 nhịp độ tăng trưởng kinh tế tăng khá (3,9% GDP hằng năm) nhưng vẫn khủng hoảng, vì nhiều nguyên nhân, trong đó có lạm phát ba con số. Hiện nay nhịp độ tăng trưởng cao, lạm phát trong 10 tháng của năm 1995 tuy còn 12,3%, nhưng so với trước đã được đẩy lùi một bước khá lớn.

- Về mặt xã hội, tình hình còn rất nhiều nhức nhối, có những mặt rất nghiêm trọng, như tiêu cực và bất công chưa bị đẩy lùi, tham nhũng vẫn phát triển, đạo đức suy thoái... Đó là sự thật không thể coi thường. Nhưng xét toàn bộ, mặt xã hội cũng có những thành tựu quan trọng. Đó là đời sống của nhân dân tuy còn thấp, một bộ phận còn nghèo, nhưng đời sống của tuyệt đại bộ phận được cải thiện. Đó là trình độ dân trí được nâng lên qua giáo dục, qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua sách báo, qua giao lưu với nước ngoài, qua thực tiễn đổi mới. Điều không kém quan trọng là ý chí tự lực, tự cường, năng động, một động lực không thể thiếu để đưa đất nước đi lên, đã thể hiện rõ trong đời sống xã hội, đang thay thế cho tâm lý ỷ lại, chờ đợi. Đó là chưa nói tới lòng tin đối với đổi mới, đối với Đảng và Nhà nước được nâng lên. Đó còn là những nét mới xuất hiện trong cuộc sống: phong trào đền ơn đáp nghĩa, xoá đói giảm nghèo, hỗ trợ, cưu mang nhau khi khó khăn.

Dựa vào các căn cứ trên, Bộ Chính trị cho rằng **nước ta**

đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng có một số mặt chưa được củng cố vững chắc. Thể hiện: tích luỹ còn thấp, khả năng tái lạm phát cao vẫn chưa bị loại trừ, hiệu quả kinh tế còn thấp, tiêu cực, bất công chưa bị đẩy lùi. Đề nghị Trung ương thảo luận, cho ý kiến về vấn đề này. Nếu chưa ra khỏi khủng hoảng, thì cần giải quyết những vấn đề gì, thời gian bao lâu thì ra khỏi khủng hoảng?

Hai là, chúng ta đã hoàn thành về cơ bản những nhiệm vụ đề ra trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ; nước ta đã chuyển sang một thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Có ý kiến còn phân vân về nhận định này, cho chưa đủ căn cứ thuyết phục. Có ý kiến đề nghị: "chưa nên nói ta đã kết thúc bước đi ban đầu". Vì: thời kỳ quá độ ở nước ta có mấy bước đi, nội dung của mỗi bước đi, kể cả bước đi ban đầu chưa xác định rõ, chính xác và nhất quán.

Vào đầu những năm 70, Đảng ta có nêu lên *"bước đi ban đầu"*. Đại hội IV không đề cập vấn đề này. Đến Đại hội V, Đảng ta đề ra nội dung *chặng đường đầu* và vạch ra chặng đường đầu tiên của quá trình công nghiệp hoá với *bốn mục tiêu:*

- Đáp ứng nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất, dần dần ổn định, tiến lên **cải thiện** một bước đời sống của nhân dân, trước hết về lương thực, thực phẩm...

- Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, đồng thời chuẩn bị cho sự phát triển của ngành công nghiệp ở chặng đường sau.

- Hoàn thành công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam.

- Đáp ứng nhu cầu phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh.

Để đạt những mục tiêu ấy, phải:

Một là, làm cho sản xuất, thu nhập quốc dân từ chỗ chưa đủ để trang trải tiêu dùng xã hội, tiến tới bảo đảm được tiêu dùng xã hội và có tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế quốc dân.

Hai là, làm cho khối lượng và cơ cấu tổng sản phẩm xã hội từ chỗ quá thấp và mất cân đối nghiêm trọng so với nhu cầu của nền kinh tế tiến tới đáp ứng được một phần nhu cầu quan trọng, kể cả thông qua xuất khẩu để nhập khẩu những sản phẩm mà trong nước chưa tạo ra được và chưa tạo ra đủ.

Cương lĩnh được thông qua ở Đại hội VII chỉ rõ: "Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường. Mục tiêu của chặng đường đầu là: thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau".

Như vậy mục tiêu, nội dung chặng đường đầu là rõ ràng.

Đến nay, qua nhiều sóng gió, chúng ta vẫn giữ vững được ổn định chính trị, kinh tế ổn định và phát triển, đã có tích luỹ từ nội bộ, đã tạo ra được một khối lượng sản phẩm, thông qua xuất nhập đáp ứng được nhu cầu phát triển của nền kinh tế, thu hẹp được nhiều mất cân đối nghiêm trọng trước đây. Do đó, có căn cứ để nhận định: hoàn thành về **cơ bản** những nhiệm vụ của chặng đường đầu.

Việc đánh giá này dựa vào nội dung chặng đường đầu của Đại hội V và Đại hội VI. Trong các văn kiện Đại hội V còn đề ra mục tiêu hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa vào năm 1990. Nhưng từ Đại hội VI, chủ trương thực hiện chính sách

kinh tế nhiều thành phần, không chủ trương cải tạo nhanh như trước, cho nên không nên căn cứ vào mục tiêu cải tạo đã hoàn thành hay chưa để đánh giá chặng đường đầu kết thúc hay chưa.

Báo cáo chính trị của Hội nghị giữa nhiệm kỳ nhận định: "những thành tựu quan trọng đạt được *đã và đang* tạo ra những tiền đề đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá". Lúc đầu viết *đang* tạo ra tiền đề, nhưng có ý kiến bổ sung *đã và đang* tạo ra những tiền đề. Ý kiến bổ sung đó được hội nghị chấp nhận. Lúc đó cũng thảo luận vấn đề chuyển dần sang thời kỳ mới, hay chuyển mạnh sang thời kỳ mới. *Báo cáo chính trị* viết *chuyển dần,* nghĩa là đã chuyển nhưng chuyển dần, vì tuy đã bước vào thời kỳ mới nhưng vẫn phải tiếp tục giải quyết một số vấn đề, hơn nữa phải tạo thêm tiền đề để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Ví dụ vấn đề tạo nguồn vốn bên trong, tranh thủ vốn bên ngoài. Từ Hội nghị giữa nhiệm kỳ đến nay đã gần hai năm, các tiền đề đã được tạo ra nhiều hơn trước, do đó ta có thêm cơ sở để nhận định về thời kỳ mới.

Đến nay, có thể nhận định *nước ta đã chuyển sang thời kỳ mới.* Có khác trước về mức độ: Hội nghị giữa nhiệm kỳ cho rằng đã và đang chuyển dần sang thời kỳ mới; còn đến nay Bộ Chính trị nhận định đã *chuyển sang thời kỳ mới* đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vì đến thời điểm này các tiền đề nhiều hơn và thực tế quy mô công nghiệp hoá mở rộng hơn trước thể hiện ở tổng số vốn đầu tư của 5 năm 1996 - 2000 có khả năng tăng gần gấp đôi 5 năm trước; những công

trình đang xây dựng hoặc sắp xây dựng trong 5 năm tới nhiều hơn trước.

Ba là, xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tuy có một số khuyết điểm, lệch lạc lắp đi lắp lại, dẫn đến những *chệch hướng cục bộ* trên lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, ở nơi này hay nơi khác.

Đi đến kết luận trên, cần xem xét nhiều ý kiến xung quanh vấn đề này:

- Trong một tài liệu hoạch định chiến lược của nước ngoài có nhận định xuyên tạc sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta: "Số phận của cả một dân tộc sau nửa thế kỷ điêu đứng..., nay lại đang trôi nổi trên những đợt sóng hung bạo của cái gọi là *kinh tế thị trường - định hướng xã hội chủ nghĩa.* Thực chất là một sản phẩm cải lương, tuỳ tiện nhằm củng cố quyền lực của giai cấp thống trị...".

- Có một số tài liệu được tán phát rộng một cách bất hợp pháp và được báo đài phương Tây phát lại đã phê phán, xuyên tạc Đảng ta, cho ta không đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà là đi theo chủ nghĩa tư bản man rợ; cho chính quyền ta hiện nay là sự liên minh giữa tư sản "đỏ" và tư sản đầu cơ buôn lậu.

Đó là những luận điệu xuyên tạc.

- Trong nội bộ ta cũng có ý kiến khác nhau về vấn đề này.

+ Một số đồng chí ở lớp bồi dưỡng quan điểm của Đảng đề nghị đồng chí Tổng Bí thư giải đáp ta có chệch hướng không? Nhiều ý kiến khẳng định: "Ta đã và đang chệch hướng về xây

dựng hợp tác xã, về hợp tác liên doanh, liên kết với nước ngoài; buông lỏng để kinh tế tư nhân tự do phát triển; văn hoá, giáo dục, y tế xuống cấp và phát triển lệch lạc. Phải chăng trên thực tế đang có sự chệch hướng đường lối giai cấp trong giáo dục, đào tạo, chăm sóc y tế, vì con em công nông không có điều kiện học tập lên cao, người nghèo hiện nay không được bảo đảm sức khoẻ. Tương lai đất nước thuộc về những người giàu".

+ Có ý kiến cho rằng vừa qua không có chệch hướng lớn, cũng không có chệch hướng cục bộ, mà chỉ có khuyết điểm, lệch lạc. Nói chệch hướng là làm mất tính tích cực, hạn chế việc dám nghĩ, dám làm của cán bộ, đảng viên.

+ Có ý kiến cho rằng chưa có chủ nghĩa xã hội, làm gì có định hướng xã hội chủ nghĩa mà nói chệch hướng? Ngược lại có ý kiến hỏi rằng: Mục tiêu chủ nghĩa xã hội đã được xác định từ *Luận cương năm 1930,* vì sao còn nêu: theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đề nghị bỏ cụm từ định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Khi thảo luận về chệch hướng cụ thể, có những ý kiến khác nhau: có người nhấn mạnh chệch hướng ở lĩnh vực quan hệ sản xuất; có người nhấn mạnh mặt văn hoá xã hội; có người lại nhấn mạnh chệch hướng chính là một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hoá nghiêm trọng về phẩm chất, một bộ phận mất lòng tin vào chủ nghĩa xã hội, thậm chí chống lại đường lối của Đảng.

Đối với vấn đề định hướng xã hội chủ nghĩa, dự thảo *Báo cáo chính trị* của Ban Chấp hành Trung ương ở Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ đã nói rõ:

"Đại hội VII đã nêu lên sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Đại hội cũng chỉ rõ những phương hướng cơ bản để từng bước thực hiện trên thực tế các đặc trưng ấy. Đó chính là định hướng xã hội chủ nghĩa mà các hội nghị Trung ương khoá VII đã cụ thể hoá để chỉ đạo thực hiện".

Quan điểm trên của Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ đã trả lời rất rõ ý kiến cho rằng chưa có định hướng xã hội chủ nghĩa thì làm gì có chệch hướng và cũng trả lời vì sao phải nói định hướng xã hội chủ nghĩa.

Vấn đề chệch hướng chỉ xem xét về chủ trương, chính sách hay cả tổ chức thực hiện? Hội nghị giữa nhiệm kỳ đã nêu rõ: "nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực hiện". Như vậy phải xem xét cả hai mặt.

Đánh giá chệch hướng hay không chệch hướng phải xem xét về mặt nhận thức cũng như thực tiễn. Nói đến chệch hướng về nhận thức cũng cần xét toàn diện, tả hay hữu, nếu nghiêm trọng, lắp đi lắp lại đều có thể là biểu hiện của chệch hướng mức này hay mức khác. Tình trạng tham nhũng nghiêm trọng đang diễn ra không thể nói là phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa.

Với sự phân tích các mặt, Bộ Chính trị đi tới kết luận: "*Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, là đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.* Không phải xem xét lại những vấn đề cơ bản trong đường lối thể hiện ở *Cương lĩnh,* tuy rằng chúng ta phải thường xuyên nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để có những điều chỉnh, bổ sung và phát triển mới.

Song trên những lĩnh vực, những vấn đề cụ thể thì vừa qua, trong quá trình thực hiện, có một số khuyết điểm, lệch lạc, trong đó có những khuyết điểm lớn lắp đi lắp lại dẫn đến *chệch hướng cục bộ.* Cuộc đấu tranh giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa là cuộc đấu tranh khó khăn, phức tạp đang diễn ra hằng ngày, vì vậy việc kịp thời chỉ ra và uốn nắn những khuyết điểm, lệch lạc, chệch hướng là rất cần thiết. Điều quan trọng là đề ra được những chủ trương và phương pháp sửa cụ thể trong từng việc, từng lĩnh vực".

Bốn là, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã được xác định ngày càng rõ hơn.

Nhiều đồng chí đồng ý với nhận định trên. Cũng có đồng chí không đồng ý, cho rằng nhận định như vậy là chủ quan và lạc quan. Đồng chí viết:

Đảng hô hào mọi người đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng khi người ta hỏi chủ nghĩa xã hội là gì, thì Đảng không trả lời được. Vậy làm sao người ta biết mình được định hướng đi đến đâu, để yên tâm một lòng theo Đảng.

Đảng chủ trương chống đa nguyên chính trị nhưng vì chưa làm rõ được về chủ nghĩa xã hội, nên vô tình hay cố ý Đảng dung dưỡng ngay trong Đảng tình trạng "đa nguyên hành động", thực chất là một loại đa nguyên chính trị "ngầm".

Bộ Chính trị nhận định: *con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã được xác định ngày càng rõ hơn là có cơ sở.*

Khái niệm con đường đi lên chủ nghĩa xã hội được chính thức xác định ở Đại hội VII. Đại hội đã nêu lên quan niệm về chủ nghĩa xã hội với sáu đặc trưng. Đó là mục tiêu phấn đấu

lâu dài. Để biến các đặc trưng đó thành hiện thực không thể chủ quan, nóng vội, phải có hình thức, bước đi phù hợp, phải có cách làm thể hiện ở chủ trương, chính sách, giải pháp đúng đắn. Trước đây ta cũng tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng theo cách làm khác, chậm phát hiện, khắc phục những nhược điểm của mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đến nay áp dụng cách làm khác, bước đi khác, chủ trương, giải pháp khác để từng bước thực hiện những đặc trưng nói trên. Cái đó được Đại hội VII gọi là **con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.**

Với việc thông qua *Cương lĩnh, Chiến lược* và nhiều văn kiện khác, Đại hội VII nhận định: **"với trí tuệ đóng góp của toàn Đảng, toàn dân, quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã có thể hình thành trên những đường nét chủ yếu".**

Từ sau Đại hội VII đến nay, Ban Chấp hành Trung ương đã ra nhiều nghị quyết: Nghị quyết Trung ương 2 về kinh tế, Nghị quyết Trung ương 3 về quốc phòng - an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng. Trong Nghị quyết 3, vấn đề chống diễn biến hoà bình đã được đặt ra kịp thời, đúng đắn; đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở được cụ thể hoá và phát triển; công tác xây dựng Đảng được đề ra một cách toàn diện và được coi là nhiệm vụ then chốt trong lãnh đạo của Đảng. Nghị quyết Trung ương lần thứ tư đề cập một cách toàn diện và cơ bản các vấn đề văn hoá và xã hội. Nghị quyết Trung ương 5 đề cập vấn đề phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Nghị quyết Trung ương 6 và Hội nghị giữa nhiệm kỳ đã tổng kết một bước công cuộc đổi mới, cụ thể hoá và

phát triển Nghị quyết Đại hội. Rõ nhất là nhận định về vấn đề chuyển dần sang giai đoạn mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nghị quyết Trung ương 7 bàn về công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đề ra hệ thống quan điểm chỉ đạo sự nghiệp công nghiệp hoá, vạch rõ nội dung chủ yếu của công nghiệp hoá trong những năm còn lại của thế kỷ này, đã xác định rõ hơn mô hình công nghiệp hoá ở nước ta theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Hội nghị Trung ương 8 đề ra các quan điểm chỉ đạo và những giải pháp xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, xác định bản chất giai cấp, tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước ta; nêu rõ nội dung cải cách hành chính, cải cách công tác lập pháp và tư pháp. Đó là một bước tiến lớn về đổi mới chính trị.

Có thể nói những nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khoá VII đã đi sâu vào nhiều chuyên đề, đề cập vấn đề toàn diện. Chính những nghị quyết đó đã **cụ thể hoá, bổ sung và có phần phát triển con đường đi lên chủ nghĩa xã hội** đã được hình thành trên những nét chủ yếu ở Đại hội VII, và với việc chuẩn bị Đại hội VIII hiện nay, có cơ sở để khẳng định: **Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được xác định ngày càng rõ hơn.**

Về phần *bài học đổi mới.* Trong dự thảo báo cáo có nêu lên sáu bài học chủ yếu qua tổng kết 10 năm đổi mới.

1. Giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới.

2. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới hệ thống

chính trị và đổi mới kinh tế, kết hợp ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị.

3. Đổi mới kinh tế, xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước.

4. Mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của toàn thể dân tộc.

5. Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp của nhân dân ta, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

6. Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng; coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

So với dự thảo lần đầu, bản dự thảo lần này, qua tiếp thu ý kiến, có nhiều sửa đổi:

- Trước viết là những *kết luận,* nay viết rõ là những *bài học* chủ yếu.

- Sắp xếp tương đối tập trung hơn.

- Những bài học này được tổng kết trong 10 năm đổi mới, có kế thừa năm bài học về đổi mới của Đại hội VII và bốn bài học cơ bản của Đại hội VI.

- Nội dung bài học viết cô đọng hơn.

Những bài học của đổi mới có ý nghĩa rất quan trọng, không chỉ nhằm nâng cao trình độ tư duy của Đảng ta, mà còn cần thiết nắm vững trong việc lãnh đạo thực hiện những nhiệm vụ mới. Đề nghị Trung ương cho ý kiến về nội dung mỗi bài học, thêm hoặc bớt bài học nào, nên sắp xếp thứ tự các bài học ra sao?

Phần thứ hai

MỤC TIÊU LÂU DÀI VÀ ĐẾN NĂM 2000

Để xác định mục tiêu phải phân tích tình hình trong nước và quốc tế. Phần nhận định tình hình trong nước đã được trình bày ở trên, nên phần này đi sâu phân tích bối cảnh quốc tế. Và trên cơ sở đánh giá tình hình trong nước và thế giới, xem xét thời cơ và thách thức, từ đó xác định mục tiêu đến năm 2020 và mục tiêu 5 năm 1996 - 2000. Bộ Chính trị đã dành thời gian để thảo luận vấn đề này.

Tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp và chứa đựng nhiều yếu tố khó lường trước. Phân tích tình hình thế giới, có không biết bao vấn đề. Trong *Báo cáo chính trị,* không thể dành nhiều trang để trình bày mà chỉ có thể nêu ra những đặc điểm chủ yếu, tuy chưa đủ, nhưng có thể hình dung được về cơ bản cục diện của thế giới ngày nay.

Báo cáo chính trị nêu lên năm đặc điểm nổi bật:

Đặc điểm thứ nhất: sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu khiến phong trào cộng sản lâm vào thoái trào, làm cho cán cân lực lượng thay đổi bất lợi cho cách mạng. Đó là điều trong 45 năm qua chưa có. Nhưng có vì thế mà tính chất thời đại đã thay đổi không? Đảng ta khẳng định là không. Thời đại hiện nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Khẳng định điều này có ý nghĩa rất quan trọng. Vì mỗi đảng khi hoạch định chiến lược, sách lược cách mạng, không thể không xem xét đất nước mình đang sống trong thời đại lịch sử nào, có những đặc điểm và mâu thuẫn gì, xu hướng phát triển ra sao để chọn hướng đi phù hợp. Lênin từng chỉ ra: Có trên cơ sở

hiểu đúng thời đại, chúng ta mới có thể định ra chiến lược và sách lược đúng đắn. Khẳng định tính chất thời đại có căn cứ vững chắc giúp củng cố lòng tin của những người cộng sản vào con đường đã chọn, nó bác bỏ những quan điểm chỉ thấy mặt lực lượng sản xuất nhưng phủ nhận nội dung giai cấp, nội dung chính trị, kinh tế, xã hội trong sự vận động đầy mâu thuẫn của hình thái kinh tế - xã hội.

Có ý kiến cho rằng không nên nói mâu thuẫn như trước, tình hình đã thay đổi, nói bốn mâu thuẫn cơ bản là cũ kỹ. *Báo cáo chính trị* nhận định rằng các mâu thuẫn cơ bản của thế giới vẫn tồn tại và phát triển, nhưng có nhiều biểu hiện mới. Trong bản kết luận của Bộ Chính trị, có nói cụ thể biểu hiện mới của mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, như sau: "Ngày nay giữa một số nước xã hội chủ nghĩa và các nước tư bản phát triển thiết lập quan hệ chính thức về mặt nhà nước, có quan hệ vừa hợp tác, vừa đấu tranh về nhiều mặt; mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản ngày nay biểu hiện chủ yếu bằng diễn biến hoà bình; và chống diễn biến hoà bình; tuy hình thức biểu hiện có khác trước nhưng cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản vẫn là cuộc đấu tranh rất quyết liệt".

Đặc điểm thứ hai: "Nguy cơ chiến tranh thế giới huỷ diệt bị đẩy lùi, nhưng xung đột vũ trang cục bộ, xung đột sắc tộc và tôn giáo, việc sản xuất và buôn bán vũ khí, chạy đua vũ trang, các hoạt động can thiệp, bạo loạn, lật đổ vẫn xảy ra ở nhiều nơi". Như vậy có nghĩa hoà bình thế giới được củng cố thêm. Các nước khi hoạch định chiến lược không thể không tính tới đặc điểm đó, không thể không sử dụng hoàn cảnh hoà bình để xây dựng đất nước. Nhưng không chủ quan, vì chiến tranh cục bộ, xung đột tôn giáo, bạo lực, lật đổ... vẫn

diễn ra ở nhiều nước. Theo thống kê của Tổ chức Thầy thuốc không biên giới của Pháp, năm 1995 đang tồn tại 35 cuộc xung đột trên thế giới, trong đó có 15 cuộc là xung đột quyền lực, 8 cuộc xung đột ly khai, 5 cuộc xung đột sắc tộc và 5 cuộc xung đột lãnh thổ. Trước năm 1987, Liên hợp quốc có 5 đoàn với 1 vạn lính gọi là đi làm nhiệm vụ bảo vệ hoà bình, chi phí 237 triệu đôla thì năm 1993 tăng lên 14 đoàn, chi phí trên 3 tỷ đôla.

Đặc điểm thứ ba: Nói về cuộc cách mạng khoa học, công nghệ tác động đến các mặt của đời sống quốc tế, đẩy mạnh xu thế toàn cầu hoá. Đó là thuận lợi đối với các nước, nhưng cũng là thách thức đối với nhiều nước kém phát triển, đang phát triển. Khi xác định mục tiêu tiến lên, bất cứ nước nào cũng không thể bỏ qua đặc điểm này.

Đặc điểm thứ tư: Cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề chung có tính chất toàn cầu (bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo), không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết, mà cần phải có sự hợp tác đa phương để xử lý thông qua các cơ chế đa phương, nhất là Liên hợp quốc và các tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc, các tổ chức quốc tế và khu vực.

Đặc điểm thứ năm: Nêu rõ sự phát triển của khu vực châu Á - Thái Bình Dương là khu vực phát triển năng động mà nước ta là một thành viên. Trong khu vực đang diễn ra quá trình liên kết, hợp tác kinh tế trên nhiều nấc: đại khu vực, khu vực, tiểu khu vực, tam giác, tứ giác... Tuy vậy, cũng tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây mất ổn định và sự tác động mạnh của các nước lớn. Khi định chiến lược, sách lược không thể không tính tới đặc điểm này. Trong đặc điểm này

có đề cập vai trò của các cường quốc. Mỗi cường quốc có vị trí thế nào, sự thống nhất và mâu thuẫn giữa các nước, chính sách của mỗi cường quốc đối với nước ta? Đối sách của ta phải tính tới đặc điểm này.

Đề nghị Trung ương cho ý kiến nêu năm đặc điểm như vậy được chưa, cần thêm bớt đặc điểm nào?

Từ những đặc điểm nêu trên, trong quan hệ quốc tế, đã và đang nổi lên những xu thế chủ yếu sau đây:

- Hoà bình, ổn định và hợp tác để phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của đông đảo các dân tộc và các quốc gia trên thế giới; các nước dành ưu tiên cho yêu cầu phát triển kinh tế, coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp của một quốc gia. Xu thế này quan trọng. Các cường quốc lớn cũng như các nước nhỏ không thể không tính toán tới xu thế này. Có nhiều nước muốn tranh thủ hoà bình, ổn định, có được môi trường hoà bình của nước mình, của khu vực và cả thế giới trong khoảng vài ba chục năm để vươn lên mạnh. Có những nước đế quốc hùng cường, bản chất là xâm lược, họ vẫn gây ra nhiều xung đột, bạo loạn lật đổ, nhưng họ cũng tính tới xu thế hoà bình để nâng cao tiềm lực cạnh tranh quyết liệt, vì suy yếu về kinh tế sẽ mất vị trí siêu cường. Nhân dân ta chiến đấu mấy chục năm cũng nhằm có được độc lập dân tộc, hoà bình để xây dựng đất nước. Đó là nguyện vọng tha thiết của nhân dân ta sau nhiều năm chiến đấu.

- Các quốc gia lớn nhỏ tham gia ngày càng tích cực vào quá trình hợp tác, liên kết khu vực và toàn cầu về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực khác. Điều này bắt nguồn từ sự quốc tế hoá ngày càng cao của lực lượng sản xuất, mỗi nước không thể sống như một hòn đảo. Hơn nữa trong quá

trình hoà nhập đó, không thể không có cạnh tranh. Các nước đều tìm kiếm sự liên kết trong phạm vi thế giới, khu vực, tứ giác, tam giác, song phương. Ta vào ASEAN và sẽ tham gia các tổ chức quốc tế cũng nằm trong xu thế đó.

- Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập, bảo vệ chủ quyền, đấu tranh chống lại sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài. Ý thức độc lập tự chủ được nâng cao, bắt nguồn từ ý chí muốn vươn lên của nước mình, phải có lực lượng để đấu tranh chống lại sự áp đặt của bên ngoài. Ý thức ấy được thể hiện khá rõ nét ở những nước đang bị thế lực bên ngoài bao vây, can thiệp; những nước đã giành được độc lập vẫn chống lại sự phụ thuộc nước ngoài. Hội nghị không liên kết bao gồm nhiều nước kém phát triển, đang phát triển vừa qua là chứng minh cho ý thức dân tộc nói trên. Các nước kém phát triển và đang phát triển đang đấu tranh để dân chủ hoá Liên hợp quốc, cải tổ Liên hợp quốc tuy chưa đạt được kết quả, nhưng cũng là biểu hiện của ý thức chống lại sự khống chế của một số nước lớn. Liên hợp quốc tuy về nguyên tắc là tổ chức quốc tế rộng rãi bao gồm hầu hết các quốc gia lớn nhỏ, với cơ chế mỗi nước một phiếu trong Đại hội đồng, nhưng thực tế quyền hạn của Hội đồng rất hạn chế, mọi quyền quyết định đều do Hội đồng Bảo an đưa ra, thực chất quyền quyết định thuộc về năm nước lớn. Trong những năm gần đây, cuộc đấu tranh đòi dân chủ hoá Liên hợp quốc là một nội dung quan trọng của các nước đang phát triển.

Các nước có chế độ xã hội khác nhau vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hoà bình; hợp tác ngày càng tăng lên và sâu thêm nhưng cạnh tranh cũng rất gay gắt và quyết liệt. Cuộc đấu tranh của các đảng cộng sản và công

nhân, các lực lượng cách mạng trên thế giới vì hoà bình, dân chủ, khi Liên Xô sụp đổ, gặp rất nhiều khó khăn, nhưng phong trào có chỗ đang phục hồi, có chỗ vẫn giữ được những thành quả đấu tranh...

Thời gian qua, nảy sinh tính đa phương, đa dạng hoá trong quan hệ quốc tế. Tính đa phương, đa dạng đó nảy sinh từ đâu. Có vị trí như thế nào?

Dự thảo *Báo cáo chính trị* viết: "Sự vận động của các mâu thuẫn cơ bản và tác động của các xu thế chủ yếu đã làm nảy sinh tính đa phương, đa dạng trong quan hệ quốc tế, từ đó nhiều nước điều chỉnh chiến lược và thể hiện chính sách đối ngoại đa phương và đa dạng hoá".

THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC

Đề nghị hội nghị làm rõ ý nghĩa và nội dung của thời cơ.

Nói đến thời cơ là nói thời điểm mà nhân dân ta có những điều kiện thuận lợi để xây dựng đất nước theo mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Vì sao có thời cơ như vậy? Trước hết là do cuộc đấu tranh của nhân dân ta, nhất là những thành tựu to lớn, rất có ý nghĩa trong đổi mới tạo cho ta thế và lực mới. Cùng với thắng lợi ấy, Đảng và Nhà nước ta triển khai chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, trong một thời gian không dài mở được quan hệ với rất nhiều nước, có điều kiện tranh thủ vốn, công nghệ của thế giới, nâng cao vị thế của nước ta trên thế giới. Khả năng độc lập tự chủ và hội nhập cộng đồng quốc tế tăng thêm.

Chúng ta có được môi trường trong nước và ngoài nước,

môi trường giữ được hoà bình ổn định để xây dựng đất nước, và có điều kiện thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Báo cáo chính trị đã chỉ rõ: phải chủ động nắm thời cơ để vươn lên phát triển nhanh và vững chắc, tạo ra thế và lực ngày càng lớn hơn để thực hiện mục tiêu đã định. Cần lưu ý đến những nhân tố có thể làm mất thời cơ. Nếu chúng ta sơ hở và phạm sai lầm trong việc xử lý quan hệ đối ngoại, nếu quản lý kinh tế, xã hội kém, xử lý không kịp thời và đúng đắn các mâu thuẫn trong nội bộ, nếu đội ngũ cán bộ không được đào tạo, bồi dưỡng nhanh, không vươn lên ngang tầm, nếu để tệ tham nhũng tràn lan không khắc phục được, gây ra mất ổn định chính trị, xã hội thì đó là những nhân tố làm mất thời cơ, và tăng thêm nguy cơ. Mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi cơ sở phải suy nghĩ kỹ về thời cơ, vận dụng thời cơ để đưa công cuộc đổi mới trong ngành, địa phương mình lên, góp phần cùng cả nước nắm vững thời cơ, giành được những thắng lợi to lớn hơn.

Không chỉ có thời cơ, mà còn có thách thức. Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ tháng 1-1994 nêu lên cho đến nay vẫn là những thách thức to lớn.

Có đồng chí viết thư cho Trung ương hỏi: nguy cơ tụt hậu là nguy cơ chủ yếu có đúng không? Đồng chí cho rằng cán bộ, đảng viên hư hỏng nhiều, cả cán bộ cấp cao cũng mắc, mất phẩm chất. Tình trạng mất đoàn kết phổ biến, có bè phái, cục bộ, địa phương. Nhiều chi bộ không còn đóng vai trò pháo đài, thể hiện rõ là hàng vạn vụ tiêu cực, tham nhũng lớn, nhưng có rất ít chi bộ chủ động đề xuất và đấu tranh. Đề nghị xem lại ý kiến đề ra trong dự thảo "nguy cơ tụt hậu là

nguy cơ chủ yếu có chính xác không? hay nguy cơ chủ yếu hiện nay là sự suy thoái trong Đảng và tha hoá trong xã hội".

Trong bản dự thảo lần thứ nhất viết: "thách thức gay gắt *nhất* vẫn là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế. Bản dự thảo lần này viết: "nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với những nước trong khu vực vẫn là thách thức to lớn và gay gắt". Vì nhiệm vụ trọng tâm của ta là kinh tế, giải quyết tốt về kinh tế là cơ sở giải quyết nhiều vấn đề khác, cho nên đưa nguy cơ tụt hậu lên hàng đầu. Nhưng không vì thế mà coi nhẹ nguy cơ khác, trong đó có nguy cơ tham nhũng, cho nên trong bản dự thảo lần này, Bộ Chính trị cho rằng: Điều cần thấy rõ là các nguy cơ ấy có mối liên hệ và tác động lẫn nhau và đều nguy hiểm, không thể xem nhẹ nguy cơ nào.

Tinh thần chủ đạo của ta là phải chủ động nắm lấy thời cơ, vươn lên phát triển nhanh và vững chắc, tạo ra thế và lực mới ngày càng lớn hơn, đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kể cả các nguy cơ mới có thể nảy sinh, bảo đảm đất nước phát triển đúng hướng.

Đề nghị Trung ương cho ý kiến về vấn đề này.

MỤC TIÊU

Trong vài chục năm, từ nay đến khoảng năm 2020, chúng ta ra sức phấn đấu để biến nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

- Lực lượng sản xuất nước ta đến lúc đó sẽ đạt trình độ tương đối hiện đại: Cơ cấu kinh tế có chuyển đổi lớn: công nghiệp và dịch vụ chiếm tỉ trọng rất lớn trong GDP, khoa học tự nhiên và công nghệ đạt tới trình độ trung bình của thế giới...

- Kinh tế nhà nước thực hiện tốt vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế hợp tác trở thành nền tảng của nền kinh tế. Kinh tế tư bản tư nhân, cá thể chiếm tỉ lệ đáng kể. Kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức khác nhau tồn tại phổ biến.

- Nhân dân có cuộc sống no đủ, có nhà ở tương đối tốt, có điều kiện thuận lợi về đi lại, học hành, chữa bệnh, hưởng thụ văn hoá. Quan hệ xã hội lành mạnh.

Xin phép trình bày một số điểm về mục tiêu lâu dài nói trên.

1. Có cần thiết phải xác định mục tiêu lâu dài và có khả năng xác định được không? Bộ Chính trị thấy cần và có thể làm được. Chiến lược 10 năm đến năm 2000 thì kết thúc. Trong kế hoạch 5 năm này, vừa phải đạt những mục tiêu đề ra vừa phải chuẩn bị cho những năm sau năm 2000. Trong tình hình như hiện nay, không xác định mục tiêu lâu dài thì sẽ lúng túng. Dài bao nhiêu? Có ý kiến đến năm 2010, có ý kiến 2020. Tính toán các mặt, thấy rằng để đạt mục tiêu biến nước ta thành nước công nghiệp, phải có thời gian cần thiết. Các nước công nghiệp mới phát triển cần 30 năm. Ta cũng dự kiến khoảng vài chục năm, nếu tính từ 1990 đến 2020 cũng là 30 năm, nói "khoảng" là hàm ý có thể kéo dài hơn hoặc ngắn hơn chút ít.

Mấy trăm nhà khoa học nghiên cứu vài năm nay đã đưa ra tài liệu chuẩn bị cho soạn thảo công trình: *Việt Nam - con đường phát triển tới năm 2020.* Đó là một tài liệu tham khảo cho việc xác định mục tiêu. Đương nhiên mục tiêu lâu dài đề ra ở đây chưa phải là một chiến lược kinh tế, một quy hoạch lâu dài. Sau đây dựa vào mục tiêu trên, các cơ quan có trách

nhiệm sẽ tính toán xây dựng chiến lược và chương trình kinh tế đến năm 2020.

2. Xin nói về một vài nội dung trong mục tiêu lâu dài: Ban đầu có lượng hoá một số nhiệm vụ, ví dụ tỉ lệ thể hiện quan hệ giữa công nghiệp, dịch vụ nông nghiệp đến năm 2020, hoặc quốc doanh và hợp tác là nền tảng thì khu vực này chiếm tỉ trọng bao nhiêu.

Bản này không định lượng cụ thể, mà chỉ nêu định tính nhiều hơn.

3. Một câu hỏi đặt ra là nếu thực hiện được mục tiêu nói trên thì đã kết thúc thời kỳ quá độ chưa? Chưa. *Báo cáo chính trị* chỉ rõ làm được những việc nói trên sẽ là một bước tiến lớn trong quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nghĩa là chưa kết thúc thời kỳ quá độ. Thời kỳ quá độ kéo dài bao nhiêu, phải tiếp tục nghiên cứu, chưa tính toán cụ thể được ngay là đến năm nào sẽ kết thúc. Nhưng có thể khẳng định thời kỳ quá độ là thời kỳ lịch sử lâu dài.

Báo cáo còn nêu mục tiêu đến năm 2000, với một số chỉ tiêu lớn, những nhiệm vụ lớn phải làm.

Có vấn đề rất quan trọng, đề nghị Trung ương thảo luận là: để đạt các mục tiêu nói trên, *phải xử lý thật tốt bốn vấn đề sau đây:*

1. Phát triển kinh tế nhiều thành phần, vận dụng cơ chế thị trường để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, không để đất nước đi vào con đường tư bản chủ nghĩa.

2. Đương đầu với những âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hoà bình", chúng ta nhất định giữ vững ổn định chính trị, giữ vững chế độ và độc lập, chủ quyền của đất nước.

3. Hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới trong khi

trình độ kinh tế của ta còn thấp, làm thế nào để giành thắng lợi trong cuộc cạnh tranh trên thị trường; tranh thủ vốn bên ngoài nhưng phát huy được nguồn lực bên trong, bảo đảm phát triển kinh tế, trả được nợ, không bị lệ thuộc nước ngoài.

4. Lãnh đạo đất nước trong điều kiện mới, đứng trước những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, hằng ngày đối mặt với sự tác động của những nhân tố tiêu cực, Đảng ta nhất định phải giữ vững được bản chất giai cấp công nhân, nâng cao tầm trí tuệ, khắc phục sự thoái hoá, biến chất, phát huy phẩm chất cao đẹp của người đảng viên.

Làm được như vậy, chúng ta nhất định sẽ giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới mà không đổi màu, hội nhập mà không hoà tan.

Phần thứ ba

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU

Phần này gồm có 10 đề mục, bao quát các lĩnh vực của đời sống về đối nội và đối ngoại, về kinh tế, khoa học - công nghệ, giáo dục và đào tạo, về văn hoá - xã hội, về quốc phòng, an ninh, về hệ thống chính trị, về Đảng.

Yêu cầu phần này nhằm cụ thể hoá thêm con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, định hướng phát triển các lĩnh vực của đời sống. Có nhiều cách thể hiện. Có thể viết như bản dự thảo này, có thể viết cô đọng hơn, có thể viết nêu ra các luận đề một cách ngắn gọn. Cách viết như hiện nay còn dài, sau Hội nghị Trung ương đề nghị viết gọn hơn, nêu bật những quan điểm chỉ đạo lớn.

Nội dung 10 vấn đề đã được thể hiện trong dự thảo. Trung ương sẽ cho ý kiến về tất cả các vấn đề đó. Ở đây xin phép trình bày một số vấn đề.

Phần **kinh tế,** bao gồm các vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá; chính sách với các thành phần kinh tế; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế; phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo.

Khi trình bày những vấn đề trên, báo cáo muốn hệ thống các quan điểm về kinh tế của Đảng đã tích luỹ được trong những năm đổi mới và các định hướng nhằm làm rõ mô hình xây dựng kinh tế mới đã hình thành đến mức nào.

I- CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

1. Dự thảo báo cáo nêu lại các quan điểm chỉ đạo công nghiệp hoá và hiện đại hoá đã được đề ra ở Hội nghị Trung ương 7 và có sắp xếp lại đôi chỗ

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ với nước ngoài. Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu có hiệu quả.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo, được vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân

dân, phát triển văn hoá, giáo dục, thực hiện công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

- Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương hướng phát triển, lựa chọn dự án đầu tư về công nghệ. Đầu tư chiều sâu. Trong phát triển mới, ưu tiên quy mô vừa và nhỏ, công nghệ tiên tiến, thu hồi vốn nhanh, đồng thời xây dựng một số công trình lớn. Tạo ra những mũi nhọn trong từng bước phát triển. Tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm, đồng thời quan tâm đáp ứng nhu cầu thiết ứng của mọi vùng; có chính sách hỗ trợ những vùng khó khăn, tạo cho các vùng phát triển.

- Kết hợp kinh tế với quốc phòng.

Đề nghị Trung ương cho ý kiến, về mặt quan điểm chỉ đạo công nghiệp hoá, thêm điểm gì, bớt điểm gì, sắp xếp thế nào các quan điểm chỉ đạo đó?

2. Công nghiệp hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa là gì? Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta có gì khác công nghiệp hoá ở các nước theo chế độ tư bản

Xin phép được nhắc lại ý kiến của Bộ Chính trị về vấn đề này ở Hội nghị Trung ương 7:

"Chúng ta làm công nghiệp hoá, hiện đại hoá không phải là để xây dựng chủ nghĩa tư bản mà là để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Song con đường đi tới chủ nghĩa xã hội còn lâu dài, phải trải qua nhiều nấc thang quá độ, trung gian, mỗi bước tiến lên thì nhân tố xã hội chủ nghĩa lại tăng thêm. Để vừa khẳng định được cái đích cuối cùng phải tiến tới, vừa lựa

chọn được những hình thức, bước đi, giải pháp thích hợp với trạng thái kinh tế - xã hội hiện nay của đất nước, chúng ta gọi đó là công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

Báo cáo đã xác định rõ những nhân tố bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá là:

1. Xác định mục tiêu trước mắt cũng như lâu dài của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là vì lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

2. Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật ngày càng hiện đại cho một chế độ xã hội trong đó nhân dân làm chủ.

3. Phát triển một nền kinh tế nhiều thành phần trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng.

4. Công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá này được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Điều hành và quản lý quá trình đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Như vậy, xét về bản chất chính trị - kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta khác về căn bản với công nghiệp hoá, hiện đại hoá từng diễn ra ở các nước tư bản phát triển hoặc các nước công nghiệp mới. Song về phương pháp, bước đi, các giải pháp khoa học - công nghệ, một số biện pháp kinh tế - xã hội, chúng ta có thể và cần phải tham khảo và vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm thành công của các nước đó. Nếu chúng ta nắm vững các nhân tố nói trên thì

không những không sợ đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa, mà còn có thể đi nhanh hơn, có hiệu quả hơn.

3. Về nội dung công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những năm còn lại của thập kỷ 90

Đây là vấn đề quan trọng hàng đầu, vì nó xác định phương hướng cho việc đổi mới cơ cấu kinh tế, đề cập tới những mối quan hệ giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng với công nghiệp nặng, xây dựng cơ sở hạ tầng, quan hệ giữa khu vực sản xuất và dịch vụ. Quan hệ giữa cơ sở hạ tầng vật chất và cơ sở hạ tầng xã hội. Giải quyết đúng đắn những vấn đề trên là điều kiện cơ bản để đạt được mục tiêu kinh tế 5 năm tới, hoặc ngược lại.

Hội nghị Bộ Chính trị đã xác định các mối quan hệ cơ bản của nền kinh tế trong kế hoạch 5 năm như sau:

- Coi trọng công nghiệp hoá trong nông nghiệp và nông thôn. Đặc biệt phát triển nông - lâm - ngư nghiệp và kinh tế xã hội nông thôn, công nghiệp chế biến nông - lâm - thuỷ sản, công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

- Giải quyết những khâu ách tắc và yếu kém nhất trong kết cấu hạ tầng đang cản trở sự phát triển.

- Đầu tư có chọn lọc một số công trình công nghiệp nặng mà nhu cầu đòi hỏi cấp bách, có điều kiện về vốn, thị trường, hoạt động có hiệu quả.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội như khoa học, công nghệ, giáo dục, y tế, thể dục thể thao.

Đề nghị hội nghị cho ý kiến về các mối quan hệ nói trên, đồng thời là nội dung chính của công nghiệp hoá trong 5 năm tới.

4. Những tư tưởng chỉ đạo

- Kết hợp đồng thời ba mục tiêu về kinh tế: tăng nhanh, hiệu quả cao và bền vững; ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô, chuẩn bị về các tiền đề cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000. Về tốc độ tăng trưởng: 9 - 10% GDP hằng năm.

- Kết hợp hài hoà tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, tập trung giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội (có giải pháp thiết thực nhằm tạo chuyển biến tích cực rõ nét hơn về những vấn đề xã hội bức xúc như: xoá đói, giảm nghèo đi đôi với khuyến khích làm giàu hợp pháp, xoá nạn mù chữ, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, khắc phục về cơ bản nạn thất nghiệp, giải quyết những bất hợp lý trong chính sách tiền lương, cải thiện chính sách cho những người có công, ổn định, cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa, vùng núi, Tây Nguyên. Kiên quyết đẩy lùi tham nhũng, các tệ nạn và tiêu cực xã hội.

- Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực vừa phục vụ quốc phòng, an ninh, vừa phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế. Bảo đảm khả năng tự trang bị và sửa chữa một số vũ khí, khí tài cần thiết. Phát triển công nghiệp đóng tàu. Có kế hoạch tận dụng lực lượng kinh tế để phục vụ quốc phòng và huy động có hiệu quả khả năng làm kinh tế của các lực lượng vũ trang. Chăm lo đời sống của cán bộ, chiến sĩ, nhất là vùng biên giới, hải đảo.

- Kết hợp các vùng kinh tế trọng điểm với việc liên kết và phát triển các vùng khác, tạo cho các vùng đều phát triển, tránh chênh lệch quá xa về nhịp độ tăng trưởng giữa các

vùng, phát huy được lợi thế so sánh giữa các vùng. Trong khi tập trung đúng mức cho ba vùng trọng điểm, phải coi trọng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng căn cứ cách mạng cũ là trọng tâm chỉ đạo; dành nguồn lực thích đáng để giải quyết những nhu cầu bức xúc của các vùng khác, liên kết, hỗ trợ giữa các vùng để đạt tốc độ phát triển khá, từng bước giảm bớt sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng, các tầng lớp dân cư.

Còn về các định hướng phát triển cụ thể, kể cả các chỉ tiêu và giải pháp dự thảo đã nêu, đề nghị các đồng chí trong khi thảo luận kết hợp cùng với những nội dung nêu ra trong nhiệm vụ và phương hướng kế hoạch 5 năm 1996 - 2000.

II- VỀ CHẾ ĐỘ SỞ HỮU VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

Một số quan niệm cơ bản về chính sách kinh tế nhiều thành phần.

Trước đây, khi giải quyết vấn đề xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã làm theo cách: Sớm xoá bỏ nhanh các thành phần kinh tế tư bản tư nhân, biến thành quốc doanh hoặc công tư hợp doanh, nhưng thực chất là quốc doanh; sớm đưa các thành phần tiểu sản xuất trong các ngành nghề vào các hợp tác xã để trong một thời gian ngắn làm cho quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với hai hình thức chiếm ưu thế tuyệt đối. Về sau, Đảng ta thấy mô hình ấy, cách làm ấy không phù hợp nên đã chuyển sang cách làm khác, mô hình khác. Đó là mô hình *phát triển một nền kinh tế nhiều thành phần,* trong đó *quốc doanh giữ vai trò chủ*

đạo, quốc doanh và hợp tác xã dần dần trở thành *nền tảng*. Rõ ràng giữa hai mô hình đó có sự khác nhau lớn.

Đề nghị Trung ương cho ý kiến về những vấn đề sau đây:

1. Những nhận thức cơ bản về chính sách kinh tế nhiều thành phần.

Cho đến nay, Đảng ta đã có một số nhận thức cơ bản về chính sách kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Chính sách kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội, có tác dụng to lớn trong việc động viên nhân dân xây dựng kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất.

- Việc xây dựng quan hệ sản xuất mới phải làm từng bước, từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu và bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất.

- Mỗi hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất vốn có bản chất riêng, nhưng trong sản xuất, kinh doanh không ngăn cách nhau mà có nhiều loại hình hỗn hợp, đan kết nhau, vừa bổ sung cho nhau, vừa cạnh tranh với nhau trên cơ sở bình đẳng trước pháp luật.

- Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, mở đường và hỗ trợ các thành phần kinh tế khác phát triển, là công cụ có sức mạnh vật chất để Nhà nước hướng dẫn và điều tiết nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa... Hợp tác xã có nhiều hình thức, thuộc nhiều lĩnh vực, được tổ chức theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ, phát huy được sức mạnh của tập thể xã viên và của từng xã viên. Kinh tế cá thể còn có phạm vi tương đối lớn, từng bước vào con

đường hợp tác theo nguyên tắc trên. Tư bản tư nhân trong nước được khuyến khích kinh doanh trong những ngành do pháp luật quy định. Phát triển kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức.

Chính sách nhiều thành phần đã đi vào cuộc sống. Trong GDP, tỉ trọng khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 44%, khu vực ngoài quốc doanh chiếm 55%. Trong mỗi thành phần kinh tế đã xuất hiện một số mô hình doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả.

2. Quan hệ sản xuất, chế độ sở hữu là mục tiêu hay phương tiện? Hay vừa là mục tiêu, vừa là phương tiện?

Sở dĩ phải nêu vấn đề đó vì trong khi thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, có ý kiến cho là cứ sản xuất tăng là được, quan hệ sản xuất nào cũng được. Cũng có đồng chí lập luận rằng quốc doanh hay tư doanh không quan trọng, vì quy đến cùng sở hữu là phương tiện, còn tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống mới là mục tiêu.

Bản trình bày của Bộ Chính trị ở Hội nghị Trung ương 6 đã nói về vấn đề này:

"Quan hệ sản xuất là một mặt cấu thành của phương thức sản xuất, làm nền tảng cho chế độ mới. Làm sao chúng ta có thể xây dựng một chế độ xã hội mang một đặc trưng mới về chất, mà lại không có quan hệ sản xuất tương ứng, riêng có với chế độ đó được. Vì vậy không thể quan niệm một cách giản đơn sở hữu nói riêng, quan hệ sản xuất nói chung đơn thuần chỉ là phương tiện...".

Trong bản dự thảo kết luận của Bộ Chính trị về một số vấn đề của *Báo cáo chính trị* có nói rõ: nhất trí với giải trình về vấn đề này tại Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ, và có cụ thể hoá:

"Đúng là phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh mới là mục đích. Song cả lý luận lẫn thực tiễn đều khẳng định rằng người sở hữu tư liệu sản xuất là người làm chủ quá trình sản xuất, định đoạt việc phân phối kết quả sản xuất cũng như chi phối các sinh hoạt chính trị, xã hội. Từ ý nghĩa đó, việc xác lập quyền làm chủ xã hội xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất cũng là mục tiêu".

"Chúng ta chủ trương mọi thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật, nhưng trong việc xây dựng hình thái kinh tế xã hội mới, không phải mọi thành phần đều có vai trò như nhau".

3. Nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần

Báo cáo chính trị đã nêu lên sáu điểm sau đây để nói về định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần:

- Lấy việc giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu trong việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh.

- Chủ động đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác. Kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác dần dần trở thành nền tảng. Tạo điều kiện kinh tế và pháp lý thuận lợi để các nhà kinh doanh tư nhân yên tâm đầu tư làm ăn lâu dài. Mở rộng

các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư nhân cả trong và ngoài nước. Áp dụng phổ biến các hình thức kinh tế tư bản nhà nước.

- Xác lập, củng cố và nâng cao địa vị làm chủ của người lao động trong nền sản xuất xã hội, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội ngày một tốt hơn.

- Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất, kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội. Thừa nhận sự tồn tại lâu dài của các hình thức thuê mướn lao động nhưng không để biến thành quan hệ thống trị, dẫn tới sự phân hoá xã hội thành hai cực đối lập. Phân phối và phân phối lại hợp lý các thu nhập; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo, giảm dần chênh lệch quá đáng về mức sống và trình độ phát triển giữa các vùng, các tầng lớp dân cư.

- Tăng cường hiệu lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, khai thác triệt để vai trò tích cực đi đôi với khắc phục và ngăn ngừa, hạn chế những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường.

- Giữ vững độc lập, chủ quyền và bảo vệ lợi ích chân chính của quốc gia, dân tộc trong quan hệ kinh tế với bên ngoài.

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

1. Về kinh tế nhà nước

Kinh tế nhà nước bao gồm các doanh nghiệp nhà nước và các sở hữu của Nhà nước như đất, ngân sách, lực lượng dự

trữ, và kể cả một phần vốn của Nhà nước đưa vào các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân, hợp tác xã.

Về doanh nghiệp nhà nước có: doanh nghiệp hoạt động kinh doanh và những doanh nghiệp công ích không vì mục tiêu lợi nhuận.

Vấn đề quan trọng nhất là làm sao doanh nghiệp nhà nước làm ăn có hiệu quả, đóng được vai trò chủ đạo.

Năm 1989, có 12.297 doanh nghiệp nhà nước, đến tháng 6-1995: 6.213 doanh nghiệp, trung ương quản lý 1.811, địa phương quản lý 4.402. Như vậy là giảm gần một nửa.

Những việc làm vừa qua đã sắp xếp một bước, bước đầu hình thành 15 công ty doanh nghiệp mạnh. Doanh nghiệp nhà nước vẫn chiếm một tỉ trọng khoảng 44% trong GDP, năm 1994 nộp ngân sách theo sắc thuế (8 loại) là 13.646 tỉ đồng, chiếm 33,3% trong tổng thu ngân sách. Một bộ phận doanh nghiệp làm ăn khá, có lãi, nhưng còn nhiều doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ, nợ nần kéo dài. Có những doanh nghiệp quản lý kém để thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước, kể cả việc chuyển vốn, tài sản nhà nước thành sở hữu khác.

Vấn đề là phải làm gì và làm như thế nào để doanh nghiệp nhà nước hiện có làm ăn có hiệu quả. Có nhiều việc phải làm: tiếp tục sắp xếp các doanh nghiệp; giải quyết vốn, thanh toán nợ; bỏ cơ quan chủ quản; phát huy quyền chủ động của cơ sở, bố trí, bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp...; áp dụng cơ chế quản lý mới trong những doanh nghiệp nhà nước mới xây dựng.

Những vấn đề trên ít nhiều được đề cập trong báo cáo. Ở đây xin phép đi sâu vào vấn đề *cổ phần hoá doanh nghiệp*

nhà nước, và là vấn đề lớn được thảo luận ở Hội nghị giữa nhiệm kỳ. Hội nghị giữa nhiệm kỳ đã biểu quyết các vấn đề sau đây:

- Áp dụng từng bước vững chắc việc bán một tỉ lệ cổ phần của doanh nghiệp nhà nước cho công nhân, viên chức làm việc tại doanh nghiệp.

- Thực hiện thí điểm việc bán một phần cổ phần, cổ phiếu của một số doanh nghiệp nhà nước cho các tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp.

- Nghiên cứu và áp dụng từng bước vững chắc việc chia lợi nhuận của các doanh nghiệp nhà nước (sau khi nộp đủ thuế, dành quỹ tích luỹ sản xuất và quỹ phúc lợi xã hội) cho công nhân, viên chức làm tại doanh nghiệp theo lương cơ bản.

Những quyết định đó thực hiện chậm. Có thể đề cập nhiều nguyên nhân: Còn có những nhận thức khác nhau về cổ phần hoá; tỉ lệ lãi suất cao, gửi tiết kiệm được hưởng lợi nhiều và chắc chắn; chưa có môi trường đầu ra cho cổ phiếu; một số đồng chí giám đốc hoặc một bộ phận công nhân chưa thích cổ phần hoá; việc đánh giá tài sản của xí nghiệp có khó khăn; công tác lãnh đạo, chỉ đạo không chặt chẽ, v.v.. Đề nghị *làm rõ nguyên nhân chủ yếu của sự chậm trễ cổ phần hoá.*

Vấn đề đặt ra là phải kiên trì chủ trương trên. Dự thảo *Báo cáo chính trị* đã nêu: "Tổng kết kinh nghiệm thí điểm, triển khai tích cực và vững chắc việc cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước. Bên cạnh doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, có doanh nghiệp nhà nước chiếm 50% hoặc 60 - 70% vốn, có doanh nghiệp nhà nước chỉ nắm tỉ lệ cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt. Gọi thêm cổ phần, bán cổ phần cho người

lao động tại doanh nghiệp hoặc cho các cá nhân ngoài doanh nghiệp để vừa tạo động lực, vừa huy động thêm vốn mở rộng quy mô kinh doanh, khuyến khích việc các doanh nghiệp nhà nước mua hoặc góp cổ phần lẫn nhau, hùn vốn với nhau và huy động thêm vốn của các thành phần khác để phát triển những dự án mới hay liên doanh với bên ngoài". Như vậy là cần làm rõ nhiều hình thức cổ phần hoá. Có thể có các hình thức sau đây:

- Doanh nghiệp nhà nước bán cổ phiếu, cổ phần cho công nhân viên xí nghiệp.

- Doanh nghiệp nhà nước bán một phần cổ phiếu cho người trong xí nghiệp và cả người ngoài xí nghiệp.

- Doanh nghiệp nhà nước để nguyên phần tài sản của nhà nước, phát hành một số cổ phiếu để tăng vốn.

- Doanh nghiệp nhà nước khi mới thành lập gọi cổ phần ngay từ đầu.

- Doanh nghiệp nhà nước vẫn để nguyên tài sản của nhà nước, đưa một phần vốn ra lập phân xưởng mới, gọi cổ phần vào cơ sở mới.

Bàn vấn đề cổ phần không thể không bàn về mục tiêu cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước? Cổ phần hoá có phải là tư nhân hoá không? Giữa cổ phần hoá của ta với cổ phần hoá của các nước tư bản khác nhau thế nào?

Có ý kiến cho rằng từ sở hữu nhà nước duy nhất chuyển thành sở hữu cổ phần, là quá trình hữu sản hoá người lao động, cho nên không đồng nhất với tư nhân hoá doanh nghiệp nhà nước ở các nước tư bản.

Có ý kiến, qua việc xem xét nhiều nước đã tiến hành thu hẹp diện và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước bằng 20

biện pháp tư nhân hoá khác nhau, cho rằng cổ phần hoá đồng nghĩa với tư nhân hoá.

Cũng có đồng chí cho rằng quan hệ sản xuất phải phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, ta phát triển doanh nghiệp nhà nước quá mức, nên phải giảm một cách hợp lý khu vực kinh tế nhà nước và cổ phần hoá là một trong những biện pháp thực hiện sự cắt giảm đó.

Có ý kiến cho rằng mục tiêu cổ phần hoá là cơ cấu lại các thành phần kinh tế, thu hẹp một cách hợp lý khu vực nhà nước, mở rộng khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

Dự thảo *Báo cáo chính trị* nêu rõ việc gọi thêm cổ phần, bán cổ phần cho người lao động tại doanh nghiệp để *vừa tạo động lực, vừa huy động thêm vốn mở rộng quy mô kinh doanh*.

Như vậy cổ phần hoá của ta nhằm mục tiêu *tạo động lực mới để cho quốc doanh hoạt động có hiệu quả là mục tiêu hàng đầu, đồng thời huy động thêm vốn để mở rộng kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, tạo điều kiện để người lao động làm chủ*.

Có gọi thêm cổ phần và có bán thêm cổ phần đúng là có đem lại sở hữu cho một bộ phận công nhân tại xí nghiệp hoặc người ngoài xí nghiệp, nhưng xét về mục đích, về toàn bộ chủ trương cổ phần hoá thì không phải là tư nhân hoá, không phải là từng bước giảm dần kinh tế nhà nước, đi đến xoá bỏ kinh tế nhà nước, thay bằng kinh tế tư nhân. Trái lại cổ phần hoá theo hướng kinh tế nhà nước phát triển hợp lý cùng với kinh tế hợp tác trở thành nền tảng, trong khi đó các thành phần khác cùng phát triển đúng hướng, nhưng không thể là nền tảng của chế độ.

Chính điểm này phân biệt cổ phần hoá của nhà nước ta với cổ phần hoá tư bản chủ nghĩa.

2. Kinh tế hợp tác xã

Bước sang cơ chế mới, các hợp tác xã kiểu cũ không còn phù hợp, không chuyển đổi được và do nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân lúng túng và buông lỏng. Hiện đã giải thể 2.958 hợp tác xã và 33.804 tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Trên 42.000 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, vận tải, xây dựng, thương mại, dịch vụ, tín dụng cũ không còn hoạt động. Trong quá trình ấy có một số hợp tác xã nông nghiệp có sự đổi mới một phần nên vẫn trụ được, đánh giá khoảng trên 10% hợp tác xã nông nghiệp. Một số ít hợp tác xã đã đổi mới theo hướng *hợp tác xã cổ phần.* Nhiều hình thức hợp tác mới đa dạng xuất hiện.

Báo cáo chính trị đã nêu rõ hướng hợp tác xã cổ phần.

Hợp tác xã được tổ chức trên cơ sở đóng góp cổ phần và sự tham gia lao động trực tiếp của xã viên, phân phối theo kết quả lao động và theo cổ phần, mỗi xã viên có quyền quyết định ngang nhau đối với công việc chung...

Xin giới thiệu một số địa phương đang tìm kiếm những hình thức, mô hình hợp tác xã về một số lĩnh vực.

Về hợp tác xã nông nghiệp:

Tỉnh uỷ *Hải Hưng* đã có quyết định "Đổi mới tổ chức quản lý các hợp tác xã sản xuất và dịch vụ trong nông nghiệp".

Theo báo cáo của Tỉnh uỷ, đến 15-10-1995, đã có 89 hợp tác xã được thành lập và đi vào hoạt động. Có 77 hợp tác xã theo mô hình chuyển đổi. Đây là hợp tác xã trung bình

nhưng còn vốn và tài sản, số nợ phải trả và đòi ít, có khả năng thanh toán, ban quản lý còn điều hành được vài khâu. Có 12 hợp tác xã yếu kém, nay dân nhất trí yêu cầu giải thể để lập hợp tác xã mô hình mới, chủ yếu là hợp tác xã chuyên khâu.

Hợp tác xã Cẩm Đoài huyện Cẩm Giàng là một dạng hợp tác xã vừa đổi mới theo mô hình hợp tác xã cổ phần.

Chủ trương đổi mới có mấy điểm đáng chú ý:

Nhiệm vụ của hợp tác xã:

+ Lập và xây dựng kế hoạch chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, hướng dẫn hộ nông dân áp dụng khoa học - kỹ thuật.

+ Làm dịch vụ bốn khâu, có định mức kinh tế - kỹ thuật do hợp tác xã quy định: điện, thuỷ nông, kỹ thuật giống, bảo vệ thực vật.

+ Làm dịch vụ hai khâu thoả thuận: Làm đất bằng máy và vật tư nông nghiệp.

Tổ chức lại hợp tác xã:

Tổng số vốn tài sản của hợp tác xã khi đánh giá lại: 888 triệu đồng (trong đó tài sản cố định 550 triệu đồng, vốn lưu động 282 triệu đồng). Số vốn này trở *thành cổ phần chung được giao khoán cho ban quản trị.* Vốn cổ phần của tổ dịch vụ và ban quản trị: 16 triệu đồng. Vốn cổ phần của từng xã viên phải đóng vào đầu năm 1996 là 50.000 đồng.

- Tổ chức bộ máy: Bầu ban quản trị ba người, do đại hội đại biểu xã viên trực tiếp bầu. Người ra ứng cử, đề cử phải có hai điều kiện: Đóng cổ phần 3 triệu đồng; trình bày đề án của mình.

Bầu ban quản lý điều hành cả sáu khâu, do hội đồng quản

trị chọn, gồm có: một chủ nhiệm, một phó chủ nhiệm, một kế toán trưởng.

Tổ chức các tổ dịch vụ khoảng 30 người, trong đó tổ thuỷ lợi 17 người, mỗi người phải đóng cổ phần 50 vạn đồng.

Hợp tác xã Cẩm Đoài đổi mới theo hình thức cổ phần mới tiến hành thời gian ngắn, tỉnh cho rằng cần tiếp tục hướng dẫn, theo dõi để rút kinh nghiệm.

Hợp tác xã Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Theo báo *Nhân dân,* ngày 25-10-1985 hợp tác xã *Tân Hiệp* tại ấp kênh 4A, tỉnh Kiên Giang, hợp tác xã đầu tiên của xã ra đời. Trải qua 10 năm xây dựng, đến nay toàn xã có 5 hợp tác xã và 59 tập đoàn đổi mới tổ chức, phát huy hình thức hợp tác đa dạng, huy động tối đa tiềm năng kinh tế hộ. Tân Hiệp A điển hình nông thôn mới của Kiên Giang. Năm 1995 bình quân lương thực đầu người xã hơn 3.000 kg, trong khi bình quân trong huyện 2.270 kg, mô hình R.V.A.C.D (ruộng, vườn, ao, chuồng, dịch vụ) đạt 6 - 10 triệu đồng hộ một năm. Hộ nghèo ở xã chỉ ở mức 0,47%.

Hợp tác xã quản lý những khâu:

- Cung ứng vật tư
- Thuỷ lợi
- Khuyến nông
- Tiêu thụ sản phẩm.

Những tư liệu sản xuất trước đây của hợp tác xã bán cho nông dân, tiền thu được không chia chác mà để bổ sung nguồn vốn lưu động của hợp tác xã.

Năm 1990 có việc bàn cãi hợp tác xã tồn tại hay không tồn tại. Qua 450 phiếu thăm dò thu về ở kênh A thì 90% số

phiếu thuận tình ở lại hợp tác xã, vì nhiều lý do, trong đó giá dịch vụ thấp hơn tư nhân. Bơm tưới của hợp tác xã sau vụ lúa là 130 kg lúa/ha, trong khi thuê tư nhân thì phải trả nhiều gấp rưỡi hợp tác xã.

Sau khi chuyển đổi đã thanh lý các tư liệu sản xuất mà hợp tác xã không cần giữ. Tiền thu được chuyển thành vốn dịch vụ. Cho vay tín dụng lãi 114 triệu đồng. Dịch vụ tưới nước rẻ hơn tư nhân, vẫn lãi được 15 triệu đồng. Số lãi thu được trích 50% trả lương cho ban quản lý hợp tác xã và người làm dịch vụ gồm 23 người, và còn 50% bổ sung vào vốn sản xuất.

Hiện nay huyện có 10 hợp tác xã nông nghiệp với tổng số vốn 15 tỷ đồng; 5 liên doanh tập đoàn sản xuất và 127 tập đoàn sản xuất làm ăn khá, có vốn quỹ, ngân hàng phối hợp cùng hội nông dân xây dựng 343 tổ đoàn kết sản xuất tương tự.

Trên địa bàn 10 hợp tác xã Tân Hiệp đều có lưới điện quốc gia phục vụ sản xuất và sinh hoạt, cầu đường giao thông được xây dựng tốt cho xe hai bánh đi lại dễ dàng trong mùa mưa.

Trong nông nghiệp ngoài các hợp tác xã đã đổi mới, còn khoảng 10% hợp tác xã theo mô hình cũ, nhưng đã đổi mới một phần: giảm biên chế, làm vài khâu dịch vụ, làm ngành nghề, giúp đỡ hộ xã viên. Nhưng ở đây chưa cổ phần hoá, chưa hạch toán từng khâu, nhiều nơi hộ nông dân vẫn đóng góp theo đầu sào. Nếu không đổi mới triệt để thì các hợp tác xã này khó tiến lên và cũng có khả năng giảm dần. Các hợp tác xã loại này có điều kiện đổi mới tốt, vì có cơ sở vật chất, còn vốn.

Về hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp.

Đổi mới hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp ở Hà Nội:

Hà Nội có 140 hợp tác xã, đã cổ phần hoá 64 trong đó 59 hợp tác xã cũ chuyển sang hợp tác xã cổ phần. Số lao động bình quân một hợp tác xã 30 - 50 lao động. Vốn cũ chuyển sang bình quân một lao động từ 3 - 10 triệu đồng.

Hợp tác xã cơ khí Tư Cường.

Tiền thân là hợp tác xã cơ khí theo mô hình cũ thành lập năm 1963 đến năm 1992 hầu như bị phá sản.

Cuối năm 1992 thành lập lại hợp tác xã cổ phần với 35 xã viên và 196 triệu đồng vốn (mỗi cổ phần 5 triệu đồng).

Lương bình quân xã viên: năm 1993 là 200.000 đồng/tháng, năm 1994 là 400.000 đồng/tháng, lãi suất 3%/tháng. Lợi nhuận không chia mà đưa luôn vào cổ phần của xã viên. Năm 1994, doanh thu là 9 tỉ đồng, vốn cổ phần tăng lên 2,48 tỉ đồng, xã viên 44 người, nộp thuế 298 triệu. Người góp vốn tối đa là 25%, không để ai đủ sức chi phối và quyết định trong hợp tác xã, phương hướng sản xuất kinh doanh do toàn bộ xã viên quyết định.

Chuyển đổi các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp ở tỉnh Hà Bắc:

Từ khi chuyển sang cơ chế thị trường, hầu hết các hợp tác xã tín dụng và 95,8% hợp tác xã mua bán bị tan rã (chỉ còn sáu hợp tác xã hoạt động cầm chừng, kém hiệu quả). Các hợp tác xã vận tải thuỷ, hợp tác xã bốc xếp đã giải thể chuyển sang hoạt động theo hộ cá thể. Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp chỉ có 30% giữ được nhịp độ sản xuất, có thị trường tiêu thụ. 24% hợp tác xã không tồn tại phải giải thể, số còn lại sản xuất cầm chừng hoặc "núp bóng" hợp tác xã.

Trước tình hình đó, từ năm 1994, tỉnh đã chỉ đạo chuyển đổi các hợp tác xã cũ theo hai loại hình: lập các hợp tác xã cổ phần hoặc xí nghiệp cổ phần. Qua một năm chỉ đạo, đến nay, tỉnh đã thành lập 22 hợp tác xã cổ phần và 37 xí nghiệp tập thể cổ phần.

Hợp tác xã cổ phần và xí nghiệp tập thể cổ phần hoạt động theo các nội dung sau đây:

- Mọi xã viên đều phải đóng cổ phần, mệnh giá cổ phần do đại hội xã viên quyết định căn cứ vào nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh (thấp nhất là 5 triệu đồng, có xã viên góp 20 triệu đồng). Một xã viên có thể góp nhiều cổ phần, nhưng chỉ được tính là một phiếu trong khi biểu quyết những vấn đề quan trọng.

Đối với vốn của hợp tác xã cũ thì dành 30% làm tài sản chung và coi là cổ phần tập thể, 70% chia cho xã viên căn cứ vào số năm thực tế hoạt động của từng người. Số tiền này được dùng để góp cổ phần vào hợp tác xã mới.

- Xã viên lao động trong hợp tác xã được hưởng lương theo định mức hoặc theo mức khoán cho từng bộ phận.

- Về phân phối: sau khi trừ chi phí (sản xuất, quản lý, lãi ngân hàng...) số còn lại được chia lãi theo cổ phần (khoảng 40%) và để các quỹ phát triển sản xuất (khoảng 35%), khen thưởng, phúc lợi (khoảng 25%).

Hiện nay, các hợp tác xã cổ phần và xí nghiệp cổ phần theo báo cáo của tỉnh hoạt động khá hơn trước, tỉnh cho đây là mô hình có triển vọng để phát triển kinh tế hợp tác. Nhưng vì mới đổi mới một thời gian, nên cần tiếp tục theo dõi, rút kinh nghiệm.

Quỹ tín dụng nhân dân Song Phương, tỉnh Hà Tây:

Hiện nay cả nước có trên 1.000 quỹ tín dụng nhân dân.

Quỹ tín dụng Song Phương, theo tỉnh đánh giá là quỹ tín dụng hoạt động tốt. Tình hình hoạt động như sau:

Ngày 20-1-1994, quỹ chính thức được thành lập thông qua đại hội thành viên với 160 sáng lập viên. Tổng số vốn hoạt động ban đầu là 31 triệu đồng. Hiện nay quỹ đã có 801 thành viên. Tổng số vốn hoạt động tính đến 30-9 đã lên tới trên 2,6 tỉ đồng Việt Nam. Tổng số dư nợ (số đang cho vay là 2,4 tỉ đồng), đạt trên 92% tổng số vốn hoạt động, số nợ quá hạn (khó đòi) hiện nay là 11,8 triệu đồng, chiếm 0,004% tổng số vốn.

Lãi suất quỹ trả cho các thành viên là 2,5%. Hiện nay quy mô hoạt động của quỹ đang lớn dần lên nên quỹ đang có nhu cầu đào tạo nghiệp vụ tín dụng và tăng thêm cán bộ. Lương của giám đốc quỹ thời gian đầu là 100.000 đ/tháng, nay đã tăng lên đến 800.000 đ/tháng, do hiệu quả hoạt động của quỹ được nâng lên.

Trên đây chỉ giới thiệu một số ít hợp tác xã ở vài địa phương. Ở các tỉnh trong cả nước, miền Bắc, miền Trung, miền Nam đều có những mô hình tổ chức tổ hợp tác rất đa dạng, và một số nơi có hợp tác xã làm ăn có hiệu quả. Sắp tới Ban Bí thư sẽ nghe một số hợp tác xã hoặc tổ hợp tác làm ăn tốt, rút kinh nghiệm, tìm ra những hình thức phù hợp.

3. Doanh nghiệp tư nhân và công ty cổ phần

Theo báo cáo của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, cuối năm 1991 mới có 123 doanh nghiệp với vốn điều lệ 69 tỉ đồng, nhưng đến 30-6-1995 đã phát triển lên 22.445 doanh nghiệp, trong đó 16.064 doanh nghiệp tư nhân, 6.226 công ty trách

nhiệm hữu hạn, 148 công ty cổ phần, với tổng vốn điều lệ 8.257 tỉ đồng, bằng 14% tổng số vốn doanh nghiệp nhà nước.

Năm 1991, doanh thu đạt 1.122 tỉ đồng và nộp ngân sách 51 tỉ, cuối năm 1994 đã nâng lên 35.547 tỉ và nộp ngân sách 1.051 tỉ. Vốn điều lệ bình quân một doanh nghiệp 365 triệu, số lao động bình quân 18,8 người vào thời điểm 30-6-1995. Có một số ít doanh nghiệp có số lao động 2.000, 5.000, 10.000 người. Dịch vụ chiếm 64% về số lượng doanh nghiệp; nông, lâm, ngư nghiệp 17,8%; công nghiệp 9,3%; xây dựng 9,3%. Loại doanh nghiệp này tạo ra một khối lượng sản phẩm khoảng 9% GDP của xã hội.

Đó là mặt tích cực. Mặt tiêu cực là tình trạng trốn thuế, lậu thuế khá phổ biến. Pháp lệnh của Nhà nước về kế toán không chấp hành nghiêm chỉnh nên Nhà nước khó nắm được thực chất tình hình hoạt động của doanh nghiệp tư nhân. Trong quá trình phát triển, một số doanh nghiệp đã tìm cách khai thác sự chuyển dịch trực tiếp hay gián tiếp, hữu hình hay vô hình những tài sản từ doanh nghiệp nhà nước và các cơ quan nhà nước sang tư nhân. Sự phát triển doanh nghiệp tư nhân không đồng đều. Tính theo vốn, thành phố Hồ Chí Minh chiếm 38%, Hà Nội 12%. Trên 60% cán bộ cốt cán của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, 26% công ty tư nhân xuất thân từ cán bộ nhà nước đã nghỉ hưu hoặc thôi việc.

Chính sách đối với kinh tế tư bản tư nhân như thế nào? Đảng và Nhà nước chủ trương: Khuyến khích kinh tế tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất. Bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi về tín dụng, khoa học, công nghệ, đào tạo cán bộ tiếp thị... đi đôi với tăng cường quản lý, hướng dẫn tư nhân làm ăn đúng luật pháp, có lợi cho quốc kế

dân sinh. Nhà nước góp vốn đầu tư, liên doanh cùng tư nhân trên cơ sở thoả thuận nhằm tạo thế, tạo lực cho các doanh nghiệp Việt Nam phát triển trong khi mở cửa làm ăn với bên ngoài. Khuyến khích các chủ doanh nghiệp tư nhân dành cổ phần ưu đãi để bán cho người lao động tại doanh nghiệp. Xây dựng quan hệ hợp tác giữa chủ và thợ trên cơ sở bảo đảm lợi ích hợp pháp của cả hai bên.

Đó là chính sách lâu dài và nhất quán. Vấn đề đặt ra là với chính sách nói trên có thể hình thành một giai cấp tư sản mạnh, trở thành lực lượng chính trị đối lập không?

Cần có sự phân tích vấn đề này. Mỗi tầng lớp, mỗi giai cấp gắn liền với cơ sở kinh tế, đương nhiên có ý thức về lợi ích của mình, không chỉ về mặt kinh tế mà cả mặt chính trị. Điều đó là bình thường.

Là công dân, những nhà tư sản có quyền bầu cử, ứng cử, tham gia các hội, tham gia Mặt trận, Quốc hội nếu được nhân dân bầu, có quyền phát biểu thẳng thắn ý kiến của mình. Nhưng điều mà nhân dân ta và cả những nhà tư sản dân tộc không muốn là để tư bản phát triển tự phát, trở thành lực lượng chi phối nền kinh tế, là lực lượng chính trị đối lập.

Để không diễn ra tình trạng phát triển tự phát, cần khuyến khích các nhà tư sản yên tâm làm ăn, có quyền thu giá trị thặng dư, làm giàu cho bản thân, góp phần xây dựng đất nước, cùng nhân dân quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Có nhiều chính sách, biện pháp, trong đó có chính sách quan trọng như trên đã nói là vừa khuyến khích nhà tư sản sản xuất, kinh doanh, vừa hướng dẫn làm đúng pháp luật, đưa nhà tư bản từng bước liên doanh với Nhà nước. Đó là chính sách Nhà nước góp vốn vào kinh tế tư bản tư nhân, tạo cho

những nhà doanh nghiệp tư nhân thêm thế và lực để phát huy tài năng, vừa làm giàu cho bản thân, vừa góp phần làm giàu cho đất nước, cùng nhân dân thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Việc liên kết kinh tế của Nhà nước với tư bản tư nhân mới bắt đầu. Thành phố Hồ Chí Minh bước đầu có một số kinh nghiệm về việc góp vốn vào các công ty tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn.

Nhà nước đã có vốn trong 30 công ty cổ phần và 20 công ty trách nhiệm hữu hạn. Các công ty này được hình thành qua các hình thức khác, như:

+ Các công ty liên doanh của các tổ chức kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân nay được chuyển thành các công ty cổ phần do Nhà nước, công nhân viên chức và tư nhân góp vốn.

+ Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, tổ chức đoàn thể và cá nhân chung vốn thành lập công ty cổ phần mới.

+ Các xí nghiệp công tư hợp doanh đã được tổ chức lại thành các công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn nhà nước.

+ Một số hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản được thành phố đưa vốn vào duy trì sản xuất và trở thành công ty cổ phần.

+ Một số doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và cá nhân góp vốn thành lập ngân hàng cổ phần.

Công ty dược phẩm dược liệu Pharimex có vốn điều lệ xấp xỉ 11 tỉ trong đó cổ phần nhà nước chiếm 50%, năm 1994 lãi trên doanh thu 26,6%, lãi cổ tức 40,8%, nộp thuế 5,4 tỉ đồng.

Công ty Epco nguyên là một tổ hợp tư nhân, được Quận 3

góp vốn hợp doanh chế biến hải sản xuất khẩu, vốn ban đầu 7 vạn USD (1985) nay được xác định lại là 15 triệu USD. Trong đó 40% là vốn của quận, 25% của Ngân hàng Ngoại thương và 35% của tư nhân góp.

4. Tư bản nhà nước

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội do Đảng ta xác định có sự vận dụng và phát triển chính sách kinh tế mới của Lênin. Thực chất của chính sách kinh tế mới của Lênin là chủ trương tự do buôn bán, theo ta hiểu hiện nay là thừa nhận cơ chế thị trường. Áp dụng hình thức tư bản nhà nước trong điều kiện chính quyền xôviết, Lênin cho rằng lên chủ nghĩa xã hội, phải biết sử dụng những hình thức trung gian, quá độ. Nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước trình độ kinh tế rất thấp, sản xuất nhỏ là chủ yếu, nên càng phải áp dụng những hình thức trung gian quá độ.

Dự thảo *Báo cáo chính trị* viết: "Trong quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta chủ trương sử dụng một cách rộng rãi các *hình thức kinh tế tư bản nhà nước*. Đó là sự phát triển sâu rộng, đa dạng, ở mức độ khác nhau những quan hệ kinh tế, những hình thức tổ chức kinh doanh dựa trên cơ sở liên doanh, liên kết giữa Nhà nước với tư nhân trong nước và ngoài nước".

Tư bản nhà nước thể hiện ở khoảng 50 công ty mà Nhà nước đã góp vốn với tư nhân như trên đã nói. Kinh tế tư bản nước ngoài và kinh tế tư bản nhà nước bắt đầu hình thành từ *Luật đầu tư nước ngoài* năm 1988. Đến nay doanh nghiệp này có hai loại: 329 doanh nghiệp 100% phần vốn nước ngoài đang hoạt động với số vốn đầu tư đăng ký là 10,2 tỉ USD; xí

nghiệp liên doanh trong đó bên Việt Nam tham gia chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước, chiếm 95% tổng vốn nhà nước. Phần góp vốn của bên Việt Nam vào liên doanh trung bình từ 25% đến 30% tổng số vốn đầu tư mà chủ yếu bằng giá trị quyền sử dụng đất, một phần nhỏ bằng nhà xưởng và thiết bị hiện có. Số vốn góp bằng tiền không đáng kể.

Đề nghị hội nghị cho ý kiến về vị trí của hình thức tư bản nhà nước, các hình thức tư bản nhà nước áp dụng ở Việt Nam.

VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ

Trước đây áp dụng cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Từ Đại hội VI đến nay áp dụng mô hình cơ chế quản lý mới, lúc đầu có tên gọi khác, nhưng đến nay xác định đó là "cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

Từ thực tiễn hơn 10 năm đổi mới, có thể khẳng định một số nhận thức quan trọng về cơ chế quản lý mới.

- Sản xuất hàng hoá không phải là sản phẩm riêng có của chủ nghĩa tư bản, không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là sản phẩm của sự phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản và là một tất yếu khách quan trong chủ nghĩa xã hội.

- Muốn phát triển hàng hoá phải có thị trường. Thị trường là nơi trao đổi giữa những người sản xuất hàng hoá, người phân phối lưu thông, người tiêu dùng. Thị trường là nơi diễn ra quá trình mua bán, là nơi hình thành giá, là nơi liên kết giữa người sản xuất, người tiêu dùng, người phân phối lưu thông. Thị trường gồm thị trường hàng tiêu dùng,

vật tư thiết bị, thị trường vốn, chứng khoán, thị trường sức lao động, thị trường dịch vụ, v.v.. Thị trường hoạt động theo những quy luật của nó, nhất là quy luật giá trị.

- Trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần của nước ta, thị trường xã hội là một thể thống nhất với nhiều lực lượng khác nhau tham gia sản xuất và lưu thông hàng hoá, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Thị trường thống nhất trong cả nước và gắn với thị trường thế giới.

- Thị trường vừa là căn cứ vừa là đối tượng của kế hoạch, kế hoạch chủ yếu mang tính định hướng.

- Cơ chế thị trường có tác động tích cực to lớn trong phát triển sản xuất nó đòi hỏi các chủ thể kinh doanh phải biết sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào để thu được nhiều lợi nhuận. Do đó phải cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng, hạ giá thành, từ đó thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Nhưng mặt khác cơ chế thị trường có mặt tiêu cực, thúc đẩy sự phân hoá giàu nghèo, những hành động đầu cơ buôn lậu...

Cơ chế thị trường của ta có chỗ khác nhau về bản chất với cơ chế thị trường tư bản ở chỗ: cơ chế thị trường của ta cũng trên cơ sở sản xuất hàng hoá nhiều thành phần, nhưng trong đó chế độ công hữu với bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa có vai trò rất quan trọng; hai là thị trường đó do Nhà nước ta quản lý, Nhà nước ta khác về bản chất với nhà nước tư bản.

Dự thảo báo cáo đã nêu lên những nhiệm vụ có tính định hướng:

1. Tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường.
2. Hoàn chỉnh hệ thống luật pháp về kinh tế.
3. Đổi mới các chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả.

4. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước.

Đề nghị hội nghị thảo luận mấy vấn đề:

- Quan niệm về cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Chủ trương, giải pháp tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường, quan niệm rõ hơn thị trường sức lao động, thị trường vốn, thị trường bất động sản, thị trường dịch vụ, v.v., quản lý chặt chẽ đất đai.

- Phát huy vai trò tích cực của cơ chế thị trường, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế đó.

- Vai trò của các lực lượng tham gia thị trường, vai trò của thương nghiệp quốc doanh trong bán buôn, bán lẻ, tổ chức lại và đổi mới quốc doanh thương nghiệp.

- Vấn đề cạnh tranh lành mạnh, vấn đề độc quyền, bảo hộ sản xuất trong nước.

CHÍNH SÁCH GIẢI QUYẾT MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Vấn đề xã hội là vấn đề con người, giải quyết đúng đắn vấn đề xã hội vừa thực hiện được mục tiêu, vừa tạo được động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc và cũng qua đó thể hiện được tính ưu việt của chế độ.

Trong những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã giải quyết vấn đề xã hội khá tốt; có những cách làm tốt. Nay chuyển sang kinh tế nhiều thành phần, cơ chế thị trường, mở cửa, phải tiếp tục kế thừa và bảo vệ những thành quả đã đạt được, nhưng mặt khác cũng có sự điều chỉnh, khắc phục những nhược điểm

trước đây có phần nặng về bao cấp, bình quân, đề ra được những quan điểm làm cơ sở cho việc hoạch định các chính sách xã hội.

Báo cáo chính trị đã nêu ra năm quan điểm để chỉ đạo việc hoạch định hệ thống chính sách xã hội:

- Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển.

- Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội, đi đôi với chính sách điều tiết hợp lý, bảo hộ quyền lợi của người lao động.

- Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo. Ngăn chặn tình trạng người nghèo bị bần cùng hoá. Thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, các dân tộc, các tầng lớp dân cư.

- Phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc "uống nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa", nhân hậu, thuỷ chung.

- Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hoá. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt đi đôi với huy động sự đóng góp của mỗi người dân, của các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội và của bên ngoài.

Đây là vấn đề quan trọng để chỉ đạo việc hoạch định chính sách, đề nghị Trung ương thảo luận, cho ý kiến để hoàn chỉnh hệ thống quan điểm trên lĩnh vực vô cùng quan trọng này, cũng là lĩnh vực đang có nhiều nhức nhối.

Báo cáo đã đề cập các vấn đề:

- Giải quyết việc làm.

- Thực hiện tốt chính sách xã hội và công bằng xã hội.

- Chăm lo bồi dưỡng thể chất của nhân dân.

Vấn đề giáo dục đáng lẽ đặt ở đây nhưng lần này đưa lên phần kinh tế, gắn giáo dục - đào tạo với khoa học - công nghệ.

Các vấn đề trên, vấn đề nào cũng quan trọng, có vấn đề đã có nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương. Nhưng đề nghị Trung ương tập trung cho ý kiến vào hai vấn đề sau đây:

- Vấn đề xoá đói giảm nghèo. Đây là vấn đề rất lớn vì hiện nay số lượng người nghèo đói còn nhiều, nếu không giải quyết tốt vấn đề này, nhất là không khắc phục mặt tiêu cực của cơ chế thị trường thì số người nghèo sẽ tăng. Nhưng để thực hiện được mục tiêu này cần rút những kinh nghiệm vừa qua về việc xây dựng các chương trình, các giải pháp xoá đói giảm nghèo, tìm ra những điển hình làm tốt để nhân ra; lo xoá đói giảm nghèo trong cả nước, nhưng phải tập trung làm bằng được đối với vùng đồng bào dân tộc khoảng 2,4 triệu người (vùng III).

Sự hỗ trợ của các địa phương trong việc xoá đói giảm nghèo thế nào. Đây là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể, các doanh nghiệp thuộc các thành phần, đối với mỗi người công dân. Đó chính là một biểu hiện của lý tưởng thể hiện trong hành động.

- Vấn đề **chống tham nhũng, hối lộ, chống lãng phí xa hoa**. Đây là vấn đề nhức nhối nhất. Nhức nhối chính là vì tuy có chống, nhưng chưa đẩy lùi, lại còn phát triển. Tình hình đó tạo nên sự bất bình trong nhân dân, sự lo lắng rất tâm huyết của nhiều đồng chí đối với bản chất của Đảng, của

Nhà nước, đối với tiền đồ của cách mạng. Có nhiều ý kiến đề nghị Hội nghị Trung ương 9 phải thảo luận vấn đề này.

- Phải làm rõ vì sao những năm qua không đẩy lùi được tham nhũng.

- Bằng những giải pháp khả thi nào có thể đẩy lùi tham nhũng.

- Quy định trách nhiệm của những cán bộ, đảng viên có vợ, chồng, con làm ăn phi pháp; xác định rõ những hoạt động kinh doanh mà vợ, chồng, con của cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở trung ương và địa phương không được làm.

- Tổ chức như thế nào để thể hiện những mục tiêu đẩy lùi tham nhũng thành hiện thực.

Đề nghị Trung ương cho ý kiến về những kiến nghị trên.

VỀ THỰC HIỆN ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, PHÁT HUY VAI TRÒ LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN

Cách mạng bao giờ cũng là sự nghiệp của nhân dân. Công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc lúc nào cũng đòi hỏi phải huy động được sức mạnh của toàn dân tộc.

Dự thảo *Báo cáo chính trị* đưa ra nhận định: ngày nay hơn lúc nào hết, nhân dân ta càng có điều kiện và càng cần thiết mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc phấn đấu vì sự nghiệp chung. Đảng cần đáp ứng lòng mong đợi đó của toàn dân, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc ở tầm cao mới và chiều sâu mới, đoàn kết mọi người trong đại gia đình Việt Nam bao gồm các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo, đồng bào trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài cùng nhau

phấn đấu cho mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, tiến lên thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh, nâng cao uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Dự thảo *Báo cáo chính trị* đã nhắc lại chủ trương của Đảng ta là đại đoàn kết phải lấy mục tiêu chung đó làm điểm tương đồng, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xoá bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, xây dựng tinh thần đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau, tất cả vì độc lập của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

Vừa qua, trong quá trình đổi mới, chúng ta đã phát huy dân chủ, thực hiện tốt hơn chủ trương đại đoàn kết, nhưng cũng còn nhiều việc chưa thực hiện được đúng với tư tưởng trên đây.

Đề nghị các đồng chí góp ý kiến về những chủ trương cụ thể mà chúng ta cần thực hiện để sắp tới đường lối trên đây của Đảng được thể hiện sinh động trong đời sống xã hội và thực sự đem lại một nguồn sức mạnh mới cho công cuộc xây dựng đất nước ta.

Để thực hiện tốt chủ trương đại đoàn kết dân tộc, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ vai trò rất quan trọng. Chúng ta không thực hiện chế độ đa đảng, chỉ có một Đảng Cộng sản lãnh đạo, nhưng bên cạnh Đảng Cộng sản có Mặt trận, tập hợp trong đó các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, đại biểu các giai cấp, các tầng lớp, các vị nhân sĩ, trí thức, các tôn giáo, các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam. Chúng ta cần phải phát huy đầy đủ hơn nữa vai trò to lớn của Mặt trận, với tư cách là tổ chức tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, thể

hiện rộng rãi nguyện vọng và ý chí của các tầng lớp nhân dân; thống nhất hành động của các thành viên để tham gia với Đảng và Nhà nước cùng thực hiện quyền làm chủ của nhân dân...

Đề nghị các đồng chí cho ý kiến về chủ trương trên đây và góp ý kiến về những việc cần làm để thực hiện tốt chủ trương đó.

Trong *Phần thứ ba* của *Báo cáo chính trị* còn đề cập đến những định hướng về **quốc phòng, an ninh, đối ngoại**. Về những lĩnh vực này đề nghị các đồng chí nghiên cứu những nội dung đã viết trong dự thảo *Báo cáo chính trị* và tham khảo thêm một số vấn đề đã được nêu trong *Kết luận của Bộ Chính trị* khi Bộ Chính trị thảo luận về dự thảo *Báo cáo chính trị.*

Về vấn đề **văn hoá** đã có Nghị quyết Trung ương 4; trong *Báo cáo chính trị* đã thể hiện nội dung chính của Nghị quyết Trung ương. Đề nghị Trung ương cho ý kiến.

Về vấn đề tiếp tục **xây dựng và hoàn thiện nhà nước,** Hội nghị Trung ương 8 đã bàn khá kỹ về chuyên đề này. Vì vậy, ở đây xin phép không giới thiệu thêm.

Cuối cùng, *Phần thứ tư* của *Báo cáo chính trị* nói về vấn đề rất quan trọng mà tất cả chúng ta cùng đặc biệt quan tâm là vấn đề **xây dựng Đảng**. Về vấn đề này, đồng chí Lê Phước Thọ sẽ thay mặt Bộ Chính trị trình bày trong *Báo cáo về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.*

Phần giới thiệu về một số vấn đề trong dự thảo *Báo cáo chính trị* xin kết thúc ở đây.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TRÌNH HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VII

Ngày 1 tháng 11 năm 1995*

Về phương hướng nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000

Phần I

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM 1991-1995

Bước vào thập kỷ 90, công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng; tuy nhiên nền kinh tế tăng trưởng chậm, chưa ổn định và còn suy thoái trong một số lĩnh vực. Mặt khác, tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Đất nước ta vẫn trong tình thế còn nhiều khó khăn, thử thách gay gắt.

Đại hội lần thứ VII của Đảng đã đề ra mục tiêu tổng quát của 5 năm 1991 - 1995 là *"vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính*

---

* Báo cáo gửi trước ngày khai mạc hội nghị *(B.T)*.

trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay".

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII với những cố gắng to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân, nền kinh tế nước ta không những đứng vững trước những thử thách gay gắt mà còn đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Tuy nhiên, tình hình kinh tế, xã hội vẫn còn chứa đựng những mặt yếu kém.

I- NHỮNG MẶT LÀM ĐƯỢC

1. Nền kinh tế khắc phục được tình trạng trì trệ, suy thoái, đạt được mức tăng trưởng khá cao, liên tục và tương đối toàn diện, thực hiện vượt mức nhiều chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1991-1995

- *Tổng sản phẩm trong nước (GDP)* tăng bình quân hằng năm 8,2% so với mục tiêu đề ra là 5,5-6,5%.

Công nghiệp tăng bình quân hằng năm 13,3% so với mục tiêu đề ra là 7,5-8,5%. Một số ngành có mức tăng cao: năm 1995 so với năm 1990, công nghiệp nhiên liệu (kể cả dầu khí) gấp 3,2 lần, điện gấp 1,6 lần, vật liệu xây dựng gấp 2,7 lần, chế biến thực phẩm gấp 1,9 lần,...

Nông nghiệp tăng trưởng bình quân hằng năm 4,5% (mức đề ra 3,7 - 4,5%). Sản lượng lương thực trong 5 năm tăng 26% so với 5 năm trước, tạo điều kiện cơ bản để ổn định đời sống nhân dân, phát triển ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Nuôi trồng và đánh bắt thuỷ sản tăng khá; kim ngạch xuất khẩu thuỷ sản năm 1995 gấp ba lần năm 1990. Tỉ lệ đất có rừng che phủ bắt đầu

tăng nhờ đẩy mạnh trồng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng, hạn chế khai thác gỗ.

Các ngành dịch vụ năm 1995 tăng 80% so với năm 1990 (bình quân hằng năm tăng 12,3%), trong đó vận tải hàng hoá tăng 62%, doanh thu bưu điện và doanh thu du lịch đều gấp 10 lần. Thị trường hàng hoá trong nước phát triển, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội về số lượng, chất lượng, chủng loại.

- Lĩnh vực tài chính, tiền tệ đạt được những tiến bộ đáng kể, nổi bật nhất là đã chặn được nạn lạm phát cao, từng bước đẩy lùi lạm phát trong điều kiện phải đối phó với nhiều khó khăn gay gắt. Chỉ số giá hàng tiêu dùng và dịch vụ đã giảm từ 67% năm 1991 xuống còn 17,5% năm 1992, 5,2% năm 1993, 14,4% năm 1994 và 10 tháng đầu năm 1995 là 12,3%.

Đã hình thành được hệ thống thuế áp dụng thống nhất cho các thành phần kinh tế, nâng dần tỷ lệ động viên qua thuế và phí trong GDP, tạo thành nguồn thu chính của ngân sách nhà nước, bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên và tăng dần phần dành cho đầu tư phát triển. Tỉ lệ thiếu hụt ngân sách đã được kiềm chế; chấm dứt việc phát hành tiền dễ bù đắp thay bằng vay của dân, của nước ngoài.

Trong lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng hai cấp đã được xác lập trên cơ sở phân định chức năng quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước và chức năng kinh doanh của ngân hàng thương mại. Việc điều hoà lưu thông tiền tệ, ổn định giá trị đồng tiền Việt Nam, quản lý ngoại hối, xây dựng thị trường hối đoái hợp pháp, các hoạt động tín dụng, thanh toán đều có bước tiến trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- ***Quy mô đầu tư phát triển toàn xã hội*** tăng khá: Trong 5 năm ước tính vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tương đương khoảng 18 tỉ USD (theo mặt bằng giá 1995), trong đó phần của Nhà nước chiếm 43% (bao gồm cả đầu tư từ ngân sách nhà nước, tín dụng đầu tư nhà nước và doanh nghiệp nhà nước tự đầu tư), đầu tư của nhân dân chiếm trên 30%, đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 27%. Đã chuyển mạnh từ hình thức ngân sách cấp phát có tính chất bao cấp đối với các doanh nghiệp nhà nước sang hình thức tín dụng đầu tư, mở rộng liên doanh liên kết, vay vốn trong nước và ngoài nước..., đã tập trung hơn vốn đầu tư của ngân sách nhà nước cho hạ tầng kinh tế - xã hội. Vốn đầu tư của dân phát triển ở cả nông thôn và thành thị. Tốc độ thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong 5 năm qua tăng bình quân hằng năm 60%; phần vốn được thực hiện cũng tăng nhanh, đến nay đạt khoảng 1/3 tổng số vốn đăng ký theo dự án.

Kết quả đầu tư phát triển đã tăng được năng lực sản xuất trong nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp nhẹ và dịch vụ, đồng thời hoàn thành và đưa vào huy động một số công trình quan trọng của nền kinh tế, nhất là giao thông, thuỷ lợi, điện, dầu khí, thép, ximăng...

2. Sau nhiều năm hầu như không thay đổi, cơ cấu kinh tế theo ngành và vùng đã bắt đầu chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, nền kinh tế nhiều thành phần đã hình thành

- ***Cơ cấu ngành***

Trong GDP (tính theo giá hiện hành) nông, lâm, ngư nghiệp tăng khá về số tuyệt đối, nhưng giảm tỉ trọng từ

38,7% năm 1990 xuống 27,2% năm 1995; công nghiệp và xây dựng từ 22,7% tăng lên 30,3%; dịch vụ từ 38,6% tăng lên 42,5%. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp, công nghiệp cũng có những thay đổi theo hướng có hiệu quả hơn, các ngành dịch vụ phát triển đa dạng.

- ***Cơ cấu vùng kinh tế***

Cơ cấu vùng gắn liền với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, các đô thị, các địa bàn lãnh thổ, đặc biệt là các vùng kinh tế trọng điểm ở ba miền đang hình thành từng bước. Các khu chế xuất, các khu công nghiệp đang được triển khai xây dựng theo quy hoạch. Một số địa bàn kinh tế, đặc biệt là một số thành phố lớn, phát huy lợi thế của mình đã đầu tư phát triển nhanh, đạt nhịp độ tăng trưởng cao. Một số vùng nông thôn nhờ quy hoạch lại và chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng khai thác lợi thế so sánh, gắn với thị trường đã có bước phát triển nhanh về kinh tế, xã hội và đời sống.

- ***Cơ cấu thành phần kinh tế***

Khu vực kinh tế quốc doanh vẫn chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế, đảm nhận các khâu then chốt và các lĩnh vực mà các thành phần kinh tế khác chưa có khả năng đầu tư, nhất là trong công nghiệp và hạ tầng. Nhiều doanh nghiệp đã tiếp cận thị trường, đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, hoạt động có hiệu quả hơn trước.

Các *hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, mua bán, tín dụng* trong thời kỳ đầu chuyển sang cơ chế mới, do nhiều nguyên nhân, bị suy giảm mạnh. Đến nay một số ít đã đổi mới tổ chức, quy mô và phương thức hoạt động, bắt đầu

khôi phục và phát triển sản xuất, kinh doanh. Đã xuất hiện các hình thức kinh tế hợp tác kiểu mới, tuy chưa phổ biến.

Kinh tế hộ gia đình, cá thể, tiểu chủ phát triển nhanh trong nông lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phục vụ đời sống xã hội và đã đóng góp phần quan trọng vào các thành tựu kinh tế - xã hội.

Kinh tế tư nhân trong nước bước đầu phát triển, nhưng tập trung phần lớn vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản; đầu tư vào sản xuất còn ít; các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa là chủ yếu, tuy vậy cũng bắt đầu có một số doanh nghiệp quy mô tương đối lớn, sử dụng nhiều lao động.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã bắt đầu đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế; tăng thêm kim ngạch xuất khẩu; tạo nhiều việc làm trực tiếp và gián tiếp.

3. Kinh tế đối ngoại phát triển trên nhiều mặt; thị trường xuất, nhập khẩu được củng cố và mở rộng; nguồn vốn đầu tư của nước ngoài tăng nhanh

Trong 5 năm (1991-1995) ***tổng kim ngạch xuất khẩu*** đạt 16 tỷ USD (kế hoạch 5 năm là: 12-15 tỉ USD), bảo đảm nhập các loại vật tư, thiết bị và hàng hoá đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống, góp phần cải thiện cán cân thanh toán thương mại. Trong cơ cấu hàng xuất khẩu đã có thêm một số mặt hàng chế biến và tăng số mặt hàng có khối lượng xuất khẩu lớn như dầu thô, gạo, càphê, hải sản, may mặc...

Tổng kim ngạch nhập khẩu gần 20 tỉ USD, kể cả phần nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; tỉ trọng nhập khẩu vật tư thiết bị tăng lên, đáp ứng

được nhu cầu phát triển. Quan hệ mậu dịch đã được mở rộng với trên 100 nước và tiếp cận được nhiều thị trường mới.

Vốn ***đầu tư trực tiếp của nước ngoài*** tăng nhanh, đến nay các dự án được cấp giấy phép đạt trên 17 tỉ USD. Tỷ trọng đầu tư vào công nghiệp chiếm 40% tổng số vốn theo dự án (nếu kể cả dầu khí thì công nghiệp chiếm trên 60%), trong đó hơn 60% là đầu tư chiều sâu; địa bàn đầu tư phân bố rộng hơn trên các vùng lãnh thổ. Hình thức đầu tư chủ yếu là xí nghiệp liên doanh, chiếm trên 65% tổng số vốn, xí nghiệp 100% vốn nước ngoài chiếm gần 18%, hợp đồng hợp tác kinh doanh chiếm gần 17%.

Mối quan hệ ***hợp tác phát triển*** đã được khôi phục và mở rộng với nhiều nước và các tổ chức quốc tế trên thế giới và khu vực. Nguồn vốn này đã được tăng dần lên trong những năm gần đây và được tập trung chủ yếu cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội.

4. Lĩnh vực Văn hoá - xã hội có những tiến bộ mới, đời sống nhân dân được cải thiện một bước

- ***Công tác dân số kế hoạch hoá gia đình*** được triển khai rộng khắp, đạt được một số kết quả rõ nét. Tỉ lệ sinh gần đây giảm mỗi năm 1‰.

- ***Vấn đề giải quyết việc làm*** được đặt trên cơ sở các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển, tạo điều kiện cho mọi người tự tìm, tự tạo việc làm kết hợp với sự tài trợ và giúp đỡ của Nhà nước thông qua các chương trình kinh tế - xã hội và của cộng đồng. Mỗi năm giải quyết việc làm cho 1 đến 1,2 triệu người.

- ***Công tác giáo dục và đào tạo*** có bước phát triển mới,

sau một số năm giảm sút. Chương trình xoá mù chữ và phổ cập tiểu học đã nâng tỷ lệ người biết chữ trong dân số lên 90%; tỷ lệ trẻ em đi học trong độ tuổi phổ cập tiểu học và số học sinh phổ thông các cấp học đều tăng; tỷ lệ lưu ban, bỏ học giảm. Mạng lưới trường phổ thông mở rộng đến khắp các xã, phường; cơ sở vật chất được cải thiện. Các tỉnh và nhiều huyện miền núi có trường nội trú cho con em người dân tộc. Hình thức trường chuyên, lớp chọn phát triển ở nhiều địa phương. Nhiều trường dân lập ra đời, hoạt động có hiệu quả.

Các trường, lớp dậy nghề phát triển dưới nhiều hình thức. Hệ thống giáo dục đại học, trung học chuyên nghiệp mở rộng hơn trước cả về quy mô, ngành nghề và loại hình đào tạo. Các trường đại học và cao đẳng đang được sắp xếp lại, các trung tâm Đại học quốc gia ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và ba trung tâm đại học khu vực đang hình thành.

- ***Công tác thông tin đại chúng,*** các hoạt động văn hoá, nghệ thuật phát triển phong phú cả về thể loại, hình thức và nội dung, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin và hưởng thụ văn hoá của các tầng lớp nhân dân, góp phần tích cực trong công tác tuyên truyền, giáo dục, đặc biệt là giáo dục truyền thống cách mạng, đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực, đẩy lùi văn hoá độc hại. Diện phủ sóng truyền thanh, truyền hình được mở rộng, chất lượng thu phát tốt hơn.

- Trong lĩnh vực bảo vệ sức khoẻ, đã có những cố gắng và tiến bộ về vệ sinh phòng bệnh, thực hiện có kết quả các chương trình chăm sóc và bảo vệ trẻ em, chương trình phòng chống sốt rét, bướu cổ, tăng tỷ lệ dân số được dùng nước sạch, được cung cấp dịch vụ y tế tại xã, phường, nhất là ở nông

thôn, miền núi... Một số trung tâm y tế được đầu tư nâng cấp và trang bị lại. Chế độ bảo hiểm y tế được mở rộng. Bảo vệ môi trường, môi sinh được triển khai tích cực.

- Các hoạt động về bảo đảm xã hội, đã được mở rộng, đạt được nhiều kết quả với những cố gắng tài trợ của ngân sách nhà nước, sự tham gia của cộng đồng. Cuộc vận động xoá đói, giảm nghèo, các hoạt động từ thiện giúp đỡ những người tàn tật, nạn nhân chiến tranh, trẻ mồ côi... ngày càng được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Thu nhập và đời sống của các tầng lớp nhân dân ở các vùng đều được cải thiện với mức độ khác nhau, khoảng 80% gia đình có mức sống khá hơn năm 1990; số hộ nghèo giảm đi. Nhiều địa phương đã thanh toán được nạn đói.

5. Khoa học - công nghệ có bước phát triển mới, gắn bó với sự phát triển kinh tế, xã hội

Đã tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn trong sự phát triển của nước ta, phục vụ cho việc xây dựng đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Chú trọng hơn về nghiên cứu ứng dụng, tập trung vào những lĩnh vực công nghệ ưu tiên như vật liệu mới, công nghệ sinh học, điện tử, tin học...; đẩy mạnh việc triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tiến bộ vào sản xuất.

6. Quốc phòng, an ninh được giữ vững

Việc điều chỉnh chiến lược về quốc phòng được thực hiện có kết quả, củng cố thế trận chiến tranh nhân dân. Các tuyến phòng thủ được tăng cường từng bước. Sự kết hợp giữa kinh

tế và quốc phòng được thực hiện bước đầu dưới nhiều hình thức và đã mang lại hiệu quả thiết thực.

An ninh quốc gia được giữ vững; việc khôi phục kỷ cương phép nước, xử lý kiên quyết các vụ vi phạm pháp luật trong một số lĩnh vực mở ra khả năng thiết lập và củng cố trật tự, an toàn xã hội, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật.

II- NHỮNG MẶT YẾU KÉM

1. Chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế còn thấp, nguy cơ tụt hậu xa hơn còn rất lớn

Lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất, nhất là kết cấu hạ tầng còn lạc hậu; trình độ khoa học - công nghệ chuyển biến chậm; nguồn nhân lực có kiến thức, tay nghề, năng lực kinh doanh còn ít; năng suất lao động xã hội tăng chậm. Chất lượng sản phẩm và chất lượng công trình nhìn chung còn thấp. Nhiều hàng hoá kém sức cạnh tranh với hàng nước ngoài.

Tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư còn thấp, nền kinh tế rất thiếu vốn, đầu tư của ngân sách nhà nước còn dàn trải, bị lãng phí, thất thoát, hiệu quả thấp; đầu tư của nhân dân vào sản xuất còn ít, nguồn tài trợ cho phát triển và đầu tư nước ngoài thực hiện chậm.

Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người vẫn còn thấp so với một số nước xung quanh, nên khoảng cách càng rộng thêm. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế - công nghệ càng trở nên gay gắt.

2. Tài chính - tiền tệ chưa ổn định và thiếu lành mạnh

Ngân sách nhà nước thường xuyên căng thẳng, còn bội chi lớn. Hệ thống thuế phức tạp, còn chồng chéo, chưa hợp lý, vừa ít khuyến khích sản xuất, vừa có nhiều kẽ hở dễ bị lợi dụng. Phân cấp ngân sách chưa hợp lý, còn phân tán, thiếu ổn định, phát sinh nhiều tiêu cực, chưa phát huy tính năng động sáng tạo của các cấp. Tài sản quốc gia, tài chính công và tài chính doanh nghiệp nhà nước chưa được quản lý chặt chẽ, còn sơ hở gây tiêu cực.

Thị trường tiền tệ, thị trường vốn chậm phát triển. Lãi suất tín dụng chưa phù hợp với cơ chế thị trường và hạn chế đầu tư phát triển. Các công cụ điều tiết lưu thông tiền tệ chưa được sử dụng đồng bộ, có hiệu quả. Tỉ lệ dùng tiền mặt còn quá lớn. Ngoại tệ còn được sử dụng nhiều trong lưu thông nội địa. Mầm mống tái lạm phát cao chưa được loại bỏ hẳn.

3. Tình hình xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc

Tốc độ phát triển dân số vẫn còn cao. Số người chưa có việc làm ở khu vực thành thị còn chiếm trên 7%, thời gian lao động ở nông thôn mới được sử dụng ở mức thấp; chất lượng giáo dục, đào tạo thấp; công tác giáo dục ở những vùng sâu, vùng xa, miền núi còn rất nhiều khó khăn. Hệ thống khám chữa bệnh bị xuống cấp cả về cơ sở vật chất, chất lượng và tinh thần, thái độ phục vụ. Mức độ ô nhiễm và huỷ hoại về môi trường, môi sinh rất đáng lo ngại. Một số dịch bệnh vẫn còn xảy ra; số người nhiễm HIV tiếp tục tăng. Hoạt động văn hoá không lành mạnh và các tệ nạn xã hội vẫn phát triển.

Tỷ lệ người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo còn cao. Sự phân hoá giàu nghèo diễn ra không bình thường, chưa ngăn chặn

được tình trạng tham nhũng, làm ăn phi pháp, trong khi đó đời sống của một bộ phận dân cư, đặc biệt là các gia đình có công với nước, vẫn còn nhiều khó khăn. Chỉ số giá tiêu dùng tăng trên 10%/năm càng làm tăng thêm khó khăn cho những người có thu nhập thấp.

III- NHÌN LẠI TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI, ĐỘNG LỰC CỦA SỰ PHÁT TRIỂN

Nhìn chung lại, nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991-1995 đã được thực hiện thắng lợi; lần đầu tiên các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm được thực hiện vượt mức, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tạo một số tiền đề cần thiết để chuyển sang giai đoạn phát triển mới. Tuy nhiên, nước ta vẫn đang ở trình độ phát triển rất thấp về kinh tế và công nghệ, còn thiếu nhiều yếu tố bảo đảm cho sự phát triển nhanh, vững chắc và có hiệu quả, các mặt xã hội vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại bức xúc.

Những thành tựu trong 5 năm qua có phần do huy động được kết quả đầu tư xây dựng cơ sở vật chất từ những năm trước, song nhân tố quyết định là đường lối, chính sách đổi mới do Đảng ta đề ra và không ngừng phát triển, tạo động lực thúc đẩy hàng vạn doanh nghiệp, hàng chục triệu hộ và lao động ở nông thôn và thành thị chủ động khai thác các nguồn lực, phát triển sản xuất, kinh doanh. Mặt khác, những sự bất cập, thiếu nhất quán và những thiếu sót, khuyết điểm trong tiến trình đổi mới cũng là nguyên nhân chính hạn chế sự phát triển, làm chậm việc khắc phục các mặt yếu kém về kinh tế - xã hội.

Nhìn lại quá trình đổi mới về kinh tế cho đến nay, có thể đánh giá khái quát những kết quả đã đạt được và những vấn đề còn phải giải quyết tiếp như sau:

1. Về thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần

Các doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp lại một bước, dần dần thích ứng với cơ chế mới và vẫn giữ vị trí chi phối trong các ngành và lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều doanh nghiệp yếu kém, chủ trương cổ phần hoá thực hiện chậm, cơ chế quản lý của Nhà nước và tổ chức quản lý trong nội bộ doanh nghiệp và trong tổng công ty nhà nước còn nhiều vướng mắc, việc quản lý vốn và tài sản công còn lỏng lẻo. Những thiếu sót đó làm cho hiệu quả kinh tế của khu vực kinh tế quốc doanh còn thấp, không tương xứng với nguồn lực hiện có, hạn chế việc phát huy vai trò chủ đạo đối với nền kinh tế.

Việc phát triển các hình thức kinh tế hợp tác còn chậm và yếu, do thiếu sự chỉ đạo, giúp đỡ cần thiết đối với việc đổi mới các hợp tác xã đã thành lập trước đây cũng như đối với việc tổng kết, xây dựng thể chế để triển khai các hình thức hợp tác kiểu mới.

Đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân, được khuyến khích phát triển trong những ngành nghề mà luật pháp không cấm đã bước đầu khơi dậy nguồn lực và tính năng động của các thành phần này. Tuy nhiên, cần tiếp tục tháo gỡ những vướng mắc về thủ tục hành chính và trong tâm lý xã hội, tăng cường sự hướng dẫn, giúp đỡ và kiểm soát của Nhà nước để phát huy mạnh mẽ tiềm năng còn lớn của khu vực kinh tế này.

Sự xuất hiện nhiều hình thức liên kết, liên doanh giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế cũng cần được tổng kết, thể chế hoá để thúc đẩy quá trình chuyển dịch, đan xen, hỗn hợp các hình thức sở hữu.

2. Về đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại

Trên cơ sở chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, là bạn với tất cả các nước, và hoà nhịp với cải cách kinh tế trong nước, chính sách kinh tế đối ngoại cũng được đổi mới theo hướng kinh tế mở, đa phương hoá và đa dạng hoá các quan hệ kinh tế với bên ngoài, từng bước hội nhập với kinh tế thế giới và khu vực.

Những nét nổi bật trong tiến trình đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại là: mở rộng quyền xuất, nhập khẩu cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, đổi mới chính sách quản lý ngoại tệ, áp dụng tỷ giá theo cơ chế thị trường; ban hành luật và không ngừng bổ sung, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho đầu tư nước ngoài; khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế, thiết lập cơ chế thu hút nguồn tài trợ phát triển song phương và đa phương.

Tuy nhiên, quản lý nhà nước đối với xuất, nhập khẩu vẫn có mặt rườm rà, phức tạp, lại có mặt lỏng lẻo, sơ hở, nhất là trong những mặt hàng quy định hạn ngạch, trong chính sách thuế, trong thủ tục hành chính. Công tác quản lý và kiểm soát việc thực hiện dự án đã được cấp giấy phép và khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động chưa được chú ý đúng mức; nguồn tài trợ phát triển của các nước và các tổ chức tài chính quốc tế mới được sử dụng ở mức thấp.

3. Về thiết lập cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Công tác kế hoạch hoá chuyển sang tính chất định hướng là chính vẫn phát huy tác dụng như một công cụ quan trọng, không để xảy ra hẫng hụt trong quản lý vĩ mô khi chuyển đổi cơ chế kinh tế. Hệ thống tài chính, tiền tệ, tín dụng đã tiến hành một số cải cách quan trọng, xoá bỏ về cơ bản cơ chế bao cấp, góp phần kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Các chính sách phát triển văn hoá, xã hội cũng được đổi mới phù hợp với cơ chế kinh tế mới, thực hiện tốt hơn phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Tuy nhiên, cơ chế thị trường ở nước ta còn chưa hình thành đồng bộ các yếu tố. Môi trường cạnh tranh chưa được tạo lập đầy đủ với hành lang pháp chế rõ ràng; tình trạng lợi dụng độc quyền kinh doanh chưa được quan tâm khắc phục... Các công cụ quản lý vĩ mô như tài chính - tiền tệ vừa chưa khắc phục hết những khuyết tật của cơ chế cũ, vừa chậm thiết lập trật tự kỷ cương theo cơ chế mới, nên sự vận hành chưa thông suốt và thiếu lành mạnh; mặt trái của cơ chế thị trường chưa được ngăn chặn kịp thời.

Quá trình thiết lập cơ chế kinh tế mới gắn liền với việc thay đổi chức năng và phương thức quản lý nhà nước đối với nền kinh tế. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước đã có bước cải tiến, góp phần thúc đẩy và bảo đảm cho cải cách kinh tế đi đúng hướng. Tuy nhiên cuộc cải cách hành chính tiến hành chậm hơn nhiều so với cải cách kinh tế. Bệnh quan liêu, thiếu dân chủ đi liền với tình trạng phân tán, vô kỷ luật, thiếu trách nhiệm của một bộ máy cồng kềnh, với đội ngũ cán bộ, công chức thiếu kiến thức, năng lực, trong đó một

bộ phận không nhỏ thoái hoá biến chất, làm cho nền hành chính kém uy tín và hiệu lực và đang là lực cản đối với tiến trình đổi mới và phát triển đất nước.

Những chuyển biến tích cực đưa tới những thành tựu to lớn về kinh tế, xã hội trong thời gian qua chứng minh đường lối, chính sách đổi mới do Đảng ta đề ra là đúng đắn; tiến trình thực hiện tuy có những thiếu sót và chệch hướng bộ phận, nhưng nhìn chung đã đi đúng hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, chặng đường đổi mới tiếp theo có phạm vi sâu rộng hơn, phải tiến hành đồng thời cải cách kinh tế và cải cách hành chính gắn kết với nhau; có nhiều khó khăn hơn vì phải tiếp cận và giải quyết nhiều vấn đề của kinh tế thị trường và sự hội nhập quốc tế mà chúng ta còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm; có nhiều phức tạp và gay gắt hơn vì trực tiếp đụng chạm tới lợi ích cục bộ, cá nhân gắn với tệ quan liêu, tham nhũng trong bộ máy nhà nước và tình trạng thiếu trật tự, kỷ cương trong xã hội.

Phần II

NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 1996 - 2000

I- NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Thuận lợi và khó khăn của nền kinh tế trong bước phát triển mới

- Những thành tựu to lớn về đối nội, đối ngoại của nước

ta và bối cảnh quốc tế đang tạo ra ***nhiều thuận lợi mới*** cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

Quá trình đổi mới, mở cửa, đa phương hoá và đa dạng hoá quan hệ đối ngoại, hội nhập với khu vực và thế giới sẽ ngày càng phát huy được những nhân tố tích cực và tiềm năng trong sự hợp tác quốc tế.

Bước tiến ngày càng nhanh của cách mạng khoa học - công nghệ sẽ thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nhiều quốc gia theo hướng tăng tỉ trọng của những ngành sản xuất và dịch vụ có công nghệ cao, đi liền với sự chuyển giao công nghệ từ các nước ở trình độ cao sang các nước ở trình độ thấp hơn. Những lợi thế so sánh của nước ta trong thời gian tới được tận dụng, phát huy sẽ đưa đến những mối quan hệ kinh tế quốc tế đa dạng, thúc đẩy kinh tế trong nước phát triển. Với dân số 75 triệu người, Việt Nam có nguồn lao động dồi dào, có truyền thống văn hoá, có khả năng tiếp thụ nhanh khoa học, công nghệ mới, là một thị trường hàng hoá và đầu tư được giới kinh doanh quốc tế quan tâm. Nước ta đã thiết lập được mối quan hệ ở mức độ khác nhau với tất cả các nước, các trung tâm chính trị, kinh tế, các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế, tạo được môi trường hoà bình và điều kiện quốc tế thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, giữ gìn độc lập, chủ quyền.

Ở trong nước, tình hình chính trị - xã hội ổn định, nền kinh tế ra khỏi khủng hoảng và liên tục tăng trưởng, môi trường pháp lý theo cơ chế mới tiếp tục được bổ sung hoàn chỉnh; những nhân tố đó làm tăng niềm tin của nhân dân và tính năng động của xã hội, thúc đẩy việc khai thác mạnh hơn

các nguồn lực đang còn nhiều tiềm năng, phát huy tốt hơn các năng lực sản xuất đã có và sẽ tăng thêm trong 5 năm tới.

Những thuận lợi đó đang tạo ra ***thời cơ mới, vận hội mới*** để đẩy mạnh tiến trình đổi mới và phát triển đất nước. Tuy nhiên, thời cơ không tự nó đưa lại kết quả và cũng có thể qua đi nếu ta không kịp thời nắm bắt và phát huy. Đồng thời, thời cơ luôn đi liền với khó khăn và thách thức.

- ***Thách thức gay gắt nhất*** đối với nước ta là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế - công nghệ so với nhiều nước trong khu vực do xuất phát điểm của ta quá thấp, nền kinh tế còn nhiều yếu kém, lại phải nhập cuộc chạy đua và cạnh tranh gay gắt trên thị trường quốc tế. Nền kinh tế nước ta không tránh khỏi tác động ngày càng mạnh của xu thế "tự do hoá thương mại" cùng với những biến động về giá cả và tiền tệ trên thế giới. Tình hình đó gây cho ta không ít khó khăn trong hoạch định chiến lược cũng như trong điều hành quản lý, đòi hỏi nền kinh tế nước ta phải phát triển vượt bậc, tăng sức cạnh tranh, mau chóng trưởng thành và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa để khai thác được các nhân tố tích cực và đủ sức chống đỡ các ảnh hưởng bất lợi khi hội nhập quốc tế, nhất là khi nước ta đã trở thành thành viên chính thức của ASEAN và gia nhập các tổ chức kinh tế đa phương khác.

Việt Nam được các chính giới và giới kinh doanh nhiều nước đánh giá là một thị trường hấp dẫn, nhiều triển vọng, nhưng do nhiều nguyên nhân, nên trước mắt ***độ rủi ro còn cao,*** gây ra sự e ngại, ngập ngừng trong một số nhà kinh doanh nước ngoài đầu tư vào nước ta.

Những mặt ***yếu kém*** về tài chính, tiền tệ, nhất là về

ngân sách từ các năm trước để lại, về chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế còn thấp, về các mặt văn hoá, xã hội, về trình độ quản lý chưa theo kịp với tiến trình đổi mới... cũng là những khó khăn và thách thức lớn trong thời gian tới.

- ***Mưu toan của các thế lực phản động*** thực hiện "diễn biến hoà bình", gây áp lực với ta về những vấn đề "dân chủ", "nhân quyền" và những diễn biến phức tạp trong khu vực, buộc chúng ta phải luôn luôn cảnh giác, hết sức coi trọng củng cố và tăng cường khả năng quốc phòng, bảo vệ an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

2. Nhiệm vụ tổng quát

Trên cơ sở định hướng phát triển dài hạn nhằm thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhiệm vụ tổng quát về kinh tế - xã hội của toàn Đảng, toàn dân ta trong 5 năm 1996-2000 là: ***phấn đấu tăng trưởng kinh tế nhanh hơn, hiệu quả cao hơn và vững chắc hơn, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội và bảo đảm vững chắc về an ninh, quốc phòng, phát triển hài hoà các vùng kinh tế, đưa đất nước vượt qua tình trạng nước nghèo, cải thiện mức sống của nhân dân, nâng cao tích luỹ nội bộ, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000***.

Nhiệm vụ tổng quát nêu trên đòi hỏi việc xây dựng và thực hiện kế hoạch 5 năm tới phải thấu suốt tư tưởng chỉ đạo dưới đây:

- Thực hiện đồng thời ba mục tiêu về kinh tế: tăng trưởng

cao và bền vững; ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô; chuẩn bị các tiền đề cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000, chủ yếu là phát triển nguồn nhân lực, khoa học - công nghệ, cơ sở hạ tầng, hoàn thiện thể chế.

- Đổi mới căn bản tổ chức và quản lý, nâng cao hiệu quả khu vực doanh nghiệp nhà nước để phát huy vai trò chủ đạo. Đổi mới và phát triển đa dạng các hình thức kinh tế hợp tác từ thấp đến cao, phát triển hình thức hợp tác xã cổ phần. Mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác.

- Kết hợp hài hoà tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc nhằm tạo được chuyển biến rõ nét về thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội.

- Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực vừa phục vụ quốc phòng, an ninh, vừa phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế.

- Kết hợp phát triển các vùng kinh tế trọng điểm với các vùng khác, tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển, phát huy được lợi thế của mỗi vùng, tránh chênh lệch quá xa về nhịp độ tăng trưởng giữa các vùng.

3. Nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu

1- ***Tập trung sức cho mục tiêu phát triển*** để đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm 9-10%; đến năm 2000, GDP bình quân đầu người ít nhất gấp đôi năm 1990, trong chỉ đạo thực hiện phấn đấu đạt cao hơn.

Phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm 4,5-5,0%, gắn với công

nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đổi mới cơ cấu kinh tế nông thôn.

Phát triển các ngành công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm 14-15%, chú trọng trước hết công nghiệp chế biến, công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng về dầu khí, than, ximăng, cơ khí, điện tử, thép, phân bón, hoá chất, một số cơ sở công nghiệp quốc phòng.

Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm các cơ sở hạ tầng, trước hết ở những khâu ách tắc và yếu kém nhất đang cản trở sự phát triển.

Phát triển các ngành dịch vụ, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm 12-13% tập trung vào các lĩnh vực vận tải, thông tin liên lạc, thương mại, du lịch, các dịch vụ tài chính, ngân hàng, công nghệ, pháp lý...

Tăng nhanh đầu tư phát triển toàn xã hội. Chú trọng tăng cả tích luỹ và đầu tư trong nước thông qua ngân sách, cũng như của doanh nghiệp và nhân dân. Giải quyết tốt quan hệ tích luỹ - tiêu dùng theo hướng cần kiệm để công nghiệp hoá, hiện đại hoá, không tiêu dùng quá khả năng nền kinh tế cho phép; tăng năng suất và hiệu quả để vừa cải thiện được đời sống, vừa có tích luỹ ngày càng nhiều cho đầu tư phát triển. Chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Huy động mọi nguồn lực trong nước, đồng thời thu hút mạnh các nguồn vốn bên ngoài để đưa tỉ lệ đầu tư phát triển trong toàn xã hội trong 5 năm tới lên khoảng 30% GDP, bảo đảm nhu cầu đầu tư theo mục tiêu và định hướng.

Khai thác thế mạnh của cả nước, của mỗi vùng, mỗi ngành tạo ra sự phát triển hài hoà giữa các vùng lãnh thổ;

tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm có điều kiện sớm đưa lại hiệu quả cao; đồng thời dành nguồn vốn để giải quyết những nhu cầu bức xúc của các vùng khác, nhất là hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện để những vùng còn kém phát triển, các vùng nông thôn, miền núi có thể phát triển nhanh hơn, không để chênh lệch quá lớn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng.

Đến năm 2000 tỉ trọng công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 34-35% trong GDP, nông, lâm, ngư nghiệp chiếm khoảng 19-20%, dịch vụ chiếm khoảng 45-46%.

2- ***Tăng nhanh khả năng và tiềm lực tài chính của đất nước, lành mạnh hoá nền tài chính quốc gia.*** Huy động 21-22% GDP vào ngân sách thông qua thuế và phí; kiềm chế bội chi ngân sách không quá 4,5% GDP; thực hiện cam kết trả nợ. Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiềm chế và kiểm soát lạm phát, loại trừ các nguy cơ tái lạm phát cao. Giữ mức tăng chỉ số giá tiêu dùng dưới 10%/năm, cải thiện rõ rệt cán cân thanh toán quốc tế.

Phát triển thị trường tiền tệ và thị trường vốn, hình thành thị trường chứng khoán và mở rộng khả năng hoạt động của chúng cả ở trong và ngoài nước. Tăng khả năng chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam, thu hẹp việc sử dụng ngoại tệ ở trong nước; ổn định tỷ giá hối đoái phù hợp với sức mua thực tế của đồng tiền.

3- ***Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.*** Mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, tăng khả năng xuất khẩu các mặt hàng đã qua chế biến sâu; tăng sức cạnh tranh hàng hoá và dịch vụ. Kim ngạch xuất khẩu bình quân hằng năm tăng 24-28%, nâng mức xuất khẩu bình quân đầu người

năm 2000 lên 170 USD; phát triển mạnh du lịch và các dịch vụ cho khách nước ngoài. Kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân hằng năm 22-24%.

Kim ngạch xuất khẩu đáp ứng trên 90% nhu cầu nhập khẩu; nhập siêu chủ yếu nhằm tăng trang bị kỹ thuật cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh và phải có nguồn trang trải.

Tăng khả năng tiếp nhận vốn đầu tư và công nghệ từ bên ngoài.

Thay thế nhập khẩu một số mặt hàng thiết yếu cả cho sản xuất và tiêu dùng mà trong nước sản xuất có hiệu quả

4- ***Phát triển nhân tố con người, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân***

Giảm tốc độ phát triển dân số vào năm 2000 xuống khoảng 1,8%. Giải quyết việc làm cho 6,5-7 triệu người, giảm tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống dưới 5% và tăng thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn trên 80%. Điều chỉnh tiền lương khi điều kiện cho phép và giải quyết những bất hợp lý trong chính sách tiền lương. Từng bước hình thành quỹ bảo trợ thất nghiệp ở thành thị.

Hoàn thành căn bản việc thanh toán nạn mù chữ và phổ cập tiểu học trong cả nước, phổ cập trung học cơ sở (lớp 9) ở thành thị và một số tỉnh đồng bằng; số lao động đã qua đào tạo chiếm khoảng 20-25% tổng số lao động. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng giáo dục, đào tạo. Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, thông tin, mở rộng tới các vùng sâu, vùng xa.

Xoá nạn đói. Đến năm 2000, tỉ lệ người thu nhập quá thấp (mức ăn dưới 2.100 kcalo/ngày) giảm xuống còn 10% dân số, tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm

xuống dưới 30%. Dân cư thành thị và 80% dân số ở nông thôn được cung cấp nước sạch. Tăng tuổi thọ bình quân lên khoảng 70 tuổi.

Thực hiện tốt hơn các chính sách xã hội, bảo đảm mức sống của người về hưu và các gia đình có công với nước.

Hoàn thành căn bản định canh định cư và ổn định đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Nâng tỉ lệ diện tích có rừng che phủ lên 40%; giảm ô nhiễm môi trường ở thành phố, khu công nghiệp.

Đẩy lùi tham nhũng, các tệ nạn xã hội, và các loại văn hoá không lành mạnh.

5- ***Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ và an ninh của Tổ quốc,*** giữ vững ổn định chính trị và an toàn xã hội để thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh vững mạnh, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống.

6- ***Tích cực chuẩn bị và tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000***, chủ yếu là phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực khoa học - công nghệ, xây dựng cơ sở hạ tầng và một số công trình công nghiệp then chốt, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường.

II- CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ CÁC LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN

Các chương trình và lĩnh vực phát triển dưới đây chủ yếu trình bày về lực lượng sản xuất. Các nội dung về quan hệ sản xuất sẽ trình bày trong các chương trình tương ứng và tại Phần III báo cáo này.

1. Chương trình phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn

a. Mục tiêu:

Phát triển nông nghiệp toàn diện hướng vào bảo đảm an toàn lương thực quốc gia trong mọi tình huống, tăng nhanh nguồn thực phẩm và rau quả, cải thiện chất lượng bữa ăn, giảm suy dinh dưỡng.

Mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, tăng nhanh đàn gia súc, gia cầm, phát triển kinh tế biển, kinh tế rừng, khai thác có hiệu quả tiềm năng của nền nông nghiệp sinh thái, tăng nhanh sản lượng hàng hoá, hình thành rộng rãi thị trường nông thôn.

Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn có hiệu quả, phát triển các ngành nghề, hình thành công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản, tạo việc làm tại chỗ, đẩy mạnh việc xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái, cải thiện và nâng dần chất lượng cuộc sống ở nông thôn. Gắn sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp với công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

b. Nhiệm vụ cụ thể và các giải pháp chủ yếu:

Tăng nhanh sản lượng **lương thực** hàng hoá ở những vùng đồng bằng có năng suất và hiệu quả cao. Bố trí lại mùa vụ để né tránh thiên tai, chuyển sang các vụ có năng suất cao, tạo điều kiện mở nhanh diện tích rau màu vụ đông, chuyển bớt diện tích trồng cây lương thực và cây hoa màu lương thực có năng suất thấp sang trồng cây công nghiệp, cây ăn quả và các loại cây rau đậu khác có hiệu quả hơn. Nhân nhanh những giống mới có năng suất cao, phẩm chất tốt thích ứng với từng vùng sinh thái, đặc biệt là giống lúa lai,

ngô lai. Quy hoạch phát triển một số vùng sản xuất các loại lúa gạo ngon có giá trị cao. Dự kiến năm 2000, sản lượng lương thực đạt khoảng 30 triệu tấn, đạt bình quân đầu người 360-370 kg.

Phát triển mạnh các loại **cây công nghiệp, cây ăn quả và rau đậu** có hiệu quả kinh tế cao; hình thành những vùng sản xuất tập trung gắn với công nghiệp chế biến tại chỗ. Trồng cây công nghiệp kết hợp với chương trình phủ xanh đất trống, đồi trọc theo hình thức nông - lâm kết hợp, coi trọng các biện pháp thâm canh tăng năng suất; áp dụng công nghệ sinh học, sản xuất các loại rau quả sạch, không sử dụng hoá chất. Đến năm 2000 đưa tỉ trọng cây công nghiệp chiếm khoảng 45% giá trị sản lượng ngành trồng trọt.

Hình thành và phát triển các vùng **chăn nuôi** tập trung gắn với công nghiệp chế biến thực phẩm. Khuyến khích và nhân rộng các hộ chăn nuôi giỏi, các nông trại chăn nuôi. Đổi mới hệ thống giống có năng suất cao, chất lượng tốt và từng bước nhân rộng cho từng cơ sở chăn nuôi, từng hộ gia đình. Thực hiện chương trình nạc hoá đàn lợn, cải tạo đàn bò, phát triển bò sữa, bò thịt và thanh toán một số bệnh nhiệt đới. Phát triển nghề chăn nuôi các loại động vật đặc sản. Mở rộng mạng lưới chế biến thức ăn gia súc, thú y, bảo hiểm vật nuôi và các dịch vụ khác. Phấn đấu đến năm 2000, đưa tỉ trọng ngành chăn nuôi trong giá trị tổng sản lượng nông nghiệp lên khoảng 30-35%.

Phát triển nghề **nuôi, trồng thuỷ sản** cả ở nước ngọt, nước lợ và nước mặn. Bảo vệ và khôi phục rừng ngập mặn, chuyển một số ruộng trũng, hay bị úng lụt hoặc bị nhiễm mặn, năng suất thấp sang nuôi, trồng thuỷ sản. Cải tạo con giống,

tổ chức tốt dịch vụ hậu cần về thức ăn, phòng chống dịch bệnh, từng bước áp dụng phương thức nuôi công nghiệp. Đến năm 2000, diện tích nuôi, trồng thuỷ sản đạt 60 vạn hécta, trong đó diện tích nuôi tôm chiếm 50%, sản lượng đạt 50 vạn tấn.

Quản lý việc đánh bắt trong từng ngư trường để bảo tồn sự sinh sản và phát triển đàn cá. Khuyến khích ngư dân tự sắm phương tiện và tổ chức khai thác tốt các nguồn lợi hải sản. Đầu tư thêm phương tiện đánh bắt xa bờ với lực lượng quốc doanh là nòng cốt. Chống ô nhiễm môi trường biển, sông ngòi, ao hồ và nghiêm cấm khai thác thuỷ hải sản bằng phương pháp huỷ diệt. Sản lượng cá đánh bắt vào năm 2000 khoảng 1,5 triệu tấn.

Tiếp tục điều tra, phát hiện tài nguyên và sinh vật biển để có kế hoạch khai thác, bảo vệ.

Phát triển **nghề rừng,** tăng tốc độ phủ xanh đất trống đồi núi trọc, khoanh nuôi, tái sinh, bảo vệ rừng, gắn với việc ổn định và cải thiện đời sống của dân cư ở miền núi, tạo điều kiện cho miền núi từng bước phát huy thế mạnh của mình. Giao rừng, giao đất đến hộ nông dân và tăng cường công tác kiểm lâm để bảo vệ vốn rừng, bảo vệ hệ sinh thái bền vững, bảo vệ quỹ gien, ngăn chặn tệ đốt phá rừng, săn thú bừa bãi. Quản lý chặt chẽ việc khai thác gỗ, tiếp tục cấm xuất khẩu gỗ nguyên liệu.

Trong 5 năm 1996-2000, phải bảo vệ 9,3 triệu hécta rừng hiện có và tạo thêm 2,5 triệu hécta rừng, trong đó có 1 triệu hécta rừng trồng mới, đưa diện tích che phủ lên 40%. Tạo việc làm ổn định cho 1 triệu hộ với 2 triệu lao động và 6-7 triệu nhân khẩu.

Những *giải pháp chủ yếu* sẽ tập trung vào phát triển nhanh chóng hệ thống thuỷ lợi ở tất cả các vùng, đặc biệt là

khôi phục, sửa chữa nâng cấp và mở rộng hệ thống thuỷ lợi đã có ở hai đồng bằng lớn của đất nước, thực hiện chương trình ngọt hoá và có giải pháp chống lũ toàn diện ở đồng bằng Sông Cửu Long, xây dựng các hồ chứa nước ở một số vùng trung du, miền núi vừa đảm bảo phục vụ sản xuất, vừa cải thiện nguồn nước sinh hoạt cho dân chúng. Dự kiến trong 5 năm, năng lực tưới tăng thêm 20 vạn hécta, năng lực tiêu úng tăng thêm 25 vạn hécta, tạo nguồn nước tưới ở Nam Bộ 50 vạn hécta, ngăn mặn 10 vạn hécta.

Bảo đảm đủ phân bón kịp thời vụ với giá ổn định, mở rộng việc ứng dụng các biện pháp sinh học trong bảo vệ thực vật, phát triển hệ thống mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chuyển giao kỹ thuật và dịch vụ cung ứng vật tư kỹ thuật, tổ chức chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, phát triển các ngành dịch vụ nông thôn, thực hiện hỗ trợ tín dụng, bảo hiểm và các chính sách khuyến khích khác cũng là những giải pháp để thực hiện mục tiêu của chương trình.

2. Chương trình phát triển công nghiệp

a. Mục tiêu:

Đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hình thành cơ cấu công nghiệp có hiệu quả gắn với quan hệ sản xuất thích hợp nhằm đạt tốc độ tăng trưởng cao, vững chắc, bình quân hằng năm khoảng 14-15%.

Đổi mới về căn bản công nghệ của phần lớn doanh nghiệp, phát triển nhanh một số ngành và một số lĩnh vực có lợi thế, hình thành một số công nghiệp mũi nhọn như chế biến lương thực - thực phẩm, khai thác và chế biến dầu khí,

một số ngành cơ khí chế tạo, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin. Mở rộng quan hệ hợp tác với nước ngoài, chú trọng nhập khẩu công nghệ tiên tiến.

Hình thành các khu công nghiệp tập trung (bao gồm cả khu chế xuất và khu công nghệ cao), tạo địa bàn thuận lợi cho việc xây dựng các cơ sở công nghiệp mới; phát triển mạnh công nghiệp nông thôn và ven đô thị. Ở các thành phố, thị xã, chỉ nâng cấp, cải tạo các cơ sở công nghiệp hiện có không gây ô nhiễm môi trường, hạn chế việc xây dựng cơ sở công nghiệp mới xen lẫn với khu dân cư.

b. Nhiệm vụ cụ thể và các giải pháp chủ yếu:

Phát triển **công nghiệp chế biến thực phẩm và công nghiệp hàng tiêu dùng** nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân trong nước, đồng thời hướng mạnh về xuất khẩu, ưu tiên phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và hiệu quả cao.

Kết hợp hài hoà nhiều loại quy mô, nhiều trình độ công nghệ thích hợp với từng loại địa bàn, từng loại sản phẩm với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài. Đầu tư chiều sâu, mở rộng công suất và đổi mới công nghệ, đồng thời xây dựng mới một số cơ sở sản xuất với công nghệ hiện đại nhằm chế biến phần lớn nông, lâm, thuỷ sản của các vùng.

Hướng phát triển một số sản phẩm chủ yếu trong 5 năm 1996-2000:

Nâng cấp các cơ sở **xay xát gạo** hiện có, xây dựng thêm một số cơ sở xay xát, đánh bóng gạo xuất khẩu, đưa công suất xay xát lên khoảng 15 triệu tấn vào năm 2000. Củng cố lại và xây dựng thêm hệ thống kho bảo quản, dự trữ lương

thực, giảm tỉ lệ hao hụt sau thu hoạch. Phát triển các cơ sở chế biến màu lương thực, thức ăn chăn nuôi, tinh bột nguyên liệu...

Đầu tư chiều sâu, mở rộng các nhà máy **đường** hiện có. Xây dựng một số nhà máy mới, công suất lớn với thiết bị công nghệ hiện đại theo hình thức liên doanh với nước ngoài ở những vùng nguyên liệu tập trung lớn; đối với những vùng nguyên liệu nhỏ thì quy mô và trình độ công nghệ phù hợp với khả năng huy động vốn đầu tư trong nước, đạt 1 triệu tấn đường vào năm 2000.

Đổi mới thiết bị và công nghệ các nhà máy **chè** hiện có để bảo đảm sản phẩm xuất khẩu được, đồng thời liên doanh hợp tác với nước ngoài xây dựng một số nhà máy chè hiện đại; khuyến khích phát triển các cụm sơ chế quy mô hộ, liên hộ, liên kết với các nhà máy tinh chế.

Cho dân vay vốn đầu tư để phát triển **càphê,** xây dựng sân phơi, mua sắm thiết bị xát càphê công suất nhỏ, xây dựng một số cơ sở đánh bóng phân loại hiện đại. Mở rộng công suất dây chuyền càphê hoà tan từ 100tấn/năm hiện nay lên 1.000tấn/năm.

Tập trung thực hiện dự án "phục hồi **caosu**" bằng vốn vay của nước ngoài, trong đó có phần đầu tư để nâng công suất chế biến từ 20.000 tấn hiện nay lên 70.000 tấn/năm; phát triển các ngành công nghiệp chế biến sản phẩm từ caosu.

Chế biến thịt, sữa, thuỷ, hải sản sẽ được phát triển theo nhiều quy mô, cải tạo các cơ sở hiện có và xây dựng các cơ sở mới hiện đại phục vụ cho xuất khẩu và nâng mức tiêu dùng thực phẩm công nghiệp trong nước.

Phát triển mạnh công nghiệp nhẹ, nhất là dệt, may, da

giầy, các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, hướng vào xuất khẩu. Đầu tư hiện đại hoá dây chuyền công nghệ, nâng chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm. Chuyển dần việc nhận gia công dệt may, đồ da sang mua nguyên liệu và tăng năng lực tự tạo ra nguyên liệu, vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu. Khắc phục sự lạc hậu quá xa của ngành sợi, dệt, phấn đấu đến năm 2000 sản xuất 500 triệu mét vải. Đầu tư chiều sâu các nhà máy hiện có và xây dựng mới một số nhà máy để đưa sản lượng giấy năm 2000 lên 30 vạn tấn, đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục, văn hoá và giấy công nghiệp. Sản xuất đồ dùng kim khí, đồ dùng bằng nhựa, đủ cho nhu cầu trong nước và có phần xuất khẩu.

Tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm, thăm dò, khai thác **dầu và khí;** mở rộng các hình thức liên doanh; nâng cao năng lực công nghiệp dầu khí quốc gia cả trong thăm dò, khai thác, chế biến và dịch vụ. Sản lượng dầu thô năm 2000 khoảng 16 triệu tấn, sản lượng khí khoảng 3,7 tỉ m^3. Xây dựng quy hoạch tổng thể sử dụng khí thiên nhiên, khí đồng hành. Hoàn thành hai công trình dẫn khí để sử dụng 4,5 - 5 tỷ m^3/năm. Xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 (6,5 triệu tấn/năm), chuẩn bị xây dựng nhà máy lọc dầu số 2 (hoặc mở rộng công suất nhà máy số 1), nhà máy sản xuất pôlime tổng hợp.

Tăng nhanh nguồn **điện** với cơ cấu hợp lý, đáp ứng kịp yêu cầu phát triển nhằm bảo đảm sản lượng điện 30 tỉ KWh vào năm 2000. Trong 5 năm tới, dự kiến hoàn thành xây dựng đưa vào vận hành trong giai đoạn 1996-2000 và một phần gối đầu sang kế hoạch 5 năm sau một số nguồn điện lớn như: Nhà máy tua bin khí Bà Rịa; Nhà máy điện Phú Mỹ 2 (600 MW); Phú Mỹ 3 (600 MW trong tổ hợp điện - đạm);

Phú Mỹ 1 (600 MW); Nhà máy thuỷ điện Sông Hinh (70 MW); Nhà máy thuỷ điện Yaly (720 MW); Nhà máy nhiệt điện Phả Lại II (600 MW);... đồng thời để đồng bộ với nguồn, dự kiến xây dựng 3.184km đường dây 220 KV; 3.243 km đường dây 110KV và 15.712 KVA trạm biến áp, 34.212 km đường dây trung áp, 24.437 km đường dây hạ áp, 7.020 MVA trạm biến áp phụ tải.

Có chính sách và biện pháp mạnh để sử dụng điện hợp lý, tiết kiệm.

Chương trình phát triển ngành **than** hướng vào gia tăng công suất hiện có, phục hồi cải tạo mở rộng đưa vào sản xuất một số mỏ và duy trì công suất các mỏ đang khai thác. Sản lượng than sạch năm 2000 khoảng 10 triệu tấn.

Lựa chọn các phương án thích hợp và hiệu quả trong việc xây dựng các cơ sở sản xuất **phân lân** nhằm tăng thêm công suất để đạt sản lượng 1,2 triệu tấn vào năm 2000. Mở rộng Nhà máy **phân đạm** Hà Bắc để đạt công suất 35 vạn tấn/năm, xây dựng Nhà máy phân đạm số 1 từ khí có công suất 60 vạn tấn/năm huy động vào năm 1998 (hoặc năm 1999), xây dựng gối đầu Nhà máy phân đạm số 2 có công suất tương tự, huy động trong kế hoạch 5 năm sau.

Đến năm 1998, huy động vào sản xuất các nhà máy ximăng đang xây dựng tăng thêm công suất 6,8 triệu tấn. Dự kiến huy động và vay vốn để mở rộng, xây dựng mới một số nhà máy ximăng, kể cả một số nhà máy lò đứng, ước tăng thêm công suất khoảng 5 triệu tấn, đồng thời liên doanh với nước ngoài xây thêm một số nhà máy để bảo đảm sản lượng ximăng năm 2000 đạt 16-20 triệu tấn, tổng công suất trên 20 triệu tấn.

Đầu tư hoàn chỉnh các dây chuyền sản xuất thép hiện có, khởi công xây dựng mới một số nhà máy thép... Ngoài ra, liên doanh với nước ngoài để xây dựng thêm nhà máy sản xuất thép ống, đến năm 2000 sản xuất 2 triệu tấn thép. Xây dựng gối đầu mỏ sắt Thạch Khê, nhà máy thép tổ hợp 2,0 triệu tấn.

Tự đầu tư và hợp tác liên doanh với nước ngoài để đổi mới thiết bị và công nghệ, cải tạo các nhà máy **cơ khí** hiện có; kết hợp chế tạo trong nước với nhập khẩu để trang bị một phần máy móc, thiết bị cho nền kinh tế và có sản phẩm xuất khẩu. Trước mắt, hướng vào sản xuất thiết bị toàn bộ cho công nghệ chế biến nông sản, các loại phương tiện vận tải, thiết bị sản xuất ximăng lò đứng, thiết bị sản xuất gạch ngói, các phụ tùng, phụ kiện thay thế... Phát triển mạnh công nghiệp đóng và sửa chữa tàu biển, lắp ráp và chế tạo ôtô, xe máy, chế tạo thiết bị điện trung và hạ thế; bắt đầu chế tạo thiết bị điện cao áp, động cơ công suất lớn, động cơ cho tàu thuỷ hoạt động xa bờ. Đáp ứng nhu cầu dụng cụ cầm tay của các ngành kinh tế và một phần các phụ tùng thay thế. Tăng năng lực sửa chữa, phục hồi máy móc thiết bị và phát triển dịch vụ sau khi bán, bảo hành sản phẩm.

Từng bước xây dựng công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin thành một ngành mũi nhọn, tiếp nhận công nghệ mới, trước hết sản xuất một số phụ tùng, linh kiện và lắp ráp các thiết bị điện tử dân dụng, điện tử công nghiệp, điện tử y tế, thiết bị tin học, thiết bị thông tin, liên lạc... đi từ các dạng lắp ráp CKD đến IKD với mức chế tạo trong nước 30-40% giá trị. Phát triển dịch vụ tin học, nhất là phần mềm ứng dụng trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, sản xuất, quản lý và đời sống, mở rộng dịch vụ thông tin.

Xây dựng và phát triển **công nghiệp quốc phòng** theo nhiều trình độ công nghệ, ưu tiên hướng tới công nghệ hiện đại để duy trì, cải tiến, hiện đại hoá các vũ khí, trang bị hiện có, từng bước sản xuất được vũ khí, trang bị cần thiết. Nâng cao năng lực của các ngành và các cơ sở kinh tế trong việc đáp ứng các nhu cầu vật chất, kỹ thuật cho quốc phòng, an ninh; bảo đảm có thể nhanh chóng huy động được mọi tiềm lực kinh tế phục vụ quốc phòng, an ninh khi tình thế đòi hỏi.

Khai thác có hiệu quả tiềm năng của các cơ sở công nghiệp quốc phòng để tham gia xây dựng kinh tế. Có cơ chế, chính sách quản lý các xí nghiệp quốc phòng và lực lượng quân đội, công an làm kinh tế theo đúng pháp luật và phù hợp với tính chất đặc thù của quốc phòng và an ninh.

3. Chương trình phát triển cơ sở hạ tầng

a. *Mục tiêu:*

Phát triển cơ sở hạ tầng nhằm mục đích giải thoát những ách tắc, cản trở để bảo đảm các điều kiện thuận lợi cho thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000, vừa nhằm chuẩn bị những điều kiện hoàn chỉnh hơn về giao thông, thông tin, cung cấp điện, nước và các dịch vụ cơ bản cho bước phát triển nhanh và bền vững sau năm 2000.

Bảo đảm sự lưu thông thông thoát của các tuyến huyết mạch, tuyến xương sống và các tuyến nhánh đến các vùng, các trung tâm miền núi. Trong từng vùng, tuỳ theo yêu cầu của mức độ phát triển, bảo đảm các dịch vụ về điện, nước, giao thông, thông tin. Trước mắt, tập trung sửa chữa, nâng cấp và xây dựng gối đầu một số công trình hạ tầng cấp thiết

trên cơ sở hệ thống sẵn có. Phát triển cơ sở hạ tầng vùng miền núi, nông thôn, đặc biệt là đường sá, điện, nước sạch.

Nghiên cứu khảo sát quy hoạch đầy đủ cho nhu cầu sau năm 2000 để gắn kết các công trình 5 năm vào khuôn khổ của quy hoạch chung.

b. *Nhiệm vụ cụ thể và các giải pháp chủ yếu:*

Khắc phục sự xuống cấp, từng bước nâng cấp các công trình và các tuyến **giao thông** trọng yếu; đầu tư xây dựng mới theo hướng đồng bộ, hiện đại các công trình giao thông tại các cửa khẩu (sân bay, hải cảng quốc tế), các hành lang quan trọng nối cửa khẩu với nội địa, trước hết tại các địa bàn kinh tế trọng điểm, tuyến trục Bắc - Nam.

Tập trung khôi phục, nâng cấp từng đoạn các tuyến giao thông trọng yếu, đặc biệt là quốc lộ 1A, 5, 18, 51, 10, 14..., hoàn thành xây dựng các đường 91 (An Giang), đường 80 (Rạch Giá); đường 27; đường 14B; đường 24..., các cầu sông Gianh, Mỹ Thuận; xem xét việc khởi công cầu Thanh Trì (Hà Nội), cầu qua sông Sài Gòn... Mở rộng, nâng cấp các tuyến trục, các đường phố chính và đường vành đai, khắc phục tắc nghẽn giao thông ở Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Nâng cấp các tuyến đường bộ ở các tỉnh biên giới, miền núi, đường từ tỉnh xuống huyện và giao thông nông thôn, các tuyến đường đến trung tâm các huyện vùng sâu, vùng xa như Mường Tè (Lai Châu), Sông Mã (Sơn La), Trạm Tấu (Yên Bái), U Minh, Trần Văn Thời, Cái Nước, Năm Căn (Minh Hải), Bảo Lạc (Cao Bằng), Đồng Văn, Mèo Vạc (Hà Giang), Quan Hoá (Thanh Hoá), Quế Phong (Nghệ An).

Nâng cấp, củng cố mạng đường sắt hiện có, bảo đảm chạy tàu thông suốt. Trang bị hệ thống thông tin tín hiệu bán tự

động và điện thoại tự động ở các ga lớn để bảo đảm điều hành chạy tàu an toàn. Chuẩn bị hoặc xây dựng gối đầu tuyến Hà Nội - Hạ Long, thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu, cải tuyến đường Bắc - Nam qua đèo Hải Vân.

Mở rộng và nâng cấp ba sân bay quốc tế đạt dần trình độ hiện đại, có thể tiếp nhận 12 - 13 triệu lượt hành khách/năm. Nâng cấp các sân bay vệ tinh trong các vùng như Cát Bi, Phú Bài, Nha Trang, Cam Ly, Cà Mau... Mở thêm các đường bay mới; tăng thêm máy bay đảm bảo nhu cầu bay quốc tế và trong nước.

Củng cố, mở rộng các cảng biển hiện có để tăng năng lực, chuẩn bị và từng bước xây dựng các cảng Dung Quất, Liên Chiểu, cảng Bến Đình - Sao Mai, Cái Lân... Nạo vét, chỉnh trị các luồng sông và nâng cấp các cảng sông chính, bảo đảm hệ thống đường sông ở đồng bằng Bắc Bộ có thể cho sàlan tới 1.000 tấn và ở đồng bằng Nam Bộ có thể cho tầu tới 2.000 tấn đi sâu vào nội địa. Nghiên cứu xây dựng các cảng sông có thể tiếp nhận tầu 5-10 ngàn tấn như Cần Thơ, Mỹ Tho.

Hoàn thiện việc nối mạng **thông tin** quốc tế, hiện đại hoá mạng thông tin liên lạc quốc gia, phát triển mạng điện thoại trong cả nước. Cải tạo mạng cáp ở các thành phố lớn và đô thị, phát triển mạng bưu chính đa dịch vụ. Mở rộng mạng viễn thông nông thôn; đến năm 2000 liên lạc thông suốt bằng điện thoại đến tất cả các xã. Cải thiện mạng lưới bưu chính phục vụ khách hàng một cách nhanh chóng, thuận tiện, an toàn, giá cả hợp lý.

Phát triển và nâng cấp mạng lưới điện, bảo đảm cung cấp **điện đầy đủ**, ổn định cho các đô thị và khu công nghiệp; tới năm 2000, 80% số xã có điện.

Xây dựng quy hoạch bảo vệ và khai thác hợp lý nguồn **nước**, đáp ứng yêu cầu của sản xuất và đời sống. Cải thiện từng bước tình hình cấp, thoát nước ở các đô thị, ưu tiên những nơi chưa có hệ thống cấp, thoát nước. Giải quyết cơ bản hệ thống cấp thoát nước Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Hạ Long và một số thị xã, khu vực trục đường 51, các khu chế xuất và khu công nghiệp. Tiếp tục thực hiện chương trình nước sạch nông thôn, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long và vùng núi đang thiếu nước sinh hoạt.

4. Phát triển khoa học và công nghệ

a. *Mục tiêu:*

Nhanh chóng nâng cao trình độ công nghệ quốc gia, cả về cơ sở vật chất - kỹ thuật và đội ngũ cán bộ, có đủ năng lực làm chủ công nghệ hiện đại nhập nội, thích nghi và sáng tạo một số công nghệ mới, đón đầu và đi thẳng vào một số công nghệ cao trong các lĩnh vực thông tin, sinh học, cơ khí chính xác, vật liệu mới..., từng bước tiếp cận trình độ thế giới. Tập trung vào việc ứng dụng công nghệ tiến bộ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tạo ra những động lực phát triển mới.

b. *Nhiệm vụ và các biện pháp chủ yếu:*

Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và triển khai theo hướng tập trung cho yêu cầu đổi mới công nghệ, đưa nhanh các thành tựu mới về công nghệ vào sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trong nước; xây dựng luận cứ khoa học cho các quyết định về đường lối, về chính sách kinh tế - xã hội, về quy hoạch và kế hoạch phát triển.

Xây dựng hai khu công nghệ cao ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp tục sắp xếp lại lực lượng khoa học và công nghệ, gắn nghiên cứu khoa học - công nghệ với giáo dục - đào tạo, gắn nghiên cứu triển khai với sản xuất và dịch vụ. Nhà nước tập trung đầu tư và tranh thủ nguồn tài trợ bên ngoài cho việc tăng cường và hiện đại hoá cơ sở vật chất - kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, công nghệ ở các trường đại học và viện nghiên cứu đầu ngành. Xây dựng quy chế liên kết và tiến tới hợp nhất một số viện nghiên cứu với trường đại học. Chuyển lực lượng nghiên cứu triển khai về các tổng công ty, doanh nghiệp lớn.

Sớm ban hành *Luật Khoa học và công nghệ,* hoàn chỉnh các chính sách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thật sự coi sản phẩm khoa học, công nghệ là hàng hoá được tính đúng giá trị theo hiệu quả ứng dụng. Phát triển các dịch vụ kỹ thuật như đo lường, thẩm định công nghệ, thông tin khoa học và công nghệ. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đăng ký sản phẩm, tiêu chuẩn chất lượng, chống hàng giả.

Phát triển hình thức đặt hàng và ký hợp đồng về đề tài nghiên cứu giữa các tổ chức nghiên cứu khoa học, công nghệ với các cơ quan, doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng và hiệu quả ứng dụng của các đề tài nghiên cứu được Nhà nước đặt hàng và tài trợ. Lập quỹ tín dụng với điều kiện ưu đãi cho các dự án phát triển khoa học và công nghệ.

Triển khai tích cực hơn việc thi hành *Luật Bảo vệ môi trường,* ngăn chặn tình trạng đốt, phá rừng, khai thác gỗ và săn bắt thú trái phép; chống ô nhiễm không khí ở đô thị, nhất là các thành phố lớn; bảo vệ nguồn nước, chống ô nhiễm

nguồn nước cả ở đô thị và vùng nông thôn; ngăn ngừa, chống ô nhiễm vùng biển.

Tiến hành khẩn trương việc điều tra ô nhiễm môi trường, điều tra, đánh giá việc khai thác không hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên gây tổn hại đến môi trường và đề ra các biện pháp khắc phục hữu hiệu. Thực hiện các dự án về cải tạo, bảo vệ môi trường, xây dựng vườn quốc gia, khu rừng cấm, trồng cây xanh ở đô thị và các khu công nghiệp, áp dụng các kỹ thuật tiên tiến để xử lý các chất độc hại, chất thải. Các dự án phát triển kinh tế - xã hội, các dự án đầu tư nước ngoài và các công trình xây dựng cơ bản có quy mô nhất định đều phải được xem xét, đánh giá tác động đối với môi trường và có biện pháp xử lý.

5. Phát triển kinh tế dịch vụ

a. *Mục tiêu:*

Phát triển mạnh các loại dịch vụ, mở thêm những loại hình mới đáp ứng nhu cầu đa dạng của sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Tăng nhanh khối lượng và chủng loại, đa dạng hàng hoá trên thị trường. Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong dịch vụ vận tải, thông tin liên lạc và thương nghiệp, kể cả trong những lĩnh vực chỉ có các doanh nghiệp nhà nước. Giữ ổn định giá cả, nhất là đối với các mặt hàng và dịch vụ thiết yếu.

b. *Nhiệm vụ và biện pháp chủ yếu:*

Tăng nhanh khối lượng và nâng cao độ an toàn về **vận tải** hàng hoá, vận chuyển hành khách trên tất cả các loại hình vận tải. Nâng cao năng lực đủ sức đảm nhiệm tỉ lệ

thương quyền theo luật pháp và thông lệ quốc tế trong vận tải hàng không, viễn dương.

Phát triển **thương nghiệp,** bảo đảm lưu thông hàng hoá thông suốt trong cả nước, chú trọng vùng nông thôn, vùng sâu và miền núi, với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế. Thương nghiệp quốc doanh được sắp xếp lại, củng cố và phát triển trong những ngành hàng thiết yếu đối với sản xuất và đời sống, trước hết là ở những địa bàn còn bỏ trống; nắm bán buôn, chi phối bán lẻ; từng bước tổ chức hợp tác xã mua bán, màng lưới đại lý đủ sức ngăn ngừa những biến động bất thường để ổn định thị trường và giá cả.

Tăng cường quản lý thị trường, hướng dẫn các thành phần thương nghiệp phát triển đúng hướng, đúng chính sách, pháp luật, cạnh tranh lành mạnh; chống trốn thuế, lậu thuế, lưu thông hàng giả, hàng kém phẩm chất.

Tăng cường vai trò điều tiết vĩ mô của Nhà nước, xử lý kịp thời mọi diễn biến bất lợi của thị trường. Hoàn thiện hệ thống dự trữ quốc gia và dự trữ lưu thông đủ mạnh và can thiệp đúng lúc giữ ổn định thị trường. Mở rộng thị trường trên các vùng đô thị, nông thôn và miền núi.

Dự kiến giá trị hàng hoá bán ra trên thị trường đến năm 2000 gấp 2,5 lần năm 1995, tăng bình quân hằng năm 20%.

Triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển ngành **du lịch** tương ứng với tiềm năng du lịch to lớn của đất nước và sẽ trở thành một ngành mũi nhọn quan trọng. Xây dựng các chương trình và các điểm du lịch hấp dẫn, nâng cao chất lượng dịch vụ phù hợp với các loại khách du lịch khác nhau.

Liên doanh với nước ngoài xây dựng các khách sạn lớn,

chất lượng cao đòi hỏi nhiều vốn. Cổ phần hoá một số khách sạn hiện có để huy động các nguồn vốn vào việc đầu tư cải tạo, nâng cấp... Có cơ chế thích hợp trong việc chuyển đổi các nhà nghỉ, nhà khách sang kinh doanh khách sạn và du lịch. Huy động vốn trong dân tham gia kinh doanh du lịch. Ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng ở những khu vực du lịch tập trung ở các trung tâm lớn.

Phát triển mạnh các **loại hình dịch vụ mới** như dịch vụ thông tin, tư vấn về đầu tư, kinh doanh và dịch vụ trong các lĩnh vực công nghệ, pháp luật, tài chính, kiểm toán, ngân hàng, bảo hiểm... Mở rộng các loại dịch vụ đa dạng đáp ứng nhu cầu về đời sống, phù hợp với mức sinh hoạt của các tầng lớp dân cư, tạo thêm nhiều việc làm.

6. Phát triển kinh tế đối ngoại

a. *Mục tiêu:*

Tổng kim ngạch **xuất khẩu** 5 năm tăng bình quân hằng năm khoảng 24 - 28%. Tăng nhanh tỉ trọng hàng đã qua chế biến trong kim ngạch xuất khẩu, giảm tỉ trọng xuất khẩu nguyên liệu và hàng sơ chế. Nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá và tạo thị trường ổn định lâu dài.

Hướng **nhập khẩu** tập trung nguyên, nhiên, vật liệu, các loại thiết bị công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Thay thế nhập khẩu một số mặt hàng thiết yếu mà trong nước sản xuất có hiệu quả. Tổng kim ngạch nhập khẩu 5 năm, tăng bình quân hằng năm 22-24%. Giảm dần mức nhập siêu.

Thu hút và sử dụng có hiệu quả khoảng 7 tỷ USD từ nguồn vốn ODA và tăng nhanh nguồn đầu tư trực tiếp của

nước ngoài (FDI) dự kiến trong 5 năm thực hiện được 13-15 tỷ USD.

Cải thiện cán cân thanh toán quốc tế.

b. *Nhiệm vụ và một số giải pháp:*

Mở rộng thị trường **xuất khẩu,** đổi mới cơ cấu hàng xuất khẩu. Đưa tỉ trọng hàng xuất khẩu đã qua chế biến từ 20% hiện nay lên 70% vào năm 2000. Tạo thêm mặt hàng, nhóm hàng xuất khẩu có khối lượng lớn, mặt hàng và dịch vụ mới; tăng khối lượng các mặt hàng đặc sản có giá trị lớn.

Dự kiến 5 năm (1996-2000) nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản xuất khẩu tăng bình quân hằng năm 29%; nhóm hàng công nghiệp nhẹ 35%, nhóm hàng nông, lâm, thuỷ sản 16%.

Cơ cấu nhập khẩu trong 5 năm, dự kiến thiết bị nhập theo dự án chiếm 15% và tăng bình quân hằng năm 24%, nguyên nhiên vật liệu và thiết bị lẻ chiếm 73% và tăng bình quân 21,7%; hàng tiêu dùng chiếm 12% và tăng 14%.

Củng cố vị trí ở các thị trường quen thuộc, tìm thị trường và bạn hàng mới, giảm sự tập trung quá mức vào một vài thị trường. Tạo một số thị trường và bạn hàng lâu dài về những mặt hàng xuất, nhập khẩu chủ yếu, mua tận gốc, bán tận ngọn, giảm xuất, nhập qua thị trường trung gian.

Tiếp theo việc gia nhập ASEAN và chuẩn bị cho việc tham gia khối mậu dịch tự do AFTA, cần xúc tiến việc tham gia Tổ chức thương mại quốc tế (WTO), Diễn đàn kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), từng bước tham gia tích cực vào các hoạt động của hệ thống toàn cầu về ưu đãi thương mại với các nước đang phát triển (GSTP), áp dụng các

chuẩn mực thương mại quốc tế và lựa chọn tham gia một số hiệp hội xuất khẩu quốc tế về từng mặt hàng xuất khẩu.

Tranh thủ thời điểm đang thuận lợi để thu hút **nguồn tài trợ chính thức** (ODA) đa phương và song phương, tập trung chủ yếu cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ và quản lý, đồng thời dành một phần vốn đầu tư vào các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng. Ưu tiên dành viện trợ không hoàn lại cho những vùng chậm phát triển. Các dự án sử dụng vốn vay phải có phương án trả nợ, xác định rõ trách nhiệm trả nợ. Nhất thiết không được gây thêm gánh nặng nợ nần không trả được.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) có ý nghĩa quan trọng lâu dài. Cơ cấu đầu tư phải ngày càng hướng vào những lĩnh vực, những sản phẩm và dịch vụ có công nghệ tiên tiến, có tỉ lệ xuất khẩu cao. Đối với những ngành không đòi hỏi nhiều vốn và công nghệ cao, có thể sinh lợi nhanh thì phải dùng nhiều hình thức để huy động vốn trong nước đầu tư toàn bộ hoặc chiếm tỉ lệ góp vốn cao nếu cần liên doanh. Về địa bàn đầu tư, cần có chính sách và biện pháp hữu hiệu để thu hút vào những nơi có tiềm năng, nhưng trước mắt còn khó khăn. Hình thức đầu tư cần tiếp tục đa dạng hoá; chú ý thêm những hình thức mới, như đầu tư tài chính (bên ngoài góp vốn, mua cổ phần, nhưng không tham gia quản lý như xí nghiệp liên doanh). Về đối tác đầu tư, cần tăng cường quan hệ hợp tác với các công ty xuyên quốc gia và đa quốc gia để tranh thủ được công nghệ nguồn, tiếp cận cách quản lý hiện đại và thâm nhập nhanh vào thị trường quốc tế, mở được thị trường mới.

Đi đôi với những cố gắng thu hút thêm nguồn vốn bên ngoài (tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nhất là môi trường pháp chế, chuẩn bị tốt quy hoạch phát triển, các chương trình đầu tư và các công trình cụ thể để gọi vốn...), cần chú trọng nhiều hơn việc đưa vào thực hiện những dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài đã được cấp giấy phép, khắc phục các trở lực để đưa nhanh vào sử dụng nguồn vốn ODA đã được các nhà tài trợ cam kết; hoàn chỉnh và thực hiện tốt cơ chế quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đi vào hoạt động.

7. Chương trình phát triển nhân tố con người và giải quyết các vấn đề xã hội

a. *Mục tiêu:*

Nhanh chóng phát triển các hoạt động xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao nhằm nâng cao dân trí và thể lực của dân tộc, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo thế hệ trẻ có trí tuệ và phẩm chất, đủ sức gánh vác công việc phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập vào cộng đồng quốc tế. Tăng tỉ trọng số người tốt nghiệp cấp II (lớp 9) trở lên trong dân cư ở độ tuổi lao động từ 45% (1989) lên 55 - 60% và tỉ lệ lao động đã qua đào tạo trong tổng số lao động lên 20-25% năm 2000.

Kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế và xã hội, tạo được bước chuyển biến mạnh mẽ hơn trong việc phát triển con người và giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, đẩy lùi tiêu cực, bất công và các tệ nạn xã hội, tạo nguồn động lực mới để thúc đẩy công cuộc phát triển đất nước.

b. *Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu:*

Tạo chuyển biến nhanh trong việc thực hiện chiến lược **dân số** cả về quy mô, cơ cấu và sự phân bố, tập trung trước hết vào mục tiêu gia đình không quá hai con, được nuôi dạy tốt, tạo điều kiện để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc và nâng cao chất lượng các thế hệ tương lai. Giảm nhanh tỉ lệ phụ nữ sinh con thứ ba trở lên. Đến năm 2000, dân số không quá 82 triệu người, giảm tốc độ phát triển xuống còn khoảng 1,8%.

Giải quyết **việc làm** là một mục tiêu quan trọng, cần triển khai một chương trình quốc gia trong 5 năm tới. Nhà nước tạo môi trường thuận lợi khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư phát triển, tạo ra nhiều chỗ làm việc mới; phát triển các cơ sở dạy nghề và dịch vụ về việc làm; mở rộng quỹ quốc gia giải quyết việc làm và huy động các nguồn khác để trợ giúp ban đầu cho người lao động tự tạo việc làm, có thu nhập. Trên cơ sở đó, mỗi năm thu hút thêm 1,3 - 1,5 triệu lao động có chỗ làm việc; giảm tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống dưới 5% và bảo đảm trên 80% lao động nông thôn tận dụng hết thời gian lao động, không dồn vào thành thị.

Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thi hành *Luật Lao động,* tăng cường việc bảo vệ người lao động, trọng tâm là ở các doanh nghiệp. Tiếp tục cải tiến chế độ lương gắn với cải cách bộ máy hành chính, làm cho tiền lương thật sự gắn với năng suất, chất lượng, hiệu quả, trở thành thu nhập chính và là động lực đối với người lao động.

Thanh toán **nạn mù chữ** cho những người lao động ở độ tuổi 15-35 và thu hẹp diện mù chữ ở độ tuổi khác. Phát triển giáo dục mầm non, tăng tỉ lệ trẻ em vào nhà trẻ, mẫu giáo.

Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước và phổ cập giáo dục cấp II ở các đô thị lớn và một số tỉnh đồng bằng. Có chính sách hỗ trợ con em người dân tộc thiểu số, những gia đình nghèo, những người tàn tật có điều kiện học tập. Phát triển các trường, lớp nội trú, bán trú. Cho mở thêm trường dân lập ở các cấp học phổ thông. Nâng cao chất lượng dạy và học, mở rộng việc dạy ngoại ngữ, máy tính từ cấp phổ thông. Áp dụng từng bước cơ chế học sinh được tự do chọn trường, kể cả đối với trường công. Chấn chỉnh việc các trường tổ chức các lớp học thêm cho học sinh của trường và việc thu học phí ở các lớp này.

Điều chỉnh cơ cấu đào tạo, bảo đảm sự cân đối giữa giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề với đào tạo đại học, chú trọng hiệu quả đào tạo. Kiện toàn và nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề của Nhà nước; phát triển các cơ sở dân lập, tư nhân và tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

Hệ thống đào tạo đại học và cao đẳng vừa mở rộng quy mô với nhiều hình thức để đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội, vừa hết sức chú trọng nâng cao chất lượng, đào tạo đỉnh cao có chọn lọc, kết hợp đào tạo mới và đào tạo lại nhằm xây dựng đội ngũ chuyên gia khoa học, công nghệ giỏi, những nhà kinh doanh năng động, đội ngũ công chức và cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế, xã hội có năng lực ở các ngành, các cấp. Thực hiện quy hoạch sắp xếp lại các trường đại học và cao đẳng, xây dựng các trung tâm đại học quốc gia, trước hết ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Áp dụng chế độ tuyển sinh rộng rãi, nhưng bảo đảm chặt chẽ chất lượng đào tạo ra trường; quan tâm các đối tượng có nhiều khó khăn...

Tranh thủ các nguồn tài trợ học bổng và khuyến khích du học tự túc để tăng nhanh số người đi học đại học, sau đại học ở nước ngoài.

Nâng cao chất lượng thầy, cô giáo ở mỗi cấp học. Bổ sung chính sách đãi ngộ giáo viên và có chính sách khuyến khích giáo viên tình nguyện đến những vùng khó khăn.

Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, thông tin, đáp ứng nhu cầu của nhân dân và góp phần xây dựng nếp sống lành mạnh, xây dựng con người có trí tuệ, đạo đức và ý thức công dân.

Chăm lo bồi dưỡng đội ngũ sáng tác văn học, nghệ thuật và các diễn viên, khuyến khích sáng tạo nghệ thuật, khai thác các đề tài có tác dụng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, kết hợp hiện đại với việc giữ bản sắc dân tộc. Tăng nhanh số lượng và chất lượng các sản phẩm văn hoá, nghệ thuật, xuất bản, báo chí, các phương tiện vui chơi giải trí. Nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh và truyền hình, tăng công suất phát sóng truyền thanh, truyền hình, kể cả ra nước ngoài. Đến năm 2000, trên 60% số hộ được xem Truyền hình Trung ương, 80% số hộ được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam. Tiếp tục thực hiện ba chương trình quốc gia về phát triển điện ảnh, tôn tạo các di tích lịch sử và văn hoá, đưa văn hoá thông tin về cơ sở; xây dựng nếp sống có văn hoá, thuần phong mỹ tục trong từng gia đình, từng cộng đồng dân cư. Bảo tồn di sản văn hoá dân tộc. Tăng cường các biện pháp và phối hợp lực lượng của toàn xã hội đấu tranh bền bỉ và mạnh mẽ nhằm ngăn chặn, loại trừ văn hoá độc hại và các tệ nạn xã hội.

Mở rộng giao lưu văn hoá, nghệ thuật với các dân tộc, nhất là với các nước trong khu vực.

Cải thiện nhanh chóng các chỉ tiêu cơ bản về sức khoẻ cho mọi người, từng bước nâng cao thể trạng và tầm vóc, trước hết là nâng cao thể lực bà mẹ, trẻ em.

Thực hiện chương trình dinh dưỡng quốc gia, quản lý và chăm sóc phụ nữ có thai, sinh đẻ, giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi từ 42% hiện nay xuống còn dưới 30% năm 2000 và không còn suy dinh dưỡng nặng; giảm tỉ lệ tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi xuống dưới 30 phần nghìn, của phụ nữ khi sinh đẻ xuống 0,5 phần nghìn, đưa tỉ lệ số dân có mức ăn dưới 2.100Kcalo/ngày xuống dưới 10%, tăng tuổi thọ bình quân từ 65 tuổi lên 70 tuổi.

Giảm hẳn tỉ lệ mắc bệnh và tỉ lệ chết do các bệnh có thể phòng ngừa được, trước hết là các bệnh nhiễm khuẩn, ký sinh trùng như sốt rét, lao, bệnh ỉa chảy và viêm phổi ở trẻ em; mở rộng việc phòng, chống bệnh bướu cổ, thực hiện toàn dân ăn muối có trộn iốt; thanh toán một số bệnh như bại liệt, phong, uốn ván ở trẻ sơ sinh, nhanh chóng dập tắt các ổ dịch. Tích cực chống tệ nghiện hút, mại dâm, ngăn chặn nhiễm HIV/AIDS và tổ chức điều trị những người đã mắc.

Phát triển các dịch vụ khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ ban đầu của y tế nhà nước, y tế tư nhân. Thí điểm hình thức liên doanh giữa cơ sở y tế nhà nước với nước ngoài cả về y và dược. Phát triển y học dân tộc cổ truyền; tăng cường kết hợp Đông - Tây y và quân - dân y. Chấn chỉnh tổ chức quản lý ngành dược, đổi mới công nghệ, mở rộng mặt hàng và nâng cao chất lượng sản phẩm của các cơ sở sản xuất thuốc và sản xuất, cung ứng thiết bị y tế.

Tăng chi ngân sách và huy động nhiều nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở y tế. Đến năm 2000, tất cả các xã trong nước đều có trạm y tế, 40% trạm có bác sĩ, tất cả các trạm có y sĩ sản, nhi hoặc nữ hộ sinh; các thôn có y tá. Tất cả các huyện đều có trung tâm y tế đủ sức làm nhiệm vụ của tuyến hỗ trợ thứ nhất. Trung tâm y tế của tất cả các tỉnh có đủ thiết bị chủ yếu cho các khoa, đủ sức làm nhiệm vụ của tuyến hỗ trợ thứ hai. Tiếp tục xây dựng hai trung tâm y tế chuyên sâu tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Cải thiện chính sách và chế độ thù lao đối với cán bộ y tế, nhất là cán bộ y tế cơ sở, miền núi, đa dạng hoá các loại hình bảo hiểm y tế; áp dụng phương thức người được khám chữa bệnh nộp viện phí và được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo chế độ; xoá bỏ sự phân biệt khám chữa bệnh theo chế độ bảo hiểm và theo chế độ thu phí dịch vụ. Có chính sách giải quyết viện phí cho người nghèo và nhân dân các vùng xa xôi, hẻo lánh.

Cải thiện một bước các điều kiện sống của nhân dân. Xoá nhà ổ chuột ở thành thị, phần lớn nhà ở nông thôn được gạch ngói hoá và có công trình vệ sinh, phát triển giao thông nông thôn, miền núi... Đến năm 2000, 80% số dân được cung cấp nước sạch. Hoàn thành cơ bản định canh, định cư và ổn định đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Tạo bước tiến mới của phong trào thể dục thể thao nhằm đạt 8-10% số dân tập luyện thể dục thể thao, 50% trường học các cấp thực hiện giáo dục thể chất có nề nếp; hình thành hệ thống đào tạo tài năng quốc gia, nâng cao thành tích các môn thể thao. Xây dựng quy hoạch và xúc tiến đầu tư phát triển

các cơ sở vật chất về thể dục thể thao cho các trường học và các địa bàn dân cư. Xây dựng hai trung tâm thể thao quốc gia ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách xã hội và duy trì, phát triển các hoạt động tình nghĩa trong xã hội, chăm sóc tốt hơn người có công với nước, gia đình liệt sĩ, thương binh, những người khó khăn trong cuộc sống, người tàn tật, người già không nơi nương tựa và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Mở rộng chế độ bảo hiểm xã hội, chủ yếu là bảo hiểm tuổi già và bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động thuộc các thành phần kinh tế. Mọi người lao động ở các cơ quan, các doanh nghiệp đều phải mua bảo hiểm; tổ chức quản lý và sử dụng tốt các quỹ bảo hiểm; bảo đảm đời sống của người nghỉ hưu. Xây dựng và thực hiện từng bước việc mở rộng chế độ bảo đảm xã hội đối với toàn dân bằng sự để dành, đóng góp của mỗi người, các quỹ làm việc nghĩa, việc thiện của nhân dân và các nguồn tài trợ của ngân sách nhà nước.

8. Phát triển các vùng lãnh thổ

a. *Mục tiêu:*

Tạo môi trường và điều kiện cho tất cả các vùng đều phát triển trên cơ sở khai thác thế mạnh và tiềm năng của mỗi vùng, làm cho mỗi vùng đều có chuyển biến tiến bộ, có cơ cấu kinh tế hợp lý, tạo nên sự phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ của cả nước.

Kết hợp sự phát triển có trọng điểm với việc tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển để mở rộng giao lưu và hợp tác,

bổ sung và hỗ trợ nhau, giảm bớt sự chênh lệch về nhịp độ phát triển giữa các vùng.

b. *Nhiệm vụ:*

Miền núi và các vùng có nhiều khó khăn, trước hết là những địa bàn xung yếu về quốc phòng, những khu căn cứ cách mạng trước đây, những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hiện đang gặp nhiều khó khăn trong sản xuất và đời sống, là những vùng được ưu tiên giúp đỡ, tạo những điều kiện ban đầu để từng bước tự vươn lên, khai thác được các lợi thế và nguồn lực tại chỗ, có khả năng thu hút đầu tư, chất xám từ các nơi khác. Nhà nước dành viện trợ không hoàn lại và ưu tiên dành vốn vay theo điều kiện ưu đãi của nước ngoài để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, trước hết là đường giao thông, giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khoẻ. Áp dụng chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, chuyển giao kỹ thuật... Khuyến khích hình thành những tụ điểm kinh tế có khả năng thúc đẩy kinh tế hàng hoá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng hoá ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển công nghiệp chế biến, đẩy mạnh giao lưu hàng hoá, mở mang dịch vụ. Tích cực thực hiện chương trình xoá đói, giảm nghèo, định canh, định cư kết hợp với phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Đặc biệt quan tâm nâng cao dân trí, từng bước thay đổi tập quán trong đời sống kinh tế và xã hội, xoá bỏ dần tình trạng tách biệt với các vùng và trung tâm phát triển.

Những vùng nông thôn đồng bằng có nhiệm vụ chiến lược là đảm bảo vững chắc an toàn lương thực quốc gia, cung cấp đầy đủ thực phẩm với chất lượng ngày càng cao cho các thành phố, khu công nghiệp và tăng nhanh xuất khẩu, kể cả

xuất khẩu tại chỗ. Khắc phục tình trạng vùng chuyên canh lúa bị nghèo và thiệt hơn các vùng nông thôn khác, trước hết bằng chính sách giá cả và thuế. Khuyến khích phát triển chăn nuôi hàng hoá (kể cả nuôi trồng thuỷ sản), công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản, cơ khí sửa chữa và chế tạo ở trình độ thích hợp, sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển các ngành nghề truyền thống kết hợp với ngành nghề mới; đẩy mạnh công nghiệp làm hàng xuất khẩu, gia công vệ tinh cho các trung tâm công nghiệp; phát triển tổng hợp các ngành dịch vụ. Trên cơ sở đó chuyển bớt lao động nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp tại chỗ, giảm bớt sức ép về lao động và dân số đối với các đô thị lớn.

Vùng ven biển và biển có nhiều lợi thế, là địa bàn có ý nghĩa chiến lược về kinh tế và an ninh, quốc phòng của nước ta cả trước mắt và lâu dài; là đầu mối giao lưu hợp tác quốc tế, thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Nhanh chóng xây dựng kết cấu hạ tầng và hoàn thiện các điều kiện khác để phát huy tiềm năng to lớn của vùng này. Xây dựng cơ cấu kinh tế hướng mạnh về xuất khẩu, kết hợp khai thác kinh tế ven biển, kinh tế ngoài biển với khu vực nội địa để phát triển nhanh, ổn định và bền vững. Ở vùng ven biển, cần phát triển cảng biển ở những nơi có điều kiện, ưu tiên phân bố các ngành công nghiệp đòi hỏi các lợi thế mà chỉ ở vùng ven biển mới có. Phát triển hài hoà giữa công nghiệp, cảng, vận tải biển và dịch vụ hàng hải, du lịch, ngư nghiệp và nông, lâm nghiệp sinh thái; đô thị hoá gắn với bảo vệ môi trường.

Khu vực đô thị có lợi thế và điều kiện phát triển nhanh, trước hết các thành phố lớn đóng vai trò trung tâm giao lưu kinh tế trong vùng và quốc tế, hình thành mạng lưới đô thị

mang chức năng trung tâm khu vực hay tiểu vùng để văn minh đô thị nói chung và công nghiệp, dịch vụ nói riêng lan toả trên khắp các vùng đất nước; nhờ đó mà có thể khai thác nhiều hơn, có hiệu quả hơn các tiềm năng của mỗi vùng. Tuỳ điều kiện từng nơi, tất cả các thị xã, thị trấn đều phải được phát triển trên cơ sở đẩy mạnh công nghiệp và dịch vụ mang ý nghĩa tiểu vùng; hình thành các thị tứ làm trung tâm hành chính, kinh tế, văn hoá cho mỗi xã hoặc cụm xã.

Phát triển các đô thị vệ tinh xung quanh các thành phố lớn để dãn bớt công nghiệp và dân cư, tránh sự tập trung quá mức cho thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh; tạo điều kiện cần thiết để thu hút công nghiệp và đô thị mới lên vùng đồi trung du, tránh sử dụng nhiều diện tích đất lúa.

Ba vùng kinh tế trọng điểm ở ba miền Bắc, Trung, Nam phát huy các nguồn lực tại chỗ và thu hút đầu tư nước ngoài, để có nhịp độ tăng trưởng vượt trội hơn so với nhịp độ chung của cả nước, cung ứng cho cả nước nhiều sản phẩm và dịch vụ cần thiết, phát huy vai trò trung tâm về công nghiệp, dịch vụ, thương mại, tài chính, khoa học - kỹ thuật, tạo ra những ngành nghề và sản phẩm mới, là cửa ngõ giao lưu quốc tế. Phát triển ba vùng trọng điểm không có nghĩa là coi nhẹ sự phát triển của các vùng khác.

Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư của ngân sách nhà nước và vốn ODA, chủ yếu là để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, phải phù hợp với hướng phát triển các vùng. Đối với vốn đầu tư của doanh nghiệp, dân cư và vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, Nhà nước dùng chính sách, biện pháp đòn bẩy để khuyến khích đầu tư theo định hướng. Các vùng có nhiều lợi thế, có thể thu hút đầu tư phát triển với nhịp độ cao hơn.

9. Chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi

a. *Mục tiêu:*

Huy động sức của cả nước và khai thác mọi nguồn lực ở địa phương để tạo bước tiến nhanh hơn về kinh tế - xã hội, ổn định đời sống, cải thiện môi trường, môi sinh.

Bằng nhiều giải pháp cụ thể và thích hợp nhằm có tốc độ tăng trưởng kinh tế bằng và phấn đấu đạt cao hơn mức bình quân chung để đến năm 2000 GDP bình quân đầu người đạt gấp đôi so với năm 1994.

Các khu vực miền núi đều phải có bước phát triển, khu vực có điều kiện thuận lợi phải phát triển với tốc độ cao hơn để tạo thành động lực thúc đẩy các khu vực khác cùng phát triển. Khu vực khó khăn cũng phải vươn lên bằng tiềm năng, nguồn lực sẵn có, đồng thời tiếp thu sự hỗ trợ từ bên ngoài.

Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hoà với phát triển văn hoá - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, phấn đấu giảm bớt khoảng cách giữa các vùng về mặt tiến bộ xã hội.

b. *Nhiệm vụ:*

Ngành công nghiệp

Phát triển công nghiệp chế biến; sắp xếp và đầu tư chiều sâu các cơ sở hiện có gắn với vùng nguyên liệu.

Phát triển công nghiệp nhỏ, tiểu thủ công nghiệp ở những vùng sâu, xa, khuyến khích các nghề thủ công truyền thống.

Xây dựng các cơ sở công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, đẩy mạnh công tác thăm dò và khai thác khoáng sản nhằm khai thác nguồn tiềm năng tại chỗ phục vụ cho phát triển kinh tế trong vùng và trong cả nước.

Chuẩn bị xây dựng các công trình thuỷ điện ở Tây Nguyên, Sơn La, Sông Gâm... gắn với phát triển kinh tế của vùng và ổn định dân cư, bảo vệ và cân bằng nguồn nước và chống lũ.

Ngành nông - lâm nghiệp

Giải quyết lương thực theo quan điểm hàng hoá, mở rộng diện tích lương thực ở vùng có điều kiện thuỷ lợi, thâm canh tăng năng suất bằng áp dụng tiến bộ kỹ thuật về giống, phân, chuyển đổi cơ cấu cây trồng đảm bảo tốc độ lương thực sản xuất tại chỗ tăng hằng năm 3,5 - 4% và năm 2000 đạt bình quân lương thực đầu người 250 - 280 kg.

Đưa độ che phủ rừng vào năm 2000 lên 40%. Hình thành hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu và vùng nguyên liệu giấy.

Đưa diện tích cây công nghiệp dài ngày từ 179 nghìn hécta năm 1994 lên 364 nghìn hécta năm 2000, trong đó: cao su 166 nghìn hécta; càphê 101 nghìn hécta và chè 97 nghìn hécta.

Gắn phát triển lâm nghiệp với công tác định canh, định cư; củng cố 30% số hộ đã được định canh định cư. Tiếp tục đầu tư để hoàn thành các dự án của chương trình 327, ưu tiên hằng năm mở thêm 80-100 dự án cho vùng đang du canh, du cư nhằm phấn đấu năm 2000 cơ bản hoàn thành công tác định canh, định cư trong cả nước.

Kết cấu hạ tầng và dịch vụ

Về giao thông, tập trung đầu tư nâng cấp các đường quốc lộ 1, 2, 3, 4, 6, 14, 24, 26, 27 và các tuyến đường đến các huyện, xã vùng cao, cũng như tuyến đường dọc biên giới. Phấn đấu tới năm 2000 hầu hết các xã đều có đường ôtô đến trung tâm xã.

Về năng lượng, năm 2000 có 100% huyện lỵ có điện và 60% xã có điện.

Về thuỷ lợi, đẩy mạnh công tác xây dựng các hồ chứa đảm bảo tưới tiêu cho các vùng cây công nghiệp tập trung và cung cấp nước cho công nghiệp và đô thị.

Xây dựng và phát triển đô thị, thị trấn, thị tứ gắn liền với công nghiệp hoá trong vùng để thúc đẩy và hỗ trợ vùng nông thôn miền núi phát triển, đưa tỉ lệ dân đô thị lên 18% vào năm 2000 (năm 1994 là 14%).

Tiếp tục thực hiện chương trình nước sạch nông thôn; chương trình phát thanh, truyền hình, chương trình phát triển thông tin liên lạc, năm 2000 có 80% số dân được dùng nước sạch, 100% số huyện có trạm phát lại truyền hình, 100% số xã có trạm điện thoại.

Phát triển mạng lưới y tế, giáo dục ở xã, bản, năm 2000 có 100% số xã có trạm y tế, phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ cho những người trong độ tuổi, mở rộng các hình thức giáo dục, củng cố và phát triển các trường nội trú dân tộc, từng bước nâng cao trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hoá cho người dân.

Giảm tỉ lệ nghèo đói vào năm 2000 xuống dưới 30% (không còn hộ đói).

Hình thành các điểm thương mại cấp vùng, thị xã, huyện và cụm xã. Nhà nước trợ giá một số mặt hàng cơ bản (muối iốt, dầu, giấy học sinh...), khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và cung cấp hàng hoá trong vùng. Phấn đấu xuất khẩu đạt tốc độc 20 - 30% trong giai đoạn 1996 - 2000.

Bảo tồn và khai thác vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, bản sắc dân tộc và ý nghĩa lịch sử các di tích để phát triển du lịch.

c. *Một số giải pháp chủ yếu:*

Để có cơ chế chính sách phù hợp cho từng vùng miền núi, có thể phân ra ba khu vực.

- *Khu vực I:* gồm các trung tâm đô thị, thị trấn và khu công nghiệp, hiện nay chiếm khoảng 0,1% diện tích tự nhiên của các tỉnh miền núi, 15% dân số, GDP bình quân đầu người cao hơn mức bình quân chung cả nước. Cơ chế đầu tư ở đây chủ yếu là huy động từ cộng đồng và vốn vay, tạo nên thị trường nội vùng và làm đầu mối giao lưu giữa miền núi và các vùng khác trong cả nước. Bảo đảm phát triển với nhịp độ cao hơn mức bình quân của cả nước, làm động lực để lôi cuốn và thúc đẩy sự phát triển của vùng.

- *Khu vực II:* gồm các vùng đệm giữa các khu vực đô thị và vùng sâu, vùng xa, vùng cao, hiện nay chiếm 14,8% diện tích tự nhiên của các tỉnh miền núi, dân số chiếm khoảng 25%; GDP bình quân đầu người năm 1994 bằng 70% trung bình cả nước; mật độ đường giao thông còn thấp, mới có 0,18 km/km^2. Cơ chế đầu tư đối với khu vực này là có sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước về hạ tầng, huy động vốn từ cộng đồng và vốn tín dụng, bảo đảm xoá đói và định canh, định cư 100%; giảm tỉ lệ nghèo dưới 30% trước năm 2000.

- *Khu vực III:* đây là khu vực khó khăn nhất, hiện chiếm 85% diện tích tự nhiên của các tỉnh miền núi và 60% dân số, gồm khu vực vùng cao, vùng xa, vùng sâu, điều kiện sống và dịch vụ hạ tầng cực kỳ khó khăn và thiếu thốn; đất nông nghiệp thiếu, chưa đủ điều kiện tiến lên sản xuất hàng hoá. GDP bình quân đầu người năm 1994 chỉ bằng 31% mức bình quân cả nước. Mật độ đường giao thông chỉ có 0,09 km/km^2, còn 464 xã chưa có đường ôtô đến.

Mục tiêu của khu vực này đến năm 2000 là: xoá đói, giảm nghèo, đưa số hộ nghèo xuống dưới 40% (hiện tại 70%); bảo đảm 100% định cư. Nhà nước phải có biện pháp tập trung vốn ngân sách đầu tư theo chương trình tổng hợp và có sự chỉ đạo chặt chẽ giúp cho khu vực này phát triển nhanh chóng.

Tiếp tục triển khai các chủ trương, cơ chế, chính sách đã ban hành, đồng thời nghiên cứu bổ sung, sửa đổi các cơ chế chính sách cho phù hợp với tình hình phát triển mới ở miền núi trong từng khu vực để thực hiện có kết quả.

Vốn đầu tư ngân sách tập trung hỗ trợ xây dựng các cơ sở về: giao thông, điện, giống cây con, trường học, trạm xá, bệnh viện. Vốn tín dụng tập trung hỗ trợ phát triển nông - lâm nghiệp, xoá đói giảm nghèo.

Lồng ghép đầu tư cho các chương trình trên địa bàn miền núi một cách hài hoà, đồng bộ, thiết thực đến lợi ích của đồng bào các dân tộc. Có chính sách ưu tiên đào tạo bồi dưỡng cán bộ người dân tộc và khuyến khích cán bộ miền xuôi lên công tác miền núi.

Thay đổi cơ bản phương thức quản lý đầu tư theo hướng áp dụng cách quản lý đặc thù đối với miền núi về tất cả các chương trình đầu tư.

Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo ở các cấp chính quyền vùng miền núi. Củng cố công tác tổ chức và cán bộ, tăng cường cán bộ về cơ sở, ban hành các chính sách khuyến khích các cán bộ công tác ở vùng cao, vùng sâu. Tổ chức các đội trí thức trẻ mới tốt nghiệp ở các trường đại học và trung học chuyên nghiệp tình nguyện xuống các bản, làng giúp đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí.

10. Chương trình quốc gia về xoá đói, giảm nghèo

a. *Mục tiêu:*

Giảm tỉ lệ đói nghèo trong tổng số hộ của cả nước từ 20 - 25% hiện nay xuống còn 10% vào năm 2000, bình quân giảm 300 nghìn hộ/năm.

Trong 2 - 3 năm đầu của kế hoạch 5 năm, tập trung xoá về cơ bản nạn đói kinh niên, trước hết là ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng sâu, vùng trước đây là căn cứ cách mạng và vùng có nhiều thiên tai.

b. *Về cơ chế, chính sách đối với người nghèo và xã nghèo:*

Hiện nay có 14 chương trình quốc gia và dự án được thực hiện có nội dung gắn với xoá đói, giảm nghèo. Từ năm 1996 sẽ lồng ghép chương trình xoá đói, giảm nghèo với các chương trình khác, trong đó lấy hai chương trình quốc gia về phủ xanh đất trống, đồi núi trọc và về giải quyết việc làm làm nòng cốt, đồng thời huy động sự đóng góp của cộng đồng, kể cả nguồn tài trợ, viện trợ của quốc tế.

Bổ sung các chính sách giúp cho người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo tổ chức sản xuất, bảo đảm cuộc sống và nâng lên khá giả, trước mắt tập trung vào các chính sách sau đây:

Chính sách đất đai:

Uỷ ban nhân dân các cấp tỉnh, huyện rà soát lại toàn bộ diện tích đất đai trên địa bàn lãnh thổ, thu hồi đất đai đã cấp không đúng đối tượng, không đúng chính sách; thu hồi đất đã cấp cho các doanh nghiệp, các cơ quan sử dụng không có hiệu quả, không đúng mục đích, để giao cho các hộ nông dân nghèo chưa được giao đất hoặc giao chưa đủ mức. Vận động và giúp đỡ hộ nông dân nghèo đến các vùng kinh tế mới mau chóng ổn định sản xuất và đời sống.

Chính sách tín dụng:

Mở rộng các quỹ tín dụng cho các hộ nghèo được vay vốn sản xuất; mỗi hộ được vay từ 1 đến 5 triệu đồng, thời hạn không quá ba năm, với lãi suất ưu đãi. Các hộ trả đúng hạn đủ cả vốn lẫn lãi sẽ được thưởng. Các hộ có thẻ hộ đói nghèo do uỷ ban nhân dân xã, phường đã cấp được vay vốn không phải thế chấp. Thông qua Ngân hàng phục vụ người nghèo bảo đảm 90 - 95% số hộ nghèo được vay vốn sản xuất, trong đó: Các hộ thuộc đối tượng chính sách, các hộ đói nghèo nhất được ưu tiên vay trước. Nguồn vốn để thực hiện mục tiêu này bao gồm: vốn tự có của ngân hàng, vốn lồng ghép của các chương trình, vốn của quỹ xoá đói giảm nghèo, vốn tài trợ quốc tế kể cả đi vay để cho vay, vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước, v.v..

Chính sách đào tạo nghề:

Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố giao cho các cơ sở đào tạo và các trung tâm dạy nghề của Nhà nước đóng trên địa bàn một số chỉ tiêu về đào tạo nghề miễn phí đối với con em các hộ nghèo.

Hỗ trợ về kinh phí cho các doanh nghiệp nhận tuyển con em các hộ nghèo vào đào tạo và làm việc.

Chính sách chuyển giao công nghệ:

Xây dựng đội ngũ những người tình nguyện, bao gồm các cán bộ kỹ thuật, sinh viên mới tốt nghiệp và những nông dân làm ăn giỏi trong vùng để hướng dẫn cách làm ăn và phổ biến các biện pháp kỹ thuật giúp đỡ người nghèo sản xuất kinh doanh.

Một số chính sách khuyến khích sản xuất đối với người nghèo:

Miễn và giảm thuế từ 3 - 5 năm; giảm 30% giá điện, phân

bón, thuỷ lợi phí. Đối với các vùng cao, vùng sâu, vùng xa sản phẩm tiêu thụ khó khăn, giá thấp, Nhà nước (thông qua các doanh nghiệp quốc doanh) bao tiêu sản phẩm và trợ giá để người sản xuất là các hộ nghèo có lãi.

Chính sách tài trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho các xã nghèo:

Xây dựng chính sách tài trợ đầu tư sáu loại công trình xã hội thiết yếu cho 1.300 xã nghèo nhất (đường ôtô đến trung tâm xã; cấp nước sạch cho dân cư; cấp điện tới trung tâm xã; có phòng học cho học sinh cấp I, II, xoá lớp ca 3; có trạm xá; có chợ tại xã hoặc liên xã).

Chính sách giáo dục và chăm sóc sức khoẻ:

Con em các hộ đói nghèo theo học ở các trường phổ thông các cấp đều được miễn học phí. Học sinh bậc tiểu học là con em các hộ đói nghèo được mượn sách giáo khoa và cấp không vở viết, được miễn mọi khoản đóng góp khác. Đối với các hộ quá khó khăn có thể xét trợ cấp thêm học bổng từ quỹ xoá đói, giảm nghèo. Tổ chức các lớp học tình thương cho con em người nghèo do những giáo viên tình nguyện giảng dạy.

Các học sinh giỏi là con em các hộ nghèo, nhất là con em đồng bào các dân tộc thiểu số được ưu tiên xét chọn vào các trường dân tộc nội trú, các trường đại học, cao đẳng và ưu tiên xét học bổng hằng năm.

Cấp miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho các hộ nghèo theo số người trong gia đình. Các tỉnh, thành phố có điều kiện, có thể thành lập cơ sở khám chữa bệnh nhân đạo cho người nghèo.

Phối hợp các chương trình xã hội khác như: dân số kế hoạch hoá gia đình, chống sốt rét, bướu cổ, tiêm chủng mở rộng, phòng chống tệ nạn xã hội và chương trình hành động

quốc gia vì trẻ em 1991 - 2000 để chăm sóc sức khoẻ cho người nghèo.

Đối với các hộ đói nghèo không còn khả năng lao động để kiếm sống, cần thực hiện chế độ trợ cấp thường xuyên theo chính sách cứu tế xã hội nhằm ổn định đời sống lâu dài cho họ. Tổ chức điều tra xác định số hộ đói nghèo do mất khả năng lao động và xây dựng tiêu chuẩn chính sách trợ cấp cụ thể.

Phần III

CÁC GIẢI PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU

I- MỘT SỐ CÂN ĐỐI LỚN CỦA KẾ HOẠCH 5 NĂM 1996 - 2000

1. Cân đối tài chính

a. *Cân đối tích luỹ - tiêu dùng:*

Đổi mới các cơ chế chính sách về kinh tế và xã hội để vừa hướng dẫn vừa khống chế có hiệu quả việc **tiêu dùng** của dân cư phù hợp với khả năng của nền kinh tế. Dự kiến 5 năm tới tiêu dùng bình quân đầu người tăng bình quân hằng năm khoảng 5%. (5 năm 1991 - 1995 tăng bình quân 3,1%), bảo đảm quỹ tiêu dùng không vượt quá 70%, trên cơ sở đó huy động 30% GDP cho đầu tư phát triển. Như vậy, đến năm 2000 tiêu dùng bình quân đầu người, gần bằng 1,5 lần so với năm 1990. Phấn đấu tăng **tích luỹ** tài sản gộp (bao gồm: tích luỹ tài sản cố định, tích luỹ tài sản lưu động và tăng dự trữ tài sản quý hiếm, trong đó, tích luỹ tài sản cố định thường chiếm khoảng 90% so tổng tích luỹ).

Để đạt các mục tiêu đề ra, trên cơ sở xác định cơ cấu giữa tích luỹ và tiêu dùng như trên, vốn đầu tư trong 5 năm 1996 - 2000 sẽ bằng khoảng 30% GDP, tăng bình quân năm khoảng 15%. Toàn bộ tích luỹ tài sản gộp của 5 năm bằng khoảng 33 - 34% so với GDP.

Với các điều kiện trên đây, cơ cấu tích luỹ - tiêu dùng trong những năm 1996 - 2000 dự kiến sẽ hình thành như sau:

	1990	Ước 1995	Bình quân 1991-1995	Dự kiến bình quân 5 năm 1996-2000
Tổng số (%)	100	100	100	100
Trong đó:				
Tích luỹ (%)	16,0	27,5	24,8	31,0
Tiêu dùng (%)	84,0	72,5	75,2	69,0

Như vậy, tỉ trọng tích luỹ trong cơ cấu tích luỹ - tiêu dùng bình quân hằng năm sẽ tăng từ 24,8% (thời kỳ 1991-1995) lên 31% (thời kỳ 1996 - 2000).

b. Về vấn đề ngoại tệ:

Trong 5 năm 1996 - 2000, dự kiến nguồn ngoại tệ vào nước ta khoảng 76.100 triệu USD. Trong đó, từ xuất khẩu đạt 47.000 triệu USD (phần xuất của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 10.127 triệu USD); từ dịch vụ khoảng 5.600 triệu USD (bao gồm khoản thu dịch vụ của các ngành hàng không, hàng hải, bưu điện, du lịch, bảo hiểm, ngân hàng, v.v.); từ kiều hối khoảng 4.200 triệu USD.

Trong 5 năm, tổng nguồn vay nợ, viện trợ dự kiến khoảng

8.500 triệu USD (nguồn vay nợ trung và dài hạn của ngân hàng khoảng 500 triệu, bán trái phiếu chính phủ ra nước ngoài khoảng 1.000 triệu USD và nguồn ODA đạt 7.000 triệu USD). Nguồn đầu tư trực tiếp dự kiến khoảng 13.000 triệu USD; các xí nghiệp liên doanh chuyển lợi nhuận về nước 3.500 triệu USD.

Tổng ngoại tệ chi để phát triển nền kinh tế - xã hội trong 5 năm dự tính 67.600 triệu USD. Trong đó, chi nhập khẩu 60.800 triệu USD (phần nhập khẩu của các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 10.230 triệu USD). Chi phí dịch vụ của các ngành hàng không, bưu điện, du lịch, v.v. 1.000 triệu USD; chi chuyển tiền (kiều hối) 1.200 triệu USD. Chi trả nợ 3.100 triệu USD (có 360 triệu USD của ngân hàng trả các khoản nợ trung, dài hạn).

Như vậy theo dự báo ban đầu trong 5 năm 1996 - 2000, nguồn ngoại tệ vào nước ta sẽ tăng nhanh, đây là yếu tố chủ yếu làm cho giá trị đồng tiền Việt Nam tăng lên một cách giả tạo. Vì vậy, cần phải có các giải pháp hữu hiệu để hạn chế tình trạng này, bảo đảm tính cạnh tranh hàng hoá của ta trên thị trường thế giới, thực hiện tốt các mục tiêu về xuất và nhập khẩu đã đề ra trong kế hoạch.

2. Cân đối ngân sách nhà nước

Yêu cầu đối với ngân sách nhà nước trong 5 năm tới

Ngoài việc tận thu theo luật định và tích cực chống thất thu thuế và phí, phải vừa nuôi dưỡng, làm tăng trưởng nguồn thu vừa triệt để khai thác các nguồn thu khác (đất đai, tài nguyên, nhà cửa, trụ sở,...) để tăng thu ngân sách, đáp ứng tốt hơn nhu cầu chi tiêu ngày càng tăng của Nhà nước. Đồng thời,

để từng bước thực hiện công bằng xã hội, ngân sách nhà nước phải thông qua việc sửa đổi, bổ sung các sắc thuế điều tiết có hiệu quả thu nhập giữa các tầng lớp dân cư.

Bảo đảm chi tiêu dùng thường xuyên ở mức cần thiết, hợp lý ưu tiên cho nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, tiếp thu công nghệ hiện đại, bảo vệ sức khoẻ nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và giải quyết các vấn đề bức xúc trong lĩnh vực xã hội,... gắn với việc sắp xếp lại mạng lưới các trường học, bệnh viện, các viện nghiên cứu và thực hành triệt để tiết kiệm.

Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất và triệt để tiết kiệm trong sản xuất cũng như trong tiêu dùng mà tăng nhanh vốn đầu tư xây dựng cơ bản để mở rộng cơ sở hạ tầng và tập trung đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ cho một số ngành sản xuất thiết yếu, xây dựng mới một số cơ sở sản xuất, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đối với vốn từ nước ngoài, cân nhắc tính toán chặt chẽ, vừa bảo đảm phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước, vừa đáp ứng tốt nhất yêu cầu mở rộng hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế với các tổ chức, các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

Tốc độ chi tiêu dùng thường xuyên phải thấp hơn tốc độ chi đầu tư và thấp hơn tốc độ tăng chi ngân sách.

Để chủ động hơn trong điều hành, ngân sách hằng năm phải có dự phòng thích đáng và có quỹ dự trữ tài chính gối đầu cho năm sau.

Từng bước giảm dần bội chi ngân sách, không phát hành tiền dưới mọi hình thức để bù đắp bội chi. Vay dân, vay nước ngoài phải tính toán hiệu quả, đặc biệt phải nhanh chóng

chấm dứt tình trạng vay ngắn hạn, với lãi suất cao làm tăng gánh nặng trả nợ cho ngân sách.

Theo định hướng trên, dự kiến bố trí cân đối ngân sách như sau:

Tổng thu ngân sách nhà nước trong 5 năm 1996-2000 khoảng 22-23% GDP, trong đó thu thuế và phí khoảng 21-22% GDP (1991-1995 là 21,7%).

Tổng số chi ngân sách nhà nước khoảng 26,4% GDP (1991-1995 là 25,4%). Trong đó: chi tiêu dùng thường xuyên khoảng 15,4% GDP (1991-1995 là 15,4%);

Trả nợ nước ngoài khoảng 1,5-2% GDP; dành cho đầu tư phát triển khoảng 7% GDP (1991-1995 là 6,5%) và bằng 26% tổng số chi ngân sách nhà nước... Bội chi ngân sách khoảng 3% GDP và dự kiến bù đắp bằng nguồn vay trong nước 45%, vay ngoài nước 55% (vay dài hạn).

3. Cân đối vốn đầu tư

Xuất phát từ mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát, để bảo đảm tốc độ tăng trưởng nền kinh tế như dự kiến, yêu cầu vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm 1996-2000 phải đạt 30% GDP (tốc độ tăng bình quân hằng năm khoảng 15%) và gấp hơn hai lần so với 5 năm trước. Huy động tối đa nguồn vốn trong nước và coi đó là nguồn vốn quyết định, đồng thời tận lực khai thác có hiệu quả nguồn vốn từ nước ngoài bằng những phương thức thích hợp.

Theo tính toán sơ bộ, khả năng các nguồn vốn đầu tư toàn xã hội như sau:

Dự kiến cơ cấu các nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội: Tổng vốn đầu tư từ ngân sách (bao gồm cả nguồn tích

luỹ từ thu ngân sách và một phần vay ODA): chiếm 21%; vốn doanh nghiệp nhà nước đầu tư (bao gồm khấu hao cơ bản để lại, lợi tức sau thuế, vay một phần ODA và vay trên thị trường vốn: 24%; vốn tín dụng nhà nước: 7%; vốn đầu tư của dân tuy tăng nhanh về số tuyệt đối và cả nhịp độ, nhưng do đầu tư của Nhà nước và đầu tư nước ngoài gấp từ 2,5 đến 3 lần so với 1991-1995 nên tỉ trọng tương đối còn 16,6%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): 31,45.

Nếu tính riêng cơ cấu vốn đầu tư trong nước, thì vốn đầu tư ngân sách chiếm 24,9%, vốn doanh nghiệp chiếm 28,4%, vốn tín dụng nhà nước chiếm 13,8%, vốn của dân chiếm 32,9%.

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội được định hướng đối với các ngành và lĩnh vực kinh tế chủ yếu như sau: nông, lâm, ngư nghiệp, thuỷ lợi chiếm gần 20%; công nghiệp chiếm: 42,5%; hạ tầng giao thông, bưu điện chiếm: 18,6%; hạ tầng xã hội, giáo dục, y tế, văn hoá, môi trường, khoa học - công nghệ... chiếm: 13,4%.

Trong cơ cấu nguồn vốn như trên, phần vốn nhà nước có thể chi phối trực tiếp được bao gồm: ngân sách nhà nước, tín dụng nhà nước và doanh nghiệp nhà nước đầu tư, chiếm 52%, trong đó vốn ngân sách được định hướng như sau: nông, lâm, ngư nghiệp thuỷ lợi chiếm: 22,1%; giao thông - bưu điện chiếm: 34,9%; hạ tầng xã hội chiếm: 32,5%; các ngành khác chiếm: 10,5%.

Vốn đầu tư của các doanh nghiệp, ưu tiên đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ và xây dựng một số doanh nghiệp mới. Vốn đầu tư của dân và nguồn vốn FDI thì Nhà nước sẽ thông qua cơ chế, chính sách định hướng để bảo đảm cơ cấu đầu tư toàn xã hội đã nêu trên.

Một số quan hệ lớn về phân bổ nguồn vốn đầu tư:

Giữa vùng kinh tế trọng điểm với các vùng khác:

Trong khi tập trung đúng mức cho ba vùng kinh tế trọng điểm, phải đặc biệt coi trọng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng căn cứ cách mạng cũ, giành nguồn lực thích đáng để giải quyết những nhu cầu bức xúc của các vùng khác, liên kết hỗ trợ giữa các vùng để đạt tốc độ phát triển khá, từng bước giảm bớt sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng, nhất là trên các mặt giáo dục - đào tạo, y tế - xã hội, văn hoá thông tin, nước sạch, môi trường...

Vốn ngân sách nhà nước và vốn ODA bố trí cho các dự án do các ngành trung ương trực tiếp quản lý sẽ được phân bố đều trên các vùng để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; vốn đầu tư của ngân sách do địa phương quản lý bố trí 30% cho ba vùng kinh tế trọng điểm, bố trí khoảng 70% cho các vùng khác. Riêng vốn đầu tư của các doanh nghiệp, của dân cư và vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, Nhà nước thực hiện định hướng khuyến khích đầu tư bằng các chính sách ưu tiên nhưng không thể chủ động hoàn toàn và do sức hút trong vùng, tỉ lệ đầu tư ở các vùng trọng điểm có thể cao hơn.

Giữa các ngành công nghiệp:

Vốn đầu tư cho các ngành công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến chiếm 12% tổng vốn đầu tư toàn xã hội (khoảng 30% vốn đầu tư cho các ngành công nghiệp) chủ yếu cho sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu và công nghiệp chế biến.

Vốn đầu tư cho các ngành công nghiệp nặng chiếm 30% vốn đầu tư toàn xã hội (khoảng 70% vốn đầu tư cho các

ngành công nghiệp) để đầu tư có chọn lọc một số công trình công nghiệp nặng mà nhu cầu đòi hỏi cấp bách, có điều kiện về vốn, về thị trường, và hoạt động có hiệu quả, bảo đảm tăng công suất ngành điện, sản lượng dầu khí và khí, sản lượng ximăng, thép...

Đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn:

Nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thuỷ lợi chiếm gần 20% vốn đầu tư toàn xã hội, riêng vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước dự kiến 22,1% nhằm nâng cao năng suất bảo đảm an toàn lương thực, phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho nông thôn, khôi phục và xây dựng mới hệ thống thuỷ lợi...

Hướng huy động vốn:

Trong điều kiện nguồn vốn còn hạn hẹp, phải tìm cách huy động nhiều nguồn vốn cả trong và ngoài nước để đáp ứng nhu cầu đầu tư như: huy động tiền gửi tiết kiệm dài hạn, phát hành trái phiếu, cổ phiếu, kể cả việc phát hành trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, mở rộng các quỹ đầu tư và các hình thức huy động nguồn vốn nước ngoài: hợp tác kinh doanh, liên doanh, đầu tư trực tiếp, các dạng BOT,...

II- ĐỔI MỚI THỂ CHẾ KINH TẾ VÀ NÂNG CAO HIỆU LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Thực hiện nhất quán chính sách đối với các thành phần kinh tế

Tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả khu vực doanh

nghiệp nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo, mở đường hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển, xác định những ngành và lĩnh vực cần củng cố và phát triển doanh nghiệp nhà nước, phân định rõ những doanh nghiệp công ích và những doanh nghiệp kinh doanh; triển khai tích cực và vững chắc việc cổ phần hoá những doanh nghiệp không cần giữ 100% vốn nhà nước, tiếp tục sắp xếp lại và chuyển đổi hình thức sở hữu đối với các doanh nghiệp không cần duy trì hình thức quốc doanh; hoàn chỉnh khung khổ pháp lý cho việc cổ phần hoá và đa dạng hoá sở hữu của doanh nghiệp nhà nước theo hướng tạo thêm động lực mới trong quản lý, tăng thêm vốn cho doanh nghiệp; có chính sách cụ thể tạo điều kiện và khuyến khích người lao động trong doanh nghiệp mua cổ phần hoặc góp vốn vào doanh nghiệp; quy định mức bán cổ phần cho các tổ chức và cá nhân tuỳ theo loại doanh nghiệp. Áp dụng hình thức công ty cổ phần trong việc xây dựng các doanh nghiệp nhà nước mới. Kiện toàn tổ chức và hoạt động của cơ quan quản lý vốn và tài sản nhà nước để quản lý thống nhất toàn bộ vốn thuộc sở hữu nhà nước trong các doanh nghiệp nhà nước và trong các doanh nghiệp khác mà Nhà nước có góp vốn.

Tổng kết, rút kinh nghiệm và mở rộng các hình thức hợp tác đa dạng của người lao động trong các ngành nghề trên cơ sở góp cổ phần và tham gia lao động trực tiếp của xã viên, phân phối theo kết quả lao động và theo cổ phần, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện và cơ chế quản lý dân chủ, công khai về quyền lợi, trách nhiệm. Xây dựng *Luật Hợp tác xã,* tạo cơ sở pháp lý cho việc thành lập, đăng ký và hoạt động của hợp tác xã. Nhà nước khuyến khích, giúp đỡ các hình thức kinh tế

hợp tác; tranh thủ nguồn vốn tài trợ quốc tế cho khu vực kinh tế này.

Thực hiện nhất quán chính sách đã được xác định tại Đại hội VII: kinh tế tư nhân được phát triển không hạn chế về quy mô và địa bàn hoạt động trong những ngành, nghề mà luật pháp không cấm. Khắc phục những trở ngại trong chính sách và trong tâm lý xã hội đang hạn chế đầu tư phát triển kinh tế tư nhân, nhất là đầu tư sản xuất, nhìn nhận đúng vai trò của các nhà kinh doanh làm giàu theo pháp luật, khuyến khích họ đưa lợi nhuận vào đầu tư phát triển và tham gia các việc công ích, coi trọng các nhà kinh doanh giỏi, có đạo đức, giầu lòng yêu nước, kinh doanh có văn hoá. Nhà nước góp vốn đầu tư, liên doanh cùng tư nhân trên cơ sở thoả thuận nhằm tạo thế, tạo lực cho các doanh nghiệp Việt Nam trong khi mở cửa làm ăn với bên ngoài. Nhà nước tạo thuận lợi dễ dàng cho việc đăng ký kinh doanh, loại bỏ những chính sách, thủ tục còn mang tính chất phân biệt đối xử các thành phần kinh tế như trong đăng ký kinh doanh, trong tín dụng hoặc trong việc cho thuê đất, v.v. đi đôi với tăng cường quản lý, hướng dẫn tư nhân làm ăn đúng pháp luật, có lợi cho quốc kế dân sinh.

2. Hoàn thiện cơ chế thị trường, đổi mới các công cụ quản lý nhà nước

Xây dựng đồng bộ **các loại thị trường,** bảo đảm sự vận động thông suốt của cơ chế kinh tế thị trường, cụ thể hoá và thực hiện các quy định trong *Bộ Luật lao động,* bảo đảm quyền của người lao động tự do tìm việc làm, sớm hình thành *thị trường sức lao động*. Thực hiện rộng rãi chế độ hợp đồng

lao động và trả lương theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và người sử dụng lao động. Ban hành những quy định cụ thể về sở hữu và sử dụng *bất động sản,* tạo khuôn khổ pháp lý cho thị trường bất động sản. Quy định việc tính giá đất trong giá trị bất động sản, tiền tệ hoá bất động sản thuộc sở hữu nhà nước làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chính sách cổ phần hoá một số doanh nghiệp nhà nước, chính sách phát triển các khu công nghiệp và khu dân cư mới, chính sách về nhà ở. Đối với đất nông nghiệp, nghiêm chỉnh thi hành *Luật Đất đai,* ban hành quy định cụ thể cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trên nguyên tắc tuân theo quy hoạch và đảm bảo an toàn lương thực. Thực hiện đúng hạn mức ruộng đất theo luật định; kiểm soát việc tích tụ ruộng đất canh tác, vừa khuyến khích sản xuất hàng hoá, vừa ngăn chặn tình trạng người làm nông nghiệp không có đất sản xuất. Khuyến khích các thành phần kinh tế khai hoang, phục hoá,mở rộng diện tích đất nông nghiệp. *Phát triển thị trường công nghệ* đi đôi với triển khai thực hiện *Pháp lệnh Về sở hữu công nghiệp* và xúc tiến việc ban hành thể chế về quyền tác giả. *Phát triển thị trường vốn* bằng nhiều hình thức thu hút tiền gửi trung, dài hạn qua ngân hàng và các công ty tài chính để cho vay đầu tư theo lãi suất thị trường. Mở rộng việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu và xúc tiến chuẩn bị về thể chế, cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc thiết lập thị trường chứng khoán và bảo đảm sự hoạt động lành mạnh của thị trường này.

Tiếp tục hoàn thiện và mở thêm *thị trường hàng hoá và dịch vụ* nhiều loại hình, với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Ban hành *Luật Bảo hộ cạnh tranh* và kiểm

soát độc quyền trong kinh doanh, chống cạnh tranh không lành mạnh và chống hạn chế thương mại. Mở rộng đi đôi với tổ chức lại thị trường nội địa trên các vùng đô thị, nông thôn và miền núi.

Tiếp tục **đổi mới công tác kế hoạch hoá**, hướng vào nâng cao chất lượng xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển các ngành, các vùng và toàn bộ nền kinh tế. Xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn; nâng cao chất lượng dự báo những khả năng và xu hướng phát triển làm cơ sở cho việc đề ra các mục tiêu vĩ mô về kinh tế, các chính sách, giải pháp và định hướng về lực lượng vật chất để thực hiện; xác định những cân đối lớn. Nâng cao chất lượng xây dựng, thẩm định dự án đầu tư. Thiết lập quy chế kết hợp chặt chẽ việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch với việc hoạch định chính sách và thể chế để dẫn dắt, điều hành nền kinh tế theo định hướng kế hoạch, xử lý kịp thời những mất cân đối và những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch. Cơ quan xét đăng ký thành lập doanh nghiệp phải đồng thời hướng dẫn, xúc tiến đầu tư của các thành phần kinh tế.

Tiếp tục cải cách và xây dựng **hệ thống tài chính, tiền tệ** thành công cụ điều tiết vĩ mô nhạy bén và phù hợp với tiến trình hội nhập quốc tế. Thực hiện tiếp bước đổi mới chính sách thuế theo hướng vừa bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, vừa thúc đẩy thực hành tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng để tăng tích luỹ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tích tụ vốn, mở rộng sản xuất, kinh doanh. Đơn giản hoá hệ thống thuế và biểu thuế suất; nâng tính ổn định của thuế, mở rộng việc áp dụng thuế TVA thay cho thuế

doanh thu; bổ sung thuế và phí sử dụng tài nguyên thiên nhiên không tái tạo. Xây dựng quy chế bảo đảm chi ngân sách tiết kiệm và có hiệu quả, nâng dần tỉ lệ chi cho đầu tư phát triển, kiềm chế bội chi. Thực hiện chế độ kiểm soát chi ngân sách và tài chính công thông qua kho bạc và kiểm toán nhà nước. Xây dựng quy chế phân cấp ngân sách; phân giao rành mạch nhiệm vụ chi, đi đôi với quy định những khoản thu dành toàn bộ cho từng cấp ngân sách và những khoản thu điều tiết giữa các cấp ngân sách theo tỉ lệ ổn định ít nhất là ba năm; xác định các tiêu chuẩn và định mức làm căn cứ cho việc phân giao nhiệm vụ thu, chi và mức bổ sung của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, tạo điều kiện cho chính quyền địa phương phát huy chủ động, sáng tạo trong việc dự toán và bảo đảm thu, chi ngân sách. Sớm hoàn thiện chính sách tài chính quốc gia, ban hành *Luật Ngân sách Nhà nước.*

Hoàn thiện cơ chế phát hành tiền và kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện. Mở rộng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Tiếp tục chuyển các ngân hàng thương mại sang cơ chế kinh doanh đầy đủ. Phát triển Ngân hàng phục vụ người nghèo với lãi suất ưu đãi và thể thức cho vay thích hợp. Sửa đổi, bổ sung *Pháp lệnh về ngân hàng* và nâng lên thành luật. Cho phép các định chế tài chính kinh doanh đa dạng, phát triển mạnh các dịch vụ tài chính, ngân hàng theo đúng pháp luật và các quy định quản lý của Ngân hàng Nhà nước. Khuyến khích phát triển, đa dạng hoá hoạt động kinh doanh bảo hiểm của các thành phần kinh tế và mở ra hợp tác với nước ngoài; đổi mới cơ chế và tổ chức quản lý bảo hiểm xã hội. Quy định rõ quy mô và phạm vi hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, phát huy tác dụng tích

cực của họ trong việc đổi mới công nghệ ngân hàng, đồng thời bảo đảm sự kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước.

Đổi mới từng bước cơ chế quản lý ngoại hối phù hợp với điều kiện thực tế. Nghiên cứu xác định tỉ giá của đồng tiền Việt Nam gắn với một số ngoại tệ có quan hệ nhiều trong giao dịch; từng bước làm cho đồng tiền Việt Nam có giá trị chuyển đổi đầy đủ.

3. Tiếp tục đổi mới cơ chế kinh tế đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới

Trên cơ sở xác định những mặt hàng luật pháp cấm kinh doanh và một số ít mặt hàng phải quy định hạn ngạch, cho phép các đơn vị, nhất là các đơn vị sản xuất có đăng ký kinh doanh được quyền tham gia hoạt động ngoại thương mà không cần phải xin xét duyệt và cấp phép. Áp dụng chế độ đấu thầu trong phân bổ hạn ngạch xuất, nhập khẩu.

Xây dựng đồng bộ chính sách khuyến khích xuất khẩu, bao gồm sự giúp đỡ về điều kiện sản xuất kinh doanh, về chuyển giao công nghệ, về tiếp thị, và ưu đãi về thuế; hoàn thiện quy chế hoạt động của quỹ hỗ trợ xuất khẩu. Tách thuế nhập khẩu, không nhập làm một với thuế doanh thu (hoặc TVA) và thuế tiêu thụ đặc biệt; thu hẹp biểu thuế xuất và giảm dần mức thuế nhập khẩu. Áp dụng danh mục và sự phân loại hàng hoá, quy chế hải quan phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định chung của các nước ASEAN, chuẩn bị kịp cho tiến trình gia nhập khối mậu dịch tự do AFTA. Giảm bớt việc bảo hộ sản xuất trong nước bằng thuế, tăng cường

các biện pháp về hỗ trợ các cơ sở sản xuất nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá và ngăn chặn buôn lậu.

Thống nhất từng bước chính sách đối với đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài; tiến tới xây dựng luật đầu tư thống nhất cho đầu tư trong nước và nước ngoài. Cho phép công ty và người nước ngoài mua cổ phiếu của các công ty cổ phần trong nước cũng như của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá, trong hạn mức quy định theo ngành nghề kinh doanh.

Quy định cụ thể loại dự án đầu tư nước ngoài phân cấp cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp giấy phép. Xây dựng quy chế và xác định rõ trách nhiệm của cơ quan hành chính các cấp trong việc kiểm tra thực hiện các dự án được cấp giấy phép, kiểm soát các doanh nghiệp đã đi vào hoạt động, cũng như trong việc giải quyết các trở ngại đối với việc thực hiện dự án. Bổ sung quy chế thành lập và hoạt động của các văn phòng đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam, tạo thuận lợi cho công ty nước ngoài xúc tiến đầu tư, kinh doanh, đồng thời bảo đảm sự kiểm soát của Nhà nước, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hoạt động trái pháp luật Việt Nam.

4. Xúc tiến cải cách nền hành chính

Nội dung cải cách nền hành chính đề ra trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) cần được triển khai thực hiện tích cực theo chương trình, kế hoạch. Trên cơ sở xây dựng *hệ thống pháp luật* phù hợp với kinh tế thị trường, ban hành các luật mới như: *Luật Thương mại, Luật Hợp tác xã, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Về*

cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh, xây dựng văn bản pháp quy về chuyển đổi sở hữu và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước..., sửa đổi, bổ sung *Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân,* nghiên cứu ban hành *Luật Doanh nghiệp* mới áp dụng chung cho tất cả các loại hình doanh nghiệp; xây dựng *Luật Đầu tư* thay thế cho *Luật Đầu tư nước ngoài* và *Luật Khuyến khích đầu tư trong nước* hiện nay để ban hành khi có điều kiện, cần tập trung cải tiến việc ban hành văn bản pháp quy thi hành luật; bảo đảm tính thống nhất về nội dung, tính kịp thời về hiệu lực thi hành luật sau khi ban hành. Hoàn thành sớm việc ban hành và công bố các văn bản pháp quy về thủ tục hành chính đã được cải cách. Rà soát văn bản pháp quy ở các cấp, xoá bỏ các quy định do các ngành, địa phương ban hành trái với quy định chung của Quốc hội và Chính phủ; đẩy mạnh cải cách cơ bản thủ tục hành chính.

Xây dựng quy chế thông tin đối với dân về các quyết định và công việc của Nhà nước. Triển khai các hình thức giáo dục pháp luật; huy động lực lượng của các đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp, các phương tiện thông tin đại chúng tham gia các đợt vận động thiết lập trật tự, kỷ cương và các hoạt động thường xuyên xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong xã hội và trong cơ quan nhà nước.

Sắp xếp lại bộ máy hành chính ở trung ương và địa phương, hợp nhất một số cơ quan quản lý chuyên ngành về kinh tế trên cơ sở xác định rõ và thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước của các bộ, ngành. Cụ thể hoá sự phân cấp quản lý nhà nước giữa các cơ quan của Chính phủ với các cấp chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phân

định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của từng cấp hành chính, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ phù hợp với yêu cầu nâng cao hiệu lực chỉ đạo, điều hành thống nhất và thông suốt của hệ thống hành chính nhà nước và của thủ trưởng cơ quan hành chính. Bổ sung quy định về kiểm tra hành chính, chú trọng việc kiểm tra thường xuyên thông qua chế độ báo cáo, kế toán, kiểm toán; khắc phục tình trạng nhiều đoàn kiểm tra, thanh tra chồng lấn lên nhau, gây phiền hà và tốn kém cho cơ sở.

Ban hành *Quy chế công chức và chế độ công vụ;* quy chế thi tuyển hoặc kiểm tra sát hạch khi tuyển dụng hoặc đề bạt chức vụ. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo mới và trẻ hoá đội ngũ cán bộ, công chức. Thực hiện quy hoạch bồi dưỡng và sắp xếp lại theo tiêu chuẩn chức danh; bố trí lại công việc hoặc đưa ra khỏi bộ máy những người không đủ năng lực thực thi nhiệm vụ; kiên quyết xử lý và sa thải những người thoái hoá, biến chất. Tăng cường biện pháp và phối hợp lực lượng đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, cửa quyền trong bộ máy quản lý nhà nước và các tổ chức kinh tế nhà nước.

Xúc tiến việc thành lập toà án hành chính trên cơ sở bổ sung thể chế làm căn cứ cho việc xét xử, xác định mô hình tổ chức và thủ tục tố tụng phù hợp với đặc điểm của các vụ kiện hành chính; tuyển chọn và đào tạo bồi dưỡng thẩm phán hành chính

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
VỀ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

(Do đồng chí Lê Phước Thọ, Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng trình bày tại Hội nghị Trung ương 9, ngày 6 tháng 11 năm 1995)

Thưa đồng chí Tổng Bí thư,
Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí,

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam hiện hành do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng thông qua, đã tiếp tục khẳng định những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, đáp ứng tình hình và yêu cầu mới của đất nước.

Từ Đại hội VII đến nay, toàn Đảng đã nỗ lực phấn đấu thực hiện *Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, Nghị quyết của Đại hội* và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương; tiến hành đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao sức chiến đấu

và năng lực lãnh đạo của Đảng, củng cố mối liên hệ mật thiết với nhân dân, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách gay gắt, đưa sự nghiệp đổi mới ở nước ta giành những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Tuy nhiên, những thành tựu của công cuộc đổi mới vẫn còn một số mặt chưa được củng cố vững chắc, chuyển biến trong công tác xây dựng Đảng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, các biểu hiện yếu kém và tiêu cực trong một bộ phận tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên chậm được khắc phục; việc quán triệt và thi hành *Điều lệ Đảng* vẫn còn không ít thiếu sót, khuyết điểm.

Bước sang thời kỳ mới, như dự thảo *Báo cáo chính trị* của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội VIII đã chỉ rõ: "Sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước của chúng ta tiếp tục tiến lên trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp và chứa đựng nhiều yếu tố khó lường hết được", tình hình trong nước đứng trước "những thuận lợi lớn và cả những khó khăn lớn", đòi hỏi *Đảng ta phải tiếp tục nắm vững nhiệm vụ trọng tâm là phát triển kinh tế, khâu then chốt là công tác xây dựng Đảng, không ngừng nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng,* phấn đấu đạt và vượt các mục tiêu trước mắt là "ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000", từng bước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong những năm tiếp theo.

Để đáp ứng yêu cầu của công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ mới, Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) sẽ trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng xem xét việc bổ sung, sửa đổi *Điều lệ Đảng*.

Tiểu ban Điều lệ của Ban Chấp hành Trung ương đã xúc

tiến công tác nghiên cứu về *Điều lệ Đảng* từ tháng 7-1994 đến nay.

Dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị, Tiểu ban Điều lệ đã tiến hành nhiều công việc như: nghiên cứu quán triệt các quan điểm của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị về chuẩn bị Đại hội VIII; nghiên cứu dự thảo báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng trong 20 năm qua; xem xét những kiến nghị của Ban Tổ chức Trung ương và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, lấy ý kiến một số ban và đảng uỷ trực thuộc Trung ương về việc thi hành *Điều lệ Đảng;* các đồng chí trong tiểu ban làm việc với một số cấp uỷ địa phương và cơ sở về những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi *Điều lệ Đảng.* Trên cơ sở đó, Tiểu ban Điều lệ đã soạn thảo *Điều lệ bổ sung, sửa đổi.*

Tiểu ban Điều lệ đã trình Bộ Chính trị cho ý kiến về dự thảo *Điều lệ bổ sung, sửa đổi* trong hai phiên họp tháng 7 và tháng 10-1995.

Báo cáo này trình bày một số vấn đề về quan điểm chỉ đạo và những điểm chủ yếu cần bổ sung, sửa đổi trong *Điều lệ Đảng.*

Dự thảo *Điều lệ* lần này gồm có phần mở đầu và 12 chương, 48 điều, giữ kết cấu các chương như *Điều lệ* hiện hành nhưng đã bỏ 3 điều cũ, thêm 4 điều mới và tu chỉnh về văn phong ở nhiều điều.

A- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ YÊU CẦU BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Do tính chất đặc biệt quan trọng của *Điều lệ Đảng,* để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng và của công tác

xây dựng Đảng trong thời kỳ mới; việc bổ sung, sửa đổi *Điều lệ Đảng* phải quán triệt *mấy quan điểm chỉ đạo sau:*

1. *Khẳng định, bổ sung, phát triển những vấn đề có tính nguyên tắc về Đảng và công tác xây dựng Đảng* theo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, *Cương lĩnh chính trị,* đường lối đổi mới của Đảng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp thu những ý kiến đúng đắn về xây dựng Đảng trong điều kiện mới, bác bỏ những quan điểm sai trái, xa rời nguyên tắc, làm phai mờ bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng, có thể dẫn đến nguy cơ làm biến chất Đảng.

2. *Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng, tiếp tục phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng;* kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện tập trung quan liêu, tự do vô kỷ luật, gây mất đoàn kết nội bộ; xử lý nghiêm đối với những phần tử chống Đảng.

3. *Bảo đảm việc xây dựng các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên trong sạch, vững mạnh:* tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với các tầng lớp nhân dân; khắc phục những mặt yếu kém và các biểu hiện tiêu cực, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Trong báo cáo này xin trình bày ***chủ yếu ở phần mở đầu và 31 vấn đề*** trong các chương và các điều cần khẳng định hoặc bổ sung, sửa đổi. Những chỗ bổ sung, sửa đổi nhỏ về ý và câu văn xin xem toàn văn dự thảo *Điều lệ* (có đối chiếu với toàn văn *Điều lệ* hiện hành) kèm theo.

B- NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẢNG VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG ĐẢNG

(Thể hiện ở phần mở đầu của Điều lệ)

Phần mở đầu của *Điều lệ* hiện hành đã thể hiện khái quát những vấn đề cơ bản về Đảng và nguyên tắc xây dựng Đảng. Quán triệt quan điểm chỉ đạo đã nêu ở phần trên, dự thảo *Điều lệ* lần này tiếp tục *giữ những nội dung đó.*

1. Về nội dung

a. *Vấn đề quan trọng hàng đầu là phải kiên định lập trường nguyên tắc xây dựng Đảng ta mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất ấy thể hiện Đảng là đội tiên phong chính trị, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng; lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản; luôn luôn gắn bó mật thiết với nhân dân. Với bản chất ấy, Đảng ta thực sự là đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.*

Lập trường nguyên tắc đó xuất phát từ nhận thức khoa học về vai trò lịch sử của giai cấp công nhân và đảng cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân theo đúng nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Mặc dù tình hình giai cấp công nhân trên thế giới đang có chuyển biến mới, có cả những diễn biến phức tạp, song bản chất cách mạng và sứ mạng lịch sử của giai cấp công nhân không thay đổi.

Ở nước ta, tuy giai cấp công nhân còn nhỏ bé, nhưng giai cấp công nhân và Đảng của giai cấp công nhân đã có vai trò lịch sử lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, giành nhiều thắng lợi

vẻ vang trong hơn nửa thế kỷ qua, được nhân dân ta thừa nhận. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng không chỉ thể hiện ở số lượng đảng viên xuất thân thành phần giai cấp công nhân nhiều hay ít, mà điều chủ yếu và quyết định là đội ngũ đảng viên phải quán triệt nền tảng tư tưởng, cương lĩnh chính trị, nguyên tắc tổ chức của Đảng. Tuy nhiên việc tăng tỉ lệ đảng viên thành phần công nhân luôn là một yêu cầu có ý nghĩa rất cơ bản trong công tác xây dựng Đảng.

Đảng ta là một đảng cầm quyền, có trách nhiệm xây dựng và phát huy vai trò Nhà nước của dân, do dân, vì dân, tiến hành sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, càng phải khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng và của Nhà nước ta. Chỉ có đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, Đảng mới có thể tập hợp và đoàn kết được nhân dân, đại biểu trung thành và xử lý đúng đắn các lợi ích của giai cấp công nhân, của các tầng lớp nhân dân và của cả dân tộc Việt Nam.

Từ khi Đảng đề ra chủ trương lãnh đạo nhân dân thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và mở rộng giao lưu quốc tế, đã tạo ra những thành tựu to lớn có ý nghĩa rất quan trọng. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, đã và đang bộc lộ những mặt trái của cơ chế thị trường và nhiều biểu hiện tiêu cực. Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những khó khăn trong nước, đã nảy sinh tư tưởng cơ hội, thực dụng, khuynh hướng muốn đưa đất nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa hoặc xã hội dân chủ. Các thế lực thù địch cũng đang ráo riết dùng âm mưu "diễn biến hoà bình"

để chống phá Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Chúng ta cần nâng cao cảnh giác, kiên quyết đấu tranh với những quan điểm sai trái, những âm mưu thủ đoạn và các luận điệu thù địch muốn làm phai mờ bản chất giai cấp, làm biến chất Đảng, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng.

b. *Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiến hành sự nghiệp đổi mới, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản ở nước ta.*

Mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã là ngọn cờ tập hợp, cổ vũ đông đảo nhân dân ta đấu tranh kiên cường, giành nhiều thắng lợi có ý nghĩa lịch sử trong hơn nửa thế kỷ qua. Ngày nay dù phải trải qua những khó khăn thử thách gay gắt, trong điều kiện tình hình phong trào cộng sản và công nhân trên thế giới gặp khủng hoảng, nhưng cũng không thể làm lay chuyển được mục tiêu, lý tưởng của Đảng và nhân dân ta.

c. *Khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.*

Đảng ta mãi mãi trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, vì đó là chân lý khoa học và cách mạng của những người cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta.

Chúng ta vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế của thời đại và thực tiễn nước ta để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đường lối đổi mới;

kiên quyết đấu tranh, làm thất bại các âm mưu thủ đoạn xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

d. *Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng.*

Đảng ta luôn khẳng định nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và sinh hoạt đảng. Đó là nguyên tắc tổ chức của một đảng mang bản chất giai cấp công nhân. Xa rời nguyên tắc tập trung dân chủ thì Đảng không còn là một đảng cách mạng chân chính. Phủ định nguyên tắc tập trung dân chủ là phủ định Đảng Cộng sản từ bản chất.

Đảng phải không ngừng giáo dục bồi dưỡng cho toàn thể đảng viên nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của nguyên tắc tập trung dân chủ, thấy rõ mối quan hệ biện chứng giữa tập trung và dân chủ; trong sinh hoạt đảng vừa phải phát huy dân chủ gắn liền với sự lãnh đạo đúng đắn; chống tập trung quan liêu, độc đoán chuyên quyền, đồng thời chống tự do vô kỷ luật, chia rẽ; củng cố sự đoàn kết toàn Đảng trên cơ sở *Cương lĩnh chính trị* và *Điều lệ Đảng;* bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng, là cơ sở để thực hiện sự thống nhất toàn dân.

đ. *Hết sức coi trọng giữ gìn mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.*

Đây là một truyền thống quý báu làm nên sức mạnh vĩ đại của Đảng và những thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân.

Chuyển sang giai đoạn cách mạng mới, khi Đảng ta thực hiện vai trò của một đảng cầm quyền, có trách nhiệm lãnh đạo mọi mặt hoạt động của Nhà nước và xã hội, đã đặt ra những yêu cầu mới: vừa phải tăng cường vai trò

lãnh đạo của Đảng, vừa phải phát huy đầy đủ vai trò của Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội; bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.

Để đạt được yêu cầu đó, Đảng phải tăng cường hơn nữa việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng, lãnh đạo xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước các cấp, đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội, nâng cao ý thức phục vụ nhân dân của các cơ quan, đoàn thể. Điều hết sức quan trọng là Đảng phải coi trọng công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch của đội ngũ cán bộ, đảng viên; kiên quyết đấu tranh với tệ quan liêu, xa rời nhân dân, tham nhũng, tha hoá trong Đảng và trong các cơ quan nhà nước; củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng; dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng.

2. Về cấu trúc

Điều lệ hiện hành nêu các vấn đề cơ bản về Đảng theo thứ tự: thành tựu truyền thống, bản chất, mục đích, nền tảng tư tưởng của Đảng, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế, nguyên tắc tổ chức, liên hệ với quần chúng.

Dự thảo *Điều lệ* lần này sắp xếp lại và trình bày các vấn đề cơ bản đó theo thứ tự sau:

- Thành tựu và truyền thống;
- Bản chất của Đảng;
- Mục đích của Đảng;
- Nền tảng tư tưởng;
- Nguyên tắc tổ chức;
- Liên hệ với quần chúng;
- Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế.

3. Với tinh thần ấy, dự thảo Điều lệ thể hiện cụ thể các điểm chủ yếu của phần mở đầu như sau

1- *Thành tựu và truyền thống của Đảng*[1]:

"Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân làm Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, xoá bỏ chế độ thực dân phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc Việt Nam".

2- *Bản chất của Đảng:*

"Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc".

3- *Mục đích của Đảng:*

"Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản".

4. *Nền tảng tư tưởng của Đảng:*

"Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc; tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn phù hợp với nguyện vọng của nhân dân".

---

1. Từ đây trở đi cần lưu ý:

- Những đoạn văn, cụm từ có bổ sung, sửa đổi thì gạch chân.
- Những đoạn trích trong Điều lệ thì thể hiện chữ nghiêng, có ngoặc kép ("...").

5- *Nguyên tắc tổ chức của Đảng:*

"Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng".

6- *Liên hệ với quần chúng:*

"Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, chịu sự giám sát của nhân dân; dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính tri - xã hội, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật".

7- *Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân:*

"Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, góp phần tích cực vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới".

C- NHỮNG VẤN ĐỀ CHỦ YẾU CẦN BỔ SUNG, SỬA ĐỔI TRONG CÁC CHƯƠNG CỦA ĐIỀU LỆ

I- VỀ ĐẢNG VIÊN **(chương I)**

Trong công tác xây dựng Đảng, việc xây dựng đội ngũ đảng viên theo yêu cầu về tiêu chuẩn, nhằm bảo đảm tính chất tiên phong của Đảng luôn là một vấn đề có ý nghĩa rất

cơ bản. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay: đảng viên chẳng những phải có giác ngộ lý tưởng, đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, gắn bó mật thiết với quần chúng và có tinh thần phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao... như các thời kỳ trước đây, mà còn phải có kiến thức và năng lực lãnh đạo trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội như chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Trước thời cơ lớn và những khó khăn, thử thách gay gắt trong tình hình mới lại càng đòi hỏi đội ngũ đảng viên phải có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức cách mạng và lối sống trong sáng, là những yêu cầu hàng đầu trong tiêu chuẩn đảng viên.

Đó chính là phương hướng chỉ đạo việc nghiên cứu bổ sung các quy định về đảng viên nêu trong chương I của *Điều lệ Đảng*.

Trong chương này nổi lên *bốn vấn đề cần lưu ý* như sau:

1. Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân và điều kiện "không bóc lột" đối với người vào Đảng (điều 1)

Dự thảo điều 1 về điều kiện người vào Đảng vẫn giữ các quy định trong *Điều lệ* hiện hành.

Một vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, đang có nhiều ý kiến khác nhau là *đảng viên có được làm kinh tế tư bản tư nhân hay không* và có nên *tiếp tục ghi* hay *không nên ghi* vào dự thảo *Điều lệ* lần này cụm từ *"không bóc lột"* và *ghi vào điều nào là hợp lý?*

a. *Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân:*

Xuất phát từ bản chất giai cấp, mục tiêu, lý tưởng của Đảng và từ tình hình thực tế diễn ra trong công cuộc đổi mới,

Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) trình Đại hội VII thông qua đã khẳng định: "Đảng viên là công nhân, viên chức tại chức, ngoài việc hoàn thành nhiệm vụ công tác, được khuyến khích phát triển kinh tế gia đình. Đảng viên được góp cổ phần vào các công ty, xí nghiệp quốc doanh, tập thể. Đảng viên không ở trong biên chế của các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, bản thân trực tiếp lao động (lao động chân tay, lao động kỹ thuật, lao động quản lý) được đứng ra tổ chức các đơn vị kinh tế tập thể (tổ sản xuất, hợp tác xã...); được đấu thầu, khoán đất đai, thuê tài sản của Nhà nước, của tập thể để tổ chức kinh doanh; được làm kinh tế cá thể, tiểu chủ. Đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân".

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ một lần nữa khẳng định tiếp tục thực hiện quy định của Đại hội VII là đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân.

Thực tế tình hình trong những năm vừa qua cho thấy số đông cán bộ, đảng viên đồng tình với quan điểm là đảng viên cộng sản thì không được làm kinh tế tư bản tư nhân, coi đây là vấn đề có tính nguyên tắc. Một số ít đồng chí vẫn đề nghị xem xét lại vấn đề này.

Chủ trương đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân vì:

- Làm kinh tế tư bản tư nhân là có bóc lột giá trị thặng dư. Người tiểu chủ cũng có thể thuê mướn nhân công, có bóc lột, song nguồn thu nhập chính, nguồn sống chính vẫn nhờ vào lao động của bản thân và gia đình. Còn kinh tế tư bản tư nhân thì có nguồn thu nhập chính, nguồn sống chính nhờ vào bóc lột giá trị thặng dư. Nếu đảng viên làm kinh tế tư

bản tư nhân thì dần dần trong Đảng sẽ có một bộ phận đảng viên trở thành tư sản. Lúc đầu còn ít, dần dần trong Đảng có thể có hàng vạn đảng viên là những nhà tư sản, thì sẽ dần dần ảnh hưởng trực tiếp đến bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

Đảng viên tuy cũng là công dân, có quyền và nghĩa vụ công dân, nhưng không phải cái gì công dân được làm thì đảng viên đều được làm. Công dân chỉ cần tuân theo *Hiến pháp,* còn đảng viên thì phải phục tùng *Điều lệ Đảng.*

- Không cho đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân không phải là làm thui chột tài năng làm kinh tế của đảng viên. Nếu đảng viên có tài năng làm kinh tế thì với quy định trong *Báo cáo xây dựng Đảng* của Đại hội VII vẫn có thể phát huy được vai trò của mình. Làm theo quy định đó, vừa có lợi cho bản thân, vừa có lợi cho đất nước mà vẫn giữ được lý tưởng của người đảng viên.

Đối với một số đảng viên hiện nay đã là chủ doanh nghiệp tư bản tư nhân, tổ chức đảng cần xem xét và giải quyết từng trường hợp cụ thể; hướng dẫn và giúp đỡ đảng viên tiến hành việc chuyển đổi thành dạng công ty cổ phần có sự tham gia của người lao động, của Nhà nước; hoặc thành các hình thức kinh tế hợp tác.

b. *Điều kiện "không bóc lột" đối với người vào Đảng:*

Như điểm a đã phân tích: đã là đảng viên cộng sản thì không được làm kinh tế tư bản tư nhân, là người "không bóc lột". Những quần chúng ưu tú được tổ chức đảng xem xét kết nạp vào Đảng cũng phải bảo đảm điều kiện "không bóc lột".

Điều lệ Đảng ta từ khoá Đại hội III đến nay vẫn ghi điều kiện người vào Đảng là "không bóc lột". Dự thảo *Điều lệ* lần

này không thể bỏ quy định này, vì đây là vấn đề có tính nguyên tắc phải giữ vững.

Song, *cần chuyển cụm từ "không bóc lột" ở điều 1 sang điều 2 quy định về nhiệm vụ đảng viên để thể hiện được một cách bao quát yêu cầu này đối với tất cả đảng viên,* không kể người đó mới vào Đảng hoặc đã đứng trong hàng ngũ Đảng nhiều năm đều phải là người không bóc lột. (*Điều lệ* hiện hành chỉ ghi quy định này trong điều kiện người mới vào Đảng, không ghi vào nhiệm vụ đảng viên).

2. Nhiệm vụ đảng viên (điều 2)

Nhiệm vụ chính trị của Đảng trong giai đoạn hiện nay đòi hỏi vai trò tiên phong của đảng viên phải được thể hiện trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

Dự thảo *Điều lệ* lần này cơ bản giữ lại nội dung bốn nhiệm vụ đảng viên trong *Điều lệ* hiện hành, có bổ sung thêm một số ý mới:

- *Nhiệm vụ thứ nhất:*

"Tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; gương mẫu thực hiện nhiệm vụ được giao".

- *Nhiệm vụ thứ hai:*

"Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh, không bóc lột; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác".

Cần lưu ý ở điểm bổ sung mới trong nhiệm vụ này là:

+ Đảng viên phải học tập, rèn luyện chẳng những để nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác mà điều quan trọng và cơ bản hơn trong tình hình hiện nay là phải nâng cao *phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng.*

+ *Đảng viên phải có lối sống lành mạnh, không bóc lột.* Đây là lập trường, nguyên tắc để xây dựng đội ngũ đảng viên theo đúng bản chất của Đảng, ngăn chặn tình trạng phân hoá, làm biến chất Đảng trong tình hình mới (như đã phân tích ở trên).

+ Đảng viên phải có *tinh thần kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực.*

- *Nhiệm vu thứ ba:*

"Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân; tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội nơi làm việc và nơi ở; tuyên truyền vận động nhân dân và gia đình thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; pháp luật của Nhà nước".

- *Nhiệm vu thứ tư:*

"Tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chính sách và tổ chức của Đảng; phục tùng kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng; làm công tác phát triển Đảng; bảo đảm sinh hoạt đảng và đóng đảng phí".

3. Thủ tục kết nạp người vào Đảng, kể cả kết nạp lại (điều 4)

Dự thảo *Điều lệ* lần này có bổ sung thêm hai ý mới để xử lý một số vướng mắc đang diễn ra trong thực tế như sau:

a. *Đối với đảng viên được kết nạp lại:* Những đảng viên vi phạm khuyết điểm hoặc vi phạm pháp luật đã ra khỏi Đảng (bị xoá tên hoặc khai trừ), nay có nguyện vọng xin vào Đảng và có đủ điều kiện (điều 1) để Đảng xem xét kết nạp lại, *thì thủ tục kết nạp vẫn phải bảo đảm thực hiện đầy đủ như những người mới vào Đảng lần đầu.*

b. *Đối với một số trường hợp đặc biệt: những người hoạt động trong lĩnh vực tôn giáo hoặc tư sản dân tộc khi có đủ điều kiện và xét thấy cần thì việc kết nạp "do Thường vụ Bộ Chính trị quy định".*

4. Phát thẻ đảng viên (điều 6)

Đảng ta đã tiến hành việc phát thẻ đảng viên nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm và tính tổ chức kỷ luật cho đội ngũ đảng viên, đồng thời tăng cường công tác quản lý đội ngũ đảng viên của các tổ chức đảng.

Qua 15 năm tiến hành phát thẻ đảng viên, mặc dù nhận thấy có một số vấn đề cần lưu ý như hình thức thẻ chưa phù hợp, việc sử dụng thẻ của nhiều đảng viên chưa đúng với quy định; nhưng đó là một công việc cần thiết, có ý nghĩa quan trọng trong công tác đảng viên, nên trong Đảng vẫn có nhiều ý kiến đề nghị tiếp tục phát thẻ đảng viên.

Dự thảo *Điều lệ* lần này vẫn *nêu quy định về phát thẻ đảng viên.* Nhưng cần *cải tiến hình thức thẻ để tiện cho việc sử dụng.*

II- VỀ NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG **(chương II)**

Trong chương II của *Điều lệ Đảng* nổi lên *sáu vấn đề* cần xem xét bổ sung, sửa đổi như sau:

1. Những nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ (điều 9)

Dự thảo *Điều lệ* lần này trình bày những nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ như *Điều lệ* hiện hành nhưng có bổ sung một điểm mới:

Điểm bổ sung này trong *Điều lệ* hiện hành đã nêu ở điểm 1, điều 11; nay nêu ở điểm 1 điều 9 mới và có sửa đổi lại như sau:

"Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp uỷ)".

Tinh thần cơ bản của nội dung này là: đối với toàn Đảng thì chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất. Các đại hội đại biểu đảng bộ cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương (giữa 2 kỳ đại hội). Các nội dung khác vẫn ghi trong dự thảo *Điều lệ* như quy định ở *Điều lệ* hiện hành.

2. Đại biểu đại hội (điều 11)

Điều lệ hiện hành quy định: "Cấp uỷ triệu tập đại hội không được bác bỏ tư cách đại biểu do đại hội đảng bộ cấp dưới bầu, trừ trường hợp đại biểu bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị truy tố trước pháp luật hoặc bị tạm giam. Nếu bầu không đúng nguyên tắc, thủ tục thì phải bầu lại".

Trong thực tế, có đảng viên được bầu là đại biểu song lại bị khởi tố trước pháp luật mà được triệu tập đến đại hội thì sẽ có ý kiến thắc mắc và rất khó xử lý.

Để khắc phục tình trạng đó, dự thảo *Điều lệ* lần này bổ sung như sau:

"Cấp uỷ triệu tập đại hội không được bác bỏ tư cách đại biểu do đại hội cấp dưới bầu, trừ trường hợp đại biểu đang bị đình chỉ sinh hoạt chi bộ đảng, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ, bị khởi tố, truy tố, tạm giam".

3. Cần có quy định về bầu uỷ viên dự khuyết ở các cấp uỷ hay không?

Điều lệ Đảng hiện hành không quy định việc bầu uỷ viên dự khuyết cấp uỷ các cấp, với các lý do chủ yếu sau:

- *Điều lệ* đã quy định khi cần thiết cấp uỷ cấp trên có quyền chỉ định hoặc chỉ đạo cấp uỷ cấp dưới bầu bổ sung uỷ viên cấp đó.

- Nếu trong cấp uỷ đã có uỷ viên dự khuyết, khi cần bổ sung một số uỷ viên chính thức mà cơ cấu uỷ viên dự khuyết không phù hợp và không đáp ứng yêu cầu phân công thì việc lựa chọn để bầu uỷ viên chính thức gặp khó khăn. Trong thực tế ở một số nơi, cấp uỷ cấp trên phải chỉ định hoặc chỉ đạo bầu bổ sung một số cấp uỷ viên không phải là uỷ viên dự khuyết của cấp uỷ hiện có.

Từ Đại hội VII đến nay, thực tế đã chứng tỏ chủ trương không bầu uỷ viên dự khuyết ở các cấp uỷ là đúng, được đông đảo cán bộ đảng viên trong Đảng đồng tình.

Tuy nhiên vẫn có một số ý kiến đề nghị nên phục hồi lại quy định bầu uỷ viên dự khuyết cấp uỷ các cấp nhằm mở rộng thành phần cấp uỷ; tăng thêm những đảng viên trẻ vào cấp uỷ để tạo nguồn cấp uỷ viên và cán bộ đảng. Thực tế nếu

nhiệm kỳ cấp uỷ các cấp đều 5 năm, thì việc trẻ hoá đội ngũ cấp uỷ viên có khó khăn, nhất là ở cấp huyện và cơ sở.

Sau khi cân nhắc kỹ các phương án, dự thảo *Điều lệ* lần này *vẫn duy trì quy định như Điều lệ hiện hành; không bầu uỷ viên dự khuyết ở các cấp uỷ.*

4. Điều kiện trúng cử cấp uỷ các cấp (điều 12)

Điều lệ hiện hành quy định: "Người trúng cử phải được số phiếu tín nhiệm bằng trên một nửa số đại biểu hoặc thành viên được triệu tập".

Trong thực tế các cuộc bầu cử vừa qua, có một số đại biểu được triệu tập nhưng vì vắng mặt đột xuất có lý do (không có đại biểu dự khuyết để thay hoặc có đại biểu dự khuyết nhưng không thay kịp) hoặc bị bác tư cách đại biểu. Nếu tính kết quả bầu cử với cả những đồng chí đó thì không hợp lý. Mặt khác về điều kiện trúng cử vẫn còn thiếu một số quy định để xử lý những tình huống có thể xảy ra.

Vì vậy dự thảo *Điều lệ* lần này sửa lại và bổ sung như sau:

"Người trúng cử phải được số phiếu bầu quá nửa so với tổng số đại biểu được đại hội công nhận đủ tư cách.

Trường hợp số người có số phiếu quá bán nhiều hơn số lương cần bầu thì lấy số người có số phiếu cao hơn; nếu ở cuối danh sách trúng cử có nhiều người ngang phiếu nhau và nhiều hơn số lương cần bầu thì bầu lai số người ngang phiếu đó để lấy người có số phiếu cao hơn, không cần phải quá bán".

5. Việc chuẩn y cấp uỷ và xác định thời điểm điều hành công việc của cấp uỷ sau khi được bầu (điều 13)

Điều lệ hiện hành quy định: "Nhiệm kỳ của ban chấp

hành đảng bộ các cấp là thời gian giữa hai kỳ của đại hội từng cấp. Ban chấp hành và bí thư ban chấp hành cấp dưới phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y".

Quy định như vậy chưa rõ trách nhiệm bàn giao công việc giữa cấp uỷ khoá trước và cấp uỷ khóa mới, chưa rõ việc điều hành công việc của cấp uỷ khóa mới bắt đầu từ thời điểm nào, gây khó khăn lúng túng trong việc xử lý công việc của cấp uỷ khoá mới.

Để khắc phục tình hình đó, cần bổ sung quy định tại điểm 1, điều 13 như sau:

"Cấp uỷ khoá mới nhân sư bàn giao từ cấp uỷ khoá trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu và được chính thức khi có quyết đinh chuẩn y của cấp uỷ cấp trên trưc tiếp".

Quy định như vậy, vì:

- Trong quá trình chuẩn bị đại hội, cấp uỷ cấp trên đã chỉ đạo công tác chuẩn bị nội dung đại hội và nhân sự cấp uỷ cấp dưới.

- Khi tiến hành bầu cử, đại hội làm đúng nguyên tắc, thủ tục do *Điều lệ Đảng* quy định thì kết quả bầu cử cấp uỷ khoá mới hoàn toàn có giá trị thực tế.

Trường hợp cá biệt sau đại hội nếu phát hiện thấy có sự vi phạm về nguyên tắc, thủ tục bầu cử thì cấp uỷ cấp trên có quyền bác bỏ kết quả bầu cử cấp uỷ cấp dưới; hoặc nếu thấy cá nhân một số thành viên trong cấp uỷ cấp dưới đã được bầu nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn quy định thì cấp uỷ cấp trên có quyền không công nhận tư cách của những cấp uỷ viên đó.

6. Việc bổ sung, chỉ định, điều động cấp uỷ viên (điểm 2, điều 13)

Qua thực tế thấy một số vấn đề chưa có quy định trong *Điều lệ* hiện hành hoặc đã có quy định nhưng chưa thật cụ thể như sau:

- Chưa phân định rõ mức độ cụ thể trong các trường hợp: cấp uỷ cấp dưới đề nghị cấp uỷ cấp trên quyết định bổ sung cấp uỷ viên thiếu; cấp uỷ cấp trên có quyền chỉ định tăng thêm hoặc điều động cấp uỷ viên cấp dưới.

- Nếu sửa quy định không mở hội nghị đại biểu các đảng bộ giữa nhiệm kỳ nữa thì không cần có quy định việc bầu bổ sung số thiếu và bầu tăng thêm cấp uỷ viên trong hội nghị đại biểu.

- Chưa có quy định về những trường hợp cấp uỷ viên xin rút.

- Chưa có quy định để xử lý trường hợp vì lý do đặc biệt cấp uỷ lâm thời đã quá thời hạn 1 năm, vẫn chưa thể tiến hành đại hội để bầu cử cấp uỷ khoá mới.

Vì vậy, dự thảo *Điều lệ* lần này bổ sung, sửa đổi một số quy định sau:

"Việc bổ sung cấp uỷ viên thiếu do cấp uỷ đề nghị, cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định; số lượng cấp uỷ viên sau khi bổ sung không vượt quá tổng số cấp uỷ viên do đại hội đã bầu". "Khi thật cần thiết, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định tăng thêm một số cấp uỷ viên cấp dưới".

"Khi thật cần thiết cấp uỷ cấp trên có quyền điều động một số cấp uỷ viên cấp dưới, nhưng không quá một phần ba tổng số cấp uỷ viên do đại hội đã bầu".

"Cấp uỷ viên xin rút khỏi cấp uỷ do cấp uỷ xem xét đề

nghị lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định; đối với Uỷ viên Trung ương, do Ban Chấp hành Trung ương quyết định".

"Đối với tổ chức đảng mới thành lập, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định cấp uỷ lâm thời; chậm nhất trong vòng một năm, kể từ ngày có quyết định chỉ định, tổ chức đảng đó phải đại hội; nếu kéo dài thêm phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý".

"Đối với tổ chức đảng không thể mở đại hội được, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định cấp uỷ của tổ chức đảng đó".

III- VỀ CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG **(chương III, IV)**

Có ba vấn đề cần bổ sung, sửa đổi như sau:

1. Đại hội đại biểu bất thường và Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng (điều 15, chương III mới và điều 15 chương II cũ)

a. *Về đại hội đại biểu bất thường:*

Điều lệ Đảng hiện hành quy định tại điều 11 chương II về đại hội đại biểu bất thường như sau: "Khi ban chấp hành đảng bộ xét thấy cần, hoặc khi có trên một nửa số cấp uỷ trực thuộc yêu cầu và được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội bất thường".

Trong những năm vừa qua, trên thực tế chưa có đảng bộ nào tiến hành đại hội đại biểu bất thường, vì khi cần thiết phải xem xét quyết định các vấn đề lớn về phương hướng nhiệm vụ ở từng đảng bộ, thì cấp uỷ tổ chức hội nghị cấp uỷ mở rộng, hoặc hội nghị cán bộ của Đảng (ở cấp cơ sở là hội nghị toàn thể đảng viên) để thảo luận, quyết định và đề nghị

cấp uỷ cấp trên xem xét, quyết định; không cần phải triệu tập đại hội bất thường.

Vì vậy, dự thảo *Điều lệ* lần này *không nêu quy định về đại hội đại biểu bất thường ở các cấp.*

Nhưng ở *cấp Trung ương lại cần có quy định về Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường, vì:*

Cấp Trung ương có vai trò, vị trí khác hơn cấp dưới. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương. Khi chưa hết nhiệm kỳ mà Ban Chấp hành Trung ương xét thấy thật cần thiết hoặc có quá nửa cấp uỷ trực thuộc yêu cầu thì phải tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường. Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường cũng là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, có quyền quyết định những chủ trương, chính sách lớn của đất nước, bảo đảm cho sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng. Cần phát huy vai trò của đại biểu Đại hội Đảng bằng quy định: Đại biểu đã dự Đại hội toàn quốc đầu nhiệm kỳ được dự Đại hội toàn quốc bất thường, nếu được triệu tập, và bản thân còn đủ tư cách; không chỉ như từ trước tới nay, khi kết thúc đại hội thì đại biểu hết nhiệm vụ.

Với cách đặt vấn đề như trên, dự thảo *Điều lệ* lần này nêu quy định mới trong điều 15, chương III như sau:

"Khi Ban Chấp hành Trung ương xét thấy cần hoặc khi có hơn một nửa số cấp uỷ trực thuộc yêu cầu thì Ban Chấp hành Trung ương triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường. Đại biểu dự Đại hội bất thường là những đại biểu đã dự Đại hội đại biểu toàn quốc đầu nhiệm kỳ còn đủ tư cách".

b. *Về hội nghị đại biểu của Đảng giữa nhiệm kỳ:*

Điều lệ hiện hành của Đảng quy định tại điều 15,

chương II: "Giữa hai kỳ đại hội đại biểu, ban chấp hành đảng bộ các cấp triệu tập hội nghị đại biểu (trừ đảng bộ cơ sở)". Thực tế hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ vừa qua đạt kết quả tốt, nhất là ở cấp toàn quốc, nhưng mất nhiều thì giờ và tốn kém.

Vì vậy, dự thảo *Điều lệ* lần này *không quy định về hội nghị đại biểu đảng bộ các cấp giữa nhiệm kỳ.*

2. Nhiệm vụ của Ban Chấp hành Trung ương (điều 16) **và nhiệm vụ của các cấp uỷ địa phương** (điều 19)

Điều 18 (*Điều lệ* hiện hành) quy định nhiệm vụ của Ban Chấp hành Trung ương có một số điểm quá cụ thể như: quan hệ với các đảng và các tổ chức trên thế giới; thực hiện chính sách cán bộ; lập các ban, đảng đoàn, ban cán sự và chỉ đạo các cơ quan đó hoạt động; quy định các nguyên tắc thu nộp đảng phí và giám sát tài chính đảng... Trong thực tế các nhiệm vụ cụ thể đó thường được giao cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư giải quyết.

Vì vậy, cần sửa điều 18 cũ (nay là điều 16 mới), về nhiệm vụ của Ban Chấp hành Trung ương như sau:

"Ban Chấp hành Trung ương là cơ quan lãnh đạo của Đảng giữa hai kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc; tổ chức chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh chính trị, các nghị quyết của đại hội, quyết định những chủ trương, chính sách về đối nội, đối ngoại, công tác quần chúng và công tác xây dựng Đảng; chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng nhiệm kỳ tiếp theo"...

Cùng với cách đặt vấn đề trên, cần sửa điều 22 cũ (nay là điều 19 mới), nêu tập trung hơn đối với nhiệm vụ của các cấp uỷ địa phương (tỉnh, thành; huyện, quận) trong thời gian

giữa hai kỳ đại hội đại biểu đảng bộ là: *"lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu; nghị quyết chỉ thị của cấp trên"*, bớt các nhiệm vụ quá cụ thể, thuộc trách nhiệm của ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp (sẽ được quy định trong quy chế làm việc của các cấp uỷ).

3. Tổ chức các cơ quan lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương: Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị (điều 17)

Vấn đề tổ chức các cơ quan lãnh đạo của Trung ương như thế nào cho có hiệu quả, đã được nêu ra thảo luận trong các kỳ đại hội của Đảng trước đây với nhiều phương án khác nhau.

Thời gian vừa qua, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã thảo luận nhiều lần về tổ chức và lề lối làm việc của Bộ Chính trị và Ban Bí thư, rút kinh nghiệm qua thực tiễn công tác của các cơ quan này từ đầu nhiệm kỳ đến nay thấy có một số vấn đề cần xem xét để cải tiến như:

- Bộ Chính trị hiện nay là 17 đồng chí, Ban Bí thư có 11 đồng chí thì 8 đồng chí trong Bộ Chính trị, chỉ có 3 đồng chí ngoài Bộ Chính trị. Do cơ cấu Bộ Chính trị, Ban Bí thư như vậy và theo quy chế làm việc có nhiều vấn đề phải qua hai, ba phiên họp (họp thường trực, họp Ban Bí thư rồi họp Bộ Chính trị) nên các đồng chí là thành viên trong Bộ Chính trị đồng thời là thành viên trong Ban Bí thư, nhất là đồng chí Tổng Bí thư và đồng chí Bí thư thường trực phải tham gia rất nhiều phiên họp, giải quyết công việc qua nhiều tầng nấc, mất nhiều thời gian.

Bộ Chính trị khoá này đã đề nghị và được Ban Chấp

hành Trung ương đồng ý, phân công bốn đồng chí làm nhiệm vụ Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư, để thay mặt Bộ Chính trị giải quyết các công việc của Đảng và Nhà nước.

Từ tình hình thực tế đó, dự thảo *Điều lệ* lần này quy định việc *lập Thường vụ Bộ Chính trị, không lập Ban Bí thư* như hiện nay, để khắc phục những nhược điểm về tổ chức và lề lối làm việc nêu trên.

Nếu thực hiện phương án này thì cần tăng thêm số lượng các đồng chí trong Bộ Chính trị so với số lượng hiện nay, để Bộ Chính trị có thể bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời có điều kiện phân công một số đồng chí trong Thường vụ Bộ Chính trị đảm trách các công việc của Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư và Ban Bí thư hiện nay.

Để có thể phát huy đầy đủ vai trò lãnh đạo của Bộ Chính trị, giảm bớt những phần việc quá cụ thể mà Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị phải giải quyết, cần tăng cường trách nhiệm và quyền hạn của các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị phụ trách từng lĩnh vực công tác (kinh tế, xã hội, tư tưởng - văn hoá, nội chính, dân vận, đối ngoại, xây dựng Đảng...); đồng thời cần nghiên cứu bổ sung quy định mới về phân công quản lý đội ngũ cán bộ trong Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị.

Dự thảo *Điều lệ* lần này nêu quy định trong điều 17 về tổ chức, nhiệm vụ của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị như sau:

1. *"Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị, bầu Tổng Bí thư, bầu Thường vu Bô Chính tri trong số Uỷ viên Bộ Chính trị, bầu Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, bầu Chủ nhiêm Uỷ ban Kiểm tra Trung ương trong số Uỷ viên Uỷ ban Kiểm*

tra Trung ương. Số lượng Uỷ viên Bộ Chính trị, Thường vu Bộ Chính tri và Uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định".

2. *"Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương; quyết định những vấn đề về chủ trương, chính sách, tổ chức cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương; báo cáo công việc đã làm trước hội nghị thường kỳ của Ban Chấp hành Trung ương hoặc theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương".*

3. *"Thường vu Bộ Chính tri thay mặt Bộ Chính tri lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện các nghi quyết của Đảng; chuẩn bi các vấn đề trình Bộ Chính tri xem xét quyết đinh; chỉ đạo thực hiện các chủ trương về kinh tế, xã hội quốc phòng, an ninh, đối ngoai; công tác đảng, công tác cán bộ, công tác quần chúng; giải quyết công việc hằng ngày của Đảng".*

IV- VỀ TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG **(chương V)**

Có *ba vấn đề* đã được xem xét để bổ sung, sửa đổi sau đây:

1. Hình thức tổ chức của các tổ chức cơ sở đảng (điều 21)

Trong quá trình phát triển, các tổ chức cơ sở đảng dần dần được tổ chức tương đối đều khắp ở các loại hình cơ sở trong cả nước. Những năm gần đây, để có sự phù hợp với cơ chế quản lý mới, việc tổ chức lại các chi bộ, tổ đảng ở các xã, phường theo địa bàn dân cư là chủ yếu, đồng thời theo các tổ

chức sự nghiệp, ngành nghề... ở một số nơi đã bước đầu chú ý lập các chi bộ đảng trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài. Tuy nhiên hình thức tổ chức của Đảng ở cơ sở còn rất khác nhau: có nơi là chi bộ cơ sở, có nơi là đảng bộ cơ sở với nhiều chi bộ trực thuộc; có nơi lập đảng uỷ bộ phận. Trong các doanh nghiệp tư nhân và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mới có rất ít tổ chức cơ sở đảng; số lượng đảng viên phân bố trong các loại hình tổ chức cơ sở đảng cũng rất khác nhau.

Để đáp ứng yêu cầu mới, dự thảo *Điều lệ* lần này quy định cụ thể hơn đối với các hình thức tổ chức của Đảng ở cơ sở, bổ sung thêm một số ý mới như sau:

"Ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, hợp tác xã, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị cơ sở trong quân đội, công an và các đơn vị cơ sở khác có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ sở đảng; nếu chưa đủ ba đảng viên chính thức thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở tổ chức cơ sở đảng thích hợp".

"Tổ chức cơ sở đảng dưới ba mươi đảng viên lập chi bộ cơ sở, có các tổ đảng trực thuộc".

"Tổ chức cơ sở đảng có từ ba mươi đảng viên trở lên, lập đảng bộ cơ sở, có các chi bộ trực thuộc đảng uỷ".

"Những trường hợp sau đây, cấp uỷ cấp dưới phải báo cáo và được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý mới được thực hiện:

- Lập đảng bộ cơ sở trong đơn vị cơ sở chưa đủ ba mươi đảng viên.

- Lập chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở có hơn ba mươi đảng viên.

- Lập đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng uỷ cơ sở".

2. Nhiệm vụ của Đại hội, nhiệm kỳ của cấp uỷ cơ sở và chi bộ (điều 22, điều 24)

Theo quy định hiện hành: nhiệm kỳ của cấp cơ sở là 5 năm hai lần. Quy định đó phù hợp với đặc điểm hoạt động của cấp cơ sở nhưng lại không khớp với nhiệm kỳ của hội đồng nhân dân cấp xã, phường đã được luật pháp quy định là 5 năm.

Để có sự thống nhất với nhiệm kỳ hội đồng nhân dân cấp cơ sở, tạo thuận lợi cho công tác cán bộ chủ chốt cấp cơ sở; nhất là đối với các cấp uỷ viên tham gia hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân, dự thảo *Điều lệ* lần này nêu quy định mới:

"Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng do cấp uỷ cơ sở triệu tập 5 năm một lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng thời gian sớm hoặc muộn không được quá một năm".

"Đại hội chi bộ do chi uỷ triệu tập mỗi năm một lần. Khi được đảng uỷ cơ sở đồng ý có thể được triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá ba tháng" (điều 24).

Cũng có ý kiến khác đề nghị: nhiệm kỳ đại hội đảng bộ, chi bộ cấp xã, phường là 5 năm một lần (cho khớp với nhiệm kỳ hội đồng nhân dân cấp xã phường), còn nhiệm kỳ đại hội ở các cơ sở khác (doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, cơ quan, đơn vị quân đội và công an...) do không lệ thuộc vào việc bầu cử hội đồng nhân dân thì 5 năm hai lần như hiện nay là phù hợp hơn.

3. Nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng (điều 23)

Để đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, cần bổ sung một số điểm trong điều 23 về nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng:

- Đặt nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng về "chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước" gắn với việc "đề ra chủ trương, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả" các chủ trương, nhiệm vụ đó thành nhiệm vụ hàng đầu của tổ chức cơ sở đảng.

- Đặt nhiệm vụ xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, đặc biệt là việc xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh... là một nhiệm vụ có ý nghĩa rất quan trọng đối với tổ chức cơ sở đảng (trước đây là nhiệm vụ thứ ba, nay nâng lên hàng thứ hai).

- Tách nhiệm vụ thứ hai trong *Điều lệ* hiện hành (liên hệ với quần chúng, xây dựng chính quyền, đoàn thể...) thành hai nhiệm vụ: thứ ba và thứ tư, để nêu bật yêu cầu xây dựng và phát huy vai trò của chính quyền, các tổ chức kinh tế, hành chính, sự nghiệp, quốc phòng, an ninh, các đoàn thể ở cơ sở và công tác quần chúng của tổ chức đảng, là những vấn đề có ý nghĩa rất lớn trong điều kiện Đảng cầm quyền.

- Quy định rõ công tác kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng (*Điều lệ* hiện hành đặt trong nhiệm vụ thứ nhất).

Từ cách đặt vấn đề trên, dự thảo *Điều lệ* lần này *nêu 5 nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng như sau:*

1. *"Chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả".*

2. *"Xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường*

đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên giáo dục rèn luyện và quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tính chiến đấu, trình độ kiến thức, năng lực công tác; làm công tác phát triển đảng viên mới".

3. *"Lãnh đạo xây dựng chính quyền, tổ chức kinh tế, hành chính sư nghiệp, quốc phòng, an ninh và các đoàn thể chính tri - xã hội trong sạch, vững mạnh; chấp hành đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân".*

4. *"Liên hệ mật thiết với quần chúng, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của quần chúng; lãnh đạo quần chúng tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước".*

5. *"Kiểm tra việc thực hiện, bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh; kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng".*

V- VỀ TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM **(chương VI)**

Điều lệ Đảng hiện hành đã đặt riêng một chương quy định về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam, ghi rõ nguyên tắc Đảng lãnh đạo đối với Quân đội và Công an nhân dân; nguyên tắc về tổ chức, hoạt động của tổ chức đảng trong quân đội và công an.

Thực tiễn quá trình cách mạng ở nước ta từ trước đến nay đã chứng tỏ quan điểm đúng đắn của Đảng ta về bảo đảm sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng đối với các lực lượng vũ trang, phát huy vai trò của Quân đội nhân dân và Công an

nhân dân trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Vì vậy, dự thảo *Điều lệ* lần này vẫn giữ *các nội dung đã nêu trong Điều lệ hiện hành, có sửa chữa một số điểm, kết cấu lại 4 điều cũ* (28, 29, 30, 31) thành 5 điều mới (25, 26, 27, 28, 29), với những điểm bổ sung chủ yếu là:

1. *Bổ sung một số điểm trong điều 25:* "Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam hoạt động theo *Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng,* nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước" (điểm này trước ở điều 29 cũ, nay đưa lên điều 25 mới).

2. *Điều 26, 27:* trình bày riêng về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân. Cơ bản giữ những điều quy định trong *Điều lệ* hiện hành về tổ chức, nhiệm vụ của Đảng uỷ Quân sự Trung ương, các đảng uỷ và tổ chức đảng ở các cấp. Sửa cụm từ "Đảng uỷ Quân sự Trung ương" thành *"Quân uỷ Trung ương". Bổ sung* thêm quy định về đảng uỷ quân khu, tổ chức đảng Bộ đội Biên phòng, tổ chức đảng quân sự tỉnh, thành, huyện, quận (điều 27).

3. *Điều 28, 29:* trình bày riêng về tổ chức đảng trong Công an nhân dân: Quy định về tổ chức và nhiệm vụ của Đảng uỷ Công an Trung ương, các đảng uỷ và tổ chức đảng ở các cấp dưới (các vấn đề này trong *Điều lệ* hiện hành giao cho Ban Chấp hành Trung ương quy định, nay quy định cụ thể trong *Điều lệ*).

Cũng *có ý kiến khác đề nghị:* Do quân đội và công an có đặc điểm khác nhau, nên giữ lại các điều quy định về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam như *Điều lệ* hiện hành thì hợp lý hơn.

VI- VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA ĐẢNG, UỶ BAN KIỂM TRA CÁC CẤP VÀ VIỆC THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG
(chương VII và VIII)

Công tác kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng, là một bộ phận quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Đó là nhiệm vụ của toàn Đảng, của tất cả các tổ chức đảng và đảng viên, không chỉ là nhiệm vụ của uỷ ban kiểm tra các cấp.

Thực tế những năm qua cho thấy các cấp uỷ chưa đặt đúng mức việc kiểm tra chấp hành *Cương lĩnh chính trị,* đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chủ yếu mới tập trung kiểm tra việc thi hành *Điều lệ Đảng,* các quy chế, các vụ vi phạm kỷ luật của đảng viên...

Dự thảo *Điều lệ* lần này đã bổ sung, sửa đổi *8 vấn đề chủ yếu* sau đây:

1. Công tác kiểm tra của Đảng

Bổ sung một điều mới (điều 30) quy định về công tác kiểm tra của Đảng:

"Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra và chịu sự kiểm tra của Đảng".

"Các cấp uỷ đảng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đó và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng".

2. Uỷ ban kiểm tra (viết tắt UBKT) của Đảng ở các cấp (điều 31): Cần bổ sung, sửa đổi các quy định để tăng

cường vai trò, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của uỷ ban kiểm tra.

a. *Về chế độ làm việc:* "Uỷ ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ cùng cấp và *sự chỉ đạo, kiểm tra của uỷ ban kiểm tra cấp trên".*

b. *Về nhiệm vụ của uỷ ban kiểm tra các cấp* (điều 32), có bổ sung, sửa đổi cho toàn diện hơn như sau:

+ Cùng với các ban và tổ chức đảng có liên quan giúp cấp uỷ kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng;

+ Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp uỷ viên cùng cấp thực hiện nhiệm vụ đảng viên; kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng;

+ Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp uỷ thi hành kỷ luật;

+ Giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng;

+ Kiểm tra tài chính của cấp uỷ cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp.

3. Hình thức kỷ luật trong Đảng (điều 34)

Điều lệ hiện hành quy định bốn hình thức kỷ luật đối với đảng viên: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ; và ba hình thức kỷ luật đối với tổ chức đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

Rút kinh nghiệm qua thực hiện các hình thức kỷ luật đảng viên, có ý kiến cho rằng chưa có sự phù hợp giữa đảng viên có chức vụ với đảng viên không có chức vụ (đảng viên có

chức vụ khi vi phạm kỷ luật ở trên mức cảnh cáo, chưa đến mức phải khai trừ thì áp dụng hình thức cách chức; đảng viên không có chức vụ khi vi phạm kỷ luật trên mức cảnh cáo nhưng chưa đến mức khai trừ thì không có mức phù hợp để xử lý).

Từ đó có ý kiến đề nghị cần bổ sung thêm hình thức *cảnh cáo nặng hoặc cảnh cáo nghiêm khắc,* áp dụng cho những trường hợp đảng viên không có chức vụ khi vi phạm kỷ luật ở trên mức cảnh cáo, dưới mức khai trừ.

Dự thảo *Điều lệ* lần này *giữ quy định về các hình thức kỷ luật đảng viên như hiện nay,* không bổ sung thêm hình thức kỷ luật vì rất khó phân biệt hình thức cảnh cáo với cảnh cáo nặng hoặc cảnh cáo nghiêm khắc. Vấn đề là khi cấp uỷ xem xét kết luận đảng viên vi phạm phải thật sự khách quan, có căn cứ chính xác để xử lý kỷ luật đúng mức đối với từng trường hợp cụ thể.

4. Thẩm quyền kỷ luật đảng viên và tổ chức đảng vi phạm (điều 35 và 36)

Điều lệ hiện hành ghi thẩm quyền kỷ luật đảng viên và tổ chức đảng vi phạm ở điều 36. Dự thảo *Điều lệ* lần này tách ra thành hai điều: điều 35 là thẩm quyền kỷ luật đảng viên, điều 36 là thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng.

Nội dung cần bổ sung, sửa đổi như sau:

- Quy định thẩm quyền ở tất cả các cấp từ chi bộ đến Ban Chấp hành Trung ương; trong các cấp uỷ thì phân định rõ thẩm quyền của cấp uỷ và ban thường vụ, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị (*Điều lệ*

hiện hành chỉ ghi thẩm quyền của cấp uỷ, không ghi thẩm quyền của ban thường vụ cấp uỷ, Bộ Chính trị, Ban Bí thư); thống nhất quy định thẩm quyền kỷ luật đảng viên và tổ chức đảng vi phạm ở các cấp với quy định và phân công, phân cấp quản lý cán bộ.

- Tăng thêm thẩm quyền cho uỷ ban kiểm tra các cấp: uỷ ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tưởng đương trở lên ngoài thẩm quyền được "quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, trừ các uỷ viên cùng cấp; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý" như trước đây, nay thêm thẩm quyền *"quyết định khiển trách, cảnh cáo đối với đảng viên vi phạm là cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp"*.

5. Cách chức đảng viên giữ nhiều chức vụ (điều 35)

Qua thực tế, vấn đề xử lý kỷ luật đảng viên giữ nhiều chức vụ thường xảy ra và đã có những ý kiến khác nhau trong mức độ xử lý: cách một chức hay cách nhiều chức vụ của đảng viên?

Dự thảo *Điều lệ* lần này ghi: *"Đảng viên giữ nhiều chức vụ bi kỷ luật cách chức thì tuỳ mức độ, tính chất vi phạm mà cách một hay nhiều chức vụ".*

6. Khi một tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật thì các thành viên trong tổ chức ấy phải xử lý kỷ luật thế nào? (điều 36)

Trong thực tế đã diễn ra hai mức xử lý kỷ luật các thành viên trong một tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật:

- Những thành viên có liên quan bị xử lý kỷ luật tương ứng, những thành viên không liên quan không bị xử lý.

- Những người có trách nhiệm chính, chịu hình thức kỷ luật cao hơn.

Từ thực tế đó, *cần thống nhất quan điểm chỉ đạo* xử lý kỷ luật là: Khi tổ chức đảng bị kỷ luật, tuỳ theo trách nhiệm và mức độ vi phạm của mỗi thành viên có liên quan mà xem xét kỷ luật từng thành viên cho phù hợp, ai không liên quan thì không bị xử lý, những người chịu trách nhiệm chính thì phải chịu hình thức kỷ luật cao hơn.

Dự thảo Điều lệ lần này không ghi quy định này.

7. Xử lý kỷ luật đối với đảng viên vi phạm luật pháp: Cấp uỷ xử lý trước hay sau phiên toà? (điều 39)

Về vấn đề này có nhiều ý kiến khác nhau:

- Có ý kiến cho rằng đảng viên vi phạm luật pháp cần để toà án xử lý trước, tổ chức đảng căn cứ vào mức án cụ thể để xem xét xử lý kỷ luật về đảng sau thì thuận lợi hơn.

- Có ý kiến nhấn mạnh vai trò và trách nhiệm lãnh đạo của Đảng đối với các trường hợp đảng viên vi phạm luật pháp, cấp uỷ phải chủ động xem xét xử lý, không chờ đợi và phụ thuộc vào việc xử lý của toà án.

Đây là vấn đề mới nảy sinh, phải tuỳ theo từng trường hợp cụ thể mà có cách xử lý khác nhau, *không ghi vào Điều lệ Đảng.*

8. Đảng viên bị hình phạt cải tạo không giam giữ trở lên, phải khai trừ ra khỏi Đảng, khi hết thời gian thi hành án, nếu đủ điều kiện được kết nạp lại thì tính tuổi đảng như thế nào và điều kiện được kết nạp lại?

Trong những năm vừa qua, đã có nhiều trường hợp đảng

viên vi phạm luật pháp với tính chất và mức độ khác nhau, đã bị khai trừ ra khỏi Đảng. Có những đảng viên do vi phạm về tiêu chuẩn chính trị và luật pháp nghiêm trọng thì không thể được kết nạp lại. Một số trường hợp sau khi thi hành xong bản án, nếu có đủ điều kiện có thể được xem xét để kết nạp lại. Tuy nhiên, do vấn đề quá phức tạp, quan điểm xử lý thiếu thống nhất nên việc xử lý cụ thể các trường hợp trên chưa được đúng mức, kịp thời, có trường hợp thắc mắc kéo dài.

Quan điểm chỉ đạo về vấn đề này là:

Đảng viên bị hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên, phải khai trừ ta khỏi Đảng, sau khi thi hành xong bản án, nếu đủ điều kiện được kết nạp lại thì tuỳ theo tính chất và mức độ sai phạm cụ thể mà quyết định việc phục hồi đảng tịch, cất bớt tuổi đảng hay chỉ được tính tuổi đảng kể từ ngày được kết nạp lại, theo quy định của Thường vụ Bộ Chính trị.

Không ghi quy định này vào Điều lệ.

Về thủ tục kết nạp lại thì phải theo đúng quy định ở điều 4 và phải có thời hạn, *ít nhất sau một năm* tương ứng với quy định thời gian thử thách qua công tác của người vào Đảng; và tương ứng với quy định thời gian đảng viên là cán bộ lãnh đạo "bị kỷ luật cách chức, trong vòng một năm, kể từ ngày có quyết định, không được bầu vào cấp uỷ, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn" (điều 39).

VII- VỀ ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÀ NƯỚC, CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÀ ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH **(chương IX, X)**

Có *ba điểm* cần bổ sung, sửa đổi là:

1. *Sửa lại tên hai chương IX, X để thể hiện rõ mối quan*

hệ: "Đảng *lãnh đạo* Nhà nước, các đoàn thể *chính trị - xã hội"* và "Đảng *lãnh đạo* Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh".

(*Điều lệ* hiện hành nêu "Đảng đối với tổ chức nhà nước và các đoàn thể nhân dân", "Đảng đối với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh").

2. Bổ sung thêm một điều mới về lập ban cán sự đảng ở các cơ quan hành pháp, tư pháp; quy định nhiệm vụ của các tổ chức đảng và đảng viên trong các tổ chức đó (điều 42)

Điều lệ trước đây không có quy định về điều này, nay thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII) đã lập lại ban cán sự đảng ở cơ quan hành pháp, tư pháp các cấp, nên cần có quy định mới về nhiệm vụ của các ban cán sự đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan đó.

3. Bổ sung quy định về nội dung lãnh đạo của Đảng đối với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, như sau:

"Cấp uỷ đảng lãnh đạo trực tiếp tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng cấp về phương hướng, nhiệm vu, tư tưởng và tổ chức cán bộ" (điều 43).

VIII- VỀ TÀI CHÍNH CỦA ĐẢNG VÀ CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG **(chương XI, XII)**

Bổ sung một số điểm về **nguồn tài chính của Đảng:**

Điều lệ hiện hành quy định nguồn tài chính của Đảng từ

"đảng phí do đảng viên đóng, từ các xí nghiệp sản xuất, kinh doanh của Đảng và các khoản thu khác".

Dự thảo *Điều lệ* lần này quy định: "Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, thu từ các *doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp* của Đảng và *ngân sách nhà nước cấp".*

Điểm bổ sung quy định đó nhằm phản ánh rõ hơn tình hình thực tế và yêu cầu đối với việc xây dựng nguồn tài chính của Đảng là phải dựa vào tất cả các nguồn thu của các tổ chức đảng và đảng phí do đảng viên đóng, nhất là từ nguồn ngân sách do Nhà nước cấp, phù hợp với điều kiện và yêu cầu của Đảng ta là một đảng cầm quyền đã được *Hiến pháp* nước ta ghi nhận.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VII

Số 09-NQ/HNTW, ngày 14 tháng 11 năm 1995

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII họp từ ngày 6 đến ngày 14-11-1995, sau khi nghiên cứu, thảo luận các dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương chuẩn bị trình Đại hội VIII của Đảng.

QUYẾT NGHỊ

Uỷ nhiệm Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng căn cứ vào kết quả biểu quyết của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề thuộc nội dung các dự thảo văn kiện chuẩn bị trình Đại hội VIII và những ý kiến phát biểu tại Hội nghị Trung ương lần này để chỉnh lý dự thảo các văn kiện:

- Báo cáo chính trị;

- Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000;

- Báo cáo về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và Điều lệ Đảng sửa đổi.

Sau đó đưa ra lấy ý kiến rộng rãi tại đại hội đảng bộ các cấp, trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nhằm có thêm cơ sở hoàn chỉnh tốt các báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội VIII của Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ VII

Ngày 14 tháng 11 năm 1995

Thưa các đồng chí Cố vấn,

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa các đồng chí,

Sau tám ngày làm việc khẩn trương và nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khoá VII đã hoàn thành nhiệm vụ. Các đồng chí dự hội nghị đã nhất trí về cơ bản nội dung các dự thảo văn kiện của Trung ương trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng; đồng thời phát biểu nhiều ý kiến làm phong phú thêm nội dung các văn kiện đó. Được sự uỷ nhiệm của Trung ương, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo việc bổ sung, chỉnh lý các văn kiện trên cơ sở kết quả biểu quyết của Trung ương để đưa ra thảo luận đóng góp ý kiến trong toàn Đảng thông qua đại hội đảng bộ các cấp và lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân.

Đại hội VIII của Đảng có ý nghĩa lịch sử đánh dấu bước ngoặt chuyển đất nước ta sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp

hoá, hiện đại hoá, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Vì vậy, chuẩn bị tốt cho Đại hội VIII là việc rất quan trọng.

Trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta được hun đúc từ bốn ngàn năm lịch sử và tiếp thụ tinh hoa của nhân loại, chúng ta phải tiếp tục khơi dậy tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực, tự cường, năng lực sáng tạo và trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của nhiệm kỳ VII và tích cực đóng góp vào thành công của Đại hội VIII, tạo nên sự nhất trí cao về chính trị và tinh thần của toàn xã hội, ra sức phấn đấu đưa nước ta quá độ vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Thưa các đồng chí,

Từ nay đến Đại hội VIII, thời gian còn rất ngắn mà chúng ta lại có rất nhiều việc phải làm. Vì vậy, phải tiến hành rất khẩn trương. Ngay sau Hội nghị Trung ương, các đồng chí cần tập trung chỉ đạo tổ chức đại hội đảng bộ các cấp theo đúng chỉ thị hướng dẫn của Ban Bí thư; vận dụng tinh thần và nội dung Hội nghị Trung ương lần này vào việc chuẩn bị báo cáo chính trị của các cấp uỷ trình ra đại hội đảng bộ cấp mình; đồng thời tổ chức tốt việc thảo luận, đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện của Trung ương trình Đại hội VIII.

Cùng với cuộc thảo luận trong Đảng, phải thông qua Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các tổ chức xã hội để thu thập ý kiến rộng rãi của các tầng lớp nhân dân đóng góp vào các dự

thảo văn kiện, làm cho việc chuẩn bị Đại hội VIII không chỉ là việc của Đảng mà còn là mối quan tâm thiết thân của mọi người, để Đại hội VIII trở thành ngày hội của toàn Đảng, toàn dân.

Quá trình chuẩn bị tiến hành đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội toàn quốc của Đảng phải gắn liền với hoạt động thực tiễn. Trước mắt, phải dấy lên phong trào hành động cách mạng của nhân dân để hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ năm 1995; chuẩn bị tốt mọi mặt để thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1996, mở đầu cho nhiệm vụ 5 năm 1996-2000. Trong đó, phải phấn đấu tiếp tục giữ vững nhịp độ tăng trưởng kinh tế, quan tâm thích đáng đến năng suất, chất lượng và hiệu quả; tăng cường kiểm kê, kiểm soát, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, phải có chương trình, kế hoạch, biện pháp xoá đói, giảm nghèo, quan tâm đến công bằng xã hội, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khoẻ của dân, làm tốt việc đền ơn đáp nghĩa và các chính sách xã hội khác; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, chống lại có hiệu quả sự xâm nhập của văn hoá phẩm đồi trụy, độc hại, lai căng; chăm lo củng cố quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Các ngành, các cấp, các đơn vị cần tổ chức cho đảng viên và nhân dân hăng hái tham gia các hoạt động chào mừng Đại hội VIII của Đảng.

Phải tích cực chống tham nhũng, một tệ nạn đang gây nhức nhối cho xã hội. Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá VII đã coi tệ quan liêu và tham nhũng là một nguy cơ của đất nước. Tại hội nghị Trung ương lần này, nhiều đồng chí đã lên

tiếng phê phán mạnh mẽ tệ nạn đó. Tham nhũng có quan hệ mật thiết với buôn lậu, trốn thuế, xa hoa, lãng phí, gây thất thoát lớn tiền bạc, của cải của nhân dân, làm hư hỏng một bộ phận đảng viên, cán bộ. Trong lúc nước còn nghèo, dân còn khó khăn, thiếu thốn, thì tham nhũng, lãng phí là tội ác, làm giảm lòng tin của nhân dân và giảm sức chiến đấu của Đảng. Bác Hồ đã coi tham ô, lãng phí như giặc nội xâm. Tôi đề nghị các ngành, các cấp quan tâm và có biện pháp hữu hiệu ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, đáp ứng lòng mong đợi của nhân dân. Thủ trưởng các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị phải là người gương mẫu chống tham nhũng, lãng phí, chịu trách nhiệm khi những hiện tượng đó xảy ra ở cấp, ngành, cơ quan, đơn vị mình.

Đi đôi với chống tham nhũng, lãng phí phải tiến hành rộng rãi cuộc vận động tiết kiệm trong toàn xã hội. Các cơ quan đảng, nhà nước và đoàn thể phải nghiêm chỉnh thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư và chỉ thị của Chính phủ gần đây về thực hành tiết kiệm. Trước mắt, phải hết sức tránh lãng phí, phô trương, hình thức ngay trong quá trình tổ chức đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc.

Đó là những việc làm thiết thực, hợp lòng dân, làm cho Đảng ta và nhân dân ta phấn khởi, tin tưởng, góp phần bảo đảm thành công của đại hội đảng các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ta.

Thưa các đồng chí,

Chúng ta đang phấn đấu kết thúc thắng lợi năm 1995 và chuẩn bị bước vào năm 1996, năm tiến hành Đại hội VIII bộn

bề công việc, với nhiều thuận lợi và cũng nhiều thử thách. Để hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang và nặng nề của mình, toàn Đảng và từng cán bộ, đảng viên phải chăm lo xây dựng Đảng, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, tăng cường đoàn kết, nhất trí trong Đảng, tăng cường mối liên hệ mật thiết, gắn bó giữa Đảng với dân, kiên định lập trường giai cấp công nhân, tiếp tục phát huy truyền thống bất khuất, kiên cường, ra sức phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân. Đảng ta phải động viên toàn dân nắm vững thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, giành thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà. Đó là nhiệm vụ trọng đại mà Đảng và nhân dân ta nhất định phải làm bằng được.

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi chúc các đồng chí Cố vấn, các đồng chí Trung ương và các đồng chí tham dự hội nghị sức khoẻ dồi dào, làm tốt mọi việc bảo đảm cho đại hội đảng bộ các cấp thành công tốt đẹp, chuẩn bị tích cực tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ta.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khoá VII.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ VII

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII đã họp từ ngày 6 đến ngày 14-11-1995 tại Hà Nội để thảo luận và thông qua các dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương chuẩn bị trình Đại hội VIII của Đảng.

Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã đọc bài phát biểu quan trọng khai mạc hội nghị. Đồng chí nhấn mạnh: "Hội nghị Trung ương lần này sẽ thảo luận và quyết định nội dung các dự thảo văn kiện trình Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, bao gồm: *Báo cáo chính trị, Báo cáo phương hướng nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 1996-2000, Báo cáo về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và Điều lệ Đảng sửa đổi.*

Đại hội VIII có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII cũng như việc thực hiện *Cương lĩnh, Chiến lược, Điều lệ Đảng;* tổng kết mười năm đổi mới; đề ra phương phướng, giải pháp thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2000 và 2020; bổ sung và sửa đổi *Điều lệ Đảng.* Vì vậy, Đại hội VIII có ý nghĩa rất trọng đại. Đây là

đại hội đánh dấu bước chuyển quan trọng của đất nước ta sang thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Qua 6 ngày thảo luận với gần 400 lượt đồng chí phát biểu ý kiến, hội nghị đã đi đến nhất trí cao về nội dung các dự thảo văn kiện trình Đại hội VIII. Hội nghị cho rằng qua những năm đổi mới, đất nước ta đã có những thay đổi to lớn và sâu sắc. Trong những hoàn cảnh hết sức phức tạp, khó khăn, kiên trì đường lối đổi mới và những phương hướng đúng đắn mà Đại hội VI và Đại hội VII đề ra, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân và lực lượng vũ trang ta đã phấn đấu, dũng cảm và kiên cường, đạt được những tiến bộ trên nhiều mặt, tạo ra tiền đề thuận lợi cho bước phát triển tiếp theo.

Đánh giá mười năm đổi mới vừa qua, Hội nghị Trung ương nhận định:

- Công cuộc đổi mới mười năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ của Đại hội VII đề ra được hoàn thành về cơ bản.

- Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa được củng cố vững chắc.

- Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã được hoàn thành về cơ bản; nước ta chuyển sang một thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

Những thành tựu đạt được là kết quả của cả một quá trình tìm tòi, đổi mới, lao động và phấn đấu gian khổ của Đảng ta và nhân dân ta từ nhiều năm nay, cùng với sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế.

Hội nghị Trung ương đã rút ra 6 bài học chủ yếu: *Một là,* giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới; *hai là,* xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới hệ thống chính trị và đổi mới kinh tế, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với việc giải quyết các vấn đề xã hội; *ba là,* đổi mới kinh tế, coi kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước; *bốn là,* mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy tinh thần tự lực, tự cường và sức mạnh của toàn thể dân tộc; *năm là,* tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ta, thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá; *sáu là,* giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Về phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn tới, hội nghị nhận định:

Những thành tựu của công cuộc đổi mới đã và đang tạo ra thế và lực mới để chúng ta bước vào một thời kỳ phát triển mới. Nhưng bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (1-1994) nêu lên cho đến nay vẫn là những thách thức.

Hội nghị xác định: xuất phát từ tình hình nói trên và căn

cứ vào *Cương lĩnh* do Đại hội VII nêu lên, cần tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, phấn đấu chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là biến đổi nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, nguồn lực con người được phát huy, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Trong vài chục năm, từ nay đến năm 2020, chúng ta ra sức phấn đấu để biến nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, thúc đẩy công cuộc đổi mới phát triển một cách toàn diện và đồng bộ, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội và an ninh, quốc phòng, vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích luỹ nội bộ, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

Hội nghị đã nêu lên những định hướng phát triển trên các lĩnh vực chủ yếu là: phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; thực hiện

chính sách kinh tế nhiều thành phần; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế; phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo; xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; chính sách giải quyết một số vấn đề xã hội; thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh; chính sách đối ngoại; thực hiện đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân; tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương đặc biệt quan tâm đến vấn đề Đảng và công tác xây dựng Đảng. Hội nghị cho rằng toàn bộ thành tựu và thiếu sót của công cuộc đổi mới gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng ta. Sự lãnh đạo và hoạt động của Đảng là một nhân tố quyết định tạo ra những thành tựu đổi mới. Sự tiến bộ và trưởng thành của Đảng là một thành tựu quan trọng của công cuộc đổi mới. Đồng thời, chính trong quá trình lãnh đạo đổi mới mà Đảng ngày càng trưởng thành, nhận rõ hơn những mặt yếu kém và khuyết điểm của mình để có biện pháp khắc phục.

Để xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới, phải chú trọng giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, người đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Phải nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ và phẩm chất cách mạng; củng cố Đảng về mặt tổ chức, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực; nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của

Đảng. Hội nghị cũng đã đề nghị bổ sung, sửa đổi một số vấn đề về *Điều lệ Đảng* để đưa ra lấy ý kiến các cấp, các ngành và trình Đại hội VIII của Đảng xem xét quyết định.

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra nghị quyết uỷ nhiệm Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng căn cứ vào kết quả biểu quyết của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề thuộc nội dung các dự thảo văn kiện trình Đại hội VIII và những ý kiến phát biểu tại Hội nghị Trung ương 9 để chỉnh lý dự thảo các văn kiện, sau đó đưa ra lấy ý kiến rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Hội nghị kêu gọi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân hăng hái thi đua hành động cách mạng, lập thành tích chào mừng Đại hội VIII của Đảng bằng cách đóng góp tích cực vào các dự thảo văn kiện và hoàn thành mọi nhiệm vụ năm 1995, chuẩn bị tốt mọi mặt để thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1996, mở đầu cho nhiệm vụ 5 năm 1996-2000.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 130-TB/TW, ngày 6 tháng 11 năm 1995

Về kinh tế tư nhân trong giai đoạn hiện nay ở nước ta

Ngày 1-11-1995, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo về doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần, Ban Bí thư đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Thực hiện đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế tư nhân trong thời gian qua phát triển nhanh chóng cả về số lượng đơn vị doanh nghiệp lẫn về quy mô doanh nghiệp; đã góp phần phát triển sức sản xuất trong nước, giải quyết một bộ phận đáng kể lao động có việc làm; tăng thêm ngân sách cho các địa phương.

2. Cùng với những mặt tích cực nói trên, kinh tế tư nhân trong thời gian qua còn bộc lộ nhiều tiêu cực: nhiều doanh nghiệp tư nhân hoạt động kinh doanh ngoài pháp luật, trốn kiểm kê, kiểm soát; ít đầu tư vào sản xuất.

Khuyết điểm là: sau khi cấp giấy phép kinh doanh, đã buông lỏng quản lý, để kinh tế tư nhân phát triển tự phát.

3. Kinh tế tư bản tư nhân đang có đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước, khuyến khích kinh tế tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất. Bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi đi đôi với tăng cường quản lý, hướng dẫn làm ăn đúng pháp luật, có lợi cho quốc kế dân sinh. Khuyến khích các chủ doanh nghiệp dành cổ phần ưu đãi để bán cho người lao động tại doanh nghiệp. Xây dựng quan hệ hợp tác giữa chủ và thợ trên cơ sở bảo đảm lợi ích hợp pháp của cả hai bên. Cần phát triển đa dạng các hình thức kinh tế tư bản nhà nước. Áp dụng nhiều phương thức góp vốn liên doanh giữa Nhà nước với các nhà kinh doanh tư nhân trong nước nhằm tạo thế, tạo lực cho các doanh nghiệp Việt Nam phát triển, tăng sức hợp tác và cạnh tranh với bên ngoài.

Nhà nước thực hiện kiểm kê, kiểm soát. Trước mắt, cần làm một số việc sau đây:

- Rà soát lại, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật về lĩnh vực này, nhất là các văn bản hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước.

- Tổ chức đăng ký lại tất cả các doanh nghiệp (kể cả số có đăng ký lập công ty, số hộ kinh doanh chưa đăng ký lập công ty).

Phân loại chính xác các loại hình kinh tế tư nhân: tiểu chủ, tư bản tư nhân, tư bản nhà nước; phân tích, đánh giá, nhận định xu hướng phát triển từng loại hình.

- Xây dựng chính sách phát triển kinh tế tư nhân tập trung vào hai nội dung lớn: Kinh tế tư nhân góp phần phát triển sức sản xuất; và kinh tế tư nhân phát triển theo hình thức tư bản nhà nước.

- Nghiên cứu hình thức tổ chức phù hợp với từng địa bàn, từng lĩnh vực để vận động các nhà doanh nghiệp tư nhân theo sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

- Nghiên cứu hình thức tổ chức thích hợp giúp Đảng và Nhà nước lãnh đạo và quản lý kinh tế tư nhân.

4. Ban Bí thư giao cho Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng Ban Kinh tế Trung ương và các ban cán sự đảng Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Tổng cục Thống kê và các cơ quan có liên quan, hoàn chỉnh đề án này và dự thảo chỉ thị về phát triển kinh tế tư nhân trong giai đoạn hiện nay để trình Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 131-TB/TW, ngày 7 tháng 11 năm 1995

Về địa điểm tổ chức lễ tang cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước, đoàn thể khi từ trần ở Hà Nội

Tiếp theo Thông báo số 114-TB/TW, ngày 8-5-1995 về địa điểm tổ chức lễ tang cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước, đoàn thể,

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay,

Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Tất cả lễ tang cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước và đoàn thể mất tại Hà Nội sẽ tổ chức tại Nhà tang lễ số 5 đường Trần Thánh Tông, Hà Nội. Giao cho Bộ Quốc phòng quản lý nhà tang lễ này.

Đề nghị đồng chí Thủ tướng Chính phủ căn cứ vào ý kiến trên đây ban hành quyết định về mặt nhà nước và chỉ đạo các cơ quan triển khai thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 62-CT/TW, ngày 8 tháng 11 năm 1995

Về tăng cường công tác người Hoa trong tình hình mới

I- TÌNH HÌNH NGƯỜI HOA VÀ CÔNG TÁC NGƯỜI HOA

1. Tình hình người Hoa

Từ khi thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 17-11-1982 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá V) và Chỉ thị số 256-CT, ngày 11-10-1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, đặc biệt là từ khi thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, khi quan hệ Việt Nam - Trung Quốc bình thường hoá, tình hình người Hoa ở nước ta phát triển theo xu thế ổn định. Hoạt động kinh tế trong người Hoa có bước phát triển mới cả về quy mô và ngành nghề, đã góp phần vào sự tăng trưởng ở một số địa phương, tạo thêm việc làm cho người lao động. Người Hoa vốn giỏi sản xuất, kinh doanh nên hoạt động kinh tế có hiệu quả, phần lớn làm ăn khá hơn trước. Hoạt động văn hoá, giáo dục và xã hội trong người Hoa có những mặt tiến bộ. Đa số người Hoa tin tưởng vào đường lối đổi

mới của Đảng và chính sách của Nhà nước, muốn yên ổn làm ăn.

Tuy nhiên, một bộ phận vẫn chưa ý thức đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân Việt Nam, một số người muốn thực hiện chính sách kiều dân. Bên cạnh những mặt tích cực, các hoạt động kinh tế, văn hoá - xã hội của người Hoa đã nảy sinh những vấn đề phức tạp, tiêu cực (buôn lậu, trốn thuế, làm hàng giả; hoạt động tôn giáo, lập hội đoàn không tuân theo chính sách và pháp luật...). Một số người đã bỏ về Trung Quốc năm 1978-1979, nay với nhiều lý do muốn trở lại Việt Nam. Trong khi đó, một số thế lực nước ngoài đang ra sức tranh thủ người Hoa ở Việt Nam hòng khai thác, lợi dụng để phục vụ cho những ý đồ xấu của họ.

2. Công tác người Hoa

Trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có những chính sách chăm lo cuộc sống vật chất và văn hoá của người Hoa, làm cho họ yên tâm sản xuất, kinh doanh và sinh sống ở Việt Nam. Công tác người Hoa trong các cấp, các ngành có chuyển biến một bước, đã tác động tích cực vào việc ổn định tình hình. Song nhận thức, đánh giá người Hoa và công tác người Hoa chưa đầy đủ và thiếu nhất quán; quản lý nhà nước có nhiều sơ hở, không phân biệt rõ người Hoa là công dân Việt Nam với Hoa kiều. Công tác vận động, tập hợp và giáo dục còn nhiều hạn chế, việc xây dựng lực lượng cốt cán trong người Hoa còn rất yếu; bộ máy, cán bộ chuyên trách từ trung ương đến địa phương chưa được kiện toàn.

Trước những thay đổi của tình hình trong nước và thế giới, cần điều chỉnh một số chủ trương, chính sách đối với

người Hoa cho phù hợp để phát huy tiềm năng của người Hoa trong phát triển kinh tế - xã hội, ngăn ngừa âm mưu thủ đoạn của các thế lực lợi dụng vấn đề người Hoa để chống phá cách mạng.

II- MỘT SỐ CHỦ TRƯƠNG, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOA

1. Khái niệm về người Hoa và Hoa kiều

"Người Hoa bao gồm những người gốc Hán và những người thuộc dân tộc ít người ở Trung Quốc đã Hán hoá di cư sang Việt Nam và con cháu của họ sinh ra và lớn lên tại Việt Nam, đã nhập quốc tịch Việt Nam, nhưng vẫn còn giữ những đặc trưng văn hoá, chủ yếu là ngôn ngữ, phong tục tập quán của dân tộc Hán và tự nhận mình là người Hoa".

Hoa kiều là những người có cùng nguồn gốc dân tộc với người Hoa, nhưng không nhập quốc tịch Việt Nam.

Những người không phải là người Hoa gồm:

- Những người thuộc các dân tộc thiểu số của Trung Quốc sang sinh sống làm ăn ở Việt Nam (chủ yếu sống xen ghép với các dân tộc thiểu số tại các tỉnh biên giới phía Bắc nước ta).

- Người dân tộc thiểu số của Việt Nam cùng gốc dân tộc thiểu số của Trung Quốc.

- Những người có nguồn gốc là người Hán nhưng hiện nay không dùng tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán của người Hán, sống gắn bó với các dân tộc Việt Nam và đã tự nhận mình là người của một dân tộc trong các dân tộc Việt Nam.

2. Nguyên tắc cơ bản

- Người Hoa là công dân Việt Nam, là một thành phần dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện mọi nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của *Hiến pháp* và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện mọi chế độ, chính sách chung của Đảng và Nhà nước như tất cả các dân tộc khác.

- Tăng cường đoàn kết người Hoa trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, cùng nhau phấn đấu cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, đấu tranh ngăn chặn những hành động có hại đến khối đại đoàn kết dân tộc và mọi âm mưu của các thế lực lợi dụng, lôi kéo, chia rẽ người Hoa với các dân tộc khác của Việt Nam.

- Mục tiêu của công tác người Hoa là nâng cao đời sống mọi mặt và bảo vệ những lợi ích chính đáng của người Hoa, làm cho người Hoa trung thành với Tổ quốc Việt Nam, ngày càng gắn bó, hoà hợp cộng đồng các dân tộc Việt Nam; phát huy mọi khả năng và tiềm năng của người Hoa, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, động viên người Hoa góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phương châm của công tác người Hoa là bình đẳng, đoàn kết, hoà hợp, ổn định, phát triển.

- Những Hoa kiều đã nhiều năm sinh sống ở nước ta, nay xin nhập quốc tịch Việt Nam hoặc những người Hoa công dân Việt Nam xin chuyển sang quốc tịch nước ngoài thì căn cứ vào *Luật Quốc tịch Việt Nam* để giải quyết. Việc quản lý Hoa kiều và những người Hoa không nhập quốc tịch Việt Nam

đều thực hiện theo quy chế ngoại kiều. Người nước ngoài quan hệ với Hoa kiều theo đúng luật pháp quốc tế và tôn trọng pháp luật của Việt Nam. Người Hoa là người Việt Nam, do Việt Nam quản lý, không để nước ngoài can thiệp.

3. Một số chính sách cụ thể

Về chính trị:

- Người Hoa được gia nhập các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế, văn hoá, xã hội... đã được thành lập và hoạt động đúng pháp luật. Những người có đủ tiêu chuẩn được ứng cử, đề cử vào các cơ quan dân cử, ban chấp hành các đoàn thể nhân dân các cấp và tham gia vào các cơ quan quản lý nhà nước.

- Người Hoa đủ tiêu chuẩn được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam theo quy định của *Điều lệ Đảng*. Cán bộ, đảng viên ngoài Hoa được sử dụng trên cơ sở năng lực và phẩm chất của từng người.

Về kinh tế:

Người Hoa được tham gia sản xuất, kinh doanh như mọi công dân Việt Nam khác theo đúng chính sách và pháp luật.

Phát huy khả năng và tiềm năng về vốn, kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý của người Hoa. Khuyến khích việc phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông-lâm-ngư nghiệp và các mặt hàng truyền thống. Động viên người Hoa thu hút vốn, khoa học, công nghệ mới từ thân nhân và nước ngoài đầu tư để phát triển lực lượng sản xuất, phục vụ công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Về văn hoá:

- Giữ gìn và phát huy những tinh hoa văn hoá dân tộc

của người Hoa. Khuyến khích những sáng tác văn học, nghệ thuật phản ảnh cuộc sống của người Hoa gắn bó với cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường sự giao lưu văn hoá giữa người Hoa với các dân tộc anh em trong nền văn hoá chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nghiêm cấm việc lợi dụng văn hoá, nghệ thuật để kích động, chia rẽ người Hoa với các dân tộc khác. Các công trình kiến trúc văn hoá của người Hoa chủ yếu là chùa, miếu được pháp luật thừa nhận thì được bảo vệ và giữ gìn theo quy định chung của Nhà nước. Nghiêm cấm các hoạt động mê tín dị đoan hoặc thờ cúng những nhân vật có vấn đề phức tạp trong lịch sử không có lợi cho sự đoàn kết các dân tộc Việt Nam.

Về giáo dục:

- Người Hoa có quyền và nghĩa vụ học tập như các dân tộc khác. Ngoài việc đào tạo theo chương trình chung, ở những nơi tập trung đông người Hoa cần tạo điều kiện cho học sinh người Hoa được học tiếng Hoa theo chương trình và theo sự quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc mở trường dân lập phải theo quy định chung của Nhà nước.

Về xã hội:

- Việc lập các hội, hiệp hội phải theo quy định và pháp luật của Nhà nước; không cho lập lại các bang hội cũ. Đối với những tổ chức đã tự phát hình thành cần xem xét kỹ, tổ chức nào hình thành do yêu cầu của quần chúng và mang lại lợi ích thiết thực thì cho phép đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật, đồng thời phải xây dựng, bồi dưỡng lực lượng cốt cán.

III- CÔNG TÁC NGƯỜI HOA

1. Công tác vận động người Hoa gắn bó, hoà hợp với cộng đồng các dân tộc Việt Nam là công tác lâu dài, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Các cấp uỷ đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân cần quán triệt sâu sắc những nguyên tắc cơ bản của Đảng về công tác người Hoa để thống nhất nhận thức và hành động.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động để người Hoa nhận rõ vinh dự và trách nhiệm là công dân Việt Nam, đấu tranh khắc phục ý thức dân tộc nước lớn, dân tộc hẹp hòi và tư tưởng kỳ thị dân tộc, nâng cao tinh thần cảnh giác với những âm mưu lợi dụng người Hoa gây mất an ninh, trật tự, không có lợi cho khối đại đoàn kết dân tộc. Tích cực vận động người Hoa tham gia vào mặt trận, các đoàn thể nhân dân, các hội quần chúng và các hoạt động xã hội chung. Thường xuyên hướng dẫn những chính sách mới về kinh tế để người Hoa sản xuất, kinh doanh đúng pháp luật. Kịp thời ngăn ngừa và kiên quyết xử lý theo pháp luật những vụ việc tiêu cực trong hoạt động kinh tế của người Hoa (trốn thuế, lậu thuế, làm hàng giả, thông đồng với người nước ngoài hoặc những cán bộ mất phẩm chất làm trái pháp luật...) làm tổn hại đến lợi ích kinh tế và chính trị của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Các cấp uỷ đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân cần có kế hoạch cụ thể chăm lo phát triển đảng viên, đoàn viên, hội viên và xây dựng lực lượng cốt cán người Hoa. Lựa chọn, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ người Hoa có phẩm chất đạo đức, tình cảm cách mạng trong sáng để làm

nòng cốt trong công tác người Hoa, phục vụ yêu cầu trước mắt và lâu dài.

4. Củng cố bộ máy và tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác người Hoa. Ở những tỉnh, thành phố có đông người Hoa cần có một số cán bộ hoạt động trong lĩnh vực này đặt trong ban dân vận tỉnh, thành, quận, huyện uỷ. Đối với những tỉnh, thành phố có ít người Hoa thì bố trí cán bộ theo dõi công tác này.

5. Ban Dân vận Trung ương, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia và các ban, ngành hữu quan phối hợp nghiên cứu cơ bản, hệ thống vấn đề người Hoa ở Việt Nam nhằm phục vụ việc hoạch định chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về người Hoa.

6. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với mọi lĩnh vực hoạt động của người Hoa. Trong công tác đối ngoại, cần chú ý loại trừ những tác động xấu từ bên ngoài vào người Hoa ở nước ta.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân nghiên cứu quán triệt và có kế hoạch tổ chức thực hiện chỉ thị này. Ở những tỉnh, thành có đông người Hoa cần liên hệ kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo trong thời gian qua.

2. Đề nghị Chính phủ thể chế hoá chỉ thị này bằng các văn bản pháp quy của Nhà nước và hướng dẫn việc thực hiện.

3. Ban Bí thư giao cho Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với các ban của Trung ương Đảng và các bộ, ngành

có liên quan tổ chức triển khai và đôn đốc, kiểm tra các cấp, các ngành thực hiện chỉ thị này; hằng năm sơ kết báo cáo Ban Bí thư.

4. Các chỉ thị trước đây trái với các nội dung trong chỉ thị này đều bãi bỏ.

5. Chỉ thị này được phổ biến tới cấp uỷ cơ sở.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 11-TT/TW, ngày 19 tháng 12 năm 1995

Hướng dẫn bổ sung việc tổ chức đại hội đảng bộ cơ sở và góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội VIII của Đảng

Từ đầu năm 1995, Ban Bí thư đã có Chỉ thị số 51-CT/TW, Thông tri 09-TT/TW và Công văn số 266-CV/TW hướng dẫn tiến hành đại hội các cấp. Theo đó, nhiều địa phương đã tổ chức chỉ đạo điểm đại hội đảng bộ cơ sở để có kinh nghiệm mở rộng khi nhận được đủ các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII do Trung ương gửi xuống. Qua tình hình thực tế, nay Ban Bí thư hướng dẫn bổ sung việc tổ chức đại hội đảng bộ cơ sở và thảo luận góp ý kiến vào các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII như sau:

1. Việc tổ chức thảo luận, góp ý kiến vào các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII cần được tiến hành trong toàn Đảng, từ các chi bộ, với sự tham gia của tất cả các đảng viên; đây cũng là một nội dung chủ yếu của đại hội đảng bộ các cấp.

2. Mục đích của việc này là:

- Giúp cho đảng viên và các cấp uỷ đảng nắm được nội

dung chủ yếu của các văn kiện chuẩn bị trình Đại hội VIII và các quan điểm của Trung ương.

- Mở rộng dân chủ để đảng viên bày tỏ thái độ đối với những nội dung chủ yếu trong các dự thảo văn kiện và góp ý kiến, kiến nghị để Trung ương tiếp thu được trí tuệ của toàn Đảng nhằm chỉnh lý các văn kiện trình Đại hội Đảng đạt chất lượng tốt hơn.

- Đảng viên có cơ sở liên hệ đến tình hình của đơn vị, địa phương, xây dựng và tham gia ý kiến vào các báo cáo và nghị quyết của đại hội đảng bộ cấp mình.

3. Cách tiến hành:

- Các đảng bộ cơ sở họp hội nghị toàn thể đảng viên để giới thiệu nội dung chủ yếu của các văn kiện đại hội và gợi ý những vấn đề đảng bộ cần tập trung thảo luận, góp ý kiến.

- Các chi bộ tổ chức đọc (hoặc nghe đọc) ba dự thảo văn kiện: *Báo cáo chính trị, Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1996-2000, Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).* Đảng viên chuẩn bị ý kiến thảo luận.

- Chi bộ thảo luận, góp ý kiến, có ghi biên bản. Chi uỷ căn cứ vào biên bản, tổng hợp ý kiến thảo luận của chi bộ thành báo cáo gửi lên đảng uỷ cấp trên trực tiếp.

- Đảng uỷ tổng hợp ý kiến của các chi bộ và làm báo cáo, phân tích, kiến nghị, trình ra đại hội đảng bộ.

- Đại hội đảng bộ cơ sở phải giành thời gian thảo luận, góp ý kiến về các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII, xem xét bản tổng hợp ý kiến của các chi bộ, quyết định bổ sung, sửa đổi những điểm cần thiết (đối với bản tổng hợp ý kiến) và thông qua *ý kiến của đại hội đảng bộ* về các vấn đề trong các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII, gửi đảng uỷ cấp trên.

- Đảng uỷ cấp trên tổng hợp ý kiến của các đại hội đảng bộ cấp dưới trực tiếp, làm báo cáo, phân tích và kiến nghị, trình ra đại hội đảng bộ cấp mình thảo luận, xem xét quyết định...

+ Ở những nơi chưa tiến hành đại hội đảng bộ cơ sở, đảng uỷ đảng bộ cơ sở phải nghiên cứu những quan điểm của các nghị quyết Trung ương đã được thể hiện trong các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII để bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh, nâng cao chất lượng báo cáo của ban chấp hành đảng bộ chuẩn bị trình ra đại hội đảng bộ.

+ Ở những nơi đã tiến hành đại hội đảng bộ cơ sở trước khi nhận được các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII lần này, thì nay cần *tiến hành bổ sung* việc đại hội đảng bộ thảo luận, góp ý kiến về các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII, xem xét bản tổng hợp ý kiến của các chi bộ về các dự thảo văn kiện, quyết định bổ sung, sửa đổi những điểm cần thiết (đối với bản tổng hợp ý kiến), và thông qua ý kiến của đại hội đảng bộ về các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII, gửi đảng uỷ cấp trên.

Đồng thời, đại hội đảng bộ cần soát xét lại các nghị quyết mà đại hội đảng bộ đã thông qua, đối chiếu với những quan điểm của các Nghị quyết Trung ương đã được hệ thống hoá lại trong các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII lần này để nếu phát hiện có những vấn đề quan trọng chưa được đề cập hoặc chưa quán triệt đúng thì có sự bổ sung, sửa đổi cần thiết.

Những việc trên đây cần được xem là nội dung của đại hội đảng bộ, tiến hành nghiêm túc, nhưng thiết thực.

- Đại hội đảng bộ cơ sở, ngoài thảo luận báo cáo của đảng bộ mình và dự thảo báo cáo của đại hội đảng bộ cấp trên trực

tiếp, có thảo luận dự thảo báo cáo của đại hội cấp tỉnh, thành phố hay không, do các tỉnh, thành uỷ tự quyết định.

4. Về việc tổ chức hội nghị cấp uỷ mở rộng ở các đảng bộ trực thuộc Trung ương để thảo luận, góp ý kiến vào các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII.

Vì đại hội các đảng bộ trực thuộc Trung ương (các đảng bộ tỉnh, thành phố, đảng bộ khối cơ quan Trung ương...) đến tháng 5-1996 mới tiến hành xong, để kịp thời giúp Trung ương thu thập nhanh ý kiến của các cán bộ chủ chốt trong các đảng bộ nói trên phục vụ việc hoàn chỉnh các dự thảo văn kiện đại hội, các đảng bộ trực thuộc Trung ương cần tiến hành, chậm nhất là đến cuối tháng 2-1996, hội nghị cấp uỷ mở rộng (có thêm một số cán bộ chủ chốt lãnh đạo các ban, ngành, các huyện uỷ, quận uỷ, không phải là cấp uỷ viên cùng dự) để thảo luận, góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện đại hội và gửi bản tổng hợp ý kiến lên Ban Bí thư.

5. Về việc tổ chức báo cáo và lấy ý kiến của mặt trận vào các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII.

Cùng trong thời gian từ nay đến cuối tháng 2-1996, các tỉnh, thành uỷ cần tổ chức báo cáo với hội nghị uỷ ban mặt trận tỉnh, thành phố mở rộng (có mời thêm đại diện của các đoàn thể chính trị và những nhân sĩ tiêu biểu cùng dự) các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII để mặt trận thảo luận, góp ý kiến với Đảng về các văn kiện nói trên (Ở Trung ương, Ban Bí thư cũng sẽ tiến hành việc này với Hội nghị Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mở rộng).

6. Việc thảo luận, góp ý kiến về các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII ở trong Đảng cũng như ở mặt trận cần tiến hành một cách nghiêm túc, cởi mở, dân chủ, tạo ra không khí để

mọi người đều tự do tư tưởng, dễ dàng trình bày thẳng thắn những suy nghĩ và quan điểm của mình; đồng thời cũng cần có sự trao đổi, thuyết phục đối với ý kiến khác nhau.

7. Ở các cuộc thảo luận trong các tổ chức đảng và ở các đại hội đảng bộ các cấp, đối với những vấn đề và nhận định quan trọng trong các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII mà tổ chức đảng và đại hội đảng bộ quan tâm bày tỏ ý kiến, có thể tiến hành biểu quyết để biết rõ số ý kiến tán thành với dự thảo văn kiện, số ý kiến tán thành về cơ bản nhưng có đề nghị bổ sung, sửa đổi và những ý kiến khác. Khi tổng hợp để báo cáo lên trên, trong những trường hợp có thể được, cần ghi rõ số lượng của từng loại ý kiến nói trên. Việc biểu quyết về những vấn đề trong các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII không nhằm đi đến những quyết định mà thiểu số phải phục tùng đa số.

8. Về báo cáo tổng hợp ý kiến đối với các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII:

- Nội dung các báo cáo đại thể cần có những phần sau đây:

+ Số người được triệu tập thảo luận; số người thực tế dự thảo luận; số lượt ý kiến phát biểu.

+ Một số nhận xét chung về tình hình thảo luận: có nghiêm túc, có dân chủ, sôi nổi? Ý kiến tập trung nhiều vào những vấn đề gì? Chiều hướng chính là tán thành hay không tán thành? Có nhiều ý kiến bổ sung, kiến nghị về chủ trương, giải pháp không? Nhận xét về chất lượng các ý kiến...

+ Phần chính là phản ánh rõ những ý kiến về những đánh giá, nhận định và chủ trương quan trọng trong các dự thảo báo cáo. Cố gắng phản ảnh rõ số ý kiến tán thành dự thảo, cơ bản tán thành nhưng có đề nghị bổ sung, sửa đổi và

những ý kiến khác; lưu ý phản ảnh cả những ý kiến cá nhân nhưng quan trọng, đáng chú ý.

- Trật tự tổng hợp ý kiến: các báo cáo tổng hợp ý kiến cần được tổng hợp theo từng văn kiện, và bám sát trật tự nội dung của các mục trong văn kiện.

- Vấn đề nào có ý kiến thì ghi, vấn đề nào không bàn đến thì bỏ qua.

9. Về việc bồi dưỡng báo cáo viên:

Đảng bộ các cấp cần lựa chọn và bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ có khả năng làm báo cáo viên giới thiệu nội dung các Văn kiện Đại hội VIII ở các đảng bộ cơ sở. Để giúp các đảng uỷ trực thuộc Trung ương bồi dưỡng cho đội ngũ báo cáo viên nói trên. Ban Bí thư đang cho gửi đến các đảng uỷ trực thuộc Trung ương những tài liệu sau đây:

- Băng ghi hình phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười và trình bày của đồng chí Đào Duy Tùng giới thiệu một số nội dung chủ yếu của các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII tại Hội nghị cán bộ ngày 16-12-1995 (chỉ gửi cho các tỉnh từ Quảng Nam - Đà Nẵng trở vào là các tỉnh chưa dự hội nghị) và đề cương bản trình bày nói trên (gửi tất cả các cấp uỷ trực thuộc Trung ương).

- Bản gợi ý những vấn đề cần tập trung thảo luận góp ý kiến về các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII.

10. Về tài liệu:

- Ba dự thảo Văn kiện Đại hội VIII, một số tài liệu của Hội nghị Trung ương 9, cũng như các tài liệu mới gửi đến các đảng uỷ trực thuộc Trung ương nói ở điểm 8 trên đây đều là tài liệu mật, không được phép đăng công khai trên các

phương tiện thông tin đại chúng cũng như phổ biến, lưu hành ra ngoài Đảng.

- Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương được phép căn cứ vào nhu cầu thực tế, có thể sao, in thêm để sử dụng trong nội bộ đảng các văn bản sau đây:

+ Ba dự thảo Văn kiện Đại hội VIII.

+ Bản gợi ý các vấn đề cần tập trung thảo luận về các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII.

+ Bản đề cương trình bày của đồng chí Đào Duy Tùng giới thiệu các Văn kiện Đại hội VIII.

- Đối với các đại biểu dự hội nghị uỷ ban mặt trận mở rộng, các cấp uỷ chỉ giới thiệu và lấy ý kiến đóng góp về hai văn bản dự thảo:

+ *Báo cáo chính trị* (bản rút gọn).

+ *Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996-2000* (bản rút gọn).

Không sử dụng và không lấy ý kiến về *Điều lệ Đảng*.

Cấp uỷ cần cung cấp đủ cho các thành viên dự hội nghị mặt trận hai tài liệu nói trên để hằng ngày dùng tại chỗ; cuối hội nghị tiến hành thu hồi toàn bộ.

- Cấp uỷ các đảng bộ trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quản lý việc sử dụng các tài liệu nói trên theo đúng chế độ tài liệu nội bộ, chỉ đạo chặt chẽ việc thu hồi và huỷ các văn kiện đó sau khi đã sử dụng xong.

11. Tiến độ báo cáo Trung ương:

- Ngày 10-3-1996 các đảng uỷ trực thuộc Trung ương báo cáo lần đầu về:

+ Tình hình đại hội các đảng bộ cơ sở và một phần của

các đảng bộ cấp trên cơ sở (huyện, quận); tổng hợp ý kiến của đảng bộ các cấp này về các dự thảo Văn kiện Đại hội VIII.

+ Tổng hợp ý kiến góp vào Văn kiện Đại hội VIII của hội nghị cấp uỷ mở rộng của các đảng bộ trực thuộc Trung ương (tỉnh, thành phố, đảng bộ khối...).

+ Bản tổng hợp ý kiến góp vào dự thảo Văn kiện Đại hội VIII của Uỷ ban Mặt trận cấp tỉnh và Trung ương.

- Ngày 15-5-1996, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương báo cáo lần hai về toàn bộ kết quả đại hội của các đảng bộ trực thuộc Trung ương, trong đó có tổng hợp ý kiến của đại hội về các dự thảo Văn kiện của Đại hội VIII.

12. Các hướng dẫn và quy định trong các văn bản của Ban Bí thư trước đây trái với những nội dung trong văn bản này đều được bãi bỏ.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 64-CT/TW, ngày 25 tháng 12 năm 1995

Về việc tăng cường lãnh đạo, quản lý, lập lại trật tự kỷ cương trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khoá VII), Chính phủ đã ra Nghị định số 87-CP và *Điều lệ về tăng cường quản lý các hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hoá, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng*. Đây là một công tác lớn, có ý nghĩa quan trọng; là đòi hỏi bức xúc của nhân dân.

Để thực hiện tốt chủ trương này, góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và văn hoá, làm lành mạnh các sinh hoạt văn hoá, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng:

1. Nhận thức một cách sâu sắc, đây là một cuộc vận động quần chúng sâu rộng nhằm lập lại trật tự kỷ cương trong hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hoá, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng, tạo môi trường văn hoá lành mạnh, trong sạch cho sự phát triển, bảo vệ và phát huy bản sắc

dân tộc; lãnh đạo các ban, ngành, các đoàn thể, các lực lượng vũ trang thực hiện tốt Nghị định 87-CP của Chính phủ, tạo sự chuyển biến rõ rệt ngay từ bước đầu. Thường vụ cấp uỷ nghe và cho ý kiến về kế hoạch thực hiện nghị định của Chính phủ tại địa phương mình.

2. Giáo dục, kiểm tra cán bộ, đảng viên quán triệt sâu sắc chủ trương trên, gương mẫu thực hiện và vận động nhân dân thực hiện tốt Nghị định 87-CP của Chính phủ.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng có kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn dư luận, tạo sự hưởng ứng rộng rãi của toàn xã hội, giới thiệu, cổ vũ những điển hình tốt, phê phán những hiện tượng xấu nhằm thực hiện có hiệu quả cao nhất Nghị định số 87-CP. Các hội văn học - nghệ thuật, các cơ quan và tổ chức văn hoá ở trung ương và các địa phương cần có chương trình hành động cụ thể; nhất là phải có những sản phẩm văn hoá bổ ích, lành mạnh và cải tiến các dịch vụ văn hoá để phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn.

4. Chú trọng phát huy vai trò và trách nhiệm của chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở từng cơ sở, nhất là ở các thành phố, thị xã, thị trấn, kết hợp việc thực hiện Nghị định 87-CP với việc giáo dục tinh thần tự trọng dân tộc, bảo vệ thuần phong, mỹ tục, phẩm giá con người Việt Nam, vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, kiên quyết chống mọi tệ nạn xã hội.

Cách làm phải thiết thực, có hiệu quả cụ thể, phù hợp với từng tầng lớp dân cư và từng địa bàn, tránh những cách làm hình thức, chiếu lệ, "đánh trống bỏ dùi".

5. Cần theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định 87-CP ở từng cơ quan, đơn vị và địa phương. Những đơn vị hoặc cá nhân đảng viên có thành tích thì được khen thưởng, có sai phạm thì tuỳ mức độ mà xem xét xử lý hành chính, xử lý theo pháp luật, thi hành kỷ luật về Đảng. Sau từng thời gian thực hiện cấp uỷ phải nghe các ngành có liên quan báo cáo, có nhận xét và gửi báo cáo với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 63-CT/TW, ngày 27 tháng 12 năm 1995

Về việc phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng sẽ diễn ra vào giữa năm 1996. Đây là một sự kiện chính trị quan trọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Đại hội sẽ kiểm điểm 5 năm thực hiện những nghị quyết Đại hội VII, tổng kết 10 năm công cuộc đổi mới, đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, những giải pháp lớn đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Để góp phần thiết thực vào thành công của đại hội, tiếp tục khơi dậy tiềm năng và truyền thống cách mạng của nhân dân ta, *Ban Bí thư yêu cầu các cấp, các ngành phát động một phong trào thi đua trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân* lập thành tích chào mừng đại hội đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng với **yêu cầu** sau:

Thực hiện vượt mức những mục tiêu đã đề ra cho năm 1995 và năm 1996, trên mọi lĩnh vực hoạt động, trọng tâm là

phát triển kinh tế, chăm lo đời sống nhân dân, xoá đói giảm nghèo, củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, thiết lập trật tự, kỷ cương trong các hoạt động văn hoá, bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh, theo Nghị định 87-CP của Chính phủ, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Để thực hiện được các yêu cầu trên, các tỉnh uỷ, thành uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn cần chỉ đạo làm tốt các việc sau đây:

1. Từng cấp, từng ngành, từng đơn vị có kế hoạch cụ thể, thiết thực với những mục tiêu, yêu cầu, khẩu hiệu sát hợp. Tổ chức thực hiện có hiệu quả, tạo ra được phong trào hành động cách mạng có tính chất quần chúng.

2. Phong trào thi đua chủ yếu được tiến hành ở các cơ sở. Các cấp uỷ đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể phải làm tốt vai trò là người phát động, tổ chức nhằm huy động mọi đoàn thể, mọi giới, mọi người tự nguyện, tự giác tham gia. Từng đảng viên và tổ chức đảng ở cơ sở phải đi đầu, gương mẫu trong việc thực hiện và là hạt nhân lãnh đạo phong trào nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, hết sức cần kiệm xây dựng đất nước, chống lãng phí tham ô.

3. Kịp thời biểu dương thành tích, nêu gương người tốt, việc tốt. Thông qua phong trào thi đua lập thành tích chào mừng đại hội đảng các cấp, tổ chức đảng cơ sở lựa chọn những quần chúng tích cực, gương mẫu xứng đáng giới thiệu kết nạp vào Đảng. Cần coi đây là một đợt rèn luyện, thử thách và đánh giá cán bộ, đảng viên; một đợt động viên, giáo dục ý thức giác ngộ chính trị sâu rộng trong quần chúng, đặc

biệt trong thanh niên. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, hơn bất cứ tổ chức nào khác, phải có kế hoạch tổ chức và chỉ đạo thật tốt đợt vận động này.

4. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng phản ánh kịp thời các hoạt động thi đua, động viên, cổ vũ mạnh mẽ phong trào, uốn nắn kịp thời những sai sót để phong trào thi đua trong cả nước đạt kết quả tốt.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận và các đoàn thể, các tổ chức kinh tế, xã hội cần tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và báo cáo kết quả thực hiện về Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 65-CT/TW, ngày 27 tháng 12 năm 1995

Về tăng cường quản lý thu, chi ngân sách nhà nước

Trong những năm vừa qua, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân giành được những thắng lợi quan trọng trong sự nghiệp đổi mới. Trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ, đã đạt được một số tiến bộ, góp phần kiềm chế và đẩy lùi lạm phát, ổn định kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, hệ thống tài chính - tiền tệ còn nhiều mặt yếu kém, lạc hậu, công tác quản lý ngân sách, vốn, tài sản, tiền tệ, thuế ở tất cả các cấp còn có nhiều sơ hở, lỏng lẻo.

Năm 1996 là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 và các nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VIII, cần tập trung mọi nỗ lực để tạo ra nhịp độ phát triển kinh tế cao, tăng thêm tích luỹ từ bên trong, đưa đất nước ta vượt qua tình trạng nước kém phát triển vào năm 2000.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước đã được Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ 8 thông qua, Ban Bí thư yêu cầu:

1. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn và cấp uỷ đảng các cấp phải coi việc lãnh đạo các tổ chức chính quyền và các đoàn thể, hội quần chúng tập trung sức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ thu, chi ngân sách theo đúng chỉ tiêu do Quốc hội thông qua trong năm 1996 là một *nhiệm vụ trọng tâm* của mình.

2. Tập trung lãnh đạo việc thực hiện chủ trương đổi mới thu ngân sách nhà nước, đặc biệt là công tác thu thuế. Cải tiến chính sách thuế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa yêu cầu động viên cao nhất mọi nguồn thu vào ngân sách nhà nước với kích thích sản xuất phát triển, khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư vốn vào sản xuất, bảo hộ đúng mức sản xuất trong nước, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Tăng cường công tác quản lý thu và chống thất thu thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ theo quy định của pháp luật. Tiếp tục cải tiến thủ tục hành chính trong công tác quản lý thuế, xoá bỏ những thủ tục rườm rà, gây nhiều phiền hà, dễ nảy sinh tiêu cực. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác chống buôn lậu. Vận động toàn dân thực hiện việc chống buôn lậu, chống mọi hiện tượng kinh doanh trái pháp luật, trốn thuế. Phát hiện và xử lý nghiêm minh các hành vi trốn, lậu thuế, sử dụng tiền thuế tuỳ tiện. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục sâu rộng cho nhân dân hiểu pháp luật thuế và tự giác nộp thuế.

Trong khu vực kinh tế nhà nước, cần tập trung đấu tranh chống việc khai không đúng doanh số, đưa vào chi phí sản xuất, kinh doanh những khoản bất hợp lý làm giảm số thuế phải nộp, cố ý nộp chậm tiền thuế hoặc để khách hàng chiếm dụng vốn không có tiền nộp thuế.

Đối với khu vực kinh tế thuộc các thành phần kinh tế khác, các đảng bộ, chi bộ phường, xã cần chỉ đạo cơ quan chính quyền phối hợp với cơ quan thuế quản lý chặt chẽ đối tượng nộp thuế, chống khai man doanh số, không chấp hành tốt chế độ kế toán, chây ỳ trong việc nộp thuế, nhất là trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn, nhà hàng, các tổ chức xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, buôn chuyến; không để tình trạng các xã, phường chiếm đoạt bất hợp pháp nguồn thuế của nhà nước từ các đối tượng thuộc diện thu thuế và thu lệ phí trên địa bàn.

Trong việc thu thuế xuất - nhập khẩu, phải kiên quyết đấu tranh chống buôn lậu, chống thất thu do xác định sai số lượng hàng hoá nhập khẩu và áp dụng sai giá tính thuế, sai thuế suất.

3. Tổ chức đảng ở các cơ quan quản lý thu thuế (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan...) phải lãnh đạo tốt cơ quan, đơn vị triển khai mạnh mẽ, đồng bộ các biện pháp thu thuế từ khâu giao kế hoạch thu đến khâu kiểm tra, thanh tra các đối tượng nộp thuế. Tổ chức kiểm tra, thanh tra thường xuyên, đột xuất các đối tượng nộp thuế. Biểu dương kịp thời các đối tượng thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế, đồng thời phê bình, xử phạt nghiêm minh các đối tượng không chấp hành kỷ luật nộp thuế. Trong năm 1996, phải tập trung rà soát, đưa số hộ nộp thuế lên sát thực tế, chống thất thu do khai man doanh số. Thông qua công tác quản lý thu thuế, đưa việc thực hiện chế độ kế toán mới ở các thành phần kinh tế tư nhân đi dần vào nề nếp. Củng cố, sắp xếp hợp lý theo phương châm tinh, gọn, có hiệu lực bộ máy thu thuế, nhất là ở các địa bàn trọng điểm và các huyện có số thu ít. Tăng cường công tác chỉ đạo,

bồi dưỡng và quản lý cán bộ ngành thuế, thông qua công tác quản lý thuế để nhận xét, đánh giá cán bộ.

Uỷ ban nhân dân các cấp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trên địa bàn phối hợp triển khai các biện pháp chống thất thu thuế, đảm bảo thu đạt và vượt kế hoạch được giao; chỉ đạo việc xử lý kịp thời các đối tượng chống lại người thực hiện chức năng quản lý thu thuế.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan đến công tác thuế (Bộ Tài chính, Tổng cục Địa chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư...) thường xuyên rà soát các văn bản hướng dẫn về thuế; sửa đổi hoặc trình Chính phủ, Quốc hội sửa đổi các bất hợp lý trong chính sách thuế, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về thuế; giảm thủ tục phiền hà cho người dân trong việc nộp thuế...

Các cơ quan tư pháp đưa ra xét xử kịp thời, nghiêm minh các đối tượng vi phạm nghiêm trọng luật thuế, những người chống lại người thi hành công vụ về thuế; xử lý thật nghiêm những người lợi dụng chức quyền thông đồng với đối tượng nộp thuế làm sai các quy định về thuế hoặc sách nhiễu đối tượng nộp thuế.

Các phương tiện thông tin đại chúng thường xuyên tuyên truyền về nghĩa vụ của người dân trong việc nộp thuế cho Nhà nước, biểu dương người nộp thuế tốt, phổ biến kinh nghiệm của các cơ quan thuế, cơ quan chính quyền ở những nơi làm tốt, phê phán những nơi làm không tốt, đồng thời chỉ rõ những tổ chức và cán bộ thuế gây phiền hà, sách nhiễu người nộp thuế, làm mất lòng tin của dân.

4. Việc điều hành chi ngân sách nhà nước đảm bảo tập trung cho việc xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng kinh tế, xã

hội; ưu tiên chi phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực. Thực hiện giảm dần bao cấp của ngân sách nhà nước đối với các khoản chi xã hội thông qua việc hình thành và phát triển các quỹ bảo trợ xã hội nằm ngoài ngân sách nhà nước, như quỹ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội... Nghiên cứu phát triển nhiều hình thức quỹ bảo trợ tự nguyện khác.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả chỉ thị của Ban Bí thư và nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống buôn lậu. Tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp cần tổ chức đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ tại đơn vị mình trong thời gian vừa qua, làm rõ những việc đã làm được, chưa làm được, phân tích nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể đề ra kế hoạch, biện pháp thực hiện trong thời gian tới. Cần tổ chức cho từng đảng viên kiểm điểm trách nhiệm của mình trong việc thực hiện chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống buôn lậu, coi đây là một nội dung sinh hoạt đảng, đảm bảo quốc sách tiết kiệm được thực hiện nghiêm túc trong toàn Đảng, toàn dân.

Tăng cường các biện pháp quản lý chi tiêu ngân sách, cải tiến cơ chế quản lý cấp phát vốn ngân sách nhà nước, đảm bảo mọi khoản chi ngân sách được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ trước, trong và sau khi cấp phát. Chi đúng mục đích, đúng tối tượng, có hiệu quả và theo dự toán được duyệt. Có cơ chế ràng buộc trách nhiệm vật chất cá nhân đối với các quyết định chi sai chế độ, chính sách. Các cấp uỷ đảng tăng cường lãnh đạo, kiểm tra để thực hiện nghiêm túc các cơ chế này.

5. Để từng bước đưa công tác quản lý tài chính, ngân sách vào nề nếp, quản lý theo pháp luật, trong năm 1996, song song với việc tiếp tục thực hiện đề án cải cách chính sách thuế, đề án tăng cường quản lý ngân sách nhà nước, chế độ kế toán doanh nghiệp mới..., Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc khẩn trương hoàn thiện *Luật Ngân sách nhà nước,* chính sách tài chính quốc gia, xin ý kiến Bộ Chính trị và trình Quốc hội thông qua để làm tiền đề cho việc ổn định và phát triển tài chính trong những năm tới, nhằm đổi mới thật sự và lành mạnh hoá nền tài chính - tiền tệ, phục vụ tốt chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng, các ban cán sự đảng và đảng đoàn quán triệt chỉ thị và xây dựng chương trình hành động, đề ra các biện pháp để thực hiện nghiêm túc chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 134-TB/TW, ngày 30 tháng 12 năm 1995

Về vấn đề chống tham nhũng, thất thoát trong việc giải quyết nhà ở, đất ở

Ngày 25-12-1995, sau khi nghe Văn phòng Trung ương báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp về dự thảo Chỉ thị *Thực hiện công bằng, chống tham nhũng, thất thoát trong việc giải quyết nhà ở, đất ở* và phát biểu của đại diện Ban Cán sự Đảng Chính phủ và một số cơ quan liên quan, Ban Bí thư đã có ý kiến như sau:

1. Việc đặt vấn đề kê khai về nhà ở, đất ở là đúng và cần thiết vì đây là lĩnh vực có vi phạm nặng nề, mang tính phổ biến, gây bất bình lớn trong nhân dân, làm mất uy tín của Đảng và Nhà nước. Mục đích của việc này là nhằm ngăn chặn tình trạng tham nhũng, thất thoát, đặc quyền đặc lợi, góp phần lập lại trật tự kỷ cương trong quản lý nhà ở, đất ở.

Tuy nhiên đây là vấn đề phức tạp, đòi hỏi việc giải quyết, xử lý phải được nghiên cứu kỹ, kiên quyết nhưng thận trọng, có tính đến những điều kiện lịch sử cụ thể để vừa ngăn chặn được vi phạm, tiến tới lập lại được trật tự kỷ cương trong lĩnh

vực này; vừa không làm rối thêm tình hình và làm mất ổn định xã hội.

Theo hướng đó, trước mắt cần tập trung vào việc khảo sát, phân loại, làm rõ những dạng vi phạm chủ yếu và mang tính phổ biến; từ đó thực hiện chủ trương kê khai nhà ở, đất ở đối với những cán bộ, đảng viên có liên quan đến vấn đề này; xác định rõ các chính sách, biện pháp xử lý đối với từng dạng vi phạm cụ thể.

2. Cùng với việc tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách chung về nhà ở, đất ở do nhà nước mới ban hành, cần coi trọng và xúc tiến việc quy hoạch và xây dựng nhà ở trong các đô thị để đáp ứng nhu cầu đa dạng về nhà ở của các đối tượng dân cư khác nhau, không làm ảnh hưởng xấu đến cảnh quan và hướng quy hoạch, phát triển lâu dài của từng đô thị.

3. Căn cứ vào những ý kiến trên đây của Ban Bí thư, đề nghị nhóm nghiên cứu về những giải pháp chống tham nhũng do Bộ Chính trị phân công (đồng chí Võ Văn Kiệt chủ trì) nghiên cứu, tiếp thu và đưa vào nội dung đề án chung về các giải pháp chống tham nhũng để trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

MỤC LỤC

Trang

- *Lời giới thiệu tập 54* V
- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười khai mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, ngày 16 tháng 1 năm 1995 1
- Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, ngày 3 tháng 1 năm 1995, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 16
- Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, ngày 3 tháng 1 năm 1995, cải cách một bước nền hành chính nhà nước 79
- Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, ngày 3 tháng 1 năm 1995, một số định hướng lớn về công tác tư tưởng - lý luận trong tình hình hiện nay 119
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, số 08-NQ/TW, ngày 23 tháng 1 năm 1995, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính 161
- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười bế mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, ngày 23 tháng 1 năm 1995 187

- Thông báo Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII 191

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 47-CT/TW, ngày 10 tháng 1 năm 1995, về chỉ đạo một số việc trong dịp Tết Nguyên đán Ất Hợi 197

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 48-CT/TW, ngày 16 tháng 1 năm 1995, về lãnh đạo việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo Bộ luật Dân sự 200

- Thông báo số 100-TB/TW, ngày 25 tháng 1 năm 1995, ý kiến của Ban Bí thư về việc kiểm điểm sự lãnh đạo về nhân sự trong cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân vừa qua 203

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 49-CT/TW, ngày 4 tháng 2 năm 1995, về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII 206

- Quy định của Ban Bí thư, số 94-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 1995, chức năng, nhiệm vụ của Đảng uỷ công an tỉnh, thành phố 209

- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 09-NQ/TW, ngày 18 tháng 2 năm 1995, về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay 216

- Thông báo của Ban Bí thư, số 101-TB/TW, ngày 20 tháng 2 năm 1995, về việc tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 1995 235

- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười khai mạc Hội nghị bất thường Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, ngày 2 tháng 3 năm 1995 241

- Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương khoá VII, ngày 3 tháng 3 năm 1995, về kế hoạch chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII 248

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 50-CT/TW, ngày 6 tháng 3 năm 1995, về việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình 254

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 51-CT/TW, ngày 9 tháng 3 năm 1995, về đại hội đảng bộ các cấp 258

- Thông báo số 102-TB/TW, ngày 9 tháng 3 năm 1995, kết luận của Bộ Chính trị về một số dự án luật và pháp lệnh 265

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 52-CT/TW, ngày 11 tháng 3 năm 1995, về lãnh đạo công tác phòng chống AIDS 268

- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 10-NQ/TW, ngày 17 tháng 3 năm 1995, về tiếp tục đổi mới để phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước 272

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 53-CT/TW, ngày 21 tháng 3 năm 1995, về đào tạo và bồi dưỡng cán bộ ở ngoài nước trong tình hình mới 286

- Thông báo của Ban Bí thư, số 103-TB/TW, ngày 21 tháng 3 năm 1995, về tổ chức các ngày lễ lớn năm 1995 290

- Thông báo số 104-TB/TW, ngày 23 tháng 3 năm 1995, ý kiến của Bộ Chính trị về việc chuẩn bị kỳ họp thứ 7 Quốc hội khoá IX 295

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 55-CT/TW, ngày 23 tháng 3 năm 1995, triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về chính sách và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài 298

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 54-CT/TW, ngày 26 tháng 3 năm 1995, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm trong các cơ quan đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang, đoàn thể và doanh nghiệp nhà nước 303

- Thông báo số 109-TB/TW, ngày 1 tháng 4 năm 1995, quyết định của Bộ Chính trị về việc chuyển Bộ đội Biên phòng từ Bộ Nội vụ sang Bộ Quốc phòng 311

- Thông báo số 108-TB/TW, ngày 6 tháng 4 năm 1995, kết luận của Ban Bí thư về kết quả kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị 15 của Bộ Chính trị trong ngành kiểm sát 313
- Thông tri của Ban Bí thư, số 08-TT/TW, ngày 8 tháng 4 năm 1995, về việc tổng kết thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và dân 317
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 110-TB/TW, ngày 8 tháng 4 năm 1995, về dự án Luật Doanh nghiệp nhà nước 321
- Thông báo ý kiến kết luận của Bộ Chính trị, số 112-TB/TW, ngày 12 tháng 4 năm 1995, về chiến lược phát triển sản xuất thép tới năm 2010 324
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 114-TB/TW, ngày 8 tháng 5 năm 1995, về địa điểm tổ chức tang lễ cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước, đoàn thể khi từ trần 328
- Quyết định của Ban Bí thư, số 100-QĐ/TW, ngày 3 tháng 6 năm 1995, về việc tổ chức trung tâm bồi dưỡng chính trị ở cấp huyện 330
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 116-TB/TW, ngày 7 tháng 6 năm 1995, về tổ chức, vận động giới công thương gia trong giai đoạn mới 333
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 117-TB/TW, ngày 7 tháng 6 năm 1995, về thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ODA cho các công trình giao thông đường bộ 335
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 121-TB/TW, ngày 14 tháng 7 năm 1995, về việc thi hành pháp luật đất đai trong nông nghiệp 338
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 122-TB/TW, ngày 25 tháng 7 năm 1995, về một số vấn đề của Điều lệ Đảng trình Đại hội VIII 342

- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 11-NQ/TW, ngày 8 tháng 8 năm 1995, về xây dựng Bộ đội Biên phòng trong tình hình mới 348

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 57-CT/TW, ngày 8 tháng 8 năm 1995, về hợp tác với nước ngoài về pháp luật, cải cách hành chính 358

- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 125-TB/TW, ngày 24 tháng 8 năm 1995, về tổ chức các hội ngành nghề và hiệp hội công thương 361

- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 124-TB/TW, ngày 25 tháng 8 năm 1995, về dự án Pháp lệnh công chức 363

- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 126-TB/TW, ngày 4 tháng 9 năm 1995, về việc khen thưởng các ngành, cơ quan Trung ương nhân dịp kỷ niệm 50 năm Quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 365

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 58-CT/TW, ngày 8 tháng 9 năm 1995, về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về xây dựng Bộ đội Biên phòng trong tình hình mới 368

- Thông tri của Ban Bí thư, số 09-TT/TW, ngày 12 tháng 9 năm 1995, về việc thảo luận các báo cáo và thời gian tiến hành đại hội đảng bộ các cấp 371

- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 127-TB/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1995, về dự án Bộ luật Dân sự 374

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 59-CT/TW, ngày 27 tháng 9 năm 1995, về chăm sóc người cao tuổi 378

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 60-CT/TW, ngày 5 tháng 10 năm 1995, về quản lý người Việt Nam làm việc cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân nước ngoài tại Việt Nam 381

- Thông tri của Ban Bí thư, số 10-TT/TW, ngày 5 tháng 10 năm 1995, về việc tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống và đón nhận huân chương của các ngành, địa phương và cơ sở 384

- Quyết định của Ban Bí thư, số 101-QĐ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 1995, thành lập Hội đồng xuất bản Toàn tập Văn kiện Đảng 387

- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười khai mạc Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, ngày 6 tháng 11 năm 1995 389

- Báo cáo của Bộ Chính trị về một số vấn đề trong Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII trình Đại hội lần thứ VIII của Đảng (do đồng chí Đào Dung Tùng, Uỷ viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng trình bày tại Hội nghị Trung ương 9, ngày 6 tháng 11 năm 1995) 407

- Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, ngày 1 tháng 11 năm 1995, về phương hướng nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996-2000 470

- Báo cáo của Bộ Chính trị về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng (do đồng chí Lê Phước Thọ, Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng trình bày tại Hội nghị Trung ương 9, ngày 6 tháng 11 năm 1995) 548

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, số 09-NQ/HNTW, ngày 14 tháng 11 năm 1995 589

- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười bế mạc Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, ngày 14 tháng 11 năm 1995 591

- Thông báo Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII 596

- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 130-TB/TW, ngày 6 tháng 11 năm 1995, về kinh tế tư nhân trong giai đoạn hiện nay ở nước ta 602
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 131-TB/TW, ngày 7 tháng 11 năm 1995, về địa điểm tổ chức lễ tang cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước, đoàn thể khi từ trần ở Hà Nội 605
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 62-CT/TW, ngày 8 tháng 11 năm 1995, về tăng cường công tác người Hoa trong tình hình mới 606
- Thông tri của Ban Bí thư, số 11-TT/TW, ngày 19 tháng 12 năm 1995, hướng dẫn bổ sung việc tổ chức đại hội Đảng bộ cơ sở và góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội VIII của Đảng 615
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 64-CT/TW, ngày 25 tháng 12 năm 1995, về việc tăng cường lãnh đạo, quản lý, lập lại trật tự kỷ cương trong các hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hoá, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng 623
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 63-CT/TW, ngày 27 tháng 12 năm 1995, về việc phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng 626
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 65-CT/TW, ngày 27 tháng 12 năm 1995, về tăng cường quản lý thu, chi ngân sách nhà nước 629
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 134-TB/TW, ngày 30 tháng 12 năm 1995, về vấn đề chống tham nhũng, thất thoát trong việc giải quyết nhà ở, đất ở 635

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung
TS. LÊ VĂN YÊN

Biên tập nội dung: TS. LƯU TRẦN LUÂN
LÊ MINH HOÀI
NGUYỄN THỊ HƯƠNG
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG
Sửa bản in, đọc sách mẫu: HOÀI - HƯƠNG

Mã số: _____
CTQG - 2007

In 3.000 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại Công ty in Tiến bộ.
Giấy phép xuất bản số: ...../CXB-QLXB, cấp ngày .....
In xong và nộp lưu chiểu tháng .....năm 2007.